"...đột phá, đầy đam mê, với cái nhìn sâu sắc hiếm có."
- S. Krippner

NEW YORK TIMES BESTSELLER

TÌNH DỤC THUỞ HỒNG HOANG

SEX AT DAWN

CHRISTOPHER RYAN & CACILDA JETHÁ

Lê Khánh Toàn *dịch*

alphabooks®
NHÀ XUẤT BẢN THẾ GIỚI

CHRISTOPHER RYAN & CACILDA JETHÁ

TÌNH DỤC THUỞ HỒNG HOANG

Lê Khánh Toàn *dịch*

Nguyễn Thủy Chung *hiệu đính*

NHÀ XUẤT BẢN THẾ GIỚI

ebook©vctvegroup
11-12-2018

LỜI GIỚI THIỆU

Tình dục thuở hồng hoang có thể dễ dàng gây tò mò cho nhiều người ngay từ nhan đề. Kể cả trong thời đại cởi mở với số đầu sách về chủ đề này đang tràn lan trên thị trường, thì không phải tác giả nào cũng chọn một cái tên trực tiếp như thế. Tuy nhiên, *Tình dục thuở hồng hoang* không thực sự nhằm kể lại việc ông bà tổ tiên của con người đã làm "chuyện đó" như thế nào dù sách có đề cập đến hành vi làm tình của các loài linh trưởng được xem là thủy tổ của con người như: tinh tinh, tinh tinh lùn và người cổ đại. Câu chuyện mà Ryan và Jethá muốn nói đến thực ra lại là câu chuyện rộng hơn bàn luận về những suy nghĩ, quan niệm và khuôn mẫu về tình dục, hôn nhân, sự chung thủy, xem chúng đã được hình thành như thế nào và được củng cố ra sao. Dùng câu chuyện của "thuở hồng hoang", các tác giả thực ra lại muốn nói đến hiện tại và nhấn mạnh việc những định kiến về tình dục và các vấn đề liên quan đối với phụ nữ, nam giới, người đồng tính, người dị tính ảnh hưởng tới cách nhà nước, xã hội và cá nhân ứng xử trong các mối quan hệ hiện đại ngày nay như thế nào.

Dù độc giả có thể bị huyễn hoặc bởi nhan đề của sách, nhưng *Tình dục thuở hồng hoang* không phải là một tài liệu "dễ nhằn" và sẽ khá nguy nan cho các độc giả yếu bóng vía. Từ đầu đến cuối, ở

mỗi trang sách, Ryan và Jethá đều không ngừng thách thức các niềm tin và quan điểm giá trị của độc giả, đưa ra các câu hỏi lật lại những vấn đề tưởng chừng là nguyên lý, là "tự nhiên" và thường mặc nhiên được chấp nhận. Chẳng hạn ngay từ đầu sách, niềm tin của độc giả về sự cao quý và ưu việt của con người đã bị thách thức bởi tuyên bố của tác giả: "Một trong những sai lầm thường mắc phải của những người theo chủ nghĩa Darwin mới là cho rằng tiến hóa là một quá trình trong đó con người hoặc xã hội loài người trở nên tốt đẹp hơn. Không hề... Chỉ đơn giản là những kẻ sống sót tốt nhất." Những nhận định mà hai tác giả đưa ra về tình dục, hôn nhân, sự thủy chung là các cách nhìn mà ở Việt Nam hay ở nhiều xã hội khác đều có thể dễ dàng bị đánh giá là suy nghĩ của người có vấn đề về thần kinh hay đạo đức. Ví dụ: động cơ tình dục của những phụ nữ chỉn chu chung thủy với chồng cũng không khác gì những người bán dâm; mô hình hôn nhân một vợ một chồng mô hình đang được coi là duy nhất hợp pháp ở đa số các nước trên thế giới thực ra không phải là mô hình kết đôi tự nhiên, đồng thời tiềm ẩn nhiều nguy cơ như bạo lực, ngoại tình; cưỡng hiếp - một hành vi phạm tội, có thể lại là một hành vi tình dục chuẩn nhằm đảm bảo tốt nhất khả năng duy trì nòi giống của nam giới... Các câu hỏi đặt ra rất hóc búa và bằng việc đối chiếu các bằng chứng khác nhau, hai tác giả đã không ngần ngại công kích các nhà khoa học và các lý thuyết kinh điển về tiến hóa, tâm lý và văn hóa, bao gồm cả lý thuyết của Darwin.

Bạn đọc chắc chắn sẽ cảm thấy nhiều niềm tin cố hữu, sâu thẳm bị lung lay. Bạn đọc thậm chí có thể cảm thấy bị xúc phạm, giận dữ, sốc, và không đọc tiếp nữa. Điều này cũng dễ hiểu vì tình dục và các vấn đề liên quan mà *Tình dục thuở hồng hoang* bàn luận vốn

dĩ là những điều cấm kỵ trong xã hội Việt Nam. Tuy nhiên, nếu có thể vượt qua sự bối rối và các cảm xúc này, suy nghĩ kỹ những phân tích của tác giả, bạn đọc sẽ nhận được nhiều bài học hữu ích về cách nhìn mở hơn đối với cuộc sống, cách xử lý các vấn đề và các mối quan hệ, chấp nhận sự đa dạng, mà không nhất thiết phải thừa nhận các quan điểm cụ thể của tác giả. Những điểm cố hữu mà chúng ta thường nghĩ về tình dục như nam giới luôn có ham muốn tình dục nhiều hơn nữ, chỉ có một loại kết đôi duy nhất là phù hợp và những đứa con sinh ra trong mô hình kết đôi này sẽ được chăm sóc tốt nhất, đều là những điểm bị đặt nghi vấn. Hai tác giả, với các ví dụ thực tế về sự đa dạng trong quan niệm, hành vi tình dục và kết đôi ở các vùng miền, khu vực văn hóa khác nhau, đã cho thấy dường như không hẳn thế.

Trong khi không hoàn toàn đồng ý với tất cả các lập luận của hai tác giả, tôi đặc biệt thích cách đặt vấn đề và tranh biện theo kiểu "lật ngược vấn đề" của họ. Tôi nghĩ cách này đặc biệt hữu ích trong xã hội Việt Nam, một xã hội bị ảnh hưởng rất nhiều bởi các khuôn mẫu, đặc biệt là khuôn mẫu giới và tình dục, lối nhận định theo số đông và trách nhiệm cá nhân ít được đề cao. Các vấn đề mà cuốn sách bàn luận như: bạo lực, lạm dụng tình dục, ngoại tình, quyền lực giới,... đều là những vấn đề chưa bao giờ hết "nóng" ở Việt Nam, thậm chí có vẻ mỗi ngày một "nóng" hơn.

Một số điểm mà hai tác giả đưa ra trong cuốn sách, tôi cho rằng cực kỳ có ích. Trong khi không coi nhẹ các ảnh hưởng về sinh học và nhấn mạnh thực tế "đôi khi dương vật chỉ là dương vật" hay "đôi khi tình dục chỉ là tình dục", hai tác giả cũng chỉ rõ vai trò của xã hội trong việc tạo nên các định kiến về tình dục và do vậy gây nhiều tiêu cực không chỉ ảnh hưởng tới tình dục mà cả các mối

quan hệ liên quan. Cuốn sách, do vậy, kêu gọi "Giảm nhẹ các chuẩn mực đạo đức xã hội một cách hợp lý giúp cho việc thỏa mãn tình dục đạt được dễ dàng hơn, cũng là cách giúp nó đỡ tiêu cực hơn."

Dù những niềm tin, định kiến và khuôn mẫu nhận thức của mình bị tấn công liên tục, đến cuối cuốn sách, độc giả có thể sẽ thấy yên lòng hơn khi hai tác giả cũng chỉ ra khuynh hướng phát triển của xã hội mà các cuộc tranh biện, đôi khi là cả bạo lực, sẽ đóng góp vào việc hình thành một xã hội tốt đẹp hơn, nhân văn hơn. "Lịch sử của 200 năm qua có thể xem như những làn sóng khoan dung làm vỡ các cấu trúc xã hội cứng nhắc, như những mũi đất đầy đá. Dù phải mất gần như toàn bộ thời gian, cuối cùng thì những làn sóng này vẫn luôn chiến thắng. Thế kỷ XX chứng kiến những hòn đá tảng bắt đầu vỡ vụn ra dưới sự trào dâng của các phong trào phản đối nô lệ, nữ quyền, bình đẳng chủng tộc, và gần đây hơn, sự chấp nhận ngày càng tăng cao đối với quyền của người đồng tính, chuyển giới và lưỡng giới."

Ngoài việc tấn công liên tục niềm tin của người đọc, cuốn sách phân tích các vấn đề tình dục chủ yếu dựa vào các lý thuyết từ phương Tây có thể là một thách thức với độc giả Việt Nam. Trong quá trình biên tập, nhóm biên tập đã đưa vào một số chú dẫn để giúp độc giả dễ tiếp cận hơn, tuy nhiên, đây vẫn là thách thức. Dù còn những hạn chế mà các cuốn sách dịch thường khó tránh khỏi, tôi tin rằng bản dịch tiếng Việt *Tình dục thuở hồng hoang* này vẫn là một cuốn sách giá trị và sẽ mang lại nhiều điều hữu ích với bạn đọc.

BÁC SĨ, THẠC SĨ HOÀNG TÚ ANH

Giám đốc Trung tâm Sáng kiến Sức khỏe và Dân số Hà Nội, Việt Nam

Viện nghiên cứu xã hội Amsterdam, Trường Đại học Tổng hợp Amsterdam, Hà Lan

LỜI NÓI ĐẦU

KHI CHÀNG LINH TRƯỞNG GẶP NỬA KIA

(GHI CHÉP CỦA MỘT TRONG HAI TÁC GIẢ)

Tự nhiên, ông Allnut, là thứ mà chúng ta phải vượt lên khi sinh ra trong thế giới này.

• **KATHERINE HEPBURN,** ***vai cô Rose Sayer, trong phim Nữ hoàng châu Phi***

Vào một buổi chiều oi bức năm 1988, vài người đàn ông địa phương đang bán lạc trên lối vào vườn thực vật ở Penang, Malaysia. Khi đó tôi đang cùng bạn gái là Anna đi dạo một vòng ở đây sau bữa trưa thịnh soạn. Nhận thấy vẻ bối rối của chúng tôi, họ giải thích rằng lạc không phải cho chúng tôi, mà là cho mấy chú khỉ con đáng yêu quá đỗi đang lăn lộn trên bãi cỏ gần đó, chúng tôi đã không để ý. Chúng tôi mua vài túi.

Chúng tôi nhanh chóng đến chỗ một con khỉ bé xíu đang dùng đuôi treo mình trên một cành cây vắt qua lối mòn. Đôi mắt giống-hệt-mắt-người của nó chăm chăm nhìn túi lạc trên tay Anna với vẻ khẩn khoản. Chúng tôi đang thủ thỉ như những cô gái tuổi teen

trong cửa hàng bán mèo con thì bất ngờ từ trong bụi cây một bóng khỉ lao ra. Một con khỉ trưởng thành chạy vụt qua tôi, nhảy qua Anna và biến mất cùng túi lạc. Tay Anna bị con khỉ cào chảy máu. Chúng tôi sững sờ, run rẩy, im re. Chẳng có thời gian mà la hét nữa.

Mấy phút sau, khi *adrenaline** bắt đầu hạ, nỗi sợ đông lại thành cảm giác kinh tởm. Chưa bao giờ tôi cảm thấy bị phản bội như thế. Cùng với túi lạc, những giả định về sự thuần khiết của thiên nhiên và về cái xấu như là tai họa chỉ có ở con người, cũng biến mất theo. Ranh giới đã bị xâm phạm. Trong tôi không chỉ là phẫn nộ; tôi bị xúc phạm một cách thản nhiên.

Tôi cảm thấy điều gì đó đang thay đổi trong tôi. Ngực tôi như căng lên, vai tôi rộng ra. Cánh tay như khỏe hơn; mắt nhìn rõ hơn. Tôi thấy mình giống như Popeye* sau khi ăn một hộp rau chân vịt. Tôi trừng mắt nhìn vào bụi cây như một đô vật hạng nặng mà lúc này tôi thấy mình đúng như thế. Tôi sẽ không để cho bọn linh trưởng hạng nhẹ này dám sỉ nhục mình nữa.

Đúng vậy, lẽ ra tôi phải biết rõ hơn. Tôi du ngoạn ở châu Á đủ lâu để hiểu rằng bọn khỉ ở đó chẳng có gì giống với đám bà con thổi kèn trombone, chơi trống lục lạc của chúng mà tôi xem trên ti vi hồi nhỏ. Lũ linh trưởng hoang dã ở châu Á mang một đặc tính khiến tôi choáng váng và khó hiểu ngay từ lần đầu thấy chúng: tự trọng. Nếu bạn phạm phải sai lầm là cứ nhìn chằm chằm vào một con khỉ trên đường phố ở Ấn Độ, Nepal hay Malaysia, bạn sẽ thấy mình phải đối mặt với một sinh vật thông minh và hiếu chiến với vẻ bề ngoài như muốn nói, cùng vẻ cau có kiểu Robert De Niro*: "*Mày* nhìn cái quái gì thế? Muốn xẻo tao một miếng à?" Hãy quên cái ý nghĩ đặt một gã như thế vào bộ com lê đỏ bé xíu đi.

Không lâu sau đó chúng tôi bắt gặp một gương mặt van vỉ, lông lá, đang treo ngược trên cây ở giữa một bãi đất trống. Đến lúc này, Anna đã sẵn sàng tha thứ và quên. Dù đã cố gắng trở nên dửng dưng trước bất cứ vẻ đáng yêu nào, tôi vẫn đồng ý đưa nàng túi lạc còn lại. Chúng tôi đang ở xa bụi cây thấp, có vẻ đủ an toàn để không bị rơi vào một cuộc phục kích khác. Nhưng khi tôi lôi túi lạc ra khỏi túi áo ướt đẫm mồ hôi, lớp giấy bóng kính kêu sột soạt xuyên qua bụi rậm như tiếng chuông lanh lảnh báo bữa tối.

Chỉ trong tích tắc, một con vật to lớn ngạo mạn xuất hiện bên rìa bãi đất trống, cách khoảng 20m. Nó nhìn chúng tôi chằm chằm, cân nhắc tình huống, đánh giá tôi. Cú ngáp ngoại cỡ dường như được tính toán để vừa xua đuổi vừa đe dọa tôi: một cuộc trình diễn răng nanh dài và chậm. Quyết tâm lập tức lấp đầy bất cứ khoảng trống quyền lực nào, tôi nhặt một cành cây nhỏ và ném bừa về phía nó, khẳng định chỗ lạc này chắc chắn không dành cho nó và đừng có đùa với tôi. Nó quan sát cành cây rơi trước mặt mấy bước chân, không hề nhúc nhích. Trán nó thoáng nhăn lại trong một cảm xúc kỳ quái, cứ như tôi vừa khiến nó tổn thương. Rồi nó ngước lên nhìn thẳng vào mắt tôi. Tôi nhận thấy rằng cái nhìn đó không có chút dấu hiệu nào của sự sợ hãi, tôn trọng hay hài hước.

Như bắn ra từ đại bác, nó nhảy qua cành cây trước mặt, những chiếc răng nanh màu vàng dài như dao găm nhe ra, phát ra thanh âm gì đó giữa tiếng gầm gừ trầm thấp và tiếng gào cao vút.

Trong tôi có điều gì đó đột ngột thức tỉnh. Trước con thú chuẩn bị tấn công và cô bạn gái đang sợ chết khiếp, lần đầu tiên trong đời tôi hiểu nghĩa đen của việc bị "khỉ bám sau lưng"*. Bằng chuyển động nhanh hơn cả ý nghĩ, hai cánh tay tôi dang rộng, chân tôi chùng xuống như đô vật lấy đà, còn hàm răng ám màu cà phê, đã

được nha khoa chỉnh hình, nhe ra cùng tiếng thét hoang dại. Tôi bị ném vào tình thế thể hiện ưu thế của bản thân theo kiểu nhảy chồm chồm như điên, nước dãi phun tung tóe.

Tôi kinh ngạc chẳng kém gì nó. Nó dừng lại và nhìn chằm chằm một vài giây rồi lùi lại. Mặc dù vậy, lần này tôi khá chắc là đã nhìn thấy vẻ cười nhạo trong mắt nó.

Vượt lên tự nhiên ư? Đừng hòng. Xem gương ông Allnut thì rõ.

LỜI GIỚI THIỆU

MỘT CUỘC ĐIỀU TRA THIỆN CHÍ KHÁC

Hãy quên những gì bạn được nghe về chuyện loài người có nguồn gốc từ vượn đi. Chúng ta đâu có bắt nguồn từ vượn. Chúng ta là vượn. Vừa ẩn dụ vừa thực tế, *Homo sapiens* là một trong năm loài vượn lớn còn sống sót, bên cạnh tinh tinh, tinh tinh lùn, khỉ gôrila và đười ươi (vượn tay dài được xem là loài nhỏ hơn). Chúng ta có chung tổ tiên với hai trong số những loài vượn này - tinh tinh lùn và tinh tinh - chỉ cách đây năm triệu năm mà thôi. Đấy là "ngày hôm qua" theo thuật ngữ tiến hóa. Những điểm nhỏ phân biệt loài người với các loài vượn lớn khác được giới nghiên cứu cho là "hoàn toàn nhân tạo".

Nếu chúng ta "vượt lên" tự nhiên, cũng chỉ như một tay lướt sóng run rẩy "vượt lên" mặt đại dương. Dù cho chúng ta chẳng bao giờ trượt chân đi chăng nữa (nhưng toàn trượt chân thôi), bản chất nội tại của chúng ta vẫn có thể lôi chúng ta xuống bất kỳ lúc nào. Những ai lớn lên ở phương Tây đều khẳng định rằng loài người chúng ta là những sinh vật đặc biệt, độc đáo, cao cấp và vượt lên thế giới quanh mình, không mang cái vẻ thấp kém, nhục nhã phổ biến và là đặc trưng của động vật. Thế giới tự nhiên thấp và thấp kém so với chúng ta, một căn nguyên để hổ thẹn, kinh tởm, hoặc dè

chừng; đó là thứ vừa hôi hám vừa bẩn thỉu cần phải được giấu sau những cánh cửa đóng kín, những bức mành khép lại, hay sau vẻ tươi mát có mùi bạc hà. Hoặc chúng ta lại nâng quá lên và hình dung tự nhiên đang trôi nổi đẹp đẽ, mờ ảo trên đầu, ngây thơ, quý phái và thông thái.

Cũng như tinh tinh lùn và tinh tinh, chúng ta là lũ hậu duệ dâm đãng của đám tổ tiên dâm dục. Mới nghe thì có vẻ hơi quá lời, nhưng mọi người lẽ ra phải biết điều này từ lâu rồi mới phải. Những khái niệm thông thường về hôn nhân một vợ một chồng, đến-khi-nhắm-mắt-xuôi-tay căng ra dưới sức nặng của một câu chuyện bịa đặt. Bản chất hoạt động tính dục của loài người là gì và làm sao nó lại trở nên như thế? Trong các trang sau, chúng tôi sẽ lý giải về những cuộc chuyển đổi văn hóa mang tính địa chấn bắt nguồn cách đây khoảng 10.000 năm, và từ đó sẽ kể chuyện thật về tính dục loài người vốn mang tính lật đổ và đe dọa đến nỗi suốt nhiều thế kỷ đã bị giới chức tôn giáo bắt phải câm nín, các bác sĩ xem là bệnh tật, giới khoa học lờ đi và các nhà trị liệu lên giọng đạo đức lấp liếm như thế nào.

Những xung đột sâu sắc dấy lên từ cốt lõi của tình dục hiện đại. Thiếu hiểu biết về bản chất của hoạt động tính dục giống loài đã đẩy một nửa số cuộc hôn nhân của chúng ta vào dòng xoáy thất vọng về tình dục, sự nhàm chán giết chết ham muốn, hấp tấp phản bội, bất lực, ngượng ngập và tủi hổ. Hàng loạt cuộc hôn nhân một vợ một chồng sớm muộn đối với nhiều người chúng ta giống như những hòn đảo cô độc chứa đựng niềm hạnh phúc ngắn ngủi trong một vùng biển thất vọng, lạnh lẽo, tăm tối. Có bao nhiêu cặp đôi có thể ở với nhau lâu đã đơn giản là phải chấp nhận hy sinh ham muốn của bản thân để đổi lấy ba niềm vui không thể thay thế của

cuộc đời: sự ổn định gia đình, sự đồng hành và sự thân mật về cảm xúc, thay vì hòa hợp về tình dục?

Trong tiếng Tây Ban Nha, từ *esposas* vừa có nghĩa là "vợ" vừa có nghĩa là "cái còng". Trong tiếng Anh, chúng ta nói đùa vợ là *xiềng chân*. Rất có lý khi hôn nhân thường được miêu tả và khóc than như là khởi đầu cho sự kết thúc đời sống tình dục của đàn ông. Còn với phụ nữ cũng chẳng hơn gì. Ai lại muốn sống chung cả đời với một anh chàng cảm thấy bị tình yêu giăng bẫy, trong khi danh dự đánh dấu giới hạn tự do của anh ta? Ai lại muốn cả đời phải xin lỗi vì cô ấy chỉ có thể là một người?

Hãy cùng tìm hiểu vấn đề này. *Hiệp hội Y khoa Mỹ* báo cáo rằng khoảng 42% phụ nữ Mỹ phải chịu đựng rối loạn tình dục, trong khi Viagra phá vỡ kỷ lục bán hàng hết năm này qua năm khác. Trên thế giới, khiêu dâm là ngành công nghiệp trị giá 100 tỉ đô-la, trong khi ở Mỹ, phim khiêu dâm có doanh thu cao hơn CBS, NBC và ABC* cộng lại. Nó có doanh thu lớn hơn tổng doanh thu của tất cả việc bán hàng hóa của ngành bóng bầu dục Mỹ, bóng chày, bóng rổ chuyên nghiệp, và "người Mỹ chi tiền cho các câu lạc bộ thoát y nhiều hơn cho các nhà hát ở Broadway*, lẫn ở ngoài Broadway, các nhà hát phi lợi nhuận và địa phương, các buổi biểu diễn nhạc kịch, ba lê, nhạc jazz và nhạc cổ điển cộng lại". Như vậy, chẳng mấy ai nghi ngờ về việc chúng ta là loài khát tình.

Trong khi đó, cái gọi là "hôn nhân truyền thống" đang bị tấn công từ mọi phía - đồng thời sụp đổ từ bên trong. Ngay cả những kẻ bảo vệ tính dục "bình thường" mạnh mẽ nhất cũng phải oằn mình trước sức nặng của nó, như chính các chính trị gia thuộc cả hai đảng (Clinton, Vitter, Gringrich, Craig, Foley, Spitzer, Sanford) hay các nhân vật tôn giáo (Haggard, Swaggert, Bakker) liên tiếp

dày mặt rêu rao việc họ ủng hộ "các giá trị gia đình" trước khi lén lút hẹn hò với tình nhân, gái điếm và thực tập sinh. Đàn bà cũng chẳng hơn gì, nhiều người (nếu không phải là đại đa số) bị trói buộc vào những cuộc hôn nhân thiếu vắng sự gần gũi, về tình dục hoặc không, một khi sự háo hức qua đi và trẻ con xuất hiện. Với nhiều phụ nữ, cơ hội được làm việc bên ngoài chỉ gia tăng gánh nặng công việc mà họ vẫn bị cho là phải hoàn thành ở nhà. Có lẽ chính vì thế, bất chấp những chấn thương tâm lý và vấn đề tài chính rõ ràng mà họ phải đối mặt, ngày càng có nhiều phụ nữ nộp đơn ly dị hơn nam giới.

Nỗi sợ bị trời phạt chẳng có công dụng gì. Chỉ riêng trong vài thập kỷ vừa qua, hàng trăm giáo sĩ Thiên Chúa thú nhận đã thực hiện hàng nghìn tội xâm phạm tình dục với trẻ em. Năm 2008, nhà thờ Thiên Chúa đã phải trả 436 triệu đô-la bồi thường cho các vụ lạm dụng tình dục. Hơn 1/5 số nạn nhân trong đó chưa đầy mười tuổi. Chúng ta biết điều đó. Liệu chúng ta có dám hình dung tới những khổ đau mà các tội ác trên gây ra trong thế kỷ XVII khi đời sống tình dục của giáo sĩ bị cấm đoán một cách phi lý trong sắc lệnh sớm nhất từng biết của Giáo hoàng: sắc lệnh *"Decreta"* và *"Cum in unum"* của Giáo hoàng Siricius (năm 383 sau Công nguyên)? Đâu là món nợ đạo đức đối với những nạn nhân bị quên lãng của việc chối bỏ đầy sai lệch tính dục cơ bản của con người?

Bằng cách đe dọa tra tấn, năm 1633, Tòa án dị giáo của Giáo hội Công giáo La Mã đã buộc Galileo phải công khai tuyên bố điều mà ông biết là không đúng: Trái đất bất động giữa tâm vũ trụ. Ba thế kỷ rưỡi sau, năm 1992, Giáo hoàng John Paul II phải thừa nhận rằng nhà khoa học này đã hoàn toàn đúng, nhưng Tòa án dị giáo đó "có thiện chí".

Vâng, nhưng chẳng có cái Tòa án dị giáo nào là một tòa án dị giáo *thiện chí* cả.

Giống như những hình ảnh không khoan nhượng rất trẻ con về một vũ trụ xoay quanh một Trái đất cực-kỳ-quan-trọng, câu chuyện chuẩn mực về thời tiền sử cũng mang lại cảm giác thoải mái tức thời, hoang sơ. Cũng như hết Giáo hoàng này đến Giáo hoàng khác bác bỏ bất cứ môn vũ trụ học nào đưa con người ra khỏi cái tâm cao quý của dải không gian vô tận, cũng như Darwin đã (và vẫn đang) bị giễu cợt vì đã chỉ ra rằng loài người là tác phẩm của quy luật chọn lọc và thích nghi tự nhiên, nhiều nhà khoa học có vẻ bị cảm xúc làm mờ mắt để chống lại bất cứ trường hợp tiến hóa tính dục nào của con người không xem đơn vị gia đình hạt nhân một vợ một chồng là trung tâm.

Mặc dù chúng ta được dạy để tin rằng chúng ta sống trong thời đại giải phóng tình dục, tính dục của loài người đương đại vẫn rộn lên với những sự thật không được phép thoải mái nói ra. Mâu thuẫn giữa cảm giác mà *người khác bảo với chúng ta và cảm giác thực sự của chúng ta* có lẽ là nguồn cơn dồi dào nhất của những bối rối, bất mãn và đau khổ không cần thiết. Những câu trả lời thường được đưa ra lại không giải đáp được câu hỏi nằm ở tâm điểm đời sống tình dục của chúng ta: tại sao đàn ông và phụ nữ lại khác nhau đến vậy trong những ham muốn, tưởng tượng, phản ứng và hành vi tình dục? Tại sao tỉ lệ phản bội và ly hôn lại tăng cao chưa từng có trong khi chúng ta không lựa chọn đứng hẳn bên ngoài hôn nhân? Tại sao hiện tượng gia đình đơn thân lại lan rộng như dịch bệnh vậy? Tại sao đam mê lại bốc hơi khỏi vô số cuộc hôn nhân nhanh chóng đến thế? Đâu là nguyên nhân cho việc giết chết ham muốn? Đã cùng nhau tiến hóa trên Trái đất đến mức này, tại sao

lại có nhiều đàn ông và phụ nữ đồng tình với ý nghĩ cho rằng có thể chúng ta đến từ nhiều hành tinh khác nhau?

Được định hướng bằng y học và kinh doanh, xã hội Mỹ đáp lại cuộc khủng hoảng đang xảy ra này bằng cách phát triển một tổ hợp hôn nhân-công nghiệp bao gồm phương pháp trị liệu tâm lý cho các cặp đôi, thuốc hỗ trợ rối loạn cương dương, các nhà báo phụ trách chuyên mục tư vấn tình dục, tục sùng bái sự thanh khiết giữa cha-con gái đến sởn gai ốc và dòng bất tận những tin nhắn thôi thúc ("Thả con quái vật tình yêu ra đi! Cô ấy sẽ cảm ơn bạn!"). Hàng đống tạp chí siêu thị hứa hẹn về những chiêu trò chắc chắn thành công nhằm đưa sự đam mê trở lại với đời sống tình dục đang hấp hối của chúng ta.

Vâng, chỗ này vài cây nến, chỗ kia mấy cái quần lọt khe, rắc một nắm cánh hoa hồng lên giường và chuyện sẽ hệt như lần đầu tiên! Bạn nói gì cơ? Anh ấy vẫn qua lại với những người phụ nữ khác? Cô ấy vẫn tỏ vẻ thất vọng bàng quan? Anh ấy xong việc trước cả khi bạn vừa bắt đầu?

Vậy thì hãy để chuyên gia tìm ra điều gì gây phiền phức cho bạn, đối tác của bạn và mối quan hệ của bạn. Có lẽ cậu bé của anh ấy cần được tăng kích cỡ hoặc cô bé của cô ấy cần được tân trang. Có thể anh ấy gặp "các vấn đề cam kết", có một "siêu ngã chắp vá", hoặc "phức cảm Peter Pan*" kinh khủng. Bạn trầm cảm ư? Bạn nói bạn yêu nửa kia của mình cả chục năm nhưng lại không thấy ham muốn tình dục như trước nữa? Một, hoặc cả hai người thấy thích người khác? Có lẽ hai bạn nên thử làm chuyện đó trên sàn bếp xem sao. Hoặc buộc bản thân đêm nào cũng phải làm chuyện đó suốt cả năm trời. Có thể anh ấy đang trải qua khủng hoảng tuổi trung niên. Hãy uống những viên thuốc này. Để kiểu tóc mới. Hẳn có *điều*

gì đó không ổn với bạn.

Bạn đã bao giờ cảm thấy mình giống như nạn nhân của một Tòa án dị giáo thiện-chí chưa?

Sự tách rời trong mối quan hệ nhân cách và bản chất tính dục tự nhiên của chúng ta chẳng là gì ngoài tin tức đối với các tập đoàn giải trí, vốn đã từ lâu phản ánh sự đứt gãy tương tự giữa những gì được công khai và những khao khát thầm kín. Năm 2000, dưới tiêu đề *Phố Wall và Khiêu dâm*, tờ *The New York Times* cho biết General Motors bán nhiều phim khiêu dâm sống sượng hơn Larry Flynt, ông chủ của đế chế Hustler. Hơn 8 triệu thuê bao người Mỹ của DirecTV, một công ty con thuộc General Motors, mỗi năm chi khoảng 200 triệu đô-la để mua phim khiêu dâm trả-theo-lượt-xem từ các nhà cung cấp qua vệ tinh. Tương tự, Rupert Murdoch, ông chủ của Fox News Network và tờ báo bảo thủ hàng đầu Mỹ, *The Wall Street Journal*, đang hốt bạc từ phim khiêu dâm qua một công ty vệ tinh nhiều hơn toàn bộ số tiền Playboy kiếm được từ các hình thức kinh doanh tạp chí, cáp và Internet của họ. AT&T, vốn cũng ủng hộ các giá trị bảo thủ, bán các chương trình khiêu dâm hạng nặng cho hơn một triệu phòng khách sạn trên khắp đất nước thông qua hệ thống Hot Network.

Không thể giải thích nổi chứng đạo đức giả điên rồ đặc trưng của tình dục tại Mỹ nếu như chúng ta cứ trung thành với các mô hình tính dục truyền thống của con người vốn quả quyết rằng một vợ một chồng là điều tự nhiên, hôn nhân là phổ quát đối với loài người, và bất cứ cấu trúc gia đình nào ngoài cấu trúc hạt nhân đều là lệch chuẩn. Chúng ta cần một cách hiểu mới về chính mình, *không* phải dựa trên những lời tuyên bố mang tính rao giảng hoặc những câu chuyện có hậu của Hollywood, mà dựa trên những đánh giá bạo

dạn và không ngượng ngùng qua những tư liệu khoa học dồi dào cho thấy nguồn gốc thực sự và bản chất tính dục của loài người.

Chúng ta sống trong một nền văn hóa đang tuyên chiến với niềm đam mê nhục dục của chính mình. Chúng ta chống lại những khao khát, những kỳ vọng và những nỗi thất vọng của mình. Tôn giáo, chính trị và thậm chí là cả khoa học cũng phản kháng lại với sinh học cùng hàng triệu năm tiến hóa của các đặc điểm của nó. Làm sao để xoa dịu cuộc chiến cam go này đây?

Trong những trang tiếp, chúng tôi xem xét lại một số ngành khoa học quan trọng nhất trong thời đại của chúng ta. Chúng tôi đặt câu hỏi về những giả định sâu xa nhất đối với quan điểm đương đại về hôn nhân, cấu trúc gia đình và tính dục - những vấn đề tác động đến mỗi chúng ta cả ngày lẫn đêm.

Chúng tôi sẽ chỉ ra rằng loài người tiến hóa theo các nhóm thân mật chia sẻ với nhau gần như tất cả mọi thứ - cái ăn, chỗ ở, sự bảo vệ, chăm sóc con cái, thậm chí niềm vui tình dục. Chúng tôi không cho rằng con người là những tay hippie bẩm sinh. Chúng tôi cũng không khăng khăng rằng tình yêu lãng mạn chưa được biết tới hay không quan trọng trong các cộng đồng tiền sử. Nhưng chúng tôi sẽ chứng minh rằng văn hóa đương đại siêu tăng áp mối liên hệ giữa tình yêu và tình dục. Dù có tình yêu hay không thì hoạt động tình dục ngẫu nhiên - nhưng không bừa bãi - vẫn là chuẩn mực của tổ tiên chúng ta từ thời tiền sử.

Hãy cùng trả lời câu hỏi mà có lẽ bạn cũng đang đặt ra. Làm thế nào mà biết được về tình dục thời tiền sử cơ chứ? Chẳng ai đang sống ngày nay có mặt ở đó để chứng kiến đời sống tiền sử và hành vi xã hội vốn không để lại dấu vết nào, nên phải chăng toàn bộ chuyện này chỉ là đoán bừa?

Có một câu chuyện xưa về phiên tòa xét xử một người đàn ông tội cắn đứt ngón tay người đàn ông khác khi cãi lộn ở quán bar. Một nhân chứng bước lên bục. Luật sư bào chữa hỏi: "Có đúng là anh thấy thân chủ của tôi cắn đứt ngón tay hay không?" Nhân chứng đáp: "À không, tôi không thấy." "A ha!" Ông luật sư cười tự mãn: "Vậy thì sao anh dám nói chắc rằng anh ấy cắn đứt ngón tay người kia?" Nhân chứng đáp: "Tôi thấy anh ta nhổ nó ra."

Bên cạnh rất nhiều bằng chứng tường tận từ nhiều xã hội trên khắp thế giới và từ những loài linh trưởng có quan hệ gần gũi nhưng không phải loài người, chúng tôi sẽ xem xét một số thứ mà quá trình tiến hóa đã loại bỏ. Chúng tôi sẽ phân tích bằng chứng giải phẫu học được lưu giữ trong cơ thể chúng ta và sự khao khát cái mới mẻ trong tình dục qua văn hóa phẩm khiêu dâm, quảng cáo và Những Giờ Vui Vẻ (*Happy Hours**) khi tan sở. Thậm chí chúng tôi sẽ lắng nghe các thông điệp trong cái gọi là "những tiếng kêu sung sướng" của vợ tay hàng xóm nhà bạn lúc cô ta điên cuồng gọi tên Chúa trong đêm khuya tĩnh lặng.

Điểm tốt nhất để bắt đầu xem xét lại mối quan hệ mâu thuẫn giữa chúng ta với hoạt động tình dục có lẽ là với chính bản thân Charles Darwin. Công trình tuyệt vời của ông đã vô tình phủ một lớp sơn bóng khoa học vĩnh cửu lên những thành kiến chống lại tình dục. Dù tài năng, nhưng những gì Darwin không biết về tình dục có thể viết đầy một cuốn sách. Đây chính là cuốn sách đó.

Tác phẩm *On the Origin of Species** được xuất bản năm 1859, khi người ta còn biết rất ít về đời sống loài người trước thời kỳ cổ điển, "vinh quang là Hy Lạp, hoành tráng là Rome". Tiền sử, thời kỳ mà chúng ta xác định là khoảng 200.000 năm khi con người hiện đại về mặt giải phẫu sinh sống mà chưa có nông nghiệp và chữ viết,

là một danh sách trống mà các nhà lý thuyết chỉ có thể điền vào đó những phỏng đoán. Cho đến trước khi Darwin và nhiều người khác bắt đầu nới lỏng mối liên hệ giữa tôn giáo và sự thật khoa học, những ước đoán về quá khứ xa xôi vẫn bị giáo lý nhà thờ cấm đoán. Công cuộc nghiên cứu các loài linh trưởng hãy còn trong giai đoạn trứng nước. Nhưng các tư liệu khoa học sẵn có trong mấy thập kỷ gần đây cho thấy những điểm mù của Darwin đã có thể được sáng tỏ như sự hiểu biết sâu sắc của ông vậy.*

Chẳng hạn, việc Darwin quá dễ dàng chấp nhận mô tả nổi tiếng của Thomas Hobbes rằng cuộc sống của người tiền sử là "cô độc, nghèo nàn, bẩn thỉu, tàn bạo và ngắn ngủi" đã khiến những giả định sai lầm này in sâu trong các lý thuyết ngày nay về hoạt động tình dục của loài người. Khi được yêu cầu hình dung về hoạt động tình dục của người tiền sử, đa số chúng ta đều liên tưởng đến hình ảnh về anh chàng sống trong hang động một tay túm tóc lôi một cô nàng đang choáng váng, tay kia cầm gậy. Như chúng ta sẽ thấy, hình ảnh đó là hoàn toàn sai lầm trong từng chi tiết của giả định Hobbes. Tương tự, chúng ta sẽ thấy sự háo hức của Darwin khi chấp nhận phỏng đoán của Thomas Malthus về thời xa xưa đã đẩy ông đến những đánh giá quá mức và đầy kịch tính về nỗi thống khổ của loài người sơ khai (và vì vậy, về sự ưu việt tương đối của đời sống thời đại Victoria). Những hiểu lầm mấu chốt này tồn tại dai dẳng trong nhiều kịch bản tiến hóa đương đại.

Độc giả nào quen thuộc với các tác phẩm gần đây viết về hoạt động tính dục của loài người sẽ quen thuộc với *mô tả chuẩn mực về tiến hóa tính dục loài người* (sau đây được gọi tắt là "mô tả chuẩn mực"). Nó thế này:

1. Chàng gặp nàng.

2. Chàng và nàng đánh giá giá trị bạn đời từ các góc nhìn khác nhau dựa trên lịch trình/khả năng sinh sản:

Chàng tìm kiếm các dấu hiệu của tuổi trẻ, khả năng sinh sản, sức khỏe, sự vắng mặt của trải nghiệm tình dục và khả năng chắc chắn của sự chung thủy trong tương lai. Hay nói cách khác, đánh giá của chàng thiên về tìm kiếm một người phối ngẫu trẻ, khỏe, mắn đẻ, còn nhiều năm sinh đẻ phía trước và hiện tại không có đứa con nào khiến tài nguyên của chàng cạn kiệt.

Nàng tìm kiếm các dấu hiệu của sự giàu có hoặc ít nhất là triển vọng giàu có, vị thế xã hội, sức khỏe thể chất và khả năng chắc chắn rằng chàng sẽ ở bên cạnh để bảo vệ và chu cấp cho con cái của hai người. Chàng của nàng phải sẵn lòng và có khả năng chu cấp vật chất cho nàng (đặc biệt là trong thời gian mang thai và cho con bú) và con cái của hai người (được gọi là sự *đầu tư làm bố*).

3. Chàng có được nàng: giả sử họ phù hợp với tiêu chí của nhau, họ "kết đôi", tạo thành một mối quan hệ đôi lứa lâu dài - "điều kiện nền tảng của loài người", như lời của tác giả nổi tiếng Desmond Morris trong Vượn trần trụi*. Một khi mối liên hệ đôi lứa đã được thiết lập:

Nàng sẽ nhạy cảm với những dấu hiệu cho thấy chàng đang tính đến chuyện rời bỏ nàng (thận trọng với những dấu hiệu phản bội, như *thân mật* với phụ nữ khác, điều này đe dọa đến việc nàng tiếp cận với tài nguyên và sự bảo vệ của chàng) - trong khi vẫn tìm kiếm (đặc biệt xung quanh thời điểm rụng trứng) một mối quan hệ ngắn ngủi với một anh chàng nào đó ưu việt hơn chồng nàng về mặt di truyền.

Chàng sẽ nhạy cảm với những dấu hiệu cho thấy nàng không

chung thủy về mặt *tình dục* (điều này sẽ làm giảm độ chắc chắn của vai trò làm cha vốn cực kỳ quan trọng của chàng) - đồng thời tận dụng bất kỳ cơ hội tình dục ngắn hạn nào với các phụ nữ khác (vì tinh trùng của chàng được sản xuất rất dễ dàng và dồi dào).

Các nhà nghiên cứu tuyên bố đã xác nhận các mẫu hình cơ bản này trong các nghiên cứu được tiến hành khắp thế giới suốt nhiều thập kỷ. Các kết quả nghiên cứu của họ dường như chứng minh cho mô tả chuẩn mực về tiến hóa tình dục loài người, vốn có vẻ rất hợp lý. Nhưng các kết quả nghiên cứu thật ra không chứng minh được và mô tả chuẩn mực đó cũng không hợp lý.

Trong khi chúng ta không bàn cãi rằng những mẫu hình này không tồn tại ở nhiều vùng của thế giới hiện đại, chúng ta lại không xem đó là những nhân tố của bản chất con người đã bắt rễ từ thời tiền sử, mà là sự thích nghi với điều kiện xã hội đương đại - trong đó phần lớn xuất hiện cùng với sự ra đời của nền nông nghiệp cách đây chỉ 10.000 năm. Các hành vi và sở thích này không phải là các đặc điểm được lập trình về mặt sinh học của giống loài chúng ta; chúng là bằng chứng về sự linh động của bộ não người và tiềm năng sáng tạo của cộng đồng.

Đơn cử, chúng ta tranh luận rằng việc phụ nữ thường thích đàn ông có nhiều tiền *không phải* là kết quả của quá trình tiến hóa bẩm sinh, như mô hình chuẩn mực khẳng định, mà chỉ đơn giản là sự thích nghi về mặt hành vi đối với một thế giới trong đó đàn ông kiểm soát phần lớn tài nguyên thế giới. Chúng ta sẽ tìm hiểu chi tiết rằng trước khi nông nghiệp ra đời cách đây 10 triệu năm, phụ nữ thường được tiếp cận với thức ăn, sự bảo vệ và hỗ trợ xã hội tương đương với nam giới. Chúng ta sẽ thấy rằng những thay đổi đột ngột trong xã hội loài người xuất phát từ việc chuyển sang sống

định cư trong các cộng đồng nông nghiệp đã mang lại những thay đổi căn bản trong khả năng sinh tồn của phụ nữ. Bỗng nhiên, phụ nữ sống trong một thế giới mà họ phải đánh đổi khả năng sinh sản của mình để được tiếp cận với tài nguyên và sự bảo vệ để bản thân và con cái mình có thể tồn tại. Nhưng những điều kiện này rất khác với những điều kiện mà trước đó giống loài chúng ta tiến hóa.

Quan trọng là phải ghi nhớ rằng khi so với quy mô đầy đủ của sự tồn tại của giống loài chúng ta, 10.000 năm chỉ là một thoáng chốc. Ngay cả khi chúng ta phớt lờ quãng thời gian khoảng 2 triệu năm kể từ khi dòng dõi *Homo* của chúng ta xuất hiện, trong đó tổ tiên trực hệ của chúng ta sống theo từng nhóm hái lượm nhỏ, *người hiện đại về mặt giải phẫu* đã tồn tại được khoảng 200.000 năm. Với bằng chứng sớm nhất cho thấy nền nông nghiệp ra đời khoảng 8.000 năm trước Công nguyên, lượng thời gian giống loài chúng ta sống trong xã hội nông nghiệp ổn định chỉ chiếm tối đa khoảng 5% tổng trải nghiệm. Mới chỉ cách đây vài thế kỷ, phần lớn hành tinh này vẫn còn đầy những kẻ hái lượm.

Vì vậy, để tìm ra gốc rễ sâu xa nhất của hoạt động tình dục loài người, quan trọng là phải nhìn xuống dưới bề mặt của lịch sử khá gần đây của loài người. Cho đến buổi bình minh của nông nghiệp, loài người đã tiến hóa thành những quần thể được tổ chức dựa trên nguyên tắc chia sẻ mọi thứ. Nhưng chúng tôi không có ý đề nghị tổ tiên chúng ta là hiện thân của ý tưởng *người nguyên thủy cao quý*. Những cá nhân tiền nông nghiệp này chẳng có gì cao quý hơn bạn khi bạn đóng thuế hoặc bảo hiểm cả. Việc chia sẻ chung bắt buộc về phương diện văn hóa chỉ là cách hiệu quả nhất để giống loài mang tính quần thể cao giảm thiểu các mối nguy mà thôi. Sự chia sẻ và quyền lợi cá nhân, như chúng ta sẽ thấy, không loại trừ lẫn nhau.

Trên thực tế, điều mà nhiều nhà nhân loại học gọi là *chủ nghĩa bình quân triệt để* đã là mẫu hình tổ chức xã hội nổi trội trên thế giới suốt nhiều nghìn năm trước khi nông nghiệp ra đời.

Nhưng xã hội loài người đã thay đổi hoàn toàn khi con người bắt đầu gieo trồng và nuôi gia súc. Họ tổ chức bằng các cấu trúc chính trị phân cấp, sở hữu cá nhân, khu định cư đông dân và nhu cầu tổ chức lao động với quy mô lớn (để gieo trồng và thu hoạch theo mùa vụ), đó là một bước ngoặt trong vị thế của phụ nữ cũng như các hình thức xã hội mới khác. Các hình thức xã hội mới này thể hiện sự quay lưng với cách loài người đã sinh sống kể từ khi giống loài ra đời.

Tổ tiên tiền nông nghiệp (tiền sử) của chúng ta sống thành từng nhóm, trong đó những cá nhân trưởng thành nhất sẽ có một vài mối quan hệ tình dục tiếp diễn tại bất kỳ thời điểm nào. Dù thường là ngẫu nhiên, các mối quan hệ này lại không hề tình cờ và vô nghĩa. Ngược lại: chúng củng cố các mối quan hệ xã hội chủ chốt có tác dụng gắn kết các cộng đồng này lại với nhau*.

Chúng tôi đã tìm thấy rất nhiều bằng chứng về một loại hoạt động tình dục của con người thời tiền sử mà rõ ràng là mang tính ngẫu hứng và thân thiện trong các xã hội tồn tại rơi rớt biệt lập và trong những góc khuất đáng ngạc nhiên của văn hóa phương Tây đương đại. Bên cạnh những bằng chứng khắc sâu trong cơ thể chúng ta, chúng tôi sẽ giới thiệu những bằng chứng được tìm thấy trong phòng ngủ, sở thích khiêu dâm, hình ảnh tưởng tượng, giấc mơ và phản ứng tình dục của chúng ta. Những câu hỏi mà bạn sẽ thấy được giải đáp trong các trang sau bao gồm:

Tại sao đối với rất nhiều cặp đôi sự chung thủy lâu dài về mặt tình dục lại khó khăn đến vậy?

Tại sao đam mê tình dục lại thường nhạt phai, ngay cả khi tình yêu thêm sâu đậm?

Tại sao phụ nữ có thể đạt cực khoái nhiều lần, trong khi nam giới lại thường đạt cực khoái nhanh đến mức khó chịu và sau đó không còn hứng thú nữa?

Phải chăng tính ghen tuông tình dục nằm sâu trong bản chất con người?

Tại sao tinh hoàn của con người lại lớn hơn hẳn khỉ đột nhưng lại bé hơn tinh tinh?

Thất bại về mặt tình dục có thể khiến chúng ta ốm được không? Việc không đạt được cực khoái đã gây ra một trong những căn bệnh phổ biến nhất trong lịch sử như thế nào và nó được chữa trị ra sao?

GẦN 2 TRIỆU NĂM TRONG 15 ĐOẠN VĂN NGẮN

Đây là tóm tắt câu chuyện mà chúng tôi sẽ kể trong các trang sau: cách đây khoảng 1,9 triệu năm, tổ tiên cổ đại của chúng ta *(Người đứng thẳng - Homo erectus)* chuyển từ hệ thống giao phối giống như khỉ đột, ở đó con đực đầu đàn chiến đấu nhằm giành chiến thắng và duy trì một bầy đoàn thê tử, sang hệ thống trong đó hầu hết con đực đều được tiếp cận tình dục với con cái. Rất ít, nếu có, chuyên gia nghi ngờ về bằng chứng hóa thạch cho thấy bước chuyển này.

Nhưng khi nhìn vào những biểu hiện của bước chuyển này, chúng tôi lại không tán thành những người ủng hộ mô tả chuẩn mực. Mô tả chuẩn mực cho rằng đây chính là thời điểm mối liên hệ kết đôi lâu dài bắt đầu trong giống loài chúng ta: nếu mỗi cá thể đực chỉ có thể có một bạn tình tại một thời điểm, hầu hết các cá thể

đực đều có một bạn gái gọi là của mình. Thật ra, mặc dù vẫn còn tranh cãi về bản chất của hoạt động tính dục bẩm sinh của loài người, dường như chỉ có hai xu hướng *chấp nhận được* là loài người tiến hóa đến chế độ đơn thê (Đ-C) hoặc đa thê (Đ-CCC+)* - và thường sẽ đi đến kết luận là nhìn chung phụ nữ thích hình thức trước hơn trong khi đa số nam giới lại chọn hình thức sau.

Thế còn việc kết đôi phức tạp thì sao, khi đa phần đàn ông và phụ nữ đều có nhiều hơn một mối quan hệ tình dục đồng thời? Tại sao - ngoài ác cảm đạo đức - trạng thái hỗn tạp thời kỳ tiền sử lại không được xét đến, trong khi gần như nguồn bằng chứng liên quan nào cũng đều chỉ về hướng đó?

Chúng ta biết rằng xã hội hái lượm mà loài người đã tiến đến là những nhóm có quy mô nhỏ, cực kỳ tuân thủ chủ nghĩa bình quân, chia sẻ gần như tất cả mọi thứ. Chủ nghĩa bình quân triệt để vẫn còn được tìm thấy gần như ở khắp mọi nơi, trong các nhóm đang tồn tại được gọi là người hái lượm lập-tức-trao-đổi*. Trong cách sống của người hái lượm có sự nhất quán đáng kể - dù họ sống ở khu vực nào. Người Kung San ở Botswana, thổ dân ở Úc Châu, người Inuit trên vành đai Bắc Cực và các nhóm nhỏ sống trong những nơi xa xôi biệt lập trong rừng nhiệt đới Amazon, tất thảy đều sùng bái việc chia sẻ. Chia sẻ không những được khuyến khích mà còn mang tính bắt buộc. Ví dụ, tích trữ hoặc giấu thức ăn bị xem là hành vi vô cùng đáng xấu hổ, không thể tha thứ nổi trong những cộng đồng như vậy.

Gần như tất cả cư dân người hái lượm đều chia phát thịt rất công bằng, cho con của nhau bú, có rất ít hoặc không có gì là riêng tư, họ phụ thuộc vào nhau để sinh tồn. Nếu thế giới xã giao của chúng ta xoay quanh các khái niệm về tài sản cá nhân và trách

nhiệm cá nhân, thế giới của họ xoay theo hướng ngược lại, hướng đến phúc lợi nhóm, bản sắc nhóm, quan hệ cộng đồng sâu đậm và phụ thuộc lẫn nhau.

Mặc dù điều này nghe như chủ nghĩa lý tưởng Kỷ-Nguyên-Mới ngây thơ, tiếc nuối Thời đại Bảo Bình* đã mất, hoặc tán dương chủ nghĩa cộng sản, không một đặc trưng nào kể trên của xã hội tiền nông nghiệp được các học giả nghiêm túc tranh luận. Khắp nơi đều đồng thuận rằng tổ chức xã hội theo chủ nghĩa bình quân là hệ thống thực tế dành cho các xã hội hái lượm trong tất cả các môi trường. Thật ra, không một hệ thống nào khác *có thể* hữu dụng đối với xã hội hái lượm. Bắt buộc chia sẻ đơn thuần là cách tốt nhất để phân tán rủi ro vì lợi ích của mọi người: đó là bắt buộc tham gia. Thực dụng ư? Đúng vậy. Cao quý ư? Chẳng đúng lắm.

Hành vi chia sẻ này cũng mở rộng sang cả tình dục. Rất nhiều nghiên cứu của ngành linh trưởng học, nhân học, giải phẫu học và tâm lý học đều đưa tới một kết luận cơ bản: loài người và tổ tiên họ người của chúng ta đã mất khoảng 1,9 triệu năm sống thành từng nhóm nhỏ, thân mật, trong đó hầu hết người lớn đều có một vài mối quan hệ tình dục tại bất kỳ thời điểm nào. Có đầy đủ lý do để cho rằng cách tiếp cận này đối với tình dục tồn tại dai dẳng đến khi nông nghiệp và sở hữu cá nhân ra đời cách đây không quá 10.000 năm. Bên cạnh vô số bằng chứng khoa học, nhiều nhà thám hiểm, truyền giáo và nhân học cũng ủng hộ quan điểm này, sau khi ghi chép lại các trường hợp với nhiều vụ truy hoan bắt buộc, bình thản chia sẻ bạn tình và sinh hoạt tình dục mở mà không thấy tội lỗi hay xấu hổ.

Nếu dành thời gian với những loài linh trưởng gần gũi nhất với loài người, bạn sẽ thấy tinh tinh cái giao phối hàng chục lần một

ngày, với đa số hoặc toàn bộ những con đực sẵn sàng, còn hoạt động giao phối tập thể thoải mái ở tinh tinh lùn giúp cho mọi cá thể cảm thấy thoải mái và duy trì các mạng lưới xã hội phức tạp. Hãy tìm hiểu sự ham muốn của con người đương dại đối với các loại khiêu dâm cụ thể hoặc những vướng mắc khét tiếng của chúng ta trong chế độ hôn nhân một vợ một chồng lâu dài, bạn sẽ nhanh chóng vấp phải các dấu tích của tổ tiên "dê cụ" của chúng ta.

Cơ thể chúng ta cũng giống hệt như vậy. Người nam có tinh hoàn lớn hơn nhiều so với bất cứ loài linh trưởng một vợ một chồng nào cần đến, treo hờ hững ngoài cơ thể để nhiệt độ mát hơn giúp bảo quản các tế bào tinh trùng chờ sẵn cho nhiều lần xuất tinh. Chàng cũng trưng ra chiếc dương vật dài nhất, dày nhất từng tìm thấy trên bất cứ loài linh trưởng nào trên hành tinh này, đồng thời cũng thể hiện xu hướng lên đỉnh nhanh đến mức đáng xấu hổ. Bộ ngực toòng teng của phụ nữ (hoàn toàn không cần thiết dành cho trẻ em đang thời kỳ bú sữa), tiếng kêu rên sung sướng đến mức không thể phớt lờ của họ và năng lực lên đỉnh hết lần này đến lần khác, tất cả đều cho thấy hình ảnh lang chạ thời tiền sử này. Mỗi điểm nói trên đều là một mấu chốt quan trọng trong mô tả chuẩn mực.

Theo mô tả chung, bước chuyển đổi vĩ đại sang nông nghiệp bắt đầu cách đây khoảng 10.000 năm không hẳn là một ân huệ đối với loài người. Rõ ràng là với đa số mọi người, chất lượng cuộc sống đã giảm xuống xét về phương diện chế độ ăn uống, thời gian rảnh rỗi, quan hệ xã hội và khả năng bị chết vì bạo lực. Nhà nhân học Steven Mithen cho biết: "Nguồn gốc của trồng trọt là sự kiện đặc biệt quan trọng của lịch sử nhân loại - bước ngoặt đưa con người hiện đại đến với một lối sống và nhận thức khác hẳn so với tất cả

các loài động vật khác cũng như các mẫu người trước đó."

Khi con người canh tác trên cùng một mảnh đất hết mùa này sang mùa khác, tư hữu nhanh chóng thay thế cho công hữu và trở thành *phương thức hoạt động* trong hầu hết các cộng đồng. Đối với người hái lượm du cư, tài sản cá nhân - bất cứ thứ gì cần mang theo - được giữ ở mức tối thiểu, vì những lý do rất rõ ràng. Người ta rất ít nghĩ tới việc ai sở hữu đất đai, hoặc cá dưới sông, hoặc mây trên trời. Đàn ông cùng nhau đối mặt với hiểm nguy. Khoản *đầu tư làm bố* của một cá thể nam, hay nói cách khác - nền tảng của mô tả chuẩn mực - có xu hướng lan truyền trong những cộng đồng như một cộng đồng mà từ đó chúng ta tiến hóa, chứ không trực tiếp hướng tới một phụ nữ cụ thể và con cái của cô ta, như mô hình hiện đại đòi hỏi.

Nhưng khi mọi người bắt đầu sống trong các cộng đồng nông nghiệp ổn định, thực tại xã hội biến chuyển sâu sắc và không thay đổi được. Đột nhiên người ta thấy ruộng nhà mình kết thúc ở đâu và ruộng hàng xóm bắt đầu ở đâu là cực kỳ quan trọng. Hãy nhớ đến Điều răn Thứ 10: "Ngươi không được ham muốn nhà cửa của hàng xóm, ngươi không được ham muốn vợ, đầy tớ, tì thiếp, bò, lừa, hay bất cứ thứ gì của hàng xóm nhà ngươi." Rõ ràng, kẻ thua thiệt nhiều nhất (ngoài nô lệ) trong cuộc cách mạng nông nghiệp là phụ nữ, từ chỗ giữ vị trí trung tâm, được kính trọng trong xã hội hái lượm, họ trở thành một loại tài sản khác của đàn ông để có thức ăn và được bảo vệ, cùng với nhà cửa, nô lệ và gia súc của anh ta.

Sự ra đời của nông nghiệp vẫn là điểm mấu chốt nhất trong câu chuyện về giống loài chúng ta. Nó làm thay đổi sự tồn tại của con người một cách cơ bản hơn so với việc kiểm soát lửa, Đại Hiến chương *Magna Carta**, báo in, động cơ hơi nước, phản ứng phân

hạch, hay bất cứ điều gì khác từng có, hoặc sẽ có. Với nông nghiệp, mọi thứ đều thay đổi: bản chất của vị trí xã hội và quyền lực, cấu trúc xã hội và gia đình, cách con người tương tác với thế giới tự nhiên hay với những vị thần mà họ thờ phụng, khả năng chiến tranh giữa các nhóm với nhau, chất lượng cuộc sống, tuổi thọ và chắc chắn là cả những quy luật chi phối hoạt động tình dục. Khảo sát về các bằng chứng khảo cổ liên quan đã giúp Timothy Taylor kết luận rằng: "Trong khi tình dục thời săn bắn-hái lượm được xây dựng trên ý tưởng chia sẻ và liên kết thì tình dục thời nông nghiệp sơ khai mang tính tọc mạch, thô bạo, ghê sợ và kỳ thị đồng tính, tập trung vào sinh sản." "Sợ hãi trước thế giới tự nhiên", ông kết luận, "nông dân quyết định hủy hoại nó."*

Giờ thì đất đai đã có thể bị chiếm giữ, sở hữu, truyền từ đời này tới đời sau. Thực phẩm trước đây săn bắt và hái lượm được giờ phải gieo trồng, chăm sóc, thu hoạch, tích trữ, bảo vệ và mua bán. Người ta phải xây dựng và gia cố hàng rào, bờ tường, cũng như hệ thống tưới tiêu. Quân đội được lập ra và duy trì. Vì tư hữu mà *lần đầu tiên trong lịch sử giống loài, vai trò làm cha cực kỳ được quan tâm.*

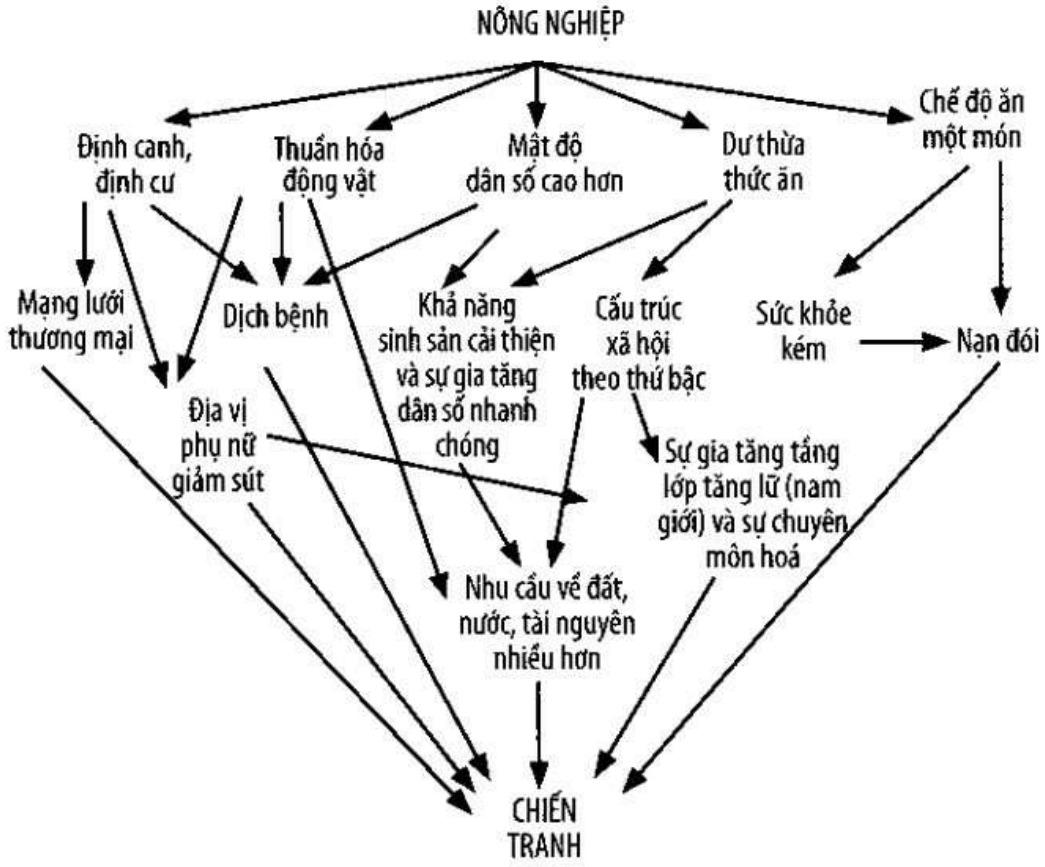
NÔNG NGHIỆP
Định canh, định cư
Thuần hóa động vật
Mật độ dân số cao hơn
Dư thừa thức ăn
Chế độ ăn một món
Mạng lưới thương mại
Dịch bệnh
Khả năng sinh sản cải thiện và sự gia tăng dân số nhanh chóng
Cấu trúc xã hội theo thứ bậc
Sức khỏe kém
Nạn đói
Địa vị phụ nữ giảm sút
Sự gia tăng tầng lớp tăng lữ (nam giới) và sự chuyên môn hoá
Nhu cầu về đất, nước, tài nguyên nhiều hơn
CHIẾN TRANH

Nhưng mô tả chuẩn mực lại khẳng định rằng sự chắc chắn của vai trò làm cha vẫn *luôn* giữ vị trí hết sức quan trọng trong giống loài chúng ta, rằng gene di truyền ra lệnh cho chúng ta phải tổ chức đời sống tình dục xung quanh nó. Vậy thì tại sao hồ sơ nhân học lại đầy những ví dụ cho thấy trong xã hội hái lượm (thậm chí cả một số xã hội gieo trồng nữa) tầm quan trọng của người cha sinh học, nếu có, lại rất ít? Vì vai trò làm cha không quan trọng nên đàn ông có xu hướng không quan tâm đến sự chung thủy về tình dục của phụ nữ.

Nhưng trước khi đi sâu vào các ví dụ trong đời thực, hãy ghé thăm bán đảo Yucatán một lát.

PHẦN I

NGUỒN GỐC CỦA KẺ ĐỆP MÃ

1

HÃY NHỚ ĐẾN YUCATÁN!

Chức năng của trí tưởng tượng không phải là làm những điều kỳ lạ trở nên ổn định, mà là biến những điều ổn định trở nên kỳ lạ.

• G. K. CHESTERTON

Hãy quên Alamo* đi. Bài học Yucatán hay hơn nhiều. Đầu mùa xuân năm 1519, Hernan Cortés và tùy tùng neo tàu ở ngoài khơi bờ biển Mexico. Viên tướng này ra lệnh cho tùy tùng mang một trong số những người bản địa lên boong tàu, và Cortés hỏi anh ta tên của xứ sở lạ lẫm mà họ vừa tìm ra là gì. Anh ta trả lời, *Ma c'ubah than*, còn viên tướng Tây Ban Nha này nghe thành *Yucatán*. Cũng khá giống. Cortés tuyên bố rằng từ hôm đó trở đi, Yucatán và bất cứ mẩu vàng nào mà vùng đất này chứa đựng đều thuộc về vua và nữ hoàng Tây Ban Nha...

Bốn thế kỷ rưỡi sau, vào thập kỷ 1970, các nhà ngôn ngữ học nghiên cứu thổ ngữ Maya cổ kết luận rằng *Ma c'ubah than* nghĩa là *Tao không hiểu mày nói gì*.*

Cứ đến mùa xuân, hàng nghìn sinh viên đại học Mỹ lại kỷ niệm vụ hiểu nhầm nhau mang tính lịch sử này bằng những cuộc thi

mặc áo phông ướt, tiệc bong bóng và vật *jello** trên những bãi biển tươi đẹp của *Bán đảo Tao Không Hiểu Mày Nói Gì*.

Nhưng nhầm lẫn không phải chỉ xảy ra vào mùa xuân đó. Tất cả chúng ta đều rơi vào cái bẫy này. (Một đêm, trong lúc ăn tối, một người bạn thân bảo rằng bài hát cô ưa thích của ban nhạc Beatles là "Hey Dude")*. Mặc dù đã được đào tạo nhiều năm, các kiểu khoa học lại bị cuốn vào suy nghĩ rằng họ đang quan sát một thứ gì đó trong khi trên thực tế là họ chỉ đang phản ánh thành kiến và tình trạng thiếu hiểu biết của bản thân. Điều khiến các nhà khoa học sai lầm chính là khuyết điểm nhận thức mà tất cả chúng ta đều vấp phải: rất khó chắc chắn về điều mà chúng ta nghĩ là mình biết, nhưng thật ra là không biết. Đọc sai bản đồ, chúng ta vẫn cứ chắc mẩm là biết mình đang ở đâu. Khi gặp phải bằng chứng cho thấy điều ngược lại, đa số chúng ta đều có xu hướng nghe theo sự quả quyết, nhưng đó có thể là một tay hướng dẫn không đáng tin chút nào.

BẠN ĂN GÌ THÌ BẠN CHÍNH LÀ THỨ ĐÓ

Cứ lấy thức ăn làm ví dụ. Chúng ta ai nấy đều cho rằng cảm giác thèm muốn hay ghê tởm đồ ăn là do điều gì đó ở chính chúng - chứ không phải là một phản ứng thường là được văn hóa của chúng ta lập trình từ trước. Chúng ta biết rằng người Úc thích bóng gậy hơn bóng chày, hoặc vì một nguyên nhân nào đó mà người Pháp lại thấy Gerard Depardieu quyến rũ, nhưng bạn sẽ phải đói đến mức nào thì mới nghĩ đến việc điên cuồng chộp lấy một con sâu ngài rồi nhét luôn vào miệng mà chẳng cần xem xem nó là thứ gì? *Nhóp nhép, nhóp nhép*. Bạn có thể dùng một ít "bia nước bọt"* để nuốt cho dễ trôi. Một đĩa óc cừu thì sao nhỉ? Chó con nướng rưới nước sốt? Có

thể chúng tôi sẽ khiến bạn quan tâm đến tai lợn hay đầu tôm chăng? Hay là một con chim biết hót chiên ngập dầu để bạn nhai ngấu nghiến, xương, mỏ, tất cả mọi thứ? Trận bóng gậy trên sân cỏ là một chuyện, nhưng dế rang sả thì sao?* Ghê quá đi mất.

Phải vậy không nhỉ? Nếu sườn cừu ngon lành thì điều gì khiến óc cừu trở nên kinh khủng? Vai, đùi và thịt ba chỉ lợn ăn cực ngon thế mà tai, mõm và móng giò lại phát gớm là sao? Tôm thì khác gì châu chấu? Ai phân biệt ngon với dở, và đâu là cơ sở? Còn tất cả các ngoại lệ thì sao? Cứ nghiền hết các phần còn lại của con lợn, nhồi chúng vào một đoạn ruột, và thế là bạn đã tự làm cho mình món xúc xích hoặc bánh mì kẹp xúc xích ra trò rồi. Có thể bạn nghĩ thịt nguội và trứng hợp nhau, giống như khoai tây chiên và tương cà chua hoặc muối và tiêu. Nhưng sự kết hợp giữa thịt nguội và trứng cho bữa sáng đã được phát minh cách đây cả trăm năm nhờ một công ty quảng cáo được thuê để bán được nhiều thịt nguội hơn. Người Hà Lan ăn khoai tây chiên với *mayonnaise* chứ không phải với tương cà chua.

Nghĩ xem cảm giác gớm ghiếc khi ăn côn trùng có phải là lý trí hay không? Nghĩ lại lần nữa đi. 100 g dế khô chứa 1.550 mg sắt, 340 mg can-xi và 25 mg kẽm - ba loại khoáng chất thường thiếu trong bữa ăn của người nghèo. Côn trùng có nhiều khoáng chất và mỡ lành tính hơn thịt bò hay thịt lợn. Hoảng sợ trước bộ xương ngoài [*exoskeleton*], râu và quá nhiều chân? Vậy thì cứ tiếp tục ăn thịt và quên hải sản đi, bởi vì tôm, cua và tôm hùm đều là động vật chân khớp, giống như châu chấu thôi. Và chúng ăn những gì bẩn nhất chìm xuống đáy đại dương, vì vậy đừng chê những món ăn ghê tởm làm từ côn trùng. Dù sao đi nữa, có thể ngay lúc này bạn đang có một bộ phận nào đó của côn trùng dính trong kẽ răng cũng nên.

FDA (Cơ quan quản lý Thực phẩm và Dược phẩm) đề nghị thanh tra của họ đừng để ý đến các bộ phận cơ thể của côn trùng trong hồ tiêu, trừ phi họ tìm thấy trung bình hơn 475 bộ phận cơ thể của côn trùng trong 50g*. Một tài liệu thống kê của Đại học Ohio ước tính rằng hằng năm, mỗi người Mỹ vô tình ăn khoảng *0,5 đến 1 kg* côn trùng.

Gần đây, một giáo sư người Ý đã cho đăng bài viết *Ý nghĩa Sinh thái của Gia súc cực nhỏ: Tiềm năng của Côn trùng, Loài Gặm nhấm, Ếch và Ốc sên*. William Saletan viết trên trang slate.com về một công ty có tên gọi là *Tôm Đất Bình Minh*. Logo của công ty này ghi: "Ôi. Tôm đất ngon ghê!" Cho bạn đoán ba lần xem tôm đất là con gì.

Những người Anh đầu tiên đặt chân lên châu Úc ghi nhận rằng những thổ dân mà họ gặp sống rất khổ sở và bị đói khát. Nhưng giống như đa phần những người săn bắn/hái lượm, ở đây dân bản địa không quan tâm đến việc trồng trọt. Chính những người châu Âu báo cáo nạn đói lan rộng qua thư từ và tạp chí cũng thấy khó hiểu khi dân bản địa không có vẻ gì là hốc hác cả. Trên thực tế, họ khiến các vị khách ngạc nhiên khi thấy họ khá béo và lười biếng. Tuy nhiên, những người châu Âu này lại tin rằng thổ dân nơi đây sắp chết đói. Tại sao? Vì họ thấy người bản địa phải dùng đến những biện pháp dường như là cuối cùng - ăn côn trùng, sâu ngài và chuột; những sinh vật mà chắc chắn là không ai ăn nếu như không vì sắp chết đói. Vấn đề là món ăn dinh dưỡng, dồi dào và có vị giống như "trứng chiên dầu lạc và pho mát trắng mềm" này chưa bao giờ tồn tại trong ý nghĩ của người Anh như là một món ăn, những người rõ ràng là đang nhớ đến món *haggis** và kem đông.

Quan điểm của chúng ta? Rằng thứ khiến ta *cảm thấy tự nhiên*

hay *không tự nhiên* chưa chắc đã đúng như thế. Mỗi ví dụ trên đây, bao gồm cả bia saliva, đều được thưởng thức ở đâu đó - bởi những người sẽ thấy ghê tởm trước phần lớn những món mà bạn thường xuyên ăn. Đặc biệt là khi nói đến những trải nghiệm thân mật, riêng tư, sinh học như ăn uống hay làm tình, chúng ta không được quên rằng những ngón tay văn hóa tương tự thò sâu trong đầu óc chúng ta. Chúng ta không thể cảm thấy chúng đang điều chỉnh đồng hồ của chúng ta và bật các công tắc của chúng ta, nhưng mỗi nền văn hóa đều hướng thành viên của nó đến niềm tin rằng một số thứ đương nhiên đúng và những thứ khác tất nhiên sai. Có thể những niềm tin này mang lại cảm giác đúng, nhưng đấy là cảm giác mà chúng ta tin tưởng bằng sự liều lĩnh của chính mình.

Cũng như những người Anh đó, mỗi người trong chúng ta đều bị chi phối bởi cảm nhận của bản thân về điều gì là bình thường và tự nhiên. Chúng ta đều là thành viên của một bộ lạc nào đó - gắn kết với nhau bởi văn hóa, gia đình, tôn giáo, giai cấp, giáo dục, nghề nghiệp, quan hệ nhóm, hoặc bất cứ tiêu chí nào khác. Một trong những bước cơ bản đầu tiên trong việc nhận thức rõ *văn hóa từ con người* là cái mà nhà thần thoại học Joseph Campbell* gọi là sự *phi bộ lạc hóa*. Chúng ta phải thừa nhận các bộ lạc khác nhau mà mỗi người chúng ta thuộc về và bắt đầu giải thoát bản thân khỏi những giả định chưa được kiểm chứng về sự thật mà mỗi bộ lạc ấy nói.

Chính quyền cam đoan với chúng ta rằng ghen tuông là điều *tự nhiên*. Giới chuyên gia cho rằng phụ nữ cần một sự ràng buộc để cảm thấy gần gũi về mặt tình dục chẳng qua là bởi "họ chính là như vậy". Một số nhà tâm lý học tiến hóa xuất sắc nhất quả quyết khoa học đã xác nhận rằng chúng ta, về cơ bản, là loài ghen tuông, chiếm hữu, sát nhân và lừa lọc, vừa được cứu vớt nhờ năng lực

mong manh là vượt lên bản chất tăm tối của mình và tuân phục khuôn phép văn minh. Chắc chắn rằng những khao khát và sự không thỏa mãn từ cốt lõi sinh vật của con người còn có tác động đến con người mạnh hơn cả văn hóa. Chúng ta không bàn về việc con người bẩm sinh đã là "danh sách trống", chờ đợi những chỉ dẫn vận hành. Nhưng cách con người "cảm nhận" chính là bằng chứng đáng tin cậy để chúng ta phân biệt được sự thật sinh học với ảnh hưởng văn hóa.

Hãy tìm một cuốn sách viết về bản chất con người và bạn sẽ nhanh chóng thấy mình đối diện với những *Đàn ông quỷ ám, Gene keo kiệt, Các xã hội bệnh hoạn, Chiến tranh trước khi văn minh xuất hiện, Chiến trận liên miên, Mặt tối của con người* và *Sát nhân cạnh nhà*. Bạn sẽ may mắn sống sót và thoát khỏi thư viện đó! Nhưng liệu những tập sách đẫm máu đó có đưa ra được những miêu tả chân thực về sự thật khoa học, hay phản ánh những giả định và nỗi sợ hiện thời đối với quá khứ xa xưa hay không?

Trong các chương sau, chúng ta sẽ cân nhắc lại những khía cạnh này cũng như các khía cạnh khác của hành vi xã hội, sắp xếp lại chúng để thiết lập một cái nhìn khác về quá khứ của mình. Chúng tôi tin rằng mô hình của mình đi sâu hơn vào việc giải thích chúng ta tiến tới vị trí ngày nay như thế nào và quan trọng nhất là, *tại sao rất nhiều, nếu không phải là đại đa phần, các cuộc hôn nhân thất bại về mặt tình dục đều không do lỗi của ai cả*. Chúng tôi sẽ chỉ ra tại sao rất nhiều thông tin mà chúng tôi nhận được về hoạt động tính dục của con người - đặc biệt là từ một số nhà tâm lý học tiến hóa - lại bị hiểu sai, dựa trên những giả định vô căn cứ, lạc hậu từ thời Darwin và những nhà tư tưởng trước đó. Có quá nhiều nhà khoa học nỗ lực tìm cách giải đáp câu đố sai, gò ép phát hiện

của mình vào những khái niệm được chấp nhận về mặt văn hóa, vốn có từ trước, và về điều mà họ cho rằng hoạt động tính dục của loài người *nên như vậy*, chứ không phải là để các mẩu thông tin được xuất hiện một cách tự nhiên.

Mô hình của chúng tôi có thể khiến bạn cảm thấy ngớ ngẩn, tục tĩu, xúc phạm, chướng tai gai mắt, thú vị, chán nản, sáng tỏ hoặc hiển nhiên. Nhưng dù bạn có thấy thoải mái với những điều chúng tôi giới thiệu ở đây hay không thì chúng tôi vẫn hy vọng bạn sẽ tiếp tục đọc. Chúng tôi không ủng hộ bất cứ phản ứng cụ thể nào đối với những thông tin mà chúng tôi đưa ra. Nói thật thì bản thân chúng tôi cũng không biết là phải làm gì với chúng.

Rõ ràng là một số bạn đọc sẽ phản ứng gay gắt với mô hình "chướng tai gai mắt" của chúng tôi về hoạt động tính dục của loài người. Cách hiểu của chúng tôi về những tư liệu này sẽ bị gạt đi và nhạo báng bởi những người kiên quyết bảo vệ thành trì của mô tả chuẩn mực. Họ sẽ hét lên: "Hãy nhớ đến Alamo!" Nhưng lời khuyên của chúng tôi, trong lúc dẫn dắt các bạn đi hết câu chuyện về những giả định không có cơ sở, những phỏng đoán trong lúc tuyệt vọng và những kết luận sai lầm này, là hãy quên Alamo đi, nhưng hãy luôn nhớ đến Yucatán.

2

ĐIỀU DARWIN KHÔNG BIẾT VỀ TÌNH DỤC

Chúng ta không phải ở đây để lo lắng về niềm hy vọng hay sự sợ hãi, mà về sự thật chừng nào lý trí còn cho phép chúng ta khám phá ra.

• CHARLES DARWIN

Chiếc lá sung có thể che giấu rất nhiều thứ, nhưng không che giấu được sự cương cứng của con người. Mô tả chuẩn mực về nguồn gốc và bản chất hoạt động tính dục con người cho rằng nó giải thích quá trình hình thành của một loại hình hôn nhân một vợ một chồng đáng sợ, dối trá và miễn cưỡng. Theo câu chuyện thường-được-nghe-kể này, cả đàn ông và phụ nữ vốn ưa thích tình dục khác giới chỉ là những con tốt đen trong cuộc chiến ủy nhiệm được điều khiển bởi chương trình nghị sự di truyền đối lập của họ. Người ta bảo rằng, toàn bộ thảm họa này là hệ quả của những thiết kế sinh học cơ bản của nam giới và nữ giới (Chúng tôi sử dụng từ "thiết kế" chỉ đơn thuần theo nghĩa ẩn dụ - không hề có bất cứ ý định ám chỉ "nhà thiết kế" nào hay cố tình nhấn mạnh hành vi hay giải phẫu con người tiến hóa nào). Nam giới cố gắng rải hạt giống vừa nhiều vừa rẻ của mình thật xa rộng (trong khi vẫn tìm cách

kiểm soát một hoặc một vài phụ nữ nhằm tăng độ chắc chắn trong việc làm cha của mình). Trong khi đó, phụ nữ bảo vệ nguồn cung cấp hữu hạn những quả trứng đắt đỏ về mặt trao đổi chất của mình khỏi kẻ theo đuổi không đáng giá. Nhưng khi đã nhử được một nhà cung cấp anh chồng, họ nhanh chóng vén váy lên (khi rụng trứng) cho các cơ hội kết đôi bí mật nhanh-chóng-và-bẩn-thỉu với những gã đàn ông cầm bạnh rõ ràng là có ưu thế về mặt di truyền. Hình ảnh này thật chẳng đẹp chút nào.

Nhà sinh học Joan Roughgarden cho biết hình ảnh này rất ít thay đổi so với những gì được Darwin mô tả cách đây 150 năm. "Câu chuyện của Darwin về vai trò tình dục không phải là sự lỗi thời kỳ quặc", bà viết. "Trình bày lại bằng thuật ngữ sinh học ngày nay, câu chuyện này được xem là sự thật đã được khoa học chứng minh... Quan điểm chọn lọc tình dục của tự nhiên nhấn mạnh xung đột, lừa lọc và nguồn gene bẩn".*

Cũng chính *Nữ thần Tư vấn* Amy Alkon* cũng mang mô tả phổ biến, điển hình của câu chuyện có sức lan xa này vào giải thích của mình: "Có rất nhiều nơi thật sự tồi tệ để làm mẹ đơn thân, nhưng có lẽ một trong những nơi tệ nhất chính là 1,8 triệu năm trước trên thảo nguyên. Những bà cố tổ thành công trong việc truyền lại gene cho chúng ta cũng chính là những người rất kén chọn trong việc tìm người cùng chui vào bụi, so bó đũa chọn cột cờ để tìm bố cho con mình. Đàn ông có nhu cầu khác về di truyền - nhằm tránh mang thịt bò rừng về cho những đứa trẻ không phải con mình - và đã tiến hóa đến mức xem mấy em dễ tán là mối nguy quá lớn ngoại trừ những phút vui vẻ trên đống đá." Hãy để ý xem thế giới hiện đại của chúng ta vừa vặn trong cái gói bé tí này đến mức nào: sự mong manh của việc làm mẹ, tách rời ông bố khỏi đám lêu lổng, đầu tư

làm bố và ghen tuông, tiêu chuẩn kép về tình dục. Nhưng như người ta hay nói ở sân bay, hãy lưu tâm đến những gói đồ tí hon mà bạn không tự tay đóng gói.

> *Còn như với một quý bà người Anh, thì tôi đã gần như quên mất rằng bà ấy là một điều gì đó rất thánh thiện và tử tế.*
>
> • **DARWIN, *trong bức thư gửi từ tàu HMS Beagle***

Mặc dù chắc chắn không phải là người phát minh ra mô tả chuẩn mực về bản tango vô tận giữa đám đàn ông bất kham và phụ nữ kén chọn, Darwin vẫn ủng hộ cho "tính tự nhiên" và sự thống trị của nó. Ông viết những đoạn đại loại như: "Phụ nữ... cực kỳ ít có ngoại lệ, luôn kém hào hứng hơn nam giới... (Cô ấy) đòi hỏi phải được tán tỉnh; cô ấy bẽn lẽn và dường như nỗ lực một thời gian dài để thoát khỏi người đàn ông." Mặc dù sự dè dặt nữ tính này là một đặc điểm quan trọng trong hệ thống kết đôi của nhiều loài động vật có vú, nó không đúng lắm ở loài người hoặc những loài linh trưởng gần gũi nhất với chúng ta.

Darwin thắc mắc không biết loài người sơ khai có đa thê như tinh tinh hay không, ông viết: *"Xét về thói quen giao tiếp của đàn ông như hiện nay* và những loài hoang dã nhất sống theo kiểu đa thê, quan điểm khả dĩ nhất là đàn ông nguyên thủy sống trong những cộng đồng nhỏ, cùng với số lượng vợ tùy thuộc vào khả năng anh ta có thể chu cấp và chinh phục, anh ta hẳn đã ghen tuông cảnh giác trước tất cả những gã đàn ông khác. Hoặc giả một mình anh ta sống với vài cô vợ, giống như tinh tinh..." (Chúng tôi nhấn mạnh). Nhà tâm lý học tiến hóa Steven Pinker có vẻ cũng đang

"đánh giá thói quen giao tiếp của đàn ông ngày nay" (mặc dù không có sự tự nhận thức của Darwin) khi khẳng định thẳng thừng: "Ở mọi xã hội, tình dục ít nhất vẫn có chút 'nhơ nhớp'. Nó được thực hiện kín đáo, được cân nhắc một cách ám ảnh, bị quy định bởi phong tục và cấm kỵ, là đề tài tán gẫu và trêu chọc, và là nguồn cơn của cơn giận ghen tuông."* Chúng tôi sẽ chỉ ra rằng dù đúng là tình dục "bị quy định bởi phong tục và điều cấm kỵ", nhưng có rất nhiều ngoại lệ đối với mỗi nhân tố khác trong tuyên bố quá tự tin này.

Giống như tất cả chúng ta, Darwin kết hợp trải nghiệm cá nhân - hoặc không đưa chút trải nghiệm nào - với những giả định về bản chất của mọi sự sống. Trong *Ả đàn bà của tay trung úy Pháp*, John Fowles đưa ra cảm nhận về thói đạo đức giả về tình dục rất điển hình cho thế giới của Darwin. Nước Anh thế kỷ XIX, Fowles viết, là "thời kỳ phụ nữ được tôn sùng; nơi bạn có thể mua một cô gái 13 tuổi chỉ với giá vài bảng - vài xu, nếu bạn chỉ muốn có cô ấy trong một hoặc vài giờ... Nơi cơ thể phụ nữ chưa bao giờ bị giấu kín khỏi tầm nhìn đến vậy; và là nơi mỗi nghệ sĩ điêu khắc được đánh giá dựa trên năng lực tạc tượng phụ nữ khỏa thân... Cũng là nơi phổ biến quan niệm rằng phụ nữ không biết đến cực khoái; vậy nhưng mọi gái điếm lại được dạy cách giả vờ lên đỉnh."

Trên một số khía cạnh, các tập tục tình dục của Vương quốc Anh thời Nữ hoàng Victoria là phỏng theo cơ chế hoạt động của động cơ hơi nước. Việc nghiêm khắc ngăn cấm giải phóng tình dục đã gây ra một áp lực lớn chưa từng có khi chặn lại dòng năng lượng bình thường. Công việc được hoàn thành qua những lần giải phóng nhanh, có kiểm soát thứ năng lượng tích lũy này. Mặc dù có rất nhiều sai lầm, Freud vẫn đúng khi nhận thấy rằng "văn minh" chủ

yếu được xây dựng trên thứ năng lượng khiêu dâm bị ngăn chặn, tập trung, tích lũy và chuyển hướng.

"Để cơ thể và đầu óc không bị ô uế", Walter Houghton giải thích trong *Tâm trạng thời Victoria*, "chàng trai được dạy xem phụ nữ là đối tượng cực kỳ đáng tôn trọng và thậm chí đáng tôn thờ. Anh chàng phải nghĩ về những phụ nữ tử tế (giống như em gái và mẹ mình, giống như cô dâu tương lai của chàng) là những sinh vật giống thiên thần hơn là con người - hình ảnh được tính toán một cách kỳ diệu không chỉ nhằm tách tình yêu khỏi tình dục, mà còn biến tình yêu thành thờ phụng sự thanh khiết". Khi không có tâm trạng tôn thờ sự thanh khiết của chị em gái, mẹ, con gái và vợ mình, đàn ông nên trút cơn dâm dục của mình vào gái điếm còn hơn là đe dọa sự ổn định gia đình và xã hội bằng cách "lừa gạt" "phụ nữ đoan chính". Arthur Shopenhauer, triết gia thế kỷ XIX, nhận thấy rằng: "chỉ riêng ở London đã có 80.000 gái điếm; và họ là gì nếu như không phải là vật hy sinh trên bàn thờ của hôn nhân một vợ một chồng?"*

Chắc chắn Charles Darwin không miễn nhiễm với căn bệnh sợ tình dục ở thời đại mình. Trên thực tế, người ta có thể lập luận rằng ông cực kỳ nhạy cảm với ảnh hưởng của nó, phần lớn là do ông trưởng thành dưới cái bóng trí tuệ của người ông nổi tiếng - và vô liêm sỉ - Erasmus Darwin*, từng nhạo báng các tập tục tình dục thời đó bằng cách có con với nhiều phụ nữ khác nhau và thậm chí còn đi xa tới mức ca ngợi tình dục bầy đàn trong thơ của mình*. Cái chết của mẹ Charles khi ông mới tám tuổi có thể cũng đã làm tăng cảm nhận của ông về phụ nữ như những thiên thần lững lờ bay trên những ham muốn và khao khát trần tục đáng xấu hổ.

Chuyên gia tâm thần học John Bowlby, một trong những người

viết tiểu sử về Darwin được đánh giá cao, quy các triệu chứng suốt đời của ông như lo lắng, trầm cảm, đau đầu mãn tính, chóng mặt, buồn nôn, nôn mửa và khóc như điên dại khớp với tâm trạng lo lắng của trẻ con xa mẹ do ông sớm mất mẹ*. Cách giải thích này càng thêm thuyết phục nhờ một lá thư mà anh chàng Charles trưởng thành viết cho một người bà con vừa mất vợ: "Trong đời tôi chưa bao giờ mất một người thân nào cả", ông viết, rõ ràng là đang kìm nén ký ức về cái chết của mẹ mình: "Tôi dám nói rằng tôi không thể hình dung nổi nỗi đau buồn của anh lớn đến mức nào." Một biểu hiện nữa của vết sẹo tâm lý này đã được cháu gái ông kể lại về một lần Charles đã rất khó chịu khi có người thêm chữ 'M' vào trước từ 'OTHER'* trong một trò tương tự như trò xếp chữ. Charles nhìn tấm bảng một lúc lâu trước khi tuyên bố, trước sự bối rối của mọi người, là không hề tồn tại một từ như vậy*.

Có vẻ như trạng thái ác cảm quá mức kiểu Victoria đối với tình dục đã được truyền vào cô con gái lớn tuổi nhất còn sống đến bây giờ của Charles, Henrietta. "Etty", như người ta vẫn thường gọi, đã biên tập sách của bố, dùng chì màu xanh dương tô những đoạn mà bà cho rằng không phù hợp. Chẳng hạn, trong hồi ký của Charles về người ông phong lưu, bà xóa chỗ nhắc đến "tình yêu phụ nữ cháy bỏng" của Erasmus. Bà cũng xóa những đoạn mang tính "xúc phạm" trong *Nguồn gốc con người* và tự truyện của Darwin.

Sự hăng hái cứng nhắc của Etty trong việc xóa bỏ bất cứ điều gì liên quan đến tình dục không chỉ giới hạn ở ngôn từ trong văn bản. Bà còn bị ám ảnh với nấm cu chó (*Phallus ravenelii*) vẫn mọc trong rừng quanh khu đất nhà Darwin. Hiển nhiên, việc loài nấm này giống với dương vật người là không thể chịu đựng nổi đối với bà. Nhiều năm sau, cháu gái của Etty (cháu ngoại của Charles) nhớ

lại: "Dì Etty… mang theo một chiếc giỏ, một cây gậy nhọn đầu, khoác một chiếc áo choàng săn đặc biệt và đeo găng", rồi đi lùng loài nấm này. Đến cuối ngày, dì Etty "đốt [chúng] một cách cực kỳ bí mật trong bếp lò phòng vẽ, cửa khóa chặt - bởi đạo đức của gái chưa chồng".*

> *Người sẽ ôm lấy ngươi, khi người dùng đến sức mạnh mới lạ của niềm đam mê, một điều gì đó đẹp đẽ hơn hẳn con chó của người và thân thương hơn con ngựa của người đôi chút.*
>
> **• BÁ TƯỚC, ALFRED, *Tennyson***

Đừng hiểu sai ý của chúng tôi. Darwin biết rất nhiều và ông xứng đáng với vị trí trong ngôi đền của những nhà tư tưởng vĩ đại. Nếu là một kẻ công kích Darwin đang tìm kiếm sự ủng hộ, bạn sẽ tìm thấy rất ít ở đây. Charles Darwin là một thiên tài và là một quý ông mà chúng tôi vô cùng kính trọng. Nhưng như thường thấy ở các thiên tài nam giới, ông có đôi chút mù mờ khi nói đến phụ nữ.

Khi bàn đến hành vi tình dục ở con người, gần như Darwin không có gì ngoài những phỏng đoán. Trải nghiệm tình dục của bản thân ông có vẻ như chỉ giới hạn ở người vợ vô cùng chừng mực, Emma Wedgewood, đồng thời cũng là em họ đời thứ nhất và là em dâu của ông. Trong chuyến đi vòng quanh thế giới trên tàu Beagle, dường như nhà tự nhiên học trẻ tuổi chưa bao giờ lên bờ tìm kiếm niềm vui tình dục và xác thịt như nhiều đàn ông đi biển thời đó. Darwin quá rụt rè đối với loại hình thu thập dữ liệu được Herman Melville* kể lại trong hai cuốn tiểu thuyết bán chạy nhất của ông là *Typee* và *Omoo*, hoặc với việc lấy những lạc thú đã dẫn tới cuộc

binh biến trên tàu *The Bounty* ở Nam Thái Bình Dương trước đó vài thập kỷ làm ví dụ.

Darwin cân nhắc hôn nhân về mặt lý thuyết, trước cả khi ông nghĩ tới bất cứ người phụ nữ cụ thể nào trong đầu. Ông phác ra những điều hơn lẽ thiệt ở hai cột trong cuốn sổ của mình: *Cưới* và *Không cưới*. Ở bên cột *Cưới*, ông liệt kê: "Con cái - (nếu làm vui lòng Chúa) - Người đồng hành chung thủy, (và là bạn lúc tuổi già) sẽ quan tâm đến mình - đối tượng để yêu thương và để cùng nô đùa - Dù sao cũng tốt hơn nuôi chó... chuyện gẫu với phụ nữ... *nhưng mất thời gian kinh khủng.*"

Ở mặt kia của trang giấy, Darwin nêu ra những lo lắng như: "Tự do đi nơi nào mình thích - lựa chọn các đối tượng giao du (*rất ít*)... Không bị bắt đi thăm họ hàng và dồn tâm trí vào từng chuyện nhỏ... béo ú và lười nhác - lo lắng và trách nhiệm... Có lẽ vợ mình sẽ (vì vậy mà) không thích London; vậy thì hình phạt là lưu đày và giáng xuống làm một kẻ ngốc lười biếng."*

Dù hóa ra Darwin lại là một người chồng và người cha đầy thương yêu, nhưng những điều hơn lẽ thiệt này về hôn nhân cho thấy suýt nữa ông đã chọn một con chó làm bạn đồng hành.

FLINTSTONE HÓA THỜI TIỀN SỬ

"Đánh giá thói quen giao tiếp của con người như những gì con người đang thể hiện" không phải là một phương pháp đáng tin cậy để hiểu thời kỳ tiền sử (mặc dù phải thừa nhận là Darwin không có gì nhiều hơn để tư duy). Công cuộc tìm kiếm manh mối về quá khứ xa xưa trong những chi tiết của hiện tại sẽ dẫn ngay đến xu hướng tạo ra những câu chuyện giống với huyền thoại tự-bào-chữa hơn là khoa học.

Từ *huyền thoại* ở đây đã bị hạ thấp giá trị và xem nhẹ trong cách dùng hiện đại; nó thường được dùng để chỉ một cái gì đó giả tạo, dối trá. Nhưng cách dùng này thiếu mất chức năng sâu xa nhất của *huyền thoại*, vốn mang lại trình tự tường thuật cho các mẩu thông tin mà rõ ràng là rời rạc, cũng là cách mà các chòm sao gom những ngôi sao xa nhau kinh khủng thành những kiểu mẫu chặt chẽ, dễ nhận biết, vừa ảo vừa thật. Các nhà tâm lý học David Feinstein và Stanley Krippner giải thích: "Huyền thoại học là cái khung cửi mà trên đó [chúng ta] dệt thứ nguyên liệu thô của trải nghiệm hằng ngày thành một câu chuyện mạch lạc. Công việc dệt này trở nên cực kỳ khó khăn khi chúng ta huyền thoại hóa trải nghiệm hằng ngày của tổ tiên sống cách chúng ta 20 hoặc 30 nghìn năm hoặc hơn. Và quả chúng ta thường vô tình dệt mãi những trải nghiệm của bản thân thành tấm vải tiền sử. Đây là xu hướng phổ biến phản ánh những khuynh hướng văn hóa đương đại vào quá trình "*Flintstone* hóa" quá khứ xa xưa.

Vì *Flintstones** là "gia đình đồ đá hiện đại", những suy đoán khoa học đương đại liên quan đến đời sống con người tiền sử thường bị bóp méo bởi các giả định *có vẻ như* cực kỳ hợp lý. Nhưng các giả định này có thể kéo chúng ta xa khỏi con đường tới sự thật.

Quá trình *Flintstone* hóa có hai phụ huynh: thiếu tư liệu vững chắc và nhu cầu về mặt tâm lý muốn giải thích, biện minh và kỷ niệm cuộc sống cũng như thời đại của ai đó. Nhưng để phục vụ mục đích của chúng ta, quá trình *Flintstone* hóa có ít nhất ba ông nội uyên thâm: Hobbes, Rousseau và Malthus.

Thomas Hobbes* (1588-1679), một người tị nạn chiến tranh cô độc, sợ hãi ở Paris, đã bị Flintstone hóa khi ông nhìn vào đám sương mù tiền sử và vẽ ra đời sống khổ sở của con người, vốn rất

"cô độc, nghèo nàn, bẩn thỉu, tàn bạo và ngắn ngủi". Ông vẽ ra một thời kỳ tiền sử cực kỳ giống với thế giới mà ông thấy quanh mình ở châu Âu thế kỷ XVII, nhưng tệ hơn nhiều trong mỗi khía cạnh. Được thúc đẩy bởi một nghiên cứu tâm lý học hoàn toàn khác biệt, Jean-Jacques Rousseau* (1712-1778) quan sát sự khổ sở và bẩn thỉu của xã hội châu Âu và nghĩ rằng đã nhìn thấy sự mục nát của bản chất con người nguyên thủy. Những câu chuyện về người hoang dã đơn giản ở châu Mỹ của du khách đã khích động thêm những hình ảnh tưởng tượng đầy lãng mạn của ông. Con lắc tri thức quay ngược về quan điểm của Hobbes sau đó vài thập kỷ, khi Thomas Malthus* (1766-1834) tuyên bố đã chứng minh được rằng nghèo đói cùng cực và sự tuyệt vọng đi cùng nó là đặc trưng vĩnh viễn của thân phận con người. Ông lập luận, nghèo đói cơ cực là bản chất của bài toán sinh sản ở loài có vú. Do dân số tăng theo cấp số nhân, sau mỗi thế hệ lại tăng lên gấp đôi (2, 4, 8, 16, 32...) trong khi nông dân chỉ có thể tăng nguồn cung thực phẩm bằng cách tăng diện tích gieo trồng theo cấp số cộng (1, 2, 3, 4,...) sẽ không bao giờ - *không bao giờ có thể* - có đủ thức ăn cho tất cả mọi người. Do đó, Malthus kết luận rằng nghèo đói là không thể tránh khỏi, giống như gió mưa vậy. Không phải lỗi của ai cả. Tự nhiên là thế. Kết luận này rất phổ biến với người giàu có và quyền lực, vốn háo hức một cách dễ hiểu trong việc lý giải tài sản kếch xù của mình và giải thích cho sự khốn khổ của người nghèo.

Giây phút *eureka* của Darwin là món quà của hai ông Thomas ghê gớm và một ông Fred thân thiện: Hobbes, Malthus và Flintstone, lần lượt như vậy. Bằng cách khớp nối một bản mô tả chi tiết (dù sai lầm) về bản chất con người và các kiểu đời sống của con người thời tiền sử, Hobbes và Malthus cung cấp bối cảnh trí tuệ cho

giả thuyết của Darwin về chọn lọc tự nhiên. Không may là những giả định hoàn toàn *Flintstone* của họ đã được tích hợp vào suy nghĩ của Darwin và tồn tại dai dẳng đến tận ngày hôm nay.

Giọng nói chừng mực của khoa học nghiêm túc thường che đậy bản chất thần bí của những gì chúng ta được kể về tiền sử. Thường thì sự thần bí này rất bất thường, không chính xác và mang tính tự biện.

Tham vọng chính của chúng tôi trong cuốn sách này là tách một số ngôi sao nói trên ra khỏi chòm sao. Chúng tôi tin rằng huyền thoại nhìn chung được chấp nhận về nguồn gốc và bản chất dục tính của loài người không chỉ sai sự thật mà còn mang tính hủy diệt, làm sai lệch ý nghĩa của quá trình tiến hóa loài người. Câu chuyện sai lạc này làm méo mó hiểu biết của chúng ta về năng lực và nhu cầu của con người. Nó chẳng khác gì quảng cáo cho một cái áo hầu như không vừa với ai cả. Nhưng dù sao đi nữa thì chúng ta ai nấy đều phải mua và mặc.

Giống như mọi huyền thoại, câu chuyện này tìm cách định nghĩa chúng ta là ai và là cái gì, theo đó chúng ta có thể mong đợi và đòi hỏi gì ở nhau. Trong nhiều thế kỷ, giới chức tôn giáo đã gieo rắc thứ định nghĩa này, cảnh báo về lũ rắn, bọn đàn bà dối trá, giới luật và nỗi đau vĩnh cửu. Nhưng gần đây, nó được rao giảng cho xã hội thế tục như một thứ khoa học phức tạp.

Ví dụ thì nhan nhản. Viết trên tạp chí uy tín *Science,* nhà nhân học Owen Lovejoy nói rằng: "Có lẽ gia đình hạt nhân và hành vi tình dục của con người có nguồn gốc sâu xa rất lâu trước khi hình thành kỷ *Pleistocene* (cách đây 1,8 triệu năm)." Nhà nhân học nổi tiếng Helen Fisher cũng viết: "Phải chăng hôn nhân một vợ một chồng là điều tự nhiên?" Bà đưa ra câu trả lời chỉ có một từ duy

nhất: "Đúng." Sau đó bà nói tiếp: "Ở loài người… *hôn nhân một vợ một chồng là nguyên tắc."*

Có vẻ như nhiều nhân tố khác của thời kỳ tiền sử loài người nép sát vào nhau trong mô tả chuẩn mực về quá trình tiến hóa tình dục ở con người. Nhưng hãy nhớ rằng, *có vẻ như* anh chàng Da Đỏ đó đã trả lời câu hỏi của Cortés và *có vẻ như* đối với Giáo hoàng Urban VIII cũng như hầu hết mọi người khác, Trái đất đứng yên ở tâm hệ mặt trời là điều không phải bàn cãi. Tập trung vào các lợi ích giả định về dinh dưỡng trong việc kết đôi, nhà động vật học kiêm tác gia phi hư cấu* Matt Ridley thể hiện sự quyến rũ trong sự đồng nhất rõ ràng này: "Não to cần thịt… (và) việc chia sẻ thức ăn cho phép người ta có một thực đơn nhiều thịt (bởi nó giúp con người tránh khỏi nguy cơ thất bại khi theo đuổi trò chơi)… (và) việc chia sẻ thức ăn đòi hỏi phải có não lớn (không có những ký ức của việc tính toán chi tiết, bạn có thể dễ dàng bị tay khuân vác miễn phí lừa gạt)." Đến đây thì vẫn ổn. Nhưng giờ thì Ridley chèn các bước nhảy quyến rũ vào điệu nhảy của mình: "Sự phân chia sức lao động theo giới tính đã thúc đẩy hôn nhân một vợ một chồng (khế ước kết đôi nay trở thành đơn vị kinh tế); hôn nhân một vợ một chồng dẫn tới chọn lọc tính dục theo tiêu chí trẻ trung (bằng cách ưu tiên sự trẻ trung ở bạn đời)." Nó là một điệu van-xơ, trong đó một giả định xoay tròn vào giả định tiếp theo, cứ thế trở thành "một hình trôn ốc với khoảng cách dễ chịu giữa các vòng, cho thấy chúng ta đã trở thành con người ngày nay như thế nào"*.

Hãy để ý tới cách thức từng nhân tố đoán biết trước nhân tố tiếp theo như thế nào, và tất cả cùng nhau tạo thành một chòm sao hoàn chỉnh và dường như giải thích được quá trình tiến hóa tính dục ở con người ra sao.

Các vì sao ở xa thuộc chòm sao chuẩn bao gồm:

Cá thể đực người tiền sử quyết định "đầu tư" vào một cá thể cái và con cô ấy như thế nào;

Cơn ghen tính dục ở nam giới và tiêu chuẩn kép liên quan đến quyền tự chủ và tình dục ở nam giới và nữ giới;

"Một sự thực" thường được nhắc đi nhắc lại là thời gian rụng trứng của phụ nữ "bị giấu kín";

Bộ ngực hấp dẫn đến mức khó hiểu của phụ nữ;

Sự lừa dối và phản bội khét tiếng của nàng, khởi nguồn của nhiều bản nhạc blue và đồng quê cổ điển;

Và tất nhiên, độ háo hức nổi tiếng của đàn ông trong việc quan hệ tình dục với bất cứ cô nàng nào - nguồn nhạc liệu cũng không kém phần phong phú.

Đây là điều chúng ta đang phải đối mặt. Nó là bài hát mạnh mẽ, súc tích, tự thay đổi cường độ và mở trên radio suốt ngày đêm... nhưng vẫn sai, bạn thân mến ạ, quá sai.

Trên phương diện khoa học, mô tả chuẩn mực đúng đắn y như câu chuyện về Adam và Eve. Thực ra, bằng nhiều cách thức, nó là bản kể lại mới, mang tính khoa học về câu chuyện phạm tội tổ tông được mô tả trong *Sáng thế ký* - đầy đủ lừa gạt tình dục, điều cấm kỵ và tội lỗi. Nó che giấu sự thật về hoạt động tính dục loài người đằng sau chiếc lá sung thận trọng lỗi thời kiểu Victoria dưới danh nghĩa khoa học. Nhưng khoa học thực thụ - ngược với huyền thoại có cách nhìn trộm từ đằng sau chiếc lá sung.

Charles Darwin đề xuất hai cơ chế cơ bản của quá trình tiến hóa. Cơ chế thứ nhất, được biết đến nhiều hơn, là chọn lọc tự nhiên. Về sau nhà triết học kinh tế Herbert Spencer* đưa ra thành ngữ

"sự tồn tại của kẻ thích hợp nhất" để mô tả cơ chế này, mặc dù hầu hết giới sinh học vẫn thích khái niệm "chọn lọc tự nhiên" hơn. Cần hiểu rằng tiến hóa *không* hàm ý một quá trình tiến bộ. Chọn lọc tự nhiên chỉ khẳng định rằng các loài thay đổi khi chúng thích nghi với môi trường biến-đổi-không-ngừng. Một trong những sai lầm thường mắc phải của những người theo chủ nghĩa Darwin mới là cho rằng tiến hóa là một quá trình trong đó con người hoặc xã hội loài người trở nên *tốt đẹp hơn**. Không hề.

Các sinh vật vượt qua chọn lọc tự nhiên là những loài có khả năng sống sót tốt nhất trong môi trường luôn biến đổi và sản sinh thế hệ kế tiếp. Là những kẻ sống sót, mã di truyền của chúng chắc chắn chứa đựng thông tin có lợi cho con cháu trong *chính môi trường* đó. Nhưng môi trường này vẫn có thể thay đổi bất kỳ lúc nào, vì vậy bất cứ lợi thế tiến hóa nào cũng có thể bị vô hiệu hóa.

Charles Darwin còn lâu mới là người đầu tiên đề xướng rằng có một số hình thức tiến hóa nào đó đang diễn ra trong thế giới tự nhiên. Ông nội của Darwin, Erasmus Darwin, là người đã để ý đến quá trình phân hóa rõ ràng ở cả thực vật lẫn động vật. Câu hỏi lớn ở đây là quá trình đó diễn ra như thế nào? Cơ chế nào khiến các loài trở nên khác nhau? Darwin đặc biệt kinh ngạc trước những thay đổi nhỏ giữa các loài chim sẻ mà ông nhìn thấy trên nhiều hòn đảo thuộc quần đảo Galapagos*. Điều này cho thấy môi trường rất quan trọng đối với quá trình này, nhưng mãi về sau ông vẫn chưa tài nào giải thích nổi làm thế nào mà môi trường lại hình thành nên các sinh vật này sau nhiều thế hệ.

TÂM LÝ HỌC TIẾN HÓA LÀ GÌ VÀ TẠI SAO BẠN LẠI NÊN QUAN TÂM TỚI NÓ?

Thuyết tiến hóa được áp dụng cho các vấn đề thuộc cơ thể gần như từ khi Darwin cho ra mắt cuốn *Nguồn gốc các loài*. Ông đã giữ bí mật học thuyết của mình suốt nhiều thập kỷ, sợ rằng cuốn sách chắc chắn sẽ gây ra tranh cãi. Nếu bạn muốn biết tại sao ở con người tai mọc hai bên đầu còn mắt lại nằm ở phía trước, thuyết tiến hóa có thể giải thích cho bạn hiểu, cũng như có thể giải thích tại sao loài chim mắt lại ở hai bên đầu còn tai thì rất khó nhìn thấy. Nói cách khác, thuyết tiến hóa đưa ra lời giải thích về việc cơ thể hình thành như thế nào.

Năm 1975, E. O. Wilson* đưa ra một đề xuất quan trọng. Trong cuốn sách ngắn gây kinh ngạc có tên là *Sociobiology* (tạm dịch: *Sinh học xã hội*), Wilson lập luận rằng thuyết tiến hóa có thể, mà thực ra là phải được, áp dụng vào cách tư duy về nguồn gốc hành vi của chúng ta -chứ không chỉ về cơ thể. Về sau, để tránh những ngụ ý tiêu cực đang tích lũy nhanh chóng, giống như ngụ ý liên quan đến thuyết ưu sinh (do người anh họ của Darwin là Francis Galton lập ra), cách tiếp cận này được đặt tên là "tâm lý học tiến hóa". Wilson đề xuất phải dùng thuyết tiến hóa để thay đổi một số "vấn đề cốt lõi… cực kỳ quan trọng: Trí óc hoạt động ra sao và hơn thế nữa là tại sao lại hoạt động theo hướng đó chứ không phải hướng khác, xét trên cả hai xu hướng đó thì bản chất tối hậu của con người là gì?" Ông lập luận rằng thuyết tiến hóa là "giả thuyết căn bản đầu tiên cho bất cứ tư duy nghiêm túc nào về thân phận con người", và rằng, "thiếu nó thì khoa học xã hội và nhân văn chỉ là những biểu hiện hạn chế về các hiện tượng bề mặt, giống như thiên văn học thiếu vật lý, sinh học thiếu hóa học và toán học không có đại số".

Khởi đầu bằng cuốn *Sinh học xã hội*, và sau đó ba năm là cuốn

On Human Nature (Về bản tính người) cũng của Wilson, các nhà lý thuyết tiến hóa bắt đầu chuyển trọng tâm từ mắt, tai, lông vũ, lông mao, sang những vấn đề ít hữu hình hơn nhưng lại dễ gây tranh cãi hơn như tình yêu, ghen tuông, lựa chọn đôi lứa, chiến tranh, giết người, hiếp dâm và vị tha. Các đề tài thú vị được chọn ra từ các anh hùng ca và phim truyền hình dài tập được đưa vào các cuộc nghiên cứu và tranh cãi đầy trí tuệ trong các trường đại học danh tiếng của Mỹ. Tâm lý học tiến hóa ra đời.

Đây là một ca khó đỡ. Nhiều người ghét cái hàm ý rằng suy nghĩ và cảm giác của chúng ta được ghi sẵn vào mã di truyền, giống như hình dạng cái đầu hoặc chiều dài ngón tay vậy - và vì thế không bỏ qua được và cũng không thay đổi được. Nghiên cứu về tâm lý học tiến hóa nhanh chóng tập trung vào những điểm khác biệt giữa nam và nữ, được cho là đã phân ra theo hai hướng tiến hóa về sinh sản khác nhau. Giới phê bình nhận thấy các ngụ ý của thuyết tiền định chủng tộc cũng như thành kiến tự mãn vốn biện hộ cho hàng thế kỷ chinh phục, chế độ nô lệ và sự kỳ thị.

Mặc dù Wilson không bao giờ nói rằng *chỉ duy nhất* sự di truyền gene tạo ra các hiện tượng tâm lý, mà chỉ nói rằng các xu hướng tiến hóa ảnh hưởng đến nhận thức và hành vi, nhưng hiểu biết khiêm tốn của ông nhanh chóng bị che mờ bởi các cuộc tranh cãi thái quá nổi lên sau đó. Nhiều nhà nghiên cứu khoa học xã hội thời đó cho rằng loài người là những sinh vật văn hóa gần như hoàn hảo; tấm bảng trắng [*blank slate*] sẽ được xã hội điền vào*. Nhưng cái nhìn của Wilson lại cực kỳ hấp dẫn đối với các học giả vốn rất háo hức trong việc giới thiệu một phương pháp luận khoa học khắt khe hơn vào các lĩnh vực mà họ cho là quá chủ quan và bị bóp méo bởi quan điểm chính trị tự do cũng như lối tư duy mơ mộng. Nhiều

thập kỷ sau, hai phe của cuộc tranh luận này vẫn cố thủ trong quan điểm cực đoan của mình: bản chất con người có sẵn trong gene hay được hình thành qua giao tiếp. Như bạn nghĩ, sự thật - và nghiên cứu khoa học giá trị nhất được tiến hành trong lĩnh vực này - nằm đâu đó giữa hai quan điểm kể trên.

Ngày nay, những người tự cho là phe "thực tế" trong phái tâm lý học tiến hóa cho rằng bản chất loài người khiến chúng ta gây lộn với hàng xóm, dối trá với vợ/chồng và hành hạ con ghẻ. Họ lập luận rằng hiếp dâm là một chiến lược duy trì nòi giống thành công còn hôn nhân rốt cuộc là một cuộc đấu tranh không-có-kẻ-thắng mà hai bên chắc chắn đều thất vọng. Tình yêu lãng mạn hạ thấp thành một phản ứng hóa học nhử chúng ta vào mớ bòng bong sinh sản mà tình mẫu/phụ tử khiến chúng ta không tài nào thoát ra được. Quan điểm của họ là một bản mô tả hết sức đầy đủ tuyên bố sẽ giải thích ngọn ngành vấn đề*.

Tất nhiên, có nhiều nhà khoa học hoạt động trong lĩnh vực tâm lý học tiến hóa, nghiên cứu động vật linh trưởng, sinh học tiến hóa và các lĩnh vực khác nữa không đồng tình với mô tả chuẩn mực mà chúng ta đang phê bình trong những trang này, hoặc những mô hình của họ giống nhau ở điểm này nhưng lại khác xa nhau ở điểm khác. Hy vọng họ sẽ bỏ qua nếu như đôi lúc chúng tôi có vẻ quá đơn giản hóa nhằm minh họa một cách rõ ràng hơn những nét chính của các mô hình mà vẫn không bị lạc trong đống khác biệt nho nhỏ.

Mô tả chuẩn mực của tâm lý học tiến hóa chứa đựng nhiều mâu thuẫn hiển nhiên, nhưng một trong những điểm đáng chú ý nhất lại liên quan đến ham muốn ở nữ giới. Người ta cứ nói suốt với chúng ta rằng, phụ nữ là phái kén cá chọn canh, và dè dặt với tình dục. Nam giới dùng năng lượng bản thân để gây ấn tượng với phụ

nữ như chưng diện đồng hồ đắt tiền, lái những chiếc xe thể thao mới láng bóng, bon chen để có được danh tiếng, chỗ đứng và quyền lực - tất cả chỉ nhằm thuyết phục đám phụ nữ bẽn lẽn kia trao tặng thứ đặc ân tình dục vốn được bảo vệ kỹ lưỡng của mình. Tuy nhiên về phần phụ nữ, mô tả chuẩn mực lại khẳng định rằng tình dục là nhằm đảm bảo an toàn cho mối quan hệ; lạc thú thể xác chẳng qua chỉ là niềm vui tình cờ mà thôi*. Darwin đồng ý với quan điểm này. Khái niệm phụ nữ "nhút nhát" "cần phải được tán tỉnh" đã ăn sâu trong thuyết chọn lọc tính dục của ông.

Người ta bảo rằng nếu phụ nữ lại nhiều ham muốn như đàn ông, xã hội loài người sẽ sụp đổ. Vào năm 1875, Lord Acton* chỉ nhắc lại điều ai cũng biết khi tuyên bố rằng: "Phần lớn đàn bà, rất may mắn cho họ và cả xã hội, là không gặp nhiều rắc rối lắm với cảm giác tình dục ở bất cứ hình thức nào."

Mặc dù liên tục quả quyết rằng phụ nữ không phải là kẻ đặc biệt ham muốn, trong nhiều nền văn hóa trên khắp thế giới, nam giới vẫn làm đủ mọi cách để kiểm soát ham muốn của phụ nữ: cắt xẻo âm vật, mặc đồ trùm kín từ đầu đến chân, thiêu phù thủy thời Trung cổ, khóa trinh tiết, áo ngực thắt đến nghẹt thở, thì thầm sỉ nhục bọn đĩ điếm "hoang đàng", xem là bệnh hoạn, khám bệnh theo kiểu gia trưởng, dùng những lời dè bỉu nặng nề đổ lên bất cứ người phụ nữ nào quyết định hào phóng với hoạt động tình dục... Tất cả đều là những thành tố rõ ràng của một chiến dịch che giấu ham muốn tình dục ở nữ giới vốn bị xem là không có gì nổi bật. Tại sao phải dùng hàng rào an ninh kẽm gai có điện để giữ một con mèo con?

* * *

Vị thần Hy Lạp, Tiresias có một quan điểm độc đáo về lạc thú tình dục ở nam giới và nữ giới.

Khi còn trẻ, Tiresias bắt gặp hai con rắn đang xoắn lấy nhau giao hợp. Ông dùng cây gậy chống tách hai con rắn đang say đắm ra và bỗng nhiên ông biến thành phụ nữ.

Bảy năm sau, bà Tiresias khi đi ngang qua khu rừng thì lại quấy quả hai con rắn đang trong giây phút riêng tư. Đưa cây gậy tách chúng ra, bà hoàn tất chu kỳ và biến trở lại thành đàn ông.

Chính trải nghiệm độc đáo này đã khiến cặp đôi số một của điện thờ bách thần Hy Lạp, Zeus và Hera, triệu Tiresias đến để giải quyết một vụ tranh cãi dai dẳng trong hôn nhân: ai thích tình dục hơn, nam giới hay nữ giới? Zeus quả quyết là phụ nữ, nhưng Hera phản đối. Tiresias trả lời rằng không những phụ nữ thích tình dục hơn nam giới, mà còn thích hơn đến chín lần!

Câu trả lời của ông khiến Hera giận dữ đến mức đánh mù mắt ông. Cảm thấy mình có phần trách nhiệm vì đã lôi Tiresias tội nghiệp vào vụ rắc rối này, Zeus tìm cách khắc phục bằng cách ban cho ông tài tiên tri. Chính ở trong tình trạng mù lòa này, Tiresias nhìn thấy định mệnh khủng khiếp của Oedipus: vô tình giết cha đẻ và lấy mẹ ruột mình.

Đức cha Peter xứ Tây Ban Nha*, tác giả của một trong những cuốn sách y khoa được đọc nhiều nhất trong thế kỷ XIII, *Thesaurus Pauperum* (tạm dịch: *Kho báu của người nghèo*), thì khéo léo hơn khi đối diện với vấn đề tương tự. Câu trả lời của ông (đưa ra trong cuốn *Quaestiones super Viaticum* (tạm dịch: *Những câu hỏi về lễ ban Thánh thể*) là dù phụ nữ thật sự hưởng nhiều khoái cảm hơn, nhưng lạc thú tình dục của nam giới lại có chất lượng cao hơn.

Cuốn sách của ông còn nêu ra nguyên liệu cho 34 loại thuốc kích dục, 56 đơn thuốc tăng cường ham muốn tình dục nam giới và các phương pháp tránh thai dành cho phụ nữ. Có lẽ chính tài ngoại giao, lời khuyên về phương pháp tránh thai, hoặc tư duy cởi mở của ông đã góp phần gây ra một trong những bước ngoặt kỳ lạ và bi thảm nhất trong lịch sử. Năm 1276, Đức cha Peter xứ Tây Ban Nha được bầu làm Giáo hoàng John XXI, nhưng chết sau đó chín tháng vì bị trần thư viện sụp một cách đáng ngờ đè lên người lúc ông đang ngủ.

Tại sao những chuyện kiểu này lại quan trọng? Tại sao chúng ta lại cần phải điều chỉnh những quan niệm sai lầm phổ biến về quá trình tiến hóa tình dục của loài người?

Hãy cứ tự hỏi bản thân xem điều gì sẽ thay đổi nếu ai cũng biết rằng phụ nữ cũng (hoặc ít ra là có thể, trong những trường hợp thích hợp) thích tình dục như nam giới, chưa nói đến tám hay chín lần hơn như Tiresias tuyên bố? Nếu Darwin sai về bản năng giới tính hay e ngại chọn lựa của phụ nữ - bị chứng sợ tình dục thời Victoria của ông gây sai lệch - thì sao? Nếu bí mật lớn nhất của thời Victoria là cả nam giới và nữ giới đều là nạn nhân của chương trình tuyên truyền sai lệch về bản chất tình dục thật của chúng ta và "cuộc chiến giữa hai giới tính" - vẫn diễn ra đến tận ngày nay - là một chiến dịch nghi binh, sự né tránh việc buộc tội lẫn nhau và là kẻ thù chung của chúng ta?

Chúng ta đang bị dẫn dắt sai đường và nhận thông tin sai lệch từ một câu thần chú vô căn cứ nhưng được lặp đi lặp lại về tính tự nhiên của hạnh phúc trong hôn nhân, sự dè dặt trong tình dục của phụ nữ và hôn nhân một vợ một chồng hạnh phúc đến trọn đời - một mô tả về cuộc đấu trí giữa nam giới và nữ giới trong bản tăng-

gô bi thảm đầy những kỳ vọng phi thực tế, những cơn cáu giận ngày càng lớn và luôn luôn là nỗi thất vọng ghê gớm. Sống dưới "nền chuyên chế hai người", như lời tác gia kiêm nhà phê bình truyền thông Laura Kipnis, chúng ta gánh sức nặng của "nỗi lo chủ yếu đối với tình yêu hiện đại", cụ thể là "kỳ vọng sự lãng mạn và hấp dẫn tính dục có thể tồn tại suốt thời gian chung sống bên nhau, mặc dù rất nhiều bằng chứng xác đáng cho thấy điều ngược lại"*.

Chúng ta xây dựng những mối quan hệ thiêng liêng nhất trong một cuộc chiến mà nỗi khao khát đã tiến hóa của chúng ta xung đột với câu chuyện thần thoại lãng mạn về hôn nhân một vợ một chồng. Như Andrew J. Cherlin kể lại trong *The Marriage-Go-Round* (tạm dịch: *Cãi cọ trong hôn nhân)*, mâu thuẫn không được giải quyết giữa con người thật của chúng ta với điều mà nhiều người muốn chúng ta trở thành đã dẫn đến "sự xáo trộn lớn trong đời sống gia đình Mỹ, sự đổ vỡ trong gia đình, các đối tác đến và đi với quy mô chưa từng thấy ở nơi nào khác". Nghiên cứu của Cherlin cho thấy rằng: "Trong đời sống cá nhân, người Mỹ có nhiều bạn tình hơn so với người ở bất cứ quốc gia phương Tây nào."

Nhưng chúng ta hiếm khi dám đối mặt với mâu thuẫn quan trọng nhất trong chính tư tưởng sai lầm về xung đột trong hôn nhân. Và nếu dám thì sao? Trong suốt cuộc thảo luận bàn tròn về một chính trị gia lập gia đình đã lâu và bị bắt quả tang trai trên gái dưới, diễn viên/nhà phê bình xã hội Bill Maher yêu cầu các vị khách trong chương trình truyền hình của ông hãy suy nghĩ về một thực tế không được nói ra trong những trường hợp như thế: "Khi đàn ông đã lấy vợ được 20 năm", Maher nói: "anh ta không muốn quan hệ với vợ nữa, hoặc vợ anh ta không muốn quan hệ với anh ta nữa. Thế nào cũng được. Câu trả lời đúng ở đây là gì? Tôi muốn nói

rằng, tôi biết anh ta xấu xa vì đã lừa dối, nhưng câu trả lời đúng ở đây là gì? Đó là cứ thế nghiến răng chịu đựng và sống nốt phần đời còn lại không một chút đam mê, rồi tưởng tượng đến người khác khi làm tình với vợ ba ngày trong cả năm và thế là có làm tình?" Sau một lúc rụt rè im lặng, một thành viên trong cuộc thảo luận của Maher trả lời: "Không, câu trả lời đúng là thoát khỏi mối quan hệ này… Phải làm thế. Tôi muốn nói rằng, anh là người lớn cơ mà." Một người khác đồng ý, nói thêm rằng: "Ở đất nước này ly hôn là hợp pháp." Người thứ ba, nhà báo P. J. O'Rourke bình thường vẫn hay nói thẳng, chỉ im lặng nhìn xuống giày*.

"Phải thoát khỏi mối quan hệ này ư?" Thật sao? Từ bỏ gia đình của mình thật sự là lựa chọn "người lớn" khi xử lý mâu thuẫn vĩnh cửu giữa những ý tưởng lãng mạn với thực tế chóng tàn của niềm đam mê tình dục, điều mà nhà văn Radclyffe Hall gọi là "nỗi buồn vô tận của khao khát đã được thỏa mãn?"*

Cảm nhận của Darwin về người phụ nữ nhút nhát không chỉ dựa trên những giả định thời Victoria của ông. Bên cạnh chọn lọc tự nhiên, ông còn đề xuất một cơ chế thứ hai dẫn đến tiến hóa: chọn lọc tính dục. Tiền đề trung tâm của chọn lọc tính dục là ở hầu hết các loài, con cái đầu tư vào lứa sau nhiều hơn hẳn con đực. Nó mắc kẹt với việc mang thai, tiết sữa và nuôi dưỡng con non lâu dài. Darwin lập luận rằng, do sự hy sinh không cân xứng này, con cái trở nên do dự hơn và cần phải được thuyết phục để tham gia - trong khi con đực, với cách tiếp cận chớp nhoáng vì mục đích duy trì nòi giống, lại háo hức làm công việc thuyết phục. Tâm lý học tiến hóa được xây dựng trên niềm tin cho rằng cách tiếp cận của phụ nữ và nam giới đối với việc kết đôi chứa đựng những mâu thuẫn vĩnh viễn.

Việc lựa chọn con đực để giao phối thường mang tính cạnh tranh của giống đực: cừu húc đầu vào nhau, công trống kéo lê chiếc đuôi sặc sỡ, thu hút thú dữ, đàn ông với những món quà đắt tiền thề thốt yêu đương mãi mãi bên ánh nến. Darwin cho rằng chọn lọc tính dục là một cuộc chiến giữa các con đực để được quan hệ tình dục với các con cái thụ động, mắn đẻ, vốn sẽ phục tùng kẻ chiến thắng. Với bối cảnh cạnh tranh mà các giả thuyết của ông đưa ra, ông tin rằng "quan hệ bừa bãi một cách tự do [là] cực kỳ khó xảy ra".

Nhưng ít ra còn có một người cùng thời với Darwin không tán thành quan điểm đó.

LEWIS HENRY MORGAN

Đối với người da trắng, ông là Lewis Henry Morgan (1818-1881), một luật sư ngành đường sắt rất quan tâm tới học thuật và những phương thức mà xã hội tự tổ chức*. Bộ tộc Seneca của quốc gia Iroquois đã nhận Morgan làm thành viên trưởng thành của tộc, đặt tên cho ông là *Tayadaowuhkuh*, nghĩa là "nối liền khoảng cách". Tại nhà mình gần Rochester, New York, Morgan dành thời gian vào buổi tối để nghiên cứu và viết lách, mang sự khắt khe của khoa học vào việc lý giải đời sống tình dục của những con người bị thời gian hay không gian khiến cho trở nên xa xôi. Là học giả Mỹ duy nhất được ba đại trí thức khác của thế kỷ là Darwin, Freud và Marx trích dẫn, nhiều người xem Morgan là nhà khoa học xã hội có ảnh hưởng lớn nhất đương thời và là cha đẻ của ngành nhân chủng học Mỹ. Có đôi chút mỉa mai là, có lẽ việc Marx và Engel ngưỡng mộ tư duy của Morgan là nguyên nhân khiến ngày nay tác phẩm của ông không được biết đến nhiều hơn. Mặc dù không phải là

người theo chủ nghĩa Marx, Morgan hoài nghi các giả định quan trọng của Darwin liên quan đến tầm quan trọng cốt lõi của sự cạnh tranh tình dục trong lịch sử loài người. Quan điểm này đủ khiến cho một số người ủng hộ Darwin thấy khó chịu - mặc dù chính Darwin lại không cảm thấy như thế, vì ông rất tôn trọng và ngưỡng mộ Morgan. Trên thực tế, Morgan và vợ đã có một đêm ở cùng với gia đình Darwin trên chuyến đi tới nước Anh; nhiều năm sau, hai người con trai của Darwin sống cùng gia đình Morgan tại nhà của họ ở vùng ngoại ô New York.

Morgan đặc biệt quan tâm đến sự tiến hóa của cấu trúc gia đình và toàn thể tổ chức xã hội. Ngược lại với lý thuyết của Darwin, ông đưa ra giả thuyết về một hoạt động tính dục bừa bãi hơn nhiều, rất đặc trưng của thời tiền sử. "Chồng thì lấy nhiều vợ, còn vợ thì lấy nhiều chồng, điều này bị xem là cổ hủ trong xã hội loài người. Một gia đình như vậy vừa không có gì là phản tự nhiên và cũng không có gì là ngoại lệ", ông viết. "Thật khó mà chỉ ra được bất kỳ sự khởi đầu khả dĩ nào của gia đình trong thời nguyên thủy." Sau đó mấy trang, Morgan kết luận rằng: "Có vẻ như buộc phải kết luận rằng 'tình trạng quan hệ bừa bãi' là đặc thù của thời tiền sử, 'mặc dù kết luận này bị một tác giả ưu tú như ngài Darwin hoài nghi'."

Lập luận của Morgan về tập quán quần hôn trong xã hội tiền sử (còn được gọi là *chế độ đa thê* hay *đám đông nguyên thủy* - thuật ngữ được học giả người Pháp là Charles Fourier đặt ra sau này đã ảnh hưởng mạnh đến tư duy của Darwin đến mức ông phải thừa nhận rằng: "Có vẻ chắc chắn là tập quán hôn nhân đó đã dần dần phát triển, và gần như việc quan hệ bừa bãi đã có thời cực kỳ phổ biến trên khắp thế giới." Với tính khiêm tốn nhã nhặn, Darwin đồng ý rằng có những "bộ lạc ngày nay" mà "tất cả nam nữ trong bộ

lạc đều là vợ chồng của nhau". Để tỏ lòng trân trọng với nghiên cứu học thuật của Morgan, Darwin nói tiếp: "Những ai nghiên cứu cặn kẽ nhất về đề tài này và có phân tích giá trị hơn nhiều so với tôi, tin rằng quần hôn là hình thức nguyên sơ và phổ biến trên toàn thế giới... Bằng chứng gián tiếp bổ trợ cho niềm tin này cực kỳ mạnh..."

Đúng là thế. Và bằng chứng đó - cả trực tiếp lẫn gián tiếp - đều phát triển mạnh hơn nhiều so với những gì mà Darwin, hay thậm chí Morgan hình dung được.

Nhưng trước hết, hãy nói kỹ hơn một chút về một từ. *Bừa bãi* với mỗi người một khác, vì vậy hãy định nghĩa thuật ngữ này. Từ gốc Latin là *miscere*, có nghĩa là pha trộn. Nó không ám chỉ sự kết đôi một cách ngẫu nhiên, bởi các ưu tiên và chọn lựa vẫn có vai trò ảnh hưởng trong đó. Chúng ta tìm một thuật ngữ khác để sử dụng trong cuốn sách này, một từ không gắn với nụ cười khẩy có ý dè bỉu, mà những từ đồng nghĩa với nó lại hàm ý rất tệ hại: dâm đãng, phóng đãng, dâm dật, sa ngã.

Hãy nhớ rằng khi mô tả tập quán tình dục ở các xã hội trên thế giới, tức là chúng tôi đang mô tả hành vi mà những người có thắc mắc thấy là bình thường. Trong cách dùng thông thường, từ *bừa bãi* ám chỉ hành vi vô đạo đức hoặc vô luân, ích kỷ và tàn nhẫn. Nhưng hầu hết những người mà chúng tôi sẽ mô tả đều hành xử tốt trong khuôn khổ những gì xã hội của họ cho là hành vi chấp nhận được. Họ không phải là những kẻ nổi loạn, tội phạm, hay mơ mộng không tưởng. Vì các nhóm hái lượm (dù ở ngày nay hay thời tiền sử) hiếm khi quá 100-150 người, mỗi người chắc chắn biết từng người vợ/chồng của mình một cách sâu sắc và mật thiết - có lẽ ở mức hơn nhiều so với người hiện đại biết về tình nhân ngẫu nhiên của bản thân.

Morgan khẳng định điều này trong cuốn *Ancient Society* (tạm dịch: *Xã hội cổ đại*): "Bức tranh về đời sống hoang dã không cần phải tạo ra cách mạng cho tư duy, bởi vì với họ đây là một dạng quan hệ hôn nhân, do đó không phải là thiếu đứng đắn."

Nhà sinh vật học Alan F. Dixson, tác giả của cuộc nghiên cứu lớn nhất về hoạt động tính dục của động vật linh trưởng (không hề ngạc nhiên khi đề tài có tên là *Hoạt động Tính dục ở Linh trưởng*), cũng đưa ra quan điểm tương tự về điều mà ông thích gọi là "hệ thống kết đôi nhiều nam-nhiều nữ" đặc trưng của những người bà con linh trưởng gần gũi nhất với chúng ta: tinh tinh và tinh tinh lùn. Ông viết: "Việc kết đôi rất hiếm khi bừa bãi trong các nhóm linh trưởng nhiều nam-nhiều nữ. Nhiều nhân tố, trong đó có quan hệ họ hàng, cấp bậc xã hội, sự hấp dẫn tính dục và sở thích tính dục cá nhân có thể sẽ ảnh hưởng đến việc lựa chọn bạn tình ở cả hai giới. Như vậy, gọi các hệ thống kết đôi như vậy là *bừa bãi* thì không đúng."*

Như vậy, nếu bừa bãi có nghĩa là đồng thời có nhiều mối quan hệ tính dục, vậy thì, vâng, tổ tiên chúng ta còn bừa bãi hơn nhiều so với tất cả những kẻ dâm dục nhất trong chúng ta. Mặt khác, nếu chúng ta hiểu rằng bừa bãi là do hoàn toàn thiếu phân biệt trong khi lựa chọn bạn tình hoặc quan hệ tình dục với người lạ ngẫu nhiên, vậy thì tổ tiên chúng ta còn kém bừa bãi hơn nhiều so với nhiều người hiện đại. Trong cuốn sách này, bừa bãi chỉ có nghĩa là một cá nhân có một số mối quan hệ tình dục đang diễn ra đồng thời. Với tình trạng đời sống tiền sử chia theo từng nhóm nhỏ, những bạn tình này lại càng không thể là người lạ.

3

ĐI SÂU HƠN VÀO MÔ TẢ CHUẨN MỰC VỀ TIẾN HÓA TÌNH DỤC Ở NGƯỜI

Chúng ta có tin tốt và tin xấu. Tin tốt là cái nhìn ảm đạm về hoạt động tính dục loài người phản ánh trong mô tả chuẩn mực rất sai lầm. Đàn ông không tiến hóa thành lũ đểu cáng lừa lọc và hàng triệu năm cũng không biến phụ nữ thành những cô ả đào mỏ, dối trá và tráo trở. Nhưng tin xấu là các cơ chế tiến hóa nằm ngoài phạm vi luân lý đã tạo ra một giống loài với một bí mật không thể giữ kín. *Homo sapiens* đã tiến hóa để trở nên ham muốn một cách vô liêm sỉ, không thể phủ nhận và không trốn tránh được. Đó là những kẻ phóng đãng dâm dục, trác táng, đểu cáng và dâm đãng. Mèo đực và lũ mèo cái động đực. Chó đực và lũ chó cái động đực.

Thật vậy, một số người vượt lên khía cạnh này trong bản chất của loài người (hoặc lún sâu hơn nữa). Nhưng những thôi thúc vô thức này duy trì ranh giới sinh học của chúng ta, điểm tham chiếu của chúng ta, số không trong hệ thống chữ số cá nhân của riêng chúng ta. Các khuynh hướng tiến hóa của chúng ta được cơ thể mà mỗi chúng ta chiếm giữ cho là "bình thường". Được gia cố bằng rất nhiều tội lỗi, sợ hãi, hổ thẹn và sự sứt mẻ trong cả cơ thể lẫn tâm hồn, ý chí có đôi chút kiểm soát đối với loại đòi hỏi, thôi thúc này.

Đôi khi. Thỉnh thoảng. Dăm thì mười họa. Nhưng ngay cả khi bị kiểm soát thì chúng vẫn không chịu chìm khuất. Như triết gia Schopenhauer nói: "*Mensch kann tun was er will; er kann aber nicht wollen was er will*" (tạm dịch: *Người ta có thể chọn làm cái gì, nhưng không thể chọn muốn cái gì.*)

Có được thừa nhận hay không thì khuynh hướng tiến hóa này vẫn tồn tại dai dẳng và gào thét đòi chúng ta phải để ý.

Việc phủ nhận bản chất tính dục tiến hóa của loài người có cái giá của nó, cái giá mà các cá nhân, cặp đôi, gia đình và xã hội phải trả từng ngày từng đêm. Cái giá này được trả bằng thứ mà E. O. Wilson gọi là "loại tiền tệ ít hữu hình hơn của hạnh phúc mà loài người phải chi ra để hạn chế khuynh hướng tự nhiên của chúng ta". Khoản đầu tư của xã hội chúng ta trong việc tiết chế tình dục là được hay mất lại là câu hỏi khác. Bây giờ, chúng tôi chỉ đề xuất rằng cố gắng vượt lên tự nhiên luôn là một nỗ lực mạo hiểm khiến chúng ta kiệt sức và thường dẫn đến thất bại thảm hại.

Bất cứ nỗ lực nào nhằm tìm hiểu xem chúng ta là ai, làm thế nào mà chúng ta lại trở thành như hiện nay và cần phải làm gì với điều đó đều phải bắt đầu bằng việc đối diện với các khuynh hướng tình dục của loài người tiến hóa. Tại sao lại có quá nhiều áp lực hòng cưỡng lại khả năng thỏa mãn liên tục của chúng ta? Tại sao hôn nhân theo đúng chuẩn mực lại đáng ghét đến thế? Làm thế nào chiến dịch gay gắt, liên miên của khoa học xã hội nhằm đòi hỏi *tính tự nhiên* của chế độ một vợ một chồng về mặt tính dục kết hợp với vài nghìn của mưa diêm sinh và lửa từ trời* lại thất bại trong việc giải thoát ngay cả các thầy tu, nhà thuyết pháp, chính trị gia và giáo sư khỏi các khuynh hướng bị cấm đoán của họ? Để nhìn chính mình như chúng ta vốn là thế, hãy bắt đầu bằng cách thừa nhận

rằng trong số tất cả mọi sinh vật trên trái đất, không loài nào ham muốn một cách gấp gáp, sáng tạo và liên tục như *Homo sapiens*.

Chúng tôi không tuyên bố rằng nam giới và nữ giới trải nghiệm tính đa dâm của mình giống hệt nhau, nhưng như Tiresias nói, khoái cảm giữa hai giới là so sánh được. Chắc chắn rằng, nam giới có xu hướng quan tâm đến bề ngoài của phụ nữ hơn, trong khi hầu hết phụ nữ lại thấy tính cách của nam giới lôi cuốn hơn nhiều so với ngoại hình (tất nhiên, trong giới hạn nào đó). Và sự thật là sinh lý phụ nữ khiến họ có nhiều điều phải cân nhắc trước khi quan hệ tình dục. Tác giả Naomi Wolf chỉ ra bối cảnh văn hóa quan trọng thế nào đối với các cô gái đến tuổi cập kê: "Tình dục... không hẳn là chúng ta được dạy phải làm gì với nó, mà là chúng ta được dạy phải suy nghĩ về nó như thế nào. Khuôn khổ có sẵn cho chúng ta quyết định, trong một cử chỉ hay hành động tình dục cụ thể nào đó, là chúng ta sẽ cảm thấy yếu hay mạnh, thấp hèn hay cao quý, tự quyết hay do người khác cho phép." Nhà soạn kịch Jerry Seinfeld tóm tắt các khía cạnh nam/nữ theo ngôn ngữ của ngọn lửa và lính cứu hỏa: "Nói về xung đột gay gắt cơ bản giữa nam giới và nữ giới trên phương diện tình dục thì nam giới giống như lính cứu hỏa vậy. Đối với nam giới, tình dục là một ca cứu hỏa, và bất kể đang làm gì thì cũng phải sẵn sàng trong thời gian hai phút. Ngược lại, phụ nữ giống như ngọn lửa. Họ rất hào hứng, nhưng mọi điều kiện phải cực kỳ thích hợp thì mới bùng cháy được."

Có thể với nhiều phụ nữ, cơn khát tình dục giống như cơn thèm ăn. Không như đa phần nam giới, không phải cô ấy chỉ khao khát được ăn, mà thích chờ đợi để được thỏa mãn một số điều cụ thể theo những cách nhất định. Khi đại đa số nam giới có thể và thật sự ham muốn phụ nữ một cách tượng trưng thì phụ nữ lại cho biết họ

muốn câu chuyện, nhân vật, một lý do cụ thể để làm tình*. Nói cách khác, chúng tôi đồng ý với nhiều quan sát quan trọng của tâm lý học tiến hóa - chính những giải thích méo mó, đầy mâu thuẫn nội tại dành cho các quan sát này mới có vấn đề.

Mặc dù vậy, có những cách giải thích đơn giản, hợp lý, nhất quán đối với hầu hết các quan sát tiêu chuẩn về hoạt động tính dục của con người - những cách giải thích đó mang lại một câu chuyện khác về tiến hóa tình dục ở người theo một cách vừa chi tiết vừa súc tích; một hình mẫu xét lại không đòi hỏi bất cứ chiến lược tổng hợp phức tạp và quá trình *Flintstones* hóa nào để câu chuyện dễ được chấp nhận.

Mô tả chuẩn mực vẽ nên một hình ảnh đen tối về giống loài chúng ta trên nền sự thật tươi sáng hơn nhiều - mặc dù có đôi chút tai tiếng. Trước khi giới thiệu hình mẫu này, hãy nhìn kỹ hơn mô tả chuẩn mực, tập trung vào bốn lĩnh vực nghiên cứu chủ chốt hợp nhất những giả định được chấp nhận rộng rãi nhất:

Ham muốn khá yếu của nữ giới,

Khoản đầu tư làm cha của nam giới,

Ghen tuông tình dục và sự đảm bảo vai trò làm cha,

Khả năng giao cấu liên tục và quá trình rụng trứng giấu kín (hay bí mật).

DARWIN XÚC PHẠM MẸ BẠN RA SAO? (KINH TẾ CHÍNH TRỊ VỀ KINH TẾ HỌC TÌNH DỤC)

Gã theo đuổi thắng cuộc sẽ nhận được gì từ việc làm dáng và thể hiện? Tình dục. Nhưng không phải chỉ là tình dục mà còn được *độc*

quyền tiếp cận đối với người phụ nữ. Mô tả chuẩn mực thừa nhận rằng độc quyền tình dục là cốt yếu bởi trong các thời kỳ tiến hóa thì đó là cách duy nhất để đàn ông đảm bảo vai trò làm cha có lẽ cực kỳ quan trọng của mình. Theo tâm lý học tiến hóa, đây là thỏa ước bất đắc dĩ ở ngay cốt lõi của gia đình của loài người. Đàn ông mang tài sản và các dịch vụ (trong môi trường tiền sử, chủ yếu là thịt, chỗ ở, sự bảo vệ và địa vị) để đổi lấy độc quyền tiếp cận tình dục tương đối liên tục. Helen Fisher gọi đây là *Hợp đồng Tình dục*.

Kinh tế học, thường được gọi là *kinh tế chính trị,* chưa bao giờ tăm tối hơn khi áp dụng để giải thích hoạt động tính dục của con người. Hợp đồng tình dục thường được giải thích bằng lý thuyết trò chơi kinh tế, trong đó ai có nhiều con cháu sống sót để sinh sản sẽ chiến thắng - bởi vì "lợi tức đầu tư" của người đó cao nhất. Như vậy, nếu một phụ nữ mang thai với kẻ không có ý định giúp đỡ mình trong suốt thai kỳ hay không hướng dẫn đứa trẻ vượt qua những năm đầu đời nhiều rủi ro, chắc chắn cô ta sẽ lãng phí thời gian, năng lượng và chấp nhận quá nhiều nguy cơ khi mang thai. Theo lý thuyết này, không có sự giúp đỡ của người cha, rất có khả năng đứa trẻ sẽ chết trước khi trưởng thành về mặt tính dục - chưa nói đến nguy cơ thai nhi chết ngay trong giai đoạn còn ở trong bụng mẹ hoặc đứa trẻ không vượt qua được giai đoạn sơ sinh. Nhà ngôn ngữ học kiêm tâm lý học tiến hóa xuất sắc Steven Pinker gọi cách nhìn này đối với hoạt động sinh sản của loài người là *kinh tế học di truyền tình dục*. "Khoản đầu tư tối thiểu của nam giới và nữ giới... không bằng nhau", Pinker viết: "Bởi vì đứa trẻ có thể có mẹ đơn thân do bố bỏ chạy chứ không thể có bố đơn thân do mẹ bỏ chạy được. Nhưng khoản đầu tư của đàn ông lớn hơn không có nghĩa là phụ nữ sẽ cạnh tranh trên thị trường hôn nhân như người ta có thể

dự đoán, mặc dù họ nên cạnh tranh với những anh chàng nào có nhiều khả năng đầu tư nhất…”

Ngược lại, nếu anh chàng nào đầu tư hết thời gian, công sức và nguồn lực vào một phụ nữ chơi xấu sau lưng mình, chắc chắn kết cục của anh ta sẽ là nuôi con kẻ khác - lỗ chỏng gọng nếu như mục đích duy nhất trong đời của anh ta là truyền lại vốn gene của mình cho thế hệ tương lai. Và đừng mắc sai lầm: vì theo logic lạnh lùng của thuyết tiến hóa tiêu chuẩn, để lại di sản gene là mục đích sống duy nhất của chúng ta. Vì thế hai nhà tâm lý học tiến hóa Margo Wilson và Martin Daly lập luận rằng đàn ông kiên quyết giữ cái nhìn độc quyền đối với hoạt động tình dục của phụ nữ: “Đàn ông tuyên bố quyền sở hữu cá nhân đối với phụ nữ giống như các loài chim hót tuyên bố sở hữu lãnh địa, như sư tử tuyên bố sở hữu con thú giết được, hoặc như cả nam giới và nữ giới đều tuyên bố sở hữu những món đồ quý”, họ viết. “Khi đã xác định được một gói tài nguyên có thể nhận biết rõ ràng và có khả năng bảo vệ được, sinh vật sở hữu bắt đầu quảng bá và thực hiện sự bảo vệ tài nguyên đó trước các đối thủ.”*

“Cưng à, anh yêu em như sư tử yêu mồi.” Chắc chắn là một mô tả kém lãng mạn về hôn nhân chưa bao giờ được viết ra.

Có thể các độc giả tinh ý đã nhận ra, mô tả chuẩn mực về sự tương tác khác giới rút lại thành mại dâm: phụ nữ trao đổi sự phục vụ độc quyền về tình dục với quyền sử dụng tài nguyên. Có thể cộng hưởng thần bí sẽ giải thích phần nào về sức hấp dẫn khổng lồ của một bộ phim như *Người đàn bà đẹp*, trong đó nhân vật của Richard Gere trao đổi quyền sử dụng tài sản với thứ mà nhân vật của Julia Robert phải đưa ra (cô đóng vai một gái điếm có tấm lòng vàng, nếu như bạn chưa xem). Xin hãy lưu ý rằng thứ mà cô phải

bỏ ra rất ít, ngoại trừ nụ cười rộng như bang Texas, cặp chân dài đáng yêu, cùng lời hứa long trọng là từ nay trở đi chúng sẽ chỉ dạng ra cho một mình chàng mà thôi. Cái tài của *Người đàn bà đẹp* nằm ở chỗ làm rõ những gì vẫn ẩn giấu trong hàng trăm bộ phim và cuốn sách. Theo thuyết này, phụ nữ đã tiến hóa đến chỗ vô tư và vô liêm sỉ đổi lạc thú tình dục lấy quyền sử dụng tài sản, sự bảo vệ, địa vị và nhiều thứ quý giá khác của đàn ông nhằm phục vụ bản thân và con cái. Đơn giản thế thôi.

Darwin nói rằng mẹ bạn là con điếm.

Đừng cho là chúng tôi khiếm nhã, chúng tôi đảm bảo với bạn rằng sự đánh đổi khả năng sinh sản và lòng chung thủy của phụ nữ lấy tài sản và dịch vụ là một trong những tiền đề của tâm lý học tiến hóa. Trong *The Adapted Mind (*tạm dịch*: Trí tuệ thích nghi*, cuốn sách được nhiều người xem là kinh thánh trong lĩnh vực này, chúng tôi thấy khái niệm hợp đồng tình dục được nêu rõ:

Sức hấp dẫn tình dục của đàn ông đối với phụ nữ sẽ thực hiện chức năng của những đặc điểm liên quan đến giá trị kết đôi cao trong môi trường tự nhiên... Vấn đề cốt yếu là đặc điểm nào liên quan đến giá trị kết đôi cao? Ba câu trả lời khả dĩ là:

Sự sẵn lòng và khả năng chu cấp của người đàn ông đối với phụ nữ và con cái cô ấy...

Sự sẵn lòng và khả năng bảo vệ của người đàn ông đối với phụ nữ và con cái cô ấy...

Sự sẵn lòng và khả năng của người đàn ông khi trực tiếp tham gia vào các hoạt động làm cha mẹ.

Giờ thì hãy điểm lại một số nghiên cứu xuất sắc nhất được thực hiện dựa trên những giả định về đàn ông, phụ nữ, cấu trúc gia đình

và đời sống tiền sử.

HAM MUỐN YẾU ỚT NỔI TIẾNG Ở NỮ GIỚI

Phụ nữ... gần như không có ngoại lệ, kém hào hứng hơn đàn ông...

• CHARLES DARWIN

Phụ nữ không quan tâm lắm đến tình dục, đúng không nào? Cho đến tận ngày nay, đó vẫn là ý kiến gần như phổ biến trong văn hóa đại chúng, y khoa và tâm lý học tiến hóa phương Tây. Trong những năm gần đây, văn hóa đại chúng đã bắt đầu nghi ngờ việc phụ nữ tương đối ít quan tâm đến tình dục, nhưng theo như mô tả chuẩn mực, không có nhiều thay đổi kể từ khi bác sĩ William Acton công bố những suy nghĩ nổi tiếng của mình về vấn đề này năm 1875 khi khẳng định với độc giả rằng: "Những người mẹ, người vợ và người làm nội trợ tốt nhất đều biết rất ít hoặc không biết gì về đam mê tình dục... Theo quy luật chung, một phụ nữ khiêm nhường hiếm khi khao khát bất cứ sự ban thưởng tình dục nào cho chính mình. Cô ta phục tùng chồng mình, nhưng chỉ nhằm làm anh ta hài lòng."

Gần đây hơn, trong tác phẩm mà nay đã trở thành kinh điển, *The Evolution of Human Sexuality (*tạm dịch*: Tiến hóa tính dục loài người)*, nhà tâm lý học Donald Symons tự tin tuyên bố rằng: "Trong tất cả các dân tộc, giao hợp được hiểu là một sự phục vụ hoặc đặc ân mà nữ giới dâng tặng nam giới." Trong tài liệu đã trở thành kinh điển xuất bản năm 1948, nhà di truyền học A. J. Bateman không do dự khi kết luận về những phát hiện của mình liên quan đến hành vi của ruồi giấm đối với con người, và nói rằng

chọn lọc tự nhiên cổ vũ cho "một sự háo hức bừa bãi ở nam giới và một sự thụ động sáng suốt ở nữ giới".

Toàn bộ số bằng chứng hợp lại để thuyết phục chúng ta rằng phụ nữ không phải là những sinh vật có ham muốn mạnh. Hàng trăm, nếu không muốn nói là đến hàng nghìn cuộc nghiên cứu đã tuyên bố và khẳng định sự yếu ớt trong ham muốn tình dục của phụ nữ. Một trong những nghiên cứu được trích dẫn nhiều nhất trong toàn lĩnh vực tâm lý học tiến hóa, công bố năm 1989, rất điển hình cho thể loại này. Một sinh viên tình nguyện hấp dẫn sắp tốt nghiệp bước tới trước một sinh viên khác giới không hề quen biết (đang độc thân) trong khuôn viên Đại học bang Florida và nói: "Xin chào, gần đây em rất hay thấy anh và anh thật hấp dẫn. Anh có muốn đêm nay lên giường cùng em không?" Khoảng 75% nam thanh niên nói có. Nhiều người thì từ chối nhưng lại đề nghị thực hiện việc đó "vào một lúc khác". Nhưng không một ai trong số những người phụ nữ được tiếp cận bởi những anh chàng xa lạ hấp dẫn chấp nhận lời đề nghị. Hết việc.

Nghiêm túc mà nói đây là một trong số những nghiên cứu được biết đến nhiều nhất trong lĩnh vực tâm lý học tiến hóa. Giới nghiên cứu tham khảo nó để chứng minh rằng phụ nữ không quan tâm đến tình dục ngẫu nhiên, điều này rất quan trọng nếu giả thuyết của bạn cho rằng theo bản năng phụ nữ sẽ đổi tình dục lấy các thứ từ đàn ông. Dù sao đi nữa, nếu họ thấy vui vẻ với tình cho không biếu không thì thị trường sẽ sụp đổ, và mọi phụ nữ khác sẽ gặp khó khăn khi trao đổi tình dục lấy một thứ gì đó có giá trị*.

KHOẢN ĐẦU TƯ LÀM CHA (MPI)

Như đã nói ở trên, dưới mỗi giả thuyết này, cũng như thuyết tiến

hóa nói chung, là quan điểm cho rằng có thể giải thích cuộc sống bằng thuật ngữ của kinh tế và lý thuyết trò chơi. Mục tiêu của trò chơi là gửi mã di truyền của bạn vào tương lai bằng cách sản xuất số lượng hậu duệ sống sót càng nhiều càng tốt. Việc gieo giống này có dẫn tới hạnh phúc hay không thì lại chẳng liên quan gì cả. Trong cuốn sách bán chạy nhất của mình về đề tài tâm lý học tiến hóa, *The Moral Animal (*tạm dịch*: Con thú đạo đức)*, Robert Wright nói ngắn gọn: "Chúng ta được hoàn thiện để trở thành những con thú hiệu quả, chứ không phải hạnh phúc. (Tất nhiên, chúng ta được thiết kế để theo đuổi hạnh phúc; và việc đạt được các mục tiêu của thuyết Darwin - tình dục, địa vị,... - thường mang lại hạnh phúc, ít ra là trong chốc lát). Mặc dù vậy, thường xuyên thiếu hạnh phúc lại giúp chúng ta tiếp tục theo đuổi nó, vì vậy khiến chúng ta trở nên năng suất."

Khái niệm năng suất rất gây tò mò - và lập tức công khai gây xung đột, nhưng lại được thể hiện một cách rất ngây thơ, cứ như chỉ có một nghĩa khả dĩ của từ "năng suất" vậy. Góc nhìn cuộc sống này chấp nhận đạo đức làm việc của Đạo Tin Lành (rằng "năng suất" là điều làm cho một con thú trở nên "hiệu quả") và gợi lại khái niệm của kinh Cựu ước cho rằng cuộc sống là chịu đựng chứ không phải hưởng thụ. Các giả định này được ghi lại trong rất nhiều các tác phẩm của tâm lý học tiến hóa. Nhà nghiên cứu hành vi/linh trưởng học Frans de Waal gọi đây là *sinh học xã hội kiểu Calvin.*

Việc phụ nữ quan tâm đến chất lượng hơn số lượng được cho là quan trọng trên hai khía cạnh. Trước hết, rõ ràng là cô ta sẽ quan tâm đến việc có con với một người mạnh khỏe để tối đa hóa cơ hội đứa bé có thể sống sót và lớn lên mạnh khỏe. "Tài nguyên sinh sản

của phụ nữ rất quý giá và hữu hạn, vì vậy bà cố tổ không lãng phí chúng cho bất cứ một tay lang thang ngẫu nhiên nào", nhà tâm lý học tiến hóa David Buss viết. "Rõ ràng, phụ nữ không tỉnh táo đến mức nghĩ rằng tinh trùng rẻ còn trứng mới đắt", Buss viết tiếp, "Những phụ nữ nào ngày xưa không nhạy bén trước khi chấp thuận làm tình sẽ bị bỏ lại trong đám bụi tiến hóa; bà cố tổ của chúng ta đã sử dụng sự thông thái của cảm xúc để loại bỏ những kẻ thất bại." Buss không giải thích tại sao lại có quá nhiều "kẻ thất bại" trong bể gene ngày nay nếu như tổ tiên của họ đã được sàng lọc một cách kỹ càng đến thế qua hàng nghìn thế hệ.

Mặc dù xét trên phương diện sinh học, một lượng đầu tư đáng kể cho việc làm mẹ là bắt buộc đối với giống loài chúng ta, các nhà lý thuyết tiến hóa vẫn tin rằng trong các loài linh trưởng, *Homo sapiens* có tỉ lệ đầu tư làm cha (MPI) rất cao. Họ lập luận rằng MPI cao đã tạo nền tảng cho sự phổ biến của hôn nhân. Theo lời Wright: "Ở mọi nền văn hóa của loài người được ghi nhận trong tài liệu nhân học, hôn nhân là chuẩn mực, còn gia đình là hạt nhân của tổ chức xã hội. Các ông bố ở khắp nơi đều cảm nhận được tình cảm dành cho con cái... Tình yêu này thúc đẩy các ông bố góp phần nuôi nấng, bảo vệ con mình và dạy chúng sử dụng các đồ vật hữu ích."

Nhà sinh học Tim Birkhead bày tỏ sự đồng tình khi viết: "Vấn đề làm bố nằm ở trung tâm phần lớn hành vi của nam giới - và vì những nguyên nhân tiến hóa tốt đẹp." Ông nói tiếp: "Trong thời nguyên thủy, nhìn chung đàn ông nào đầu tư cho đứa con không phải của mình sẽ để lại ít hậu duệ hơn những anh chàng chỉ nuôi nấng lứa sau mang di truyền của chính mình. Hệ quả là đàn ông đã, và tiếp tục sẽ, luôn bận tâm với việc làm bố..."*

Còn bây giờ, chúng ta sẽ ghi lại vắn tắt một số giả định không

chắc chắn nằm dưới cuộc tranh luận này:

• Mỗi nền văn hóa đều được tổ chức xung quanh hôn nhân và gia đình hạt nhân;

• Ở loài người, ông bố nào chỉ cung cấp cho con của chính mình sẽ để lại nhiều hậu duệ hơn hẳn so với người nào kém chọn lọc hơn và hào phóng về mặt vật chất;

+ Lưu ý cách mà điều này giả định một cơ sở di truyền trừu tượng cho một điều mông lung như "lo làm bố".

• Trong môi trường ngày xưa, đàn ông có thể biết đứa trẻ nào là con ruột của mình, nghĩa là:

+ Anh ta hiểu rằng một hành vi tình dục có thể tạo ra một đứa trẻ, và

+ Anh ta chắc chắn 100% về độ trung thành của bạn tình.

• Một tay thợ săn vậy là có thể từ chối chia sẻ phần mình săn được với những thành viên đói khát khác trong cùng một nhóm hái lượm sống khăng khít với nhau (bao gồm cháu và con của bạn bè nối khố) mà không cảm thấy xấu hổ, không bị xa lánh, hay bị xua đuổi ra khỏi cộng đồng.

Như vậy, theo mô tả chuẩn mực, khi MPI trở thành lợi thế cho con của người đàn ông đó (có thêm đồ ăn, bảo vệ, giáo dục), phụ nữ sẽ tiến tới chọn những bạn đời có nhiều quyền sử dụng các tài nguyên này hơn cũng như những anh chàng có hành vi thể hiện rằng họ sẽ chia sẻ các tài nguyên này với cô ta và con cái (những dấu hiệu về sự hào phóng, lòng trung thành và sự thành thật).

Nhưng theo đó, hai mục tiêu này của phụ nữ (gene tốt và quyền sử dụng tài nguyên của nam giới) tạo ra những tình huống mâu thuẫn cho nam giới và nữ giới - cả trong mối quan hệ chung lẫn các

quan hệ với những đối thủ cùng giới tính. Wright tóm tắt cách lý giải tình huống này như sau: "Đầu tư làm cha cao sẽ khiến việc lựa chọn tình dục phát triển theo hai hướng đồng thời. Không chỉ nam giới tiến tới cạnh tranh để giành với nhau nguồn trứng khan hiếm ở nữ; mà phụ nữ cũng tiến tới cạnh tranh để giành khoản đầu tư hiếm hoi ở nam giới."

"CHIẾN LƯỢC TỔNG HỢP" TRONG CHIẾN TRANH GIỮA CÁC GIỚI

Không phải tình cờ mà anh chàng nào xuất sắc quan sát thấy quyền lực là loại thuốc kích dục mạnh nhất lại chẳng hề đẹp trai tẹo nào*. Nhưng thông thường, (theo cái mà chúng tôi gọi là *hiệu ứng Kissinger*) anh chàng nào có nhiều quyền sử dụng tài nguyên và địa vị nhất lại không mấy dồi dào về vốn gene, thông qua dấu hiệu của sức hấp dẫn về mặt hình thể. Các cô nàng biết làm sao bây giờ?

Lý thuyết thông thường khuyên cô ta nên lấy một anh chồng bảnh bao, giàu có, dễ đoán và chân thành, sẵn sàng trả tiền thế chấp, thay bỉm cho con và đi đổ rác - nhưng sau đó lại tằng tịu với những gã trai hoang dã, quyến rũ, nguy hiểm, đặc biệt là xung quanh thời điểm rụng trứng, như vậy cô ta sẽ có nhiều cơ hội có con với tình nhân. Được biết đến với tên gọi *chiến lược tổng hợp* trong các nghiên cứu khoa học, cả đàn ông lẫn phụ nữ đều được khuyên sử dụng chiến lược đen tối của mình để phù hợp với các mục tiêu đối nghịch trong kết đôi (phụ nữ tối đa hóa chất lượng bạn tình còn nam giới tối đa hóa số lượng cơ hội kết đôi). Cuộc sống thật chẳng dễ dàng gì.

Những nghiên cứu nổi tiếng nhất nhằm giải thích bản chất của

hai chiến lược khác nhau này đã được David Buss và cộng sự thực hiện. Giả thuyết của họ là nếu nam giới và nữ giới có những vấn đề đối lập nhau liên quan đến hành vi kết đôi thì sẽ có nhiều điểm khác biệt giữa cách họ trải nghiệm cơn ghen tình dục. Nhóm nghiên cứu thấy rằng phụ nữ lúc nào cũng thấy khó chịu hơn với ý nghĩ về sự phản bội *cảm xúc* của bạn tình, trong khi nam giới lại tỏ ra lo lắng hơn về sự phản bội *tình dục*, như giả thuyết này tiên đoán.

Các kết quả này thường được trích dẫn như sự khẳng định về mô hình đầu tư làm cha. Có vẻ như chúng phản ánh các mối quan tâm khác nhau mà mô hình này dự đoán. Theo đó, phụ nữ sẽ cảm thấy khó chịu hơn khi bạn tình của mình dan díu với một phụ nữ khác vì điều đó đe dọa đến lợi ích sống còn của cô ta nhiều hơn. Theo mô tả chuẩn mực, kịch bản cho trường hợp tồi tệ nhất đối với một người phụ nữ tiền sử trong trò chơi tiến hóa này sẽ là mất quyền sử dụng tài nguyên và hỗ trợ của bạn đời. Nếu anh chàng tự giới hạn bản thân ở một vụ lăng nhăng tình ái vô nghĩa với một phụ nữ khác (theo ngôn ngữ hiện đại, tốt nhất là một ả thuộc tầng lớp thấp hoặc gái điếm - để bớt khả năng anh ta lấy làm vợ), điều này sẽ giảm đi nhiều nguy cơ đến tiêu chuẩn sống của cô ta và đàn con. Tuy nhiên, nếu anh chàng đem lòng yêu một cô khác và ra đi, triển vọng của cô ta (và của đàn con) sẽ tụt hẳn xuống.

Xét trên góc nhìn của đàn ông, như đã nói ở trên, kịch bản tồi tệ nhất sẽ là dành thời gian và nguồn lực để nuôi con cho kẻ khác (và đẩy gene của kẻ khác vào tương lai thay cho gene của mình). Nếu cô bạn tình có liên hệ tình cảm với một anh chàng khác, nhưng không quan hệ tình dục, thảm họa di truyền này không thể xảy ra. Nhưng nếu cô nàng quan hệ tình dục với một anh chàng khác, ngay

cả khi không có chút tình cảm luyến ái nào, anh ta vẫn có thể thấy mình đang vô tình mất đi "khoản đầu tư" tiến hóa của mình. Vì vậy, mô tả chuẩn mực dự đoán - và có vẻ như nghiên cứu đã xác nhận - rằng do đó cơn ghen của anh ta phải tiến tới mức kiểm soát hành vi tình dục của cô ta (nhờ thế đảm bảo vai trò làm cha đối với đứa trẻ), trong khi cơn ghen của cô ta nên hướng tới kiểm soát cảm xúc của anh ta (nhờ đó bảo vệ độc quyền sử dụng tài nguyên của anh ta)*.

Như bạn có thể đoán ra, *chiến lược tổng hợp* trên sẽ đi theo các tuyến giống nhau. Chiến lược tổng hợp của nam giới sẽ là có một bạn tình lâu dài và anh ta có thể kiểm soát được hành vi tình dục - giữ cho cô nàng đi chân đất và có bầu nếu nghèo, bó chân và có bầu nếu ở Trung Quốc, hoặc đi cao gót và có bầu nếu giàu có. Trong khi đó, anh ta sẽ tiếp tục quan hệ tình dục lăng nhăng với càng nhiều phụ nữ khác càng tốt để tăng cơ hội làm bố của nhiều đứa trẻ. Đây là cách lý thuyết tiến hóa chuẩn cho rằng, về bản chất thì đàn ông là những tên khốn nạn bẩn thỉu, dối trá. Theo mô tả chuẩn mực, chiến lược hành vi tiến hóa của người đàn ông là lừa dối cô vợ đang mang thai của mình trong khi vẫn cục súc, thậm chí điên cuồng ghen tuông với cô ta.

QUYẾN RŨ

Mặc dù cơ hội sống sót cho bất cứ đứa trẻ nào được tạo ra từ những cuộc gặp gỡ ngẫu nhiên của anh ta thấp hơn so với những đứa trẻ mà anh ta góp phần nuôi dưỡng, thì với anh ta "khoản đầu tư" này vẫn sẽ là khôn ngoan vì chi phí là rất thấp (chỉ vài ly rượu và một căn phòng tại khu nghỉ trọ Shady Grove Motor - với tiền thuê theo giờ). Chiến lược tổng hợp của người phụ nữ sẽ là "lấy"

anh chàng nào mang lại cho cô ta cơ hội tốt nhất được tiếp cận với tài nguyên, địa vị và sự bảo vệ, trong khi vẫn tìm kiếm một vụ qua lại bất chợt nào đó với một anh chàng vạm vỡ có lợi thế về mặt di truyền mà anh chồng đáng yêu, nhưng bị thuần hóa, còn thiếu. Thật khó mà xác định được ai mới là người thất bại thê thảm.

Nhiều cuộc nghiên cứu đã chứng minh rằng phụ nữ có nhiều khả năng phản bội chồng hơn (giao phối ngoài vợ chồng, EPC - *extra-pair copulation*) khi họ rụng trứng và ít dùng biện pháp tránh thai hơn lúc bình thường khi không dễ thụ thai. Hơn nữa, "những cô ả hư hỏng rẻ tiền" có nhiều khả năng sẽ sử dụng nước hoa và nữ trang lúc rụng trứng hơn là ở những thời điểm khác trong vòng kinh, và sẽ dễ bị những anh chàng trông có vẻ nam tính hơn hấp dẫn (mang những dấu hiệu trên cơ thể cho thấy có nhiều gene mạnh). Những mâu thuẫn nội tại này và cuộc đấu tranh bất tận mà chúng khích động - cuộc chiến giữa hai giới - là tâm điểm của hình ảnh ảm đạm về đời sống tình dục loài người được mô tả trong các nghiên cứu khoa học và trị liệu tâm lý ngày nay.

Như Wright tóm tắt: "Ngay cả khi có MPI cao, và chính nhờ có nó, theo một vài cách nào đó, động lực cơ bản giữa nam giới và nữ giới là *lợi dụng lẫn nhau*. Đôi khi, có vẻ như họ được *sinh ra để làm khổ nhau*." (Chúng tôi nhấn mạnh). Symons nêu rõ sự cam chịu này trong những dòng đầu tiên của cuốn *Sự tiến hóa của hoạt động tính dục của loài người*:

Xét trên phương diện hoạt động tính dục, một trong những chủ đề trọng tâm của cuốn sách này là, bản chất nữ của con người và bản chất nam của con người, và các bản chất này cực kỳ khác nhau, mặc dù các khác biệt đó ít nhiều được che đậy bởi những hợp đồng mà quan hệ tình dục khác giới thừa hưởng và bởi những cấm đoán

về mặt đạo đức. Nam giới và nữ giới khác nhau về bản chất tình dục bởi vì trong suốt giai đoạn săn bắt và hái lượm cực dài của lịch sử tiến hóa loài người, các khao khát và khuynh hướng tình dục mang tính thích nghi của cả hai giới đều nhằm giành được những tấm vé khác đi tới lãng quên sinh sản.

Ảm đạm nhỉ? Lý thuyết tiến hóa thông thường đảm bảo với chúng ta rằng toàn bộ phụ nữ đều mưu mô, đào mỏ và đều tiến tới lừa gạt một anh chàng cả tin nhưng nhàm chán cưới mình, chỉ để rồi xịt nước hoa nồng nặc lên người, chạy xuống câu lạc bộ độc thân trong vùng và cố gắng mang bầu với một tay cộc cằn thô lỗ mặc đồ da nào đó ngay khi ông chồng vừa ngủ gật trên ghế bành. Sao làm thế được? Nhưng trước khi các độc giả nam của chúng ta bắt đầu cảm thấy mình ở thế thượng phong, hãy nhớ rằng theo đúng mô tả chuẩn mực đó, bạn đã tiến tới tán tỉnh và cưới một cô nàng xinh đẹp, trẻ trung, ngây thơ bằng những lời hứa rỗng tuếch về một tình yêu bất diệt, đồng hồ Rolex rởm trên cổ tay, làm cho cô ta mang bầu càng sớm càng tốt, rồi bắt đầu "làm việc khuya" với thật nhiều thư ký càng tốt. Chả có gì đáng tự hào cả, thưa ngài.

KÉO DÀI KHẢ NĂNG ĐÓN NHẬN TÌNH DỤC VÀ GIẤU KÍN THỜI KỲ RỤNG TRỨNG

Dù tốt hay xấu thì người phụ nữ tiêu chuẩn cũng không được trang bị những bộ phận thân thể có thể phồng lên gấp đôi kích thước bình thường và chuyển màu đỏ khi chuẩn bị rụng trứng. Trên thực tế, một trong những tiền đề cơ bản của mô tả chuẩn mực là đàn ông không tài nào biết được lúc nào thì phụ nữ có thể thụ thai. Vì chúng ta được xem là sinh vật thông minh nhất thế giới, thật thú vị khi con người được cho là loài gần như duy nhất mù mờ

về việc này. Đại đa số các con cái thuộc loài có vú khác đều bộc lộ thời điểm chúng dễ thụ thai và kiên quyết không quan tâm đến tình dục ở những thời điểm khác. Che giấu việc rụng trứng được cho là ngoại lệ quan trọng ở loài người. Trong các loài khỉ lớn, việc con cái có khả năng và sẵn sàng quan hệ tình dục vào bất kỳ lúc nào, bất cứ nơi đâu là đặc trưng chỉ có ở tinh tinh lùn và người. Cái gọi là "khả năng đón nhận nhiều" này chỉ là một trong những lý giải khoa học nói rằng phụ nữ có thể hoạt động tình dục trong suốt chu kỳ kinh nguyệt của mình, trong khi hầu hết các loài có vú chỉ giao cấu khi "quan trọng" - nghĩa là, khi có thể thụ thai. Nhưng loài người và tinh tinh lùn thì có thể làm chuyện đó bất kỳ lúc nào và thực tế đúng như vậy.

Nếu chúng ta chấp nhận giả định rằng phụ nữ không thật sự quan tâm đến tình dục lắm, nếu có thì cũng chỉ như một phương thức để thao túng đàn ông, vậy thì tại sao phụ nữ lại có khả năng tình dục phong phú đến bất thường như vậy? Tại sao họ lại không để dành tình dục cho mấy ngày trong chu kỳ khi có nhiều khả năng thụ thai nhất, như các loài có vú khác?

Hai giả thuyết quan trọng đã được đưa ra để giải thích cho hiện tượng này và cũng chẳng khác gì hơn. Nhà nhân học Helen Fisher nêu lên "lời giải thích kinh điển" như sau: cả việc giấu giếm thời điểm rụng trứng lẫn khả năng đón nhận tình dục nhiều (hoặc, nói chính xác hơn, liên tục) đã tiến hóa trong các cá thể cái của loài người thời sơ khai như một cách nhằm phát triển và củng cố mối liên hệ đôi lứa bằng cách thu hút sự chú ý của bạn tình giống đực vốn lúc nào cũng đầy ham muốn. Khả năng này được cho là phát huy tác dụng theo hai cách. Trước hết, do nàng luôn sẵn sàng giao phối, ngay cả khi không rụng trứng, nên chàng chẳng có lý do nào

để tìm các cô ả khác nhằm thỏa mãn lạc thú tình dục. Thứ hai, do khả năng thụ thai của nàng bị giấu kín, chàng sẽ thấy hào hứng khi liên tục lượn lờ bên cạnh nhằm gia tăng khả năng làm nàng có thai và đảm bảo rằng không một gã đực nào khác có thời gian giao phối với nàng - không chỉ trong giai đoạn động đực ngắn ngủi. Fisher viết: "Việc âm thầm rụng trứng sẽ giữ cho một đối tượng đặc biệt liên tục ở gần, bảo vệ và cung cấp thức ăn mà nàng cần." Giới khoa học gọi đó là "hành vi bảo vệ bạn đời", phụ nữ đương đại có thể gọi đây là "kẻ phiền phức không mang lại một nền tảng vững chắc nào và không bao giờ để cho mình yên".

Nhà nhân học Sarah Blaffer Hrdy đưa ra một cách giải thích khác cho năng lực tình dục khác thường của phụ nữ. Bà cho rằng việc giấu thời điểm rụng trứng và khả năng giao cấu liên tục ở loài người thuở sơ khai có thể đã tiến hóa không phải để trấn an nam giới, mà để khiến họ lúng túng. Nhận thấy bọn khỉ đột đực đầu đàn mới lên nắm quyền thường có xu hướng giết hết con của kẻ tiền nhiệm, Hrdy đưa ra giả thuyết rằng khía cạnh này của hoạt động tình dục ở nữ có thể đã phát triển thành một cách để làm rối loạn vai trò làm cha giữa các cá thể nam với nhau. Người nữ có thể quan hệ với vài người đàn ông để không một ai chắc chắn về vai trò là cha, do vậy giảm bớt khả năng con đực đầu đàn tiếp theo sẽ giết chết đứa con biết đâu lại là con của chính kẻ đó.

Vậy là chúng ta đã nắm được "lý thuyết kinh điển" của Fisher cho rằng phụ nữ đã phát triển sự quyến rũ đặc biệt của mình thành một cách để duy trì sự quan tâm của đàn ông, còn Hrdy thì nói rằng tất cả chỉ nhằm làm cho một số anh chàng cứ đoán mãi không thôi. "Lý thuyết kinh điển" của Fisher phù hợp hơn với mô tả chuẩn mực, theo đó phụ nữ đánh đổi tình dục lấy thức ăn, sự bảo vệ và

nhiều thứ khác nữa. Nhưng cách giải thích này chỉ đúng khi chúng ta tin rằng đàn ông - bao gồm cả tổ tiên "nguyên thủy" của chúng ta - lúc nào cũng chỉ quan tâm đến tình dục với *một phụ nữ duy nhất*. Điều này mâu thuẫn với lý thuyết *chiến lược tổng hợp*, trong đó đàn ông quyết tâm gieo hạt giống của mình thật xa và rộng, trong khi vẫn đồng thời bảo vệ khoản đầu tư của mình vào bạn tình/gia đình đầu tiên.

Thuyết "hạt giống hoang mang" của Hrdy cho rằng lợi ích chính của việc giấu thời điểm rụng trứng và liên tục giao cấu chỉ đạt được khi một cá thể nữ có nhiều bạn tình - để ngăn bọn họ khỏi giết con mình và thuyết phục họ bảo vệ hoặc nếu không thì cũng hỗ trợ con mình. Cái nhìn này về tiến hóa loài người trái ngược với quan niệm cho rằng nam giới xem phụ nữ là hấp dẫn, mắn đẻ, như lời Daly và Wilson, là "những gói tài nguyên có thể bảo vệ được và dễ nhận biết".

Như phản ánh trong mô tả chuẩn mực, đặc trưng tiền sử tình dục loài người là lừa gạt, thất vọng và tuyệt vọng. Cả nam lẫn nữ đều tiến tới theo đuổi *chiến lược tổng hợp*, kết quả là tạo ra một loài với những đặc trưng như dối trá, đĩ điếm và lừa gạt bậc thầy. Ở những cấp độ cơ bản nhất của loài người, các nhà khoa học nói với chúng ta rằng, đàn ông và phụ nữ đều tiến hóa đến chỗ lừa gạt lẫn nhau trong khi theo đuổi những hướng di truyền đối lập, và cùng thua - mặc dù để lừa gạt lẫn nhau như thế cần phải có điều kiện là người mà chúng ta cho rằng chân thành nhất với chúng ta lại là kẻ phản bội lại chúng ta.

Quả thực là một tội lỗi tổ tông.

4

CON VƯỢN TRONG GƯƠNG

Tại sao dâm tính của chúng ta lại là hành trang của một quá khứ vượn người và lòng tốt của chúng ta lại chỉ có ở loài người? Tại sao chúng ta lại không tìm kiếm tính liên tục của những đặc điểm "cao quý" của mình trong những loài động vật khác?

• STEPHEN JAY GOULD

Chính nhờ vẻ giống nhau giữa các hành động bên ngoài của động vật với những hành động của chính mình mà chúng ta phán đoán được hành động nội tại của chúng cũng giống với chúng ta; và nguyên tắc lập luận tương tự, tiến thêm một bước nữa, sẽ giúp chúng ta kết luận được rằng vì hoạt động nội tại của chúng ta giống nhau nên căn nguyên của chúng cũng phải giống nhau. Vì vậy, khi bất cứ giả thuyết nào được đưa ra nhằm giải thích một hoạt động trí óc, vốn thường thấy ở con người và động vật, chúng ta phải áp dụng chính giả thuyết đó cho cả hai.

• DAVID HUME, *A Treatise of Human Nature*

(tạm dịch: Luận về bản chất con người) (1739)

Xét về mặt di truyền, tinh tinh và tinh tinh lùn trong vườn thú gần gũi với bạn và các khách thăm vườn thú khác hơn hẳn so với khỉ đột, đười ươi, khỉ, hay bất cứ thứ gì khác trong chuồng. ADN của chúng ta khác với ADN của tinh tinh và tinh tinh lùn khoảng 1,6%, nghĩa là chúng ta gần với chúng hơn chó gần với cáo, vượn tay trắng gần với vượn mào bạc má, voi Ấn Độ gần với voi châu Phi, hoặc với bất cứ nhà quan sát chim muông nào quan tâm, chim vireo mắt đỏ với chim vireo mắt trắng. Tổ tiên của loài tinh tinh và tinh tinh lùn tách khỏi tổ tiên của con người chỉ cách đây 5 đến 6 triệu năm (mặc dù sau khi tách rời, hiện tượng lai tạp có thể tiếp tục diễn ra thêm khoảng 1 triệu năm nữa), trong đó tinh tinh và tinh tinh lùn trở thành các loài khác nhau cách đây 1,3 triệu năm*. Ngoài hai người bà con gần gũi này, khoảng cách di truyền của các loài linh trưởng khác lớn hơn nhiều: khỉ đột tách khỏi dòng dõi chung khoảng 9 triệu năm trước, đười ươi cách đây 16 triệu năm, còn vượn, loài khỉ duy nhất sống một vợ một chồng, tách rất sớm, khoảng 20 triệu năm trước. Bằng chứng ADN cho thấy rằng tổ tiên chung gần nhất giữa khỉ hình người và khỉ đã sống cách đây khoảng 30 triệu năm. Nếu bạn biểu thị khoảng cách quan hệ di truyền này với con người bằng khoảng cách địa lý, trong đó một dặm [1,609 km] tượng trưng cho khoảng 100.000 năm, có thể hình ảnh sẽ như sau:

Người khôn ngoan muộn (*Homo sapiens sapiens*): thành phố New York, tiểu bang New York;

Tinh tinh và tinh tinh lùn thực chất là hàng xóm, sống cách nhau 20 km tương ứng ở Bridgeport và Fairfield, tiểu bang Connecticut.

Cả hai thành phố này chỉ cách New York có 80 km, chúng ở ngay trong khoảng di chuyển của loài người;

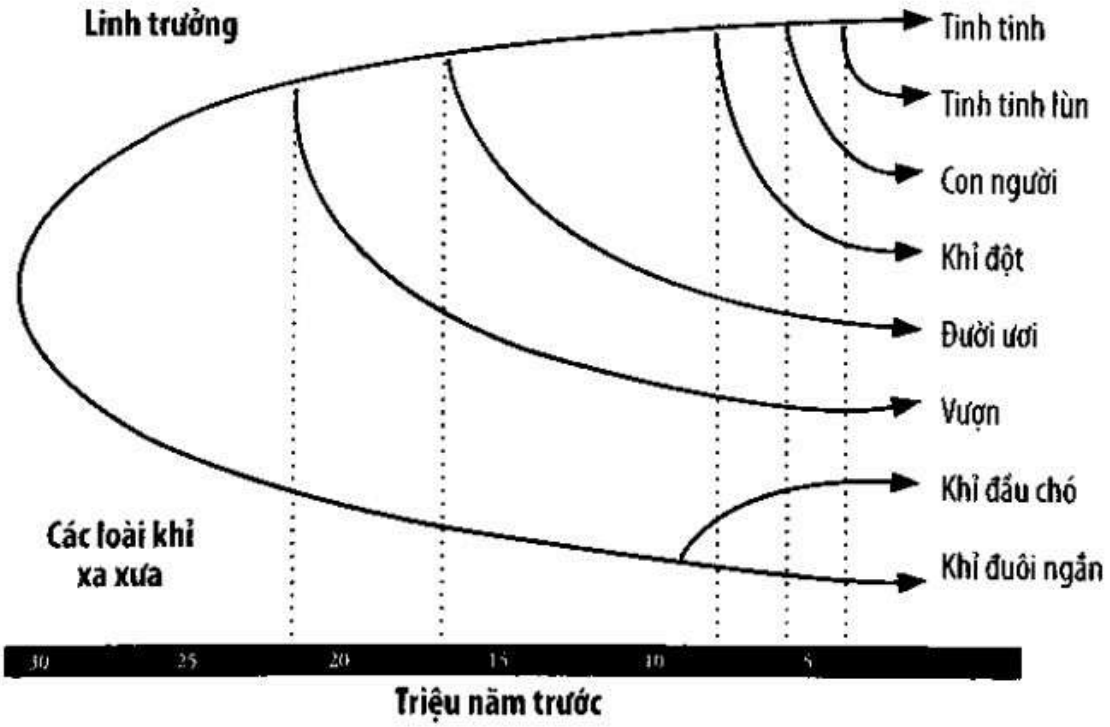
Linh trưởng
Tinh tinh
Tinh tinh lùn
Con người
Khỉ đột
Đười ươi
Vượn
Khỉ đầu chó
Khỉ đuôi ngắn
Các loài khỉ
xa xưa
30
25
20
15
10
5
Triệu năm trước

Khỉ đột đang ăn bít tết phết bơ ở thành phố Philadelphia, tiểu bang Pennsylvania;

Đười ươi ở thành phố Baltimore, tiểu bang Marryland, làm bất cứ điều gì mọi người làm ở Baltimore;

Vượn đang bận bịu với việc lập pháp hôn nhân một vợ một chồng ở thủ đô Washington DC;

Và các loài khỉ của cựu thế giới (khỉ đầu chó, khỉ đuôi ngắn) ở ngay phía nam Richmond, tiểu bang Virginia.

Carl Linnaeus, người đầu tiên nêu ra điểm khác biệt mang tính phân loại giữa con người và tinh tinh (giữa thế kỷ XVIII), đã ước thà mình đừng nêu ra điều đó. Sự phân chia này (giữa tinh tinh và người thông minh) ngày nay được xem là không mang tính khoa học và nhiều nhà sinh học tán thành việc phân định mới giữa con người, tinh tinh và tinh tinh lùn để phản ánh sự giống nhau đáng kinh ngạc giữa chúng. Nicolaes Tulp, một nhà giải phẫu nổi tiếng người Hà Lan, trở nên bất tử trong bức họa *Bài học giải phẫu* của Rembrandt, đã đưa ra bản mô tả chính xác sớm nhất về giải phẫu loài vượn không-phải-người năm 1641. Cơ thể mà Tulp xẻ ra giống với con người đến mức Tulp phải nói rằng "thật khó mà tìm được hai quả trứng nào giống nhau hơn thế". Mặc dù Tulp gọi tiêu bản của mình là Thần rừng Ấn Độ (*Indian Satyr*), và ghi chú rằng dân địa phương gọi nó là đười ươi, các nhà linh trưởng học đương đại từng nghiên cứu các ghi chép của Tulp đều tin rằng đây là một con tinh tinh lùn*.

Cũng như chúng ta, tinh tinh và tinh tinh lùn đều là giống vượn lớn châu Phi. Như tất cả các loài vượn, chúng không có đuôi. Chúng dành phần lớn cuộc đời sống trên mặt đất và cả hai đều là những

sinh vật khá thông minh, giao tiếp nhiều. Đối với tinh tinh lùn, hoạt động tính dục kiểu tấn công dữ dội và nhanh chóng là tách biệt hoàn toàn với sinh sản vốn là đặc điểm trung tâm của tương tác xã hội và kết dính nhóm. Nhà nhân học Marvin Harris lập luận rằng tinh tinh lùn "nhận được phần thưởng là sự sinh sản như một sự bù đắp cho việc chúng đã lãng phí công sức tấn công mục tiêu rụng trứng". Phần thưởng "cho những con đực và con cái quyến rũ hơn là chúng sẽ có được một dạng hợp tác xã hội mạnh mẽ hơn giữa con đực và con cái" dẫn đến "một nhóm xã hội hợp tác sâu hơn, một môi trường đảm bảo hơn cho việc nuôi con nhỏ, và nhờ đó có mức sinh sản thành công cao hơn". Nói cách khác, sự bừa bãi của tinh tinh lùn mang lại những lợi ích lớn về mặt tiến hóa cho họ nhà vượn.

Ngược lại, lũ vượn, loài khỉ duy nhất một vợ một chồng sống ở Đông Nam Á tổ chức theo đơn vị gia đình theo từng cặp đực/cái và con non - sống biệt lập trong vùng lãnh thổ 30 đến 50 km2. Chúng gần như không giao tiếp với các cá thể khỉ khác trong bầy, trí thông minh không có gì vượt trội đáng nói, không sinh sản thường xuyên, chỉ giao phối và không bao giờ rời khỏi cây.

Một vợ một chồng không có ở bất cứ loài linh trưởng nào sống theo bầy, có giao tiếp, ngoại trừ - nếu mô tả chuẩn mực đáng tin cậy - *Homo sapiens.*

Nhà nhân học Donald Symons cũng ngạc nhiên giống hệt chúng ta khi thường xuyên thấy lập luận cho rằng mô hình một vợ một chồng của lũ vượn có thể là hình mẫu tốt cho hoạt động tính dục loài người. "Nói chuyện tại sao (hay phải chăng) con người kết đôi giống như vượn khiến tôi có cảm giác như đang thuyết trình về chuyện tại sao biển lại nóng sôi lên hay liệu loài lợn có cánh hay

không", ông viết.

LINH TRƯỞNG VÀ BẢN CHẤT LOÀI NGƯỜI

Đôi khi tôi cố hình dung điều gì sẽ xảy ra nếu chúng ta biết đến tinh tinh lùn trước, rồi sau đó mới biết đến, hoặc là không biết đến tinh tinh. Cuộc tranh luận về sự tiến hóa của loài người có thể không xoay quanh bạo lực, chiến tranh và ưu thế của đàn ông quá nhiều, mà ngược lại, xoay quanh tình dục, cảm thông, quan tâm và hợp tác. Hẳn là chúng ta đã đi theo con đường tri thức khác hẳn!

• **FRANS DE WAAL, *Our Inner Ape (tạm dịch: Con vượn trong chúng ta)***

Nếu Thomas Hobbes có cơ hội phác thảo một con vật tiêu biểu cho những lời kết tội tối tăm nhất của mình về bản chất con người, có lẽ ông sẽ vẽ con tinh tinh. Có vẻ con vật này sẽ xác nhận từng giả định đáng sợ của Hobbes về dâm tính cố hữu của đời sống con người. Tinh tinh được xem là điên cuồng vì quyền lực, ghen tuông, dễ sử dụng bạo lực, ranh ma và hung hãn. Giết chóc, gây chiến có tổ chức giữa các đàn với nhau, cưỡng hiếp và giết con non là những điểm nổi bật khi nói đến hành vi của chúng.

Khi các dữ liệu này được công bố vào những năm 1960, các nhà lý luận nhanh chóng đề xuất thuyết "khỉ sát nhân" cho nguồn gốc loài người. Hai nhà linh trưởng học Richard Wrangham và Dale Peterson tóm tắt lý thuyết ma quỷ này bằng những thuật ngữ mạnh mẽ khi tìm thấy trong hành vi của tinh tinh những bằng

chứng về sự khát máu của người cổ đại. Ông viết: "Bạo lực kiểu tinh tinh xuất hiện trước và mở đường cho chiến tranh của loài người, biến con người hiện đại thành những kẻ sống sót choáng váng trước thói gây hấn chết người liên tục suốt 5 triệu năm."

Trước khi tinh tinh được xem là kiểu mẫu sống chuẩn nhất về hành vi của người cổ đại, vị trí này thuộc về một người bà con xa hơn nhiều, loài khỉ đầu chó ở thảo nguyên. Loài linh trưởng sống trên mặt đất này thích nghi với kiểu môi trường sinh thái mà tổ tiên chúng ta chắc chắn đã chiếm lấy khi từ trên cây trèo xuống. Kiểu mẫu khỉ đầu chó bị loại bỏ khi người ta thấy rằng chúng thiếu một số đặc tính cơ bản của con người: hợp tác săn bắt, sử dụng công cụ, chiến tranh có tổ chức, tranh giành quyền lực bao gồm cả tổ hợp liên minh-xây dựng. Trong khi đó, Jane Goodal và nhiều người khác lại đang quan sát các phẩm chất này qua hành vi của tinh tinh. Nhà khoa học thần kinh Robert Sapolsky - một chuyên gia về hành vi của khỉ đầu chó - nhận thấy rằng "nếu khỉ đầu chó có chút kỷ luật nào đó, thì chúng sẽ trở thành tinh tinh".

Có lẽ chẳng có gì đáng ngạc nhiên khi vào lúc đó có quá nhiều nhà khoa học cho rằng tinh tinh là những gì con người trở thành nếu như ít kỷ luật hơn một chút. Không thể phóng đại tầm quan trọng của tinh tinh trong các hình mẫu cuối thế kỷ XX về bản chất con người. Những tấm bản đồ mà chúng ta để lại (hoặc thừa hưởng từ các nhà thám hiểm trước đó) quyết định chúng ta sẽ thám hiểm nơi nào và sẽ tìm thấy gì ở đó. Sự tàn bạo và xảo trá mà lũ tinh tinh thể hiện, cùng với sự độc ác đáng xấu hổ đặc trưng cho phần lớn lịch sử loài người, dường như khẳng định những tiên đoán của Hobbes về những gì bản chất tàn phá của con người sẽ gây ra nếu như không có một thế lực nào đó mạnh hơn kiểm soát.

Bảng 1: Tổ chức xã hội của loài khỉ*

Tinh tinh lùn	**Bình đẳng và chung sống hòa bình**, các cộng đồng tinh tinh lùn chủ yếu được duy trì thông qua mối quan hệ xã hội (**giữa các cá thể cái**), mặc dù con cái vẫn giao tiếp với con đực. Vị trí của con đực có được từ mẹ. Mối quan hệ giữa con trai và mẹ kéo dài suốt đời. **Giao phối theo mô hình nhiều đực - nhiều cái**.
Tinh tinh	Mối quan hệ giữa các con đực với nhau là mạnh nhất và dẫn tới việc lập tức thay đổi **các liên minh con đực**. Con cái di chuyển trong các phạm vi giao nhau theo lãnh thổ do các con đực tuần tra, nhưng không xây dựng mối quan hệ mạnh với các con cái khác hoặc với bất cứ con đực nào. **Giao phối theo mô hình nhiều đực - nhiều cái**.
Con người	Cho đến nay vẫn là loài sống thành những tập thể phong phú nhất trong số các loài linh trưởng, có rất nhiều bằng chứng về **đủ loại hình quan hệ xã hội-tình dục, hợp tác và cạnh tranh** giữa con người đương đại với nhau. **Giao phối theo mô hình nhiều đực - nhiều cái** (nếu bạn tin theo mô hình chuẩn mực ở loài người thì đó là theo hình thức một vợ - một chồng).

Khỉ đột	Nhìn chung, một cá thể đực nổi bật (gọi là "Lưng bạc") chiếm cứ một phạm vi cho đơn vị gia đình của mình, bao gồm vài con cái và con non. Con đực trẻ tuổi bị buộc phải rời đàn khi trưởng thành về mặt tính dục. Quan hệ xã hội mạnh nhất là giữa Lưng bạc với các con cái trưởng thành. **Giao phối theo mô hình đa thê**.
Đười ươi	Đười ươi sống cô độc và có rất ít mối quan hệ dưới bất cứ hình thức nào. Đười ươi đực không chấp nhận sự hiện diện của nhau. Một con đực trưởng thành thiết lập một lãnh thổ rộng lớn trong đó có vài con cái sinh sống. Mỗi con cái có phạm vi riêng. **Giao phối theo mô hình phân chia thời gian giữa các con cái**, không thường xuyên và thường là bạo lực.
Vượn	Vượn tổ chức thành các đơn vị gia đình hạt nhân; mỗi cặp duy trì một lãnh thổ, không cho phép cặp khác xuất hiện. **Giao phối theo mô hình một vợ - một chồng**.

NGHI VẤN VỀ KIỂU MẪU TINH TINH

Tuy nhiên, có một số vấn đề nghiêm trọng khi dùng hành vi của tinh tinh để tìm hiểu xã hội loài người thời tiền sử. Trong khi tinh tinh phân chia cấp bậc cực kỳ rõ ràng, thì các nhóm hái lượm ở

người về cơ bản lại theo chủ nghĩa bình quân. Chia thịt chính là trường hợp mà sự phân chia cấp bậc ở tinh tinh thể hiện rõ nhất, nhưng với các xã hội hái lượm thì những trường hợp này lại tạo ra các cơ chế cào bằng quan trọng nhất. Đại đa số các nhà linh trưởng học đều đồng ý về sự rõ ràng trong ý thức quyền lực ở tinh tinh. Nhưng có lẽ là hơi sớm khi khái quát từ những quan sát ở Gombe*, trong điều kiện các quan sát được thực hiện ở nhiều địa điểm khác nhau - chẳng hạn Taï, ở Bờ Biển Ngà thuộc Tây Phi - lại cho thấy tinh tinh hoang dã xử lý việc chia thịt theo những cách khiến người ta liên tưởng đến người hái lượm nhiều hơn. Nhà linh trưởng học Craig Stanford thấy trong khi tinh tinh ở Gombe "cực kỳ gia trưởng và xảo quyệt" trong việc chia thịt thì tinh tinh ở Taï chia thịt cho từng cá thể trong nhóm đi săn, dù là bạn bè hay kẻ thù, họ hàng hay kẻ lạ không cùng huyết thống*.

Như vậy, trong khi dữ liệu về tinh tinh do Goodall và những người khác ở Gombe nghiên cứu ủng hộ quan điểm cho rằng hành vi điển hình của tinh tinh là tàn nhẫn và ích kỷ có tính toán thì thông tin từ những địa điểm nghiên cứu khác lại trái ngược hoặc làm suy yếu kết luận này. Với những khó khăn cố hữu khi quan sát hành vi của loài tinh tinh hoang dã, chúng ta cần thận trọng về việc khái quát từ những tư liệu hạn chế có được từ lũ tinh tinh di chuyển tự do. Và với trí thông minh không thể bàn cãi cũng như bản chất giao tiếp của mình, chúng ta cũng nên hoài nghi không kém đối với những tư liệu thu thập được từ tinh tinh nuôi nhốt, vì việc đó cũng chẳng hơn gì đem hành vi của tù nhân ra khái quát hóa loài người.

* * *

Còn có cả những câu hỏi liên quan đến mức độ bạo lực của tinh tinh nếu không bị ai quấy rầy trong môi trường sống tự nhiên của mình. Như chúng tôi sẽ thảo luận trong Chương 12, một vài nhân tố hẳn đã làm biến đổi mạnh mẽ hành vi quan sát được của tinh tinh. Nhà sử học văn hóa Morris Berman giải thích rằng nếu chúng ta "thay đổi những thứ như nguồn thực phẩm, mật độ dân số và khả năng thành lập cũng như giải tán bầy đàn một cách tự phát thì sẽ loạn hết cả - khỉ cũng loạn lên như người thôi".

Ngay cả khi chúng ta tự giới hạn bản thân ở hình mẫu tinh tinh, có thể sự tự tin mờ mịt của những kẻ bi quan thuộc trường phái Hobbes mới ngày nay là không có cơ sở. Chẳng hạn, nhà sinh học tiến hóa Richard Dawkins có lẽ đã hơi thiếu chắc chắn trong nhận xét ảm đạm của mình về bản chất con người: "Hãy lưu ý là nếu bạn mơ ước, giống như tôi, xây dựng một xã hội trong đó các cá thể hợp tác với nhau hào phóng và vô tư hướng tới lợi ích chung, bạn chẳng thể trông chờ vào bản chất sinh học. Hãy cố gắng rao giảng về sự hào phóng và đức tính vô tư, bởi chúng ta sinh ra đã ích kỷ rồi." Có thể, nhưng tinh thần hợp tác cũng chảy sâu trong giống loài chúng ta. Các phát hiện gần đây về trí thông minh tương đối của linh trưởng đã khiến hai nhà nghiên cứu Vanessa Woods và Brian Hare phải tự hỏi phải chăng động lực hợp tác là chìa khóa mở ra trí thông minh của giống loài chúng ta. Họ viết: "Thay vì khởi đầu với những con người thông minh nhất sống sót và sản sinh thế hệ tiếp theo, như người ta vẫn thường nói, có lẽ con người đã từng bước biết hợp tác hơn - vì họ giỏi cùng nhau giải quyết vấn đề hơn - và đạt một mức độ thích nghi cao hơn cho phép việc chọn lọc hỗ trợ giải quyết những vấn đề phức tạp hơn."* Họ giả định rằng, con người trở nên thông minh bởi tổ tiên của chúng ta đã học được cách thích

nghi.

Dù bẩm sinh có ích kỷ hay không thì tác động của việc cung cấp thức ăn và môi trường sống bị cạn kiệt đối với cả tinh tinh hoang dã lẫn người hái lượm đều cho thấy Dawkins và những người đã lập luận rằng con người là những quái vật bẩm sinh hung hãn, ích kỷ nên thận trọng trong việc trích dẫn các tư liệu này về tinh tinh nhằm ủng hộ cho kết luận của họ. Các nhóm người có xu hướng phản ứng trước hiện tượng dư thừa và lưu trữ thực phẩm bằng hành vi như được thấy ở tinh tinh: tổ chức xã hội theo cấp bậc, bạo lực giữa các nhóm, bảo vệ chu vi lãnh thổ và liên minh kiểu Machiavelly*. Hay nói cách khác, con người - giống như tinh tinh - có xu hướng đánh nhau khi có thứ gì đó đáng để đánh nhau. Nhưng trong phần lớn thời tiền sử, làm gì có thực phẩm dư thừa để cướp hay bị giành mất và cũng không có nhà ở để phải bảo vệ.

ĐI TÌM SỰ TIẾP NỐI CỦA LINH TRƯỞNG

Hai yếu tố mà phụ nữ giống với tinh tinh lùn là thời điểm rụng trứng được giấu kín và có thể giao phối trong suốt chu kỳ. Nhưng đến đây thì không còn điểm tương đồng nào nữa. Cơ quan sinh dục phồng lên đâu rồi, và cuộc làm tình chớp nhoáng đâu rồi?

• FRANS DE WAAL*

Tình dục là một biểu hiện của tình hữu hảo: ở châu Phi nó giống như việc bắt tay vậy... Rất thân thiện và vui vẻ. Không ép buộc. Được trao tặng một cách tự nguyện.

• PAUL THEROUX*

Bất kể người ta kết luận như thế nào về tính bạo lực của tinh tinh và điều đó liên quan đến bản chất con người ra sao, họ hàng linh trưởng gần gũi nhất của chúng ta, tinh tinh lùn là một kiểu mẫu trái ngược rất thú vị. Nếu như tinh tinh là hiện thân cho quan điểm của Hobbes về nguồn gốc loài người, tinh tinh lùn lại phản ánh quan điểm của Rousseau. Mặc dù được biết đến chủ yếu là người đưa ra khái niệm *Kẻ mọi rợ quý phái* (Noble Savage), tự truyện của Rousseau mô tả chi tiết về niềm đam mê tình dục cho thấy nếu biết đến tinh tinh lùn, hẳn ông đã xem chúng là những bà con cùng giống loài. De Waal tóm tắt sự khác biệt trong hành vi của hai loài khỉ này bằng câu: "Tinh tinh giải quyết các vấn đề tình dục bằng quyền lực, còn tinh tinh lùn giải quyết các vấn đề quyền lực bằng tình dục."

Mặc dù tinh tinh lùn vượt trội tinh tinh cả về tần suất hoạt động tình dục, con cái ở cả hai loài đều thực hiện kỳ giao phối nhiều lần, nhanh chóng thay đổi các anh chàng khác nhau, ở loài tinh tinh, các con cái đang rụng trứng giao phối bình quân từ sáu đến tám lần mỗi ngày, mặc dù chúng thường háo hức đáp lại lời mời giao phối của bất cứ con đực nào trong bầy. Nhà linh trưởng học Anne Pusey đã mô tả hành vi của tinh tinh cái mà mình quan sát được: "Sau khi giao phối trong cộng đồng mà nó sinh ra, mỗi con lại viếng thăm cộng đồng khác khi vẫn còn khả năng giao cấu… Chúng háo hức tiếp cận và giao phối với các con đực ở cộng đồng mới."

Hành vi tình dục ngoài bầy đàn này phổ biến ở tinh tinh, cho thấy rằng quan hệ xuyên bầy đàn không đến nỗi bạo lực như một số người tuyên bố. Chẳng hạn, một nghiên cứu gần đây về mẫu

ADN lấy từ nang lông thu thập được trong tổ tinh tinh thuộc khu vực nghiên cứu Taï ở Bờ Biển Ngà cho thấy *hơn một nửa số con non* (7/13) có bố là những con đực ở bên ngoài bầy chính của con cái. Nếu lũ tinh tinh này sống trong một khu vực chiến tranh liên miên, các con cái sẽ khó mà thoải mái chuồn đi và lý giải cho hơn một nửa số ca mang thai được. Tinh tinh cái đang rụng trứng (bất chấp sự giám sát nhiều hơn của con đực, theo mô hình chuẩn dự đoán) né tránh sự bảo vệ/giam giữ của các con đực đủ lâu để lượn lờ tới các bầy khác, giao phối với những con đực không quen, rồi thong dong trở về bầy chính. Loại hành vi này chắc không giống với hành vi khi luôn ở trong tình trạng cảnh giác cao.

Bất kể sự thật liên quan đến mối quan hệ giữa các bầy tinh tinh hoang dã không có nguồn thức ăn ổn định là gì đi nữa thì thành kiến vô thức vẫn biểu hiện qua nhận xét như thế này: "Trong chiến tranh cũng như trong tình cảm, tinh tinh lùn và tinh tinh bộc lộ những sự khác nhau đáng ngạc nhiên. Khi hai cộng đồng tinh tinh lùn gặp nhau tại biên giới khu vực ở Wamba... chẳng những không có xung đột gây tử vong như đôi khi vẫn xảy ra ở tinh tinh, mà có thể còn có giao tiếp và thậm chí giao phối giữa con cái và con đực của cộng đồng kẻ thù."*

Kẻ thù ư? Khi hai bầy linh trưởng thông minh gặp nhau để giao tiếp và giao phối với nhau, ai lại nghĩ rằng các nhóm này là *kẻ thù* hay cuộc gặp đó là *chiến tranh*? Hãy lưu ý đến những giả định tương tự trong trường hợp này: "Tinh tinh phát ra tiếng kêu đặc biệt để báo động cho những con khác ở cách xa biết là có thức ăn. Như vậy, đây là hình thức chia thức ăn, *nhưng không nhất thiết phải cho rằng đó là làm từ thiện*. Con phát ra tiếng kêu thông báo đã gặp nhiều thức ăn hơn mức nó cần thiết nên sẽ chẳng mất gì

nếu chia sẻ và có thể sau đó sẽ được hưởng lợi khi một con tinh tinh khác đền đáp."*

Hành vi có vẻ hợp tác này "không nhất thiết phải được hiểu là từ thiện", nhưng với cách hiểu như vậy thì vấn đề không nói ra ở đây là gì? Tại sao chúng ta lại phải tìm cách lý giải cho thứ trông giống như sự hào phóng ở loài linh trưởng không phải con người, hay ở các loài động vật khác nói chung? Phải chăng hào phóng là phẩm chất chỉ có ở loài người? Những đoạn như thế này khiến người ta thắc mắc, cũng giống như Gould, rằng tại sao các nhà khoa học lại ghét phải chứng kiến sự giống nhau giữa linh trưởng và chúng ta, mặc dù nhiều người rõ ràng là mong muốn chứng minh được nguồn gốc thói hiếu chiến của chúng ta có xuất phát từ quá khứ linh trưởng.

> *Hãy tưởng tượng rằng chúng ta chưa bao giờ nghe nói đến tinh tinh hay khỉ đầu chó nhưng lại biết đến tinh tinh lùn trước. Hiện tại, chúng ta có vẻ tin rằng con người sơ khai sống trong xã hội lấy người nữ làm trung tâm, trong đó tình dục đóng vai trò là cách thức giao tiếp quan trọng còn chiến tranh hiếm khi xảy ra.*
>
> **• FRANS DE WAAL**

Do chỉ sinh sống ở vùng rừng rậm xa xôi thuộc một đất nước thiếu ổn định chính trị (Cộng hòa Dân chủ Congo, trước đây là Zaire), tinh tinh lùn là một trong những loài có vú cuối cùng được nghiên cứu trong môi trường tự nhiên của chúng. Mặc dù những điểm khác biệt giữa cơ thể của chúng với loài tinh tinh bình thường đã được phát hiện từ năm 1929, mãi đến khi hành vi hoàn toàn

khác của tinh tinh lùn trở nên rõ ràng thì chúng mới được xem là một nhánh phụ của tinh tinh.

Đối với tinh tinh lùn, vị trí của con cái quan trọng hơn con đực, nhưng ngay cả vị trí của con cái cũng hay thay đổi và không vững chắc. Tinh tinh lùn không có nghi lễ chính thức nào cho việc thống trị và phục tùng, giống như thứ phân cấp địa vị, thường thấy ở tinh tinh, khỉ đột và các loài linh trưởng khác. Mặc dù không phải là không có phân cấp địa vị, nhưng nhà linh trưởng học Takayoshi Kano, khi thu thập được những thông tin chi tiết nhất về hành vi của tinh tinh lùn hoang dã, cho rằng nên sử dụng từ "có ảnh hưởng" hơn là "có cấp bậc cao" khi mô tả tinh tinh lùn cái. Ông cho rằng con cái được tôn trọng nhờ được yêu mến hơn là nhờ địa vị. Trên thực tế, Frans de Waal tự hỏi không biết có thích hợp hay không khi thảo luận về cấp bậc trong loài tinh tinh lùn. Ông viết: "Nếu có thứ tự cấp bậc ở con cái thì điều đó chủ yếu dựa trên tuổi tác hơn là sự đe dọa về mặt thể chất: nhìn chung con cái cao tuổi có địa vị cao hơn các con trẻ."

Những ai tìm kiếm bằng chứng về chế độ mẫu quyền trong xã hội loài người có thể sẽ suy nghĩ đến thực tế là ở tinh tinh lùn, "sự thống trị" của con cái không dẫn tới việc con đực phục tùng, theo cách người ta vẫn nghĩ về sự đảo ngược cấu trúc quyền lực của con đực, như ở tinh tinh và khỉ đầu chó. Tinh tinh lùn cái sử dụng quyền lực của chúng khác với linh trưởng đực. Bất chấp vị thế phục tùng trong bầy, tinh tinh lùn đực vẫn sống thoải mái hơn so với tinh tinh đực hay khỉ đầu chó đực. Như chúng ta sẽ thấy trong các thảo luận sau này về xã hội do nữ thống trị như người Mosuo*, Trung Quốc hay người Minangkabau, Sumatra*, đàn ông cũng có xu hướng sống thoải mái trong điều kiện phụ nữ nắm quyền. Trong

khi Sapolsky chọn nghiên cứu khỉ đầu chó do mức căng thẳng cao mà các con đực phải chịu thường xuyên do phải liên tục chiến đấu giành quyền lực, de Waal nhận thấy rằng tinh tinh lùn tồn tại kiểu khác, ông nói, "nhìn chúng thường xuyên hoạt động tình dục và ít gây gổ, tôi thấy thật khó mà cho rằng con đực của loài này lại chịu đựng căng thẳng".

Về mặt giải phẫu học, con người và tinh tinh lùn, chứ không phải tinh tinh, giống nhau ở chỗ đặc biệt thích chung sống hòa bình. Cả hai loài đều sở hữu *vi vệ tinh lặp (repetitive micro-satellite*) (ở gene AVPR1A) rất quan trọng cho sự giải phóng *oxytocin.* Thỉnh thoảng vẫn được gọi bằng "ma túy của tự nhiên", *oxytocin* đóng vai trò quan trọng trong những cảm giác có lợi cho giao tiếp như tình thương, niềm tin, hào phóng, yêu thương, và vâng, cả lãng mạn nữa. Như nhà nhân học kiêm tác gia Eric Michael Johnson giải thích: "Việc tinh tinh bị thiếu đi vi vệ tinh lặp này chẳng là gì so với sự thật là đột biến này chỉ phát triển ở người và tinh tinh lùn."

Nhưng có sự phản đối mạnh mẽ quan niệm cho rằng mức căng thẳng tương đối thấp và tự do tình dục có thể là đặc trưng của loài người trước đây. Helen Fisher thừa nhận những khía cạnh này trong đời sống tinh tinh lùn cũng như nhiều tương đồng khác đối với hành vi loài người, và thậm chí khôn khéo viện dẫn đến phân tích về *bầy đàn nguyên thủy* của Morgan:

Những sinh vật này di chuyển trong các bầy có đủ cả con đực, con cái và con non… Các cá thể đến và đi giữa các bầy, phụ thuộc vào nguồn cung thực phẩm, kết nối thành một cộng đồng gắn bó gồm vài chục thành viên. Đây là một bầy đàn nguyên thủy… Tình dục gần như là trò tiêu khiển hằng ngày… Con cái giao phối gần

như trong suốt chu kỳ kinh - kiểu giao phối giống với phụ nữ hơn bất cứ loài nào khác. Tinh tinh lùn giao phối để giảm bớt áp lực, kích thích việc chia sẻ trong các bữa ăn, giảm bớt căng thẳng khi di chuyển và khẳng định lại tình bạn trong những cuộc tụ họp lo âu. "Làm tình, không gây chiến" rõ ràng là chiến lược của tinh tinh lùn.

Fisher đặt một câu hỏi rõ ràng: "Tổ tiên chúng ta có giống vậy hay không?" Có vẻ như bà đang giúp chúng ta chuẩn bị sẵn sàng trước một câu trả lời chắc chắn khi viết rằng tinh tinh lùn "thể hiện nhiều thói quen tình dục mà mọi người bộc lộ trên đường phố, trong quán bar, nhà hàng, và đằng sau cánh cửa căn hộ ở New York, Paris, Moscow và Hồng Kông." "Trước khi giao cấu", bà viết: "Tinh tinh lùn nhìn sâu vào mắt nhau." Fisher còn quả quyết với độc giả rằng giống như loài người, tinh tinh lùn "bước đi tay trong tay, hôn tay và chân nhau, rồi ôm nhau cùng những nụ hôn dài, sâu, đẩy lưỡi kiểu Pháp".

Cũng không tán đồng nhiều khía cạnh của mô tả chuẩn mực như chúng ta, dường như Fisher muốn sắp xếp lại lập luận của mình về sự xuất hiện của mối quan hệ kết đôi lâu dài và các khía cạnh khác của loài người trong thời tiền sử để phản ánh rõ hơn những hành vi bất thường này của cả tinh tinh lùn lẫn loài người. Nếu xét đến vai trò nổi bật trong hành vi của tinh tinh đối với mô tả chuẩn mực, thì làm sao chúng ta lại không tính cả tư liệu quan trọng không kém của tinh tinh lùn trong những ước đoán của mình về loài người thời tiền sử? Nên nhớ rằng, xét về *mặt di truyền thì khoảng cách giữa chúng ta với tinh tinh và tinh tinh lùn là bằng nhau*. Như Fisher nhận thấy, hành vi tình dục của tinh tinh lùn giống với con người hơn bất cứ sinh vật nào khác trên Trái đất.

Nhưng Fisher đứng trước kết luận rõ ràng: lịch sử tình dục loài người có thể giống như hiện tại của tinh tinh lùn, và buộc phải giải thích hành động quay ngoắt 180 độ của mình vào phút cuối bằng câu: "Tinh tinh lùn có đời sống tình dục khá khác biệt so với các loài linh trưởng khác." Không hẳn vậy, bởi con người - vốn có hành vi tình dục giống như tinh tinh lùn, theo chính Fisher - *là một loài linh trưởng*. Bà nói tiếp: "Hoạt động tình dục khác giới của tinh tinh lùn cũng xảy ra trong gần như cả kỳ kinh. Tinh tinh lùn cái trở lại với hành vi tình dục trong vòng một năm sau sinh nở." Những đặc tính độc đáo trong hoạt động tính dục của tinh tinh lùn đều giống với duy nhất một loài linh trưởng khác: *Homo sapiens*. Sau đó Fisher kết luận: "Do tinh tinh lùn thể hiện những *thái cực tính dục linh trưởng* này và theo dữ liệu sinh hóa cho thấy (chúng) mới xuất hiện khoảng hai triệu năm về trước, tôi thấy chúng không thích hợp làm kiểu mẫu cho cuộc sống vì điều này đã tồn tại ở loài người cách đây 20 triệu năm." (Chúng tôi nhấn mạnh).

Đoạn này kỳ lạ ở một vài cấp độ. Sau khi viết chi tiết về việc hành vi tình dục của tinh tinh lùn giống với loài người một cách đáng ngạc nhiên ra sao, Fisher thực hiện một cú lộn ngược hai vòng để kết luận rằng chúng không phù hợp làm kiểu mẫu cho tổ tiên chúng ta. Để biến vấn đề này thành khó hiểu hơn, bà dịch chuyển toàn bộ cuộc thảo luận này về 20 triệu năm trước cứ như đang nói về tổ tiên chung cuối cùng của *tất cả các loài khỉ* (nhưng đâu phải); khác với điểm chung của tinh tinh, tinh tinh lùn và con người, tất cả đều tách từ một tổ tiên chung cách đây chỉ năm triệu năm mà thôi. Trên thực tế, Fisher không nói đến những tổ tiên xa xôi như vậy. Trong *The Anatomy of Love (*tạm dịch*: Giải phẫu tình yêu*), cuốn sách của bà mà chúng ta đang trích dẫn, là một cuốn sách

được viết rất hay, đưa ra công chúng công trình học thuật có tính đột phá của bà về "tiến hóa trong các chuỗi quan hệ kết đôi" ở người (không phải ở *mọi loài linh trưởng*) trong vòng vài triệu năm qua. Hơn nữa, hãy lưu ý đến việc Fisher nói rằng những đặc tính mà tinh tinh lùn giống với con người là "các thái cực của hoạt động tính dục linh trưởng".

Sự đắn đo quá mức của Fisher về tính bừa bãi tiềm năng ở người một lần nữa xuất hiện trong mô tả của bà về việc tổ tiên chúng ta chuyển nơi sinh sống từ trên cây xuống đất: "Có lẽ các bà tổ nguyên thủy sống trên cây của chúng ta đã luôn dùng quan hệ tình dục với nhiều đàn ông để giữ gìn bạn bè. Sau đó, khi tổ tiên chúng ta phải đi tới những đồng cỏ châu Phi cách đây khoảng bốn triệu năm và phát triển hành vi kết đôi để nuôi con, phụ nữ đã chuyển từ giao phối bừa bãi sang giao phối giấu giếm, gặt hái lợi ích từ các nguồn tài nguyên và cả nguồn gene tốt hơn hoặc đa dạng hơn." Hãy để ý đến cách Fisher phỏng đoán sự xuất hiện của việc kết đôi bốn triệu năm trước như thế nào, mặc dù không có bất cứ bằng chứng khảo cổ học nào ủng hộ. Tiếp tục việc giải thích lòng vòng này, bà viết:

Vì tinh tinh lùn có vẻ thông minh nhất trong các loài khỉ, cũng như có nhiều đặc điểm thể chất khá giống với con người, và còn vì loài tinh tinh này giao cấu rất giỏi và thường xuyên, một số nhà nhân học phỏng đoán rằng tinh tinh lùn rất giống với người châu Phi, tổ tiên chung cuối cùng ở trên cây của chúng ta. Có lẽ tinh tinh lùn là những di tích sống về quá khứ của chúng ta. Nhưng chắc chắn là chúng biểu lộ một số khác biệt cơ bản trong hành vi tình dục. Đơn cử, tinh tinh lùn không xây dựng mối quan hệ kết đôi lâu dài như con người. Trong trường hợp khác thì cũng không phải một cặp đôi mang tính vợ chồng cùng chăm sóc con cái. Con đực có quan

tâm đến trẻ sơ sinh, nhưng chúng không sống cuộc đời một vợ một chồng. Việc của chúng là sinh hoạt bừa bãi.

Đến đây chúng ta có cách diễn đạt rõ ràng về quá trình *Flintstone* hóa, rằng nó bóp méo suy nghĩ của ngay cả những nhà lý luận nhiều thông tin nhất về nguồn gốc hành vi tình dục loài người. Chúng ta chắc chắn là tiến sĩ Fisher sẽ thấy điều mà bà gọi là "khác biệt cơ bản" trong hành vi tình dục lại không hề khác biệt khi bà xem đầy đủ những thông tin mà chúng tôi đề cập trong các chương sau. Chúng tôi sẽ chứng minh rằng hôn nhân vợ/chồng và chế độ tình dục một đực một cái rất xa cách với những hành vi thông thường của con người, nghĩa là không như bà và nhiều người khác vẫn khẳng định. Chỉ vì tinh tinh lùn làm dấy lên những nghi ngờ về tính tự nhiên trong mối quan hệ kết đôi lâu dài ở người mà Fisher và hầu hết các chuyên gia khác kết luận rằng chúng không thể làm kiểu mẫu cho quá trình tiến hóa của loài người. Họ bắt đầu cho rằng chế độ tình dục một vợ một chồng lâu dài tạo nên hạt nhân của cấu trúc gia đình là duy nhất, tự nhiên và vĩnh cửu của loài người, từ đó truy lại để tìm nguyên nhân. Ôi Yucatán!

Nhược điểm của "thuyết loài khỉ sát nhân" trong nguồn gốc loài người trở nên rõ ràng khi đối chiếu với điều mà bây giờ được gọi là hành vi tinh tinh lùn. Mặc dù vậy, de Waal vẫn xây dựng được một trường hợp thú vị, ngay cả khi không có những dữ liệu mà phải đến những năm 1970 mới sẵn có, và nhiều sai sót trong quan điểm về tinh tinh của Hobbes hẳn cuối cùng vẫn bị chỉ ra. Ông kêu gọi mọi người chú ý đến thực tế là thuyết này nhầm lẫn việc ăn thịt với tính hung hăng, cho rằng công cụ bắt nguồn từ vũ khí, và mô tả con cái là "những mục tiêu thụ động trong hành vi cạnh tranh của con đực". Ông kêu gọi một kịch bản mới "thừa nhận và giải thích về

thực tế rằng giữa các nhóm người hái lượm ngày nay không có những cuộc chiến được tổ chức, hay về xu hướng theo chủ nghĩa bình quân, và sự hào phóng thông tin cũng như nguồn tài nguyên giữa các bầy với nhau”*.

Bằng cách phản ánh những mối lo lắng hậu nông nghiệp gần đây vào quan điểm của mình về thời tiền sử, nhiều nhà lý luận đã *Flintstone* hóa phương pháp của mình thành ngõ cụt. Sự thôi thúc như một bản năng của người hiện đại nhằm kiểm soát hoạt động tính dục của phụ nữ có lẽ không thuộc về bản chất loài người. Nó giống một phản ứng trước những điều kiện kinh tế xã hội mang tính lịch sử cụ thể nhiều hơn - vốn là những điều kiện rất khác với những cơ sở mà giống loài chúng ta đã tiến hóa. Đây là chìa khóa để hiểu hoạt động tính dục trong thế giới hiện đại. De Waal đã đúng khi cho rằng hành vi mang tính thứ bậc, hiếu chiến và bảo vệ lãnh thổ này có nguồn gốc gần đây đối với giống loài chúng ta. Như chúng ta sẽ thấy, đó là sự thích nghi với thế giới cộng đồng sinh ra từ nông nghiệp.

Theo góc nhìn từ xa của chúng tôi, dường như Helen Fisher, Frans de Waal và một số người khác đã mạo hiểm bước lên cây cầu bắc qua dòng chảy cuồn cuộn những giả định vô căn cứ về hoạt động tính dục loài người - nhưng họ không dám bước qua. Đối với chúng tôi, có vẻ như họ đứng tại những thỏa hiệp căng thẳng với giải thích chi li nhất về dữ liệu mà họ cũng chỉ biết như mọi người. Đối mặt với một thực tế không thể bỏ qua là chắc chắn loài người tiền sử không sống theo mô hình một vợ một chồng, họ biện bạch cho hành vi “khác thường” - nhưng lại nhất quán một cách khó hiểu. Fisher giải thích thứ hiện tượng tan vỡ hôn nhân khắp nơi trên thế giới tiền sử bằng cách lập luận rằng quan hệ kết đôi mới

tiến đến mức chỉ duy trì đến khi đứa trẻ sơ sinh lớn lên và có khả năng theo kịp nhóm hái lượm mà không cần sự hỗ trợ của bố. Về phần mình, de Waal lập luận rằng gia đình hạt nhân "về bản chất là rất con người" và mối quan hệ kết đôi là "chìa khóa dẫn đến mức hợp tác phi thường, đánh dấu giống loài chúng ta". Rồi de Waal lại kết luận với giọng gợi ý là, "thành công của chúng ta trên phương diện giống loài gắn bó mật thiết với hành động từ bỏ lối sống của tinh tinh lùn và với việc kiểm soát chặt chẽ hơn những biểu lộ tình dục". "Từ bỏ ư?" Vì không thể từ bỏ những gì người ta vốn có, de Waal có vẻ đồng ý rằng tại một số thời điểm, hoạt động tính dục của loài người cực kỳ giống với hoạt động của lũ tinh tinh lùn bừa bãi, thoải mái - mặc dù chưa bao giờ ông nói rõ điều đó.

Bảng 2: So sánh hành vi tình dục-xã hội và sự phát triển ở con sơ sinh của tinh tinh lùn, tinh tinh và con người.*

Phụ nữ và tinh tinh lùn cái **giao cấu trong suốt kỳ kinh**, cũng như trong suốt **thời kỳ cho con bú và mang thai**. Tinh tinh cái chỉ hoạt động tình dục khoảng 25-40% theo chu kỳ.
Trẻ sơ sinh ở người và tinh tinh lùn phát triển chậm hơn nhiều so với con non của tinh tinh, bắt đầu chơi với nhau từ khoảng một tuổi rưỡi.
Giống con người, tinh tinh lùn cái lập tức trở về bầy sau khi sinh con và chỉ sau vài tháng là lại giao phối. Chúng rất ít sợ chuyện giết con non, điều chưa bao giờ thấy ở tinh tinh lùn - dù sống tự do hay nuôi nhốt.
Tinh tinh lùn và con người thích nhiều tư thế giao cấu khác nhau, trong đó tinh tinh lùn cái thích tư thế bụng áp bụng (tư thế truyền giáo) hơn còn con đực thích quan hệ từ đằng sau hơn, trong khi tinh tinh gần như chỉ thích một tư thế

từ đằng sau
Tinh tinh lùn và con người thường nhìn vào mắt nhau khi giao phối và hôn nhau say đắm. Tinh tinh thì không hề
Ở con người và tinh tinh lùn, âm vật nằm giữa hai chân và hướng về *phía trước cơ thể*, chứ không hướng về sau như tinh tinh và các loài linh trưởng khác.
Chia sẻ thức ăn gắn chặt với hoạt động tình dục ở người và tinh tinh lùn, nhưng ở tinh tinh thì không chặt chẽ.
Tính đa dạng lớn trong khả năng kết hợp tình dục ở người và tinh tinh lùn; hoạt động đồng tính phổ biến ở cả hai loài, nhưng hiếm gặp ở tinh tinh.
Hành động cọ xát âm vật-âm vật (G-G) giữa các cá thể tinh tinh lùn cái có vẻ để khẳng định quan hệ "chị em", xuất hiện ở tất cả các cộng đồng tinh tinh lùn được nghiên cứu (hoang dã và nuôi nhốt), nhưng hoàn toàn không có ở tinh tinh. Dữ liệu về hành động cọ xát G-G ở người đến nay vẫn chưa có. (Hãy chú ý: các nghiên cứu sinh tham vọng!)
Trong khi hoạt động tính dục ở tinh tinh và các loài linh trưởng khác chủ yếu là để sinh sản, **tinh tinh lùn và con người lại sử dụng tình dục cho mục đích giao tiếp** (giảm căng thẳng, tạo quan hệ, giải quyết xung đột, giải trí, v.v…)

PHẦN II

DỤC VỌNG TRÊN THIÊN ĐƯỜNG (CÔ ĐỘC)

5

AI MẤT CÁI GÌ TRÊN THIÊN ĐƯỜNG?

[Con người] đã tưởng tượng về một thiên đàng, nhưng lại quên bẵng đi thứ quan trọng nhất trong tất cả mọi niềm vui của mình, đó là cơn đê mê đầu tiên và trước hết trong tâm khảm mỗi người... giao cấu tình dục! Sự lãng quên ấy khác nào một người lạc đường sắp chết trong sa mạc thiêu đốt, được người cứu sống bảo rằng anh ta có thể chọn và có tất cả mọi thứ mình muốn ngoại trừ một điều, anh ta không được uống nước!

• **MARK TWAIN, *Letters from the Earth (tạm dịch: Thư từ Trái đất)***

Hóa ra, Vườn Địa đàng lại không phải là một khu vườn. Nó là bất cứ thứ gì, nhưng không phải là vườn: rừng rậm, rừng thưa, bờ biển hoang dã, thảo nguyên rộng rãi, lãnh nguyên lộng gió... *Adam và Eva không bị tống cổ khỏi vườn. Họ bị đuổi vào vườn.*

Nghĩ mà xem. Vườn là gì? Đất trồng. Chăm sóc. Sắp xếp. Tổ chức. Có chủ ý. Cỏ dại bị nhổ đi hoặc phun thuốc không thương tiếc; hạt giống được chọn lọc và gieo xuống, tai nạn không được đón chào. Không có cái gì là tự do hay tự phát ở một nơi như vậy cả.

Nhưng câu chuyện kể rằng trước khi phạm tội, Adam và Eve sống vô tư, trần trụi và ngây thơ - không thiếu thứ gì. Thế giới đó cho họ tất cả những gì họ cần: thức ăn, chỗ ở, tình bạn.

Nhưng sau khi sa ngã, thời tươi đẹp biến mất. Thức ăn trước đây được thế giới hào phóng ban tặng thì nay phải làm việc vất vả mới có được. Phụ nữ phải chịu đau đớn khi sinh con. Và niềm lạc thú tình dục - trước đây vốn không phải là tội lỗi - trở thành nguồn sỉ nhục và xấu hổ. Mặc dù Kinh Thánh kể rằng những con người đầu tiên bị trục xuất từ Vườn Địa đàng, nhưng câu chuyện này đã có chỗ bị đảo ngược. Lời nguyền lên Adam và Eve xoay quanh việc đánh đổi đời sống được cho là ít căng thẳng, nhiều niềm vui của người hái lượm (hoặc tinh tinh lùn) lấy công việc vất vả từ sáng đến tối của người nông dân trong khu vườn của mình. Dấu vết nguồn cội nỗ lực giải thích lý do tổ tiên chúng ta lại chấp nhận một thương vụ thiếu công bằng đến vậy*.

Câu chuyện về vụ sa ngã này cấu trúc hóa theo lối kể chuyện về cuộc chuyển đổi đau thương từ cách sống săn bắn/hái lượm thấy-đâu-nhặt-đấy sang cuộc vật lộn gian khổ của những kẻ làm nông nghiệp. Vật lộn với côn trùng, gặm nhấm, thời tiết và chính Trái đất khó tính, nông dân buộc phải kiếm lấy miếng bánh mì bằng mồ hôi chứ không phải là chỉ việc tìm thứ quả bây giờ đã bị cấm và bỏ miệng ăn ngay như tổ tiên bao đời. Chả trách những người hái lượm gần như không quan tâm đến việc học hỏi những kỹ thuật canh tác của châu Âu. Như một người hái lượm nói: "Tại sao chúng tôi lại phải trồng trọt, khi trên thế giới có bao nhiêu là hạt mongongo?"

* * *

Những cuốn sách nói về bản chất con người như thế này luôn là những tín hiệu cảnh báo rắc rối. Một mặt, mọi người đều là chuyên gia. Vì là con người, chúng ta ai nấy đều có ý niệm về bản chất con người. Sự hiểu biết này dường như đòi hỏi nhiều hơn một chút những hiểu biết về luân lý và một chút chú ý tới khao khát và sự không ham thích liên miên của chính mình. Đơn giản thế thôi.

Nhưng cảm nhận về bản chất con người thật ra lại không đơn giản chút nào. Bản chất con người từ lâu đã được chỉnh trang, trồng lại, làm cỏ, bón phân, quây rào, gieo hạt và tưới tiêu thâm canh như bất cứ khu vườn hay sân golf ven biển nào. Con người đang được nuôi dưỡng lâu hơn bất cứ loài vật nào chúng ta nuôi dưỡng. Văn hóa nuôi dưỡng chúng ta nhằm phục vụ cho mục đích riêng của nó, dưỡng dục và khích lệ những khía cạnh nhất định trong hành vi và xu hướng của chính chúng ta trong khi tìm cách tiêu diệt những mặt có khả năng gây trở ngại.

Cũng giống như ăn kiêng, cảm nhận của chúng ta về mọi khía cạnh của bản chất con người đã giảm mạnh. Bất kể giàu dinh dưỡng đến đâu, thứ gì hoang dã đều bị nhổ lên - mặc dù như chúng ta sẽ thấy, một số cỏ dại đã bắt rễ sâu vào tận quá khứ chung của chúng ta. Nếu muốn thì cứ nhổ, nhưng rồi chúng sẽ không ngừng mọc lại.

Thứ được nuôi dưỡng không cứ phải có lợi cho tất cả các cá thể trong một xã hội nhất định nào đó. Có thứ có lợi cho một nền văn hóa, nhưng lại là thảm họa đối với phần đông thành viên của nền văn hóa đó. Nhiều người phải chịu đau khổ và chết chóc trong chiến tranh nhưng có thể xã hội lại được hưởng lợi rất nhiều từ cuộc chiến đó. Chất thải công nghiệp trong không khí và nước, các hiệp ước thương mại toàn cầu hóa, cây trồng biến đổi gen, giàn

khoan rò rỉ dầu ra biển khơi... tất cả đều được chấp thuận bởi những kẻ chắc chắn sẽ thua trong cuộc trao đổi này.

Sự tách rời giữa lợi ích cá nhân và tập thể góp phần giải thích cho việc chuyển đổi sang nông nghiệp lại thường được xem là bước nhảy vọt vĩ đại. Thật ra đây là một thảm họa đối với hầu hết các cá thể phải chịu đựng nó. Xương hóa thạch tìm được ở nhiều vùng trên thế giới trong thời gian chuyển từ hái lượm sang trồng trọt đều kể cùng một câu chuyện: nạn đói gia tăng, thiếu vitamin, tăng trưởng chững lại, tuổi thọ giảm, bạo lực tăng cao... không phải là điều đáng ăn mừng. Đối với đại đa số mọi người, chúng ta sẽ thấy rằng bước chuyển từ hái lượm sang trồng trọt mà câu chuyện Adam và Eve tượng trưng là một thất bại thảm hại - không phải là bước nhảy vọt vĩ đại mà là sa cơ lỡ vận.

LÀM TÌNH LIÊN MIÊN (ROCK 'N' ROLL)

Nếu bạn từng hoài nghi rằng, con người, trên tất cả, là những động vật có tính xã hội, thì hãy suy ngẫm về những hành hình giết chóc hay nhục hình, thứ hình phạt khủng khiếp nhất trong bất cứ xã hội nào luôn là lưu đày. Vì thiếu chỗ để lưu đày những tù nhân kinh khủng nhất, nên chúng ta biến lưu đày thành hình phạt khắc nghiệt nhất: biệt giam. Sartre đẩy khái niệm này lùi lại với tuyên bố: *"L'enfer, cest les autres*" (Địa ngục là người khác). *Thiếu vắng* người khác chính là điều kinh khủng nhất đối với giống loài chúng ta. Con người cần giao tiếp xã hội đến mức nhìn chung gần như tất cả tù nhân đều chọn ở chung với kẻ cuồng sát còn hơn là bị biệt giam kéo dài. "Tôi thà có bạn tù tồi tệ nhất còn hơn là không có bạn tù nào", nhà báo Terry Anderson hồi tưởng bảy năm thử thách làm

con tin ở Lebanon của mình*.

Các nhà lý luận tiến hóa thích tìm lời giải thích cho những đặc điểm nổi bật nhất của các loài: gạc của nai sừng tấm, cổ của hươu cao cổ, tốc độ vượt trội của loài báo. Những đặc điểm này phản ánh môi trường tiến hóa của chúng, theo đó là nơi sống cụ thể của chúng trong đó.

Đâu là đặc điểm nổi bật của giống loài chúng ta? Ngoài việc đàn ông có dương vật ngoại cỡ (xem Phần IV), chúng ta không có gì gây ấn tượng về mặt biểu hiện thể chất. Tuy chưa bằng một nửa trọng lượng cơ thể chúng ta, nhưng một con tinh tinh bình thường có sức mạnh bằng bốn đến năm chàng lính cứu hỏa để ria. Nhiều loài thú có khả năng chạy nhanh hơn, lặn sâu hơn, chiến đấu tốt hơn, nhìn xa hơn, phát hiện tinh nhạy các thứ mùi hơn và nghe thấy những âm thanh tinh tế mà chúng ta không hề nghe thấy được. Vậy chúng ta góp được gì cho bữa tiệc đây? Con người có gì mà đặc biệt đến thế? Phải chăng là do sự tương tác phức tạp không ngừng của con người với nhau?

Chúng tôi biết bạn đang nghĩ gì: bộ não lớn. Đúng vậy, nhưng bộ não độc đáo của chúng ta là kết quả của hoạt động trò chuyện giao tiếp. Dù còn tranh cãi về vấn đề tại sao não người lại to ra nhanh đến vậy, nhưng đa số mọi người đều đồng ý với nhà nhân học Terrence W. Deacon khi ông viết: "Não người hình thành nhờ các quá trình tiến hóa tạo ra những năng lực cần thiết đối với ngôn ngữ, chứ không chỉ là nhờ nhu cầu chung là thông minh hơn."*

Trong vòng phản hồi đã trở thành cố định, bộ não to lớn của chúng ta phục vụ cả nhu cầu giao tiếp phức tạp, tinh tế lẫn kết quả của nhu cầu đó. Đến lượt mình, ngôn ngữ cho phép chức năng sâu xa nhất, con người nhất của chúng ta hoạt động: khả năng hình

thành và duy trì mạng lưới xã hội linh hoạt, đa chiều và dễ thích nghi. Trước tiên và trên hết, *Homo sapiens* là sinh vật có khả năng giao tiếp bậc nhất.

Bên cạnh não bộ lớn đến mức thiếu cân xứng và kèm theo đó là năng lực ngôn ngữ, chúng ta còn có một phẩm chất khác *cực kỳ con người*. Có lẽ không có gì đáng ngạc nhiên vì nó cũng được dệt vào tấm lưới xã hội vô cùng quan trọng của chúng ta: hoạt động tính dục theo cơ chế tua-bin tăng áp. Không một loài động vật nào trên thế giới dành nhiều thời gian cho tình dục hơn *Homo sapiens* - kể cả loài tinh tinh lùn vốn nổi tiếng dâm dục. Mặc dù trung bình trong đời cả chúng ta lẫn tinh tinh lùn đều say sưa tham gia hàng trăm, nếu không muốn nói hàng nghìn hành vi giao phối - vượt xa bất cứ loài linh trưởng nào - thì số lượng "hành vi" của chúng vẫn ít hơn hẳn chúng ta. Hầu hết các loài động vật kết đôi theo kiểu "một vợ một chồng" gần như luôn ít ham muốn, chỉ quan hệ như Vatican khuyến nghị: thưa thớt, lặng lẽ và chỉ phục vụ mục đích sinh sản. Bất kể là thành viên của tôn giáo nào, con người đều nằm ở đầu còn lại của phổ ham muốn: siêu dâm dục điển hình.

Con người và tinh tinh lùn đều sử dụng sự dâm dục làm niềm vui, thắt chặt tình giao hảo, chốt thương vụ (trong lịch sử, hôn nhân giống với sáp nhập doanh nghiệp hơn là lời tuyên bố mãi mãi yêu nhau). Đối với hai loài này (và có vẻ là *chỉ có* hai loài này mà thôi)* tình dục không chỉ nhằm sinh sản là điều "tự nhiên", một đặc thù mang tính xác định.

Liệu tất cả những thứ tình dục phù phiếm này có khiến chúng ta mang "thú tính"? Không nên nghĩ vậy. Thế giới động vật đầy những loài chỉ quan hệ tình dục trong những chu kỳ dài khi con cái đang rụng trứng. Chỉ có hai loài thực hiện được điều này hết tuần này

sang tuần khác mà không phải vì mục đích sinh sản: một là con người và hai là một loài rất giống người. Vì vậy, tình dục nhằm thư giãn với nhiều đối tác mang tính "người" nhiều hơn là con. Thứ tình dục thiên về mục đích sinh sản lại vốn mang tính "con" nhiều hơn là người.

Tuy nhiều người đã cố gắng giấu đi dâm tính của bản thân, nhưng vì là một thế lực tự nhiên nên nó vẫn cứ lồ lộ ra ngoài. Rất nhiều người Mỹ đứng đắn, chuẩn mực thấy chướng tai gai mắt với cách Elvis lắc hông khi hát. Khi anh hát "rock and roll" bao nhiêu người nhận ra cụm từ *rock and roll* nghĩa là gì? Nhà sử học văn hóa Michael Ventura trong lúc nghiên cứu nguồn gốc của âm nhạc Mỹ gốc Phi đã phát hiện rằng *rock 'n' roll* bắt nguồn từ các điểm giải trí ở miền Nam. Ventura cho chúng tôi biết, cụm từ này "đã được sử dụng từ rất lâu trước thời của Elvis, nó vốn không phải là tên một loại hình âm nhạc mà có nghĩa là "làm tình". Bản thân từ "*rock*" đã có nghĩa như thế, trong giới ăn chơi ở đó, ít ra là từ những năm 1920". Đến giữa những năm 1950, khi cụm từ này được sử dụng rộng rãi trong văn hóa chính thống, Ventura nói rằng những DJ (người lựa chọn và phát những thể loại âm nhạc) "hoặc là không biết mình đang nói gì hoặc quá ranh ma nên không công nhận điều mình biết".

Mặc dù cụ Ed Sullivan gắt gỏng sẽ rất khó chịu nếu biết ý nghĩa của điều mình đang nói lúc tuyên bố rằng thứ *"rock 'n' roll"* mới này khiến lũ trẻ đứa nào cũng phát cuồng", những ví dụ liên quan đến tình dục ít được tiết lộ nằm bên dưới tiếng Anh-Mỹ không chỉ có thế. Robert Farris Thompson, nhà nghiên cứu lịch sử nghệ thuật châu Phi xuất sắc nhất nước Mỹ, nói rằng *funky* (sôi nổi) bắt nguồn từ *lu-fuki* trong tiếng Ki-Kongo, nghĩa là "mùi cơ thể mạnh". *Mojo*

tiếng Ki-Kongo nghĩa là "truyền cảm hứng". *Boogie* phát sinh từ *mbugi*, nghĩa là "tuyệt vời". Và cả *jazz* lẫn *jism* đều bắt nguồn từ *dinza*, tiếng Ki-Kongo nghĩa là "xuất tinh".*. Cuốn sách không được xuất bản nữa, nhưng bạn có thể xem bài luận này và các bài viết khác tại trang web của Ventura: http://www.michaelventura.org/. Tài liệu của Thompson có thể tìm thấy cả trong bài luận của Ventura lẫn ở Thompson (1984).]

Hãy quên đi ngành khiêu dâm trị giá hàng trăm tỉ đô-la. Hãy quên đi cái đám mông và ngực trên ti vi, trong quảng cáo và phim ảnh. Hãy quên đi những bản tình ca chúng ta hát trên đường đi vào các mối quan hệ tình ái và những bản blue trên đường đi ra. Ngay cả khi chúng ta không tính đến bất cứ một yếu tố nào trong đó, thì tỉ lệ những gì đời sống con người mà chúng ta nghĩ tới, dự định, thực hiện và hồi tưởng về tình dục vẫn lớn hơn rất nhiều so với bất cứ sinh vật nào trên thế giới. Dù tiềm năng sinh sản tương đối thấp (rất ít phụ nữ có trên mười đứa con), nhưng *Homo sapiens* có thể, và thực tế vẫn đang làm tình suốt ngày đêm.

> *Nếu được chọn nơi sinh của mình, tôi sẽ chọn một nhà nước nơi mọi người đều biết nhau, để những âm mưu đồi bại hay sự khiêm nhường của đức hạnh đều không thể thoát khỏi sự săm soi và phán xét của công chúng.*
>
> **• JEAN-JACQUES ROUSSEAU (1712-1778)**

Rousseau đã sinh nhầm thời, nhầm chỗ. Nếu được sinh ra tại chính đất nước của mình sớm hơn 20.000 năm, cùng thời với những họa sĩ phác thảo lũ bò to bằng kích thước thực tế trên vách các hang động ở châu Âu, ông đã biết hết mọi thành viên trong thế giới

xã hội của mình.

Bên cạnh đó, nếu sinh ra ngay trong kỷ nguyên của mình nhưng lại thuộc về một trong rất nhiều xã hội chưa có nền nông nghiệp, hẳn ông đã tìm được thế giới cộng đồng gắn bó mà ông vẫn mong mỏi. Cảm giác cô độc - ngay cả trong một thành phố đông đúc - là điều kỳ quặc trong đời sống con người, giống như rất nhiều điều khác, xuất hiện như một phần của gói hàng nông nghiệp.

Nhìn lại thế giới đông nghịt của mình, Thomas Hobbes tưởng tượng rằng đời sống của con người tiền sử cô độc đến mức không thể chịu nổi. Ngày nay, tách biệt khỏi vô số người lạ chỉ nhờ những bức tường mỏng, những chiếc tai nghe bé xíu và những lịch trình bận rộn, chúng ta giả định về cảm giác lẻ loi của sự cô độc chắc hẳn đã đè nặng lên tổ tiên chúng ta, rồi nghĩ lan man về cảnh quan lộng gió thời tiền sử của họ. Nhưng trên thực tế, giả định về cảm giác có vẻ rất bình thường này lại cực kỳ sai lầm.

Đặc trưng đời sống xã hội của người hái lượm là chiều sâu và sức mạnh tương tác xã hội mà ít người trong chúng ta hình dung (hoặc thông cảm) được. Với những ai sinh ra và lớn lên trong xã hội được tổ chức bằng những nguyên tắc liên đới chặt chẽ với nhau của từng cá nhân, không gian cá nhân và tài sản cá nhân, thật khó mà hình dung được về các xã hội kết nối chặt chẽ đó, nơi gần như tất cả mọi không gian và tài sản đều thuộc về cộng đồng, và bản sắc mang tính tập thể hơn là cá nhân. Ngay từ buổi sáng đầu tiên khi sinh ra đến tiếng khóc than cuối cùng lúc tạ thế, cuộc sống của người hái lượm là cuộc sống tương tác mạnh mẽ, liên tục, tương quan và phụ thuộc lẫn nhau.

Trong phần tiếp theo, chúng tôi sẽ kiểm tra yếu tố đầu tiên trong tuyên bố nổi tiếng của Hobbes về đời sống của người tiền sử.

Trước khi nhà nước ra đời, chúng tôi sẽ chứng minh rằng đời sống của người tiền sử không hề "cô độc" chút nào.

6

BỐ CỦA BẠN LÀ AI?

Khi quan sát hiện tượng thường xuyên xuất hiện là các nhóm gia đình hiện đại không chỉ bao gồm, hoặc chứa đựng duy nhất một cặp đôi bố-mẹ, tôi không thể nào hiểu tại sao lại có người quả quyết rằng tổ tiên chúng ta được nuôi dưỡng trong các gia đình hạt nhân một vợ một chồng, và quan hệ kết đôi là tự nhiên hơn các kiểu sắp xếp khác.

• MARVIN HARRIS

Trong rừng Amazon, chuyện nam nữ rất khác biệt. Ở đó, không chỉ đơn lẻ phụ nữ có thể tích lũy trong việc mang thai, mà đại đa số họ đều như vậy. Mỗi cộng đồng mà chúng ta sẽ thảo luận đến đều có chung niềm tin về cái mà giới khoa học gọi là làm bố một phần. Các nhóm này có một quan niệm khác lạ về thụ thai: *bào thai được tạo ra từ tinh dịch tích lũy.*

Hai nhà nhân học Stephen Beckerman và Paul Valentine giải thích về hiện tượng đó: "Mang thai được xem là vấn đề mức độ, không được phân biệt rõ ràng với thai kỳ... mọi phụ nữ có sinh hoạt tình dục đều được cho là có một chút mang thai. Dần dần... tinh

dịch tích lũy đủ trong tử cung, bào thai hình thành, các hoạt động giao cấu tiếp nối và tinh dịch bổ sung giúp bào thai phát triển hơn."* Nếu phụ nữ nào dừng quan hệ tình dục khi kỳ kinh kết thúc, mọi người trong các nền văn hóa này tin rằng bào thai sẽ ngừng phát triển.

Cách hiểu về quá trình tinh dịch tạo nên một đứa trẻ này dẫn tới một số kết luận cực kỳ thú vị liên quan đến hành vi tình dục "trách nhiệm". Giống như các bà mẹ ở mọi nơi, phụ nữ trong các cộng đồng này cũng háo hức tìm cho con mình mọi lợi thế khả dĩ trong cuộc sống. Để làm được điều này, cô ta sẽ theo đuổi tình dục với những đàn ông theo phân loại. Cô ta sẽ nài nỉ sự "đóng góp" của những tay thợ săn giỏi nhất, những kẻ kể chuyện hay nhất, những anh chàng vui tính nhất, tốt bụng nhất, đẹp trai nhất, mạnh mẽ nhất... - với hy vọng con mình sẽ hấp thụ được tinh túy của từng người.

Các nhà nhân học cho biết ở nhiều cộng đồng Nam Mỹ, từ những người săn bắt-hái lượm đơn giản đến những dân cư trồng trọt cũng có cách hiểu tương tự về việc thụ thai và phát triển của bào thai. Một phần danh sách này là người Aché, người Araweté, người Barí, người Canela, người Cashinahua, người Curripaco, người EseEja, người Kayapó, người Kulina, người Matis, người Mehinaku, người Piaroa, người Pirahã, người Siona, người Secoya, người Warao, người Yanomami và người Yékwana - những cộng đồng từ Venezuela đến Bolivia. Đây không phải là sự tò mò theo kiểu dân tộc học - mà rõ ràng là một ý tưởng kỳ lạ được truyền đi giữa các nền văn hóa có liên quan đến nhau. Cách hiểu này cũng được tìm thấy ở các nhóm văn hóa mà mọi bằng chứng đều cho thấy hàng nghìn năm nay họ không có liên hệ gì với nhau. Quan niệm làm bố một phần không chỉ giới hạn ở Nam Mỹ. Chẳng hạn, người Lusi ở

Papua New Guinea cũng cho rằng sự phát triển của bào thai phụ thuộc vào nhiều hành vi giao hợp, thường là với nhiều đàn ông khác nhau. Ngay cả ngày nay, người Lusi trẻ hơn, có một ít kiến thức hiện đại về sinh sản, vẫn đồng ý rằng một người có thể có nhiều hơn một ông bố.

Như Beckerman và Valentine giải thích: "Chỉ có thể rằng làm bố một phần là tín niệm dân gian cổ xưa nhằm hỗ trợ gia đình một cách hiệu quả, những gia đình mà con cái được bố chăm sóc và nuôi nấng đến tuổi trưởng thành."

* * *

Khi một nhà nhân học tự tin làm việc ở Paraguay yêu cầu các đối tượng người Aché hãy xác định bố đẻ của mình, ông vấp phải một bài toán đố chỉ có thể giải bằng một bài liệt kê. 321 người Aché này tuyên bố có hơn 600 ông bố. Câu hỏi là bố của bạn là ai?

Hóa ra người Aché phân ra bốn loại bố khác nhau. Theo nhà nhân học Kim Hill, bốn loại này là:

Miare: các ông bố cho vào;

Peroare: các ông bố pha trộn;

Momboare: các ông bố đưa ra;

Bykuare: các ông bố đem lại tinh túy cho đứa trẻ.*

Không bị xa lánh vì bị xem là *con hoang* hay *đồ chó đẻ*, lũ trẻ nhiều bố được hưởng lợi từ việc có nhiều hơn một ông bố đặc biệt quan tâm đến mình. Các nhà nhân học tính toán rằng cơ hội sống sót của những đứa trẻ nhiều bố thường lớn hơn nhiều so với những

đứa trẻ chỉ có một ông bố được thừa nhận trong cộng đồng đó*.

Không những không nổi giận khi di sản di truyền của mình bị đặt thành vấn đề nghi ngờ, mà đàn ông trong các cộng đồng này còn cảm thấy biết ơn những người đàn ông khác vì đã góp phần tạo ra, sau đó chăm sóc đứa trẻ được mạnh khỏe hơn. Không những không mờ mắt vì ghen tuông như mô tả chuẩn mực dự báo, mà đàn ông trong các cộng đồng này còn thấy mình gắn bó với nhau khi cùng làm bố đứa trẻ. Như Beckerman giải thích, trong trường hợp xấu nhất, hệ thống này có thể giúp đứa trẻ có thêm sự bảo trợ: "Bạn biết rằng nếu bạn chết, sẽ có một anh chàng nữa có nghĩa vụ chăm sóc cho ít nhất là một đứa con của bạn. Vì vậy, tìm thêm người khác hoặc thậm chí chúc phúc khi vợ bạn có nhân tình là món bảo hiểm duy nhất mà bạn mua được."*

Để độc giả không có cảm giác muốn xếp hành vi này vào loại B.A.D [Bizarre And Distant - Kỳ quái và xa lạ], các ví dụ tương tự có thể tìm thấy không xa.

NIỀM VUI S.E.EX.
(TRAO ĐỔI TÌNH DỤC XÃ HỘI)

Thấu hiểu rất giống với tình dục; nó có mục đích thiết thực, nhưng không phải vì thế mà con người thường làm như vậy.

• FRANK OPPENHEIMER

Desmond Morris dành nhiều tháng trời quan sát một đội bóng chuyên nghiệp của Anh cuối những năm 1970 và đầu những năm 1980, sau đó công bố những suy nghĩ của mình trong cuốn sách có

tên gọi *The Soccer Tribe (*tạm dịch*: Bộ tộc Bóng đá)*. Đúng như tiêu đề, Morris thấy hành vi của thành viên đội bóng cực giống với những gì ông gặp ở các nhóm mang tính chất bộ tộc trong nghiên cứu trước đó. Ông chú ý đến hai hành vi nổi bật trong cả hai bối cảnh: cào bằng trong nhóm và phi chiếm hữu.

"Điều đầu tiên bạn nhận thấy khi các cầu thủ trò chuyện với nhau", Morris viết, "là tốc độ hóm hỉnh của họ. Sự hài hước của họ thường độc ác và được sử dụng nhằm hạ thấp bất cứ đồng đội nào có dấu hiệu tự cao, dù là nhỏ nhất." Tiếng vọng của chủ nghĩa bình quân thời tiền sử vẫn vang trên hành động hạ thấp cái tôi trong phòng thay đồ, đến cả hoạt động tính dục. "Nếu trong số họ có người ghi bàn (về mặt tình dục), anh ta không hề tỏ ý chiếm hữu, mà lại rất thích thú khi thấy đồng đội của mình thành công với chính cô gái đó." Trong khi điều này có thể khiến một số người cho là nhẫn tâm, Morris lại cam đoan với độc giả rằng hiện tượng không ghen này "chỉ là một phép đo mức độ kiềm chế tính ích kỷ giữa đồng đội với nhau, cả trong lẫn ngoài sân cỏ".

Đối với vận động viên chuyên nghiệp, nhạc sĩ và những nữ khán giả hâm mộ cuồng nhiệt nhất, cũng như các thành viên nam nữ của nhiều cộng đồng hái lượm, các mối quan hệ tình dục chồng chéo, đan xen giúp củng cố sự gắn kết cộng đồng và mang lại an toàn trong một thế giới bất ổn. Đôi khi, có lẽ là đa phần, tình dục loài người không chỉ vì niềm vui hay sinh sản. Cách tiếp cận ngẫu nhiên đối với các mối quan hệ tình dục trong một cộng đồng lớn có thể mang những chức năng xã hội quan trọng, vượt ra ngoài sự thỏa mãn thể chất đơn thuần.

Hãy thử đặt thứ ham muốn dạng lỏng này vào những thuật ngữ kinh viện, khô khan: Chúng ta giả thiết rằng *Socio-Erotic*

*Exchanges (*viết tắt là *S.E.EX,* tạm dịch là *Trao đổi Tình dục Xã hội)* làm tăng mối liên hệ giữa các cá nhân trong cộng đồng du mục quy mô nhỏ (và rõ ràng, thành viên của các nhóm này phụ thuộc chặt chẽ vào nhau), tạo thành một mạng lưới quan trọng, bền vững nhờ tình yêu thương, sự liên kết và tương trợ.

Theo thuật ngữ tiến hóa, thật khó mà phóng đại tầm quan trọng của những mạng lưới như vậy. Rốt cuộc, chính những quần thể xã hội linh động, có khả năng thích nghi như vậy (và tương tác qua lại giữa phát triển trí não với năng lực ngôn ngữ vừa cho phép lại vừa sinh ra từ chúng) đã cho phép giống loài yếu ớt, chậm chạp, nhìn chung chẳng có gì ấn tượng như chúng ta được tồn tại và cuối cùng thống trị cả hành tinh này. Không có S.E.EX thường xuyên, các nhóm hái lượm hẳn khó mà duy trì được trạng thái cân bằng xã hội và khả năng sinh sản trong cả nghìn năm qua. S.E.EX đóng vai trò thiết yếu trong việc gắn kết người lớn thành từng nhóm nhằm cùng chăm sóc lũ trẻ không rõ bố hoặc có bố chung, mỗi đứa trẻ chắc chắn liên quan đến đại đa số hoặc toàn bộ đàn ông trong nhóm (nếu không phải là bố thì chắc chắn là chú bác, anh em…).

Khi các mối quan hệ đan xen này trở nên quá thiết yếu với sự kết dính xã hội, thì chọn cách đứng ngoài có thể gây ra nhiều rắc rối. Viết về người Matis, nhà nhân học Philippe Erikson khẳng định: "Nhiều bố… còn hơn một khả năng mang tính lý thuyết… Tình dục ngoài hôn nhân không những phổ biến và được thông cảm, mà trên nhiều khía cạnh còn mang tính bắt buộc. Dù kết hôn hay không thì người ta cũng có trách nhiệm đạo đức phải hưởng ứng những lời gạ gẫm tình dục của người-anh-em-pha-tạp-khác-giới (thực tế hay theo phân loại), còn hơn là bị xem như 'keo kiệt con giống của mình', như một hành vi vi phạm đạo đức ở bộ tộc Matis

nghiêm trọng hơn nhiều so với việc thiếu chung thủy."

Rõ ràng, bị gọi là keo kiệt trong tình dục không phải là chuyện để cười. Erikson viết về một chàng trai trẻ nằm co ro hàng giờ trong căn lều của nhà nhân học, trốn cô em họ đang hứng tình bởi anh không thể công nhiên từ chối lời gạ gẫm của cô nếu cô tìm ra anh. Thậm chí nghiêm trọng hơn, trong suốt các lễ hội xăm mình của người Matis, chỉ quan hệ tình dục với (các) bạn tình mà mình có theo phong tục là dứt khoát bị cấm - vi phạm sẽ phải chịu cực hình - thậm chí tử hình.

Nếu đúng là S.E.EX đóng vai trò trung tâm trong việc duy trì kết dính xã hội tiền sử, thì chúng ta phải tìm được nhiều dấu tích về hành vi dâm đãng trơ trẽn đó trên khắp thế giới, trước đây cũng như hiện tại. Và đúng là thế.

Trong cộng đồng người Mohave, phụ nữ nổi tiếng với thói quen phóng túng và không thích gắn bó với chỉ một người đàn ông*. Caesar (vâng, là Caesar đấy) ngứa mắt khi thấy rằng ở nước Anh thời đại đồ sắt: "Người ta dùng chung vợ giữa các nhóm mười hoặc mười hai đàn ông, đặc biệt là anh em và cha con với nhau..." Khi thuyền trưởng Cook đến Tahiti, ông phát hiện ra rằng người Tahiti "thỏa mãn mọi khao khát và đam mê trước mặt người chứng kiến". Trong *Account of a Voyage Around the World (*tạm dịch*: (Tường thuật về hành trình vòng quanh thế giới)* (1769) của mình, Cook viết về: "Một thanh niên, cao gần 1,8 m, giao hợp với một cô bé khoảng 11 đến 12 tuổi, trước mặt mấy người chúng tôi và rất đông dân bản địa, mà không một chút biểu hiện gì cho thấy việc này là thiếu đứng đắn hay không thích hợp cả, thậm chí tỏ ra cực kỳ thích hợp với phong tục của nơi này." Một số phụ nữ già hơn trên đảo vừa quan sát màn trình diễn say đắm vừa hô to hướng dẫn cô bé mặc

dù Cook kể với chúng ta: "Trẻ thế nhưng dường như cô bé không mấy đếm xỉa tới họ."

Samuel Wallis, một thuyền trưởng khác từng ở Tahiti kể lại: "Nhìn chung, phụ nữ rất dễ nhìn, một số còn vô cùng xinh đẹp, nhưng đức hạnh của họ thì thậm chí không bằng một chiếc đinh." Niềm say mê sắt của người Tahiti dẫn tới việc chỉ với một chiếc đinh có thể đổi được một vụ hẹn hò hoan lạc với phụ nữ địa phương. Vào thời điểm Wallis buông neo, hầu hết người của ông đều ngủ trên boong vì không còn chiếc đinh nào để treo võng nữa cả."*

Ngày nay trên quần đảo Trobriand có một lễ hội thu hoạch khoai lang, trong đó các nhóm phụ nữ trẻ tuổi lang thang khắp đảo để "hãm hiếp" đàn ông làng khác, tuyên bố sẽ cắn đứt lông mày nếu đàn ông không làm họ thỏa mãn. Trong lễ hội Aphrodisia*, Dionysia* và Lenea*, người Hy Lạp cổ được phép tổ chức các nghi lễ tình dục. Ở Rome, tín đồ dòng Bacchus* tổ chức truy hoan không dưới năm lần mỗi tháng, trong khi nhiều hòn đảo ở Nam Thái Bình Dương vẫn nổi tiếng với thái độ cởi mở dành cho tình dục tự nguyện, mặc cho nhiều thế hệ các nhà truyền giáo đã nỗ lực cùng thuyết giảng về đạo đức xấu hổ.*

Nhiều người Brazil ngày nay vẫn xả láng suốt lễ hội Carnival, khi họ tham gia vào nghi lễ tình dục phi hôn nhân *sacanagem*, khiến những gì đang xảy ra ở New Orleans hay Las Vegas đều có vẻ nhạt nhẽo. Trong cuốn *Sexuality in America: Understanding Our Sexual Values and Behavior (*tạm dịch*: Tình dục ở châu Mỹ: Hiểu về giá trị và hành vi tình dục của chúng ta),* nhà sinh học Robert T. Francoeur giải thích: "Sacanagem rất ít hoặc không để ý đến việc ai đóng vai trò chủ động hay thụ động, giới tính của các cá nhân liên quan, hay loại hành vi tình dục. Nó khuyến khích người

ta hưởng thụ bất cứ hành vi tình dục nào mà họ thực hiện được."

Mặc dù một số độc giả có thể ngạc nhiên khi thấy phụ nữ háo hức tham gia các hoạt động này, từ lâu người ta đã biết rõ rằng nguồn gốc của sự dè dặt trong tình dục ở phụ nữ là từ văn hóa nhiều hơn là sinh học, bất chấp những gì Darwin và nhiều người khác đã khẳng định. Cách đây hơn 50 năm, hai nhà nghiên cứu tình dục Ford và Beach đã tuyên bố: "Trong những cộng đồng không có tiêu chuẩn kép về các vấn đề tình dục và cho phép nam nữ có nhiều kiểu quan hệ, phụ nữ cũng háo hức khai thác cơ hội của mình như nam giới vậy."

Trong những người anh em linh trưởng gần nhất của chúng ta, bầy thú cái cũng không cho thấy nhiều lý do để tin rằng phái nữ nên dè dặt về mặt tình dục vì những lo ngại thuần sinh học. Thay vào đó, nhà linh trưởng học Meredith Small nhận thấy rằng linh trưởng cái bị hấp dẫn cao độ với sự mới mẻ trong giao phối. Có vẻ như con đực lạ lại hấp dẫn con cái hơn những con đực quen biết dù chúng có bất cứ đặc tính ưu trội nào (như kiểu địa vị cao, thân hình to lớn, ăn mặc lòe loẹt, hay chải chuốt, đeo dây chuyền vàng, ngực nhiều lông...). Small viết: "Mối quan tâm chung duy nhất được thấy ở cộng đồng linh trưởng là sự mới mẻ và đa dạng... Trên thực tế, tìm kiếm của lạ thường xuyên được ghi nhận là ưu tiên của con cái hơn bất cứ đặc điểm nào khác mà mắt thường con người quan sát được."

Có thể Frans de Waal đang nhắc tới bất cứ xã hội Amazon nào khi ông viết rằng đàn ông "không biết lần giao phối nào có thể có thai và lần nào thì không. Gần như đứa [trẻ] nào lớn lên trong nhóm cũng đều có thể là con của anh ta... Nếu phải thiết kế một hệ thống xã hội trong đó vai trò làm bố không rõ ràng, thì không ai có thể làm tốt hơn Mẹ Thiên nhiên trong xã hội [này]." Mặc dù ngôn

từ của de Waal có thể thích hợp với bất cứ xã hội con người nào trong số rất nhiều xã hội sinh hoạt tình dục ngoài đôi lứa mang tính chất nghi thức, trên thực tế thì ông đang viết về loài tinh tinh lùn, từ đó nhấn mạnh sự tương đồng tình dục của ba loài linh trưởng có quan hệ gần gũi nhất với nhau: tinh tinh, tinh tinh lùn và người bà con đầy mâu thuẫn của chúng, con người.

Về khả năng tình dục siêu việt của con người, tinh tinh và tinh tinh lùn, người ta tự hỏi tại sao lại có nhiều người quả quyết rằng độc quyền tình dục ở nữ là một phần không thể thiếu trong sự phát triển tiến hóa ở người hơn một triệu năm nay. Bên cạnh tất cả những bằng chứng trực tiếp được giới thiệu ở đây, còn có vô số các trường hợp cụ thể chống lại mô tả chuẩn mực.

Để bắt đầu, hãy cho rằng ban đầu tổng số loài linh trưởng một vợ một chồng sống thành bầy lớn là *bằng không* - trừ phi bạn nhất định phải xem loài người là ví dụ số một và duy nhất của loài thú đó. Một vài loài linh trưởng một vợ một chồng vẫn tồn tại (trong số hàng trăm loài) đều sống theo các đơn vị gia đình rải rác trên ngọn cây. Bên cạnh linh trưởng, chỉ có 3% các loài thú có vú và một phần mười nghìn loài động vật không xương sống có thể được xem là chung thủy về mặt tình dục. Ngoại tình được ghi nhận ở mọi xã hội loài người có bề ngoài theo chế độ một vợ một chồng và đây chính là nguyên nhân hàng đầu dẫn tới li hôn trên khắp thế giới ngày nay. Nhưng ngay cả trong những ấn bản mới nhất của cuốn kinh điển *Vượn trần trụi*, chính Desmond Morris, người từng quan sát các cầu thủ bóng đá vui vẻ chia sẻ bạn tình cho nhau, khẳng định rằng ở loài người, hành vi tình dục gần như chỉ xảy ra ở tình trạng kết đôi", và rằng "ngoại tình chỉ là một điểm chưa hoàn thiện trong cơ chế quan hệ kết đôi".

Khi chúng tôi viết những lời này, CNN đưa tin sáu đàn ông ngoại tình đang bị ném đá đến chết ở Iran. Trước khi những kẻ tội đồ đạo đức giả ném những viên đá đầu tiên, đám ngoại tình đó sẽ bị chôn đến tận thắt lưng. Trong một hành động kinh tởm nhằm tỏ ra cao thượng, phụ nữ sẽ bị chôn đến tận cổ, có lẽ là để giúp họ được chết nhanh hơn vì dám xem cơ thể là của riêng mình. Những vụ hành quyết man rợ đối với tội phạm tình dục như vậy, xét trên phương diện lịch sử, chẳng có gì là kỳ quặc cả. "Do Thái giáo, Thiên Chúa giáo, Hồi giáo và Ấn Độ giáo đều có chung mối quan tâm cơ bản với việc trừng phạt sự tự do tình dục của phụ nữ", Eric Michael Johnson viết. "Trong khi bất cứ anh chàng nào lăng nhăng với vợ của người khác, (cả) gian phu lẫn dâm phụ đều bị xử tử, (Leviticus 20:10), thì cô gái nào chưa chồng mà có quan hệ tình dục với chàng trai chưa vợ sẽ bị mang tới cửa nhà bố cô ta, và đàn ông trong thành phố sẽ ném đá cô ta đến chết (Deuteronomy 22:21)."*

Dù trải qua nhiều thế kỷ trừng phạt dã man như vậy, nhưng ngoại tình vẫn tồn tại khắp nơi, không có ngoại lệ. Như Kinsey viết hồi những năm 1950, ngay cả trong những nền văn hoá tìm cách kiểm soát việc quan hệ ngoài hôn nhân của phụ nữ một cách nghiêm ngặt nhất, thì hoạt động này vẫn xảy ra và trong nhiều trường hợp là rất thường xuyên."

Nghĩ mà xem. Ngoài con người, không một loài linh trưởng nào sống bầy đàn lại theo chế độ một vợ một chồng, vậy mà ngoại tình lại xuất hiện ở bất cứ nền văn hóa loài người nào từng được nghiên cứu - kể cả những trường hợp kẻ ngoại tình thường bị lôi ra sa mạc và ném đá đến chết. Với lối hành xử đẫm máu này, thật khó mà thấy được chế độ một vợ một chồng đến với giống loài chúng ta "tự nhiên" thế nào. Tại sao lại có nhiều người mạo hiểm đánh đổi danh

tiếng, gia đình, sự nghiệp - thậm chí địa vị tổng thống - để lấy một thứ đi ngược với bản chất con người của mình? Giá như một vợ một chồng là một đặc tính cổ xưa đã tiến hóa của giống loài chúng ta, như mô tả chuẩn mực khẳng định, thì những vi phạm thường gặp này sẽ ít xảy ra và những hình phạt khủng khiếp như vậy là điều hoàn toàn không cần thiết.

Không một sinh vật nào đáng phải bị đe dọa tử hình khi tuân theo thiên tính của mình cả.

LỜI HỨA CỦA SỰ BỪA BÃI

Khi chúng ta xem xét các quan điểm khác về tính dục con người thời tiền sử, hãy nhớ rằng logic cốt lõi của mô tả chuẩn mực xoay quanh hai giả định liên quan chặt chẽ đến nhau sau đây:

Người mẹ thời tiền sử cần thức ăn và sự bảo vệ mà đàn ông có thể cung cấp.

Phụ nữ phải đánh đổi quyền tự quyết về tình dục của mình, qua đó đảm bảo với anh ta rằng đứa trẻ mà anh ta đang chu cấp là con đẻ của anh ta.

> *Đàn ông và phụ nữ hiện đại bị ám ảnh bởi tình dục; nó là lãnh địa duy nhất của cuộc phiêu lưu nguyên thủy còn sót lại với gần như tất cả chúng ta. Giống như lũ khỉ trong vườn thú, chúng ta dành sức lực cho trò chơi duy nhất còn lại; nếu không thì đời sống loài người chắc chắn bị giam hãm trong những bức tường, chấn song, xiềng xích, và những cánh cổng khóa kín của nền văn hóa công nghiệp.*
>
> **• EDWARD ABBEY**

Mô tả chuẩn mực được xây dựng dựa trên niềm tin cho rằng đổi protein và sự bảo vệ lấy sự chắc chắn của vai trò làm cha là cách tốt nhất để gia tăng tỉ lệ sống sót của đứa trẻ đến độ tuổi sinh sản. Dù sao đi nữa thì sự tồn tại của lứa sau vẫn là cơ chế quan trọng nhất của chọn lọc tự nhiên như Darwin và các nhà lý luận sau ông mô tả. Nhưng nếu rủi ro đối với lứa sau giảm bớt đáng kể nhờ hành vi khuyến khích cách dàn xếp ngược lại thì sao? Điều gì sẽ xảy ra - nếu một người đàn ông thay vì đồng ý chia sẻ thức ăn, sự bảo vệ và địa vị với chỉ một người phụ nữ và con của cô ta - lại chia sẻ rộng rãi? Điều gì sẽ xảy ra nếu việc chia sẻ cho cả nhóm mang lại phương thức hiệu quả hơn đối với những rủi ro mà tổ tiên chúng ta gặp phải trong thế giới tiền sử? Và với những rủi ro này, điều gì sẽ xảy ra nếu *sự không chắc chắn* trong vai trò làm bố có lợi hơn cho cơ hội sống sót của đứa con, vì sẽ có nhiều đàn ông quan tâm đến cậu bé/cô bé?

Một lần nữa, chúng tôi không đề xuất về một hệ thống xã hội cao quý hơn, mà chỉ là một hệ thống xã hội có thể đã phù hợp hơn trong việc thích nghi trước các hoàn cảnh tiền sử và hiệu quả hơn trong việc giúp con người sống đủ lâu để sinh sản. Đời sống xã hội dựa trên nền tảng chia sẻ này không phải chỉ có ở con người. Chẳng hạn, dơi quỷ ở Trung Mỹ kiếm sống bằng cách hút máu các loài thú có vú to xác. Không phải con dơi nào cũng kiếm được bữa ăn hằng đêm. Khi trở về hang, lũ dơi may mắn ợ máu vào miệng những con dơi kém may mắn hơn. Những kẻ đón nhận sự hào phóng đó chắc chắn sẽ trả ơn khi điều kiện đổi chiều, nhưng không sẵn sàng san sẻ cho con nào trước đây đã từng từ chối chúng. Như một nhà bình luận từng nói: "Điều quan trọng đối với quá trình này của lũ dơi chính là năng lực của mỗi con để nhớ được lịch sử quan hệ của

mình với từng con dơi sống trong hang với nó. Yêu cầu này của trí nhớ đã thúc đẩy sự tiến hóa não của loài dơi quỷ, vốn sở hữu lớp vỏ não lớn nhất trong tất cả mọi loài dơi từng được biết tới."*

Chúng tôi hy vọng ý nghĩ về việc loài dơi quỷ chia sẻ máu cho lũ họ hàng không hút được máu của mình đủ sinh động để thuyết phục bạn rằng hành động chia sẻ không hẳn đã "cao quý". Một số loài, trong một số điều kiện, đã nhận ra rằng hào phóng mặc định là cách tốt nhất để giảm nguy cơ trong bối cảnh sinh thái bất ổn. Có vẻ như *Homo sapiens* đã là một loài như vậy, cho đến tận thời gian khá gần đây.*

Có thể tổ tiên tiền sử của chúng ta không có nhiều lựa chọn cho lắm. Nhà khảo cổ học Peter Bogucki viết: "Đối với các quần thể săn bắn di cư kỷ Băng hà, mô hình tổ chức xã hội theo nhóm, với hình thức bắt buộc chia sẻ tài nguyên, thật sự là cách duy nhất để sống." Điều này giúp hoàn thiện nhận thức của Darwin khi cho rằng người tiền sử sẽ chọn con đường nào mang lại cơ hội sống sót cao nhất - ngay cả khi con đường đó đòi hỏi chia đều các nguồn lực chứ không phải là tích trữ cá nhân như nhiều xã hội phương Tây đương đại khẳng định là bản chất sâu xa của con người. Chính Darwin cũng tin rằng một bộ tộc với các thành viên hợp tác sẽ chiến thắng một bộ tộc toàn những cá nhân ích kỷ.

Phải chăng chúng tôi đang thuyết giảng về sự ngớ ngẩn của sức mạnh hoa* từ năm nảo năm nào? Không hẳn thế. Chủ nghĩa bình quân là cách tổ chức xã hội xuất hiện trong tất cả các quần thể săn bắt-hái lượm đơn giản từng được nghiên cứu ở bất cứ nơi nào trên thế giới - họ gặp phải những điều kiện giống nhất với điều kiện mà tổ tiên chúng ta gặp phải cách đây 50.000 đến 100.000 năm. Họ chọn con đường này không phải vì họ quá cao quý, mà *vì nó mang*

lại cho họ cơ hội sống sót tốt nhất. Trên thực tế, theo những điều kiện này, có thể chủ nghĩa bình quân là cách duy nhất để tồn tại, như Bogucki kết luận. Được thể chế hóa, việc chia sẻ nguồn lực và tình dục lan rộng, giảm thiểu nguy cơ, đảm bảo thực phẩm không bị lãng phí trong một thế giới không có tủ lạnh, loại bỏ những ảnh hưởng của việc vô sinh ở nam giới, nâng cao sức khỏe di truyền của mỗi cá nhân và đảm bảo một môi trường xã hội an toàn hơn cho trẻ em cũng như người lớn. Không hề là một thứ chủ nghĩa lãng mạn không tưởng, người hái lượm nhất quyết theo chủ nghĩa bình quân bởi nó phát huy tác dụng ở những cấp độ thực tiễn nhất.

SỰ KHỞI ĐẦU CỦA TINH TINH LÙN

Hiệu quả của chủ nghĩa bình quân tình dục được lũ tinh tinh lùn cái khẳng định, chúng có nhiều đặc điểm độc đáo giống con người và không giống với bất cứ loài nào khác. Các đặc tính tình dục này có những hệ quả xã hội trực tiếp, dễ đoán biết. Chẳng hạn, nghiên cứu của de Waal đã chứng minh rằng khả năng đón nhận tình dục cao của tinh tinh lùn cái làm xung đột giữa các con đực giảm mạnh so với các loài linh trưởng khác mà khả năng tình dục của con cái kém hơn. Cơ hội tình dục dồi dào khiến bọn đực không mạo hiểm chịu thương tích để đánh nhau vì bất cứ bạn tình nào. Chẳng hạn, tinh tinh đực thường liên minh với nhau để xua đối thủ cạnh tranh ra xa một con cái đang rụng trứng, hoặc để chiếm lấy địa vị cao nhằm được tiếp cận tình dục tốt hơn, tuy nhiên động lực chính đó của những kẻ phóng túng này lại không tồn tại trong cơn cuồng nhiệt của vô số cơ hội tình dục ở tinh tinh lùn.

Điều này cũng tương tự ở các nhóm người. Bên cạnh "các thói quen giao tiếp của con người như hiện nay", tại sao lại xem mô

hình tiến hóa loài người trên cơ sở cặp đôi một vợ một chồng hiện đang được ủng hộ là đã thích nghi với con người sơ khai chứ không phải với loài tinh tinh lùn ở rừng rậm Trung Phi? Nếu không bị những giới hạn văn hóa ràng buộc, cái gọi là *khả năng đáp ứng liên tục* của phụ nữ ở loài người sẽ thực hiện chức năng tương tự: mang lại nhiều cơ hội tình dục cho nam giới, từ đó giảm bớt xung đột và tăng quy mô của bầy đàn, hợp tác rộng lớn hơn và an ninh đảm bảo hơn cho tất cả. Theo lời nhà nhân học Chris Knight: "Hình thể loài người không chỉ khác biệt với khuôn mẫu linh trưởng thông thường mà còn trái ngược. Trong khi khuôn mẫu cơ bản của linh trưởng là phát ra tín hiệu 'đồng ý' định kỳ trên phông nền liên tục 'từ chối' về mặt tình dục, con người [và tinh tinh lùn] lại phát ra tín hiệu 'từ chối' định kỳ trên phông nền liên tục 'đồng ý'"* (phần nhấn mạnh là nguyên bản). Ở đây, chúng ta có chung một sự thích nghi về mặt hành vi và sinh lý, chỉ có ở hai loài linh trưởng có mối liên hệ cực kỳ chặt chẽ với nhau, nhưng nhiều nhà lý luận vẫn khẳng định nguồn gốc và chức năng của sự thích nghi này ở mỗi loài là hoàn toàn *khác nhau*.

Tác động xã hội của khả năng đón nhận tình dục khác thường ở tinh tinh lùn cái (và phụ nữ?)

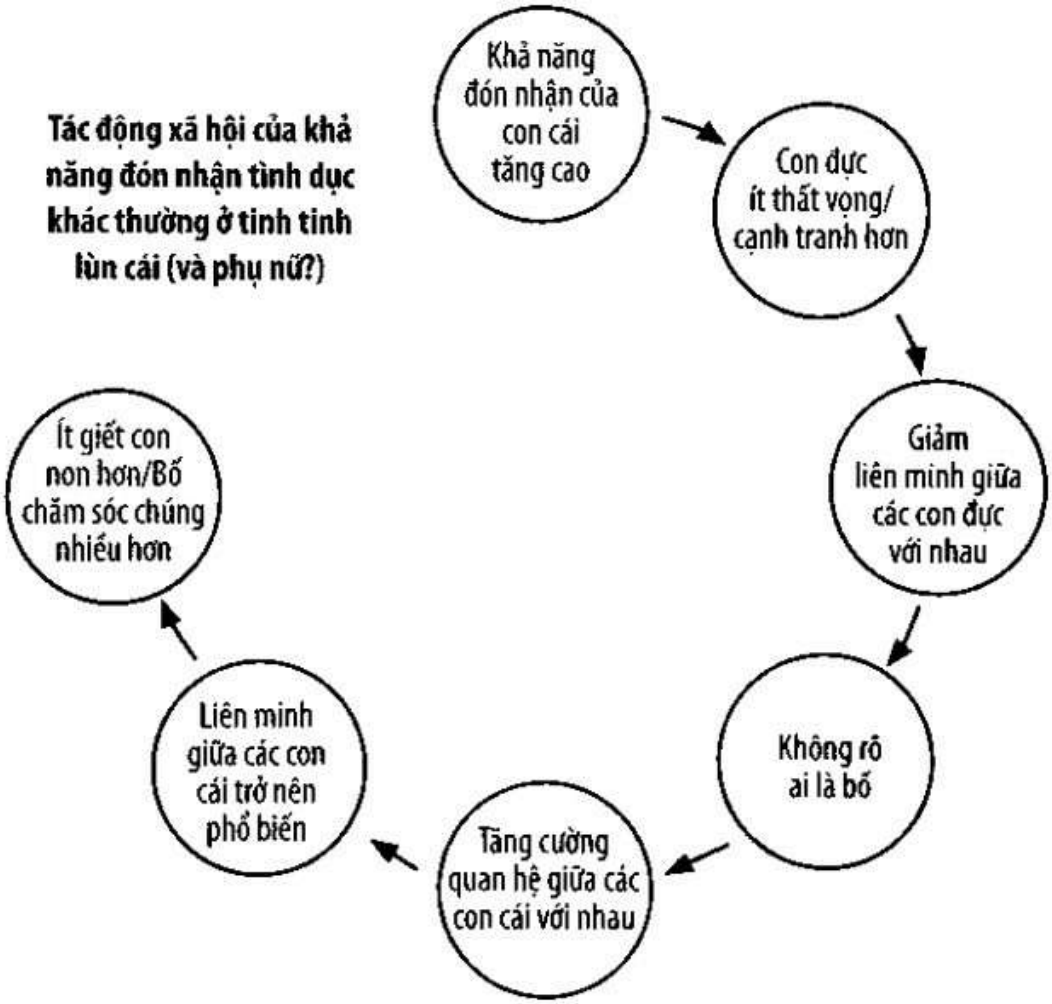

Trên thực tế, kết dính xã hội cao có thể là cách giải thích phổ biến nhất đối với sự kết hợp hiệu quả giữa *khả năng đón nhận liên* tục và *rụng trứng giấu kín* chỉ có ở loài người và tinh tinh lùn*. Nhưng có vẻ gần như mọi nhà khoa học đều chỉ hiểu được một nửa sự kết nối hợp lý này, như trong tóm tắt sau đây: "Phụ nữ nào giấu kín thời kỳ rụng trứng đều được ưu ái vì trong nhóm của họ đã duy trì được sự ổn định rất thuận lợi cho cuộc sống một vợ một chồng, chia sẻ và hợp tác." Rõ ràng khả năng tình dục cao ở phụ nữ có thể giúp tăng cường chia sẻ, hợp tác và ổn định bình yên, nhưng tại sao một vợ một chồng lại cần được đưa vào bối cảnh đó là một câu hỏi không những chưa được giải đáp mà còn chưa hề được đặt ra.

Sẵn sàng thừa nhận sự thật về hoạt động tính dục loài người, các nhà nhân học này thấy rõ lợi ích xã hội của nó. William và Jean Crocker, từng ghé thăm và nghiên cứu Canela* hơn ba thập kỷ, kể từ cuối những năm 1950, giải thích: "Giống như nhiều thể chế khác ở Canela, tình dục nhóm liên tục có xu hướng cân bằng các lợi ích tương đối [và] cách biệt ở đàn ông, từ đó góp phần củng cố quan hệ giữa nam giới với nhau và đạo đức trong bộ tộc." Beckerman và Valentine cũng nhận thấy rằng việc chỉ là một bố sẽ xoa dịu những xung đột tiềm ẩn giữa đàn ông với nhau và những điều đối lập như vậy không giúp ích gì cho lợi ích sinh sản lâu dài của phụ nữ. Nhà nhân học Thomas Gregor báo cáo có 88 mối quan hệ tình dục của 37 người lớn ở làng Mehinaku mà ông nghiên cứu tại Brazil. Theo ông, quan hệ ngoài giá thú "góp phần tăng kết nối trong làng", thông qua việc "củng cố các mối quan hệ giữa những người thuộc [dòng họ] khác nhau" và thúc đẩy các mối quan hệ bền chặt dựa trên tình dục qua lại. Chẳng có gì đáng ngạc nhiên khi ông thấy rằng nhiều người tình rất yêu quý nhau và xem ly thân là sự mất

mát cần phải tránh".

Để khỏi áp đảo bạn bằng hàng chục ví dụ nữa về hoạt động tính dục loài người mang tính xây dựng cộng đồng và giảm bớt xung đột này, chúng tôi sẽ chốt lại với cách giải thích của vợ chồng nhà Crocker về trạng thái tâm lý đằng sau sự hào phóng tình dục ở người Canela:

*Thành viên của một xã hội theo chủ nghĩa cá nhân hiện đại thật khó mà hình dung được người Canela xem trọng nhóm và bộ tộc hơn so với cá nhân đến mức nào. Với họ, hào phóng và chia sẻ là lý tưởng, còn chiếm hữu là điều xấu trong xã hội. Chia sẻ tài sản mang lại sự kính trọng. Chia sẻ cơ thể một ai đó là điều tất yếu trực tiếp. Thèm muốn được kiểm soát tài sản và cơ thể ai đó là một dạng keo kiệt. Trong bối cảnh đó, thật dễ hiểu tại sao phụ nữ lại chọn cách làm hài lòng đàn ông và tại sao đàn ông lại quyết định làm hài lòng những phụ nữ thể hiện nhu cầu tình dục mãnh liệt. Không ai lại tự cho mình là quan trọng đến mức nghĩ rằng thỏa mãn một người cùng bộ tộc lại kém hài lòng hơn việc đạt được lợi ích cá nhân.**

Được ghi nhận là một trong những cách để xây dựng và duy trì mạng lưới quan hệ lợi ích song phương, tình-dục-không-sinh-sản không còn đòi hỏi những lời giải thích đặc biệt nữa. Chẳng hạn, tình dục đồng tính không còn quá khó hiểu, vì như E. O. Wilson viết, "trên hết nó không chỉ là một dạng gắn bó, nó nhất quán với đại bộ phận hành vi tình dục khác giới, trở thành một phương tiện liên kết các mối quan hệ."

Sự chắc chắn trong vai trò làm bố không phải là nỗi ám ảnh của toàn thể đàn ông mọi lúc mọi nơi, như mô tả chuẩn mực khẳng định, và nó chẳng phải là chuyện gì to tát đối với những anh chàng

sống trước thời kỳ nông nghiệp và những lo ngại sau đó về việc trao lại tài sản qua các dòng dõi hậu duệ của người bố về mặt di truyền*.

7

MẸ THÂN YÊU NHẤT

Con bạn không phải là con của bạn. Chúng là con của cuộc sống đang khao khát chính nó.

• KAHLIL GIBRAN

Ý nghĩa phức tạp của trách nhiệm làm bố phát sinh từ các mạng lưới tương tác tình dục đan xen lẫn nhau được áp dụng cho cả các bà mẹ lẫn các ông bố. Nhà nhân học Donald Pollock cho chúng tôi biết người Kulina tin rằng bào thai được hình thành từ tinh trùng tích lũy (*sữa nam giới*, theo tiếng Kulina), còn sự phát triển của đứa bé sau khi ra đời là nhờ *sữa phụ nữ*. "Bất kể phụ nữ nào cũng có thể nuôi nấng đứa trẻ", ông viết. "Điều này rất phổ biến, một nhóm chị em... cùng chia sẻ công việc nuôi dưỡng; không phải là điều lạ lẫm gì khi bà ngoại của đứa trẻ bế ẵm nó, kể cả khi không còn có khả năng cho bú, để dỗ cho nó nín khi mẹ nó không rảnh lúc đó." Khi ông hỏi xem những người phụ nữ khác có phải cũng là mẹ của đứa trẻ hay không, người ta trả lời rằng 'tất nhiên'.

Nghĩ về thời thơ ấu giữa những người Dagara ở Burkina Faso*, nhà tâm lý Malidoma Patrice Somé nhớ lại đám trẻ tự do lang thang ra vào các ngôi nhà ở khắp nơi trong làng ra sao. Somé giải

thích rằng điều này "tạo cho đứa trẻ cảm giác gần gũi rất rõ ràng", và rằng "mọi người đều góp phần nuôi nấng đứa trẻ". Bên cạnh nhiều lợi ích rõ ràng đối với bố mẹ, Somé còn nhìn thấy những lợi thế tâm lý mang tính bản năng dành cho lũ trẻ. Ông nói: "Hiếm khi một đứa trẻ lại cảm thấy lẻ loi hoặc nảy sinh vấn đề tâm lý; mọi người đều biết rõ mình thuộc về nơi nào."*

Mặc dù lời giải thích của Somé nghe có vẻ là một ký ức được lý tưởng hóa, nhưng những gì ông mô tả vẫn là đời sống làng xóm chuẩn ở gần như mọi nông thôn châu Phi, nơi trẻ con được thoải mái ra vào nhà của những người không phải thân thích trong làng. Mặc dù tình yêu của người mẹ rõ ràng là độc nhất vô nhị, nhưng phụ nữ (và một số nam giới) trên khắp thế giới đều háo hức rủ rỉ với những em bé không thân thích, không phải con mình một sự háo hức phổ biến ở các loài linh trưởng sống quần thể khác, trong đó, không hề ngẫu nhiên, lại không có loài nào sống một vợ một chồng. Thái độ sẵn lòng chăm sóc những đứa trẻ không thân thích được cảm nhận sâu sắc và chia sẻ rộng rãi cũng tồn tại ở cả thế giới hiện đại: thử thách trước thủ tục quan liêu trong cuộc chạy đua nhận nuôi đứa trẻ tương đương với nỗi căng thẳng và chi phí sinh con, nhưng hàng triệu đôi vợ chồng vẫn háo hức theo đuổi phần thưởng chẳng lấy gì làm chắc chắn này.

Các nhà khoa học chỉ tập trung vào gia đình hạt nhân nào đã bỏ qua vai trò thay thế cha mẹ ruột* trong giống loài chúng ta. Sarah Blaffer Hrdy, tác giả cuốn *Mothers and Others (*tạm dịch*: Các bà mẹ và những người khác)*, than thở: "Việc chia sẻ công việc nuôi dưỡng trẻ nhỏ trong các loài linh trưởng khác và trong nhiều xã hội bộ tộc chưa bao giờ là phạm vi hoạt động trung tâm thống nhất trong các tài liệu nhân học. Nhiều người thậm chí không nhận ra là

nó có diễn ra. Nhưng… hệ quả của việc hợp tác chăm sóc xét về mặt sinh tồn và sức khỏe sinh học của cả mẹ lẫn con hóa ra lại rất tốt."

Darwin tán thành ý kiến cực đoan cho rằng đối với các cá thể "mọi rợ" mối quan hệ mẹ-con có thể không quan trọng bằng mối quan hệ với cả tập thể. Nhận xét về những thuật ngữ gia đình đã quen dùng như *mẹ, cha, con trai, con gái* khi nhắc đến toàn bộ các thành viên của nhóm, ông đề xuất: "Các thuật ngữ được sử dụng để thể hiện mối liên kết với bộ tộc, chứ lại không phải với người mẹ. Có khả năng là mối liên kết giữa các thành viên có họ hàng trong các bộ tộc mọi rợ, do phải đối mặt với đủ loại nguy hiểm, và do nhu cầu bảo vệ và giúp đỡ lẫn nhau, nên quan trọng hơn nhiều, mối liên kết giữa mẹ và con.

Khi nhà truyền giáo dòng Tận thế kỷ XVII là Paul le Jeune thuyết giảng cho một người Ấn Độ thuộc bộ tộc Montagnais về những mối nguy hiểm của việc lang chạ tràn lan mà ông được chứng kiến, le Jeune nhận lại được một bài học về việc làm cha mẹ thế nào mới đúng cách. Nhà truyền giáo nhớ lại: "Tôi nói với anh ta rằng phụ nữ mà yêu người nào ngoài chồng mình thì chẳng danh giá gì và rằng điều xấu xa này đang tồn tại giữa bọn họ, bản thân anh ta còn không biết chắc là con trai anh ta, lúc này đang ở đó, có phải là con trai mình hay không. Anh ta trả lời, 'Anh vô lý thật. Người Pháp các anh chỉ yêu thương con mình thôi; nhưng chúng tôi ai nấy đều yêu thương trẻ con của cả bộ tộc'."

Mặc dù điều này có vẻ bình thường đối với đa số chúng ta, hệ thống họ hàng dựa trên nền tảng sinh học của chúng ta lại là một trường hợp *Flintstone* hóa khác. Chúng ta đơn giản cho rằng quan niệm của mình về gia đình phản ánh một điều gì đó vĩnh cửu và phổ quát trong bản chất con người. Nhưng như chúng ta đã thấy,

cũng không hề có sự đồng thuận giữa những người cho rằng chỉ cần một hành vi tình dục là đủ để có thai.

Khái niệm mỗi-con-một-mẹ (one-mother-per-child) cũng đang gặp rắc rối ở ngay chính các xã hội phương Tây. “Vai trò làm mẹ đang vỡ vụn”, William Saletan, chuyên gia về bản chất con người ở Slate.com viết. “Bạn có thể có một người mẹ di truyền, một người mẹ thai nghén, một người mẹ nuôi, và Chúa mới biết còn gì nữa. Khi một người mẹ trở thành bà, tình thế thậm chí phức tạp hơn nữa.” Nói đến những bà mẹ thay thế mang thai hộ người khác, Saletan lập luận rằng rất dễ hiểu khi mẹ của một phụ nữ nào đó đề nghị thay con mình mang thai đứa trẻ. "Khi người thay thế là bà ngoại thì sẽ đỡ lộn xộn hơn. Mẹ và con gái có chung mối gắn kết di truyền với nhau và cùng gắn kết với đứa trẻ. Họ sẵn sàng xử lý mọi việc hơn và cho đứa trẻ một môi trường gia đình ổn định.” Có lẽ vậy. Dù bằng cách nào, với việc nhận con nuôi phổ biến, hay các gia đình hỗn hợp hình thành từ việc tái hôn, những kỹ thuật như mang thai hộ, hiến tinh trùng, hay bảo quản phôi thai đông lạnh, thì *Homo sapiens* đang nhanh chóng xa rời cấu trúc gia đình “truyền thống”, quay lại với những sắp đặt không chắc chắn về sinh học của quá khứ.

* * *

Niềm tin về việc làm bố chung phát ra khắp nhóm làm ai cũng có cảm giác mình là bố, nhưng đây chỉ là một trong nhiều cơ chế nhằm tăng cường tình đoàn kết trong nhóm.

Các nhà nhân học cho biết ở nhiều cộng đồng, lễ đặt tên và sáp

nhập dòng họ tạo ra nghĩa vụ giữa các cá nhân mang tính ràng buộc như quan hệ huyết thống, hoặc còn hơn thế. Nhắc đến người Matis mà ông từng chung sống, nhà nhân học Philippe Erikson viết: "Nếu phải định nghĩa quan hệ họ hàng, thì các mối quan hệ nảy sinh từ tập tục đặt tên được ưu tiên hơn hẳn bất cứ khía cạnh nào khác, chẳng hạn họ hàng theo phả hệ. Khi xung đột nảy sinh giữa hai hình thức chung tên và theo phả hệ, người ta ưu tiên mối quan hệ chung tên..."

Một số nhà nhân học băn khoăn không biết liệu quan hệ họ hàng có phải là một khái niệm quan trọng trong các cộng đồng ở mức độ nhóm hay không - bất kể định nghĩa ra sao. Họ lập luận rằng trong một cộng đồng có quy mô bé như vậy, mọi người chắc chắn ít nhiều sẽ có họ hàng với nhau, nên quan hệ có xu hướng được đo bằng những thuật ngữ lỏng lẻo hơn, chẳng hạn tình bạn và đối tác chia sẻ.

Theo cách hiểu của Darwin, ngay cả thuật ngữ chỉ mối quan hệ thân thích trực tiếp và tức thì nhất cũng phụ thuộc vào ý nghĩa văn hóa của nó. "Tất cả đàn ông trong thị tộc địa phương đều được mong chờ thể hiện hành vi làm cha đối với mọi trẻ em trong thị tộc", nhà nhân học Janet Chemela nói. "Đàn ông trong thị tộc chăm sóc trẻ trên nhiều phương diện, bao gồm cả tình yêu thương và tìm kiếm thức ăn." Dựa trên kinh nghiệm của mình về người Mebengokre, nhà nhân học Vanessa Lea nhận thấy: "Sự phân bố trách nhiệm được xây dựng theo cộng đồng và không phải là một thực tế khách quan..." Với người Tukanoan: "Anh em trong thị tộc chu cấp cho con cái của nhau theo hình thức tập thể. Thông qua việc đóng góp phần kiếm được hằng ngày, mỗi người đàn ông thường xuyên gắng sức vì toàn bộ trẻ em trong làng - con của mình

cũng như con của các anh em khác."

Cách tiếp cận phổ biến này đối với việc làm cha mẹ không chỉ tồn tại ở các ngôi làng châu Phi hay vùng Amazon. Desmond Morris nhớ đến một buổi chiều ông gặp một nữ tài xế ở Polynesia. Cô kể rằng cô có chín đứa con, nhưng đã cho một người bạn vô sinh mất hai đứa. Khi Morris hỏi lũ trẻ cảm thấy thế nào về điều đó, cô ta bảo chúng ổn, bởi vì "chúng tôi ai nấy đều yêu bọn trẻ". Morris nhớ lại: "Điều đó được nhấn mạnh bằng thực tế là, khi chúng tôi đến làng... cô ta dành thời gian chạy nhảy với nhóm trẻ nhỏ, nằm xuống cỏ và chơi với chúng như thể đó là con mình vậy. Lũ trẻ lập tức chấp nhận cô ta, không thắc mắc bất cứ điều gì, và một người qua đường sẽ không bao giờ nghĩ rằng họ không phải là một gia đình bình thường đang chơi cùng nhau".*

Một "gia đình bình thường". Có lẽ việc người lớn và những đứa trẻ không họ hàng dễ dàng chấp nhận nhau, việc nuôi dưỡng chung trong các cộng đồng mà lũ trẻ xem tất cả đàn ông là bố và tất cả phụ nữ là *mẹ*, các cộng đồng nhỏ bé và hẻo lánh đến mức tin tưởng đón nhận lòng tốt của khách lạ, nơi các mối quan hệ tình dục chồng chéo khiến việc làm bố trở nên khó xác định và không mấy quan trọng... có lẽ đây là cấu trúc gia đình "bình thường" nhất của giống loài chúng ta.

Có lẽ nào sự chia tách theo khuôn phép bộ ba mẹ-bố-con (gia đình hạt nhân) thật ra lại là bước chuyển lầm lạc không đúng đối với giống loài chúng ta? Chúng ta có dám hỏi xem phải chăng mẹ, bố và con đều bị ép vào một cấu trúc gia đình chẳng thích hợp với bất cứ ai trong chúng ta? Có thể nào những trận dịch đương đại như gia đình rạn nứt, bố mẹ kiệt sức và con cái cô đơn, hoang mang, hận thù thật ra là hệ quả của một cấu trúc gia đình bị biến

đổi, không thích hợp với giống loài chúng ta?

HẠT NHÂN TAN CHẢY

Nếu trên thực tế đơn vị gia đình hạt nhân đúng là cấu trúc mà con người tự định hình một cách tự nhiên nhất, thì tại sao các cộng đồng và tôn giáo đương đại lại thấy phải chống đỡ nó bằng giảm thuế và cần pháp chế hỗ trợ trong khi mãnh liệt bảo vệ nó khỏi các cặp đôi đồng tính và những kẻ cầu hôn theo cách khác thường? Thật ra, người ta tự hỏi cớ sao hôn nhân lại là vấn đề hợp pháp hay không - ngoại trừ việc nó liên quan đến luật nhập cư và tài sản. Tại sao một thứ không thể tách rời bản chất con người lại đòi hỏi phải được bảo vệ cẩn mật đến thế?

Nếu sự định hình này nằm sâu trong bản chất của chúng ta, thì tại sao càng ngày càng ít người chọn sống theo cách đó? Ở Mỹ, tỉ lệ hộ gia đình hạt nhân đã giảm từ 45% xuống còn 23,5% kể từ những năm 1970. Đến năm 1998, lượng gia đình phi hạt nhân nhiều gấp ba lần so với các hộ gia đình được gọi là *truyền thống*. Năm 1930, các cặp đã kết hôn (có con và không có con) chiếm khoảng 84% tổng số hộ gia đình Mỹ, nhưng gần đây nhất con số này là chưa đến 50%, trong khi số cặp đôi không kết hôn sống cùng nhau đã tăng vọt từ 500.000 vào năm 1970 lên gấp mười lần vào năm 2008.

Trước khi Bronislaw Malinowski (1884-1942), nhà nhân học đáng kính và nhiều ảnh hưởng nhất đương thời, tuyên bố rằng vấn đề này đã được giải quyết, thì rất nhiều cuộc tranh cãi đã nổ ra về việc trên thực tế, liệu bộ ba mẹ-bố-con có phải là hạt nhân phổ biến của tổ chức xã hội loài người hay không. Malinowski chế giễu định nghĩa của Morgan cho rằng các cộng đồng có thể được tổ chức theo các dòng họ phi hạt nhân. Ông viết:

Rõ ràng, lúc ban đầu chỉ có ba diễn viên này - bố, mẹ và đứa con... Nguyên tắc hoàn chỉnh này chính là điểm khởi đầu cho cách hiểu mới về giả thuyết hôn nhân công xã nguyên thủy của Morgan. [Họ] nhận thức rõ rằng hôn nhân theo nhóm nghĩa là làm bố mẹ theo nhóm. Nhưng làm bố mẹ theo nhóm lại là một giả thuyết gần như không tưởng... Kết luận này đã dẫn tới những sai lầm tai hại như "thị tộc lấy thị tộc và sinh ra thị tộc" hay "giống như gia đình, thị tộc là một nhóm có khả năng sinh sản".

"Nguyên tắc chuẩn hoàn chỉnh" ư? "Giả thuyết không tưởng" ư? "Sai lầm tai hại" ư? Dường như với Malinowski, đó là sự xúc phạm ghê gớm khi một số người dám nghi ngờ tính chất tự nhiên của cấu trúc gia đình hạt nhân đã được thánh hóa. Ngay cả ngày nay, người nào nghi ngờ các quan điểm đang thịnh hành về gia đình hạt nhân cũng đều có nhiều nguy cơ bị chế giễu như vậy. Nhưng trong phạm vi mấy khu lớp học ở London, nơi Malinowski quả quyết với sinh viên của mình rằng tôn sùng gia đình hạt nhân là phổ quát và tự nhiên, thì con cái của những bà mẹ đơn thân đang chết trong các bệnh viện dành cho trẻ bị bỏ rơi. Tình hình ở Mỹ cũng không kém phần thê thảm. Năm 1915, bác sĩ Henry Chapin đã đến thăm mười bệnh viện dành cho trẻ bị bỏ rơi. Ông báo cáo rằng trong chín nơi được gọi là bệnh viện này, đứa trẻ nào cũng đều chết trước khi lên hai. Đứa trẻ nào cũng vậy.* Số phận đen tối tương tự chờ đón lũ trẻ phiền phức trên khắp châu Âu. Chẳng hạn, trong cuốn hồi ký về đời sống trung lưu ở nước Đức đầu thế kỷ XX, Doris Drucker mô tả ngôi làng "Anglemaker", nơi đón nhận trẻ em từ những bà mẹ không giá thú và "bỏ đói lũ trẻ nhỏ cho đến chết", trong khi chính bà mẹ trẻ đó được thuê làm vú em cho các gia đình thượng lưu.*

Kinh khủng đến mức buộc phải suy ngẫm như vậy nhưng hành

vi giết trẻ sơ sinh trên diện rộng này không phải là điều gì mới mẻ hay bất thường. Suốt nhiều thế kỷ, hàng triệu trẻ em đã được chuyển qua những cái nôi đặt trong tường các bệnh viện dành cho lũ trẻ vô thừa nhận trên khắp châu Âu. Tỉ lệ sống sót trong những cơ sở đó chẳng hơn gì khi cánh cửa xoay mở thẳng vào lò hỏa táng. Không những không phải là nơi cứu chữa, đây là những lò mổ được chính quyền và nhà thờ cho phép hoạt động, với không biết bao nhiêu nghìn hay triệu trẻ em - mà sự tồn tại của các em làm dấy lên những câu hỏi nhức nhối về "tính tự nhiên" của gia đình hạt nhân - đã bị vứt bỏ theo hình thức sát hại công nghiệp hóa.*

* * *

Trong cuốn *Eve's Seed: Biology, the Sexes, and the Course of History (*tạm dịch*: Hạt giống của Eve: Sinh vật học, giới tính, và tiến trình lịch sử)* nhà sử học Robert S. McElvaine chắc đã thoát khỏi một số "sai lầm tai hại" của bản thân khi viết: "xu hướng chung trong quá trình tiến hóa của loài người là dứt khoát đi đến quan hệ kết đôi và gia đình bền vững. Tuy nhiên, quan hệ kết đôi (mặc dù thường có một vài trường hợp sa ngã, đặc biệt là ở nam giới) và gia đình", ông khẳng định, "lại là những ngoại lệ, bên cạnh những *đặc trưng chỉ có ở loài người*." (Chúng tôi nhấn mạnh).

Chắc chắn vậy, hãy quên đi tất cả những sa ngã và rất nhiều ngoại lệ, tự bạn sẽ có một trường hợp thật sự chắc chắn!

Dù rất nhiều bằng chứng cho thấy điều ngược lại, quan điểm của Malinowski vẫn ở sâu trong các giả định vừa khoa học vừa đại chúng về cấu trúc gia đình. Trên thực tế, toàn bộ cấu trúc của thứ

đủ tiêu chuẩn là gia đình ở xã hội phương Tây đều dựa trên khẳng định như của Malinowski rằng, mỗi đứa trẻ ở mọi nơi luôn chỉ có một người bố.

Nhưng ở thời đó nếu quan điểm của Malinowski thắng thế, tại sao thi thể tri thức của Morgan tội nghiệp vẫn thường bị lôi lên để hạ nhục? Nhà nhân học Laura Betzig mở đầu một bài luận về tan vỡ hôn nhân (hôn nhân thất bại) rằng "huyễn tưởng [về hôn nhân nhóm] của Morgan kết thúc khi đối diện bằng chứng thực tế và một thế kỷ sau thời Morgan có một sự đồng thuận rằng hôn nhân (một vợ một chồng) gần gũi với con người nói chung như bất cứ hành vi nào thuộc về con người." Ai chà. Nhưng tất nhiên, cách hiểu của Morgan về cấu trúc gia đình không phải là huyễn tưởng. Kết luận của ông dựa trên nhiều thập kỷ nghiên cứu và khảo sát thực địa rộng khắp. Về sau, khi đã bớt tự tin, Betzig thừa nhận: "Tuy nhiên, vẫn không có đồng thuận về việc tại sao hôn nhân lại phổ biến đến như vậy."

Thôi được, đấy là một bí ẩn. Chúng ta sẽ thấy rằng những nhà nhân học tìm thấy hôn nhân ở bất cứ nơi nào họ nhìn vào, bởi vì họ vẫn chưa thống nhất với nhau về nghĩa của từ này.

8

MỞ HỒ LỐN HÔN NHÂN, GIAO CẤU VÀ MỘT VỢ MỘT CHỒNG

Hôn nhân là trạng thái tự nhiên nhất của con người, do vậy đó là trạng thái mà bạn có nhiều khả năng tìm thấy hạnh phúc bền vững nhất.

• BENJAMIN FRANKLIN

Tình yêu là lý tưởng, hôn nhân là thực tế; nhầm lẫn giữa thực tế với lý tưởng không bao giờ không phải trả giá.

• JOHANN WOLFGANG VON GOETHE

Khi Einstein tuyên bố $E=mc^2$, không một nhà vật lý nào hỏi nhau: "Ông ấy nói E nghĩa là sao?" Trong khoa học tự nhiên, các chất liệu quan trọng được đóng gói trong những con số và biểu tượng được xác định từ trước. Hiếm khi có việc sử dụng từ ngữ mơ hồ gây khó hiểu. Nhưng trong những ngành khoa học mang tính giải thích nhiều hơn như nhân học, tâm lý học và lý thuyết tiến hóa, giải thích sai và hiểu sai là chuyện thường ngày.

Chẳng hạn như hai từ *yêu* và *dâm*. Về căn bản, cuốn sách này

viết về dâm nhiều hơn là về yêu. Yêu và dâm khác nhau như rượu vang đỏ khác pho mát xanh, nhưng do cũng có khả năng bổ sung cho nhau nên chúng lẫn vào nhau nhiều đến mức kinh ngạc, điếng người.

Trong các tài liệu tâm lý học tiến hóa, trong văn hóa đại chúng, trong những văn phòng được trang trí đẹp đẽ của các luật sư hôn nhân, hay trong những bài giảng tôn giáo, cũng như diễn văn chính trị và - chẳng có gì đáng ngạc nhiên với tất cả những điều đó - trong cuộc sống lộn xộn của chúng ta, dâm thường bị nhầm với tình yêu. Thậm chí sự nhầm lẫn đó còn âm ỉ và gây tổn hại hơn trong những cộng đồng nhất quyết duy trì chế độ một vợ một chồng lâu dài, độc quyền tình dục, và dạng tiêu cực cũng thật sự tồn tại. Không dâm bị hiểu nhầm là không tình yêu (chúng ta sẽ khám phá điều này trong Chương 20).

Các chuyên gia khuyến khích chúng ta nhầm lẫn hai khái niệm này. Cuốn sách được nhắc đến trong sách này, *Anatomy of Love (*tạm dịch*: Giải phẫu tình yêu)* của Helen Fisher, quan tâm đến sự chia sẻ trách nhiệm làm bố mẹ trong vài năm đầu nhiều hơn là đến tình yêu. Nhưng chúng ta không thể trách Fisher được, bởi vì bản thân ngôn ngữ đã không rõ ràng rồi. Chúng ta có thể "ngủ cùng" ai đó mà vẫn luôn tỉnh táo. Khi chúng ta đọc rằng chính trị gia "làm tình" với gái điếm, chúng ta biết rằng tình yêu liên quan rất ít đến chuyện này. Khi chúng ta nói rằng mình đã từng có bao nhiêu "người yêu", phải chẳng chúng ta đang tuyên bố rằng đã "yêu" tất cả bọn họ? Tương tự, nếu chúng ta "giao cấu" với ai đó, liệu điều này có biến chúng ta thành "bạn tình"? Hãy cho một chàng trai xem ảnh một cô nàng nóng bỏng và hỏi liệu anh ta có muốn "cặp với cô ta" hay không. Nhiều khả năng anh ta sẽ trả lời (hoặc nghĩ): "Có

chứ!" Nhưng cũng nhiều khả năng là hôn nhân, con cái và viễn cảnh về một tương lai lâu dài bên nhau sẽ không bao giờ lọt vào quá trình ra quyết định của anh ta.

HÔN NHÂN: "ĐIỀU KIỆN CƠ BẢN" CỦA LOÀI NGƯỜI?

Mối quan hệ trai-gái mật thiết mà các nhà động vật học gọi là 'quan hệ kết đôi' có sẵn trong xương tủy chúng ta. Tôi tin rằng hơn bất cứ nguyên nhân nào khác đây là điều khiến chúng ta khác hẳn các loài khỉ.

• FRANS DE WAAL

Phần lớn các ông chồng khiến tôi nghĩ đến con đười ươi đang tìm cách chơi violin.

• HONORÉ DE BALZAC
(1799-1850)

Ai cũng biết rằng đó là những biểu hiện ngẫu nhiên cho vô số tình huống và mối quan hệ; dường như ai cũng biết thế trừ các chuyên gia. Nhiều nhà tâm lý học tiến hóa và các nhà nghiên cứu khác có vẻ như nghĩ rằng "tình yêu" và "tình dục" là những thuật ngữ thay thế được cho nhau. Và họ cũng quẳng "giao cấu" với "cặp kè" vào một chỗ. Việc không xác định được thuật ngữ thường dẫn tới lẫn lộn và cho phép thành kiến văn hóa gây nhiễm bẩn suy nghĩ của chúng ta về bản chất tính dục của loài người. Hãy thử mở một con đường xuyên qua bụi cây ngôn từ chằng chịt này xem sao.

Chiếc cốc thánh của tâm lý học tiến hóa là "tính phổ quát của

con người". Mấu chốt của nó là rút ra những hình mẫu tri giác, nhận thức và hành vi mang bản chất con người từ những gì bị quy định bởi trình độ văn hóa hoặc cá nhân: bạn thích bóng chày vì bạn lớn lên được theo dõi các trận đấu cùng bố, hay vì hình ảnh các nhóm nhỏ đề ra chiến thuật và phối hợp với nhau trên sân bóng đã kết nối với một khu vực căn bản nào đó trong não bạn? Đấy là loại câu hỏi mà các nhà tâm lý học tiến hóa thích đặt ra và muốn trả lời.

Vì tâm lý học tiến hóa hướng đến khám phá và giải thích cái gọi là *sự thống nhất tinh thần của con người* và dưới áp lực phải phát hiện những vấn đề thích hợp với các vấn đề chính trị cụ thể - độc giả cần thận trọng với những tuyên bố liên quan đến những điều phổ quát như vậy. Như khi diễn giải một câu tục ngữ cổ, hãy tin những ai tìm kiếm tính phổ quát của con người, nhưng hãy nghi ngờ những ai tuyên bố đã tìm thấy chúng. Thường thì những tuyên bố này không được nghiên cứu kỹ lưỡng.

Cái được cho là tính phổ quát của hôn nhân loài người - và gắn liền với nó là sự hiện diện khắp nơi của gia đình hạt nhân - là một trường hợp như vậy. Cơ sở cho mô hình chuẩn của tiến hóa tính dục ở loài người, lời tuyên bố cho khuynh hướng kết đôi này của loài người nói chung không còn gì phải thắc mắc hay nghi ngờ - "chuẩn hoàn chỉnh" như lời của Malinowski. Mặc dù khuynh hướng này đã được giả định từ trước thời Darwin, luận văn này đã trở thành kinh điển của nhà sinh vật học tiến hóa Robin Trivers, *Parental Investment and Sexual Selection (*tạm dịch*: Đầu tư làm cha mẹ và Chọn lọc tính dục)*, xuất bản năm 1972, đã thống nhất quan điểm hôn nhân là nền tảng cho đa phần các lý thuyết về tiến hóa tính dục của loài người.*

Cần nhắc lại rằng hôn nhân, như các lý thuyết này định nghĩa, đại diện cho *sự trao đổi cơ bản* đối với tiến hóa tính dục loài người. Trong loạt phim truyền hình của mình trên BBC, *The Human Animal (*tạm dịch*: Con người động vật)*, Desmond Morris nói: "Quan hệ kết đôi là điều kiện nền tảng cho loài người." Michael Ghiglieri, nhà sinh vật học và người bảo trợ cho Jane Goodall, viết: "Hôn nhân là hợp đồng tối thượng của con người. Đàn ông và phụ nữ ở mọi cộng đồng đều kết hôn gần như cùng một kiểu. "Hôn nhân", Ghiglieri nói tiếp: "thường là sự kết đôi vĩnh cửu giữa một người nam và một người nữ... trong đó người nữ nuôi dưỡng con cái còn người nam chu cấp và bảo vệ họ". Ông kết luận: "Sự hình thành hôn nhân lâu đời hơn cả nhà nước, nhà thờ và pháp luật".* Lạy Chúa. *Điều kiện nền tảng? Hợp đồng tối thượng của con người?* Thật khó mà tranh cãi với điều đó.

Nhưng hãy cứ thử xem sao, bởi vì việc dùng sai từ *hôn nhân* trong tài liệu nhân học đã gây nên cơn đau đầu kinh khủng cho bất cứ ai đang tìm hiểu xem hôn nhân và gia đình hạt nhân thật sự đúng với bản chất con người ra sao - nếu có. Chúng ta sẽ thấy, từ này được dùng để chỉ rất nhiều mối quan hệ khác nhau.

Trong *Female Choices (*tạm dịch*: Lựa chọn của con Cái)*, tài liệu khảo sát về hoạt động tính dục ở linh trưởng cái, nhà linh trưởng học Meredith Small viết về sự lẫn lộn khi thuật ngữ *kết đôi (consortship)* bị dùng sai nghĩa gốc - tương tự như việc từ *hôn nhân* bị dùng lẫn lộn. Small giải thích: "Từ 'kết đôi' ban đầu được dùng để chỉ mối liên hệ tình dục gần gũi đực-cái ở loài khỉ đầu chó vùng thảo nguyên, nhưng về sau lại được dùng phổ biến để chỉ mối quan hệ của các cặp đôi khác." Bước nhảy về mặt ngữ nghĩa này, theo Small, là một sai lầm. "Các nhà nghiên cứu bắt đầu nghĩ rằng mọi

loài linh trưởng đều kết đôi, và họ áp dụng từ này cho bất cứ hình thức cặp kè nào, lâu dài hay ngắn ngủi, có chọn lọc hay không chọn lọc." Đây là một rắc rối vì "Thứ ban đầu dùng để mô tả sự kết hợp đực-cái cụ thể chỉ có tồn tại trong những ngày rụng trứng lại trở thành một từ bao hàm việc cặp đôi... Khi một phụ nữ được mô tả là 'đang kết đôi', không ai thấy tầm quan trọng của việc cô ấy thường xuyên giao phối với các cá thể nam khác."

Nhà sinh vật học Joan Roughgarden nhận thấy lỗi tương tự khi áp dụng mô hình cặp đôi lý tưởng ở người cho động vật. Bà viết: "Tài liệu căn bản của chọn lọc tính dục mô tả vợ chồng ngoại tình là 'lừa dối' quan hệ kết đôi; người nam bị gọi là 'cắm sừng'; con cái của cặp bố mẹ ngoại tình bị gọi là 'con hoang'; còn người nữ không tham gia vào giao cấu ngoại tình thì được gọi là 'chung thủy'." "Chung quy, thuật ngữ mang tính phán xét này", Roughgarden kết luận, "chẳng khác gì áp một định nghĩa đương thời của hôn nhân phương Tây vào động vật."

Trên thực tế, khi các nhãn quen thuộc được dán lên, bằng chứng mang tính hỗ trợ các nhãn này bỗng trở nên dễ thấy hơn nhiều so với các bằng chứng ngược lại bởi một quá trình tâm lý có tên gọi là *thành kiến xác nhận*. Khi đã có hình mẫu tinh thần, có nhiều khả năng chúng ta sẽ chủ yếu để ý và nhớ lại bằng chứng hỗ trợ cho mô hình của mình hơn là bằng chứng chống lại nó. Giới nghiên cứu y khoa đương đại cố gắng trung hòa hiệu ứng này bằng cách sử dụng hệ phương pháp mù đôi trong tất cả các nghiên cứu quan trọng - cả người nghiên cứu lẫn đối tượng nghiên cứu đều không biết viên thuốc nào chứa thuốc thật.

Không có một định nghĩa rõ ràng về điều mình đang tìm kiếm, nhiều nhà nhân học nhìn đâu cũng thấy hôn nhân. George

Murdock, một nhà nhân học tầm cỡ của ngành nhân học Mỹ, khẳng định trong cuộc khảo sát nhân học kinh điển về giao thoa văn hóa tiến hành năm 1949: "Gia đình hạt nhân là sự quần tụ xã hội của loài người nói chung." Ông tiếp tục tuyên bố: "Hôn nhân được tìm thấy trong bất cứ xã hội loài người nào mà chúng ta từng biết."

Các nhà nghiên cứu cố gắng mô tả bản chất con người cực kỳ nhạy cảm với quá trình Flintstone hóa: vô thức hướng tới "khám phá" những đặc điểm trông có vẻ quen thuộc, và do đó phổ cập những hình thái xã hội đương đại trong khi vô tình chặn lại nhận thức về sự thật. Học giả Louis Menand lưu ý khuynh hướng này trong một bài báo trên tờ *The New Yorker*, ông viết: "Các môn khoa học nghiên cứu bản chất con người có xu hướng công nhận sự vận hành và ưu tiên của bất cứ chế độ nào tình cờ đang bảo trợ cho chúng, ở chế độ chuyên chế, bất đồng ý kiến bị xem là tâm thần, ở chế độ phân biệt chủng tộc, quan hệ khác chủng tộc bị cho là phi tự nhiên, ở chế độ tư bản, tư lợi được xem là đặc tính bất dịch." Nhưng nghịch lý thay, hãy lưu ý xem, trong mỗi trường hợp nói trên, cái gọi là hành vi *tự nhiên* được khích lệ và sai lầm *phi tự nhiên* phải bị trừng phạt như thế nào.

Những căn bệnh ngày nay đã bị lãng quên như *drapetomania* và *dysaethesia aethiopica* minh họa cho quan điểm này. Cả hai đều được mô tả năm 1851 nhờ bác sĩ Samuel Cartwright*, một tác giả hàng đầu trong lĩnh vực chăm sóc y tế cho "mọi đen" ở Louisiana, và là một nhà tư tưởng hàng đầu trong phong trào ủng hộ chế độ nô lệ. Trong bài *Bệnh tật và đặc trưng của chủng mọi đen*, bác sĩ Cartwright giải thích rằng *drapetomania l*à căn bệnh khiến lũ mọi đen bỏ chạy trốn tránh phục vụ các ông chủ da trắng, trong khi *dysaethesia aethiopica* được mô tả là "sự u mê và cảm giác trì độn

của cơ thể". Ông lưu ý rằng các đốc công nô lệ thường chỉ đơn giản gọi căn bệnh này là *bất lương (rascality)*. Bất chấp những tuyên bố như thể mình cao quý - thường được diễn tả bằng thứ ngôn ngữ nhằm làm nhụt chí kẻ bất đồng tương lai (dysaethesia aethiopica!) - khoa học thường bò dưới chân mô hình văn hóa chiếm ưu thế đương thời.

Một nhược điểm nữa của rất nhiều cuộc nghiên cứu như thế này được biết đến với tên gọi *nghịch lý dịch thuật*. Khi một từ (*chẳng hạn hôn nhân*) dịch từ ngôn ngữ này sang ngôn ngữ khác mang một nghĩa khác hẳn.

Chúng ta có thể nhất trí rằng chim thì *hót (sing)* và ong thì *lượn (dance*), miễn là chúng ta nhớ rằng hành động ca hót và bay lượn của chúng gần như không có điểm gì chung với hành động của chúng ta - từ động cơ đến thực hiện. Chúng ta sử dụng các từ ngữ y hệt vậy để biểu thị những hành động khác hẳn. Từ *hôn nhân* cũng vậy.

Con người ở khắp nơi đều kết đôi - dù chỉ trong vài ngày, vài giờ, hay vài năm. Có thể họ làm vậy để chia sẻ niềm vui, để có con, để làm hài lòng gia đình, để đảm bảo một liên minh chính trị hay thương thảo kinh doanh, hoặc chỉ vì thích nhau. Khi họ làm vậy, nhà nhân học nghiên cứu gia đình đứng trong bóng mát của tình yêu và nói: "A ha, nền văn hóa này cũng thực hành hôn nhân. Thấy chưa, việc này phổ biến mà!" Nhưng nhiều mối quan hệ kiểu này khác với cảm nhận của chúng ta về hôn nhân, cũng như chiếc võng dây khác với chiếc giường nệm lông của bà nội vậy. Chỉ thay đổi biệt ngữ và nhắc tới *quan hệ kết đôi lâu dài* thay cho *hôn nhân* cũng chẳng hơn gì. Như Donald Symons nói: "Từ điển cổ xưa của tiếng Anh nghèo nàn một cách đáng thương nên không thể phản

ánh chính xác kết cấu trải nghiệm của con người được…Rút ngắn từ vựng hiện tại thành một cụm từ - quan hệ kết đôi - và tưởng tượng rằng như vậy là người ta đang làm khoa học chỉ là tự đánh lừa bản thân mà thôi."

TÌNH DỤC BỪA BÃI TRONG HÔN NHÂN

Ngay cả khi chúng ta bao quát được sự nhầm lẫn ngôn ngữ khắp nơi, những người tự cho rằng mình đã lập gia đình cũng có thể có những khái niệm khác nhau đến ngạc nhiên về cuộc hôn nhân của mình. Người Aché ở Paraguay nói rằng đàn ông và đàn bà ngủ chung lều là *đã kết hôn*. Nhưng nếu một trong hai người mang võng sang căn lều khác, thì họ chẳng còn là vợ chồng nữa. Thế thôi. Đó là ly hôn không-lỗi-lầm nguyên thủy.

Trong cộng đồng người!Kung San* (còn được gọi là người Ju 'hoansi) ở Botswana, hầu hết các cô gái đều cưới vài lần trước khi ổn định với một mối quan hệ lâu dài. Đối với người Curripaco ở Brazil, *kết hôn* là một quá trình từ từ, không xác định. Một nhà khoa học từng sống với họ giải thích rằng: "Khi một phụ nữ đến mắc võng cạnh người đàn ông của mình và nấu cho anh ta ăn, một số người Curripaco trẻ tuổi hơn bảo rằng họ đã lấy nhau (*kainukana*). Nhưng những người báo tin lớn tuổi hơn lại không đồng ý; họ bảo hai người đó chỉ lấy nhau khi chứng tỏ được rằng bọn họ có thể chu cấp và nuôi được nhau. Có con, và cùng nhau trải qua gian khó, sẽ làm cuộc hôn nhân trở nên vững chắc." Trong cộng đồng người Canela, Crocker và Crocker* giải thích: "Mất trinh chỉ là bước đầu tiên đi đến một cuộc hôn nhân toàn vẹn đối với phụ nữ." Có vài bước cần thiết khác trước khi cộng đồng Canela xem một cặp là thật sự *kết hôn*, bao gồm việc cô gái trẻ được cộng đồng

chấp nhận khi cô phục vụ trong "lễ hội cộng đồng đàn ông". Nghi thức "phục vụ" tiền hôn nhân này là cô gái sẽ liên tục quan hệ tình dục với 15 đến 20 người đàn ông. Nếu cô dâu tương lai làm tốt, cô sẽ được những người đàn ông đó trả công bằng thịt, và trả trực tiếp cho mẹ chồng tương lai vào ngày lễ hội.

Ở Ả-rập Xê-út và Ai Cập đương đại, có một dạng hôn nhân là *Nikah Misyar* (thường được hiểu là *hôn nhân tạm bợ [travelers marriage]).* Theo một bài báo gần đây của *Reuters*:

Misyar hấp dẫn những người đàn ông ít tiền, cũng như đàn ông đang tìm kiếm những sự sắp xếp linh động - người chồng có thể rời bỏ misyar và lấy những người phụ nữ khác mà không cần phải báo cho người vợ đầu biết. Những người Hồi giáo giàu có đôi khi vẫn thỏa thuận với một misyar khi đi nghỉ để được quan hệ tình dục mà không vi phạm giáo lý của mình.

Suhaila Zein al-Abideen, thuộc Liên hiệp Học giả Hồi giáo Quốc tế ở Medina, nói rằng gần 80% cuộc hôn nhân misyar kết thúc bằng ly dị. "Phụ nữ mất sạch mọi quyền lợi. Ngay cả việc cô ta được gặp chồng bao nhiêu lần cũng phụ thuộc vào trạng thái của anh ta", cô nói.

Trong truyền thống Hồi giáo Shia, có một thể chế tương tự gọi là *Nikah Mut'ah* (hôn nhân cho vui), trong đó mối quan hệ có một điểm chấm dứt định sẵn, giống như thuê xe ô tô vậy. Các cuộc hôn nhân như vậy có thể kéo dài từ vài phút đến vài năm. Một người đàn ông có thể có rất nhiều cô vợ tạm thời (bên cạnh cô "vợ suốt đời"). Thường được sử dụng như một lỗ hổng tôn giáo trong đó mại dâm hay tình dục ngẫu nhiên phải nằm trong những ranh giới bắt buộc của tôn giáo, hình thức này không đòi hỏi giấy tờ hay nghi lễ gì cả. Phải chăng đây cũng là *hôn nhân*.

Bên cạnh kỳ vọng về sự lâu dài hoặc được xã hội công nhận, những yếu tố như trinh tiết và chung thủy về mặt tình dục thì sao? Liệu chúng có phải là một phần phổ quát và không thể thiếu của hôn nhân như dự đoán của thuyết đầu tư làm cha mẹ hay không? Không. Đối với nhiều cộng đồng, trinh tiết vô nghĩa đến mức thậm chí trong ngôn ngữ của họ còn không có từ nào để gọi tên nó.

Năm 1990, Cacilda Jethá (đồng tác giả cuốn sách này) tiến hành một cuộc nghiên cứu về hành vi tính dục của dân làng ở vùng nông thôn Mozambique cho Tổ chức Y tế Thế giới. Cô thấy rằng 140 đàn ông trong nhóm nghiên cứu của cô có 87 bà vợ, 252 phụ nữ khác là bạn tình lâu dài và 226 phụ nữ nữa thỉnh thoảng qua lại về tình dục, tính ra bình quân mỗi người có bốn mối quan hệ tình dục cùng một lúc, không tính những lần ngẫu nhiên gặp gỡ không được báo cáo mà rất nhiều đàn ông trong số này chắc chắn dính vào.

Ở người Warao, một nhóm người sống trong rừng rậm Brazil, các mối quan hệ bình thường vẫn bị gác lại định kỳ và thay bằng những mối quan hệ mang tính chất nghi lễ, gọi là *mamuse*. Trong suốt các lễ hội này, người lớn được thoải mái quan hệ tình dục với bất cứ ai họ thích. Các mối quan hệ như vậy được xem là cao quý và người ta tin rằng có tác dụng tích cực lên lũ trẻ có thể được hoài thai.

Trong hồ sơ thú vị của mình về người Pirahã và một nhà khoa học nghiên cứu họ, nhà báo John Colapinto cho biết: "mặc dù [họ] không chấp nhận hôn nhân ngoài bộ tộc, nhưng đã từ lâu họ giữ cho bộ gene của mình tươi mới bằng cách cho phép phụ nữ ngủ với người ngoài".*

Đối với người Sirino, anh trai lấy em gái là chuyện bình thường, tạo nên một dạng Brady Bunch* hoàn toàn khác. Bản thân cuộc

hôn nhân diễn ra mà không có bất cứ nghi thức hay nghi lễ nào cả: không trao đổi tài sản hay thề thốt, thậm chí còn không có tiệc. Chỉ treo lại võng của mình bên cạnh võng của người phụ nữ, vậy là bạn đã có vợ.

Cách tiếp cận thông thường như vậy với "hôn nhân" có thể là bất cứ trạng thái nào, nhưng không hề bất thường. Những nhà thám hiểm thời kỳ đầu, những tay săn cá voi, những tay bẫy lông thú ở phía bắc lạnh giá thấy người Inuit là những chủ nhà thân thiện đến mức đáng ngạc nhiên. Hãy hình dung thái độ biết ơn đầy bối rối của họ khi họ nhận ra vị trưởng làng mời vị du khách mệt lử, lạnh cóng sử dụng chiếc giường của chính mình (bao gồm cả vợ). Trên thực tế, các nhà thám hiểm được hoan nghênh đó là Knud Ramusen và những người khác đã lọt vào một hệ thống trao đổi vợ chồng là tâm điểm của nền văn hóa Inuit, với những lợi ích rõ ràng trong cái khí hậu chẳng lấy gì làm khoan dung kia. Trao đổi tình dục đóng vai trò quan trọng trong việc kết nối các gia đình thuộc những ngôi làng xa xôi trong một mạng lưới hỗ trợ nhất định, tuy lỏng lẻo nhưng bền vững, trong những thời điểm khủng hoảng. Mặc dù sinh thái khắc nghiệt ở Bắc Cực khiến mật độ dân số ở đây thấp hơn nhiều so với vùng Amazon hay thậm chí sa mạc Kalahari*, nhưng sự tương tác tình dục ngoài cặp đôi đã góp phần củng cố các mối quan hệ và mang lại sự đảm bảo tương tự trước những khó khăn không lường trước được.

Không một hành vi nào trong số các hành vi kể trên bị những người liên quan xem là ngoại tình. Nhưng khi đó, *ngoại tình* cũng là một thuật ngữ bị dùng sai như *hôn nhân* vậy. Không chỉ vợ của người láng giềng khiến cho đàn ông phải phản bội, mà vợ của bạn cũng vậy. Một cuốn hướng dẫn đạo đức nổi tiếng thời Trung Cổ,

*Speculum Doctrinale (*tạm dịch*: Tấm gương giáo lý)* của Vincent xứ Beauvais*, tuyên bố: "Anh chàng nào yêu vợ mình quá nhiều là kẻ ngoại tình. Yêu vợ người khác, hoặc yêu vợ mình quá nhiều, đều là đáng xấu hổ." Tác giả còn tiếp tục khuyên: "Người đàn ông chính trực cần yêu vợ bằng phán xét của mình chứ không phải bằng đam mê." Vincent xứ Beauvais hẳn sẽ đánh giá cao sự đồng hành của Daniel Defoe (ở London), nổi tiếng với tư cách là tác giả của *Robinson Crusoe*. Năm 1727, Defoe khiến cả nước Anh xôn xao khi công bố bài luận văn tả thực với tiêu đề câu khách *Conjugal Lewdness: or, Matrimonial Whoredom (*tạm dịch*: Vợ chồng dâm đãng: hay, bừa bãi trong hôn nhân)*. Rõ ràng tiêu đề này là hơi quá. Trong ấn bản sau đó, ông hạ giọng thành *A Treatise Concerning the Use and Abuse of the Marriage Bed (*tạm dịch*: Chuyên luận về sử dụng và lạm dụng chiếc giường hôn nhân)*. Nó không viết về cuộc phiêu lưu ngoài đảo hoang, mà là một bài giảng đạo đức về những hiểm họa vật chất và tinh thần của việc hưởng thụ tình dục với vợ/chồng mình.

Defoe hẳn sẽ đánh giá cao người Nayar, thổ dân miền nam Ấn Độ, vốn có một dạng hôn nhân không nhất thiết phải có bất cứ hoạt động tình dục nào, cũng không kỳ vọng chuyện gắn kết lâu dài, không sống chung - trên thực tế cô dâu có thể không bao giờ gặp lại chú rể khi nghi thức hôn nhân đã hoàn tất. Nhưng vì hệ thống này không chấp nhận ly dị, theo khảo sát nhân học, nên sự ổn định của các cuộc hôn nhân này chắc phải là mẫu mực.

Như các ví dụ trên đây cho thấy, nhiều phẩm chất được xem là thành tố thiết yếu của hôn nhân trong cách dùng của phương Tây đương đại hóa ra lại không hề là phổ quát: độc quyền tình dục, trao đổi tài sản, thậm chí là ý định chung sống lâu dài với nhau. Những

mối quan hệ mà các nhà tâm lý học tiến hóa và nhân học gọi là *hôn nhân* thật ra không hề bao hàm những điều đó.

Giờ thì hãy xem xét sự lẫn lộn do hai từ *bạn tình* và *cặp đôi* tạo ra. Bạn tình đôi khi dùng để chỉ một đối tác tình dục trong một cuộc giao cấu cụ thể nào đó; trong những trường hợp khác, bạn tình chỉ đối tác trong một cuộc hôn nhân được công nhận, trong đó trẻ em được nuôi nấng và tất cả mọi mô hình hành vi và kinh tế được thiết lập. Cặp đôi với ai đó có thể mang ý nghĩa sống với nhau "đến khi cái chết chia lìa đôi ngả", hoặc có thể chỉ là một cú tàu nhanh với "Julio nơi sân trường*". Khi các nhà tâm lý học tiến hóa nói với chúng ta rằng đàn ông và phụ nữ có những "mô-đun" nhận thức hay cảm xúc bẩm sinh khác nhau, vốn là thứ quyết định phản ứng của họ trước sự phản bội của bạn tình, chúng ta cho rằng điều này là nói về người bạn tình trong mối quan hệ lâu dài.

Nhưng bạn chẳng bao giờ biết được. Khi chúng ta đọc: "Sự khác biệt về tình dục trong tiêu chí lựa chọn bạn tình của con người hiện hữu và tồn tại dai dẳng bởi cơ chế dàn xếp đánh giá bạn tình giữa đàn ông và phụ nữ khác nhau", và "khuynh hướng trở nên hứng tình nhờ những tác nhân kích thích thị giác là một phần trong quá trình chọn lựa bạn tình ở đàn ông"*, chúng ta gãi đầu gãi tai, tự hỏi không biết đây có phải là cuộc tranh cãi về việc người ta chọn nhân vật đặc biệt đó ra sao để giới thiệu cho mẹ; hay chỉ là mô hình hưởng ứng tức thì, theo bản năng thường thấy ở đàn ông khi gặp một phụ nữ hấp dẫn. Đàn ông thể hiện những mô hình phản ứng tương tự trước hình ảnh, phim truyện, ma-nơ-canh mặc quần áo hấp dẫn và đám gia súc của Noah - không thứ nào trong đó có sẵn cho hôn nhân - dường như thứ ngôn ngữ này chỉ đề cập đến sức hấp dẫn của tình dục mà thôi. Nhưng chúng ta không thật sự chắc

chắn. Vậy thì lúc nào bạn tình trở thành bạn tình để người ta kết đôi?

9

SỰ CHẮC CHẮN CỦA VIỆC LÀM BỐ: NỀN TẢNG VỠ VỤN CỦA MÔ TẢ CHUẨN MỰC

Theo nhà nhân học Robert Edgerton, người Marind-anim ở Melanesia tin rằng:

Tinh dịch rất quan trọng cho sự tăng trưởng và phát triển của con người. Họ cũng lấy nhau từ khi còn khá trẻ, và để đảm bảo cho khả năng sinh sản của cô dâu, trong cô phải đầy tinh dịch. Do đó, trong đêm cưới cô, phải có tới 10 người trong dòng họ bên chồng giao cấu với cô dâu và nếu có nhiều hơn số đàn ông này, họ sẽ giao cấu với cô trong đêm sau... Nghi lễ tương tự được lặp lại ở nhiều thời điểm trong đời cô.

Chào mừng đến với gia đình. Em đã gặp các chú các bác của anh chưa?

Để bạn không nghĩ rằng đây là một lễ cưới đặc biệt bất thường, có vẻ như tổ tiên người La Mã cũng làm giống như vậy. Hôn nhân được kỷ niệm bằng một lễ cưới trác táng, trong đó bạn bè của người chồng giao cấu với cô dâu, với nhiều nhân chứng đứng xung quanh. Otto Kiefer, trong cuốn *Sexual Life in Ancient Rome* (tạm dịch*: Đời sống tình dục thời La Mã cổ đại)* xuất bản năm 1934, giải thích

điều này từ cách nhìn của người La Mã: "Các quy luật vật lý và tự nhiên thật xa lạ, thậm chí trái với mối quan hệ hôn nhân. Theo đó, người phụ nữ bước vào hôn nhân phải chuộc lỗi với Mẹ Tự nhiên vì đã thiếu tôn kính với Người, rồi trải qua một thời kỳ làm điếm miễn phí, trong đó cô mua lấy sự trinh bạch của hôn nhân bằng tính dâm dật sơ khai."

Trong nhiều cộng đồng, những trò tai quái dâm đãng như vậy tiếp tục diễn ra sau cả đêm cưới. Người Kulina ở Amazon có nghi lễ gọi là *dutse' ebanitowi: Lệnh lấy thịt*. Donald Pollock giải thích rằng phụ nữ trong làng: "Đi thành nhóm từ nhà này sang nhà khác từ sáng sớm, hát cho nam giới trưởng thành trong mỗi nhà nghe và 'ra lệnh' cho họ đi săn. Tại mỗi nhà, ít nhất một phụ nữ trong nhóm bước tới dùng gậy đập vào nhà; đêm đó họ sẽ trở thành bạn tình cho đàn ông trong nhà, nếu đám đàn ông đi săn thành công. Phụ nữ trong nhóm không được phép chọn chồng của mình."

Điều xảy ra sau đó mới quan trọng. Giả vờ do dự, đám đàn ông lê mình ra khỏi võng và đi vào rừng, nhưng trước khi tách ra để săn riêng lẻ, họ thống nhất thời gian và địa điểm sẽ gặp nhau sau đó bên ngoài làng, nơi họ sẽ phân phối lại những gì săn được, để đảm bảo rằng người nào cũng có thịt để mang về làng, nghĩa là ai cũng có tình dục ngoài hôn nhân. Lại một cái đinh nữa trong chiếc hòm mô tả chuẩn mực.

Mô tả của Pollock về những người thợ săn chiến thắng trở về còn đáng nói hơn:

Đến cuối ngày, đám đàn ông tụ tập thành nhóm trở về làng, nơi những phụ nữ trưởng thành ngồi theo hình bán nguyệt, hát những bài khêu gợi dâm dục cho họ nghe và đòi phần 'thịt' của mình. Đám đàn ông ném những gì săn được thành một đống lớn giữa hình bán

nguyệt bằng những động tác ấn tượng với nụ cười tự mãn... Sau khi nấu nướng và ăn xong, mỗi phụ nữ rút lui cùng người đàn ông mà cô chọn làm đối tác hẹn hò hoan lạc. Người Kulina tham gia nghi lễ này với thái độ rất vui vẻ và khá thường xuyên.

Chắc chắn là vậy. Pollock đã tốt bụng xác nhận cho linh cảm của chúng ta rằng từ thịt *(bani)* trong tiếng Kulina vừa dùng để chỉ thức ăn vừa chỉ thứ mà bạn đang nghĩ tới, thưa độc giả thân mến. Có lẽ điểm chung của loài người không phải là hôn nhân, mà là khả năng nói nước đôi về chuyện tình dục.

YÊU, DÂM VÀ TỰ DO Ở HỒ LUGU

> *Bây giờ và từ trước đến nay, chưa từng có một xã hội nào niềm tin vào vai trò làm bố lại thấp đến mức mà về cơ bản là trên phương diện di truyền, đàn ông có quan hệ gần gũi với chị em gái của mình hơn là với con của vợ mình. Vui vẻ lang chạ, không sở hữu, hóa ra lũ tinh tinh của Rousseau không hề tồn tại; những bằng chứng sẵn có cũng không thuyết phục được tôi là con người như vậy có tồn tại.*
>
> • **DONALD SYMONS, *Sự tiến hóa của tính dục loài người, 1979***

Tuyên bố bạo dạn của Symons thể hiện niềm tin vào thuyết đầu tư làm cha mẹ và tầm quan trọng của sự chắc chắn vai trò làm bố trong quá trình tiến hóa của loài người. Nhưng Symons mắc lỗi sai chết người ở cả hai điểm. Khi ông viết những lời lẽ không vui này, thì các nhà linh trưởng học trong rừng rậm dọc sông Congo biết

rằng tinh tinh lùn chính là loài khỉ vui vẻ lang chạ và không sở hữu mà Symons đang phủ nhận sự tồn tại của chúng. Và người Mosuo (còn được gọi là người *Na* hay *Nari*), một cộng đồng cổ xưa ở tây nam Trung Quốc, là cộng đồng mà sự chắc chắn của vai trò làm bố thấp và tầm thường đến mức đàn ông nuôi con của chị em gái như con của chính mình.

> *Đàn bà và đàn ông không nên cưới nhau, vì tình yêu cũng giống như các mùa vậy - cứ đến rồi lại đi.*
>
> • **YANG ERCHE NAMU, *(phụ nữ Mosuo)***

Vùng núi quanh hồ Lugu, gần ranh giới giữa hai tỉnh Vân Nam và Tứ Xuyên của Trung Quốc, là nơi sinh sống hàng thế kỷ nay của khoảng 56.000 người với một hệ thống gia đình đã khiến các du khách và các học giả vừa bối rối, vừa vô cùng thích thú. Người Mosuo tôn hồ Lugu là Đức Mẹ, trong khi núi Ganmo sừng sững bên trên được tôn làm Nữ thần Tình yêu. Ngôn ngữ của họ không có chữ viết, mà chỉ có *Dongba*, thứ ngôn ngữ tượng hình duy nhất vẫn còn sử dụng trên thế giới ngày nay. Họ không có từ ngữ nào chỉ sự giết người, chiến tranh, hay cưỡng hiếp. Sự thanh bình dễ chịu và đáng tôn trọng của người Mosuo đi kèm với tự do tình dục và tự trị gần như tuyệt đối cho cả nam và nữ.*

Năm 1265, Marco Polo* đi qua vùng Mosuo, sau đó khi nhớ lại hoạt động tính dục không e ngại của họ, ông viết: "Họ không cảm thấy khó chịu khi người nước ngoài, hay bất cứ người đàn ông nào khác, quan hệ với vợ, con gái, chị em gái, hay bất cứ người phụ nữ nào khác trong nhà mình. Trên thực tế, họ xem đây là một lợi ích lớn, bảo rằng thần thánh sẽ sẵn sàng gia ơn và ban cho họ vô số của

cải vật chất. Vì thế họ hào phóng chia sẻ phụ nữ với người ngoài." "Nhiều lần", Polo viết, chỉ cần nháy mắt và ra hiệu, "một người nước ngoài đã đắm mình trên giường suốt ba bốn ngày với vợ của một tay khờ tội nghiệp."

Là đàn ông Ý, Polo hoàn toàn hiểu sai bản chất cấu trúc gia đình của người Mosuo. Ông nhầm tưởng sự sẵn sàng về mặt tình dục của phụ nữ là một món hàng do đàn ông điều khiển, trong khi trên thực tế, đặc điểm đáng ngạc nhiên nhất của hệ thống Mosuo chính là sự tự chủ tình dục được tất cả các thành viên trưởng thành, cả phụ nữ lẫn đàn ông bảo vệ mãnh liệt.

Người Mosuo gọi cách sắp đặt của mình là *sese*, nghĩa là "đi". Như dự tính, hầu hết các nhà nhân học đều nhầm khi gọi hệ thống Mosuo là "cưới đi", và đưa người Mosuo vào danh sách rất hoàn chỉnh những nền văn hóa có tập quán "hôn nhân". Bản thân người Mosuo không nhất trí với cách miêu tả này về hệ thống của mình. "Dù có tưởng tượng đến mức nào đi nữa thì *sese* cũng không phải là hôn nhân", Yang Erche Namu, một phụ nữ Mosuo đã xuất bản hồi ký về thời thơ ấu bên bờ Hồ Mẹ* của mình. "*Sese* chỉ là cách thức viếng thăm và chẳng liên quan gì đến việc thề thốt, trao đổi tài sản, chăm sóc trẻ em, hay kỳ vọng chung thủy." Ngôn ngữ Mosuo không có từ nào để chỉ *vợ* hay *chồng*, chỉ có từ *azhu*, nghĩa là *bạn bè*.

Người Mosuo theo mẫu hệ và làm nông nghiệp, tài sản và tên gọi gia đình được truyền từ mẹ sang con gái, vì vậy gia đình tập trung quanh phụ nữ. Khi con gái trưởng thành ở khoảng 13, 14 tuổi, cô được sở hữu một phòng ngủ riêng mở cả vào sân trong của nhà mình lẫn ra ngoài đường bằng một cánh cửa riêng. Con gái Mosuo được toàn quyền tự quyết đối với người nào bước qua cánh cửa riêng này vào *babahuago* (phòng hoa) của cô. Luật lệ nghiêm khắc

duy nhất là khách của cô phải ra đi trước lúc mặt trời mọc. Đêm tiếp theo - hoặc muộn hơn trong đêm đó - cô có thể có một tình nhân khác nếu muốn. Người ta không kỳ vọng vào bất cứ cam kết nào, và bất cứ đứa trẻ nào cô có đều sẽ được nuôi trong ngôi nhà của mẹ cô, với sự giúp đỡ của các anh em trai và của cả cộng đồng.

Nhớ lại thời thơ ấu của mình, Yang Erche Namu gần như lặp lại mô tả của Malidoma Patrice Some về thời thơ ấu của ông ở châu Phi, bà giải thích: "Lũ trẻ con chúng tôi có thể lang thang tùy thích và ghé thăm hết nhà này sang nhà khác, làng này sang làng khác, mà mẹ không cần phải lo lắng cho an toàn của chúng tôi. Tất cả người lớn đều có trách nhiệm với mọi đứa trẻ, và ngược lại mọi đứa trẻ đều kính trọng tất cả người lớn."

Trong cộng đồng người Mosuo, một người đàn ông phải có trách nhiệm làm cha với những đứa con của chị em gái của mình - trong khi những đứa trẻ này lại không phải là kết quả của những chuyến đi đêm của anh ta đến các phòng hoa. Ở đây, chúng ta bắt gặp một cộng đồng mà sự đầu tư làm cha mẹ tách rời vai trò cha mẹ sinh học. Trong tiếng Mosuo, từ *Awu* mang nghĩa là *bố* và *chú*. "Thay vì chỉ có một ông bố, trẻ em Mosuo được nhiều người chú chăm sóc. Theo đó", Yang Erche Namu viết, "Chúng tôi cũng có nhiều mẹ và gọi các dì của mình bằng cái tên *azhe Ami*, nghĩa là 'mẹ nhỏ'."

Một điểm có thể khiến nhiều nhà lý luận chính thống phải quay cuồng là quan hệ tình dục bị nghiêm khắc tách khỏi quan hệ gia đình của người Mosuo. Ban đêm, đàn ông Mosuo phải ngủ với người tình. Nếu không, họ sẽ phải ngủ ở nhà ngoài chứ không bao giờ được ở nhà chính với các chị em gái. Phong tục đã cấm nói bất cứ chuyện gì về tình yêu hay quan hệ lãng mạn trong gia đình. Mỗi người đều phải cực kỳ tuân thủ. Cả đàn ông và phụ nữ đều được

thoải mái làm những gì mình muốn trong quan hệ riêng tư, nhưng họ phải tôn trọng sự riêng tư của nhau.

Cơ chế của quan hệ *açia*, theo cách gọi của người Mosuo, là tôn trọng gần như thiêng liêng quyền tự chủ của mỗi cá nhân - dù là đàn ông hay phụ nữ. CaiHua, một nhà nhân học Trung Quốc, tác giả của cuốn *A Society without Fathers or Husbands (*tạm dịch*: Một xã hội không có bố hay chồng)*, giải thích: "Không chỉ đàn ông và phụ nữ được tự do nuôi dưỡng bao nhiêu quan hệ *açia* tùy thích và chấm dứt lúc nào cũng được, mỗi người đều có thể đồng thời có vài *açia*, dù là chỉ trong một đêm hay cả một giai đoạn dài." Các mối quan hệ này không được bảo đảm lâu dài, chỉ đến chừng nào hai người còn gặp nhau. "Khi khách rời nhà của người phụ nữ, quan hệ açia của họ được xem như chấm dứt", CaiHua cho biết. "Không có khái niệm *açia* mang nghĩa tương lai. Quan hệ *açia*... chỉ tồn tại tức thời và thuộc về quá khứ", mặc dù một cặp có thể gặp đi gặp lại bao nhiêu lần cũng được.

Phụ nữ và đàn ông Mosuo đặc biệt dâm đãng và không hề ngượng ngùng khi bảo mình có hàng trăm mối quan hệ. Theo cách nhìn của họ, hứa hẹn hoặc đòi hỏi chung thủy mới đáng xấu hổ. Lời thề chung thủy được xem là không thích hợp - đó chỉ là một nỗ lực đàm phán hoặc trao đổi. "Quan hệ açia", CaiHua viết: "là mối quan hệ thuần túy mang tính cá nhân". Đối với người Mosuo, công khai thể hiện ghen tuông bị xem là hung hăng, hoặc là tiềm tàng sự xâm phạm quyền tự chủ thiêng liêng của người khác, do đó sẽ bị chế giễu hoặc khinh thường.

Đáng buồn thay, thái độ thù địch với việc thoải mái thể hiện quyền tự chủ tình dục ở nữ giới không chỉ giới hạn trong phạm vi các nhà nhân học đầu óc hẹp hòi và các nhà thám hiểm người Ý thế

kỷ XIII, mặc dù trong lịch sử người Mosuo không hề tìm cách xuất khẩu hệ thống của mình hay thuyết phục bất cứ người nào khác về tính ưu việt trong cách tiếp cận của họ đối với tình yêu và tình dục. Từ lâu, người Mosuo đã phải gánh chịu áp lực từ ngoài ép họ từ bỏ tín điều truyền thống của mình, vốn bị người ngoài xem là có tính đe dọa. Khi người Trung Quốc xác lập toàn quyền kiểm soát khu vực này vào năm 1956, quan chức chính phủ bắt đầu ghé thăm hằng năm để tuyên truyền với người dân về những hiểm họa của tự do tình dục và yêu cầu họ chuyển sang kết hôn "bình thường".

Trong một chương trình tuyên truyền mơ hồ gợi nhớ đến bộ phim *Reefer Madness (*tạm dịch*: Điên vì cần sa)*, các đại diện của Chính phủ Trung Quốc dùng chiếc máy phát xách tay và chiếu suốt một năm bộ phim có cảnh "diễn viên mặc đồ Mosuo mắc giang mai giai đoạn cuối, phát điên và mất gần hết gương mặt". Phản ứng của khán giả không giống như mong đợi của các quan chức Trung Quốc: rạp chiếu phim tạm thời đã bị đốt trụi. Nhưng các quan chức không bỏ cuộc. Yang Erche Namu nhớ lại: "Họp hành hết đêm này sang đêm khác, họ kêu gọi, phê bình và thẩm vấn… [Quan chức Trung Quốc] phục kích đàn ông trên đường đến nhà tình nhân, lôi các cặp đôi ra khỏi giường và bắt họ trần truồng trước mắt người thân."

Khi những chiến thuật áp đặt này cũng không hiệu quả, chính quyền nhất quyết mang (hoặc biểu thị) phép tắc đến cho người Mosuo. Họ cắt đứt các nguồn cung thiết yếu về hạt giống và quần áo trẻ em. Cuối cùng, buộc phải khuất phục, nhiều người Mosuo đồng ý tham gia lễ cưới do chính quyền tài trợ, mỗi người được cấp cho "một tách trà, một điếu thuốc, mấy cái kẹo và một tờ giấy chứng nhận".

Nhưng những thủ đoạn cưỡng chế này không được lâu dài. Tác

giả du hành Cynthia Barnes ghé thăm hồ Lugu năm 2006 và nhận thấy hệ thống của người Mosuo vẫn nguyên vẹn, dù chịu áp lực từ khách du lịch Trung Quốc, giống như Marco Polo 750 năm trước, vốn hiểu nhầm sự tự chủ tình dục của phụ nữ Mosuo là mại dâm. Mặc dù thái độ không hề rụt rè đã thu hút sự chú ý của cả thế giới đến với người Mosuo, Barnes viết, "tình dục không phải là tâm điểm vũ trụ của họ." Cô viết tiếp:

Tôi nghĩ đến cuộc ly dị cay đắng của bố mẹ mình, đến những người bạn thời thơ ấu phải ly tán và bị hủy hoại vì Mẹ hay Bố quyết định ngủ với một người khác. Tôi nghĩ, hồ Lugu không hẳn là vương quốc của phụ nữ mà là vương quốc của gia đình - mặc dù họ không có các chính trị gia và nhà truyền giáo tán dương về giá trị gia đình". Không có những thứ như "gia đình tan vỡ", không có các nhà xã hội học siết tay với "bà mẹ đơn thân ", không có kiệt quệ kinh tế hay xấu hổ nhục nhã khi bố mẹ chia tay. Ngổ ngáo và tự tin, [một cô gái từ Mosuo sẽ] lớn lên trong sự yêu thương của một vòng họ hàng cả nam lẫn nữ... Khi cô tham gia nhảy múa và mời một chàng trai về phòng hoa của mình, dù đó là vì tình yêu, hay dâm dục, hay bất cứ điều gì mà mọi người gọi khi họ đang trong cơn hưng phấn, tiết ra hormone và thở gấp. Cô sẽ không cần chàng trai đó - hay bất cứ người nào khác - phải có nhà, phải xây dựng "gia đình". Cô đã biết trước là cô sẽ luôn có cả hai thứ đó.

Cách yêu và quan hệ tình dục của người Mosuo rất có thể sẽ bị hủy hoại trong những thập kỷ tới, nhưng từ đây cho đến lúc đó, sự kiên trì của họ trước áp lực thích nghi cực lớn vẫn là một ví dụ thách thức ngạo nghễ, không thể phủ nhận đối với mô tả chuẩn mực về hoạt động tính dục của loài người.

SỰ TẤT YẾU CỦA CHẾ ĐỘ PHỤ HỆ

Bất chấp những cộng đồng như người Mosuo, trong đó phụ nữ được tự chủ và đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì sự ổn định kinh tế xã hội, cùng nhiều bằng chứng khác từ hàng chục cộng đồng hái lượm trong đó phụ nữ có địa vị cao và được tôn trọng, nhiều nhà khoa học vẫn bảo thủ quả quyết rằng mọi cộng đồng đều đang và sẽ luôn tuân theo chế độ gia trưởng. Trong cuốn *Why Men Rule* (tạm dịch: *Tại sao nam giới lại nắm quyền)* (ban đầu có tên *The Inevitability of Patriarchy - (Sự tất yếu của chế độ gia trưởng*), nhà xã hội học Steven Goldberg đưa ra một ví dụ về quan điểm cực đoan này. Ông viết: "Phụ hệ là chế độ phổ quát… Thực tế, trong tất cả các thể chế xã hội, không thể chế nào mà một sự phổ quát lại được đồng thuận một cách hoàn toàn đến thế… Chưa có, hay chưa từng có, bất cứ xã hội nào thất bại dù rất mơ hồ trong việc gắn kết chính quyền và lãnh đạo trong các khu vực siêu gia đình với nam giới. Không có trường hợp ngoại lệ nào." Ngôn từ mạnh mẽ. Nhưng trong 247 trang sách, Goldberg thậm chí không hề nhắc đến người Mosuo dù chỉ một lần. Ông có đề cập đến người Minangkabau ở Tây Sumatra, Indonesia, nhưng chỉ trong một phụ lục và bằng cách trích dẫn hai đoạn từ nghiên cứu của người khác. Đoạn đầu, xuất bản từ năm 1934, nói rằng đàn ông thường được ăn trước phụ nữ. Dựa vào đó, Goldberg kết luận rằng trong xã hội Minangkabau, đàn ông có quyền lực vượt trội. Về logic, điều này cũng hệt như kết luận rằng xã hội phương Tây chắc hẳn phải là mẫu hệ bởi vì đàn ông thường mở cửa cho phụ nữ và nhường họ đi qua trước. Đoạn thứ hai được Goldberg trích dẫn là từ một tờ báo do nhà nhân học Peggy Reeves Sanday, đồng tác giả, cho rằng đàn ông Minangkabau có một mức độ quyền lực nào đó khi áp dụng các mặt

khác nhau của luật lệ truyền thống.

Có hai vấn đề lớn trong việc Goldberg trích dẫn tác phẩm của Sanday. Trước hết, không có mâu thuẫn nội tại nào giữa việc tuyên bố rằng một xã hội không phải là phụ hệ với việc nam giới được hưởng nhiều quyền lợi. Cũng như: bức tranh *Đêm đầy sao* nổi tiếng của Van Gogh không phải là một "bức tranh màu vàng", mặc dù có mấy vệt màu vàng trên đó. Vấn đề thứ hai là Peggy Reeves Sanday, nhà nhân học mà Goldberd trích dẫn, đã *kiên quyết phản đối những gì ông nêu ra*. Trên thực tế, cuốn sách gần đây nhất của ông về người Minangkabau là *Women at the Center: Life in a Modern Matriarchy* (tạm dịch: *Phụ nữ ở vị trí trung tâm: Cuộc sống trong một xã hội mẫu hệ hiện đại*).*

Từng dành hơn 20 mùa hè sống cùng người Minangkabau, Sanday cho biết: "Quyền lực của phụ nữ Minangkabau tồn tại ở khắp các lĩnh vực kinh tế và xã hội", chẳng hạn phụ nữ kiểm soát việc thừa kế đất đai và thường là anh chồng chuyển vào nhà vợ để ở. Bốn triệu người Minangkabau sống ở Tây Sumatra cũng tự xem mình là theo mẫu hệ. "Trong khi ở phương Tây chúng ta tôn vinh sự vượt trội của nam giới và cạnh tranh", Sanday nói, "người Minangkabau lại tôn vinh Mẹ Nữ hoàng trong thần thoại và sự hợp tác." Bà kể lại: "Quan hệ giữa đàn ông và phụ nữ giống những đối tác hướng tới lợi ích chung hơn là giống những đối thủ chịu sự chi phối của lợi ích cá nhân vị kỷ", và rằng cũng như các nhóm cộng đồng tinh tinh lùn, uy tín của phụ nữ tăng lên theo tuổi tác và "tập trung vào những người xúc tiến được nhiều mối quan hệ tốt đẹp..."*

Giới chuyên gia thường lỡ lời khi cố gắng tìm hiểu và thảo luận về các nền văn hóa khác. Khi các nhà nhân học tuyên bố không bao giờ tìm thấy một "chế độ mẫu hệ thực thụ", chính là họ đang mường

tượng một hình ảnh phản chiếu của chế độ phụ hệ, bằng cách đó che giấu nhiều cách thức khác nhau mà đàn ông và phụ nữ định nghĩa và sử dụng quyền lực. Chẳng hạn, Sanday nói rằng trong cộng đồng người Minangkabau, "không thể có việc đàn ông hay phụ nữ nắm quyền, bởi vì họ tin rằng quyết định phải được đưa ra trên cơ sở đồng thuận". Khi cứ liên tục hỏi xem giới nào nắm quyền, cuối cùng bà cũng nhận được câu trả lời là bà đã đặt sai câu hỏi. "Chẳng có giới nào nắm quyền cả bởi vì đàn ông và phụ nữ bổ khuyết cho nhau."*

Hãy ghi nhớ điều này khi có ai đó lớn tiếng tuyên bố tại quầy bar rằng "Phụ hệ đang là chế độ phổ quát, và từ trước đến giờ mãi luôn như vậy!" Không phải vậy và chưa bao giờ là như vậy. Nhưng thay vì cảm thấy bị đe dọa, chúng tôi đề nghị các đọc giả nam suy nghĩ về điều này: Cộng đồng nào mà phụ nữ có nhiều quyền tự chủ và quyền lực đều có xu hướng thân thiện với nam giới, thoải mái, vị tha và rất quyến rũ. Rõ chưa, các bạn? Nếu bạn không cảm thấy hài lòng với lượng cơ hội tình dục trong đời mình, cũng đừng trách phụ nữ. Hãy để họ đảm đương và xem điều gì sẽ xảy ra.

Giống như ở loài tinh tinh lùn, khi liên minh con cái là quyền lực xã hội tối thượng và bản thân mỗi con cái không cần phải sợ những anh chàng to lớn hơn mình, xã hội loài người mà trong đó phụ nữ "ngổ ngáo và tự tin" - như Barnes mô tả các cô gái Mosuo - và được tự do thể hiện suy nghĩ và tính dục của mình mà không sợ bị chế giễu hay bức hại, đều có xu hướng trở thành những nơi dễ chịu hơn đối với đa số nam giới so với những xã hội do nam giới nắm quyền. Có thể đối với các nhà nhân học nam giới phương Tây, xã hội mẫu hệ quá khó chấp nhận bởi vì họ kỳ vọng một nền văn hóa mẫu hệ phải là nơi mà đàn ông chịu đau khổ dưới gót giày cao của phụ nữ -

hình ảnh phản chiếu của quá trình nam giới áp bức phụ nữ lâu dài ở các nền văn hóa phương Tây. Thay vào đó, quan sát một xã hội nơi hầu hết nam giới đều ườn ra thoải mái và hạnh phúc, họ lại kết luận rằng đã tìm thấy một chế độ phụ hệ nữa, nghĩa là điểm này bị hiểu sai hoàn toàn.

HÀNH TRÌNH MỘT VỢ MỘT CHỒNG

Khái niệm một vợ một chồng không được nhiều người thử và mong muốn bằng số người thấy nó khó khăn và không thèm thử.

• G. K. CHESTERTON

Đỉnh cao kinh ngạc của phòng vé năm 2005 là bộ phim *Hành trình của chim cánh cụt*. Là bộ phim tài liệu mang lại nhiều doanh thu thứ hai từ trước đến nay, nó khiến người xem xúc động khi được thấy sự tận tụy tuyệt đối của các cặp chim cánh cụt khi nuôi dưỡng lũ cánh cụt con đáng yêu của mình. Nhiều khán giả như thấy cuộc hôn nhân của chính mình được phản chiếu trong sự hi sinh của lũ chim cánh cụt cho con cái và đồng loại. Theo lời một khán giả: "Không thể nào quan sát hàng nghìn con chim cánh cụt túm tụm vào nhau trong những cơn gió lạnh buốt của Nam Cực mà không cảm thấy giật mình về mối quan hệ nhân dạng". Nhà thờ trên khắp nước Mỹ đã chiếu riêng bộ phim này cho giáo đoàn của mình. Rich Lowry, biên tập viên tờ *The National Review*, phát biểu tại một hội nghị của các đảng viên Cộng hòa trẻ tuổi: "Chim cánh cụt thật sự là tấm gương lý tưởng về chế độ một vợ một chồng. Sự tận tụy của chúng thật đáng ngạc nhiên." Adam Leipzig, Chủ tịch

hãng *National Geographic Feature Films*, từng tuyên bố chim cánh cụt là "cha mẹ mẫu mực", ông tiếp tục: "Những gì chúng phải trải qua để chăm sóc con chúng thật phi thường, và bố mẹ nào chứng kiến điều đó sẽ không bao giờ phàn nàn về chuyện đưa con đi học nữa. Có những điểm tương đồng với bản chất của con người và thật cảm động khi chứng kiến những điều đó."*

Nhưng không giống như bản thân loài chim, hoạt động tính dục của chim cánh cụt lại không đơn giản. Cặp đôi chim cánh cụt hoàn hảo, "tấm gương lý tưởng về một vợ một chồng", "cha mẹ mẫu mực" chỉ chung thủy với nhau chừng nào đứa con bé bỏng của chúng ra khỏi trứng, rời mặt băng và có thể lao vào làn nước Nam Cực lạnh giá - chỉ chưa đầy một năm. Nếu đã xem bộ phim đó, bạn sẽ biết rằng với tất cả những bước di chuyển khó khăn tới lui trên mặt băng lộng gió và chúi vào nhau trước những cơn bão tuyết cuồng nộ của Nam Cực, thì có khá ít cám dỗ ngoài hôn nhân. Một khi con non đã bơi được cùng với các con 11 tháng tuổi khác - lứa tuổi tương đương với nhà trẻ - chung thủy sẽ nhanh chóng bị quên lãng, li hôn xảy ra nhanh chóng và không hề đau khổ, chim bố và chim mẹ lại quay về với đám chim cánh cụt lang thang. Khi một cá thể trưởng thành trong tuổi sinh sản sống chừng 30 tuổi trở lên, cuộc đời các bậc "cha mẹ mẫu mực" này phải từng có ít nhất vài chục "gia đình". Còn ai nói: "Tấm gương lý tưởng một vợ một chồng" nữa không?

Dù bạn thấy bộ phim này ngọt ngào đến phát ngấy hay thú vị, hãy xem thêm một bộ phim táo bạo đến trần trụi để so sánh *Hành trình của chim cánh cụt* với *Gặp gỡ nơi cùng trời cuối đất* của Werner Herzog. Bộ phim tài liệu của Herzog về Nam Cực là một kiệt tác về nhiếp ảnh với nhiều cuộc phỏng vấn với các nhân vật nổi

bật, trong đó có Tiến sĩ David Ainley, một nhà sinh thái biển rất hài hước đã nghiên cứu chim cánh cụt ở Nam Cực suốt hai thập kỷ nay. Trước cách hỏi hài hước của Herzog, Ainley cho biết đã chứng kiến các trường hợp chim cánh cụt sống tay ba, trong đó hai con trống thay nhau chăm sóc trứng cũng như "phục vụ tình dục" của một con mái, trong khi lũ chim mái nhận được những viên sỏi xây tổ tốt nhất.

Chuột đồng thảo nguyên được cho là một ví dụ mẫu mực về chế độ một vợ một chồng. Theo một bài báo, "Chuột đồng thảo nguyên - loài gặm nhấm đứng trên hai chân thuộc về bình nguyên và thảo nguyên - được xem là loài chung thủy gần như tuyệt đối. Chúng tạo thành cặp đôi sống chung tổ. Cả con đực lẫn con cái đều tích cực bảo vệ lẫn nhau, bảo vệ lãnh thổ và bảo vệ con non. Con đực tích cực làm bố và nếu một trong hai con chết đi thì con còn sống sẽ không tiếp nhận bạn tình mới nào."* Nghĩ tới cảm giác lo sợ mà Darwin gặp phải cách đây 150 năm khi ông dám so sánh con người với loài khỉ, thật kinh ngạc khi thấy sự dễ chịu của các nhà khoa học đương đại khi so sánh hành vi tình dục của người với chuột đồng thảo nguyên. Chúng ta đã từng so sánh mình với thiên thần, giờ đây lại thấy mình được phản chiếu trong loài chuột đồng thảo nguyên hèn mọn. Nhưng C. Sue Carter và Lowell L. Getz, hai người từng nghiên cứu cơ chế sinh học của chế độ một vợ một chồng ở chuột đồng thảo nguyên và nhiều loài khác trong 35 năm, lại rất rõ rằng: "Độc quyền tình dục không phải là đặc trưng của chế độ một vợ một chồng."* Thomas Insel, Giám đốc Viện Thần kinh Quốc gia (nguyên giám đốc Trung tâm Linh trưởng Yerkes) đồng thời là chuyên gia về chuột đồng thảo nguyên, nói rằng những người hiểu biết đều có quan điểm không mấy đề cao về sự chung thủy của loài

chuột đồng thảo nguyên: “Chúng ngủ với bất cứ con nào nhưng lại chỉ ngồi bên cạnh bạn tình của mình mà thôi.”*

Hẳn phải là dân Pháp.

Thế thì có một câu (lúc nào cũng dành cho phụ nữ, vì một lý do nào đó) như sau: “Nếu tìm kiếm sự chung thủy, hãy cưới một con thiên nga.”*

Vậy còn thiên nga thì sao? Đã từ lâu người ta tin rằng nhiều loài chim sống chung thủy bởi quá trình ấp trứng và nuôi con 24/7 cần đến cả hai bố mẹ. Giống như với con người, các nhà lý luận mang tư duy đầu tư cho rằng đàn ông chỉ hỗ trợ khi biết chắc chắn đấy là con đẻ của mình. Nhưng gần đây, việc thử ADN với mức giá vừa phải đã làm xuất lộ những lỗ hổng khó chịu trong câu chuyện này. Patricia Adair Gowaty, một nhà sinh thái học hành vi, cho biết, mặc dù một cặp sơn ca cùng nhau xây tổ và nuôi con nhưng bình quân có 15-20% chim non không phải là con của con đực trong mối quan hệ này. Sơn ca không phải là loài chim biết hót dâm đãng bất thường: nghiên cứu ADN ở chim non của khoảng 180 loài chim biết hót trước đây vẫn được cho là chung thủy cho thấy khoảng 90% trong số đó không hề ngoan đạo. Thiên nga, than ôi, không thuộc về thiểu số đoan chính. Vậy nên nếu bạn tìm kiếm sự chung thủy thì hãy quên thiên nga đi nhé!

* * *

Đấy là một đặc trưng lạ lùng cho một giống loài quá ư ưa thích hoạt động tình dục ngoài vợ chồng. Chất keo gắn kết mô tả chuẩn mực chính là giả định cho rằng từ *cưới* và từ *giao cấu* có chung

nghĩa khi dùng, giống như từ *ăn* hay từ *sinh con*. Nhưng bất kể chúng ta sử dụng thuật ngữ gì cho mối quan hệ đặc biệt vốn được cộng đồng chấp thuận vẫn thường tồn tại giữa đàn ông và phụ nữ trên thế giới thì nó vẫn sẽ không bao giờ truyền cho vũ trụ những biến thể mà giống loài chúng ta tìm ra.

> *Phải chăng một vợ một chồng là lẽ tự nhiên? Đúng vậy... Con người gần như không bao giờ phải bị dụ dỗ mới thành đôi thành cặp. Trên thực tế, chúng ta thực hiện điều này một cách tự nhiên. Chúng ta tán tỉnh. Chúng ta say mê. Chúng ta phải lòng nhau. Chúng ta cưới. Và đại đa số chúng ta mỗi lần chỉ cưới một người. Quan hệ kết đôi là đặc trưng của con người.*
>
> **• HELEN FISHER**

"Hôn nhân", "giao phối", và "tình yêu" là những hiện tượng được xã hội xây dựng và mang rất ít hoặc không mang ý nghĩa chuyển đổi nào bên ngoài một nền văn hóa nhất định. Những ví dụ mà chúng tôi ghi lại về vô số trường hợp tình dục tập thể mang tính chất nghi lễ, trao đổi bạn tình, ngoại tình thoải mái không bị kiểm soát và tình dục liên tục được cộng đồng chấp nhận đều xuất hiện ở những nền văn hóa mà các nhà nhân học khẳng định là *một vợ một chồng* chỉ vì họ xác định rằng ở đó diễn ra thứ gọi là *hôn nhân*. Chẳng trách mà có biết bao người quả quyết rằng hôn nhân, một vợ một chồng và gia đình hạt nhân là phổ quát ở loài người. Với cách hiểu mang tính gán ghép như vậy về các khái niệm kể trên, ngay cả chuột đồng thảo nguyên, những sinh vật "ngủ với bất kỳ ai", cũng được xem là chung thủy.

10

GHEN TUÔNG: HƯỚNG DẪN NHẬP MÔN THÈM MUỐN VỢ/CHỒNG HÀNG XÓM

Trong hôn lễ truyền thống của người Canela, cô dâu và chú rể cùng nằm lên một cái chiếu, đầu gối lên tay nhau, chân quắp lấy nhau. Sau đó người cậu của mỗi bên sẽ bước tới. Ông ta khuyên cô dâu và chú rể hãy ở bên nhau cho đến khi đứa con cuối cùng trưởng thành, đặc biệt nhắc nhở họ không được ghen tuông với tình nhân của mỗi người.

• SARAH BLAFFER HRDY

Một lỗi in ấn năm 1631 đã khiến trong Kinh Thánh có lời tuyên bố thế này: "Ngươi được ngoại tình."* Mặc dù không phải là huấn thị của Kinh Thánh, sợi chỉ xuyên suốt nhiều ví dụ mà chúng tôi đưa ra về S.E.EX (Trao đổi tình dục-xã hội, nếu bạn đã quên mất) là lệnh cấm triệt để quan hệ với (các) bạn tình quen thuộc, thậm chí đôi khi còn bị dọa xử tử. Sao lại thế được nhỉ?

Vì những nghi lễ này đã phát triển ở các nền văn hóa khác nhau trên thế giới nên chúng hẳn phải thực hiện những chức năng quan trọng. Mâu thuẫn nội tại cho thấy một mối đe dọa sống còn đối với

các nhóm phụ thuộc lẫn nhau một cách chặt chẽ như các nhóm mà tổ tiên chúng ta đã sống suốt hàng nghìn thế hệ. Trở thành nghi lễ, được cộng đồng ủng hộ, thậm chí đôi khi còn bắt buộc, S.E.EX giảm bớt tình trạng chia rẽ do ghen tuông và sở hữu gây ra, trong khi cũng làm mờ vai trò làm cha. Không đáng ngạc nhiên khi trong các cộng đồng quy mô nhỏ phụ thuộc nhiều vào niềm tin giữa các cá nhân, chính sự độ lượng và hợp tác đã đưa ra và thúc đẩy nhiều cách tăng cường những phẩm chất này, đồng thời ngăn chặn các hành vi và tín điều đe dọa sự hòa thuận trong nhóm cũng như sự sống còn của các thành viên.

Cần nhắc lại rằng chúng tôi không viện đến bất cứ điều cao quý nào, hay sự thấp hèn nào của người hái lượm. Một số hành vi dường như bình thường với chúng ta (do vậy sẵn sàng được xem là phổ quát) sẽ nhanh chóng phá hủy nhiều cộng đồng hái lượm quy mô nhỏ bằng việc làm chúng đánh mất chức năng của mình. Đặc biệt, lợi ích cá nhân không bị kiểm soát, dù là được thể hiện dưới hình thức tích trữ thực phẩm hay sở hữu tình dục quá mức, đều đe dọa trực tiếp tới sự gắn kết tập thể, vì vậy bị xem là đáng xấu hổ và lố bịch.

Có nghi ngờ nào cho rằng xã hội ngụy trang những thôi thúc như vậy không?

Ngay bây giờ, những chiếc vòng đồng đang kéo dài cổ các cô gái ở nhiều vùng thuộc Thái Lan và Myanmar. Tại các ngôi làng ở khắp Bắc Phi, âm vật bị cắt bỏ và môi âm hộ bị khâu lại, trong khi ở thế giới phát triển, *thu nhỏ tầng sinh môn* và các hình thức phẫu thuật thẩm mỹ âm hộ khác gần đây đã trở thành một ngành rất phát đạt. Ở nơi khác, dương vật của bé trai bị cắt bao quy đầu hoặc bị tách ra trong nghi lễ rạch dương vật. Bạn hiểu vấn đề rồi đấy.

Một số bộ tộc thổ dân châu Mỹ ở đồng bằng thượng nguồn có một định nghĩa thống nhất về cái đẹp, theo đó họ dùng những tấm ván gỗ nhỏ kẹp vào phần trán vẫn còn mềm của trẻ sơ sinh*. Khi đứa trẻ lớn lên, các tấm gỗ sẽ bị siết chặt lại, giống như nha sĩ chỉnh khớp cắn, từng chút từng chút một. Không rõ mức độ tổn hại cho não, nếu có, mà tập quán này gây ra đến mức nào, nhưng những cái đầu hình nón kỳ lạ đã dọa cho các bộ tộc láng giềng và những kẻ lột lông thú da trắng trong vùng sợ phát khiếp.

Rất có thể đó là cái giá phải trả. Nếu vẻ bề ngoài lạ lùng mang lại cho họ lợi thế bảo vệ mà nếu không làm thế thì họ sẽ không có được, không khó để nhận ra những tuyên bố thời trang như thế có thể phát triển đến mức nào. Từ nếm bia nước bọt hay sữa quấy máu bò đến mang vớ đi dép, chẳng mấy ai nghi ngờ rằng mọi người sẵn sàng nghĩ, cảm nhận, mặc, làm và tin gần như mọi việc nếu như xã hội của họ thuyết phục được họ rằng điều đó là *bình thường*.

Những thế lực xã hội thuyết phục mọi người vươn cổ ra quá điểm gãy, ép đầu trẻ sơ sinh, hoặc đẩy con gái vào nghi lễ hiến dâng thiêng liêng đều có khả năng ngụy trang hoặc trung hòa ghen tuông tình dục bằng cách xem đó là điều ngớ ngẩn và lố bịch. Bằng cách cho đó là *bất bình thường*.

Cách giải thích theo hướng tiến hóa đối với cơn ghen tình dục của nam giới, như chúng ta đã thấy, xoay quanh hệ phương trình di truyền làm bệ đỡ cho sự chắc chắn làm cha. Nhưng nếu là vấn đề di truyền, một người đàn ông sẽ không mấy lo lắng về chuyện vợ mình quan hệ với các anh em trai - những người có chung một nửa số gene của anh ta - bằng với đàn ông lạ. Các quý ông, các ông có thấy đỡ khó chịu hơn khi thấy vợ mình lên giường với thằng anh/ em trai chứ không phải với một kẻ hoàn toàn xa lạ không? Các quý bà, các

bà sẽ thích hơn khi thấy chồng mình cặp bồ với chị/em gái của mình chứ? Chắc chắn không.

TÌNH DỤC TỔNG-BẰNG-KHÔNG

Chúng ta đã nhắc đến David Buss trong cuộc thảo luận về chiến lược giao cấu hỗn hợp trước đó, nhưng đa phần các công trình của ông đều nghiên cứu đề tài ghen tuông. Buss không ủng hộ quan điểm chia sẻ thức ăn hay bạn tình, ông lý giải cả hai theo phương diện khan hiếm: "Nếu không có đủ thức ăn cho toàn bộ thành viên trong nhóm", ông viết, "một số người sống sót trong khi những người khác bỏ mạng." Tương tự: "Nếu hai phụ nữ cùng muốn một người đàn ông thành công của người này trong việc hấp dẫn anh ta là thất bại của người còn lại." Ông cho tiến hóa là "một trò chơi tổng-bằng-không, mà kẻ thắng giành được trong sự trả giá của kẻ thua".

Tranh luận về bản chất của hoạt động tính dục ở loài người thường giống như một cuộc chiến tranh ủy nhiệm giữa các triết lý kinh tế-chính trị đối nghịch nhau. Dường như những kẻ bảo vệ mô tả chuẩn mực thắng còn bạn thua, chấm hết. "Đời là thế đấy con ạ", họ sẽ nói với bạn như vậy. "Bản chất con người là vậy. Tư lợi thúc đẩy thế giới vận hành, hãy tự vươn lên, thân ai người ấy lo",... "Cuộc thi tiến hóa là một trò chơi tổng-bằng-không", Buss viết, "mà kẻ thắng giành được trong sự trả giá của kẻ thua."

Theo quan điểm thị trường tự do, hoạt động giao cấu của con người xoay quanh giả định cho rằng chung thủy tình dục là cốt lõi của bản chất con người. Thiếu vắng chế độ một vợ một chồng (một người nam "sở hữu" khả năng sinh sản của một người nữ), trạng thái đối nghịch tôi-được-anh-thua sẽ sụp đổ. Như chúng tôi đã

phác ra ở trên, Buss và đồng nghiệp né tránh nhiều lỗi rõ ràng trong lý thuyết này (ngoại tình tràn lan ở mọi nền văn hóa, lang chạ bừa bãi ở cả hai người họ hàng linh trưởng gần nhất với chúng ta, không có bất cứ loài linh trưởng chung thủy nào sống thành cộng đồng lớn) với logic xoắn và lời biện hộ đặc biệt về "chiến lược giao cấu hỗn hợp" vốn tự nó mâu thuẫn, và với sự tự hủy diệt của *Homo sapiens*. Xoắn và duỗi.

Buss đã thực hiện rất nhiều cuộc nghiên cứu về giao thoa văn hóa để tìm cách khẳng định rằng đàn ông và phụ nữ trải nghiệm cơn ghen khác nhau, nhưng theo cách riêng phù hợp của giới. Các nghiên cứu này tuyên bố đã xác nhận hai giả định quan trọng thuộc về mô tả chuẩn mực: đàn ông thường lo lắng về sự chắc chắn của vai trò làm cha (theo đó, sự chung thủy tình dục của bạn tình là nỗi lo chính của anh ta), trong khi phụ nữ lại thường lo lắng tìm cách tiếp cận nguồn tài nguyên của đàn ông (do vậy cô ta sẽ thấy bị đe dọa nhiều hơn trước bất cứ sự thân mật cảm xúc nào có thể thôi thúc anh ta bỏ mình để theo một người phụ nữ khác).

Trong một nghiên cứu điển hình của cuộc nghiên cứu này, Buss và đồng nghiệp đã yêu cầu 1.122 người hãy hình dung đến cảnh bạn tình của mình quan tâm đến người khác. Họ hỏi: "Điều gì sẽ khiến bạn khó chịu hoặc đau khổ hơn: (a) hình dung bạn tình của mình xây dựng một mối quan hệ tình cảm (nhưng không phải tình dục) sâu sắc với người đó, hoặc (b) hình dung bạn tình của mình thích mối quan hệ tình dục (nhưng không phải tình cảm) với người đó? Những nghiên cứu như thế được tiến hành trong khuôn viên đại học ở Mỹ và châu Âu, Buss và đồng nghiệp trước sau đều nhận được những kết quả tương tự. Họ thấy rằng câu trả lời của đàn ông và phụ nữ khác nhau khoảng 35%, điều này có vẻ khẳng định cho

giả thuyết của họ. Buss viết, "Phụ nữ tiếp tục bộc lộ sự khó chịu nhiều hơn đối với sự thiếu chung thủy về mặt tình cảm của bạn tình, ngay cả khi không dính dáng đến tình dục. Đàn ông tiếp tục thể hiện khó chịu nhiều hơn phụ nữ về sự thiếu chung thủy tình dục của bạn tình, ngay cả khi không liên quan đến cảm xúc".

Mặc dù được tiến hành với diện đối tượng rộng đến từ nhiều nền văn hóa, nhưng nghiên cứu này vẫn thiếu chiều sâu phương pháp luận. Buss và các đồng nghiệp phải chịu thua trước sự cám dỗ đã làm suy yếu rất nhiều nghiên cứu về hoạt động tính dục: dựa vào đối tượng mang tính thuận tiện hơn là đại diện. Gần như tất cả những người tham gia vào các nghiên cứu này đều là sinh viên đại học. Chúng ta hiểu rằng sinh viên năm cuối rất dễ để các sinh viên đã tốt nghiệp và giáo sư sắp đặt và tác động (bằng cách thưởng cho một phần tín chỉ nếu điền vào bảng câu hỏi), nhưng *điều này không biến họ trở thành đại diện xác đáng cho hoạt động tính dục loài người*. Đừng hòng. Ngay cả trong các nền văn hóa phương Tây được cho là tự do, những người ở độ tuổi đại học đang ở giai đoạn đầu của quá trình phát triển tình dục-xã hội có rất ít, nếu có, kinh nghiệm để rút ra khi cân nhắc những vấn đề như tình một đêm, lựa chọn bạn tình lâu dài, hay số đối tác tình dục lý tưởng trọn đời - tất cả mọi vấn đề được khảo sát trong nghiên cứu của Buss.

Nhưng không phải chỉ có Buss. Đa số nghiên cứu về hoạt động tính dục đều dựa trên câu trả lời của các sinh viên đại học Mỹ tuổi từ 18 đến 22. Trong khi người ta có thể giải thích tại sao một chàng trai 22 tuổi vẫn ít nhiều điểm giống một người đàn ông 50 tuổi được tăng áp tốt, ít người dám nói rằng một phụ nữ 20 tuổi có nhiều điểm chung về phương diện tình dục với một phụ nữ già hơn mình 30 tuổi. Đa số đều nhất trí rằng hoạt động tính dục của phụ nữ

thay đổi nhiều trong suốt tuổi trưởng thành.

Một vấn đề nữa khi sử dụng sinh viên đại học cho loại hình nghiên cứu đa văn hóa mà Buss tiến hành liên quan đến việc phân lớp. Ở các nước đang phát triển, sinh viên đại học chắc chắn xuất thân từ giới thượng lưu. Có thể một sinh viên Angola giàu có sẽ có nhiều điểm chung với một sinh viên năm cuối Bồ Đào Nha hơn là với một người nào đó có cùng tầm tuổi trong các khu ổ chuột ở Luanda. Nghiên cứu điền dã của chúng tôi ở châu Phi cho thấy tín niệm và hành vi tình dục của các tầng lớp xã hội và tiểu văn hóa ở đây có rất nhiều sự khác biệt - cũng như ở các nơi khác trên thế giới.*

Ngoài việc bóp méo ảnh hưởng của tuổi tác và tầng lớp, Buss cùng đồng nghiệp cũng bỏ qua thực tế quan trọng là mỗi đối tượng nghiên cứu của họ đều sống trong các cộng đồng hậu nông nghiệp với những đặc trưng như tư hữu, phân cấp chính trị, truyền hình toàn cầu, vân vân. Làm sao để chúng ta nhận ra "những điểm phổ quát của con người" nếu không đưa vào khảo sát ít nhất vài người hái lượm, mà suy nghĩ và hành vi của những người đó không phải được hình thành từ tác động của đời sống hiện đại, và cái nhìn của họ lại tiêu biểu cho hơn 95% trải nghiệm của giống loài chúng ta? Như chúng tôi đã chứng minh, rất nhiều nghiên cứu về người hái lượm cho thấy nhiều những tương đồng quan trọng giữa các cộng đồng không liên quan đến nhau và nhiều những khác biệt lớn giữa các chuẩn mực hậu nông nghiệp. Người Thụy Điển và giới thượng lưu Nigeria có thể tự cho họ là rất khác nhau, nhưng từ cái nhìn của người hái lượm thì có vẻ họ giống nhau rất nhiều.

Phải thừa nhận, chẳng dễ dàng gì để rải bản câu hỏi và bút chì ngòi 2B cho người hái lượm ở vùng Thượng Amazon. Mặc dù vậy,

sự khó khăn hoặc bất khả trong việc đưa cái nhìn của họ vào chẳng giảm bớt tầm quan trọng sống còn của nó đối với tính toàn vẹn của loại nghiên cứu này. Mô hình nghiên cứu rộng nhưng nông cạn này cũng giống như tuyên bố đã khám phá ra "những sự thật về cá nói chung" sau khi tiến hành nghiên cứu cá ở các con sông trên thế giới. Thế còn hồ nuôi cá thì sao? Ao thì sao? Đại dương thì sao?

Nhà tâm lý học Christine Harris đã nhận ra những kết luận của Buss rất có thể chỉ là khẳng định lại một tin cũ: rằng "đàn ông dễ phản ứng với bất cứ dạng kích thích tình dục nào hơn là với kích thích cảm xúc (và) quan tâm, hoặc đàn ông cũng dễ bị kích thích khi tưởng tượng đến những nhân tố kích thích như vậy". Nói cách khác, đàn ông kích động nhiều hơn với tình dục, đơn giản vì họ tưởng tượng điều đó rõ ràng hơn phụ nữ.

Khi Harris đo lường phản ứng cơ thể của những người trả lời câu hỏi của Buss, bà thấy rằng "khi ở trong nhóm, phụ nữ thể hiện ít khác biệt trong các phản ứng sinh lý", nhưng họ vẫn gần như nhất trí với dự đoán rằng thiếu chung thủy về mặt cảm xúc sẽ khó chịu hơn. Phát hiện này đem lại một sự tách rời thú vị giữa những gì phụ nữ thật sự cảm nhận được và những gì họ nghĩ mình nên cảm nhận về sự chung thủy của bạn tình (sau này chúng tôi sẽ nói thêm về vấn đề này).

Các nhà tâm lý học David A. DeSteno và Peter Salovey còn tìm thấy thêm nhiều lỗi cơ bản trong nghiên cứu của Buss, như chỉ ra rằng các đối tượng đã sử dụng hệ thống niềm tin khi trả lời các câu hỏi về ngoại tình giả thiết. Họ thấy rằng "niềm tin rằng sự không chung thủy cảm xúc bao hàm sự không chung thủy tình dục ở phụ nữ là lớn hơn hẳn so với đàn ông", vì vậy, "lựa chọn giữa thiếu chung thủy tình dục và thiếu chung thủy cảm xúc (ở tâm điểm

nghiên cứu của Buss) là sự phân nhánh giả tạo…”*

David A. Lishner và đồng nghiệp phàn nàn về một khuyết điểm khác: thực tế là các đối tượng chỉ được cung cấp hai lựa chọn: thiếu chung thủy tình dục hay thiếu chung thủy cảm xúc gây tổn thương nhiều hơn. Lishner hỏi, điều gì xảy ra nếu cả hai kịch bản khiến cho các đối tượng cảm thấy tổn thương như nhau? Khi Lishner đưa lựa chọn thứ ba này vào, ông thấy đa số người tham gia đều trả lời rằng hai hình thức thiếu chung thủy đều gây đau khổ như nhau, vậy là lại chất thêm nghi ngờ lên các kết luận của Buss.*

Có thể đúng khi Buss và các nhà tâm lý học tiến hóa khác lập luận rằng một số mức độ ghen tuông nào đó là một phần bản chất của con người, nhưng họ đang vung tay quá trán khi phổ quát hóa phát hiện của mình cho tất cả mọi người, mọi nơi, mọi lúc. Bản chất con người được tạo nên từ nguyên liệu có sức phản ánh cao. Nó là một tấm gương - phải thừa nhận là mang theo những vết xước xát và đứt gãy di truyền không loại bỏ được - nhưng dù sao thì vẫn là tấm gương. Đối với gần như tất cả mọi người, thực tế nhiều khi là những gì người ta nói như vậy. Giống như đa phần mọi thứ khác, ghen tuông phản ánh sự biến đổi của xã hội, nhưng sự ghen tuông đó sẽ giảm đến mức bé xíu nếu như cả xã hội đồng thuận xem nó là bình thường.*

Đối với người Siriono ở Bolivia, ghen tuông có xu hướng tăng cao không phải vì một trong hai người có tình nhân, mà vì người đó dành *quá nhiều thời gian và năng lượng* cho tình nhân. Theo nhà nhân học Allan Holmberg: “Tình yêu lãng mạn là một khái niệm xa lạ với người Siriono. Giống như đói, tình dục là một dồn nén cần được giải tỏa. Cách diễn đạt *secubi* (“tôi thích”) được sử dụng để chỉ tất cả những gì người Siriono thích, dù là thức ăn, trang sức, hay

bạn tình. Trong khi "tất nhiên là có những quan niệm nhất định về hạnh phúc tình dục", Holmberg thấy rằng, "nhưng trong điều kiện khao khát thì chúng chẳng là gì, và người Siriono hài lòng khi tuân theo với nguyên tắc "buồn ngủ vớ được chiếu manh".*

Nhà nhân học William Crocker cho rằng các ông chồng người Canela không hề ghen tuông, ông viết: "Dù các ông chồng Canela có nói thật về việc quan tâm hay không thì họ vẫn cùng với các thành viên khác khích lệ vợ mình tôn vinh phong tục nghi lễ tình dục với ít nhất 20 người đàn ông trong những buổi lễ toàn cộng đồng..." Giờ thì bất kỳ ai có thể giả vờ không ghen khi vợ làm tình với ít nhất 20 gã đàn ông đều là người mà bạn không muốn cùng đánh bài trên bàn poker đâu*.

Các nền văn hóa mà chúng tôi vừa điểm qua, từ những khu rừng ẩm thấp ở Brazil đến những chân đồi ven hồ ở Himalaya, mỗi nơi đều phát triển cơ chế kiểm soát ghen tuông và sở hữu tình dục. Nhưng điều ngược lại cũng xảy ra. Một số nền văn hóa tích cực khích lệ theo hướng sở hữu.

LÀM THẾ NÀO ĐỂ BIẾT MỘT CHÀNG TRAI YÊU MỘT CÔ GÁI

Được viết bởi Percy Sledge và lần đầu tiên thu âm vào năm 1966, *When a Man Loves a Woman* lập tức trở thành ca khúc ăn khách. Bài hát vọt lên đầu cả bảng xếp hạng Billboard Hot 100 lẫn R&B. Một bản thu khác, của Michael Bolton sau đó 25 năm, cũng vọt thẳng lên đầu các bảng xếp hạng, và bây giờ bài hát này giữ vị trí số 54 trong danh sách 500 bài hát hay nhất mọi thời đại của Rolling Stone. Trên truyền thông phương Tây, không có gì nổi bật hơn tình yêu và tình dục, và *When a Man Loves a Woman* là một ví

dụ về thông điệp thì thầm vào những đôi tai lãng mạn trên khắp thế giới.

Percy Sledge phải nói gì về tình yêu của một chàng trai dành cho một cô gái? Tín hiệu tình yêu đích thực của một chàng trai là gì? Vì bản quyền nên chúng tôi không thể trích dẫn đầy đủ lời bài hát, nhưng hầu hết các độc giả đều thuộc lòng từng chữ. Điểm lại nhé:

Khi chàng trai yêu cô gái:

Chàng bị ám ảnh và không thể nghĩ tới bất cứ điều gì khác.

Chàng sẽ đánh đổi bất cứ điều gì, kể cả thế giới này, để được bên nàng.

Chàng mù quáng trước bất cứ lỗi lầm nào của nàng và sẽ bỏ rơi ngay cả người bạn thân nhất nếu người bạn đó tìm cách cảnh báo về nàng.

Chàng sẽ dốc hết tiền bạc mình có để cố gắng thu hút sự chú ý của nàng.

Và cuối cùng nhưng rất quan trọng, chàng sẽ ngủ dưới mưa nếu nàng bảo chàng phải làm vậy.

Chúng tôi muốn đề xuất một nhan đề khác cho bài hát này: *Khi chàng trai trở nên ám ảnh một cách bệnh hoạn, hi sinh tất cả lòng tự trọng và nhân phẩm của mình bằng cách tự làm mình trở nên ngớ ngẩn (và đằng nào cũng đánh mất cô gái bởi thật ra ai lại muốn có một bạn trai ngủ dưới trời mưa?)*

Tương tự, *Every Breath You Take* chiếm vị trí đáng nể thứ 84 trong danh sách những bài hát hay nhất mọi thời đại của Rolling Stone. Là một trong những ca khúc nổi tiếng nhất năm 1983, bài hát này đứng đầu các bảng xếp hạng của nước Anh suốt một tháng và các bảng xếp hạng của Mỹ suốt hai tháng. Nó giành danh hiệu

Bài hát của năm còn ban nhạc The Police giành Giải Grammy của năm đó cho hạng mục *Trình diễn nhạc Pop xuất sắc nhất*. Đến nay, bài hát đã có hơn 10 triệu lượt đăng ký nghe trên các trạm radio khắp thế giới. Một lần nữa, chúng tôi cho rằng bạn hiểu các từ này. Nhưng bạn đã bao giờ thật sự lắng nghe chúng hay chưa? Mặc dù vẫn thường được nhắc tới như là một trong những bản tình ca của mọi thời đại, *Every Breath You Take* lại không hề nói tới tình yêu. Là lời của một chàng trai bị một cô gái từ chối, khi cô không chịu công nhận rằng cô thuộc về anh, anh nói rằng anh sẽ theo cô từng bước, quan sát từng cử chỉ của cô, xem đêm đến cô ngủ với ai…

Đây mà là một bản tình ca ư? Nó nên được đứng hàng đầu trên bảng xếp hạng "Những bài hát Bám đuôi Điên rồ & Nguy hiểm". Ngay cả Sting, tác giả bài hát này sau khi tỉnh giấc giữa đêm khi dòng chữ "từng hơi thở em từng bước chân em" hiện lên trong tiềm thức, mãi về sau cũng không nhận ra "(bài hát này) tai hại thế nào". Trong một cuộc trả lời phỏng vấn, ông cho rằng có lẽ ông đang nghĩ đến tác phẩm 1984 của George Orwell - một cuốn tiểu thuyết viết về giám sát và kiểm soát - chắc chắn không phải là tình yêu.

* * *

Vậy thì ghen tuông có phải là *tự nhiên* hay không? Còn tùy. Sợ hãi chắc chắn là tự nhiên rồi, và giống như bất cứ cảm giác bất an nào khác, ghen tuông là một biểu hiện của sợ hãi. Liệu đời sống tình dục có khơi dậy phản ứng sợ hãi hay không lại phụ thuộc vào việc tình dục được định nghĩa thế nào trong một xã hội, quan hệ và tính cách cá nhân cụ thể.

Đứa con đầu lòng thường cảm thấy ghen tức khi em nó ra đời. Bố mẹ khôn ngoan thì để ý an ủi đứa trẻ rằng nó sẽ luôn luôn đặc biệt, rằng em bé không đe dọa chút nào đến vị trí của nó, và có rất nhiều tình yêu dành cho mỗi đứa trẻ. Tại sao lại có thể dễ dàng tin rằng tình yêu của mẹ không phải là vấn đề tổng-bằng-không, nhưng tình yêu dục tính lại là một nguồn tài nguyên hữu hạn? Nhà sinh học tiến hóa Richard Dawkins đặt ra một câu hỏi thích đáng bằng một cách lịch thiệp đặc trưng: "Phải chăng quá rõ là bạn không thể yêu được nhiều hơn một người? Dường như chúng ta giải quyết được điều này bằng tình yêu cha mẹ (cha mẹ bị chê trách nếu như ít nhất họ không giả vờ yêu thương con cái như nhau), tình yêu sách vở, thức ăn, rượu vang (tình yêu dành cho Chateau Margaux không ngăn được tình yêu dành cho một ly Hock loại ngon, và chúng ta không cảm thấy phản bội vang đỏ khi chúng ta mân mê vang trắng), tình yêu dành cho các nhà soạn nhạc, nhà thơ, các bãi biển nghỉ mát, bạn bè... tại sao tình yêu tính dục lại là ngoại lệ duy nhất mọi người lập tức thừa nhận mà không hề suy nghĩ về nó?"

Thật ra là tại sao? Sự phổ biến và trải nghiệm ghen tuông bị tác động như thế nào ở các cộng đồng phương Tây nếu như điều kiện văn hóa giảm thiểu hoặc thử loại bỏ sự phụ thuộc kinh tế của đại đa số phụ nữ và con cái của họ, và nếu như hoạt động tính dục ở phụ nữ không phải là một mặt hàng bị kiểm soát chặt chẽ? Điều gì sẽ xảy ra nếu như sự đảm bảo kinh tế và thứ tình bạn tình dục không tội lỗi có sẵn cho hầu hết đàn ông và phụ nữ như ở nhiều cộng đồng mà chúng tôi vừa thảo luận, cũng như ở những người bà con linh trưởng gần gũi nhất với chúng ta? Điều gì sẽ xảy ra nếu như không một phụ nữ nào phải lo lắng rằng khi mối quan hệ đổ vỡ sẽ đẩy cô ta cùng con cái vào cảnh túng thiếu và tổn thương? Điều

gì sẽ xảy ra nếu những anh chàng bình thường biết rằng họ sẽ không bao giờ phải lo lắng về chuyện tìm được một ai đó để yêu? Sẽ ra sao nếu tất thảy chúng ta lớn lên mà không phải nghe thấy rằng *tình yêu đích thực* rất ám ảnh và mang tính sở hữu? Sẽ ra sao nếu, giống như người Mosuo, chúng ta tôn trọng đức hạnh và quyền tự quyết của những người chúng ta yêu thương? Điều gì sẽ xảy ra nếu, nói cách khác, tình dục, tình yêu và sự đảm bảo kinh tế cũng có sẵn với chúng ta như với tổ tiên chúng ta trước đây?

Nếu sợ hãi bị đưa ra khỏi ghen tuông thì điều gì còn lại?

> *Con người sẽ hạnh phúc hơn - không phải khi họ có thể chữa được bệnh ung thư, lên sao Hỏa, xóa bỏ nạn phân biệt chủng tộc hay xả nước hồ Erie - mà là khi họ tìm được cách sống lại trong các cộng đồng nguyên thủy. Đấy là xã hội không tưởng của tôi.*
>
> **• KURT VONNEGUT**

E. O. Wilson từng viết rằng: "Tất cả những gì chúng ta có thể phỏng đoán về lịch sử di truyền của loài người đều biện luận cho một đạo lý tình dục tự do hơn, trong đó các tập quán tình dục trước tiên đều được xem là phương thức kết nối, tiếp đến mới là phương tiện sinh sản." Chúng tôi đồng ý. Nếu hoạt động tính dục loài người ban đầu phát triển thành cơ chế gắn kết nội tại của các nhóm phụ thuộc lẫn nhau, trong đó sự chắc chắn về vai trò làm cha chỉ là một vấn đề nhỏ (nếu được xem là vấn đề), vậy thì cách hiểu đúng đắn về tiến hóa tình dục loài người là điều đáng ăn mừng. Giả định lỗi thời - cho rằng phụ nữ luôn đánh đổi đặc ân tình dục cho đàn ông lấy sự hỗ trợ chăm sóc con cái (bắt đầu ít nhất chín tháng sau), thức ăn,

bảo vệ và phần còn lại của nó - sụp đổ khi tiếp xúc với nhiều cộng đồng trong đó phụ nữ không cần phải đàm phán về những thương vụ như vậy. Không những không phải là cách giải thích được ủng hộ về quá trình chúng ta tiến hóa ra sao, mô tả chuẩn mực còn phơi bày một thiên kiến đạo đức đương đại được phản chiếu trên màn hình tiền sử xa xôi. Nó lý giải hiện tại nhưng lại che giấu quá khứ. Yabba dabba doo*.

PHẦN III

BỊ HOBBES CẢN TRỞ

Một trong những chủ đề trung tâm trong tranh luận của chúng tôi là hành vi tình dục loài người phản ánh cả xu hướng tiến hóa lẫn bối cảnh xã hội. Như vậy, ý thức về thế giới cộng đồng hằng ngày, trong đó các xu hướng tình dục con người tiến hóa, là điều thiết yếu để thấu hiểu chúng. Khó mà tưởng tượng được các hình thái xã hội công xã, hợp tác mà chúng ta hình dung lại đã tồn tại rất lâu trong kiểu thế giới mà Hobbes mô tả, mang đặc trưng "*bellum omnium contra omnes*" (tạm dịch: *Cuộc chiến tất cả chống lại tất cả*). Quan điểm được chấp nhận rộng rãi về đời sống con người tiền sử được tóm tắt trong tuyên bố ngắn gọn của Hobbes: "cô độc, nghèo nàn, bẩn thỉu, tàn bạo và ngắn ngủi".

Đã xác minh rằng cuộc sống con người tiền sử mang tính cộng đồng cao và rõ ràng không cô độc, bây giờ chúng tôi giải quyết nhanh các yếu tố khác trong mô tả của Hobbes bằng bốn chương tiếp theo, trước khi sẽ thảo luận trực tiếp hơn về nguyên liệu tình dục công khai. Chúng tôi hy vọng những độc giả ban đầu quan tâm đến tình dục sẽ kiên nhẫn với chúng tôi trong mấy chương tiếp theo vì hai lý do. Trước hết, bạn gần như chắc chắn sẽ học được điều gì đó làm thay đổi quan điểm của bạn về thời tiền sử. Thứ hai, những gì lúc đầu tỏ ra chệch hướng thực ra lại là con đường tắt dẫn tới cái

nhìn rõ hơn về đời sống hằng ngày thời tiền sử sẽ giúp bạn hiểu rõ hơn về nguyên liệu sau đó, cũng như thế giới hiện đại quanh bạn.

11

NGƯỜI NGHÈO VẪN LUÔN Ở CÙNG CHÚNG TA?

Vấn đề là, thưa, quý bà và quý ông, lòng tham, do không có từ nào hay hơn, là điều tốt. Tham là đúng, tham có tác dụng. Lòng tham làm sáng tỏ và nắm giữ bản chất của tinh thần tiến hóa. Lòng tham, trong tất cả các hình dạng của nó đã đánh dấu sự trỗi dậy mạnh mẽ của loài người.

• **"GORDON GEKKO",** ***trong bộ phim Wall Street (1987)***

Điều gì tạo nên sự lạm dụng của vũ trụ? Câu hỏi này có thể trả lời bằng một từ: lòng tham. Lòng tham tạo nên cái sai đáng buồn nhất.

• **TÔN GIÁO CHÂU PHI:** ***Truyền thống đạo đức của đời sống thừa thãi, Laurenti Magesa***

Kinh tế học, "khoa học ảm đạm", đã ảm đạm ngay từ khởi đầu.

Một chiều cuối thu năm 1838, tia chớp có lẽ là sáng chói nhất từng có đã lóe lên ngay trên đầu Charles Darwin, khiến ông sững

sờ trước cái mà Richard Dawkins gọi là "ý tưởng mạnh mẽ nhất từng nảy ra với một con người". Chính tại thời điểm kỳ diệu của sự thấu suốt về chọn lọc tự nhiên, Darwin đang đọc cuốn *An Essay on the Principle of Population* (tạm dịch: *Tiểu luận về nguyên tắc dân số*) của Thomas Malthus.*

Nếu thước đo giá trị của ý tưởng là độ bền của nó qua thời gian thì Thomas Malthus xứng đáng với vị trí 80 trong danh sách *Những người có ảnh hưởng lớn nhất lịch sử* của Wikipedia. Hơn hai thế kỷ sau, khó mà tìm thấy một sinh viên kinh tế nào không biết đến lập luận đơn giản này của vị giáo sư kinh tế đầu tiên trên thế giới. Malthus lập luận rằng mỗi thế hệ *tăng theo cấp số nhân* (2, 4, 8, 16, 32...), nhưng nông dân chỉ có thể tăng nguồn cung thực phẩm theo một mức nhất định, bởi vì ruộng đồng mới được khai khẩn và năng suất được bổ sung theo cấp số cộng (1, 2, 3, 4, 5, 6...). Lập luận thuần túy này lại đưa đến kết luận tàn bạo của Malthus: nạn nhân mãn (*overpopulation)* thâm căn cố đế, sự tuyệt vọng và nạn đói tràn lan là bản chất trong sự tồn tại của con người. Vô phương cứu chữa. Giúp đỡ người nghèo cũng giống như cho chim bồ câu London ăn; đằng nào thì họ cũng sẽ nhanh chóng sinh con đẻ cái và trở lại với bờ vực chết đói, ích lợi gì đâu? "Nghèo đói và khổ sở tràn lan khắp các tầng lớp hạ lưu của xã hội", Malthus quả quyết, "là điều hoàn toàn không thể khắc phục được".

Nền tảng của các đánh giá của Malthus về tỉ lệ sinh sản loài người là dựa trên những ghi chép về đợt gia tăng dân số (châu Âu) ở Bắc Mỹ trong 150 năm trước (1650-1800). Ông kết luận rằng cứ khoảng 25 năm thì dân số định cư lại tăng lên gấp đôi, từ đó đưa ra một đánh giá hợp lý về tỉ lệ gia tăng dân số loài người thời tiền sử.

Trong tự truyện của mình, Darwin nhớ lại, khi ông áp dụng các

phép tính khủng khiếp này của Malthus cho thế giới tự nhiên, "tôi lập tức kinh ngạc khi thấy rằng trong những trường hợp này, các biến thể có lợi có xu hướng được bảo tồn còn bất lợi sẽ bị tiêu diệt. Điều này dẫn tới việc hình thành những giống loài mới. Đến đây thì rốt cuộc tôi đã có được một lý thuyết hợp lý" Cây bút khoa học Matt Ridley tin tưởng: "Malthus dạy cho Darwin bài học ảm đạm là việc sinh sản quá mức phải kết thúc trong dịch bệnh, nạn đói hay bạo lực - và từ đó giúp ông hiểu rằng trong cuộc đấu tranh sinh tồn, kẻ sống sót thì sẽ được lựa chọn."

Như vậy, sự chói sáng của Darwin lại lóe lên từ sự ảm đạm tăm tối nhất của Malthus*. Alfred Russel Wallace*, người khám phá ra cơ chế nền tảng của chọn lọc tự nhiên độc lập với Darwin, đã có khoảnh khắc lóe sáng của riêng mình khi đọc đúng bài viết đó ở bán cầu bên kia, giữa những cơn sốt trong một túp lều bên bờ sông ở Malaysia đầy bệnh sốt rét. Nhà viết kịch người Ireland, George Bernard Shaw ngửi thấy mùi khiếm khuyết của Malthus về chọn lọc tự nhiên, than rằng: "Khi bắt đầu hiểu được toàn bộ ý nghĩa của điều này, trái tim bạn chìm vào hố cát bên trong bạn." Shaw khóc thương cho "thuyết định mệnh ghê tởm" của chọn lọc tự nhiên và oán trách "sự suy giảm đáng nguyền rủa của vẻ đẹp và trí tuệ, sức mạnh và mục đích, danh dự và khát vọng" của nó.

Nhưng mặc dù Darwin và Wallace xuất sắc vận dụng những con số kinh khủng của Malthus, những con số ấy vẫn có vấn đề. Chúng không có nghĩa.

> *Các bộ tộc săn bắt, giống như những con thú săn mồi về cách sống, ý muốn và cũng phân bố thưa thớt trên bề mặt trái đất như chúng. Giống như những con thú*

săn mồi, họ phải xua đuổi hoặc trốn thoát từng kẻ địch, và phải tham gia vào những cuộc đua không ngừng nghỉ với nhau... Các quốc gia láng giềng vĩnh viễn sống trong tình trạng thù địch với nhau. Mỗi sự gia tăng [dân số] ở bộ tộc này là sự gây hấn với các bộ tộc láng giềng, bởi vì để chu cấp cho con số tăng lên cần phải có một lãnh thổ rộng lớn hơn... Sự sống của kẻ chiến thắng phụ thuộc vào cái chết của kẻ thù.

• **MALTHUS, *Tiểu luận về nguyên tắc dân số***

Nếu đánh giá của ông về tăng trưởng dân số có gần đúng đi chăng nữa, Malthus (và theo đó là Darwin) hẳn đã đúng khi cho rằng các cộng đồng loài người từ lâu đã "nhất thiết bị giới hạn theo không gian", dẫn tới "tình trạng thù địch vĩnh viễn" với nhau. Trong cuốn *Descent of Man* (tạm dịch: *Dòng dõi con người*), Darwin điểm lại các tính toán của Malthus khi viết: "Các quần thể văn minh từng được biết đến trong điều kiện thuận lợi, chẳng hạn như ở Mỹ, cứ 25 năm dân số lại tăng gấp đôi ... (Với) tỉ lệ (này), dân số hiện tại của nước Mỹ (30 triệu) sau 657 năm sẽ bao phủ toàn bộ mặt đất dày đặc tới mức bốn người phải đứng trên 1 m2."*

Nếu Malthus nói đúng về chuyện cứ 25 năm thì dân số con người tiền sử lại tăng gấp đôi thì thực ra những giả định này lại hợp lý. Nhưng ông không đúng, nên giả định này cũng không có lý. Bây giờ chúng ta đã biết rằng trước khi nông nghiệp xuất hiện, toàn bộ dân số của tổ tiên chúng ta đã tăng gấp đôi không phải là cứ 25 năm một lần, mà là 250.000 năm một lần. Malthus (và theo đó, Darwin) bị lệch mất 10.000 lần*.

Một lần nữa là đến thời kỳ *Flintstone* hóa.

Malthus cho rằng những đau khổ ông nhìn thấy quanh mình phản ánh điều kiện vĩnh viễn và không thể thoát ra được của đời sống con người và động vật. Ông không hiểu rằng đường phố đông đúc kinh khủng của London vào khoảng năm 1800 *không bao giờ có thể là* hình ảnh phản chiếu của điều kiện thời tiền sử. Một thế kỷ rưỡi sau đó, Thomas Hobbes phạm phải sai lầm tương tự khi ngoại suy từ kinh nghiệm cá nhân và dựng lên hình ảnh sai lầm về đời sống người tiền sử.

Dân số toàn cầu ước tính

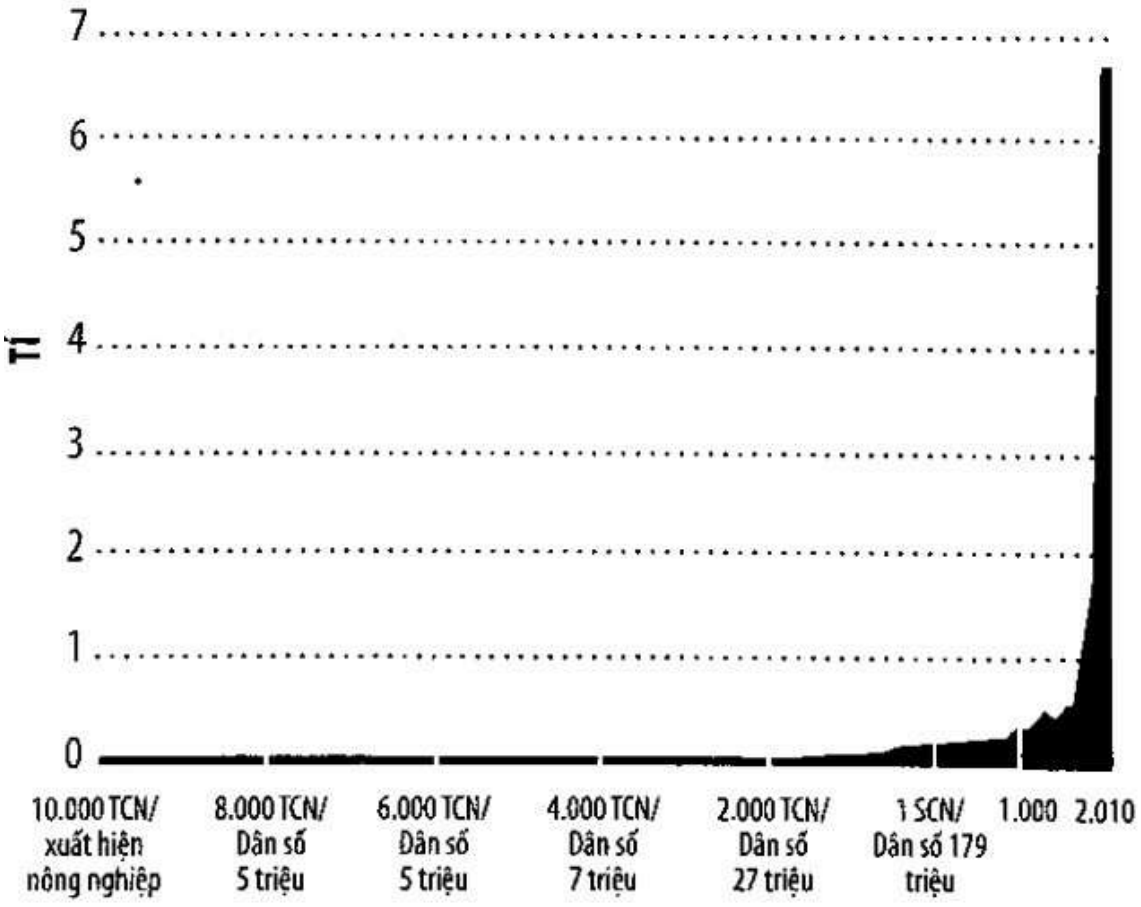

Từ lúc sinh ra, Thomas Hobbes đã phải hứng chịu những nỗi khiếp sợ. Mẹ ông sinh non khi nghe nói hạm đội Tây Ban Nha chuẩn bị tấn công nước Anh. "Mẹ tôi", nhiều năm sau Hobbes viết: "đã sinh đôi: tôi và nỗi sợ hãi". *Leviathan* (tạm dịch: *Thủy quái*), cuốn sách nổi tiếng nhất của ông (trong đó ông nổi tiếng với tuyên bố rằng đời sống tiền sử "cô độc, nghèo nàn, bẩn thỉu, tàn bạo và ngắn ngủi"), được viết ở Paris, nơi ông trốn tránh những kẻ căm thù ông do ông ủng hộ Hoàng gia trong Nội chiến nước Anh. Cuốn sách suýt bị vứt bỏ khi ông mắc một chứng bệnh gần chết người khiến ông phải vật lộn giành sự sống trong suốt sáu tháng. Khi xuất bản *Leviathan* ở Pháp, mạng sống của Hobbes lại bị những người đồng hương lưu vong đe dọa vì bị cuốn sách xúc phạm. Ông băng kênh đào chạy trốn trở lại nước Anh, cầu xin lòng nhân từ của những người mà ông từng chạy trốn khỏi họ từ 11 năm trước. Mặc dù đồng ý cho ông ở lại, nhà vua cấm cuốn sách không được xuất bản bằng tiếng Anh. Nhà thờ cấm đoán, còn Đại học Oxford thì vừa cấm vừa đốt sách. Viết về thế giới của Hobbes, nhà sử học văn hóa Mark Lilia miêu tả, "Những người Cơ đốc rối trí trước giấc mơ khải huyền (đã) săn đuổi và giết hại những người Cơ đốc khác với nỗi giận dữ điên cuồng trước đây họ từng dành cho người Hồi giáo, Do Thái giáo và dị giáo. Thật là điên loạn."*

Hobbes đón nhận sự điên loạn này, coi đây là điều "bình thường", rồi phản chiếu nó trở lại các kỷ nguyên tiền sử mà ông hiểu biết rất ít. Điều Hobbes gọi là "bản chất con người" chỉ là hình ảnh của châu Âu thế kỷ XVII, khi đời sống của hầu hết mọi người còn rất vất vả, nói giảm nhẹ đi là như vậy. Mặc dù vẫn dai dẳng tồn tại qua nhiều thế kỷ, nhưng cái nhìn của Hobbes về đời sống người tiền sử chỉ có giá trị như những kết luận tổng quát về loài sói

Siberia khi chỉ dựa trên quan sát về loài chó hoang ở Baltimore: "Thế đấy", người ta có thể kết luận, "những con chó ghẻ lở này chắc chắn không có vẻ gì là mạnh khỏe cho lắm và vì chó sói (giống như chó hoang ở Baltimore) không có chủ nhân để cho ăn và chăm sóc nên đời sống của chúng chắc hẳn là cô độc, nghèo nàn, bẩn thỉu, tàn bạo và ngắn ngủi, thậm chí còn tệ hơn so với lũ chó lai hoang dã."

Công bằng mà nói, Malthus, Hobbes và Darwin có những hạn chế do thiếu dữ liệu thực tế. Với uy tín lẫy lừng của mình, Darwin thừa nhận nhược điểm này và cố gắng khắc phục nó - ông dành trọn cuộc đời để thu thập mẫu vật, ghi chép rất nhiều và trao đổi với bất cứ ai có thể cung cấp cho ông những thông tin bổ ích. Nhưng thế vẫn không đủ. Vẫn không phát hiện được những bằng chứng cần thiết trong nhiều thập kỷ.

Nhưng giờ thì chúng ta đã có chúng. Các nhà khoa học đã biết cách giải mã xương và răng cổ đại, ghi niên đại carbon cho tro tàn của những bếp lửa thời Pleistocene, truy nguyên trầm tích ADN ty thể (*mitochondrial AND)* của tổ tiên chúng ta. Và thông tin mà họ tìm ra đã bác bỏ một cách thuyết phục cái nhìn về tiền sử mà Hobbes và Malthus dựng lên và Darwin nuốt lấy toàn bộ.

THẰNG TÔI NGHÈO KHÓ VÀ ĐÁNG THƯƠNG

> *Chúng ta giàu có không phải bởi những gì chúng ta sở hữu, mà bởi những gì chúng ta làm được khi không có chúng.*
>
> **• IMMANUEL KANT**

Nếu Orwell đúng khi cho rằng: "Ai kiểm soát quá khứ sẽ kiểm soát cả tương lai", vậy điều gì bị kiểm soát bởi những người dựng nên một hình ảnh phổ biến nhưng hết sức sai lầm về đời sống người tiền sử?

Không ai nghi ngờ rằng trước khi dân số gia tăng cùng với nền nông nghiệp, phần lớn thế giới là một nơi mênh mông, vắng người. Nhưng mặc dù vậy, sự đông đúc đến tuyệt vọng mà Hobbes, Malthus và Darwin hình dung ra vẫn nằm sâu trong thuyết tiến hóa và được lặp đi lặp lại như một câu thần chú, bất chấp thực tế. Chẳng hạn, trong bài luận gần đây có tiêu đề "Tại sao chiến tranh?", triết gia David Livingstone Smith nhắc lại hình ảnh của Malthus với tất cả sự tuyệt vọng sai lầm của nó: "Cạnh tranh để giành các nguồn tài nguyên giới hạn là động lực của biến đổi tiến hóa", ông viết. "Bất cứ nền dân số nào sinh sản mà không bị kiểm soát rốt cuộc sẽ vượt quá nguồn tài nguyên mà nó phụ thuộc vào, và khi con số phình ra thì các cá nhân sẽ không còn cách nào khác ngoài việc cạnh tranh càng lúc càng quyết liệt nhằm giành lấy nguồn tài nguyên đang giảm đi. Ai đảm bảo được cho mình sẽ phát triển, sẽ không chết."*

Bạn hiểu rồi đấy: "không còn cách nào khác ngoài việc cạnh tranh càng lúc càng quyết liệt..." Nhưng Smith quên mất rằng tổ tiên chúng ta nguyên là những người đàn ông (và phụ nữ) lang thang - dân du mục hiếm khi nào dừng bước quá vài ngày liền. Bỏ đi là điều họ giỏi nhất. Vậy thì tại sao lại cho rằng họ phải ở lại để đấu tranh "quyết liệt" trong một khu vực đông đúc với nguồn tài nguyên xơ xác khi họ chỉ việc bước đi xa hơn về bãi biển, như họ vẫn làm trong bao nhiêu thế hệ?

Bên cạnh đó, người tiền sử không hề sinh sản giống như lũ

chuột. Còn lâu. Trên thực tế, tăng trưởng dân số thế giới tiền sử ước tính thấp hơn nhiều so với mức 0,001% mỗi năm trong suốt thời kỳ tiền sử. Khó mà có được quả bom dân số như Malthus nghĩ.

Đặc điểm sinh sản cơ bản của con người trong bối cảnh hái lượm khó làm cho dân số tăng trưởng nhanh, nếu không muốn nói là không thể. Phụ nữ hiếm khi thụ thai trong khi đang cho con bú, và do không có sữa từ gia súc nên phụ nữ thời kỳ săn bắt-hái lượm thường cho mỗi đứa con bú trong năm đến sáu năm. Hơn nữa, yêu cầu của đời sống săn bắt-hái lượm di động khiến cho việc mang theo nhiều hơn một đứa trẻ tại một thời điểm trở nên khó khăn đối với người mẹ - ngay cả khi người mẹ đó nhận được rất nhiều trợ giúp từ người khác. Cuối cùng, mức mỡ thấp trong cơ thể khiến phụ nữ thời kỳ săn bắt-hái lượm có kinh nguyệt chậm hơn nhiều so với các chị em thời hậu nông nghiệp. Hầu hết cư dân hái lượm đều bắt đầu rụng trứng cuối tuổi niên thiếu, dẫn tới đời sống sinh sản thấp hơn*.

Bản thân Hobbes, Malthus và Darwin đều chịu những ảnh hưởng kinh khủng của tình trạng bão hòa dân số (bệnh lây nhiễm tràn lan, chiến tranh liên miên giữa các cộng đồng, các cuộc đấu tranh của những người ủng hộ Machiavelli để tranh giành quyền lực nội bộ). Tuy nhiên, dân số thế giới tiền sử lại phân bố rải rác - ở những nơi có người ở. Ngoài những khu vực biệt lập bao quanh bởi sa mạc hay đảo như Papua New Guinea, thế giới tiền sử hầu như không có biên giới. Hầu hết các học giả đều tin rằng tổ tiên chúng ta chỉ mới bước ra khỏi châu Phi cách đây khoảng 50.000 năm, sau đó 5.000 đến 10.000 năm mới vào châu Âu*. Dấu chân đầu tiên của con người để lại trên đất Bắc Mỹ mới chỉ cách đây khoảng 12.000 năm*. Trong suốt nhiều thiên niên kỷ trước thời kỳ nông nghiệp,

toàn bộ dân số *Homo sapiens* trên hành tinh này có lẽ không bao giờ vượt quá dân số hiện tại của thành phố Dallas, Texas (khoảng bốn đến năm triệu người).

Hay nói cách khác, chúng ta là một giống loài rất trẻ. Hầu hết tổ tiên chúng ta đều không phải đối mặt với những áp lực chọn lọc tạo ra tình trạng khan hiếm liên tục mà Hobbes, Malthus và Darwin tưởng tượng. Cuộc hành trình của con người cổ đại nhìn chung không diễn ra trong một thế giới đã bão hòa giống loài chúng ta. Nói đúng hơn, con đường của cha ông chúng ta đi qua một chuỗi dài những hệ sinh thái không có cái gì tương tự với những điều chúng ta đã từng biết. Hãy nghĩ đến loài trăn Myanmar gần đây được đưa đến khu đầm lầy Everglades, lũ cóc mía tự do phân tán trên khắp nước Úc, hay lũ sói được đưa trở lại với Yellowstone. Khi Hobbes viết rằng: "Con người đối với nhau chẳng khác gì loài sói", ông không biết trong những tình huống nhất định, sói hợp tác và giao tiếp với nhau như thế nào. Các cá thể trong loài phân tán vào các hệ sinh thái dồi dào mới không bị nhốt trong một cuộc đấu tranh sinh tử với nhau. Khi môi trường sống vẫn chưa bão hòa, xung đột nội bộ giống loài vừa có hại vừa không cần thiết*.

Trên đây, chúng tôi đã chứng minh rằng, ngay cả trong một thế giới trống vắng rộng lớn, đời sống xã hội của người hái lượm cũng hoàn toàn không hề cô độc. Nhưng Hobbes tuyên bố rằng đời sống tiền sử nghèo nàn, và Malthus tin rằng nghèo đói là điều vĩnh cửu và không thể thoát ra được. Tuy nhiên, hầu hết người hái lượm đều không nghĩ rằng mình lại nghèo đói và mọi dấu hiệu đều cho thấy cuộc sống nói chung không đến mức là cuộc đấu tranh như vậy, bởi vì tổ tiên của chúng ta có trí thông minh cao, biết sử dụng lửa và gắn kết với nhau theo từng nhóm hợp tác. Chắc chắn là lúc bấy giờ

thỉnh thoảng xảy ra những thảm họa mang tính hủy diệt như hạn hán, biến đổi khí hậu và núi lửa phun trào. Nhưng hầu hết tổ tiên của chúng ta đều sống trong một thế giới dân cư thưa thớt, đầy ứ nguồn thực phẩm. Suốt hàng trăm ngàn thế hệ, tình trạng khó xử của tổ tiên chúng ta với tư cách là một loài ăn tạp nằm ở việc chọn xem nên ăn cái gì: cây cỏ "ăn" đất đai; hươu nai ăn cây cỏ; hổ báo ăn hươu nai. Nhưng con người có thể và thực tế ăn hầu như mọi thứ - kể cả báo, hươu nai, cây cỏ, và vâng, thậm chí cả đất đai*.

NỖI THẤT VỌNG CỦA CÁC TRIỆU PHÚ

Nghèo khổ là sáng chế của văn minh.

• MARSHALL SAHLINS

Gần đây, một bài báo trên tờ *New York Times* - với tiêu đề, "Ở thung lũng Silicon, triệu phú không cảm thấy giàu" mở đầu như sau: "Theo hầu hết mọi định nghĩa - ngoại trừ định nghĩa của chính Hal Steger và có lẽ cả của hàng xóm anh ta ở thung lũng Silicon này - Hal Steger là người giàu có". Bài báo viết rằng mặc dù Steger và vợ có giá trị tài sản khoảng 3,5 triệu đô-la, về cơ bản anh ta vẫn làm việc 12 giờ mỗi ngày và thêm 10 giờ nữa vào cuối tuần. "Một triệu", Steger giải thích, "chẳng là gì so với trước đây." Gary Kremen (giá trị tài sản ước tính: 10 triệu đô-la), người sáng lập dịch vụ hẹn hò trực tuyến Match.com, giải thích: "Mọi người quanh đây đều nhìn lên những người thu nhập cao hơn mình." Anh ta tiếp tục làm việc 60-80 giờ mỗi tuần bởi vì, anh nói: "Ở đây, 10 triệu chả là cái gì cả." Một nhà quản trị khác nói thẳng vào vấn đề: "Ở đây, nhóm 1 % cao nhất đuổi theo nhóm một phần mười của 1%, và

nhóm 1/10 của 1% đuổi theo nhóm một phần trăm của 1%."*

Kiểu suy nghĩ này không chỉ giới hạn ở thung lũng Silicon. Một bản báo cáo của BBC từ hồi tháng 09/2003 cho biết: "Lớp người nghèo mới chính là những người khá giả." Tiến sĩ Clive Hamilton, một giảng viên thỉnh giảng tại Đại học Cambridge bắt đầu nghiên cứu "người giàu đau khổ" và thấy cứ 10 người có thu nhập trên 50.000 bảng (khoảng 80.000 đô-la vào thời điểm đó) thì có bốn người cảm thấy "túng quẫn". Hamilton kết luận: "Mối lo thật sự của người nghèo hôm qua đã trở thành mối lo tưởng tượng của người giàu hôm nay." Một cuộc khảo sát khác gần đây ở Mỹ cho thấy 45% người có giá trị tài sản (không tính nhà) trên 1 triệu đô-la lo hết tiền trước khi chết. Hơn 1/3 những người sở hữu trên 5 triệu đô-la cũng có chung mối lo lắng này.*

"Bệnh giàu có" (hay còn gọi là Sốt xa xỉ) không phải là nỗi khổ vĩnh cửu của con người động vật như một số người muốn chúng ta phải tin. Đây là một trong những tác động của sự chênh lệch giàu nghèo xuất hiện cùng với sự ra đời của sản xuất nông nghiệp. Mặc dù vậy, ngay cả trong xã hội hiện đại, đôi khi chúng ta vẫn tìm thấy dấu vết của chủ nghĩa bình quân của tổ tiên chúng ta.

Đầu những năm 1960, nhà vật lý Stewart Wolf nghe nói đến một thành phố toàn dân nhập cư Ý và hậu duệ của họ ở đông bắc Pennsylvania, những người ở đây không hề biết bệnh tim là gì. Wolf quyết định quan sát kỹ hơn thành phố có tên Roseto này. Ông thấy rằng gần như không ai dưới tuổi 55 có triệu chứng về bệnh tim. Khoảng một nửa số vấn đề về tim mà người Mỹ trung bình có khả năng mắc phải thì ở đây tập trung vào đàn ông trên 65 tuổi. Tỉ lệ tử vong chung ở Roseto thấp hơn mức bình quân cả nước khoảng một phần ba.

Sau khi tiến hành nghiên cứu và thận trọng loại bỏ những yếu tố như tập luyện, chế độ ăn uống và những yếu tố vùng miền như mức độ ô nhiễm, Wolf và nhà xã hội học John Bruhn kết luận rằng nhân tố chính giúp cho người dân Roseto mạnh khỏe lâu hơn là *chính bản chất của cộng đồng này*. Họ nhận thấy hầu hết các gia đình đều có ba thế hệ, người già phải được kính trọng hết mực; cả cộng đồng coi thường bất cứ biểu hiện khoe của nào, điều đó cho thấy "nỗi sợ phô trương nảy sinh từ niềm tin cổ xưa của dân làng Ý liên quan đến *maloccio* (con mắt quỷ)". Wolf viết: "Trẻ em được dạy rằng khoe của hay trịch thượng đối với hàng xóm chỉ mang lại vận rủi mà thôi."

Nhận thấy các mối quan hệ xã hội mang tính chất của chủ nghĩa bình quân của Roseto đã bắt đầu tan vỡ vào giữa những năm 1960, Wolf và Bruhn dự báo rằng trong vòng một thế hệ, tỉ lệ tử vong của người dân thành phố này sẽ bắt đầu tăng cao. Trong những cuộc nghiên cứu tiếp theo mà họ tiến hành 25 năm sau, họ cho biết: "Biến đổi xã hội đáng kinh ngạc nhất là khắp nơi phản đối sự cấm kỵ lâu đời đối với việc phô trương", và "Chia sẻ, từng là nét rất đặc thù ở Roseto, đã nhường chỗ cho cạnh tranh". Trong một thế hệ, tỉ lệ cả bệnh tim lẫn đột quỵ đã tăng gấp đôi.*

Trong cộng đồng người hái lượm, do tài sản được chia sẻ nên nghèo đói không phải là vấn đề. Trong cuốn sách kinh điển của mình có tên *Stone Age Economics* (Kinh tế học Thời đồ đá), nhà nhân học Marshall Sahlins giải thích rằng: "những người cổ xưa nhất thế giới có rất ít tài sản, *nhưng họ không nghèo*. Nghèo không phải là chuyện chỉ có một lượng hàng hóa nhỏ, cũng không phải chỉ là mối liên hệ giữa phương tiện và mục đích; hơn hết thảy, nó là mối liên hệ giữa con người với nhau. Nghèo là một trạng thái xã

hội. Theo đó, nó là sáng chế của văn minh." Socrates cũng có cùng quan điểm cách đây 2.400 năm: "Người giàu nhất là người bằng lòng với cái tối thiểu, bởi vì bằng lòng là sự giàu có của tự nhiên."

Nhưng giàu có của văn minh cũng là giàu. Sau khi đọc từng chữ trong Kinh Cựu ước, nhà báo David Plotz thấy ngạc nhiên trước giọng văn đầy sắc thái vụ lợi trong đó. "Chủ đề bao trùm Kinh Thánh", ông viết, "đặc biệt là cuốn Sáng thế ký, là bất động sản. Chúa liên tục buôn bán đất (rồi sau đó làm lại, theo những điều khoản khác)... Kinh Thánh không chỉ bị ám ảnh bởi đất đai mà còn bởi cả những tài sản mang theo được: vàng, bạc, gia súc".*

Cả Malthus và Darwin đều biết về chủ nghĩa bình quân đặc trưng của người hái lượm. Malthus viết: "Trong hầu hết các bộ tộc ở châu Mỹ... mức độ bình đẳng lớn tới mức toàn bộ thành viên của mỗi cộng đồng như vậy sẽ chia sẻ gần như bằng nhau những khó khăn chung của cuộc sống hoang dã và những áp lực của nạn đói thỉnh thoảng vẫn xảy ra." Về phần mình, Darwin thừa nhận mâu thuẫn cố hữu giữa nền văn minh tư bản mà ông biết với điều ông coi là tính hào phóng thất sách của người bản xứ, ông viết: "Thói quen du cư, dù là trên những thảo nguyên rộng lớn, hay qua rừng rậm nhiệt đới, hay dọc bờ biển, đều rất bất lợi... Sự bình đẳng tuyệt đối của toàn bộ cư dân", ông viết, "sẽ ngăn cản văn minh của họ trong nhiều năm nữa."

TÌM KIẾM SỰ HÀI LÒNG "Ở DƯỚI ĐÁY LOÀI NGƯỜI"

Khi tìm kiếm ví dụ về "những kẻ hoang dã" bị chà đạp, khốn khổ, nghèo xơ xác nhất thế giới, Malthus viện dẫn "những công dân khốn khổ ở Tierra del Fuego" bị các du khách châu Âu đánh giá là

"ở dưới đáy loài người". Chỉ 30 năm sau, Charles Darwin đã đến Tierra del Fuego, quan sát chính những người này. Ông đồng ý với Malthus về vấn đề người Fuego, và viết trong nhật ký của mình: "Tôi tin rằng nếu lục tung thế giới lên, người ta sẽ chẳng tìm thấy giống người nào hạ đẳng hơn."

Tình cờ, thuyền trưởng FitzRoy của tàu *Beagle* - con tàu chở Darwin - đã đón ba thanh niên Fuego trong một chuyến hành trình trước đó và mang họ về nước Anh để giới thiệu với họ những huy hoàng của đời sống nơi đây và nền giáo dục Thiên Chúa giáo tương ứng. Giờ đây, sau khi họ đã trực tiếp trải nghiệm sự ưu việt của cuộc sống văn minh, FitzRoy mang họ trở về với dân tộc mình để truyền giáo. Kế hoạch của họ là cho người Fuego thấy sự điên rồ trong đường lối sai lầm của mình và giúp họ gia nhập thế giới văn minh.

Nhưng chỉ một năm sau khi Jemmy, York và Fuegia quay trở lại với đồng bào mình ở vùng Woollya, gần chân ngọn núi giờ đây mang tên Darwin, con tàu *Beagle* và thủy thủ đoàn trở lại thì thấy các túp lều cũng như vườn tược của họ đã bị bỏ hoang, cỏ mọc um tùm. Cuối cùng, Jemmy xuất hiện và giải thích rằng anh cũng như những người Fuego theo Thiên Chúa giáo đã trở lại với cách sống cũ. Lòng đầy buồn bã, Darwin viết trong nhật ký rằng ông chưa bao giờ chứng kiến "một thay đổi triệt để và trầm trọng như vậy" và "thật đau lòng khi nhìn cậu ta". Họ mang Jemmy lên tàu, mặc đồ và để anh ta ăn tối tại bàn của thuyền trưởng, họ rất nhẹ nhõm khi thấy ít nhất anh ta vẫn còn nhớ rõ cách dùng dao nĩa.

FitzRoy đề nghị được đưa anh ta trở lại nước Anh, nhưng Jemmy từ chối, nói rằng anh ta "không hề muốn trở lại nước Anh tẹo nào" vì thấy "hạnh phúc và hài lòng" với "rất nhiều hoa quả", "rất nhiều

cá tôm", và "rất nhiều chim chóc".

Hãy nhớ đến Yucatán. Những gì trông giống như nghèo đói trong mắt chúng ta - ngay cả "dưới đáy loài người" - cũng có thể là một dạng giàu có mà chúng ta không nhận ra. Hãy nhớ đến những người thổ dân châu Úc "chết đói" vui vẻ nướng những con chuột ít mỡ và ngấu nghiến lũ ấu trùng mọng nước khi người Anh đang nhìn họ với vẻ ghê tởm, chắc mẩm là đang chứng kiến những cơn điên cuối cùng vì đói. Khi chúng ta bắt đầu *phi bộ tộc hóa* - bóc tách điều kiện văn hóa làm méo mó cái nhìn của mình - "giàu có" và "nghèo đói" có thể bắt đầu trở nên rất khác biệt.*

12

MEME ÍCH KỶ (DÂM ĐÃNG)

Richard Dawkins, tác giả cuốn *The Selfish Gene**, đặt ra thuật ngữ *meme* nhằm chỉ một đơn vị thông tin có thể lan truyền trong cộng đồng bằng cách học hỏi hoặc bắt chước cách một gene được ưu ái sao chép lại trong quá trình sinh sản. Cũng như các *meme* về chủ nghĩa bình quân và chia sẻ cả nguồn lực và rủi ro được ưu ái trong môi trường tiền sử, *meme* ích kỷ đã nở rộ trong phần lớn thế giới hậu nông nghiệp. Ngay cả như vậy, cũng chỉ có một chuyên gia kinh tế học như Adam Smith, không hơn không kém, khẳng định rằng: thông cảm và tình thương đến với loài người cũng tự nhiên như tư lợi cá nhân.*

Giả định sai lầm cho rằng tư duy kinh tế dựa trên sự khan hiếm là một cách tiếp cận thực tế của con người đối với các vấn đề như cung, cầu và phân phối của cải bằng cách này hay cách khác đã làm chệch hướng tư duy của các nhà nhân học, tâm lý học và kinh tế học trong mấy thế kỷ vừa qua. Như nhà kinh tế học John Gowdy giải thích: "'Hành vi kinh tế hợp lý là thứ dành riêng cho Chủ nghĩa Tư bản thị trường và là một bộ tín niệm được ghi nhớ, không phải là một quy luật khách quan phổ biến của tự nhiên. Huyền thoại "con người kinh tế" giải thích cho nguyên tắc tổ chức của Chủ

nghĩa Tư bản đương đại, không hơn không kém."

CON NGƯỜI KINH TẾ

Chúng ta có lòng tham, ai nấy đều đồng ý...

• ***"Xã hội"* của EDDIE VEDDER**

Nhiều nhà kinh tế học quên rằng nguyên tắc tổ chức trung tâm của họ, *Homo economicus* (hay còn gọi là *con người kinh tế*), là một huyền thoại bắt nguồn từ những giả định về bản chất con người, chứ không phải là sự thật căn bản làm nền tảng cho một triết lý kinh tế bền vững. Khi John Stuart Mill đề xuất cái mà ông thừa nhận là "một định nghĩa tùy tiện về con người, với tư cách một thực thể chắc chắn làm điều đó để nhận được nhiều nhất về mặt nhu yếu phẩm, tiện nghi và xa xỉ phẩm, với ít nhất về mặt lao động và sự hy sinh tới mức có thể, chẳng có gì đáng tin về việc ông mong định nghĩa tùy tiện của mình thống trị tư duy kinh tế trong nhiều thế kỷ. Hãy nhớ lại lời của Rousseau: "Nếu được chọn nơi sinh, tôi sẽ chọn một nhà nước nơi mọi người đều biết nhau để cho cả những sách lược đen tối kín đáo nhất lẫn những đức hạnh khiêm nhường nhất đều không thể thoát khỏi sự săm soi và phán xét của công chúng." Khi bảo rằng lòng tham *chỉ là một phần bản chất con người*, người ta thường không nhắc đến bối cảnh. Vâng, lòng tham là một phần bản chất con người. Nhưng sự hổ thẹn cũng vậy. Khi các nhà kinh tế học xây dựng mô hình của mình trên nền tảng *con người kinh tế* tưởng tượng chịu sự thúc đẩy của mỗi lợi ích cá nhân mà thôi, họ quên mất cộng đồng - mạng lưới ý nghĩa vô cùng quan trọng mà theo đó chúng ta xoay quanh nhau - bối cảnh cho bất cứ

điều gì thật sự *con người* xảy ra, và luôn tồn tại.

Một trong những thử nghiệm tư duy được trích dẫn nhiều nhất trong lý thuyết trò chơi và kinh tế học là *Thế lưỡng nan của người tù (The Prisoner's Dilemma)*. Nó thể hiện một mô hình trao đổi lẫn nhau đơn giản và ngắn gọn, một số nhà khoa học gọi nó là "E. Coli* của tâm lý học xã hội". Nó vận hành như sau: Hãy tưởng tượng hai nghi phạm bị bắt, nhưng cảnh sát không có đủ bằng chứng kết tội. Sau khi hai tù nhân bị tách ra, mỗi người cùng được đề nghị: Nếu làm chứng chống lại đồng phạm mà đồng phạm vẫn im lặng thì anh sẽ được tự do còn anh ta sẽ bị kết án 10 năm. Nếu anh ta nhận tội còn anh không nhận, anh sẽ chịu mức án đó. Nếu cả hai cùng không chịu khai, các anh sẽ bị sáu tháng tù. Nếu cả hai anh cùng khai, các anh sẽ bị năm năm tù. Mỗi tù nhân phải chọn hoặc là khai hoặc là giữ im lặng. Mỗi người đều được bảo rằng người kia không biết gì về quyết định của mình. Các tù nhân này sẽ hành động thế nào?

Trong dạng thức kinh điển của trò chơi này, những người tham gia sẽ luôn học cách bán đứng lẫn nhau bởi ai cũng nhìn thấy lợi ích của việc nhanh chóng phản bội: khai đầu tiên và tự do ra đi. Nhưng hãy đem kết luận mang tính lý thuyết đó đến một nhà tù ở bất cứ đâu trên thế giới và hỏi xem điều gì xảy ra với *bọn phản bội*. Lý thuyết khớp với thực tế khi các nhà khoa học quyết định cho những người chơi đó có được trải nghiệm với trò chơi và xem hành vi của họ có thay đổi theo thời gian hay không. Như Robert Axelrod giải thích trong *The Evolution of Cooperation (Sự tiến hóa của hợp tác)*, người chơi nhanh chóng hiểu rằng họ có nhiều cơ hội hơn nếu hợp tác và đón nhận sự hợp tác của đối tác. Nếu đối tác không hợp tác, anh ta sẽ bị mang tiếng xấu và bị trừng phạt, theo kiểu *ăn*

miếng trả miếng. Dần dần, người chơi nào có phương pháp vị tha hơn sẽ thành công, trong khi người nào chỉ hành động vì lợi ích cá nhân trước mắt sẽ gặp những rắc rối nghiêm trọng - bị đâm trong lúc đi tắm chẳng hạn.

Cách hiểu kinh điển về thử nghiệm này bị giáng một đòn nữa khi nhà tâm lý học Gregory S. Berns và đồng nghiệp quyết định nối người chơi nữ với một cỗ máy cộng hưởng từ. Berns và cộng sự nghĩ rằng đối tượng sẽ phản ứng mạnh nhất khi bị lừa dối - một người cố gắng hợp tác còn người kia "xì đểu". Nhưng họ lại nhận được kết quả khác hẳn. "Kết quả làm chúng tôi thật sự ngạc nhiên", Berns nói với Natalie Angier của tờ *The New York Times*. Não bộ có phản ứng mạnh nhất trước những hành vi hợp tác: "Tín hiệu sáng nhất xuất hiện ở các liên minh hợp tác và ở các vùng lân cận của não đã từng phản ứng với món tráng miệng, hình ảnh những khuôn mặt xinh đẹp, tiền bạc, cocaine và bất cứ niềm vui hợp pháp hay bất hợp pháp nào."*

Phân tích kết quả quét não, Berns và cả nhóm thấy rằng khi những người phụ nữ này hợp tác với nhau, hai phần não, vốn cùng phản ứng với *dopamine*, đều được kích hoạt: thùy bên và vỏ não trước trán. Cả hai vùng này đều liên quan đến việc kiểm soát xung lực, hành vi mang tính ép buộc và xử lý phần thưởng. Mặc dù ngạc nhiên trước những gì nhóm của mình tìm được, Berns vẫn thấy dễ chịu. "Nó khiến tôi yên tâm", ông nói. "Bằng cách nào đó, nó cho thấy chúng ta gắn kết bằng cách hợp tác với nhau."

BI KỊCH CỦA CÔNG SẢN

Lần đầu tiên xuất bản trên tạp chí *Science* danh tiếng vào năm 1968, tài liệu của nhà sinh học Garrett Hardin, *The Tragedy of the*

Commons (tạm dịch: *Bi kịch của công sản*), là một trong những bài viết trên một tạp chí khoa học được tái bản nhiều nhất từ trước đến nay. Các tác giả của *Tài liệu Thảo luận Ngân hàng Thế giới* gần đây gọi nó là "mô hình vượt trội các nhà khoa học xã hội sử dụng để đánh giá các vấn đề nguồn lực tự nhiên", còn nhà nhân học G. N. Appell nói rằng bài báo này "được các học giả và giáo sư coi như một tài liệu thần thánh".*

Gần cuối những năm 1800, phần lớn nước nông thôn Anh đều được coi là đất công - tài sản do vua sở hữu nhưng ai cũng có thể được dùng - giống như bãi chăn thả tự do ở miền Tây nước Mỹ trước khi hàng rào dây kẽm gai xuất hiện. Sử dụng đất công ở Anh làm hình mẫu, Hardin ngụ ý thể hiện những điều sẽ xảy ra khi một nguồn lực được cộng đồng sở hữu. Ông lập luận rằng trong "một đồng cỏ dành cho tất cả mọi người... mỗi người chăn nuôi gia súc sẽ tìm cách nuôi được càng nhiều gia súc càng tốt". Mặc dù hủy hoại đồng cỏ, sự ích kỷ của người chăn nuôi lại có ý nghĩa về mặt kinh tế theo góc nhìn cá nhân anh ta. Hardin viết: "Người chăn nuôi có đầu óc (sẽ kết luận) rằng cách duy nhất anh ta sẽ làm là thêm một con vật nữa vào đàn của mình." Đây là lựa chọn hợp lý duy nhất bởi tất cả đều sẽ chịu chung cái giá xuống cấp của đất đai vì chăn thả quá mức, trong khi lợi nhuận đạt được từ gia súc bổ sung chỉ thuộc về một mình anh ta. Vì mỗi người chăn nuôi đều có chung một kết luận nên chắc chắn mảnh đất chung sẽ bị chăn thả quá mức. "Tự do trong sử dụng tài sản công", Hardin kết luận, "sẽ hủy hoại tất cả chúng ta."

Giống như tư tưởng của Malthus về tăng trưởng dân số liên quan đến năng lực nông nghiệp, kết luận của Hardin trở nên nổi tiếng vì: 1) Chúng thể hiện sự đơn giản kiểu A + B = C vốn có vẻ

như chính xác tuyệt đối; 2) Chúng hữu ích trong việc giải thích cho những quyết định có vẻ như vô lương tâm bằng thứ quyền lực cố thủ. Chẳng hạn, bài viết của Malthus thường được giới kinh doanh và lãnh đạo chính trị Anh trích dẫn nhằm giải thích cho việc họ không hành động khi đối diện với nạn đói lan rộng ở Anh, trong đó có trận đói thập niên 1840 khiến vài triệu người Ireland chết (và hàng triệu người khác di tản sang Mỹ). Cách khớp nối đơn giản của Hardin đối với sự điên rồ của sở hữu công đã hết lần này đến lần khác tạo ra chỗ trú ẩn cho những người biện hộ cho việc tư nhân hóa dịch vụ công và xâm chiếm đất đai tự nhiên.

Một điểm chung khác giữa lập luận hay ho của Hardin với Malthus: nó sụp đổ khi liên hệ với thực tại.

Như tác giả người Canada Ian Angus giải thích: "Đơn giản là Hardin phớt lờ điều thật sự xảy ra trên thực tế ở đất công: sự tự điều chỉnh bởi những cộng đồng liên quan." Hardin quên mất sự thật là trong các cộng đồng nông thôn nhỏ bé, nơi mật độ dân cư thấp tới mức mọi người chăn gia súc đều biết nhau (đây là thực tế trong lịch sử đất công nước Anh), bất cứ người chăn gia súc nào tìm cách mạo hiểm với hệ thống sẽ bị phát hiện và trừng phạt. Elinor Ostrom đã nghiên cứu việc quản lý đất công ở các cộng đồng quy mô nhỏ. Bà thấy rằng "mọi cộng đồng đều có dạng thức kiểm tra để đối phó với sự lừa bịp hoặc sử dụng quá phần tài nguyên mà mình được chia một cách công bằng".

Bi kịch thật sự *của tài sản công* đe dọa các nguồn lực chịu sự kiểm soát của quốc gia hay tập đoàn nhiều hơn so với các nguồn lực chịu sự kiểm soát của các nhóm nhỏ. Không chỉ là đất công, chúng ta cần đối mặt với *Bi kịch Biển cả, Bầu trời, Sông suối và Rừng rậm*. Ngư nghiệp trên khắp thế giới đang sụp đổ bởi không ai có

quyền, sức mạnh và động lực để ngăn chặn các hạm đội quốc tế khỏi khai thác cạn kiệt những vùng nước thuộc quyền sở hữu của mọi người (và do vậy cũng không phải của ai). Chất độc từ các ống khói Trung Quốc đốt những ổ quặng than lậu của Nga chui vào lá phổi của người Triều Tiên, trong khi xe hơi Mỹ chạy bằng xăng dầu Venezuela làm tan chảy những dòng sông băng ở Greenland. Nguyên nhân khiến cho những bi kịch gắn với nhau theo lối móc xích này xảy ra chính là do thiếu vắng sự xấu hổ. Sai lầm rõ ràng của kinh tế học kiểu Malthus, *Thế lưỡng nan của người tù* và *Bi kịch của công sản* là do sự phớt lờ thực tế cuộc sống ở các cộng đồng quy mô nhỏ, nơi không ai "thoát khỏi sự soi mói và đánh giá của đám đông", như lời Rousseau. Những bi kịch này chỉ chắc chắn xảy ra khi quy mô nhóm vượt quá năng lực theo dõi lẫn nhau của giống loài chúng ta, được biết đến với tên gọi *con số của Dunbar*. Trong các cộng đồng linh trưởng, quy mô nhóm rất quan trọng.

Sau khi nhận ra tầm quan trọng của hành vi chải lông ở các loài linh trưởng sống theo bầy, nhà nhân học Robin Dunbar đã vẽ ra quy mô tổng thể của nhóm trên sự phát triển vỏ não mới. Sử dụng mối tương quan này, Dunbar dự đoán rằng con người bắt đầu không còn nắm bắt được việc ai đang làm gì với ai khi quy mô của nhóm đạt tới mức khoảng 150 cá thể. Theo lời Dunbar: "Giới hạn mà năng lực xử lý của vỏ não mới định ra chỉ đơn giản là số lượng cá thể mà một mối quan hệ liên cá nhân bền vững có thể duy trì được." Các nhà nhân học khác cũng đã xác định được con số này bằng cách quan sát, họ thấy rằng khi quy mô nhóm vượt xa mức đó thì nhóm sẽ có xu hướng chia thành hai nhóm nhỏ hơn. Vài năm trước khi tài liệu của Dunbar được xuất bản vào năm 1992, Marvin Harris nhận thấy rằng: "Với 50 người trong một nhóm hoặc 150

người trong một làng, mỗi người đều biết nhau ở mức thân mật, đến mức việc trao đổi qua lại mật thiết có thể giữ cho mọi người gắn bó với nhau. Mọi người cho đi và mong được nhận lại, và nhận lại và mong được cho đi".* Các tác giả gần đây, kể cả Malcom Gladwell trong cuốn sách bán chạy của mình *Điểm bùng phát*, đã phổ cập ý tưởng đưa con số 150 thành giới hạn cho các nhóm chức năng hữu cơ.

Từng sống theo nhóm nhỏ và thân mật trong đó mọi người đều biết tên nhau, con người không biết phải làm gì với thứ tự do mơ hồ được trao tặng một cách nặc danh. Khi cộng đồng phát triển qua cái ngưỡng mà mỗi cá nhân ngẫu nhiên quen biết ít nhất một người khác, hành vi của chúng ta thay đổi, lựa chọn của chúng ta tăng lên, cảm nhận của chúng ta về điều khả dĩ và chấp nhận được phát triển tới mức trừu tượng hơn bao giờ hết.

Lập luận tương tự có thể được đưa ra trong trường hợp của chủ nghĩa công sản: quyền sở hữu của cộng đồng không có tác dụng trong các xã hội quy mô lớn mà mọi người hoạt động một cách vô danh. Trong *The Power of Scale* (tạm dịch: *Sức mạnh cán cân*), nhà nhân học John Bodley viết: "Quy mô của xã hội và nền văn hóa loài người rất quan trọng, vì xã hội lớn hơn tất nhiên sẽ có sức mạnh xã hội tập trung hơn. Xã hội lớn hơn sẽ kém dân chủ so với xã hội nhỏ hơn, và chúng sẽ phân bố các nguy cơ cũng như phần thưởng không đều nhau." Đúng vậy, bởi xã hội càng lớn thì vận hành của sự xấu hổ càng kém. Khi bức tường Berlin sụp đổ, các nhà tư bản hân hoan tuyên bố rằng sai lầm căn bản của chủ nghĩa công sản chính là nó không hiểu được bản chất của con người. Vâng, đúng và sai. Thật sai lầm khi không đánh giá cao tầm quan trọng của bối cảnh. Bản chất con người trong bối cảnh cộng đồng xã hội thân mật, phụ

thuộc lẫn nhau vận hành theo một kiểu, nhưng nếu không có tính chất nặc danh, chúng ta trở thành một sinh vật khác hẳn - không phải thú vật cũng chẳng phải con người trong bất cứ ý nghĩa tuyệt đối nào.

MƠ ƯỚC TIẾN BỘ VĨNH CỬU

Anh ta là người man rợ, và nghĩ rằng phong tục của bộ tộc mình và hòn đảo là quy luật của tự nhiên.

• GEORGE BERNARD SHAW: *Caesar, trong Caesar và Cleopatra, Hồi II*

Có thật là chúng ta được sinh ra vào thời điểm và nơi chốn tốt nhất có thể? Hay đó chỉ là một khoảnh khắc ngẫu nhiên trong vô tận - mà ở đó niềm vui và nỗi thất vọng là ngang nhau? Có lẽ bạn sẽ thấy ngớ ngẩn ngay cả khi giải trí với một câu hỏi như vậy, với giả định rằng có sự lựa chọn nào đó trong vấn đề này. Nhưng điều đó là có thật. Chúng ta ai cũng có khuynh hướng tâm lý coi trải nghiệm của bản thân là chuẩn mực, coi cộng đồng của mình là "Nhân dân", tin - có lẽ trong vô thức - rằng chúng ta được lựa chọn, Chúa đứng về phe chúng ta, và đội của chúng ta xứng đáng chiến thắng. Để nhìn hiện tại trong thứ ánh sáng đẹp đẽ nhất, chúng ta vẽ quá khứ bằng thứ màu đỏ của máu đau khổ và kinh hoàng. Mấy thế kỷ nay, Hobbes vẫn đang gãi vết ngứa tâm lý dai dẳng này đó thôi.

Một sai lầm phổ biến khi cho rằng tiến hóa là một quá trình cải tiến, rằng sinh vật tiến hóa nghĩa là đang phát triển đến một trạng thái hoàn thiện cuối cùng nào đó. Nhưng chúng, và cả chúng ta

nữa, đều không phải vậy. Một xã hội hay cá thể đang tiến hóa chỉ đơn giản là qua nhiều thế hệ thích nghi với các điều kiện biến đổi. Mặc dù có thể mang lại lợi ích trước mắt, những biến đổi này không phải là cải tiến, theo bất cứ nghĩa tuyệt đối nào. Điều kiện bên ngoài không bao giờ ngừng thay đổi.

Sai lầm này làm nền tảng cho giả định rằng *ở đây và bây giờ rõ ràng tốt hơn nơi khác và trước đây*. Sau đó ba thế kỷ rưỡi, các nhà khoa học vẫn trích dẫn lời Hobbes, bảo với chúng ta rằng chúng ta may mắn thế nào khi được sống vào thời kỳ đã có nhà nước, đã tránh được những khổ đau đầy rẫy trong quá khứ man rợ của chúng ta. Thật dễ chịu khi nghĩ rằng chúng ta là những kẻ may mắn, nhưng hãy đặt câu hỏi cấm kỵ xem sao: Thật ra, chúng ta có thật sự may mắn không?

NGHÈO KHÓ CỔ XƯA HAY SUNG TÚC GIẢ VỜ?

Người tiền sử không có thói quen để dành thức ăn, nhưng điều đó không có nghĩa là họ bị đói triền miên. Nghiên cứu xương và răng người tiền sử cho thấy đời sống con người cổ đại đúng là có bữa đói bữa no, nhưng hiếm khi có những đợt đói kém kéo dài. Làm sao chúng ta biết tổ tiên mình không sống bên bờ vực chết đói?

Khi trẻ em và thiếu niên không đủ chất dinh dưỡng chỉ khoảng một tuần, sự phát triển ở xương đòn của tay và chân sẽ bị chậm lại. Khi nguồn dinh dưỡng phục hồi và xương bắt đầu phát triển trở lại, mật độ tăng trưởng xương mới khác với trước khi bị ngắt quãng. Tia X tiết lộ các đường-biết-nói này trong xương người cổ đại, còn được gọi là *đường Harris*. Các nhà nghiên cứu bệnh học Kỷ Đệ Tam đã sử dụng các đường này để chứng minh rằng đặc trưng của thời tiền sử là "những đợt đói ngắn rồi đến những đợt ăn uống, trong đó

tăng trưởng nhảy vọt”.*

Các thời kỳ suy dinh dưỡng dài hơn để lại nhiều dấu hiệu trên răng - được gọi là giảm sản - các đường ố màu và hốc nhỏ trên bề mặt men răng, nhiều thế kỷ sau vẫn còn lưu giữ trên di tích hóa thạch. Các nhà khảo cổ học tìm thấy ít hơn các *đường Harris* và giảm sản răng trên các di tích hóa thạch của người săn bắt-hái lượm thời tiền sử với trên xương của dân định cư, những người sống thành làng mạc và phụ thuộc vào việc canh tác để lấy thức ăn. Do tính cơ động cao, người săn bắt-hái lượm ít phải chịu các đợt đói kéo dài vì trong hầu hết các trường hợp, họ chỉ cần chuyển đến các khu vực ít chịu ảnh hưởng của hạn hán hay các thảm họa tự nhiên khác.

Một trong nhiều ví dụ cho thấy người hái lượm hấp thu nhiều dinh dưỡng hơn cư dân nông nghiệp được tìm thấy ở vùng đồi Dickson tại vùng hạ thung lũng Illinois. Khoảng 800 bộ xương đã được phân tích, hé lộ một bức tranh rõ ràng về những biến đổi sức khỏe xuất hiện cùng việc chuyển từ hái lượm sang trồng ngô vào khoảng năm 1200 sau Công nguyên. Nhà khảo cổ học George Armelagos và đồng nghiệp báo cáo rằng di tích hóa thạch của cư dân nông nghiệp cho thấy suy dinh dưỡng mãn tính tăng 50% và bệnh truyền nhiễm tăng gấp ba lần (thể hiện qua xương bị nhiễm trùng) so với những người hái lượm trước họ. Hơn thế nữa, họ còn tìm thấy bằng chứng cho thấy tỉ lệ tử vong ở trẻ sơ sinh gia tăng, sự phát triển xương ở người lớn chậm lại, chứng chai xương tăng gấp bốn lần và bệnh thiếu máu do thiếu sắt xuất hiện ở hơn một nửa dân số.*

Nhiều người nhận thấy người hái lượm, vốn chẳng có gì trong tủ lạnh, lại có cách sử dụng hào phóng một cách kỳ lạ đối với thực

phẩm. Từng dành sáu tháng ở với những người Montagnais tại Quebec ngày nay, giáo sĩ dòng Tên người Pháp Paul Lejeune phát cáu lên với sự hào phóng của người bản xứ. Lejeune viết: "Nếu chủ nhà của tôi bắt được hai, ba, hoặc bốn con hải ly, dù là ngày hay đêm, họ đều mở tiệc chiêu đãi toàn bộ những người hoang dã láng giềng. Và nếu những người đó bắt được thứ gì đó thì họ cũng mở tiệc chiêu đãi cùng lúc; vì thế, sau khi kết thúc một bữa tiệc, bạn lại đến dự một bữa khác, và đôi khi đến dự cả bữa tiệc thứ ba, thứ tư". Khi Lejeune cố gắng giải thích lợi ích của việc để dành một ít thức ăn: "Họ cười nhạo tôi. 'Ngày mai' (họ bảo) 'chúng tôi sẽ tổ chức một bữa tiệc nữa với những gì bắt được'."* Nhà nhân học người Israel Nurit Bird - David giải thích: "Vì hành vi của người phương Tây liên quan đến giả định về sự thiếu thốn là điều dễ hiểu nên hành vi của người săn bắt-hái lượm liên quan đến *giả định sung túc* cũng là điều dễ hiểu. Hơn nữa, vì chúng ta phân tích, thậm chí dự đoán, hành vi của người phương Tây bằng cách cho rằng họ xử sự như thể không có đủ, vì vậy chúng ta có thể phân tích, thậm chí dự đoán, hành vi của người săn bắt-hái lượm bằng cách cho rằng họ xử sự như thể họ luôn có đủ." (Nhấn mạnh của chúng tôi.)

Trong khi cư dân nông nghiệp vất vả trồng lúa, khoai tây, lúa mì, ngô, đặc trưng bữa ăn của người hái lượm là rất nhiều loại cây cỏ và sinh vật nhiều chất dinh dưỡng. Nhưng hái lượm mất bao nhiêu công sức? Phải chăng đây là một phương pháp kiếm ăn hiệu quả?

Nhà khảo cổ học David Madsen điều tra hiệu quả về mặt năng lượng của việc săn bắt loài dế Mormon (*Anabrus simplex*), vốn xuất hiện trong thực đơn của thổ dân bản địa ở Utah ngày nay. Nhóm của ông thu thập dế với tốc độ khoảng 800gr dế giòn tan mỗi giờ. Ở

tốc độ này, Madsen tính toán rằng *chỉ trong một giờ làm việc*, người hái lượm có thể thu thập được lượng calorie tương đương với 87 cái bánh mì kẹp xúc xích, 49 miếng pizza, hoặc 43 cái bánh McDonald cỡ lớn - trong khi không hề có chút mỡ và phụ gia gây tắc nghẽn tim.* Trước khi chế giễu yêu cầu phục vụ món dế Mormon, hãy nghĩ đôi chút đến thực tế đáng sợ bị che giấu trong một chiếc bánh mì kẹp xúc xích điển hình. Một nghiên cứu khác thấy rằng người!Kung San (nhắc cho bạn nhớ là ở sa mạc Kalahari) đưa vào cơ thể một lượng trung bình hằng ngày (trong tháng may mắn) 2.140 calorie và 93 g protein. Marvin Harris giải thích đơn giản: "Cư dân thời đồ đá sống khỏe mạnh hơn hầu hết những người sống ngay sau họ."*

Và có lẽ là cũng khỏe mạnh hơn những người xuất hiện sau họ rất lâu. Lâu đài và bảo tàng ở châu Âu đầy những bộ giáp quá nhỏ không ai mặc vừa, trừ những người hiện đại nhỏ bé nhất. Trong khi tổ tiên chúng ta thời Trung cổ nhỏ bé so với tiêu chuẩn hiện đại, nhà khảo cổ Timothy Taylor tin rằng tổ tiên loài người lúc mới kiểm soát được ngọn lửa - cách đây khoảng 1,4 triệu năm - cao hơn người bình thường ngày nay. Các bộ xương đào được ở Hy Lạp và Thổ Nhĩ Kỳ cho thấy nam giới thời tiền nông nghiệp ở những khu vực đó có chiều cao trung bình là 1,77 m, còn phụ nữ là 1,65 m. Từ khi chấp nhận nông nghiệp, chiều cao trung bình đã giảm mạnh. Nhìn chung, người Hy Lạp và người Thổ Nhĩ Kỳ hiện đại vẫn không cao bằng tổ tiên của họ thời cổ đại.

Trên khắp thế giới, sự chuyển đổi sang nông nghiệp đi cùng với sự sụt giảm nghiêm trọng chất lượng bữa ăn và sức khỏe tổng quan của hầu hết mọi người. Jared Diamond đã mô tả đây là "sai lầm trầm trọng nhất trong lịch sử loài người", ông cho rằng: "Người săn

bắt-hái lượm có đời sống thành công và kéo dài nhất trong lịch sử nhân loại. Ngược lại", ông kết luận, "chúng ta vẫn đang vật lộn với mớ rắc rối mà nông nghiệp đẩy chúng ta vào, nhưng có giải quyết được hay không thì chưa rõ."

VỀ CHÍNH TRỊ THỜI KỲ ĐỒ ĐÁ CŨ

Thời tiền sử, người ta ngủ ngày rất nhiều. Trong tài liệu kinh điển và đầy khiêu khích *The Original Affluent Society (*tạm dịch*: Xã hội thịnh vượng nguyên thủy)*, Sahlins lưu ý rằng, đối với người hái lượm, "công việc tìm kiếm thức ăn thành công tới mức một nửa thời gian mọi người dường như không biết phải làm gì với chính mình". Ngay cả thổ dân Úc sống trong một đất nước rõ ràng là đói kém và khắc nghiệt lại không gặp vấn đề gì khi tìm đủ đồ ăn (cũng như ngủ vạ vật ba tiếng mỗi buổi chiều dù đã có nguyên cả đêm nghỉ ngơi). Nghiên cứu của nhà nhân học Richard Lee về người rừng!Kung San ở sa mạc Kalahari thuộc Botswana cho thấy rằng mỗi tuần họ chỉ dành 15 tiếng để tìm thức ăn. "Một phụ nữ hái lượm một ngày thì đủ thức ăn nuôi sống gia đình trong ba ngày, sau đó dành phần thời gian còn lại nghỉ ngơi trong lều, thêu thùa, ghé thăm lều khác, hoặc tiếp đãi khách khứa từ lều khác tới. Đối với một ngày ở nhà, công việc bếp núc thường nhật, chẳng hạn như nấu nướng, bóc hạt, lấy củi và múc nước, chiếm từ một đến ba tiếng đồng hồ. Nhịp điệu làm việc và rỗi rãi đều đều này được duy trì trong suốt cả năm", Lee nói.

Một vài ngày làm, một vài ngày nghỉ. Bạn thấy điều này thế nào?

Do thức ăn được tìm thấy trong môi trường xung quanh, không ai có khả năng kiểm soát việc tiếp cận nhu yếu phẩm của người

khác trong xã hội săn bắt-hái lượm cả. Harris giải thích điều này trong bối cảnh sau đây: "Chủ nghĩa bình quân bắt rễ chắc chắn vào sự thoải mái về tài nguyên, sự đơn giản của công cụ sản xuất, việc thiếu tài sản phi vận chuyển và cấu trúc không ổn định của tập thể."

Khi không thể ngăn ai đó tiếp cận thức ăn và nhà ở cũng như không thể ngăn người ta bỏ đi, thì bạn cũng không thể kiểm soát được họ. Chủ nghĩa bình quân chính trị phổ biến của người hái lượm bắt nguồn từ thực tế đơn giản này. Không chút quyền lực cưỡng ép, lãnh đạo là người được người khác nghe theo - họ là những cá nhân được xung quanh kính trọng. Các "lãnh đạo" này không - và không thể - đòi hỏi người khác phải tuân thủ. Đây không phải là chuyện gì mới mẻ. Trong cuốn *Lectures on Jurisprudence (*tạm dịch*: Những bài giảng về khoa học pháp lý)* xuất bản năm 1896, Adam Smith viết: "Ở đất nước thợ săn, đúng là không hề có chính phủ... (Họ) thống nhất với nhau là cùng nhau giữ gìn an toàn cho nhau, nhưng không có thẩm quyền với nhau."

Chẳng có gì đáng ngạc nhiên khi các nhà tâm lý học tiến hóa bảo thủ coi thái độ quả quyết của người hái lượm đối với việc chia sẻ là một trong những việc hóc búa nhất. Với vị thế mang tính hình tượng của cuốn sách *The Selfish Gene* (Gene vị kỷ) của Dawkins và khái niệm phổ biến về cuộc chiến sinh tồn tất-cả-chống-lại-tất-cả, hàng chục tác giả đã tham gia nhiệm vụ giải thích tại sao người hái lượm lại hào phóng với nhau đến phát điên. Trong cuốn *The Origins of Virtue (*tạm dịch*: Nguồn gốc đức hạnh)*, nhà văn khoa học Matt Ridley tóm tắt mâu thuẫn cố hữu mà họ phải đối mặt.

"Trí óc chúng ta được xây dựng từ các gene vị kỷ, nhưng chúng được xây dựng để trở nên chan hòa, đáng tin và hợp tác." Người ta

phải hết sức thận trọng khi quả quyết rằng thói ích kỷ đang (và luôn luôn) là động cơ chính cho quá trình tiến hóa của loài người, ngay cả khi đối mặt với vô số dữ liệu chứng minh rằng tổ chức xã hội loài người được xây dựng dưới sự thôi thúc chia sẻ suốt nhiều thiên niên kỷ.

Tất nhiên, mâu thuẫn này sẽ biến mất nếu những người đề xướng thuyết *luôn-luôn-ích-kỷ* cho bản chất loài người chấp nhận các giới hạn ngữ cảnh cho lập luận của mình. Nói cách khác, trong một bối cảnh tổng-bằng-không (như bối cảnh của các xã hội tư bản hiện đại nơi chúng ta sống chung với người lạ) thì điều này có nghĩa, ở một mức độ nào đó, con người đề phòng lẫn nhau. Nhưng trong các bối cảnh khác, hành vi con người mang đặc trưng của bản chất hướng tới sự hào phóng.

Ngay cả khi nhiều môn đồ chọn cách phớt lờ những điểm tinh tế trong lập luận của ông, bản thân Dawkins vẫn hết sức thông cảm với họ, ông viết: "Bản chất động vật chủ yếu là vị tha, hợp tác và thậm chí có sự tham gia của các cảm xúc nhân từ chủ quan... Vị tha ở cấp độ cá thể sinh vật có thể trở thành phương tiện để các gene nền tảng tối đa hóa lợi ích tự thân của chúng." Tương tự, mặc dù nổi tiếng với việc phát minh ra khái niệm "gene vị kỷ", Dawkins vẫn coi hợp tác nhóm là một cách thúc đẩy lịch trình công việc của cá nhân (theo đó thúc đẩy lợi ích di truyền của mỗi cá nhân). Tại sao thời đó lại có nhiều môn đồ của ông không sẵn sàng xem xét quan điểm cho rằng hợp tác giữa loài người và các động vật khác có lẽ cũng tự nhiên và hiệu quả như thói ích kỷ thiển cận?

Các loài linh trưởng không phải con người chính là những bằng chứng lý thú về *quyền lực mềm* của hòa bình - và không chỉ lũ tinh tinh lùn dâm dục. Frans de Waal và Denise Johanowicz nghĩ ra

một cuộc thử nghiệm để xem điều gì sẽ xảy ra khi hai loài khỉ đuôi ngắn khác nhau được bố trí ở cùng nhau trong năm tháng. Khỉ nâu Ấn Độ (*Macacamulatta*) hung hăng và bạo lực, trong khi khỉ cộc đuôi (*Macacaarctoides*) được biết đến với thái độ hòa nhã hơn nhiều. Chẳng hạn, khỉ cộc đuôi dàn hòa sau xung đột bằng cách túm lấy hông nhau, trong khi hòa giải hiếm khi xuất hiện ở loài khỉ nâu Ấn Độ. Tuy nhiên, khi hai loài này được sắp xếp ở cùng nhau, các nhà khoa học thấy rằng hành vi hòa giải, hòa bình hơn của loài khỉ cộc đuôi vượt trội thái độ hung hăng của lũ khỉ nâu Ấn Độ. Dần dần, lũ khỉ nâu trở nên bình tĩnh. Như de Waal kể lại: "Bọn trẻ của hai loài chơi với nhau, chải lông cho nhau và ngủ chung thành một bầy lớn. Điều quan trọng nhất, lũ khỉ nâu Ấn Độ phát triển kỹ năng dàn hòa ngang với những người bạn vị tha hơn của nó." Thậm chí khi cuộc thử nghiệm kết thúc và hai loài lại được cho ở chung với chính đồng loại của mình, khả năng hòa giải sau xung đột và chải lông cho địch thủ của lũ khỉ nâu Ấn Độ vẫn cao gấp ba lần*.

May mắn ư? Nhà khoa học thần kinh/linh trưởng học Robert Sapolsky đã dành nhiều thập kỷ quan sát một nhóm khỉ đầu chó ở Kenya, bắt đầu từ khi ông còn là sinh viên năm 1978. Vào giữa thập niên 1980, một tỉ lệ lớn cá thể đực trưởng thành trong nhóm đột ngột chết vì bệnh lao lây từ thức ăn nhiễm khuẩn ở đống rác bên ngoài một khách sạn dành cho khách du lịch. Nhưng số thức ăn thừa quý giá (mặc dù nhiễm khuẩn) chỉ do những con khỉ đầu chó hung dữ nhất ăn, sau khi đã đuổi hết những con đực kém hiếu chiến hơn, con cái, hoặc con non đi chỗ khác. Trời có mắt! Khi toàn bộ bọn khỉ đực rắn mặt đã chết, số hiền lành sống sót lên nắm quyền. Đàn khỉ không được bảo vệ trở thành kho báu sẵn sàng cho lũ cướp biển: cả đàn bao gồm con cái, con non chưa trưởng thành và

những con đực dễ bảo đứng trước nguy cơ bị một số gã láng giềng bất trị tung tăng nhảy vào, bắt đầu cưỡng hiếp và cướp bóc.

Do ở tuổi vị thành niên thì khỉ đầu chó đực rời đàn nơi nó sinh ra, trong vòng một thập kỷ sau biến cố đống rác, không một con đực nguyên gốc, phi hiếu chiến không điển hình nào còn sót lại nữa. Nhưng như Sapolsky báo cáo: "văn hóa độc đáo của bầy đang được những cá thể đực mới gia nhập chấp nhận. Năm 2004, Sapolsky báo cáo rằng hai thập kỷ sau bi kịch bệnh lao, tỉ lệ khỉ đực của đàn chải lông và liên kết với khỉ cái vẫn cao hơn bình thường, nhóm thống trị hiền lành một cách bất thường, và bằng chứng sinh lý cho thấy mức độ lo lắng thấp hơn bình thường giữa những con đực cấp thấp thường bị gây áp lực. Thậm chí gần đây hơn, Sapolsky cho chúng tôi biết rằng trong chuyến thăm gần nhất của ông, vào mùa hè năm 2007, văn hóa độc đáo của đàn vẫn tỏ ra nguyên vẹn.*

Trong cuốn *Hierarchy in the Forest (Cấp bậc trong rừng)*, nhà linh trưởng học Christopher Boehm lập luận rằng chủ nghĩa bình quân là một hệ thống chính trị rất hợp lý, thậm chí có thứ bậc, ông viết: "Những cá nhân nào không bị lệ thuộc sẽ đủ thông minh để thành lập một liên minh chính trị lớn và thống nhất, và họ làm vậy nhằm mục đích nhanh chóng không cho kẻ mạnh thống trị kẻ yếu." Theo Boehm, người hái lượm hết sức nham hiểm khi từ chối tuân lệnh, ông viết: "Người hái lượm du mục lúc nào cũng - và gần như bị ám ảnh - lo lắng đến việc thoát khỏi quyền lực của kẻ khác."

Chắc hẳn thời tiền sử là một giai đoạn khó khăn cho những kẻ thích làm lớn. "Một cá nhân được trời phú cho niềm đam mê kiểm soát", nhà tâm lý học Erich Fromm viết, "sẽ là kẻ thất bại về mặt giao tiếp và không có chút ảnh hưởng nào."

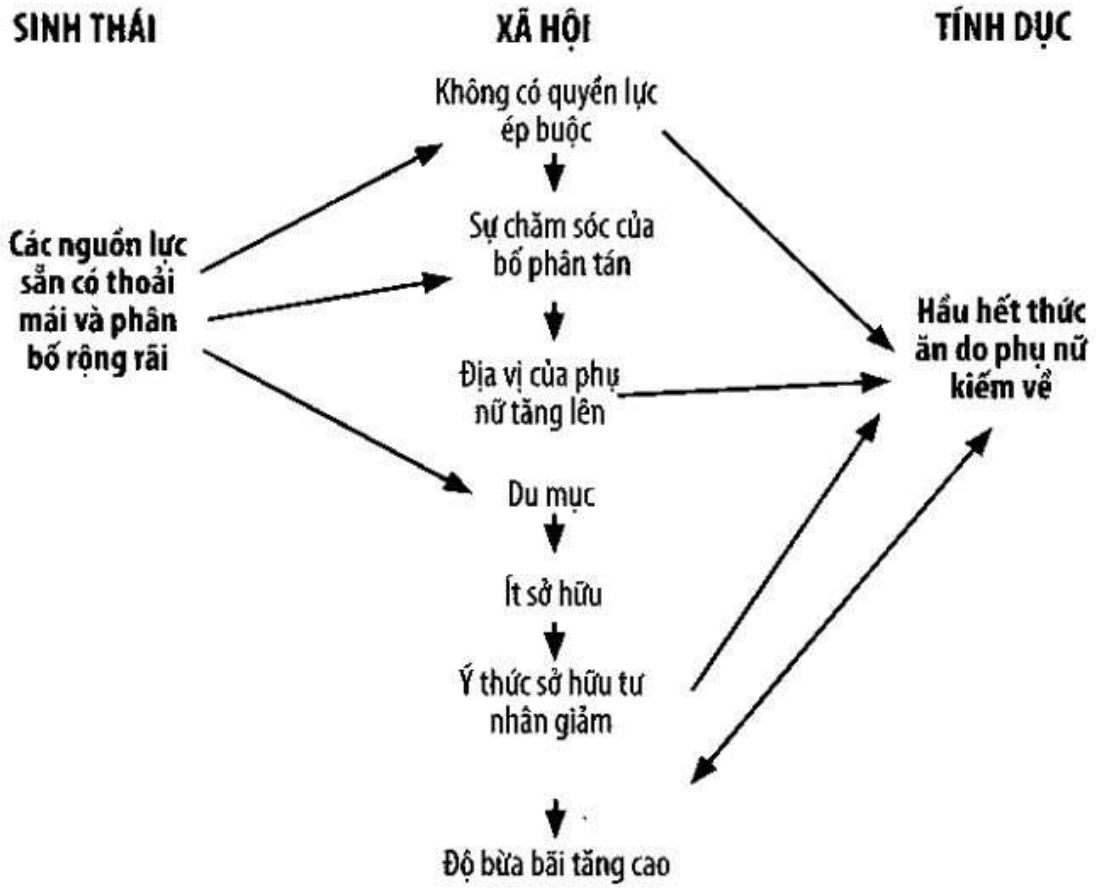
SINH THÁI
XÃ HỘI
TÍNH DỤC
Không có quyền lực ép buộc
Sự chăm sóc của bố phân tán
Địa vị của phụ nữ tăng lên
Du mục
Ít sở hữu
Ý thức sở hữu tư nhân giảm
Độ bừa bãi tăng cao
Các nguồn lực sẵn có thoải mái và phân bố rộng rãi
Hầu hết thức ăn do phụ nữ kiếm về

Nhờ tác động tổng hợp của các yếu tố như: mật độ dân số rất thấp, hệ thống tiêu hóa thiên về tính ăn tạp, trí tuệ xã hội tăng cao dị thường, thói quen chia sẻ thức ăn có tính tổ chức, hoạt động tính dục bừa bãi thoải mái dẫn tới sự phổ biến hoạt động chăm sóc con trẻ và bảo vệ nhóm - điều gì sẽ xảy ra nếu thời tiền sử của loài người là thời kỳ tương đối hòa bình và thịnh vượng? Nếu không phải là "Kỷ nguyên vàng" thì ít ra cũng phải là "Kỷ nguyên bạc"? Không rơi vào ảo mộng thiên đường, liệu chúng ta có thể - có dám - nghĩ đến khả năng tổ tiên chúng ta sống trong một thế giới mà hầu hết mọi người, trong hầu hết mọi ngày, đều đủ sống? Đến giờ, mọi người đều đã nghe thấy câu "không có bữa trưa nào là miễn phí cả". Nhưng điều gì sẽ xảy ra nếu giống loài chúng ta tiến hóa trong một thế giới mà mọi bữa trưa đều miễn phí? Cái nhìn của chúng ta về thời tiền sử (và theo đó là về chính chúng ta) sẽ khác thế nào nếu chúng ta thấy rằng cuộc hành trình của mình bắt đầu từ lúc và từ nơi nhàn nhã, dồi dào chứ không phải là khổ sở và khan hiếm?

Có thể một số người sẽ khó chấp nhận, nhưng bằng chứng cho thấy rõ rằng trước khi nông nghiệp xuất hiện, tổ tiên chúng ta không phải chịu cảnh khan hiếm rộng khắp, kinh niên. Thiếu hụt thức ăn kinh niên và nền kinh tế dựa trên sự khan hiếm là những di tích của hệ thống xã hội xuất hiện cách đây chưa đầy 10.000 năm. Trong lời giới thiệu của cuốn *Limited Wants, Unlimited Means (Nhu cầu giới hạn, của cải vô hạn)*, Gowdy chỉ ra sự mỉa mai cốt lõi: "Người săn bắt-hái lượm dành thời gian nhàn rỗi dồi dào của mình để ăn, uống, chơi, giao tiếp - nói ngắn gọn là làm tất cả mọi thứ mà chúng ta đánh đồng với sự giàu có".

Mặc dù không có bằng chứng chắc chắn nào ủng hộ cho điều này, cách nhìn của Hobbes về thời tiền sử quá dễ chịu về mặt cảm xúc

đến nỗi công chúng ít khi nghe thấy những bằng chứng hạ bệ cách nhìn này về một quá khứ mang tính khải huyền, "răng và vuốt dính máu đỏ". Cái nhìn về bản chất con người bên trong lý thuyết kinh tế phương Tây là sai lầm. Quan điểm cho rằng con người chỉ bị thôi thúc bởi lợi ích bản thân, theo lời Gowdy, là "một quan điểm thiểu số vô cùng nhỏ bé giữa hàng chục nghìn nền văn hóa đã từng tồn tại kể từ khi *Homo sapiens* xuất hiện cách đây khoảng 200.000 năm". Đối với đại đa số thế hệ con người từng xuất hiện trên trái đất này, khó mà nghĩ tới chuyện tích trữ thức ăn khi những người xung quanh phải chịu đói. Gowdy viết: "Người săn bắt-hái lượm thể hiện con người *phi kinh tế*."

Hãy nhớ rằng, ngay cả những cư dân "khốn khổ" của Tierra del Fuego, bị coi là "dưới đáy nấc thang loài người", đã quẳng cuốc và bước ra khỏi vườn ngay khi tàu *HMS Beagle* vừa đi khỏi tầm mắt. Họ biết rõ người "văn minh" sống như thế nào, nhưng họ "không chút mong muốn trở lại nước Anh". Sao phải trở lại cơ chứ? Họ "hạnh phúc và hài lòng" với "rất nhiều trái cây", "rất nhiều cá", và "rất nhiều chim chóc".

13

CUỘC CHIẾN KHÔNG HỒI KẾT TRONG CHIẾN TRANH TIỀN SỬ (TÀN BẠO)

Những người ủng hộ thuyết tiến hóa nói rằng trong những ngày cuối đời, một con thú dữ, không rõ tên tuổi và bản chất, đã gieo hạt giống giết chóc; và rằng sự thôi thúc bắt nguồn từ hạt giống đó đập mãi trong huyết quản con cháu của con thú đó...

• WILLIAM JENNINGS BRYAN*

Vì những người theo trào lưu Hobbes cho rằng hôn nhân một vợ một chồng gắn với số phận con người vĩnh viễn, họ kiên định rằng chiến tranh, cùng với nghèo đói, đóng vai trò căn bản đối với bản chất của chúng ta. Chẳng hạn, tác giả Nicolas Wade tuyên bố rằng "chiến tranh giữa các xã hội tiền nhà nước diễn ra liên miên, tàn khốc và với mục đích chung, thường đạt được, là hủy diệt đối thủ".* Theo quan điểm này, thiên hướng của chúng ta đối với xung đột có tổ chức mang gốc rễ sâu xa từ quá khứ sinh học của chính mình, từ thời tổ tiên linh trưởng xa xưa theo cách của các cụ tổ hái lượm. Đó luôn luôn là gây chiến, chứ không phải là làm tình.

Nhưng đối với tổ tiên hái lượm của chúng ta, hợp tác là một

nguyên tắc thúc đẩy quan trọng hơn nhiều so với chiến tranh đẫm máu, tổng bằng không… chính xác là để đạt được cái gì? Mặc dù không chắc chắn là đời sống người hái lượm có bị quấy rầy bởi "chiến tranh liên miên" hay không, Wade vẫn thừa nhận rằng "người xưa sống trong những xã hội bình quân nhỏ, không có tài sản, không có lãnh đạo hay sự khác biệt về cấp bậc. Vậy mà chúng ta lại hiểu rằng các nhóm quân bình, không phân cấp bậc, sống du mục không có tài sản liên tục gặp chiến tranh? Xã hội săn bắt-hái lượm, sở hữu quá ít nên cũng có ít thứ để mất (ngoài tính mạng của bản thân), sống trên một hành tinh rộng mở không giống chút nào với việc sống trong một xã hội ổn định, dân cư đông đúc luôn đấu tranh để khỏi bị teo nhỏ hoặc tranh tài nguyên tích lũy trong các thời điểm lịch sử*. Việc gì phải thế?

Chúng tôi không có chỗ để đưa ra câu trả lời chung cho khía cạnh này trong mô tả chuẩn mực của Hobbes, nhưng chúng tôi đã chọn ra ba đại diện nổi tiếng nhất để có được cái nhìn gần hơn về các lập luận và dữ liệu của họ: nhà tâm lý học tiến hóa Steven Pinker, nhà linh trưởng học đáng kính Jane Goodall và nhà nhân học hiện vẫn còn sống nổi tiếng nhất thế giới Napoleon Chagnon.*

TIẾN SĨ PINKER THAM CHIẾN

Hãy tưởng tượng một chuyên gia trứ danh đứng trước đám đông khán giả và lập luận rằng người châu Á lái xe rất kém. Để ủng hộ cho lập luận của mình, ông đưa ra thống kê tai nạn từ bảy nước: Argentina, Ba Lan, Ireland, Nigeria, Canada, Ý và Nga. "Chờ chút", có thể bạn sẽ nói, "mấy nước đấy đâu phải châu Á - có lẽ trừ nước Nga". Ông ấy sẽ cười lăn ra sân khấu mất.

Năm 2007, Steven Pinker, giáo sư Harvard nổi tiếng thế giới và

là tác giả sách bán chạy đã có một bài thuyết trình như vậy tại hội nghị uy tín TED (Technology - Công nghệ, Entertainment - Giải trí, Design - Thiết kế) ở Long Beach, California.* Bài thuyết trình của Pinker vừa đưa ra một tuyên bố chính xác quan điểm theo chủ nghĩa Hobbes mới đối với nguồn gốc chiến tranh đồng thời đem đến một cái nhìn sáng tỏ cho các chiến thuật mơ hồ thường được sử dụng để quảng bá cảnh tượng vấy máu này. Bài nói chuyện hai mươi phút này sẵn có tại website của TED*. Chúng tôi khuyến khích các bạn hãy xem ít nhất năm phút đầu tiên (về thời tiền sử) trước khi đọc phần thảo luận tiếp theo. Xem đi. Chúng tôi sẽ chờ ở đây.

Mặc dù Pinker bỏ ra không đầy 10% thời gian để thảo luận về người săn bắt-hái lượm (bạn sẽ nhớ lại rằng đây là một hình thái xã hội chiếm hơn 95% thời gian của chúng ta trên hành tinh này), ông vẫn thành công trong việc làm cho mọi thứ trở nên rối tinh rối mù.

Ba phút rưỡi trong bài nói chuyện của mình, Pinker giới thiệu một biểu đồ dựa trên cuốn *War Before Civilization: The Myth of the Peaceful Savage (*tạm dịch*: Chiến tranh trước văn minh: Bí ẩn của người man rợ hòa bình)* của Lawrence Keely. Biểu đồ thể hiện "tỉ lệ tử vong của nam giới do chiến tranh trong một số xã hội hái lượm hoặc săn bắt và hái lượm". Ông tuyên bố biểu đồ này cho thấy nam giới săn bắt-hái lượm ít khả năng chết trong chiến tranh hơn nam giới ngày nay.

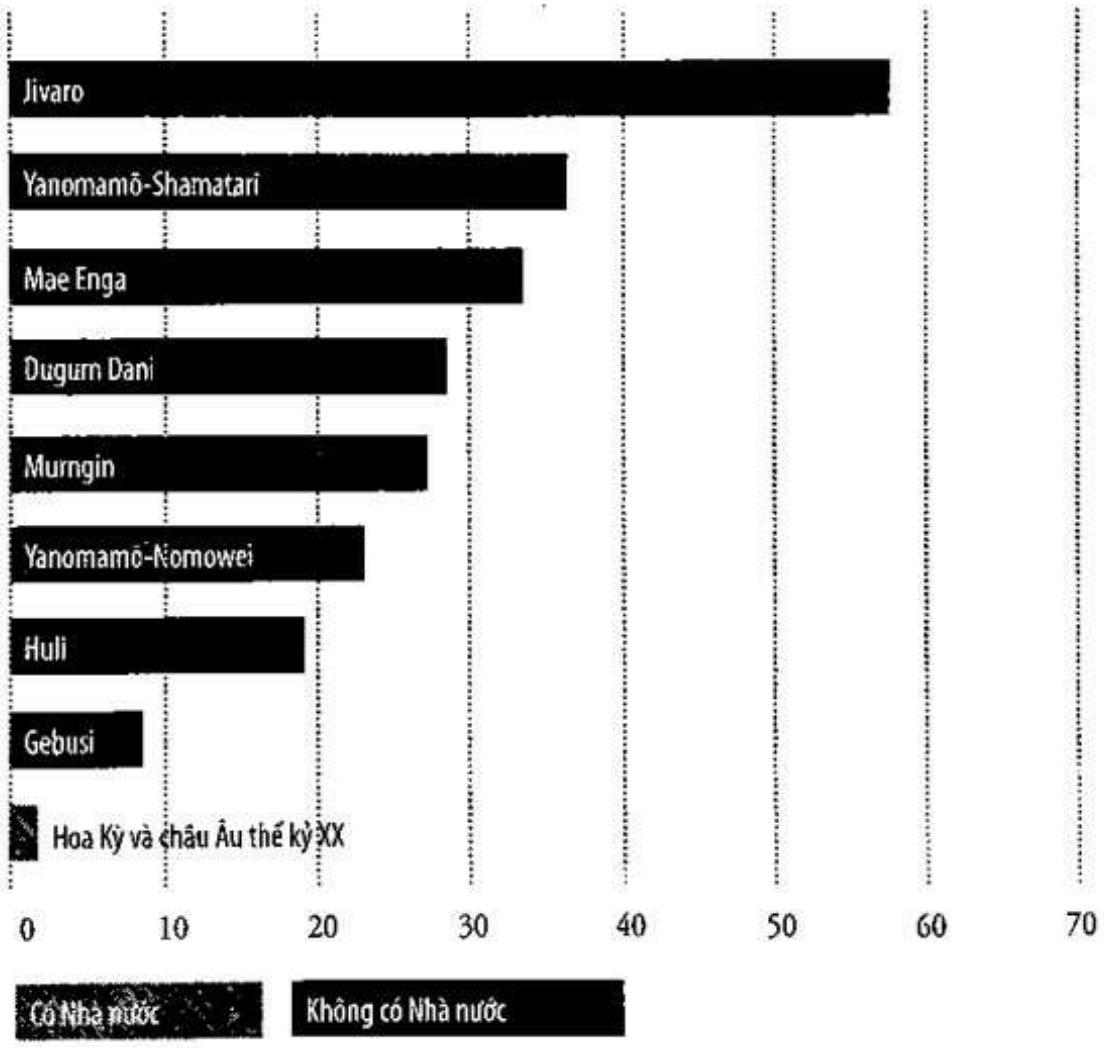

Biểu đồ của Pinker (Tỉ lệ tử vong của nam giới do chiến tranh)

Nhưng từ từ đã. Hãy nhìn kỹ hơn biểu đồ này. Nó liệt kê bảy nền văn hóa "săn bắt-hái lượm" tiêu biểu để thể hiện tỉ lệ chết của nam giới thời tiền sử liên quan đến chiến tranh. Bảy nền văn hóa liệt kê ở đây bao gồm Jivaro, hai nhánh Yanomami, Mae Enga, DugumDani, Murngin, Hull và Gebusi. Người Jivaro và cả hai nhóm Yanomami đều ở khu vực Amazon; người Murngin đến từ vùng duyên hải phía bắc Úc, còn bốn nền văn hóa khác đều ở các cao nguyên đông dân, nhiều xung đột đến mức bất thường ở Papua New Guinea. Liệu các nhóm này có đại diện cho tổ tiên săn bắt-hái lượm của chúng ta được không?

Không hề*.

Trong số bảy cộng đồng mà Pinker nêu ra, chỉ có một (người Murngin) là gần với xã hội săn bắt-hái lượm làm-bao-nhiêu-ăn-bấy-nhiêu (đại loại giống như Nga thuộc châu Á, nếu bạn phớt lờ những thành phố lớn nhất của nước này và bẻ cong các định nghĩa). Đến thời điểm các dữ liệu Pinker nêu ra được thu thập vào năm 1975 - không phải là những điều kiện tiền sử chính xác, người Murngin từng sống chung với những nhà truyền giáo, súng ống và xuồng máy bằng nhôm hàng thập kỷ rồi.

Trong số các cộng đồng khác mà Pinker nêu ra, không một cộng đồng nào thật sự săn bắt-hái lượm. Họ canh tác khoai, chuối, hoặc mía trong vườn làng, đồng thời nuôi lợn, lạc đà không bướu, hoặc gà. Ngoài việc các cộng đồng này không phải là đại diện xa xôi cho tổ tiên tiền sử săn bắt-hái lượm du mục kiếm gì ăn nấy của chúng ta, các dữ liệu Pinker trích dẫn còn có nhiều vấn đề khác. Trong cộng đồng người Yanomami, mức độ chiến tranh thực thụ là để tài tranh cãi say sưa của các nhà nhân học, và chúng ta sẽ thảo luận ngay sau đây. Ngay cả người Murngin cũng không điển hình cho

các nền văn hóa bản địa châu Úc, cho thấy một ngoại lệ khát máu đối với mô hình thổ dân châu Úc điển hình có rất ít hoặc không có xung đột giữa các nhóm với nhau. Pinker cũng không hiểu đúng về người Gebusi. Bruce Knauft, nhà nhân học có dữ liệu được trích dẫn trong biểu đồ đáng xấu hổ của Pinker, nói rằng tỉ lệ tử vong cao của người Gebusi *chẳng liên quan gì đến chiến tranh cả*. Trên thực tế, Knauft cho biết chiến tranh "hiếm" khi xảy ra với người Gebusi, viết, "Tranh chấp lãnh thổ hoặc tài nguyên xảy ra cực kỳ ít và có xu hướng rất dễ giải quyết."*

Bất chấp tất cả những điều này, Pinker vẫn đứng trước khán giả và nói, với vẻ mặt nghiêm túc, rằng biểu đồ của ông mô tả một đánh giá đúng về tỉ lệ tử vong điển hình của người săn bắt-hái lượm trong chiến tranh tiền sử, điều thật sự khá khó tin.*

Nhưng Pinker không đơn độc trong việc sử dụng trò nhanh-tay-nhanh-mắt vào việc bảo vệ quan điểm bi quan của Hobbes về thời tiền sử của loài người. Trên thực tế, việc sử dụng có chọn lọc những dữ liệu mơ hồ này là phổ biến trong các tác phẩm viết về sự khát máu của con người.

Trong cuốn *Demonic Males (*tạm dịch*: Đàn ông bị quỷ ám)*, Richard Wrangham và Dale Peterson thừa nhận rằng chiến tranh là điều bất thường về bản chất, "một ngoại lệ đáng kinh ngạc đối với quy luật thông thường của động vật". Họ lập luận, vì bạo lực giữa các nhóm đã được ghi nhận ở cả con người lẫn tinh tinh nên xu hướng chiến tranh có thể là một đặc tính con người cổ đại, tính từ thời tổ tiên chung cuối cùng của chúng ta. Họ tuyên bố, chúng ta là "những kẻ sống sót đang choáng váng từ thói quen hiếu chiến chết người kéo dài liên tục năm triệu năm". Ái chà. Thế còn tinh tinh lùn ở đâu? Trong một cuốn sách hơn 250 trang, từ "tinh tinh lùn"

chỉ xuất hiện mười một lần, và loài này bị gạt bỏ vì ít liên quan đến tổ tiên chung của chúng ta hơn tinh tinh thông thường - mặc dù nhiều nhà linh trưởng học nghĩ ngược lại*. Nhưng ít ra thì họ còn nhắc đến tinh tinh lùn. Năm 2007, David Livingston Smith, tác giả cuốn *The Most Dangerous Animal: Human Nature and the Origins of War (*tạm dịch*: Loài vật nguy hiểm nhất: Bản chất con người và nguồn gốc chiến tranh)*, đã công bố bài luận khảo sát về cuộc tranh luận quanh vấn đề tiến hóa cho rằng chiến tranh bắt nguồn từ quá khứ linh trưởng của chúng ta. Trong báo cáo rùng rợn của ông về việc tinh tinh đánh nhau và ăn tươi nuốt sống nhau, Smith liên tục gọi chúng là "những người bà con không phải con người gần gũi nhất của chúng ta". Đọc bài luận của ông, bạn sẽ không bao giờ biết được rằng chúng ta còn có một người bà con không phải con người khác cũng gần gũi không kém. Tinh tinh lùn và những bài học thiết yếu mà loài này mang đến bị bỏ quên và không hề được tiếp thu*.

Trong khi dũng cảm đối mặt với những ngụ ý ảm đạm về độ bạo lực của tinh tinh, lẽ nào loài tinh tinh lùn không-đánh-nhau, không-kém-liên-quan lại không được nhắc tới? Tại sao lại chỉ toàn kêu gào về dương (yang) mà không một lời thì thầm nào về âm (yin)? Toàn bóng tối chứ không có chút ánh sáng nào có thể khiến độc giả hào hứng, nhưng không thể khai sáng họ được. Kỹ thuật ối-quên-không-nhắc-đến-tinh-tinh-lùn rất phổ biến trong các tác phẩm viết về nguồn gốc cổ đại của chiến tranh.

Nhưng sự vắng mặt dễ nhận thấy của tinh tinh lùn không chỉ đáng chú ý trong những tranh luận về chiến tranh. Hãy tìm sự vắng mặt của chúng ở bất cứ nơi nào có người tuyên bố về nguồn gốc cổ xưa cho sự bạo lực của nam giới loài người ở bất cứ dạng nào. Hãy xem bạn có thể tìm thấy tinh tinh lùn không trong vấn đề

nguồn gốc của cưỡng hiếp, trong cuốn *The Dark Side of Man (*tạm dịch*: Mặt tối con người)*: "Nam giới không 'phát minh' ra cưỡng hiếp. Thay vào đó, rất có khả năng họ đã thừa hưởng hành vi cưỡng hiếp từ dòng dõi tổ tiên loài khỉ của mình. Cưỡng hiếp là chiến lược sinh sản chuẩn của nam giới và chắc là đã tồn tại trong hàng triệu năm. Nam giới, tinh tinh đực và đười ươi đực thường xuyên cưỡng hiếp con cái. Khỉ đột hoang dã dùng vũ lực bắt cóc con cái để giao phối. Khỉ đột nuôi nhốt cũng cưỡng hiếp con cái."*

Hãy gạt sang một bên những rắc rối của việc định nghĩa thế nào là *cưỡng hiếp* ở các loài không phải con người không có khả năng truyền lại kinh nghiệm và động lực, cưỡng hiếp - cùng với hành động giết trẻ con, chiến tranh và giết người - chưa bao giờ được phát hiện ở tinh tinh lùn sau vài thập kỷ quan sát ở cả môi trường hoang dã lẫn nuôi nhốt. *Chưa bao giờ.*

Thậm chí điều đó chẳng đáng được một dòng chú thích ở cuối trang ư?

SỰ BIẾN MẤT BÍ ẨN CỦA MARGARET POWER

Tuy nhiên, bên cạnh những hoài nghi mà tinh tinh lùn gây ra, vẫn có những câu hỏi nghiêm túc đáng đặt ra về "chiến tranh" của tinh tinh. Năm 1970, Richard Wrangham đang là sinh viên năm cuối nghiên cứu về mối liên hệ giữa nguồn cung cấp thức ăn với hành vi của tinh tinh tại trung tâm nghiên cứu của Jane Goodall ở Gombe, Tanzania. Năm 1991, năm năm trước khi cuốn *Đàn ông bị quỷ ám* của Wrangham và Peterson ra mắt, Margaret Power xuất bản một cuốn sách được nghiên cứu cẩn thận *The Egalitarians: Human and Chimpanzee (*tạm dịch*: Những người theo chủ nghĩa bình quân: Con người và tinh tinh)* đặt ra những câu hỏi quan

trọng liên quan tới một số nghiên cứu của Goodall về tinh tinh (phải nói rằng không thể hiện bất cứ điều gì ngoài ngưỡng mộ sự chính trực khoa học và chuyên tâm của Goodall). Nhưng tên của Power và những hoài nghi của bà không hề xuất hiện trong *Đàn ông bị quỷ ám.*

Power nhận thấy rằng dữ liệu mà Goodall thu thập được trong những năm đầu tiên ở Gombe (từ 1961 đến 1965) đã vẽ nên một bức tranh khác về tương tác xã hội so với thứ chiến tranh mà bà và đồng nghiệp công bố trước sự hoan nghênh của toàn thế giới sau đó ít năm. Quan sát từ bốn năm đầu tiên đó ở Gombe đã khiến Goodall có ấn tượng là tinh tinh "hòa bình hơn nhiều so với con người". Bà không thấy bằng chứng "chiến tranh" nào giữa các nhóm và chỉ thỉnh thoảng mới có bùng phát bạo lực giữa các cá nhân với nhau.

Những ấn tượng ban đầu này về nền hòa bình chung của linh trưởng khớp với kết quả nghiên cứu được công bố sau đó bốn thập kỷ, năm 2002, bởi hai nhà linh trưởng học Robert Sussman và Paul Garber, sau khi rà soát tổng quát các tài liệu khoa học về hành vi giao tiếp ở linh trưởng. Sau khi đánh giá hơn 80 nghiên cứu về cách các loài linh trưởng sử dụng thời gian lúc thức, họ thấy rằng "ở hầu hết các loài, từ vượn cáo - loài linh trưởng nguyên thủy nhất - đến các loài khỉ... chúng thường sử dụng không quá 5% thời gian trong ngày cho bất cứ hành vi giao tiếp tích cực nào". Sussman và Garber thấy rằng "thường là chưa đầy 1% thời gian trong ngày được dùng cho việc đánh nhau hoặc tranh đua, và thấp hơn 1% đến mức bất thường". Họ nhận thấy các hành vi hợp tác, liên kết như vui đùa và chải lông phổ biến gấp 10 đến 20 lần so với hành vi mang tính xung đột ở tất cả các loài linh trưởng.*

Nhưng ấn tượng của Goodall về sự hòa thuận tương đối sẽ phải thay đổi - theo lập luận của Power là không phải tình cờ - đúng lúc bà và các sinh viên bắt đầu mang đến cho lũ tinh tinh hàng trăm quả chuối mỗi ngày nhằm dụ chúng đến quanh trại để quan sát dễ hơn.

Trong môi trường hoang dã, tinh tinh tản ra để tìm thức ăn theo từng cá nhân riêng lẻ hoặc theo nhóm nhỏ. Bởi thức ăn rải rác khắp rừng nên cạnh tranh là điều bất thường. Nhưng, như Frans de Waal giải thích, "ngay khi con người bắt đầu cung cấp thức ăn, thì kể cả đang ở trong rừng, sự bình yên cũng nhanh chóng bị phá vỡ".*

Không có gì ngạc nhiên khi hàng đống hoa quả thơm ngon để trong những thùng đựng khóa lại chắc chắn chỉ mở đều đặn vào những thời điểm cho ăn cố định đã thay đổi đáng kể hành vi của lũ tinh tinh. Trợ lý của Goodall đã phải liên tục dựng lại những chiếc thùng vì lũ khỉ cáu giận đã tìm đủ mọi cách để táy máy hoặc đập cho chúng mở ra. Trái cây chín không ăn được ngay là một trải nghiệm mới dành cho chúng - làm cho chúng trở nên bối rối và cáu giận. Hãy tưởng tượng cảnh ta đang ở trong một căn phòng đầy những đứa trẻ ba tuổi bướng bỉnh vào buổi sáng Giáng sinh (mỗi đứa có sức mạnh bằng bốn người đàn ông trưởng thành) và nói với chúng rằng chúng phải chờ một khoảng thời gian không xác định để mở hàng chồng quà tặng mà chúng có thể thấy ngay kia, dưới gốc cây.

Mấy năm sau nhớ lại thời kỳ này, Goodall viết: "Việc cho ăn liên tục đang tạo ra một hiệu ứng rõ ràng đối với hành vi của lũ tinh tinh. Chúng bắt đầu chuyển động theo từng nhóm lớn thường xuyên hơn so với trước đây. Chúng ngủ gần trại và buổi sáng đến

thành từng đàn ồn ào. Tệ nhất là *những con đực trưởng thành bắt đầu trở nên mỗi lúc một hung hăng hơn... Không chỉ đánh nhau nhiều hơn hẳn trước đây*, hằng ngày nhiều con còn lượn lờ quanh trại hết giờ này sang giờ khác*. (Nhấn mạnh của chúng tôi).

Những hoài nghi mà Margaret Power nêu ra liên quan đến việc Goodall cho tinh tinh ăn đã bị hầu hết các nhà linh trưởng học phớt lờ chứ không phải chỉ một mình Wrangham.* Chẳng hạn, Michael Ghiglieri đến khu rừng Kibale ở gần Uganda để nghiên cứu tinh tinh, đặc biệt nhằm đáp lại quan điểm cho rằng xung đột giữa các nhóm mà đội của Goodall được chứng kiến là hệ quả của những tác động bóp méo do mấy thùng chuối gây ra. Ghiglieri viết: "Nhiệm vụ của tôi [là] tìm hiểu xem những vụ giết chóc như chiến tranh này có bình thường hay không, hay là kết quả của việc các nhà nghiên cứu cung cấp thức ăn cho lũ tinh tinh để quan sát chúng." Nhưng cái tên Margaret Power thậm chí còn không xuất hiện trong phần phụ lục cuốn sách của Ghiglieri, xuất bản sau cuốn sách của bà tám năm.

Trong cuốn sách này, do giới hạn về trang sách, chúng tôi không thể khảo sát một cách đầy đủ những vấn đề mà Power nêu lên, hoặc để xử lý những báo cáo sau đó về xung đột nhóm giữa một số (nhưng không phải tất cả) tinh tinh không được cho ăn ở các khu vực nghiên cứu khác.* Mặc dù có những hoài nghi về động lực của Pinker và Chagnon (xem dưới đây), chúng tôi không nghi ngờ gì về ý định hoặc tính chính trực về mặt khoa học của Jane Goodall - cũng như Margaret Power. Mặc dù những câu hỏi phiền phức của bà nhìn chung đều bị gạt bỏ, nếu không hoàn toàn bị lờ đi, công trình của Power xứng đáng được cân nhắc bởi bất cứ ai nghiêm túc quan tâm đến cuộc tranh luận về nguồn gốc chiến tranh có thể có ở

linh trưởng.

CHIẾN LỢI PHẨM

Những câu hỏi của Margaret Power hướng vào đúng trọng tâm vấn đề: tại sao lại phải đánh nhau khi chẳng có gì để mà đánh nhau? Trước khi các nhà khoa học bắt đầu chu cấp cho lũ khỉ, thức ăn xuất hiện khắp rừng, vì vậy bọn tinh tinh mới tản ra để tìm cái ăn hằng ngày. Tinh tinh thường gọi đồng bọn đến khi tìm thấy cây có trái chín; hỗ trợ lẫn nhau khiến mọi người đều được giúp đỡ và cung cấp thức ăn trong rừng không phải là một nỗ lực tổng-bằng-không. Nhưng ngay khi hiểu rằng mỗi ngày chỉ có một lượng hạn chế thức ăn dễ kiếm, càng lúc càng có nhiều tinh tinh bắt đầu "lượn lờ" và đến thành "từng đàn ầm ĩ", hung hăng. Không lâu sau, Goodall và các sinh viên bắt đầu chứng kiến "cuộc chiến" giữa các đàn tinh tinh, lúc này đã trở nên lan rộng.

Giờ thì bọn tinh tinh đã có thứ để mà đánh nhau rồi: một nguồn thức ăn tập trung, chắc chắn, nhưng có giới hạn. Bỗng nhiên chúng phải sống trong một thế giới tổng-bằng-không.

Áp dụng cách lý giải này cho các cộng đồng loài người, chúng ta bị bỏ lại với thắc mắc không hiểu tại sao người săn bắt-hái lượm kiếm-gì-ăn-nấy lại phải mạo hiểm tính mạng để đánh nhau. Chính xác là vì cái gì? Thức ăn ư? Đầy rẫy ngoài môi trường kia kìa. Những cộng đồng bản địa ở các vùng có thức ăn tập trung theo điều kiện tự nhiên, chẳng hạn như dòng cá hồi định kỳ ở tây bắc Thái Bình Dương thuộc Mỹ và Canada, không có xu hướng trở thành người săn bắt-hái lượm kiếm-gì-ăn-nấy. Ở những điểm như vậy, chúng ta có nhiều khả năng tìm thấy những cộng đồng phức tạp, phân cấp rõ ràng như người Kwakiutl (được thảo luận sau đây). Tài

sản ư? Người hái lượm có ít tài sản mang giá trị phi-cảm xúc. Đất đai ư? Tổ tiên chúng ta tiến hóa trên một hành tinh gần như vắng bóng người trong đại đa số thời gian tồn tại với tư cách một giống loài. Phụ nữ ư? Có thể, nhưng tuyên bố này hàm chứa ý niệm cho rằng tăng trưởng dân số là điều quan trọng đối với người hái lượm, rằng phụ nữ là hàng hóa để tranh giành và trao đổi với nhau như gia súc đối với người chăn nuôi. Có lẽ với người hái lượm, giữ cho dân số ổn định quan trọng hơn là tăng trưởng. Như chúng ta đã thấy, khi một nhóm đạt tới một lượng người nhất định, nó có xu hướng tách thành các nhóm nhỏ hơn, và không có ưu thế cố hữu nào trong việc có nhiều miệng ăn hơn trong những cộng đồng ở cấp độ nhóm. Chúng ta cũng thấy rằng phụ nữ và nam giới được tự do đi lại trong các nhóm khác nhau thuộc hệ thống xã hội chia tách vốn điển hình của người săn bắt-hái lượm, tinh tinh và tinh tinh lùn.

Những phản ứng nhân quả giữa các cấu trúc xã hội (hái lượm, làm vườn, trồng trọt, công nghiệp), mật độ dân số và khả năng xảy ra chiến tranh nhận được sự ủng hộ từ những cuộc nghiên cứu của nhà xã hội học Patrick Nolan, thấy rằng "chiến tranh có nhiều khả năng xảy ra ở các cộng đồng làm vườn và trồng trọt hơn là ở các cộng đồng săn bắt-hái lượm và làm vườn đơn giản". Khi giới hạn bản phân tích của mình ở các xã hội săn bắt-hái lượm và trồng trọt, Nolan thấy rằng mật độ dân số trên mức trung bình là công cụ dự báo tốt nhất của chiến tranh.*

Phát hiện này có vấn đề do lập luận cho rằng chiến tranh loài người là một "thói quen năm triệu năm", bởi mật độ dân số của tổ tiên chúng ta vẫn thấp cho đến khi bùng nổ dân số thời kỳ hậu nông nghiệp chỉ mới xảy ra cách đây vài nghìn năm. Nghiên cứu

gần đây xem xét những thay đổi trong ADN ty thể khẳng định rằng dân số loài người toàn cầu thời tiền sử vốn đã thấp nay sụt xuống gần tới mức tuyệt chủng ở một vài thời điểm (do thảm họa khí hậu có thể bắt nguồn từ núi lửa phun trào, thiên thạch tấn công và dòng đại dương đột ngột biến đổi). Dân số *Homo sapiens* toàn thế giới có thể đã sụt xuống chỉ còn vài nghìn cá thể cách đây 74.000 năm, khi vụ phun trào khổng lồ ở Toba phá vỡ khí hậu thế giới nghiêm trọng. Nhưng như đã nói ở trên, ngay cả khi phần lớn Bắc bán cầu bị băng giá bao phủ, thế giới của tổ tiên xa xưa chúng ta vẫn không hề đông đúc.*

Kết quả thống kê đã làm rõ thêm mối quan hệ giữa dân số và chiến tranh ở những thời điểm lịch sử gần đây. Nhà sinh thái học Peter Turchin và nhà nhân học Andrey Korotayev khảo sát dữ liệu lịch sử Anh, Trung Quốc và La Mã, tìm thấy nhiều tương quan mạnh về mặt thống kê giữa tăng mật độ dân số và chiến tranh. Nghiên cứu của họ cho thấy rằng tăng trưởng dân số đóng góp tới 90% nguyên nhân dẫn đến sự biến đổi giữa các thời kỳ chiến tranh và hòa bình trong lịch sử.*

Các kho ngũ cốc thu hoạch được và những đàn gia súc gia cầm đóng vai trò giống như mấy thùng chuối trong rừng. Giờ thì đã có thứ đáng để người ta đánh nhau: có thêm. Có thêm đất để canh tác. Có thêm phụ nữ để gia tăng dân số làm đất, xây dựng quân đội để bảo vệ đất đai và hỗ trợ mùa màng. Có thêm nô lệ để làm những công việc nặng nhọc như trồng trọt, thu hoạch và đánh nhau. Mùa màng thất bát ở một khu vực nào đó sẽ khiến những người nông dân tuyệt vọng tấn công hàng xóm, và những người này sẽ trả đũa, cứ thế hết lần này đến lần khác.* Tự do (không có chiến tranh) chẳng qua là một từ khác để mô tả cảnh không có gì để mất - hoặc

được.

Nhưng những người ủng hộ học thuyết Hobbes mới phớt lờ bản phân tích khá thẳng thắn này cũng như những dữ liệu ủng hộ nó, quả quyết rằng chiến tranh chắc chắn là một động lực vĩnh cửu của con người, thường là dựa vào những chiến thuật hết sức hoa mỹ như biểu đồ sai lầm của Pinker nhằm bảo vệ quan điểm của mình.

Chẳng hạn, trong Chương 4 của cuốn *Sick Societies: Challenging the Myth of Primitive Harmony (*tạm dịch*: Xã hội bệnh hoạn: Thách thức Huyền thoại về sự hòa thuận thời nguyên thủy)*, Robert Edgerton viết: "Sự phân tầng xã hội phát triển ở một số cộng đồng nhỏ không chỉ thiếu quan chức và giới thầy tu mà còn thiếu cả canh tác nữa." Được thôi, nhưng để hỗ trợ cho lời quả quyết này về "cộng đồng nhỏ", ông đưa ra mười lăm trang mô tả sống động, theo thứ tự sau đây (và không bỏ sót điều gì), về: người da đỏ Kwakiutl ở đảo Vancouver (một cộng đồng có thứ bậc, phức tạp, có lễ tặng quà cho khách, có tích lũy tài sản, định cư và chiếm hữu nô lệ), đế quốc Aztec (với dân số lên tới hàng triệu người, có cấu trúc tôn giáo phức tạp, có hệ thống thầy tu và vô số mẫu đất do nô lệ canh tác xung quanh thủ đô rộng hơn bất cứ thành phố nào ở châu Âu tại thời điểm tiếp xúc đầu tiên, có hệ thống nước thải và đèn đường chiếu sáng ban đêm), đế quốc Zulu (cũng có số dân lên đến hàng triệu, chiếm hữu nô lệ, thâm canh nông nghiệp, thuần hóa động vật và mạng lưới giao thương xuyên lục địa), và cuối cùng, đế quốc Asante ở Ghana ngày nay mà theo lời Edgerton là, "có sức mạnh quân sự không ai sánh bằng ở Tây Phi".

Những đặc tính của "cộng đồng nhỏ thiếu quan chức, giới thầy tu và canh tác" trong bất cứ cộng đồng nào kể trên đều không có gì giống với một cộng đồng hái lượm. Ông cũng không nhắc đến một

cộng đồng hái lượm nào trong phần còn lại của chương đó. Điều này giống như tuyên bố rằng mèo là giống khó huấn luyện và đưa ra những ví dụ như chó chăn cừu Đức, chó săn, chó tha mồi.

Trong cuốn *Beyond war (*tạm dịch*: Bên kia chiến tranh)*, nhà nhân học Doug Fry bác bỏ quan điểm Hobbes mới xem chiến tranh là phổ biến. "Niềm tin cho rằng 'trước giờ vẫn luôn có chiến tranh'", Fry viết, "không đúng với thực tế khảo cổ học của vấn đề này". Nhà nhân học Leslie Sponsel đồng ý: "Thiếu vắng bằng chứng khảo cổ học về chiến tranh, điều này cho thấy rằng chiến tranh rất hiếm khi xảy ra hoặc vắng bóng trong hầu hết thời tiền sử loài người." Sau khi dẫn dắt một bài phê bình tổng quan về bằng chứng xương tiền sử, nhà nhân học Brian Ferguson thấy rằng ngoài một địa điểm cụ thể ở Sudan ngày nay, "Chỉ có khoảng trên một chục bộ xương *Homo sapiens* có niên đại 10.000 năm hoặc lâu hơn, trong số hàng trăm di tích cổ tương tự đến nay đã được khảo sát, cho thấy những dấu hiệu rõ ràng về bạo lực giữa các cá nhân với nhau." Ferguson tiếp tục, "Nếu chiến tranh phổ biến ở thời tiền sử, vô số tài liệu trong hồ sơ khảo cổ học sẽ đầy những bằng chứng về chiến tranh. Nhưng không có dấu hiệu nào cả."*

Những chiếc máy dò chết tiệt của chúng tôi tắt đi khi các học giả chỉ ra sự bạo lực có tổ chức của tinh tinh và một ít cộng đồng người làm vườn chu đáo bị gọi nhầm là người hái lượm, tuyên bố đây là bằng chứng cho xu hướng chiến tranh của thời xưa. Thậm chí đáng lo ngại hơn, những học giả này thường giữ im lặng đối với những hiệu ứng méo do tác động lên tinh tinh bằng việc cung cấp thức ăn, tạo ra những môi trường sống thu nhỏ chưa từng thấy khi từng đoàn lính tráng hoặc thợ săn trộm đói khát vây hãm, không gian sống và thức ăn bị giảm sút. Điều khó chịu không kém là họ lờ đi

trước những nhân tố quan trọng tác động đến kết quả thống kê dân số, tình trạng nông nghiệp và khả năng xảy ra xung đột giữa con người với nhau.

CUỘC XÂM LƯỢC CỦA NAPOLEON (VỤ TRANH CÃI YANOMAMI)

Khi mùa hè của yêu đương chùng xuống và những báo cáo đầu tiên của Jane Goodall về chiến tranh tinh tinh bùng nổ thành nhận thức chung, Napoleon Chagnon bỗng trở thành nhà nhân học đang sống nổi tiếng nhất thế giới khi công bố cuố *Yanomamö: The Fierce People (*tạm dịch*: Yanomamö: Dân tộc dữ tợn)*n. 1968 là một năm tốt lành để cho ra đời câu chuyện phiêu lưu bịa đặt của ngành nhân học cho rằng chiến tranh là một phần cổ xưa và không thể thiếu của bản chất con người.

Năm đó bắt đầu bằng "cuộc cách mạng nhung" ở Prague và sự kiện Tết Mậu Thân ở Việt Nam. Giấc mơ tồi tệ nhất của Martin Luther King trở thành hiện thực ở Memphis, Robert Kennedy ngã trên sân khấu ở Los Angeles, rồi máu và hỗn loạn nhanh chóng tràn ngập các đường phố Chicago. Nixon lẻn vào Nhà Trắng, Charles Manson và các môn đồ lạc lối của mình âm mưu gây loạn trên những ngọn đồi khô cằn ở Malibu trong khi ban nhạc The Beatles hoàn tất *The White Album (*tạm dịch*: Album Trắng)*. Năm đó kết thúc khi ba nhà du hành vũ trụ Mỹ, lần đầu tiên từ trước tới giờ, nhìn hành tinh xanh mong manh này trôi dạt trong sự im lặng vĩnh cửu và tuyệt vọng cầu nguyện hòa bình cho nhân loại.*

Với tất cả những điều đó, có lẽ không có gì ngạc nhiên khi vụ Chagnon nói về "chiến tranh mãn tính" của người Yanomami "bẩm sinh bạo lực" lại chạm vào nỗi lo của công chúng. Khao khát tìm

hiểu về thói giết người của con người, công chúng tin tắp lự những mô tả của ông về sự tàn bạo thường ngày của những người được ông gọi là "tổ tiên đương đại" của chúng ta. Hiện tại ở lần xuất bản thứ năm, *Yanomamö: Dân tộc dữ tợn* vẫn là cuốn sách bán chạy nhất mọi thời đại về nhân học với hàng triệu bản đã được bán cho riêng sinh viên đại học. Sách và phim của Chagnon xuất hiện nổi bật trong nền giáo dục mấy thế hệ nhân học, trong đó hầu hết đều chấp nhận tuyên bố của ông là đã chứng minh được tính hung dữ cố hữu của giống loài chúng ta.

Nhưng cần phải tiếp cận nghiên cứu của Chagnon một cách thận trọng, bởi ông sử dụng rất nhiều kỹ thuật mơ hồ. Chẳng hạn, ông dùng chiến thuật ngôn từ, đánh đồng giết người thông thường với chiến tranh. Nhưng quan trọng hơn, Chagnon đã không tính đến nhân tố gây nhiễu là chính sự xuất hiện của ông, khá giống Hemingway không hiểu tác động của mình tới những người mà ông nghiên cứu. Theo Patrick Tierney, tác giả cuốn *Darkness in El Dorado (*tạm dịch*: Bóng tối ở El Dorado)*: "Những cuộc chiến tranh khiến Chagnon và người Yanomami nổi tiếng - được ông viết với vẻ hào hứng trong cuốn *Dân tộc dữ tợn* bắt đầu từ ngày 14/11/1964, cũng là ngày mà nhà nhân học đến cùng với súng săn, xe gắn máy và một chiếc ca nô đầy những mặt hàng bằng thép để phân phát." Tierney trích dẫn luận án tiến sĩ của chính Chagnon, chứng minh rằng 13 năm trước khi ông đến, không một người Namowei nào (một nhánh lớn của người Yanomami) bị giết trong chiến tranh cả. Nhưng trong suốt 13 tháng ông ở với họ, 10 người Yanomami đã chết trong một cuộc xung đột giữa người Namowei và người Patanowa-teri (một nhánh khác).

Kenneth Good, một nhà nhân học ban đầu đến ở cùng với người

Yanomami với tư cách là sinh viên năm cuối của Chagnon và sống ở đó mười hai năm, đã mô tả Chagnon là "một nhà nhân học chộp giật đi vào các làng với một ôm mã tấu để mua lấy sự hợp tác cho nghiên cứu của mình. "Thật không may", Good viết, "ông ấy đã tạo ra xung đột và chia rẽ ở bất cứ nơi nào ông tới."* Rõ ràng, một phần hành vi quấy rối của Chagnon đến từ quan niệm tự thân dữ dội, nam tử hán của ông, nhưng có lẽ nguồn gốc rắc rối lớn hơn chính là mục tiêu nghiên cứu. Ông muốn thu thập thông tin phả hệ từ người Yanomami. Nói một cách nhẹ nhàng thì đây là một trò tiểu xảo, vì người Yanomami coi việc đọc to tên là điều bất kính. Đọc tên người chết đòi hỏi phải phá vỡ một trong những điều cấm kỵ nhất trong văn hóa của họ. Juan Finkers, người từng sống với họ suốt 25 năm, nói: "Đối với người Yanomami, nêu tên người chết là điều xúc phạm nghiêm trọng, là động cơ chia rẽ, xung đột và chiến tranh."* Nhà nhân học Marshall Sahlins mô tả nghiên cứu của Chagnon là "một dự án nhân học theo chủ nghĩa hoài nghi", cố gắng xử lý các dòng dõi trên cơ sở tổ tiên "của những người mà do cấm kỵ nên không thể biết, không thể truy nguyên và không thể đọc tên tổ tiên hoặc bên cạnh đó, không thể chịu được khi nghe tên của chính mình".*

Chagnon xử lý điều cấm kỵ của chủ nhà bằng cách đem làng này ra "chơi" làng khác. Trong trường hợp của mình, ông bắt đầu lợi dụng tranh cãi và thù hận địa phương để lựa chọn các nguồn tin của mình, đi tới các làng khác để kiểm tra phả hệ, chọn những làng có quan hệ căng thẳng với những người mà tôi muốn có thông tin. Sau đó tôi quay trở về khu trại của mình và kiểm tra độ chính xác của thông tin mới với nguồn tin địa phương. Nếu nguồn tin nổi giận khi tôi đề cập những cái tên mới mà tôi lấy được từ nhóm không thân thiện, tôi gần như chắc chắn là thông tin đó chính xác… Thỉnh

thoảng tôi nói đến một cái tên khiến nguồn tin nổi đóa, chẳng hạn như tên của người anh hoặc chị mà những nguồn tin khác chưa báo cáo.

Nói tóm lại:

Người hùng của chúng ta đã phét lác về các vùng đất của người Yanomami, mang mã tấu, rìu và súng săn tặng cho một số nhóm chọn lọc, từ đó tạo ra sự bất cân xứng về sức mạnh mang tính phá hoại giữa các nhóm.

Ông ta phát hiện và phóng đại những căng thẳng tồn tại từ trước giữa các cộng đồng bằng cách kích động họ coi thường tổ tiên được trọng vọng cũng như những người thân yêu đã chết của nhau.

Để kích động thêm tình hình, Chagnon báo cáo về những trường hợp xúc phạm mà ông ta kích động, sử dụng cơn giận dữ sau đó để khẳng định về sự chắc chắn của dữ liệu phả hệ của mình.

Sau khi gây ra và xát muối vào vết thương của người Yanomami, Chagnon xông ra dụ dỗ công chúng Mỹ với những câu chuyện táo bạo về những kẻ man rợ bạo lực và dữ tợn.

Từ *anthro* đã đi vào từ vựng của người Yanomami. Nó có nghĩa là "một sinh vật mạnh mẽ không phải con người có xu hướng quấy phá sâu sắc và kỳ cục một cách hoang dại".*

Từ năm 1995, Chagnon đã chính thức không được chào đón ở các vùng đất của người Yanomami, về mặt pháp lý là bị cấm quay trở lại.

Nhà nhân học Leslie Sponsel sống cùng với người Yanomami giữa thập niên 1970. Ông không hề thấy chiến tranh đâu cả, chỉ có một cuộc đánh lộn và vài vụ cãi cọ ồn ào trong gia đình. Sponsel viết: "Tôi ngạc nhiên khi thấy những người ở trong ngôi làng đó và

ba ngôi làng láng giềng chẳng hề giống 'dân tộc dữ tợn' mà Chagnon mô tả". Sponsel có mang theo một cuốn sách của Chagnon, trong đó có hình ảnh các chiến binh Yanomami đang đánh nhau, như một cách giải thích cho loại hình công việc mình đang làm. "Mặc dù một số nam giới mải mê ngắm nhìn các hình ảnh, họ vẫn yêu cầu tôi không được cho trẻ em xem vì chúng mang tới ví dụ về những hành vi không mong muốn. Những người Yanomami này", Sponsel kết luận, "không đánh giá sự dữ tợn theo bất kỳ hướng tích cực nào."*

Về phần mình, qua hơn một thập kỷ sống chung với họ, Good có chứng kiến sự bùng nổ một cuộc chiến tranh. Về sau ông cắt đứt quan hệ với Chagnon, sau khi kết luận sự nhấn mạnh thái độ bạo lực của người Yanomami là "giả tạo và bị bóp méo". Sau đó Good viết rằng cuốn sách của Chagnon đã "thổi phồng đề tài này theo một tỉ lệ điên rồ", lập luận rằng "điều ông ta khẳng định cũng giống như cho rằng người dân New York toàn là trấn lột và giết người."

TUYỆT VỌNG TÌM KIẾM THÓI ĐẠO ĐỨC GIẢ LẬP DỊ VÀ SỰ TÀN BẠO CỦA TINH TINH LÙN

Đối với một loại nhà báo (hoặc tâm lý học tiến hóa) nhất định, không có gì thỏa mãn hơn là phơi bày thói đạo đức giả lập dị. Một bài báo gần đây trên *Reuters* mang tiêu đề, *Theo nghiên cứu, khỉ lập dị gây chiến và yêu đương*. Bài báo tuyên bố rằng "Mặc dù nổi tiếng là những kẻ yêu đương chứ không phải chiến binh trong thế giới linh trưởng, tinh tinh lùn thực ra vẫn săn bắt và giết hại loài khỉ..." Một bài khác quả quyết với chúng ta rằng *Bất chấp danh tiếng 'hòa bình', tinh tinh lùn vẫn săn bắt và ăn thịt các loài linh trưởng khác*. Bài thứ ba, dưới tiêu đề *Khi điên tình say mê với trò*

giết chóc, mở đầu với nụ cười nhạo báng thành lời: "Giống như bọn lập dị có Altamont (nơi các thành viên của Hell's Angels đã giết chết một người đi xem hòa nhạc)*, tinh tinh lùn cũng có Công viên quốc gia Salonga, nơi các khoa học chứng kiến lũ linh trưởng được cho là yêu hòa bình săn bắt và ăn thịt khỉ con." "Điên tình" ư? "Được cho là yêu hòa bình" ư? "Ăn thịt khỉ con" ư? Khỉ có "trẻ em" cơ à?

Nếu cả tinh tinh và tinh tinh lùn đều gây chiến thì có lẽ chúng ta là "những kẻ sống sót bị mê muội" của một "thói quen xâm lược chết người năm triệu năm". Nhưng nhìn kỹ hơn mới thấy rằng chính các nhà báo mới là kẻ bị mê muội. Các nhà nghiên cứu đã chứng kiến 10 nỗ lực săn khỉ sau năm năm quan sát những con tinh tinh lùn bị nghi vấn. Lũ tinh tinh lùn thành công ba lần, chia sẻ thịt khỉ cho những con đi săn - một nhóm tổng hợp cả đực lẫn cái.

Điểm qua thực tế của nhà khoa học:

Từ lâu, các nhà nghiên cứu đã biết và báo cáo rằng tinh tinh lùn nhìn chung thường săn bắt và ăn thịt lũ linh dương nhỏ rừng rậm - cũng như sóc, côn trùng và ấu trùng.

Dòng tiến hóa thành người, tinh tinh và tinh tinh lùn tách khỏi dòng tiến hóa thành khỉ cách đây khoảng 30 triệu năm. Nói cách khác, quan hệ của tinh tinh và tinh tinh lùn với loài khỉ cũng gần gũi như chúng ta vậy.

Khỉ con không phải là "trẻ em".

Thịt khỉ (và đáng buồn thay, óc khỉ sống) có trong thực đơn của các nhà hàng sang trọng ở Trung Quốc và tiệc nướng trong rừng ở nhiều nơi trên thế giới.

Hàng chục nghìn con khỉ, trẻ lẫn già, đang hi sinh trong các phòng thí nghiệm nghiên cứu trên khắp thế giới mỗi năm.

Vậy phải chăng con người cũng đang "có chiến tranh" với loài khỉ?

Không có gì khiến báo chí bán chạy như những dòng tiêu đề về CHIẾN TRANH! và rõ ràng là những cụm từ như CHIẾN TRANH, ĐIÊN CUỒNG, LẬP DỊ, ĂN THỊT NGƯỜI! còn bán chạy hơn, nhưng một loài săn bắt và ăn thịt loài khác lại khó mà thành "chiến tranh" được. Với những con mắt chưa qua rèn luyện thì việc tinh tinh lùn và khỉ có ngoại hình khá giống nhau chẳng liên quan gì cả. Khi một đàn sói hoặc sói đồng tấn công chó hoang, phải chăng đấy là "chiến tranh?" Chúng ta đã thấy diều hâu quắp bồ câu trên bầu trời. Phải chẳng đấy là "chiến tranh?"

Hỏi xem giống loài của chúng ta bản chất là hòa bình hay thích chiến tranh, hào phóng hay chiếm hữu, tự do yêu đương hay ghen tuông, cũng giống như hỏi xem H20 bản chất là rắn, lỏng, hay khí. Câu trả lời duy nhất có ý nghĩa cho câu hỏi như vậy là: Còn tùy. Trên một hành tinh gần như trống trơn, thức ăn và chỗ ở phân bố rộng khắp, tránh xung đột là một lựa chọn dễ dàng, hấp dẫn. Với điều kiện điển hình của môi trường xa xưa, hẳn con người có nhiều thứ để mất hơn là được nếu như gây chiến với nhau. Bằng chứng - cả về mặt vật chất lẫn tình huống - đều dẫn về thời tiền sử loài người, khi tổ tiên chúng ta yêu đương nhiều hơn là gây chiến.

14

DỐI TRÁ VỀ TUỔI THỌ (NGẮN)

Thời của chúng ta là sáu bảy mươi năm; và nếu có sức khỏe thì sẽ là tám mươi năm, nhưng chỉ toàn vất vả và khổ đau; nó sẽ trôi qua nhanh và chúng ta sẽ bay đi.

• THÁNH THI 90:10

Lạ-nhưng-đúng: Chiều cao trung bình của người tiền sử là khoảng 1 mét.

Thực tế đó có làm thay đổi cái nhìn của bạn về thời tiền sử hay không? Phải chăng bạn đang hình dung một chủng tộc bé tí với những con người thấp nhỏ sống trong những cái hang nhỏ xíu, đuổi thỏ vào lỗ, run rẩy vì sợ cáo và bị diều hâu quắp đi? Liệu điều này có khiến bạn nghĩ lại xem một cuộc đi săn voi ma-mút phải như thế nào đối với những tổ tiên bé xíu của chúng ta? Liệu điều này có làm bạn cảm thấy may mắn hơn khi được sống vào ngày nay, khi chế độ ăn và vệ sinh ưu việt đã gần như làm tăng chiều cao trung bình của con người lên gấp đôi?

Nào, đừng có đi quá xa như thế. Mặc dù thực tế đúng là "chiều cao" của nam giới tiền sử khoảng 1 m, đây là một dạng thực tế sai

lạc. Giống như những lời tuyên bố quá tự tin tính quy luật của hôn nhân, nghèo đói và chiến tranh, chính thái độ quả quyết này đã gieo rắc sự lúng túng và dẫn tới vụ thu hoạch toàn dữ liệu sai lạc.

Hãy lấy chiều cao trung bình của một nam giới trưởng thành sống ở thời tiền sử (sử dụng di tích xương làm chỉ dẫn): cao khoảng 1,8 m; sau đó lấy kích thước trung bình của bộ xương trẻ sơ sinh tiền sử (cứ cho là khoảng 50 cm); rồi suy luận từ tỉ lệ bộ xương của trẻ sơ sinh so với người lớn ở những địa điểm chôn cất khảo cổ học đã được biết tới và giả sử rằng nói chung, cứ ba người sống tới độ tuổi trưởng thành thì có bảy người chết lúc còn thơ ấu. Như vậy, do tỉ lệ tử vong cao ở trẻ sơ sinh, chiều cao trung bình của con người tiền sử là (3x180)+(7x50)/10=89cm. Gần 1m.*

Vô lý ư? Đúng vậy. Sai lạc ư? Vâng. Chính xác về mặt thống kê? Đại loại thế.

"Thực tế" này về chiều cao không vô lý hay sai lạc hơn những gì hầu hết mọi người tin về tuổi thọ của con người thời tiền sử.

Bằng chứng A: Trong một cuộc phỏng vấn với *NBC Nightly News*, nhà sinh vật vật lý thuộc Trường Đại học California San Francisco, Jeff Lotz thảo luận về sự phổ biến của chứng đau lưng mãn tính ở Mỹ. Hàng triệu người xem đêm hôm đó nghe ông giải thích rằng: "*Cách đây hai ba trăm năm, chúng ta vẫn chưa sống qua được tuổi 45,* vì vậy xương sống của chúng ta chưa tiến hóa tới mức có khả năng duy trì tư thế thẳng đứng này với những gánh nặng trọng lực lớn trong suốt cuộc đời." (Chỗ nhấn mạnh là của chúng tôi).

Bằng chứng B: Trong cuốn sách đáng tin cậy khác về phụ nữ thời tiền sử (*The Invisible Sex - Tình dục vô hình*), một nhà khảo cổ

học, một nhà nhân học và một biên tập viên của một trong những tờ tạp chí khoa học hàng đầu thế giới cùng nhau hình dung về cuộc sống của một phụ nữ điển hình mà họ gọi là Ursula, sống ở châu Âu cách đây 45.000 năm. "Cuộc sống thật khó khăn", họ viết, "và nhiều người, đặc biệt là trẻ em và người già, đã chết đói vào mùa đông và vì đủ kiểu tai nạn cũng như bệnh tật... Ursula (có đứa con gái đầu lòng ở tuổi 15) sống đủ lâu để thấy đứa cháu đầu tiên của mình, chết ở cái tuổi già khú đế là 37."* (Chỗ nhấn mạnh là của chúng tôi).

Bằng chứng C: Trong một bài báo trên tờ *New York Times**, James Vaupel, giám đốc phòng thí nghiệm về sinh tồn và tuổi thọ tại Viện Nghiên cứu Nhân khẩu Max Planck, giải thích rằng: "Không có tuổi thọ nào là cố định." Tiến sĩ Vaupel chỉ rõ hiện tượng tăng tuổi thọ từ năm 1840 đến nay ở những nước mà con số này tăng nhanh nhất và rằng đây là sự tăng "tuyến tính, hoàn toàn tuyến tính, không có chút bằng chứng nào về sụt giảm hoặc chậm lại." Từ đây, ông kết luận rằng: "Không có lý do nào khiến tuổi thọ không thể tiếp tục tăng thêm hai đến ba năm cho mỗi thập kỷ."

Thế mà lại có. Một lúc nào đó, tất cả mọi trẻ em đều có khả năng sống sót đến tuổi trưởng thành. Đó là giới hạn của bạn.

SỰ SỐNG BẮT ĐẦU KHI NÀO? BAO GIỜ THÌ KẾT THÚC?

Những con số trên đây cũng tuyệt vời như những con số mà chúng tôi bắt gặp khi đánh giá tuổi thọ trung bình của chúng ta. Trên thực tế, chúng hình thành từ chính tính toán sai lầm bị bóp méo bởi tỉ lệ tử vong cao ở trẻ sơ sinh. Khi yếu tố này bị xóa bỏ, chúng ta thấy rằng người tiền sử nào sống sót qua tuổi thơ ấu đều

sống từ 66 đến 91 năm, với mức sức khỏe tổng quát và độ năng động cao hơn so với hầu hết con người các xã hội phương Tây ngày nay.

Bạn biết đấy, đây là một trò chơi bình quân. Mặc dù đúng là dân số tiền sử có nhiều trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ chết - thông qua số lượng lớn bộ xương trẻ sơ sinh ở hầu hết các di chỉ mai táng - những bộ xương này không nói gì cho chúng ta về yếu tố tạo nên "tuổi già khú đế". *Kỳ vọng sống lúc sinh*, biện pháp hay được sử dụng, lại là một biện pháp không hề chính xác để đo *tuổi đời điển hình*. Khi bạn đọc thấy rằng, "Vào đầu thế kỷ XX, kỳ vọng sống lúc sinh ở vào khoảng 45 năm. Nó đã tăng lên khoảng 75 nhờ có sự xuất hiện của kháng sinh và các biện pháp sức khỏe cộng đồng cho phép con người sống sót hoặc tránh được những căn bệnh lây nhiễm"*, hãy nhớ rằng sự gia tăng đáng kể này thể hiện việc trẻ sơ sinh sống sót nhiều hơn chứ không phải người lớn sống được lâu hơn.

Ở Mozambique, nơi một trong các tác giả sinh ra và lớn lên, kỳ vọng sống đối với nam giới hiện tại, đáng buồn thay, dưới 42 một chút. Nhưng bố của Cacilda mất năm 93 tuổi, đi được xe đạp tới tận lúc chết. Ông ấy đã già. Còn một người 40 tuổi thì không. Ngay cả ở Mozambique.

Rõ ràng là nhiều trẻ sơ sinh tiền sử chết vì bệnh tật hoặc điều kiện khắc nghiệt, cũng như trẻ sơ sinh của các loài linh trưởng khác, người hái lượm và người Mozambique hiện đại. Nhưng giết trẻ sơ sinh trên phương diện rộng có lẽ là nguyên nhân của rất nhiều, nếu không phải hầu hết, cái chết của trẻ sơ sinh trong cộng đồng hái lượm tiền sử. Nhiều nhà nhân học đồng ý với khả năng phần lớn trường hợp tử vong của trẻ sơ sinh và trẻ em từng được cho là do đói ăn và bệnh tật bắt nguồn từ tục giết trẻ sơ sinh.* Họ

lập luận rằng các cộng đồng hái lượm giới hạn số lượng trẻ sơ sinh để chúng không trở thành gánh nặng cho cả nhóm hoặc gây tăng trưởng dân số quá nhanh để tạo sức ép cho nguồn cung cấp thực phẩm.

Có thể chúng ta ngẫm thấy đáng sợ, nhưng giết trẻ sơ sinh không phải chuyện hiếm, ngay cả ngày nay. Nhà nhân học Nancy Scheper-Hughes nghiên cứu về cái chết của trẻ sơ sinh đương đại ở đông bắc Brazil, nơi có khoảng 20% trẻ sơ sinh chết ở năm đầu tiên. Bà thấy rằng phụ nữ hiểu cái chết của một số trẻ em là "phúc lành" nếu các em hôn mê và thụ động. Các bà mẹ bảo với Scheper-Hughes rằng đấy là "những đứa trẻ muốn chết, ý chí sống của chúng không đủ mạnh hoặc không phát triển".

Joseph Birdsell, một trong những học giả vĩ đại nhất thế giới về văn hóa thổ dân châu Úc, ước tính rằng phải đến một nửa trẻ sơ sinh bị người lớn cố tình giết chết. Nhiều khảo sát về cộng đồng tiền công nghiệp đương đại kết luận rằng khoảng từ một nửa tới ba phần tư số này thực hành một dạng giết trẻ sơ sinh trực tiếp nào đó.

Để chúng ta không bắt đầu cảm thấy quá tự mãn về lòng trắc ẩn và sự ưu việt của mình, hãy nhớ lại những bệnh viện nuôi trẻ bị bỏ rơi ở châu Âu. Số trẻ em sinh ra trong trạng thái gần chết ở Pháp tăng từ 40.000 vào năm 1784 lên tới gần 140.000 vào năm 1822. Đến năm 1830, có 270 cái hộp quay ở cửa các bệnh viện nuôi trẻ bị bỏ rơi được thiết kế để bảo vệ tình trạng giấu tên của những người bỏ lại trẻ ngoài ý muốn ở Pháp. 80% đến 90% số trẻ này có thể chết trong năm đầu tiên của cuộc đời.

Ngay khi tổ tiên chúng ta bắt đầu canh tác đất đai để lấy thức ăn, họ đã sử dụng bánh xe, nhưng vẫn không bao giờ đủ nhanh. Có

thêm đất đai là có thêm thức ăn. Và có thêm thức ăn nghĩa là có thêm trẻ được sinh ra và cho ăn. Có thêm trẻ em sẽ có thêm lao động cho nông trại và có thêm binh lính. Dân số tăng lên đòi hỏi phải có thêm đất đai, thứ chỉ có thể giành được và nắm giữ thông qua chinh phạt và chiến tranh. Nói cách khác, bước chuyển đổi sang nông nghiệp được thúc đẩy nhờ khái niệm có vẻ như không thể bác bỏ được về việc thà lấy đất của người lạ (nếu cần thì giết) còn hơn là để cho con mình phải chết đói.

Gần hơn với thời đại của chúng ta, BBC cho hay có đến 15% những cái chết của trẻ em gái được báo cáo ở các vùng miền nam Ấn Độ là nạn nhân của tục giết trẻ em. Mỗi năm có thêm hàng triệu trẻ chết ở Trung Quốc, nơi thịnh hành tục giết trẻ sơ sinh gái suốt nhiều thế kỷ nay. Một nhà truyền giáo cuối thế kỷ XIX sống ở Trung Quốc báo cáo rằng trong số 183 trẻ em trai và 175 trẻ em gái sinh ra trong một cộng đồng điển hình, 126 trẻ em trai sống tới mười tuổi (69%), trong khi chỉ có 53 trẻ em gái làm được điều này (30%)* Chính sách một con của Trung Quốc, cùng với văn hóa trọng nam khinh nữ, chỉ khiến cho tỉ lệ sống sót vốn đã ảm đạm của trẻ em gái càng trở nên tồi tệ hơn.*

Còn có những giả định văn hóa khó hiểu ẩn trong tính toán của các nhà nhân khẩu học, theo đó sự sống được bắt đầu từ lúc sinh ra. Quan điểm này không hề phổ biến chút nào. Các cộng đồng có tập quán giết trẻ sơ sinh không coi trẻ mới sinh là con người hoàn chỉnh. Những nghi lễ từ rửa tội tới lễ đặt tên đều bị trì hoãn đến khi xác định được đứa trẻ có được phép sống hay không. Nếu không, theo cách nhìn này, dù thế nào đi nữa thì đứa trẻ cũng không bao giờ được sống.*

BAO NHIÊU TUỔI MỚI LÀ GIÀ?

Biếm họa trên tờ *The New Yorker*. Hai người hang động đang nói chuyện, một người nói, "Có điều gì đó không đúng - không khí của chúng ta trong lành, nước của chúng ta tinh khiết, chúng ta vận động rất nhiều, mọi thứ chúng ta ăn đều hữu cơ và được thả rông, vậy mà không ai sống quá 30 tuổi."

Những méo mó về mặt thống kê do tục giết trẻ sơ sinh không phải là nguồn duy nhất gây ra sự lúng túng liên quan đến việc xác định tuổi thọ thời tiền sử. Như bạn có thể hình dung được, xác định tuổi lúc chết của một bộ xương đã nằm trong lòng đất nhiều năm là điều không hề đơn giản. Vì nhiều lý do kỹ thuật, các nhà khảo cổ học thường đánh giá thấp tuổi lúc chết. Chẳng hạn, các nhà khảo cổ học đã từng ước tính tuổi lúc chết của các bộ xương lấy từ một số nghĩa trang truyền giáo ở California. Sau khi ước tính được đưa ra thì người ta tìm thấy văn bản ghi chép về tuổi thực lúc chết. Trong khi các nhà khảo cổ học ước tính chỉ khoảng 5% sống tới tuổi 45 hoặc hơn thì tài liệu lại chứng minh rằng số người chôn trong các nghĩa trang đó sống trên 45 tuổi khi chết nhiều gấp bảy lần (37%)*. Nếu ước tính về những bộ xương cách đây có vài trăm năm mà còn sai lệch xa đến thế, hãy hình dung độ sai lệch đối với những bộ xương hàng chục nghìn năm tuổi.

Một trong những kỹ thuật đáng tin cậy nhất mà các nhà khảo cổ học sử dụng để đánh giá tuổi lúc chết là *mọc răng*. Họ xem răng hàm mọc ra khỏi xương hàm được bao xa, từ đó biết được người chết vào khoảng bao nhiêu tuổi. Nhưng "răng khôn" của chúng ta ngừng "mọc" trong khoảng đầu tới giữa tuổi 30, có nghĩa là các nhà khảo cổ học ghi chú tuổi lúc chết của những bộ xương ở trên điểm này là "35+". Điều này không phải tuổi lúc chết là 35, mà người đó

35 tuổi hoặc già hơn. Tuổi của người đó có thể từ 35 đến 100. Chả ai biết.

Đâu đó trong khoảng này, hệ thống chú giải này bị diễn giải sai trên báo chí phổ thông, tạo nên ấn tượng là tổ tiên xa xưa của chúng ta hiếm khi sống quá 35 tuổi. Sai lầm lớn. Rất nhiều nguồn dữ liệu (bao gồm cả cuốn Kinh Cựu ước) đều chỉ rõ rằng tuổi thọ điển hình của con người giữa khoảng từ 70 đến hơn 90 năm.

Trong một cuộc nghiên cứu, các nhà khoa học sử dụng tỉ lệ kích thước não bộ và trọng lượng cơ thể ở các loài linh trưởng khác nhau để đưa ra ước tính tuổi thọ là từ 66 đến 78 năm cho *Homo sapiens*. Một nhóm khác sử dụng những kỹ thuật tương tự kết luận rằng giải phẫu học của chúng ta dự báo tuổi thọ điển hình là từ 66 đến 72. Họ kết luận: "Quan điểm cho rằng tuổi thọ con người đã không thay đổi trong vòng 100.000 năm có thể được coi là đúng về mặt cơ bản."

Những con số này được đưa ra sau khi quan sát người hái lượm hiện đại. Ở người!Kung San, Hadza và Aché (các cộng đồng ở châu Phi và Nam Mỹ), phụ nữ nào sống tới tuổi 45 có thể sống thêm được lần lượt 20-21, 3-22,1 năm nữa. Đối với người!Kung San, hầu hết mọi người sống tới 60 tuổi đều có khả năng sống thêm khoảng 10 năm nữa - số năm hoạt động và đóng góp cho cộng đồng. Nhà nhân học Richard Lee cho biết cứ mười người!Kung San ông gặp trong thời kỳ ông ở Botswana thì có một người sống trên 60 tuổi.*

Như đã đề cập trong các chương trước đó, rõ ràng sức khỏe chung của con người (bao gồm tuổi thọ) chịu tác động lớn từ nông nghiệp. Bữa ăn đặc trưng của con người đi từ cực kỳ đa dạng và giàu chất dinh dưỡng tới còn một vài loại hạt, thi thoảng có thể được bổ sung thịt và sữa. Chẳng hạn, bữa ăn của người Aché bao

gồm 78 loài có vú, 21 loài bò sát và lưỡng cư, trên 150 loài chim và 14 loài cá, ngoài ra còn rất nhiều loài cây cỏ nữa.*

Ngoài việc giá trị dinh dưỡng của bữa ăn thời kỳ nông nghiệp bị giảm sút, những căn bệnh chết chóc nhất với giống loài chúng ta giờ đây bắt đầu hoành hành kinh khủng. Điều kiện rất hoàn hảo: các trung tâm dân cư mật độ cao bị vây hãm trong rác rưởi, gia súc sống ngay cạnh (bổ sung thêm phân, virus và ký sinh trùng) và các tuyến giao thương mở rộng đã tạo thuận lợi cho sự di chuyển của các mầm bệnh lây nhiễm từ những cộng đồng miễn dịch tới những cộng đồng không được bảo vệ.

Khi James Larrick và đồng nghiệp nghiên cứu những người da đỏ Waorani đến nay vẫn sống khá biệt lập ở Ecuador, họ không thấy chút bằng chứng nào về tăng huyết áp, bệnh tim, hay ung thư. Không bị thiếu máu hay cảm cúm thông thường. Không ký sinh trùng bên trong. Không một dấu hiệu nào cho thấy trước đó bị phơi nhiễm với bại liệt trẻ em, viêm phổi, đậu mùa, sởi, sốt Rickettsia, thương hàn, giang mai, lao, sốt rét hay viêm gan B.*

Phát hiện này không có gì đáng ngạc nhiên, vì hầu hết các căn bệnh nói trên nếu không bắt nguồn từ gia súc thì cũng dễ dàng lây nhiễm do mật độ dân cư đông đúc. Những căn bệnh lây nhiễm và ký sinh trùng tai hại nhất từng gây họa cho giống loài chúng ta không thể phát tán cho đến khi chuyển sang nông nghiệp.

Bảng 3: Những căn bệnh chết người từ gia súc*

Bệnh ở người	**Nguồn động vật**
Sởi	Gia súc (dịch tả trâu bò)
Bệnh lao	Gia súc

Đậu mùa	Gia súc (đậu mùa gia súc)
Cúm	Lợn và chim chóc
Ho gà	Lợn và chó
Sốt rét Falciparum	Chim chóc

Sự gia tăng mạnh mẽ của dân số thế giới cùng với phát triển nông nghiệp không cho thấy sự gia tăng về mặt sức khỏe mà lại tăng khả năng sinh sản: số lượng người nhiều hơn, nhưng chất lượng sống thấp hơn. Ngay cả Edgerton, vốn tranh cãi rất nhiều về nghiên cứu của chúng tôi, cũng đồng ý, ông viết: "Những người làm nông nghiệp trên khắp thế giới luôn kém khỏe mạnh hơn những người săn bắt và hái lượm." Dân cư thành thị châu Âu, ông viết, "cho đến tận giữa thế kỷ XIX hoặc thậm chí thế kỷ XX vẫn không sánh được với tuổi thọ của người săn bắt-hái lượm".

Đấy là ở châu Âu. Những người sống ở châu Phi, ở hầu hết châu Á và châu Mỹ Latin vẫn chưa đạt tới tuổi thọ đặc trưng của tổ tiên mình, và do mức nghèo đói của thế giới cùng bệnh AIDS, không có gì chắc chắn là họ sẽ làm được điều đó trong tương lai gần.

Khi mầm bệnh từ gia súc biến đổi sang dân cư loài người, chúng nhanh chóng lây lan từ cộng đồng này sang cộng đồng khác. Đối với tác nhân gây bệnh, sự khởi đầu của thương mại toàn cầu là một mối lợi. Dịch hạch theo Con đường Tơ lụa tới châu Âu. Đậu mùa và sởi ẩn náu trên những con tàu hướng đến Tân Thế Giới trong khi dường như giang mai lại đi nhờ ngược trở lại qua Đại Tây Dương, có thể là trên chuyến hải trình trở về đầu tiên của Columbus. Ngày nay, hằng năm thế giới phương Tây vẫn run rẩy trong hoảng sợ

trước bệnh cúm chim bắt nguồn từ Viễn Đông. Ebola, SARS, vi khuẩn ăn thịt sống, virus H1N1 (cúm gia cầm) và vô số mầm bệnh chưa được đặt tên vẫn khiến chúng ta ai nấy đều phải rửa tay.

Trong khi rõ ràng là thỉnh thoảng thời tiền sử vẫn có đôi vụ bùng phát bệnh truyền nhiễm, không có gì chắc chắn là chúng lan xa, ngay cả khi chúng ta đúng khi tranh luận về sự phổ biến của lối sinh hoạt bừa bãi mức độ cao. Mầm bệnh gần như không thể hình thành trong các nhóm hái lượm sống rải rác, vì các nhóm không liên hệ thường xuyên với nhau. Trước khi có cuộc cách mạng nông nghiệp, điều kiện cần thiết cho các dịch bệnh hoặc đại dịch mang tính hủy diệt không hề tồn tại. Tuyên bố rằng thuốc thang hiện đại và vệ sinh đã cứu chúng ta khỏi những căn bệnh lây nhiễm tàn phá con người tiền nông nghiệp (lập luận chúng ta nghe đi nghe lại mãi) cũng giống như tranh luận rằng vào năm 50.000 trước Công nguyên, đai an toàn và túi khí bảo vệ chúng ta khỏi bị đụng xe gây chết người.

CĂNG THẲNG MÀ CHẾT

Nếu virus lây nhiễm không giết chết bạn thì lối sống căng thẳng cùng chế độ ăn nhiều mỡ có lẽ cũng giết chết bạn. *Cortisol*, loại hormone mà cơ thể bạn tiết ra khi căng thẳng, là chất gây suy giảm miễn dịch mạnh nhất từng được biết tới. Nói cách khác, không có gì làm suy yếu khả năng phòng chống bệnh tật của chúng ta mạnh như căng thẳng.

Ngay cả một thứ có vẻ ít quan trọng như không ngủ đủ cũng có thể ảnh hưởng lớn đến khả năng miễn dịch. Sheldon Cohen và đồng nghiệp đã nghiên cứu thói quen ngủ của 153 nam giới và phụ nữ mạnh khỏe trong hai tuần trước khi đưa họ vào cách ly và cho phơi

nhiễm với loại virus gây bệnh cảm thông thường. Người nào ngủ càng ít thì càng có nhiều khả năng bị cảm hơn. Những ai ngủ ít hơn bảy tiếng mỗi đêm có khả năng mắc bệnh cao gấp ba lần.

Nếu bạn muốn sống lâu, hãy ngủ nhiều hơn và ăn ít đi. Ngày nay, phương pháp duy nhất rõ ràng hiệu quả trong việc kéo dài đời sống các loài có vú là nghiêm túc giảm calorie. Khi nhà nghiên cứu bệnh học Roy Walford cho chuột ăn một nửa mức mà chúng muốn ăn, lũ chuột sống lâu gấp đôi - tương đương với 160 năm ở người. Chúng không chỉ sống lâu hơn mà còn khỏe mạnh hơn và thông minh hơn (theo đánh giá bằng cách - bạn đoán ra rồi đấy - cho chạy qua mê cung). Các cuộc nghiên cứu sau đó đối với côn trùng, chó, khỉ và con người đã khẳng định lợi ích của việc sống đói. Liên tiếp tuyệt thực đi cùng với giảm bớt hơn 40% nguy cơ bệnh tim trong một cuộc nghiên cứu tiến hành trên 448 người công bố trên *American Journal of Cardiology* và *Scientific American* báo cáo rằng "hầu hết bệnh tật, bao gồm ung thư, tiểu đường và thậm chí các bệnh suy giảm thần kinh, đều bị chặn lại khi giảm calorie".

Lẽ nào về mặt logic, những loại nghiên cứu thế này lại dẫn tới kết luận sơ sài là trong môi trường cổ xưa, nơi tiền nhân sống vắt-mũi-bỏ-miệng, một mức thiếu thốn ổn định nào đó trong bữa ăn - có thể tồi tệ hơn do lười biếng - lại mang tính chất thích nghi, thậm chí lành mạnh? Hay nói cách khác, nếu bạn săn hoặc lượm được đủ thức ăn ít mỡ để ngăn chặn cơn đói cồn cào và dành phần còn lại thời gian cho những hoạt động ít căng thẳng như kể chuyện bên bếp lửa, ôm võng ngủ một giấc dài, chơi với trẻ con, bạn sẽ có một lối sống tối ưu cho tuổi thọ con người.

Điều gì mang chúng ta trở lại với câu hỏi liên tục được những người hái lượm đặt ra trước cơ hội gia nhập thế giới văn minh và

chấp nhận trồng trọt: Tại sao? Tại sao lại phải làm việc vất vả đến thế trong khi trên thế giới có quá nhiều hạt mongongo? Tại sao lại phải căng thẳng đi gieo hạt trong vườn nếu như thế giới mang đến "nhiều cá, nhiều quả và nhiều chim?"

> *Chúng ta ở đây trên Trái Đất này để đánh rắm vặt, và đừng để bất cứ ai bảo bạn điều gì khác.*
>
> **• KURT VONNEGUT**

Năm 1902, tờ *New York Times* đăng một báo cáo mang tiêu đề: "*Phát hiện mầm lười biếng*." Có vẻ như tiến sĩ Stiles, nhà động vật học thuộc Phòng Nông nghiệp, đã phát hiện ra loại mầm chịu trách nhiệm cho "những kẻ biến chất được biết đến với cái tên *crackers* hoặc *người da trắng nghèo* ở "miền Nam nước Mỹ". Nhưng dường như cái lười của chúng ta không cần giải thích bằng thói quen công nghiệp điên cuồng gần đây của mình.

Bao nhiêu hải li đã chết trong các tai nạn khi con người xây dựng đập? Chim có bỗng dưng bị hoa mắt chóng mặt và rơi từ trên trời xuống khi đang bay hay không? Bao nhiêu cá bị chết đuối khi bơi? Tất cả đều không thường xuyên lắm, nhưng mức tổn thương do căng thẳng mãn tính mà nhiều người xem là một phần bình thường trong đời sống con người là rất lớn.

Ở Nhật Bản có một từ để chỉ điều này, *karoshi*: chết vì lao lực. Báo cáo của cảnh sát Nhật cho thấy rằng năm 2008 có tới 2.200 người lao động Nhật tự tử do điều kiện làm việc, và theo Rengo, một nghiệp đoàn lao động, một con số gấp khoảng năm lần con số đó đã chết vì đột quỵ và đau tim do căng thẳng gây ra. Nhưng dù ngôn ngữ của chúng ta có chứa sẵn thuật ngữ để chỉ điều này hay

không thì tác động mang tính tàn phá của căng thẳng mãn tính vẫn không chỉ giới hạn ở Nhật Bản. Bệnh tim, các vấn đề về tuần hoàn, rối loạn tiêu hóa, mất ngủ, trầm cảm, rối loạn chức năng tình dục và béo phì: ẩn náu sau mỗi vấn đề đều là căng thẳng mãn tính.

Nếu chúng ta thật sự tiến hóa trong phép thử của Hobbes bằng cách liên tục hoảng sợ và lo lắng, nếu cuộc đời tổ tiên chúng ta thật sự cô độc, nghèo đói, bẩn thỉu, tàn bạo và ngắn ngủi, vậy thì tại sao chúng ta vẫn dễ bị tổn thương trước căng thẳng đến thế?*

BẠN GỌI AI LÀ KẺ LÃNG MẠN MẮT SÁNG NHƯ SAO, HẢ BẠN TRẺ?

Dường như nhiều người biết điều khác có nhu cầu định vị nguồn gốc chiến tranh sâu trong quá khứ linh trưởng của chúng ta, cho rằng người hái lượm tự cung tự cấp là nghèo đói, và truyền bá một niềm tin thiếu chín chắn là ba hoặc bốn thập kỷ đã là *già khú đê* với con người ở thời hậu nông nghiệp. Nhưng cái nhìn này về quá khứ của chúng ta rõ ràng là sai. Chuyện gì xảy ra ở đây vậy?

Nếu đời sống tiền sử là một cuộc đấu tranh liên miên kết thúc ở cái chết sớm, nếu chúng ta là một giống loài gần như chỉ bị lợi ích cá nhân thôi thúc, nếu chiến tranh là một xu hướng cổ xưa, gắn liền trên phương diện sinh học, thì người ta có thể nhẹ nhàng tranh luận, giống như Pinker, rằng mọi thứ sẽ luôn trở nên tốt đẹp hơn - rằng, theo quan điểm kiểu Pangloss của ông, "có lẽ chúng ta đang sống trong khoảnh khắc hòa bình nhất trong quãng thời gian tồn tại của giống loài mình trên Trái đất." Đấy thật sự là một tin tốt mà đại đa số khán giả đều muốn nghe. Chúng ta ai nấy đều muốn tin rằng mọi thứ đang trở nên tốt đẹp hơn, rằng giống loài chúng ta đang học hỏi, phát triển và thịnh vượng. Ai lại từ chối lời chúc

mừng vì đã có phẩm chất để được sống vào thời điểm này?

Nhưng giống như "yêu nước là tin chắc rằng đất nước của mình ưu việt hơn tất cả mọi đất nước khác bởi bạn được sinh ra trong đó" (G. B. Shaw), quan điểm cho rằng chúng ta sống trong "khoảnh khắc bình yên nhất" của giống loài là điều dễ chịu về mặt cảm xúc nhưng thiếu cơ sở về mặt tri thức. Nhà báo Louis Menand nhận thấy khoa học có thể thực hiện một chức năng về cơ bản là mang tính chính trị, bảo thủ, bằng cách cung cấp "cách giải thích cho sự tồn tại của vạn vật mà không đe dọa đến sự tồn tại của chúng". "Tại sao", ông hỏi một cách cường điệu, "người ta lại phải cảm thấy không vui hoặc có hành vi phản kháng xã hội khi người đó sống trong đất nước tự do và thịnh vượng nhất Trái đất? Đấy không thể nào là hệ thống được!"* Không, mọi việc đều ổn cả. Cuộc sống thật tuyệt vời và đang trở nên tốt đẹp hơn. Bớt chiến tranh! Sống lâu hơn! Sự hiện diện mới mẻ và hoàn thiện của con người!

Hình ảnh lấp lánh về hiện tại này của Đại lộ Madison được bao quanh bằng một quá khứ giả tưởng, đẫm máu kiểu Hobbes. Nó được tiếp thị tới công chúng với vị thế của "người thực tế với cái nhìn sáng rõ", và bất cứ ai hoài nghi về những giả định nền móng của nó đều có nguy cơ bị gạt bỏ như một kẻ lãng mạn ảo tưởng vẫn còn tiếc thương trước cái chết của Janis Joplin* và sự lỗi mốt của quần ống loe. Nhưng lập luận "thực tế" đó lại có lỗ hổng bởi những dữ liệu nhầm lẫn, cách hiểu sai lạc và tính toán sai lầm. Một đánh giá vô tư môn khoa học liên quan chứng minh rõ ràng rằng hàng chục nghìn năm trước khi nông nghiệp ra đời - trong khi chắc chắn không phải là thời kỳ hạnh phúc không tưởng liên tục - phần lớn là giai đoạn hầu hết tổ tiên của chúng ta có những đặc trưng như sức khỏe cường tráng, hòa bình giữa các cá nhân và các nhóm với nhau,

và mức độ hài lòng cao.

Khi đưa ra lập luận này, phải chăng chúng ta đã để lộ bản thân là những đồng chí mang thẻ trong Lữ đoàn Không tưởng Bị lừa? Phải chăng ảo tưởng kiểu Rousseau khẳng định rằng tiền sử không phải là một cơn ác mộng vô tận? Phải chăng chủ nghĩa lãng mạn ngớ ngẩn cho rằng bản chất của con người không còn dựa vào bạo lực, ích kỷ và lợi dụng nữa mà là hòa bình, hào phóng và hợp tác? Rằng hầu hết tổ tiên cổ xưa của chúng ta có lẽ đã trải nghiệm cảm giác thuộc về nhau mà ít người trong số chúng ta ngày nay được nếm trải? Rằng tính dục loài người có thể đã phát triển và đóng vai trò như một công cụ gắn kết xã hội và là phương thức dễ chịu để ngăn ngừa, dung hòa xung đột? Rằng con người cổ xưa nếu tồn tại qua mấy năm đầu đời thường sống lâu gần bằng những người giàu có và may mắn nhất của chúng ta ngày nay?

Không. Theo một nghĩa lạ, ảo ảnh Hobbes mới vui tươi hơn nhiều so với chúng ta. Để kết luận, như chúng tôi đã kết luận, rằng giống loài chúng ta có năng lực yêu thương và hào phóng bẩm sinh ít nhất ngang bằng với khả năng hủy diệt, hợp tác hòa bình ngang bằng với phối hợp tấn công, hoạt động tính dục cởi mở, thoải mái ngang bằng với chiếm hữu ghen tuông, bóp chết đam mê… để thấy rằng cả hai con đường này đều mở ra với chúng ta, có điều khoảng 10.000 năm trước, một số tổ tiên của chúng ta đã lang thang từ con đường rừng rậm vào một khu vườn và từ đó giống loài chúng ta đã bị mắc kẹt vĩnh viễn… Vậy thì đây không phải là cái nhìn màu hồng về quỹ đạo chung của loài người. Ai mới là kẻ lãng mạn ngây thơ ở đây?

PHẦN IV

CHUYỂN ĐỘNG CƠ THỂ

Những bí ẩn của tình yêu lớn lên trong tâm hồn,
Nhưng cơ thể mới là cuốn sách của người.

• JOHN DONNE (1572-1631)

Ai cũng đều có một câu chuyện để kể. Mỗi cơ thể cũng vậy, và câu chuyện do cơ thể con người kể lại được xếp loại XXX.

Giống như bất cứ mô tả chuẩn mực nào về thời tiền sử, mô tả của chúng ta dựa vào hai mẫu bằng chứng: bằng chứng vật chất cụ thể và bằng chứng gián tiếp. Chúng tôi đã nhắm tới khá nhiều bằng chứng gián tiếp. Còn về bằng chứng vật chất cụ thể, như lời bài hát trong đó có câu, "Có đi lên ắt có lúc đi xuống", nhưng không may cho các nhà khảo cổ học và những ai trong chúng ta dựa vào phát hiện của họ, những gì đi xuống hiếm khi đi lên được trở lại. Và ngay cả khi có đi lên lại chăng nữa thì hành vi giao tiếp cũng khó được phản ánh trong các mẩu xương, đá lửa và đồ gốm - các mảnh vỡ chỉ đại diện cho một phần những gì từng tồn tại.

Trong một hội thảo cách đây không lâu, đề tài nghiên cứu của chúng tôi được nói tới trong lúc ăn sáng. Khi biết chúng tôi đang nghiên cứu hành vi tính dục loài người, vị giáo sư ngồi đối diện

cùng bàn với chúng tôi chế giễu: Thế các anh làm gì, nhắm mắt lại và mơ mộng à? Trong khi người ta không hề nên chế giễu khi miệng đang ngậm đầy bánh nướng thì ông ta lại làm vậy. Vì hành vi giao tiếp rõ ràng không để lại đồ tạo tác vật chất, bất cứ lý thuyết nào cũng đều chả mấy ý nghĩa ngoài việc "mơ mộng".

Nhà cổ sinh vật học Stephen J. Gould là một trong những người đầu tiên chế giễu khái niệm tâm lý học tiến hóa, ông chất vấn "Làm thế nào mà chúng ta biết được một cách chi tiết các nhóm nhỏ săn bắt-hái lượm làm gì ở châu Phi cách đây hai triệu năm?"* Richard Potts, giám đốc Chương trình Nguồn gốc Loài người của Viện Smithsonian đồng ý, cảnh báo rằng: "Nhiều đặc trưng của hành vi con người sơ khai... rất khó tái tạo, vì không có sẵn bằng chứng vật chất phù hợp. Mô hình kết đôi và ngôn ngữ là những ví dụ rõ ràng... (chúng) không để lại dấu vết nào trong di tích hóa thạch". Nhưng rồi ông nói thêm, cứ như hụt hơi, "Các vấn đề đời sống xã hội... có thể tiếp cận từ các nghiên cứu về môi trường cổ xưa, hoặc từ những khía cạnh cơ bản về giải phẫu học và hành vi có để lại bằng chứng vật chất."

Những khía cạnh cơ bản về giải phẫu học và hành vi có để lại bằng chứng vật chất... Chúng ta có thể lượm lặt những thông tin đáng tin cậy về tình trạng đời sống xã hội cổ xưa - thậm chí là hành vi tình dục - từ giải phẫu học con người ngày nay được hay không?

Một từ thôi: được.

15

NGƯỜI KHỔNG LỒ BÉ NHỎ

Cơ thể của mọi sinh vật đều kể câu chuyện chi tiết về môi trường mà trong đó tổ tiên của nó đã tiến hóa. Lông, mỡ và lông vũ của nó kể cho bạn nghe về nhiệt độ của môi trường cổ xưa. Răng và hệ tiêu hóa chứa đựng thông tin về bữa ăn cổ xưa. Mắt, chân và bàn chân kể cho bạn nghe tổ tiên của nó đi lại thế nào. Kích thước tương đối của con đực và con cái cũng như những điểm đặc biệt của cơ quan sinh dục mang đầy những thông tin về sự sinh sản xa xưa. Trên thực tế, đồ trang sức và cơ quan sinh dục đực mang lại cách phân biệt tốt nhất giữa các loài có quan hệ gần gũi với nhau. Nhà tâm lý học tiến hóa Geoffrey F. Miller còn đi xa đến mức nói rằng, "dường như đổi mới tiến hóa tập trung vào chi tiết của hình dạng dương vật".*

Tạm gạt sang một bên ý nghĩ kiểu Freud khiến chúng ta lo lắng là ngay cả Mẹ Thiên nhiên cũng bị ám ảnh với dương vật, cơ thể của chúng ta chứa đựng vô vàn thông tin về hành vi tính dục của giống loài qua nhiều nghìn năm. Có những đầu mối được mã hóa trong di tích xương cốt hàng triệu năm tuổi và trong cơ thể đang sống của chính chúng ta. Chúng nằm hết ở đó - và ở ngay đây. Thay vì nhắm mắt lại và mơ mộng, hãy mở mắt ra và học cách đọc

những ký hiệu của cơ thể quyến rũ.

Chúng tôi bắt đầu với sự lưỡng hình kích thước cơ thể. Thuật ngữ nghe có vẻ kỹ thuật này lại chỉ đơn giản nói đến sự khác biệt về mặt kích thước giữa nam giới và phụ nữ trưởng thành ở một loài cụ thể. Chẳng hạn, ở các loài linh trưởng, bình quân khỉ đột và khỉ đầu chó đực to gấp đôi con cái, trong khi tinh tinh, tinh tinh lùn và con người lại chỉ lớn hơn và nặng hơn khoảng 10-20%.

Ở các loài có vú nói chung và linh trưởng nói riêng, sự lưỡng hình kích thước cơ thể phản ánh sự cạnh tranh của con đực trong việc giao phối. Trong những hệ thống kết đôi được-ăn-cả, nơi con đực cạnh tranh với nhau để giành lấy những cơ hội giao phối hiếm hoi, con đực nào to lớn hơn, khỏe mạnh hơn thường giành phần thắng... và "ăn cả". Ví dụ như những con khỉ đột to lớn nhất, nổi bật nhất sẽ truyền gene to lớn và nổi bật cho thế hệ sau, từ đó dẫn tới những con khỉ đột đực còn to lớn hơn, nổi bật hơn - đến khi kích thước tăng lên đến một giới hạn sinh học nào đó.

Mặt khác, ở những loài ít đánh nhau giành con cái, có ít nhu cầu sinh học để cơ thể con đực tiến hóa to lớn hơn, khỏe mạnh hơn nên nhìn chung chúng không tiến hóa. Ở những loài đơn thê về mặt tính dục như vượn chẳng hạn, con đực và con cái gần như có kích thước bằng nhau.

Nhìn vào sự lưỡng hình kích thước cơ thể khiêm tốn của chúng ta, rõ ràng là nam giới không đánh nhau nhiều để giành phụ nữ. Như đã đề cập ở trên, bình quân cơ thể nam giới lớn hơn và nặng hơn phụ nữ từ 10 đến 20%, một tỉ lệ bắt đầu cách đây gần hai triệu năm trước. Owen Lovejoy coi tỉ lệ này là bằng chứng về nguồn gốc cổ xưa của chế độ đơn thê. Trong một bài báo đăng trên tờ *Science* năm 1981, Lovejoy lập luận rằng cả sự phát triển não nhanh chóng

ở tổ tiên chúng ta lẫn sự phát triển các công cụ của họ đều bắt nguồn từ một "hệ thống tính cách loài người đã hình thành sẵn", với đặc thù là "làm bố mẹ và quan hệ xã hội chuyên sâu, quan hệ kết đôi theo hình thức đơn thê, hành vi sinh sản-tính dục theo mục đích riêng, và hai chân". Vì vậy, Lovejoy kết luận: "Gia đình hạt nhân và hành vi tính dục loài người có thể có nguồn gốc xa xưa từ rất lâu trước kỷ Pleistocene." Giống như hầu hết các nhà lý luận, Matt Ridley đồng ý với nguồn gốc cổ xưa này của chế độ đơn thê, viết: "Quan hệ kết đôi lâu dài đã ràng buộc mỗi người vượn với bạn tình trong phần lớn đời sống sinh sản của nó."

Hai triệu năm là một thời kỳ tăm tối của đời sống một vợ-một chồng. Lẽ nào những "ràng buộc" này đến nay không dễ chịu hơn chút nào hay sao?

* * *

Không được tiếp cận với dữ liệu xương về sự lưỡng hình của kích thước cơ thể như chúng ta bây giờ, Darwin suy luận con người sơ khai sống trong một hệ thống kiểu hậu cung. Nhưng nếu phỏng đoán của Darwin mà đúng thì tầm vóc trung bình của nam giới đương đại sẽ phải gấp đôi tầm vóc của phụ nữ. Và, như chúng ta sẽ thảo luận trong phần tới, một dấu hiệu chắc chắn khác về quá khứ loài người giống-như-khỉ-đột sẽ là một trường hợp đáng xấu hổ về sự hao hụt kích thước bộ phận sinh dục.

Mặc dù vậy, một số người vẫn tiếp tục quả quyết rằng con người sinh ra đã là những kẻ xây dựng hậu cung đa thê, bất chấp thiếu hụt bằng chứng ủng hộ cho lập luận này. Chẳng hạn, Alan S.

Miller và Satoshi Kanazawa tuyên bố: "Chúng tôi biết rằng con người sống đa thê trong hầu hết lịch sử bởi vì nam giới cao hơn phụ nữ." Hai tác giả này tiếp tục kết luận rằng bởi "nam giới cao hơn 10% và nặng hơn 20% so với phụ nữ nên điều này có nghĩa là trong suốt lịch sử, nam giới thường là đa thê".

Không hẳn vậy. Phân tích của họ đã bỏ qua thực tế là điều kiện văn hóa cần có cho một số nam giới tích lũy đủ sức mạnh chính trị và của cải để chu cấp cho nhiều bà vợ và con cái không tồn tại cho đến khi cộng đồng nông nghiệp định cư đầu tiên xuất hiện cách đây 10.000 năm trước. *Đơn giản là các điều kiện này không tồn tại trước khi có nông nghiệp*. Và việc nam giới cao hơn, nặng hơn phụ nữ ở mức độ vừa phải cho thấy cạnh tranh giữa nam giới với nhau thấp, nhưng không nhất thiết "thường là đa thê". Dù sao đi nữa thì những người bà con bừa bãi của chúng ta, tinh tinh và tinh tinh lùn, *phản ánh chính xác mức khác biệt về kích thước đực/cái trong khi vẫn hưởng thụ vô số cuộc gặp gỡ tình dục với những đối tác mà chúng đủ sức lôi kéo*. Không ai tuyên bố sự lưỡng hình 10-20% kích thước cơ thể ở những người bà con họ khỉ của chúng ta là bằng chứng cho thấy "thường là đa thê". Lời tuyên bố cho rằng những bằng chứng cụ thể này chỉ ra sự bừa bãi ở tinh tinh và tinh tinh lùn nhưng lại chỉ ra sự tương đối đa thê hoặc đơn thê ở loài người giỏi lắm thì cũng không chắc chắn.

Vì nhiều lý do, không chắc là giống loài chúng ta có hậu cung thời tiền sử. Mặc dù có những kẻ nổi tiếng thích tình dục như Ismail Khát máu, Thành Cát Tư Hãn, Brigham Young và Wilt Chamberlain thì cơ thể chúng ta vẫn mạnh mẽ phủ nhận lại điều đó. Hậu cung hình thành từ cơn thèm khát đa dạng tình dục khẩn thiết ở nam giới và sự tập trung quyền lực vào tay một ít người thời

hậu nông nghiệp, cùng với việc phụ nữ trong xã hội nông nghiệp mất đi đáng kể quyền tự quyết. Hậu cung là đặc trưng của nền văn hóa nông nghiệp và nông thôn quân phiệt, phân cấp cứng nhắc hướng tới tăng trưởng dân số, mở rộng lãnh thổ và tích lũy của cải nhanh chóng. Hậu cung mang tính giam hãm chưa bao giờ thấy xuất hiện trong bất cứ báo cáo về xã hội hái lượm thực thụ nào.

* * *

Mặc dù việc giống loài chúng ta chuyển sang sự lưỡng hình kích thước cơ thể vừa phải cho thấy rõ rằng nam giới đã tìm thấy một cách khác thay cho đánh nhau để giành giật cơ hội giao phối cách đây 1,9 triệu năm trước, nó không cho chúng ta biết cách đó là cách gì. Nhiều nhà lý luận coi bước chuyển đổi này là sự xác nhận cho việc chuyển từ đa thê sang đơn thê - nhưng kết luận đó đòi hỏi chúng ta phải phớt lờ việc giao phối bừa bãi như một lựa chọn cho tổ tiên chúng ta. Vâng, hệ thống một nam/một nữ làm giảm đi cạnh tranh giữa nam giới với nhau vì quỹ phụ nữ sẵn có không chịu sự chi phối của số ít nam giới nữa khiến cho những anh chàng ít khao khát hơn có nhiều phụ nữ hơn. Nhưng một hệ thống kết đôi trong đó cả nam giới và phụ nữ về cơ bản đều có nhiều mối quan hệ tình dục đồng thời sẽ làm giảm sự cạnh tranh giao phối ở nam giới không kém, nếu không muốn nói là hơn. Và khi mà hai loài gần gũi nhất với chúng ta đều có hệ thống giao phối nhiều đực nhiều cái thì đây có vẻ như là kịch bản có nhiều khả năng hơn hẳn.

Tại sao lại có nhiều nhà khoa học lưỡng lự khi cân nhắc những hàm ý của việc hai người bà con linh trưởng gần gũi nhất với chúng

ta thể hiện cùng mức độ lưỡng hình kích thước cơ thể như chúng ta? Hai cách hiểu "chấp nhận được" đối với sự thay đổi trong lưỡng hình kích thước cơ thể là:

Nó chỉ ra nguồn gốc của gia đình hạt nhân/hệ thống kết đôi chung thủy về mặt tình dục. (Vậy thì tại sao kích thước của nam giới và phụ nữ lại không giống nhau, như loài vượn?)

Nó cho thấy rằng loài người bẩm sinh "tương đối đa thê" nhưng đã học cách kiểm soát cơn thôi thúc này, với thành công cho cả hai bên. (Vậy thì tại sao nam giới lại không to lớn gấp đôi phụ nữ, giống như loài khỉ đột?)

Hãy lưu ý đến giả định chung giữa cả hai cách hiểu này: sự trầm lặng về mặt tình dục ở phụ nữ. Trong cả hai kịch bản, danh dự của nữ giới vẫn nguyên vẹn. Ở cách hiểu thứ hai, chỉ có sự chung thủy tự nhiên của nam giới là bị nghi ngờ mà thôi.

Khi ba loài khỉ có quan hệ gần gũi nhất thể hiện cùng mức độ lưỡng hình kích thước cơ thể, lẽ nào ít ra chúng ta lại không nghĩ đến khả năng cơ thể chúng phản ánh cùng một kiểu thích nghi trước khi chúng ta đi đến những kết luận xa xôi, nếu chắc chắn về mặt cảm xúc?

Đã đến lúc chúng ta đi xuống xa hơn phía dưới thắt lưng...

TẤT CẢ ĐỀU BÌNH ĐẲNG TRONG TÌNH YÊU VÀ TRONG CUỘC CHIẾN TINH TRÙNG

Không một trường hợp nào khiến tôi thích thú và bối rối nhiều như phần mông sáng rực và các bộ phận kề nhau của một số loài khỉ.

• CHARLES DARWIN

Trong vài triệu năm qua, đàn ông đã không còn đánh nhau để giành quyền hẹn hò nữa, nhưng điều đó không có nghĩa là Darwin nói sai về việc cạnh tranh tình dục ở nam giới đóng vai trò quan trọng trong tiến hóa của loài người. Ngay cả ở loài tinh tinh lùn, vốn rất ít hoặc không có xung đột công khai vì tình dục, vẫn diễn ra chọn lọc theo kiểu Darwin - nhưng ở mức độ mà bản thân Darwin có lẽ cũng chưa bao giờ nghĩ tới - hoặc dám thảo luận công khai. Thay vì cạnh tranh để xem ai giành được tình yêu, tinh tinh lùn đực để cho tinh trùng của mình chiến đấu. Otto Winge, chuyên gia nghiên cứu cá bảy màu trong những năm 1930, đã đưa ra thuật ngữ *cạnh tranh tinh trùng*. Về sau Geoffrey Parker, chuyên gia nghiên cứu loài nhặng vàng xấu xí, đã trau chuốt cho khái niệm này.

Ý tưởng rất đơn giản. Nếu tinh trùng của nhiều con đực hiện diện trong bộ máy sinh sản của một con cái đang rụng trứng thì bản thân các tinh trùng sẽ cạnh tranh với nhau để thụ thai cho trứng. Con cái của những loài tham gia cuộc cạnh tranh tinh trùng thường có nhiều chiêu trò để quảng bá cho khả năng sinh sản của nó, từ đó mời gọi nhiều đối thủ hơn. Hành động khiêu khích của chúng bao gồm từ việc phát ra âm thanh hay mùi hương quyến rũ đến việc làm cho bộ phận sinh dục phồng lên to hơn kích thước bình thường vài lần và chuyển sang sắc thái màu son từ màu đỏ Berry gợi tình đến màu đỏ Rouge Soleil.*

Quá trình này giống như chơi sổ xố, ở đó con đực sở hữu nhiều về số nhất có nhiều cơ hội chiến thắng nhất (theo đó là năng lực sản xuất tinh trùng khủng khiếp của tinh tinh và tinh tinh lùn). Đây cũng là một quá trình cản trở, bởi cơ thể của con cái tạo ra các loại thử thách - các loại hào buộc tinh trùng phải bơi qua mới tới được

với trứng - đây cũng là cách để loại bỏ những tinh trùng không xứng đáng. (Chúng ta sẽ khảo sát một số trở ngại này trong những chương sau). Nhiều người khác lập luận rằng cuộc cạnh tranh này giống với trò bóng bầu dục hơn khi tinh trùng tạo thành "các đội" chuyên phòng thủ, chạy cánh, vân vân.* Cạnh tranh tinh trùng có nhiều hình thức.

Mặc dù Darwin có thể cảm thấy "bối rối" với nó, cạnh tranh tinh trùng duy trì mục đích trung tâm của cạnh tranh nam giới trong thuyết chọn lọc tính dục của ông, trong đó phần thưởng cho kẻ chiến thắng là thụ thai cho trứng. Cuộc chiến xảy ra ở cấp độ tế bào, giữa các tế bào tinh trùng với nhau. Bộ máy sinh sản của nữ đóng vai trò chiến trường. Vượn đực sống trong các nhóm cộng đồng có nhiều con đực (chẳng hạn như tinh tinh, tinh tinh lùn và con người) có tinh hoàn lớn hơn, đựng trong bìu dái nằm ở ngoài, trưởng thành muộn hơn con cái và phóng ra lượng tinh dịch lớn hơn với mức độ tập trung tế bào tinh trùng lớn hơn so với những loài linh trưởng mà trong đó mỗi chu kỳ con cái chỉ giao phối với một con đực (như khỉ đột, vượn và đười ươi).

Và, ai mà biết được? Có lẽ Darwin sẽ công nhận quá trình này nếu như ông không quá thấm nhuần các khái niệm thời Victoria về tính dục nữ. Sarah Hrdy cho rằng "chính suy đoán của Darwin cho rằng con cái kiềm chế bản thân để chờ con đực tốt nhất có thể đã khiến ông cảm thấy bối rối với những kẻ cừ khôi trong môn tình dục". Hrdy không tin luận điểm "phụ nữ bẽn lẽn" của Darwin chút nào: "Mặc dù phù hợp với nhiều loài động vật, biệt danh 'bẽn lẽn' vốn vẫn sẽ tiếp tục trở thành tín điều không bị thách thức trong hàng trăm năm tới - ngày xưa không và bây giờ vẫn không, phù hợp với hành vi quan sát được của khỉ cái và con cái của các loài

khỉ giữa kỳ kinh."

Có thể bản thân Darwin có đôi chút bẽn lẽn trong những bài viết về hoạt động tính dục ở phụ nữ. Anh chàng tội nghiệp đã báng bổ Thượng đế, cũng như đại đa số mọi người - kể cả người vợ yêu dấu, ngoan đạo của ông - hiểu về khái niệm này. Ngay cả khi ông nghi ngờ những thứ như cạnh tranh tinh trùng đã đóng một vai trò nào đó trong sự tiến hóa của loài người đi chăng nữa, làm sao mà người ta nghĩ rằng ông cũng hạ bệ người phụ nữ thánh thiện thời Victoria cơ chứ? Làm sao học thuyết Darwin lại có thể xấu xa đến mức mô tả phụ nữ tự bán dâm để mua thịt, tiếp cận tài sản của đàn ông và mọi thứ khác nữa. Quan điểm cho rằng phụ nữ xa xưa là những mẹ sề vô liêm sỉ bị thôi thúc bởi lạc thú là quá đáng.

Mặc dù vậy, với nhận thức đặc trưng về việc mình không biết - không thể biết - đến đâu, Darwin thừa nhận rằng: "Vì ở giới tính này (nữ) những bộ phận này sáng màu hơn so với ở giới tính khác, và vì chúng trở nên rực rỡ hơn trong mùa yêu đương, tôi kết luận rằng những màu sắc đó sinh ra nhằm thu hút tình dục. Tôi nhận thức rõ rằng vì vậy, tôi đặt bản thân trước nguy cơ bị chế giễu.

Có lẽ Darwin hiểu rằng sự sưng phồng của bộ phận tính dục sáng màu của một số linh trưởng cái là để đốt cháy dục năng của con đực, là thứ không cần thiết theo thuyết chọn lọc tính dục của ông. Thậm chí còn có cả bằng chứng cho thấy Darwin có thể đã có lý do để cân nhắc về cạnh tranh tinh trùng ở loài người. Tương ứng với người bạn cũ Joseph Hooker, lúc này đang thu thập cây cỏ ở Bhutan, Hooker báo cho Darwin về những người nhiều chồng mà ông gặp, "theo luật lệ một phụ nữ có thể lấy tới 10 ông chồng".

Nhưng lưỡng hình kích thước cơ thể không phải là dấu hiệu giải phẫu học duy nhất về sự bừa bãi ở giống loài chúng ta. Tỉ lệ giữa

khối lượng tinh hoàn và khối lượng toàn cơ thể có thể sử dụng để đọc mức độ cạnh tranh tinh trùng ở bất cứ loài nào. Jared Diamond coi lý thuyết kích thước tinh hoàn là "một trong những thắng lợi của ngành nhân học thể chất hiện đại".* Giống như hầu hết các ý tưởng vĩ đại, lý thuyết kích thước tinh hoàn rất đơn giản: loài nào chăm giao phối hơn sẽ cần tinh hoàn lớn hơn, và loài nào có vài con đực thường xuyên giao phối với một con cái đang rụng trứng thậm chí còn cần tinh hoàn lớn hơn.

Nếu loài nào mà *to củ tốt rễ*, con đực sẽ thường xuyên xuất tinh với những con cái ngủ cùng, ở đâu con cái chỉ dành cho ý trung nhân thì ở đó con đực có tinh hoàn nhỏ hơn, tương ứng với khối lượng toàn cơ thể. Mối tương quan giữa con cái dâm đãng và con đực to củ dường như không chỉ áp dụng với con người và các loài linh trưởng khác mà còn cả với các loài có vú, chim chóc, bướm, bò sát và cá nữa.

Ở cách tiếp cận được-ăn-cả của khỉ đột đối với việc giao phối, con đực cạnh tranh để xem ai sẽ được tất cả số chiến lợi phẩm. Ở tinh tinh lùn, vì ai nấy đều may mắn nên cuộc cạnh tranh diễn ra ở cấp độ tế bào tinh trùng chứ không phải ở cấp độ cá thể con đực. Tuy nhiên, mặc dù gần như toàn bộ tinh tinh lùn đều quan hệ tình dục, trước các thực tế sinh sản sinh học, mỗi con tinh tinh lùn non vẫn chỉ có một ông bố sinh học mà thôi.

Vậy là cuộc chơi vẫn không đổi - đưa gene của mình vào tương lai - nhưng luật chơi lại khác. Với các hệ thống đa thê kiểu hậu cung như của loài khỉ đột, các cá thể đực đánh nhau trước khi có bất cứ hoạt động tình dục nào diễn ra. Trong cạnh tranh tinh trùng, các tế bào đánh nhau trong kia để các con đực khỏi phải đánh nhau ngoài này. Thay vào đó, các con đực có thể thư giãn bên

nhau, tạo thành các nhóm lớn hơn, tăng cường hợp tác và tránh chia rẽ động lực xã hội. Điều này góp phần giải thích tại sao không một con linh trưởng nào sống trong các nhóm cộng đồng nhiều con đực lại theo chế độ đơn thê. Đơn giản là điều này không có tác dụng.

Như thường lệ, chọn lọc tự nhiên nhắm vào các cơ quan và hệ thống liên quan để thích nghi. Qua nhiều thế hệ, khỉ đột đực phát triển cơ bắp đồ sộ để phục vụ cho cuộc đấu tranh sinh sản, trong khi bộ phận sinh dục không mấy quan trọng của chúng teo xuống tới mức tối thiểu cần thiết cho sự thụ tinh không phải tranh đua. Ngược lại, tinh tinh, tinh tinh lùn và con người không cần đến cơ bắp ngoại cỡ để đánh nhau nhưng lại phát triển tinh hoàn lớn hơn, mạnh mẽ hơn, và, trong trường hợp con người, một dương vật thú vị hơn nhiều.

Một con khỉ đột lưng bạc trưởng thành nặng chừng 180 kg nhưng dương vật chỉ dài xấp xỉ ba phân khi vươn hết cỡ. Tinh hoàn của nó bằng kích thước quả thận, mặc dù bạn sẽ khó mà tìm thấy vì chúng được giấu kín bên trong cơ thể. Mặt khác, một con tinh tinh lùn hoặc tinh tinh nặng 45 kg lại có dương vật dài gấp ba lần khỉ đột và có tinh hoàn lớn bằng quả trứng gà. Loại AAA, cực lớn. Chúng tôi gần như có thể nghe thấy vài độc giả suy nghĩ, “Nhưng tinh hoàn của tôi còn chả bằng quả trứng gà nữa là!”

Không, bằng sao được. Nhưng chúng tôi đoán chúng cũng không phải là những hạt đậu thận tí hon giấu trong bụng các bạn. Con người ở giữa khỉ đột và tinh tinh lùn về tỉ lệ khối lượng tinh hoàn/khối lượng cơ thể. Những người lập luận giống loài chúng ta đã sống đơn thê về mặt tình dục suốt hàng triệu năm bảo rằng tinh hoàn người nhỏ hơn nhiều so với tinh hoàn tinh tinh và tinh tinh

lùn. Những người thách thức mô tả chuẩn mực (giống như chúng tôi chẳng hạn) thì nhận thấy rằng tỉ lệ tinh hoàn người vượt xa tinh hoàn của loài khỉ đột đa thê hoặc loài vượn đơn thê.

Như vậy, phải chăng bìu dái loài người chỉ đầy có một nửa?

So sánh nhiều nhóm giải phẫu các loài vượn người.

Thông tin đưa ra:

Lưỡng hình kích thước cơ thể (cân nặng)

Giao hợp mặt-đối-mặt hoặc từ phía sau

Khối lượng tinh hoàn/khối lượng cơ thể

Tinh hoàn nằm bên trong cơ thể hoặc ở bìu ngoài

So sánh chiều dài dương vật (cương cứng)

Xuất hiện bộ ngực xệ

Bộ phận sinh dục nữ sưng phồng trong thời kì rụng trứng

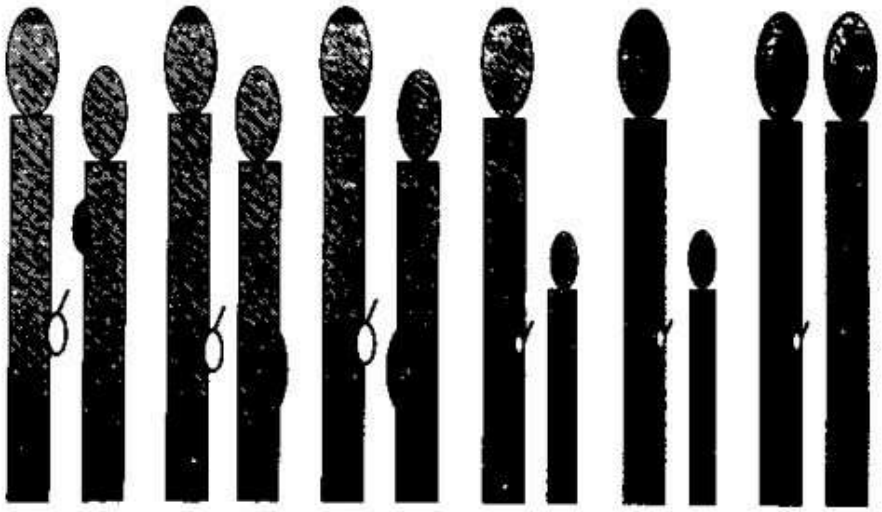

Loài:	Người	Tinh tinh lùn	Tinh tinh	Khỉ đột	Đười ươi	Vượn
Cân nặng (kg):	86/74 kg	35/32	40/35	160/80	75/37	10/10
Hệ thống kết đôi:	?	Bừa bãi	Bừa bãi	Đa thê	Phân phát	Đơn thê

16

THƯỚC ĐO CHÂN THỰC NHẤT CỦA ĐÀN ÔNG

Nhỏ?

Cả tinh tinh và tinh tinh lùn đều bừa bãi hơn nhiều so với chúng ta. Tinh hoàn của chúng ta phản ánh điều này: chúng chỉ là những hạt lạc so với trái dừa của những người bà con vượn người của chúng ta.

• FRANS DE WAAL

Vừa?

Những dấu vết thuyết phục về lịch sử chọn lọc tình dục mà trong đó con cái giao phối với nhiều đối tượng có thể tìm thấy ở nam giới loài người. Có lẽ dấu vết rõ ràng nhất là kích thước tinh hoàn. Xét theo tương quan kích thước cơ thể, tinh hoàn nam giới về căn bản lớn hơn so với khỉ đột, loài mà con đực đa thê nhưng con cái lại chỉ giao phối với một đối tượng nên "cạnh tranh tinh trùng" trong bộ máy sinh sản nữ không hề

tồn tại.

• **WILSON & DALY***

Lớn?

Loài người chắc chắn nằm ở phía củ-to trong bộ linh trưởng, giống với tinh tinh hơn là khỉ đột... cho thấy rằng từ lâu chúng ta đã quen với việc cạnh tranh bằng tinh trùng cũng như bằng cơ thể.

• **BARASH & LIPTON***

Có những bất đồng cơ bản đối với vấn đề tế nhị là cái bọc đó của đàn ông. Chúng ta đang nói đến điều gì ở đây? Hạt lạc hay quả óc chó? Tinh hoàn của nam giới hiện đại nhỏ hơn nhiều so với tinh hoàn tinh tinh và tinh tinh lùn, nhưng chúng khiến cho bọn khỉ đột đa thê và vượn chung thủy phải xấu hổ, với chênh lệch cân nặng mỗi bên tinh hoàn vào khoảng 14 gr (khoảng 80 carat, nếu bạn là thợ kim hoàn). Như vậy cả hai phe của cuộc tranh cãi quan trọng này đều có thể tuyên bố có bằng chứng cho quan điểm của mình chỉ bằng cách tuyên bố rằng tinh hoàn của con người tương đối lớn hoặc tương đối bé.

Đo tinh hoàn không giống với việc đo số giày. Lập luận cho rằng tinh hoàn con người sẽ lớn bằng tinh hoàn tinh tinh nếu chúng ta tiến hóa trong các nhóm bừa bãi được xây dựng trên một giả định cốt yếu và sai lầm: kích thước tinh hoàn của con người ngày nay đã không hề thay đổi trong suốt hàng chục nghìn năm qua. Khi Stephen Jay Gould viết: "Từ 40.000 đến 50.000 năm qua, con người không có thay đổi nào trên phương diện sinh học", ông đang dựa

trên những dữ liệu mà sau này đã bị thay thế kể từ khi ông qua đời vào năm 2002. Giả định vẫn đang được chia sẻ rộng rãi này phát triển từ niềm tin có từ lâu đời rằng mọi bộ phận cơ thể người tiến hóa rất chậm, đòi hỏi phải qua hàng nghìn thế hệ mới xảy ra biến đổi quan trọng.

Thỉnh thoảng vẫn có. Nhưng thỉnh thoảng lại không. Trong *The 10,000 Year Explosion (*tạm dịch*: Vụ nổ 10,000 năm)*, Gregory Cochran và Henry Harpending lập luận rằng cơ thể người có khả năng thay đổi mang tính tiến hóa rất nhanh. "Trong lịch sử ghi chép được, con người đã thay đổi nhiều cả về cơ thể lẫn trí óc", họ viết, viện dẫn khả năng kháng bệnh sốt rét, có màu mắt xanh dương, và thu nạp đường sữa như những ví dụ về thay đổi tiến hóa nhanh.

Một ví dụ họ không thảo luận trong cuốn sách, nhưng có thể cân nhắc trong các ấn bản tương lai, là kích thước tinh hoàn. Tinh hoàn có thể thay đổi kích thước gần như trong nháy mắt - dù là mắt xanh hay mắt gì khác, ở một số loài vượn cáo (loài linh trưởng nhỏ, sống về đêm), khối lượng tinh hoàn thay đổi theo mùa, phình lên vào mùa sinh sản và sau đó rút lại trong mùa nghỉ ngơi, giống như trái bóng trên bãi biển có một lỗ thủng nhỏ.*

Mô tinh hoàn ở người, tinh tinh và tinh tinh lùn (nhưng điều thú vị là không phải ở khỉ đột) chịu sự kiểm soát của ADN phản ứng nhanh một cách bất thường tới biến đổi môi trường. Các nhà di truyền học Wyckoff, Wang và Wu viết trên tờ *Nature*: "Sự tiến hóa nhanh chóng của các gene sinh sản đực là điều… khá đáng lưu ý ở các nhánh của loài người và tinh tinh." Họ tiếp tục nhận thấy rằng phản ứng nhanh chóng của các gene này rất có thể liên quan đến hệ thống giao phối khi viết: "Điều ngược lại rất thú vị khi xem xét

các hành vi tình dục-xã hội ở các loài khỉ Châu Phi. Trong khi tinh tinh và tinh tinh lùn hiện đại cực kỳ bừa bãi với rất nhiều cơ hội thụ đa thai thì khỉ đột cái đang rụng trứng dường như ít có khả năng thụ đa thai hơn".*

Hãy ngẫm nghĩ về điều đó một chút. Con người, tinh tinh và tinh tinh lùn - nhưng không phải khỉ đột - cho thấy "sự tiến hóa nhanh chóng ở các gene liên quan đến tinh trùng và sản xuất tinh dịch" liên quan đến "thụ đa thai". Các gene liên quan đến sự phát triển của tinh hoàn người, tinh tinh và tinh tinh lùn có khả năng phản ứng đối với áp lực thích nghi cao hơn nhiều các gene tương tự ở khỉ đột, loài thường chỉ giao phối giữa một con cái với một con đực.

Vì cấu tạo của chúng hoàn toàn bằng các mô mềm nên tinh hoàn không để lại dấu vết trong hóa thạch. Do đó, trong khi những người ủng hộ mô tả chuẩn mực giả định rằng khối lượng tinh hoàn người không hề thay đổi trong hàng nghìn năm qua, bây giờ chúng ta đã rõ rằng giả định này là sai lầm.

Wyckoff, Wang và Wu xác nhận dự đoán của nhà sinh học Roger Short hồi năm 1979 khi ông viết: "Kích thước tinh hoàn có thể phản ứng nhanh chóng trước áp lực chọn lọc. Một trong những hình thức mạnh nhất của chọn lọc sẽ được tìm thấy trong hệ thống giao phối bừa bãi..." Geoffrey Miller phụ họa cho quan điểm cho rằng thiết kế của tinh trùng và tinh hoàn, về mặt logic, sẽ phản ứng cao trước áp lực thích nghi khi viết: "Những khác biệt có thể di truyền trong chất lượng tinh trùng và thiết bị dẫn tinh sẽ được chọn lọc mạnh mẽ." Cuối cùng, nhà sinh học tiến hóa Lynn Margulis và đồng tác giả Dorion Sagan lập luận rằng "cơ quan sinh dục phát triển" có sự hậu thuẫn của "rất nhiều hỏa lực tinh trùng" (*spermatic firepower*)

sẽ chỉ đáng giá khi có "một kiểu chạy đua hoặc thi đấu. Nếu không", họ viết, "chúng sẽ trở nên thừa thãi".

Cơ quan sinh dục phát triển. Hỏa lực tinh trùng. Giờ chúng tôi mới nói đây!

Vốn là thứ không cần thiết ở các loài đơn thê, có thể thấy hỏa lực tinh trùng trong sự khác nhau giữa tinh dịch ở lần phun đầu tiên và lần phun cuối cùng của nam giới. Thông thường, xuất tinh ở người nằm trong khoảng ba đến chín lần phun như vậy. Không biết bằng cách nào đó đã chụp được những lần "xuất phun" như vậy để nghiên cứu, các nhà nghiên cứu thấy rằng những lần phun đầu tiên chứa đựng các chất bảo vệ tinh trùng khỏi nhiều dạng hóa chất tấn công. Loại hóa chất tấn công nào? Bên cạnh bạch cầu và kháng nguyên có mặt trong bộ máy sinh sản của phụ nữ (sẽ nói thêm về điều này sau), chúng bảo vệ tinh trùng khỏi các hóa chất trong những lần phun sau khi nam giới xuất tinh. Những lần phun cuối cùng này chứa chất diệt tinh trùng với mục đích làm chậm lại bước tiến của bất cứ kẻ nào đến sau. Hay nói cách khác, có vẻ như tinh trùng cạnh tranh của đàn ông khác đã được dự báo trước trong đặc tính hóa học của tinh trùng nam giới, ở cả những lần phun đầu (bảo vệ) lẫn những lần phun sau (tấn công).

Tầm quan trọng của cạnh tranh tinh trùng đã được tranh luận trong các hội thảo khoa học và tạp chí học thuật suốt mấy thập kỷ vừa qua như thể đây là một khám phá mới; nhưng trước Công nguyên vài thế kỷ, Aristotle và các bậc tiền bối của ông đã nhận thấy rằng một con chó cái giao phối với hai con chó đực trong giai đoạn thụ thai có thể tạo ra một ổ chó con có bố là một trong hai hoặc cả hai. Và hãy suy nghĩ về câu chuyện Heracles và Iphicles: vào đêm trước khi Amphitryon lấy Alcmene, Zeus đã hóa thành

Amphitryon và ngủ với cô dâu tương lai. Đêm sau đó, Amphitryon hoàn tất cuộc hôn nhân. Alcmene sinh đôi: Iphicles (bố là Amphitryon) và Heracles (bố là Zeus). Rõ ràng, người Hy Lạp cổ đại đã có ý niệm mơ hồ về cạnh tranh tinh trùng.

Gần đây hơn, một số nhà nghiên cứu đã chứng minh rằng việc sản xuất tinh trùng ở đàn ông tăng mạnh khi anh ta không gặp bạn tình trong vài ngày, bất kể anh ta có xuất tinh khi vắng mặt cô ấy hay không. Phát hiện này phù hợp với quan điểm cho rằng cạnh tranh tinh trùng đóng vai trò trong quá trình tiến hóa của loài người và có thể tượng trưng cho bước thích nghi với những chuyển đổi gần đây sang chế độ đơn thê. Theo kịch bản này, việc không biết người vợ đàng điếm của mình định làm gì tại cái hội thảo khỉ gió ở Orlando đã khiến cho cơ thể của anh chồng sản xuất cực nhiều tinh trùng để gia tăng cơ hội thụ thai cho trứng của cô ta khi cô ta trở về nhà, ngay cả khi nỗi sợ tồi tệ nhất (và có thể là những ảo ảnh nóng bỏng nhất) của anh ta là có thật. Trong lúc đó, phụ nữ cũng ghi nhận rằng đàn ông có xu hướng mạnh mẽ hơn trên giường ngủ - những ham muốn sâu hơn, mạnh mẽ hơn - sau một thời gian xa cách hoặc nghi ngờ thiếu chung thủy.* (Dường như khả năng nam giới có thể thật sự cảm thấy ham muốn trước ý nghĩ bạn tình mắc lỗi lúc này vẫn chưa thành công trong cuộc thảo luận này lắm, nhưng hãy xem thảo luận về khiêu dâm dưới đây).

Những hàm ý gây xôn xao dư luận về cạnh tranh tinh trùng đập thẳng vào quan điểm bất khả xâm phạm từ lâu nay về tính dục nữ. Đây là hình ảnh mà Darwin vô tình gieo vào nhận thức của công chúng, mô tả người phụ nữ nhút nhát chỉ khuất phục trước một bạn tình được lựa chọn cẩn thận, thể hiện bản thân xứng đáng - và ngay cả khi đó thì cô ta cũng chỉ làm vậy vì nước Anh. “Người phụ

nữ tham lam tình dục vô độ", Donald Symons tuyên bố với vẻ sợ hãi, "sẽ được tìm thấy đầu tiên, nếu không phải duy nhất, trong ý thức hệ nữ quyền, trong hy vọng của các chàng trai và trong nỗi sợ hãi của đàn ông." Có thể vậy, nhưng Marvin Harris đưa ra một ý kiến khác, ông viết: "Giống như tất cả mọi nhóm chiếm ưu thế, đàn ông tìm cách quảng bá hình ảnh bản chất của cấp dưới của mình, vốn góp phần bảo tồn hiện trạng. Trong suốt hàng nghìn năm, đàn ông không nhìn phụ nữ theo cách họ có thể trở thành, mà chỉ theo cách muốn họ trở thành mà thôi."

Bất chấp mọi tranh cãi thì vẫn không ai nghi ngờ gì về việc cạnh tranh tinh trùng có xảy ra ở quá trình sinh sản của loài người hay không.* Có - lần nào cũng có. Một lần xuất tinh của con người mang theo từ 50 triệu đến nửa tỉ ứng viên, tất cả đều tìm cách bò đến công việc duy nhất còn bỏ ngỏ: thực hiện sự thụ tinh. Câu hỏi liên quan là liệu các ứng viên đó chỉ cạnh tranh với nhau thôi, hay với cả hàng tỉ ứng viên khác do những gã đàn ông khác phái tới nữa?

Thật khó mà đưa ra được một thực thể cạnh tranh hoàn chỉnh hơn tinh trùng người. Hãy tưởng tượng một đàn cá hồi tí hon đông lúc nhúc, toàn bộ sự tồn tại chỉ gói gọn trong chuyến ngược dòng căng thẳng hướng tới một phi vụ sinh sản một-trên-mấy-trăm-triệu. Con số chỉ tỉ lệ hơi dài, có thể bạn sẽ nói vậy. Nhưng không phải tinh trùng của sinh vật nào cũng đối mặt với những cơ hội ít ỏi đến mức đó. Chẳng hạn, ở một số loài côn trùng, chưa đầy một trăm tinh trùng xếp hàng trong cuộc đua dẫn tới trứng. Cũng không phải tinh trùng nào cũng đều tí hon như vậy khi so sánh với người bảo trợ. Một số loài ruồi giấm có tinh trùng đo được xấp xỉ 6 cm khi duỗi thẳng ra - lớn hơn bản thân con ruồi vài lần. *Homo*

sapiens thì ngược lại hoàn toàn, ngay lập tức ký thác hàng trăm triệu con tinh trùng bé tí.

Bảng 4: Cạnh tranh tinh trùng ở các loài khỉ lớn (dữ liệu của Dixson, 1998)

	Người	**Tinh tinh/ Tinh tinh lùn**	**Vượn**	**Khỉ đột**
Lưỡng hình kích thước cơ thể (%)	15-20	15-20	100	100
Khối lượng tinh hoàn (Kết hợp, Tuyệt đối, g)	35-50	118-160	35	29
Khối lượng tinh dịch mỗi lần xuất (ml)	4.25 (2-6.5)	1.1	1.1	3
Nồng độ của tinh trùng (x 106 ml)	1940:113 1990:66	548	61	171
Tổng số tinh trùng (triệu tinh trùng/lần phun)	1940:480 1990:280	603	67	51

Túi tinh	Vừa	Lớn	Lớn	Bé
Độ dày dương vật (Chu vi)	24.5 mm	12 mm		
Chiều dài dương vật	13-18cm hoặc hơn	7,5cm	4cm	3cm
Tỷ lệ chiều dài dương vật (Tương ứng với khối lượng cơ thể)	0,169	0,174	0,053	0,018
Khối lượng cơ thể (Đực, kg)	77	46	45-100	136-204
Số lần giao phối cho một lần sinh	>1000	>1000	<20	<20
Thời gian giao phối trung bình (giây)	474	7/15	900	60

Trong các loài, chỉ loài người mới có phần khấc và đầu dương vật.

'HARDCORE'* THỜI ĐỒ ĐÁ

Đây là một điều bí ẩn. Tại sao lại có nhiều đàn ông dị tính*

không hứng thú với những cảnh khiêu dâm mô tả nhóm đàn ông quan hệ với một phụ nữ? Thật vô lý, nếu bạn nghĩ về điều đó. Ốc quế thì nhiều mà kem thì ít. Và điểm lạ mang tính gợi nhắc này không kết thúc bằng tỉ lệ nam/nữ phản trực giác; mà bằng sự xuất tinh ở nam giới theo cách đáng *đồng tiền bát gạo*.

Các nghiên cứu vừa khẳng định điều mà hầu hết nam giới đều biết: đàn ông có xu hướng hứng tình trước những hình ảnh mô tả môi trường trong đó có cạnh tranh tinh trùng (mặc chúng tôi hình dung là ít, hãy suy nghĩ về điều đó theo các thuật ngữ này). Hình ảnh và những đoạn phim mô tả một phụ nữ quan hệ tình dục với nhiều đàn ông phổ biến trên Internet và trong các cảnh khiêu dâm quảng cáo nhiều hơn hẳn so với một đàn ông với nhiều phụ nữ. Liếc nhanh những lời mời chào trực tuyến tại danh mục *Vũ trụ phim Người lớn* với trên 900 tiêu đề trong thể loại *Tập thể*, nhưng chỉ có 27 tiêu đề trong thể loại *Tập thể nữ*. Bạn tự tính lấy nhé. Tại sao những con đực trong một loài đã *mang cái gông đơn thê* được 1,9 triệu năm lại thấy hứng tình trước cảnh các nhóm đàn ông xuất tinh?

Những người hoài nghi có thể lập luận rằng sự kích thích này có thể phản ánh lợi ích thương mại hoặc một trò qua đường. Hợp lý, nhưng điều gì tạo ra bằng chứng thử nghiệm cho thấy đàn ông xem tài liệu khiêu dâm gợi nhắc đến cạnh tranh tinh trùng (hai đàn ông một phụ nữ) tạo ra những cú phun chứa đựng tỉ lệ tinh trùng di động cao hơn so với đàn ông xem hình ảnh ba người phụ nữ?* Và tại sao bị cắm sừng lại xuất hiện liên tục ở tốp trên cùng hoặc gần tốp trên cùng những hình ảnh tưởng tượng về tình dục ở nam giới đã lập gia đình, theo các chuyên gia như Alfred Kinsey hay Dan Savage?

Như chúng tôi được biết, phụ nữ không có sở thích tương ứng về món khiêu dâm mô tả nhiều ả thừa cân đeo vớ đen, hình xăm rẻ tiền, tóc tai bù xù làm tình với một anh chàng hấp dẫn. Tính mà xem.

Liệu sở thích xem những cảnh nhiều nam giới của đàn ông có phải là tiếng vọng của *khiêu dâm kỷ Pleistocene*? Hãy nhớ các loại xã hội mà chúng ta thảo luận trước đây, trong đó phụ nữ hỗ trợ và truyền cảm hứng cho các nhóm lao động hoặc thợ săn bằng cách sẵn sàng về mặt tình dục. Động lực tương tự cũng được thể hiện ở bất cứ Chủ nhật nào có hoa vải pom-pom phấp phới, quần soóc loại ngắn nhất, những cú đá cao nhất kết thúc bằng cảnh những cặp giò trẻ trung quyến rũ duỗi thẳng xuống mặt cỏ nhân tạo Astroturf. Mặc dù có những cách hiểu khác chấp nhận được dành cho những điều kỳ quặc như vậy trong cuộc sống đương đại, chúng vẫn song hành khá tốt với một thời kỳ tiền sử mang đặc trưng của cạnh tranh tinh trùng.*

17

ĐÔI KHI DƯƠNG VẬT CHỈ LÀ DƯƠNG VẬT

Chúng ta đúng khi ghi nhận sự phóng túng và bất phục tùng của thành viên này, nó tự đẩy mình về phía trước hết sức không đúng lúc khi chúng ta không mong muốn, làm chúng ta thất vọng không đúng lúc khi chúng ta cần nhất; nó độc đoán tranh đoạt quyền lực với ý chí của chúng ta: nó bướng bỉnh và kiêu hãnh cự tuyệt mọi lời khuyến khích của chúng ta, cả của tâm trí lẫn bàn tay.

• MONTAIGNE, viết về dương vật (có lẽ là của ông)

Đừng để tiếng cười khúc khích làm bạn nhầm lẫn. Ở loài người, đàn ông rất coi trọng cơ quan sinh dục của mình. Thời La Mã cổ đại, các chàng trai nhà giàu đeo một chiếc *bulla* quanh cổ. Đây là một cái hộp đựng vật mô phỏng dương vật tí hon cương cứng. Vật thể hàng khủng này được gọi là *fascinum*, biểu thị cho địa vị thượng lưu của chàng trai trẻ. "Ngày nay", David Friedman viết trong *A Mind of Its Own (*tạm dịch*: Tâm trí của chính nó)*, tác phẩm thú vị và uyên thâm về dương vật, "1.500 năm sau khi đế

quốc La Mã sụp đổ, bất cứ thứ gì mạnh mẽ hoặc gây tò mò như cương cứng đều được gọi là 'thú vị'." Quay trở lại xa hơn một chút, chúng ta thấy rằng trong những cuốn sách thuộc về Kinh Thánh như Sáng thế ký và Xuất hành, con của Jacob ra đời từ đùi của ông. Đa số các sử gia đều đồng ý rằng "đùi" là cách lịch sự để chỉ thứ treo giữa hai đùi của đàn ông. "Có vẻ như đã rõ", Friedman viết, "là lời thề thiêng liêng giữa người Do Thái với nhau được chứng thực bằng cách đặt tay lên cậu nhỏ." Hành vi thề trên hòn dái của bản thân vẫn sống trong từ "chứng thực" (*testify*, trong đó *testis* có nghĩa là tinh hoàn).

Bên cạnh những điều kỳ quặc của lịch sử, một số người lập luận rằng tinh hoàn kích thước vừa phải của con người và độ tập trung thấp của tinh trùng người (so với tinh tinh và tinh tinh lùn) phủ nhận bất cứ cuộc cạnh tranh tinh trùng quan trọng nào trong quá trình tiến hóa của loài người. Thật vậy, phạm vi nồng độ tinh trùng 60-235x106 được báo cáo ở người trở nên mờ nhạt khi so sánh với con số rất ấn tượng ở tinh tinh, 548x106. Nhưng không phải cuộc cạnh tranh tinh trùng nào cũng giống nhau.

Một số loài có tinh dịch tạo thành "cái nút giao phối" với mục đích ngăn chặn bất cứ con tinh trùng nào đến sau xâm nhập vào ống cổ tử cung. Các loài tham gia vào loại hình cạnh tranh tinh trùng này (rắn, các loài gặm nhấm, một số côn trùng, kangaroo) thường sử dụng dương vật có những cái móc hoặc vòng xoắn tinh tế ở một đầu có chức năng kéo cái nút của bất cứ con đực nào đến trước ra khỏi cổ tử cung. Mặc dù ít nhất một nhóm nghiên cứu đưa ra dữ liệu cho thấy nam giới thường xuyên giao phối sẽ tạo ra tinh trùng đông lại lâu hơn, nút giao phối không có trong kho đạn tình dục của loài người.

Mặc dù không có vòng xoắn nào, dương vật người không thiếu những đặc trưng thiết kế thú vị. Chuyên gia tính dục linh trưởng Alan F. Dixson viết: "Ở các loài linh trưởng sống thành nhóm gia đình bao gồm một cặp trưởng thành cùng với con non (giống như vượn), con đực thường có dương vật nhỏ và không có gì đặc biệt lắm." Hãy nói bất cứ điều gì về dương vật người, nhưng nó không hề "nhỏ và không có gì đặc biệt". Nhà sinh học sinh sản Roger Short (tên thật) viết: "Kích thước vĩ đại của dương vật người cương cứng, trái ngược hẳn với dương vật của các loài vượn người lớn, khiến người ta phải tự hỏi thế lực tiến hóa đặc biệt nào đang hoạt động." Geofrey Miller cũng đồng ý, với tuyên bố rằng: "Ở loài người, nam giới trưởng thành có dương vật dài nhất, dày nhất và linh hoạt nhất trong các loài linh trưởng hiện đang tồn tại."*

Homo sapiens: loài vượn người lớn với dương vật lớn - và còn đặc biệt nữa!

Chiều dài dương vật các loài vượn người có nguồn gốc châu Phi (cm)

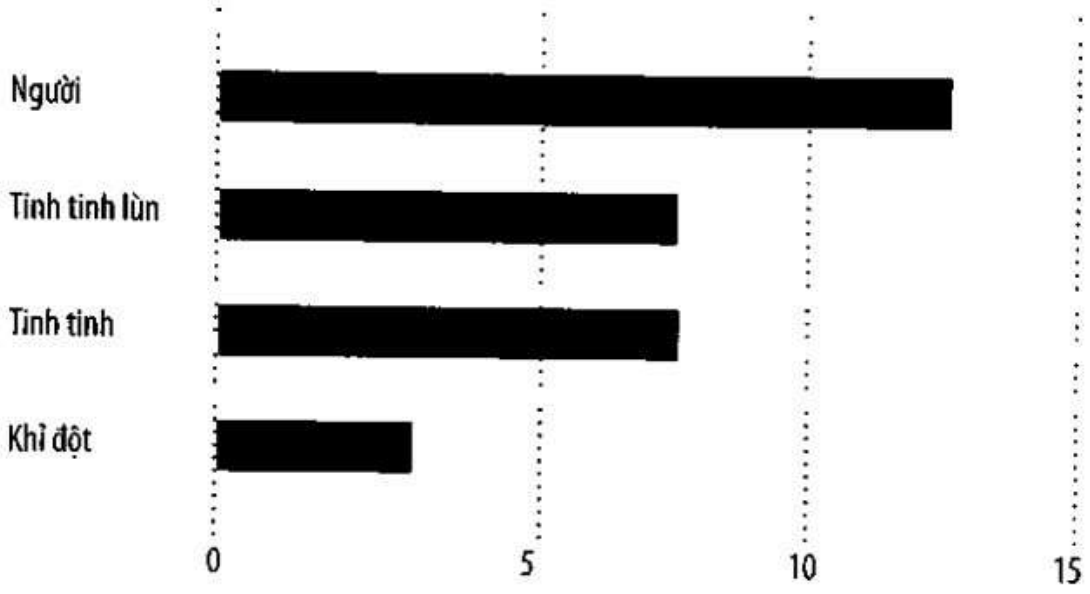

Phần đầu phình một cách bất thường của dương vật người tạo nên đầu khấc, kết hợp với hành động thúc đẩy lặp đi lặp lại đặc trưng của giao phối - biến động từ 10 đến 500 cú thúc cho một màn giải lao lãng mạn - tạo nên một khoảng không trong bộ máy sinh dục nữ. Khoảng không này kéo bất cứ tinh dịch nào được đưa vào trước đó ra xa khỏi trứng, nhờ đó hỗ trợ cho tinh trùng chuẩn bị đưa vào hành động. Nhưng liệu khoảng không này có kéo nốt tinh trùng của chính chủ ra xa hay không? Không, bởi khi xuất tinh, đầu dương vật thu về kích thước trước khi hết cương cứng trong ống, từ đó trung hòa hoạt động hút có thể sẽ thu hồi các chàng trai của chính mình trở về.

Các nhà nghiên cứu dũng cảm đã thể hiện quá trình này, còn được gọi là thay thế tinh dịch, sử dụng tinh dịch nhân tạo làm từ bột ngô (cũng là nguyên liệu mô phỏng các cú xuất tinh trong nhiều bộ phim khiêu dâm), âm hộ nhựa và dương vật nhân tạo trong môi trường phòng thí nghiệm phù hợp ở trường đại học. Giáo sư Gordon G. Gallup và nhóm nghiên cứu báo cáo rằng hơn 90% hỗn hợp bột ngô đã được thay thế chỉ với một cú thúc duy nhất của chiếc dương-vật-phòng-thí-nghiệm. “Chúng tôi giả thiết rằng như một hệ quả của việc cạnh tranh lấy quyền làm cha, nam giới đã phát triển chiếc dương vật có cấu hình độc đáo với chức năng thay thế tinh dịch của những anh chàng khác để lại trong âm đạo”, Gallup nói với *Bản tin Trực tuyến BBC.*

Cần phải nhắc lại rằng dương vật người là dương vật dài nhất và dày nhất trong các loài linh trưởng - xét cả về khía cạnh nghĩa tương đối lẫn tuyệt đối. Và bất chấp mọi tiếng xấu, nam giới trụ được lâu hơn nhiều trên yên ngựa so với tinh tinh lùn (17 giây), tinh tinh (7 giây), hoặc khỉ đột (60 giây), bình quân từ 4 đến 7

phút.

Thời gian giao phối bình quân (giây)

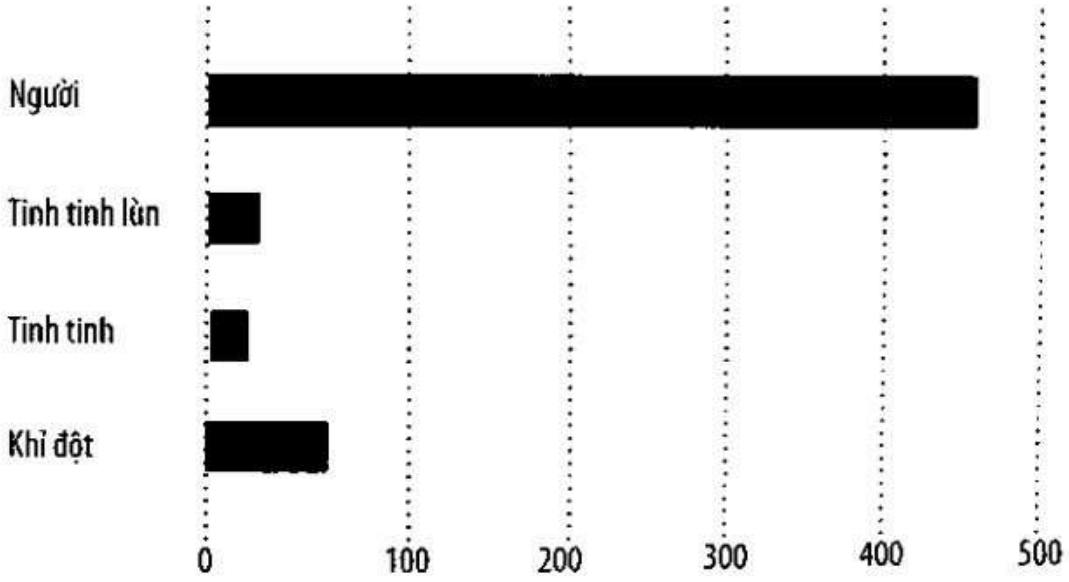

Trong khi đó, dương vật của tinh tinh lại là một phần phụ mỏng hình nón, không có phần đầu phình to như ở người. Cũng không có những cú thúc dài phổ biến ở giao phối của tinh tinh hoặc tinh tinh lùn. (Nhưng thật sự, bạn có thể kỳ vọng vào bất cứ cái gì kéo dài trong 7 giây?) Vì vậy, mặc dù những người anh em họ khỉ gần gũi nhất đánh bại chúng ta trong môn tinh hoàn thì chúng lại thua dương vật người về kích thước, thời gian giao phối và các đặc trưng thiết kế đặc biệt. Hơn nữa, khối lượng tinh dịch bình quân trong một lần xuất tinh ở người cao gấp bốn lần tinh tinh, đưa tổng số tế bào tinh trùng mỗi lần xuất tinh ngang ngửa với tinh tinh.

Trở lại câu hỏi liệu bìu dái người có phải nửa đầy nửa vơi hay không, chính sự hiện diện của bìu dái bên ngoài cơ thể cho thấy rõ sự cạnh tranh tinh trùng trong quá trình tiến hóa của loài người. Giống như các loài có vú khác không tham gia cạnh tranh tinh trùng, khỉ đột và vượn nói chung không được trang bị thứ này.*

Bìu dái giống như cái tủ lạnh dự phòng trong gara chỉ để chứa bia. Nếu có một cái tủ lạnh dự phòng chứa bia, có thể bạn là mẫu người mong chờ bữa tiệc xảy ra bất cứ lúc nào. Bạn muốn mình luôn sẵn sàng. Chức năng của bìu dái y hệt như vậy. Bằng cách giữ cho tinh hoàn mát hơn vài độ so với bên trong cơ thể, bìu dái cho phép tinh trùng đã được làm mát tích lũy và tồn tại lâu hơn, sẵn sàng khi cần đến.

Bất cứ ai đã từng gom góp tủ lạnh chứa bia đều có thể bảo với bạn rằng đây là một sự sắp xếp có tiềm năng tốn kém. Khó mà nói hết nguy cơ tổn thương cao do có tinh hoàn bên ngoài, do dễ bị tấn công hoặc tai nạn nhiều hơn khi ở bên trong cơ thể - đặc biệt là khi bạn nằm yên trong tư thế thai nhi, không thở được. Với logic liên tục về phân tích chi phí/lợi nhuận tiến hóa, chúng ta có thể khá

chắc chắn rằng đây không phải là một sự thích nghi không có lý do chính đáng.

Có bằng chứng thuyết phục cho thấy gần đây, giống loài chúng ta đã trải qua một đợt giảm mạnh về sản lượng tinh trùng và khối lượng tinh hoàn. Một vài thực tế đã chỉ ra sự sụt giảm này. Các nhà nghiên cứu đã ghi lại những lần giảm mạnh về số lượng tinh trùng bình quân cũng như sức sống của những tinh trùng sống sót. Một nhà nghiên cứu cho biết rằng số lượng tinh trùng bình quân ở nam giới Đan Mạch sụt từ 113x106 năm 1940 xuống còn khoảng một nửa vào năm 1990 (66x106). Danh sách các nguyên nhân tiềm tàng dẫn tới sự sụt giảm này rất dài, từ hợp chất tự nhiên giống như *estrogent* trong đậu nành và sữa bò mang thai cho đến các hóa chất sử dụng trong nhựa, thuốc trừ sâu, phân bón và hormone tăng trưởng ở gia súc. Nghiên cứu gần đây cho thấy paroxetine chống trầm cảm được kê đơn rộng rãi (bán dưới cái tên *Seroxat* hoặc *Paxil*) có thể gây tổn thương cho ADN trong tế bào tinh trùng.*

Ngay cả ở trong một thế hệ vẫn có những thay đổi quan trọng trong chức năng của tinh hoàn. Cuộc nghiên cứu về sự sinh sản ở loài người của Đại học Rochester phát hiện thấy rằng nam giới nào có mẹ ăn thịt bò trên bảy lần một tuần lúc mang thai sẽ có khả năng kém về mặt sinh sản gấp ba lần (chưa đầy 20 triệu tinh trùng trong mỗi ml tinh dịch). Trong số các cậu con trai của những bà mẹ ăn thịt bò này, tỉ lệ kém sinh sản là 17,7%, trong khi đó tỉ lệ ở những bà mẹ ít ăn thịt bò hơn là 5,7%.

Trong bất cứ trường hợp nào thì dường như con người vẫn có nhiều mô sản sinh tinh trùng hơn bất cứ loài linh trưởng chung thủy hay đa thê nào cần đến. Nam giới chỉ tạo ra khoảng một phần ba đến một phần tám số tinh trùng trên mỗi gam mô tinh trùng so

với tám loài có vú khác được thử nghiệm*. Các nhà nghiên cứu nhận thấy năng lực hiện không sử dụng tương tự ở các khía cạnh khác của tinh trùng và cơ quan sản sinh tinh dịch người.*

Bằng chứng khác về việc nam giới ngày nay không sử dụng hết tiềm năng thiết bị sinh sản của mình là mối liên quan giữa việc xuất tinh không thường xuyên với các vấn đề sức khỏe. Chẳng hạn, một nhóm nghiên cứu người Úc nhận thấy những người đàn ông xuất tinh trên năm lần một tuần ở tuổi 20 đến 50 giảm nguy cơ bị ung thư tuyến tiền liệt hơn một phần ba*. Cùng với fructose, kali, kẽm và các thành tố lành tính khác của tinh dịch, lượng dấu vết các chất gây ung thư cũng thường xuất hiện nên các nhà nghiên cứu giả thiết rằng việc giảm tỉ lệ ung thư có thể là do thường xuyên xuất tinh.

Cuối năm 2007, một nhóm nghiên cứu khác ở Đại học Sydney báo cáo rằng xuất tinh hằng ngày giúp giảm mạnh tổn thương ADN đối với tế bào tinh trùng nam giới, từ đó tăng khả năng sinh sản của nam giới - khá ngược với kiến thức thông thường. Sau khi 42 nam giới có tinh trùng tổn thương được hướng dẫn xuất tinh hằng ngày trong suốt một tuần, gần như toàn bộ cho thấy ít tổn thương nhiễm sắc thể hơn một nhóm kiểm soát, chịu kiêng khem trong ba ngày.*

Có vẻ như thường xuyên lên đỉnh cũng cải thiện sức khỏe tim mạch của nam giới. Một nghiên cứu do Đại học Bristol và Đại học Queens Belfast thực hiện cho thấy đàn ông có ít nhất ba lần lên đỉnh mỗi tuần giảm được 50% khả năng tử vong do bệnh tim mạch vành*.

Không dùng thì mất là một trong những nguyên lý cơ bản của chọn lọc tự nhiên. Với chế độ tiết kiệm không ngừng, tiến hóa hiếm

khi trang bị cho một cơ quan nào đó một nhiệm vụ không được thực hiện. Nếu mức độ sản xuất tinh trùng và tinh dịch đương đại là điển hình của tổ tiên chúng ta thì không chắc là chúng đã tiến hóa tới mức vượt qua năng lực sản xuất tinh trùng và tinh dịch. Về vấn đề sản xuất và lưu trữ tinh trùng, nam giới đương đại có nhiều tiềm năng hơn mức họ sử dụng. Nhưng nếu đúng là tinh hoàn người hiện đại chỉ là kết quả của tiến hóa thì điều gì đã xảy ra?

Do những người vô sinh không để lại hậu duệ nên trong thuyết tiến hóa có một chân lý là vô sinh không có thừa kế. Nhưng *khả năng sinh sản thấp* thì vẫn truyền cho đời sau được. Như đã thảo luận ở trên, nhiễm sắc thể ở người, tinh tinh và tinh tinh lùn liên quan đến mô sản xuất tinh trùng phản ứng rất nhanh với áp lực thích nghi - nhanh hơn nhiều so với các phần khác của bộ gene hoặc các nhiễm sắc thể tương ứng ở khỉ đột chẳng hạn.

Trong môi trường sinh sản mà chúng ta hình dung, một môi trường mang đặc trưng tương tác tình dục thường xuyên, bất cứ cá thể cái nào cũng sẽ giao phối với nhiều con đực trong mỗi kỳ rụng trứng, giống như tinh tinh và tinh tinh lùn. Như vậy, nam giới bị khiếm khuyết khả năng sinh sản sẽ ít có khả năng làm bố trẻ con, bởi tế bào tinh trùng của họ sẽ có xu hướng bị áp đảo trước các tế bào tinh trùng của các đối tác tình dục khác. Gene sản xuất tinh trùng khỏe mạnh được ủng hộ trong môi trường đó, trong khi các biến thể tạo ra do khả năng sinh sản nam giảm sút sẽ bị lọc ra khỏi bể gene như ở tinh tinh và tinh tinh lùn.

Nhưng giờ thì hãy cân nhắc về tác động của chế độ tình dục đơn thê do văn hóa áp đặt - ngay cả khi chỉ áp dụng đối với phụ nữ, như thường gặp ở các trường hợp cho đến gần đây. Trong hệ thống giao phối đơn thê, một phụ nữ chỉ quan hệ tình dục với một nam giới

duy nhất, không tồn tại cạnh tranh tinh trùng với các nam giới khác. Tình dục trở nên giống như bầu cử ở chế độ độc tài: chỉ một ứng viên có thể chiến thắng, bất kể ít phiếu đến đâu. Ngay cả một anh chàng bị khiếm khuyết sản xuất tinh trùng rốt cuộc vẫn có khả năng rung chuông vàng, nhờ đó có những đứa con trai (và có thể cả con gái nữa) mang trong mình khả năng sinh sản yếu kém. Theo kịch bản này, các gene liên quan đến khả năng sinh sản giảm sút sẽ không còn bị đưa ra khỏi bể gene nữa. Chúng lan rộng ra, gây nên suy giảm đều đối với toàn bộ khả năng sinh sản nam giới và hao mòn chung đối với mô sản xuất tinh trùng người.

Trong khi những đôi kính cần thiết cho sự sống và giúp cho những người bị khiếm khuyết thị giác sinh sản - sự khiếm khuyết này xưa kia đọa đày họ (và gene của họ) - chế độ tình dục đơn thê cho phép các biến thể suy-giảm-sinh-sản sinh sôi nảy nở, khiến tinh hoàn bé đi chưa từng thấy so với tổ tiên không-chung-thủy của chúng ta. Những đánh giá gần đây nhất cho thấy những biến đổi bất thường ở tinh trùng ảnh hưởng đến nam giới trên khắp thế giới theo tỉ lệ 1/20, trở thành những nguyên nhân phổ biến nhất gây nên chứng vô sinh ở các cặp đôi (theo định nghĩa là không có thai sau một năm cố gắng). Mọi chỉ số đều cho thấy vấn đề này đang ngày càng trở nên tồi tệ*. Không ai dùng đến chiếc tủ lạnh dự phòng, nên nó hỏng.

Nếu ví dụ điển hình của chúng tôi về hoạt động tính dục người tiền sử là đúng, bên cạnh các chất độc môi trường và phụ gia thực phẩm, bản thân chế độ tình dục đơn thê có thể là một yếu tố quan trọng trong cuộc khủng hoảng vô sinh đương đại. Đơn thê phổ biến cũng có thể góp phần giải thích tại sao, bất chấp quá khứ bừa bãi của chúng ta, tinh hoàn của *Homo sapiens* đương đại lại nhỏ hơn

tinh hoàn của tinh tinh và tinh tinh lùn và nhỏ hơn chính tổ tiên chúng ta, như năng lực sản xuất tinh trùng trên mức bình thường của chúng ta cho thấy.

Tình dục đơn thê có thể đang thu nhỏ hai quả cà của nam giới.

* * *

Có lẽ chúng ta có thể tuyên bố kết thúc thế cân bằng giữa những người lập luận rằng tinh hoàn nhỏ của loài người kể "một câu chuyện lãng mạn và gắn kết giữa hai giới từ thời xửa xưa, có lẽ là từ lúc bắt đầu dòng dõi của chúng ta", với những người dám chắc rằng tinh hoàn hơi-lớn-một-chút-so-với-khi-chúng-ta-thực-sự-một-vợ-một-chồng cho thấy nhiều thiên niên kỷ "có chút đa thê". Tinh hoàn của con người - với nhiều chỉ số rõ ràng cho thấy gần đây đã bé lại - với kích cỡ trung bình so với tiêu chuẩn của linh trưởng, và vẫn có thể sản xuất ra một lượng tinh trùng đáng nể là 480 triệu mỗi lần xuất. Cùng với dương vật đã thích nghi với cạnh tranh tinh trùng, tinh hoàn người cho thấy rõ là phụ nữ cổ xưa thường có nhiều tình nhân trong một chu kỳ kinh nguyệt. Tinh hoàn vẫn-còn-đáng-nể của chúng ta tương đương với những quả táo héo trên cây vào tháng Mười một - sự thu nhỏ gợi nhớ về ngày tháng đã qua.

Như một cách kiểm chứng giả thuyết này, chúng ta cần phải thấy rằng dữ liệu tương đối về dương vật và tinh hoàn khác nhau giữa các nhóm chủng tộc và văn hóa. Những khác biệt này - về mặt lý thuyết là do những khác biệt quan trọng và chắc chắn về cường độ cạnh tranh tinh trùng trong các thời điểm lịch sử gần đây - là

những gì chúng ta thấy, nếu chúng ta dám tìm kiếm.*

Bởi sự vừa vặn là rất quan trọng đối với tính hiệu quả của bao cao su, nên hướng dẫn của Tổ chức Y tế Thế giới quy định rõ kích thước khác nhau dành cho các vùng khác nhau trên thế giới: bao cao su rộng 49 mm dành cho châu Á, rộng 52 mm dành cho Bắc Mỹ và châu Âu, rộng 53 mm dành cho châu Phi (mọi bao cao su đều dài hơn nhu cầu của hầu hết nam giới). Bao cao su sản xuất ở Trung Quốc dành cho thị trường nội địa rộng 49 mm. Theo một nghiên cứu do *Hội đồng Nghiên cứu Y khoa Ấn Độ* tiến hành, khoảng 60% nam giới Ấn Độ có dương vật ngắn hơn 3-5 cm so với tiêu chuẩn quốc tế sử dụng trong sản xuất bao cao su, dẫn tới nhiều trường hợp bị tuột và thất bại.*

Theo một bài báo xuất bản trên tờ *Nature*, tinh hoàn nam giới Nhật Bản và Trung Quốc thường nhỏ hơn so với nam giới da trắng. Nhóm tác giả của cuộc nghiên cứu này kết luận rằng: "khác biệt về kích thước cơ thể chỉ đóng góp không đáng kể vào các giá trị này". Các nhà nghiên cứu khác cũng khẳng định khuynh hướng chung này, với phát hiện thấy tổng trọng lượng tinh hoàn trung bình nặng 24 gr đối với người châu Á, 29-33 gr đối với người da trắng và 50 gr đối với người Châu Phi. Cũng viết trên tờ *Nature*, Harvey và May thấy "nhiều khác biệt rõ ràng trong kích thước tinh hoàn ở các chủng người. Ví dụ, ngay cả khi kiểm tra sự khác biệt về niên đại giữa các mẫu vật, nam giới Đan Mạch trưởng thành vẫn có tinh hoàn lớn gấp đôi tinh hoàn nam giới trưởng thành Trung Quốc". Khoảng cách này vượt xa dự báo về những khác biệt bình quân trong kích thước cơ thể giữa các chủng tộc. Nhiều đánh giá đã kết luận rằng người da trắng tạo ra lượng tinh trùng mỗi ngày gấp đôi so với người Trung Quốc (185-235x106 so với 84x106).

Thưa độc giả quý mến, đây là những vùng nước nguy hiểm mà chúng ta đang bơi, cho thấy rằng văn hóa, môi trường và hành vi có thể được phản ánh qua giải phẫu học - nghĩa là giải phẫu cơ quan sinh dục. Nhưng bất cứ nhà sinh học hay vật lý học nghiêm túc nào cũng đều biết rằng mỗi chủng tộc đều có những khác biệt về mặt giải phẫu học. Mặc dù các vấn đề này hết sức nhạy cảm, sẽ là thiếu đạo đức nếu không đưa vào bối cảnh chủng tộc trong quá trình chẩn bệnh.

Mặc dù vậy, phần lớn nguyên nhân của việc miễn cưỡng kết nối các hành vi được chấp thuận về mặt văn hóa với giải phẫu bộ phận sinh dục là do khó khăn khi tìm kiếm các thông tin lịch sử đáng tin cậy về mức độ thực thụ của sự phóng túng ở nữ giới cũng như cảm xúc của bản thân cơ thể. Hơn nữa, chế độ ăn và các yếu tố môi trường cũng phải được xem xét trước khi đi đến bất cứ kết luận nào liên quan đến mối quan hệ giữa tình dục đơn thê và giải phẫu học bộ phận sinh dục. Chẳng hạn, nhiều bữa ăn của người châu Á bao gồm một lượng lớn sản phẩm làm từ đậu nành trong khi nhiều người phương Tây lại tiêu thụ một lượng bia lớn, cả hai đều cho thấy nguyên nhân suy giảm nhanh về mặt kích thước tinh hoàn và sinh sản tinh trùng qua các thế hệ. Với bản chất gây tranh cãi của những nghiên cứu như thế, cũng như những vấn đề khi xóa bỏ bao nhiêu là biến số, có lẽ chẳng có gì đáng ngạc nhiên khi đây là một khu vực mà ít nhà nghiên cứu nào háo hức đặt chân vào.

* * *

Có cả một thế giới rộng lớn những bằng chứng về việc hành vi

tình dục loài người vượt xa ngoài mục đích sinh sản. Trong khi chức năng xã hội của tình dục giờ đây chủ yếu được nhìn nhận trên phương diện duy trì gia đình hạt nhân, điều này khác xa với cách duy nhất mà các cộng đồng dốc hết năng lượng tình dục con người cho việc đẩy mạnh ổn định xã hội.

Thực hiện tới hàng trăm hoặc hàng ngàn cuộc mây mưa cho mỗi lần sinh, loài người giao phối nhiều hơn ngay cả loài tinh tinh và tinh tinh lùn - cũng như vượt xa khỉ đột và vượn. Khi tính đến thời gian trung bình cho mỗi lần giao phối, số lượng thời gian tuyệt đối dành cho hoạt động tình dục của loài người vượt hẳn bất cứ loài linh trưởng nào khác - ngay cả khi chúng ta đồng ý bỏ qua toàn bộ phần tưởng tượng, mơ mộng và thủ dâm.

Có quá nhiều bằng chứng về việc cạnh tranh tinh trùng đóng vai trò quan trọng trong quá trình tiến hóa của loài người. Theo một nhà nghiên cứu: "Không có chiến tranh tinh trùng trong suốt quá trình tiến hóa của loài người, đàn ông sẽ mang bộ phận sinh dục bé tẹo và tạo ra được rất ít tinh trùng... Sẽ không có những cú thúc trong lúc giao hoan, không mơ mộng hay tưởng tượng về tình dục, không thủ dâm, và mỗi người chúng ta sẽ chỉ làm tình mươi lần trong toàn bộ cuộc đời... Tình dục và xã hội, nghệ thuật và văn chương - trên thực tế, toàn bộ văn hóa loài người - sẽ khác hẳn."* Chúng tôi có thể bổ sung vào danh sách này thực tế là đàn ông và phụ nữ sẽ cao và nặng như nhau (nếu đơn thê), hoặc có khả năng đàn ông sẽ to lớn gấp đôi phụ nữ (nếu đa thê).

Trong khi loài chim sẻ nổi tiếng của Darwin ở Galapagos phát triển cấu trúc mỏ kiểu khác để đập vỡ những loại hạt khác nhau, các loài cùng họ hàng thường tiến hóa những cơ chế khác nhau để phục vụ cho cạnh tranh tinh trùng. Tiến hóa tình dục ở tinh tinh và

tinh tinh lùn đi theo chiến lược phụ thuộc vào những lần xuất tinh lặp đi lặp lại, trong thời gian ngắn và có lượng tinh trùng lớn, trong khi con người lại phát triển phương pháp như sau:

Dương vật được thiết kế để kéo ra những tinh trùng xuất hiện từ trước, và có thể thúc vào đẩy ra lâu dài, lặp đi lặp lại;

Số lần xuất tinh ít hơn (so với tinh tinh và tinh tinh lùn) nhưng lượng tinh trùng nhiều hơn;

Khối lượng tinh hoàn lớn và ham muốn vượt xa nhu cầu thực tế của việc giao phối đơn thê hoặc đa thê;

ADN phản ứng nhanh kiểm soát sự phát triển của mô tinh hoàn; ADN này không xuất hiện ở các loài linh trưởng đơn thê hoặc đa thê;

Tổng lượng tinh trùng mỗi lần xuất tinh - ngay cả ngày nay - tương đương với tinh tinh và tinh tinh lùn;

Vị trí bấp bênh của tinh hoàn trong một cái bìu dễ bị tổn thương nằm bên ngoài cơ thể.

Ở Tây Ban Nha, từ *esperar* có thể mang nghĩa *mong đợi* hoặc *hy vọng* - tùy theo ngữ cảnh. Nhà khảo cổ học Peter Boguki viết: "Khảo cổ học bị kìm nén bởi những gì trí tưởng tượng hiện đại cho phép trong khuôn khổ hành vi của con người". Thuyết tiến hóa cũng vậy. Có lẽ nhiều người vẫn kết luận rằng tình dục đơn thê là đặc trưng quá khứ tiến hóa của giống loài chúng ta, bất chấp những thông điệp rõ ràng khắc ghi trong cơ thể và ham muốn của mỗi người, bởi đây là những gì họ *mong đợi* và *hy vọng* tìm thấy ở đó.

18

THỜI TIỀN SỬ CỦA O

Giờ thì bạn đã có một ví dụ mẫu về "sức mạnh lập luận" của con người, như cách gọi của anh ấy. Anh ấy quan sát những thực tế nhất định. Chẳng hạn, cả đời chưa bao giờ anh ấy nhìn thấy cái ngày mà anh ấy có thể thỏa mãn một người phụ nữ; cũng chưa có người phụ nữ nào từng trải qua một ngày đuối sức, đánh bại và loại bỏ hàng tá cây giống đực nào đó được đặt vào giường mình. Anh ấy đặt những thực tế chói sáng và mang tính gợi nhắc cao vào cùng nhau, rồi từ đó rút ra kết luận đáng kinh ngạc này: Ý định của Tạo hóa là giới hạn phụ nữ với một người đàn ông mà thôi.

• **MARK TWAIN, *Thư từ Trái đất***

Gần đây, chúng tôi thấy có một chàng trai trẻ đi xuống đường Las Ramblas ở Barcelona, diện một chiếc áo phông có dòng chữ *Sinh ra để Địt**. Cũng như chúng tôi, có thể bạn sẽ tự hỏi không hiểu cậu ta có sở hữu cả một bộ áo như thế này ở nhà hay không: Sinh ra để Thở, Sinh ra để Ăn, Sinh ra để Uống, Sinh ra để Ỉa, và tất nhiên là dòng chữ rất buồn nhưng không thể tránh khỏi, Sinh

ra để Chết*.

Nhưng có thể cậu ta có ý gì đó sâu sắc hơn. Dù sao đi nữa thì quan điểm trung tâm của cuốn sách này vẫn là tình dục từ lâu đã thực hiện những chức năng quan trọng đối với *Homo sapiens*, trong đó sinh sản là chức năng rõ ràng nhất. Do con người dành nhiều thời gian và công sức cho việc lên kế hoạch, thực hiện và lặp lại những thành tích tình dục của mình hơn bất cứ loài nào khác trên Trái đất, nên có lẽ tất cả chúng ta đều nên mặc một trong những chiếc áo đó.

Hoặc có lẽ chỉ phụ nữ thôi. Khi nói đến tình dục, nam giới có thể là những kẻ chạy nước rút chém gió, nhưng chính phụ nữ mới là người chiến thắng tất cả mọi cuộc đua marathon. Bất cứ luật sư hôn nhân nào cũng sẽ nói cho bạn nghe lời phàn nàn phổ biến nhất liên quan đến tình dục mà phụ nữ dành cho đàn ông là bọn họ quá nhanh và quá thẳng thắn. Trong khi đó, lời kêu ca thường xuyên nhất liên quan đến tình dục của nam giới về phụ nữ là bọn họ cần quá nhiều thời gian để khởi động. Sau một cơn cực khoái, phụ nữ có thể đoán trước được cả chục cơn nữa. Cơ thể phụ nữ khi rung động có xu hướng tiếp tục rung động, nhưng với đàn ông rung động đến rồi đi. Đối với họ, tấm rèm nhanh chóng rơi xuống và đầu óc chuyển sang những vấn đề chả liên quan gì cả.

Sự đối xứng của hai niềm thất vọng này minh họa cho sự xung khắc gần như hài hước giữa phản ứng tình dục nam và nữ trong bối cảnh kết đôi một vợ một chồng. Bạn phải tự hỏi: Nếu đàn ông và phụ nữ cùng nhau tiến hóa theo từng cặp đôi tình dục đơn phối trong gần hai triệu năm, vậy thì tại sao rốt cuộc chúng ta lại khác nhau đến vậy? Cứ như thể chúng ta đã ngồi xuống cùng nhau ăn tối, từ nghìn năm khác, nhưng một nửa chúng ta có thể ngấu

nghiến hết mọi thứ trong vài phút điên cuồng, cẩu thả, trong khi nửa kia vẫn đang bày bàn và thắp nến.

Vâng, chúng ta đã biết: chiến lược tổng hợp, rất nhiều tinh trùng giá rẻ đấu với một ít trứng đắt đỏ trong một cái giỏ, cứ như vậy. Nhưng những phản ứng tình dục rõ ràng không ăn khớp này càng thêm có ý nghĩa khi được coi là dấu tích về việc chúng ta tiến hóa trong các nhóm chung chạ. Thay vì quay tròn các giả thuyết trong các giả thuyết để ráp các mô hình bất ổn định lại với nhau – hôn nhân một vợ một chồng có sai lầm, đa thê nhẹ, chiến lược giao phối tổng hợp, đơn phối hàng loạt – liệu chúng ta có thể chỉ đối mặt với một kịch bản khi không cần đến một lời bào chữa đặc biệt, mâu thuẫn, tự thân thất bại như thế này?

Được rồi, tốt thôi, điều này thật khó chịu. Thậm chí có thể là bẽ mặt, nếu bạn thiên về kiểu đó. Nhưng 150 năm sau khi *Nguồn gốc các loài* được xuất bản, chẳng phải là đã đến lúc chấp nhận rằng tổ tiên chúng ta tiến hóa theo một quỹ đạo tình dục tương tự như hai người bà con linh trưởng gần gũi, rất thông minh, có tính xã hội cao của chúng ta? Với bất cứ câu hỏi nào khác mà chúng ta đặt ra về nguồn gốc loài người, chúng ta đều nhìn sang tinh tinh và tinh tinh lùn: ngôn ngữ, sử dụng công cụ, đồng minh chính trị, nguồn gốc chiến tranh, hòa giải… nhưng khi nói đến tình dục, chúng ta lại gạt bỏ những mẫu hình này, quay sang lũ vượn có họ hàng xa xôi, không giao tiếp, IQ thấp, nhưng *quan hệ đơn phối*? Thật sao?

Cuộc cách mạng nông nghiệp đã mở đầu cho một cuộc tái định hình triệt để mà đến nay chúng ta vẫn đang choáng váng. Có lẽ sự phủ nhận kinh khủng của chúng ta về thời tiền sử tình dục bừa bãi thể hiện nỗi sợ hãi chính đáng về bất ổn xã hội, nhưng những đòi hỏi khẩn thiết về trật tự xã hội ổn định (như chúng tôi vẫn thường

nhắc, dựa trên đơn vị gia đình hạt nhân) không thể xóa được những ảnh hưởng kéo dài của hàng trăm nghìn năm trước khi giống loài chúng ta dừng chân lại trong các làng mạc ổn định.

Nếu tinh tinh và tinh tinh lùn cái nói được, chúng ta có thật sự nghĩ rằng chúng sẽ kể cho đám bạn gái lông lá của mình về những anh chàng xuất tinh sớm không còn mang hoa đến nữa hay không? Có lẽ là không, bởi vì như chúng ta đã thấy, khi tinh tinh hoặc tinh tinh lùn cái có hứng, chắc chắn nó sẽ là tâm điểm chú ý của rất nhiều con đực đang háo hức. Và càng được chú ý thì nó càng hấp dẫn, bởi vì hóa ra là các anh chàng bà con linh trưởng của chúng ta nổi cơn hứng tình khi nhìn thấy và nghe thấy tiếng đồng loại của mình giao phối. Cứ hình dung mà xem.

SỰ NGÔNG CUỒNG KINH KHỦNG CỦA ĐẦU ÓC!

Chẳng kẻ nào (ai lại chẳng từng trải những chuyện thế này) lại thản nhiên trước những biểu hiện đau đớn, cảnh Chồm lên, Tiếng hét Rặn đẻ và Tiếng rên Trụy lạc, hay sự rung của Tử cung khi bị kích thích; sự ngông cuồng kinh khủng của đầu óc do các Cơn điên, Sự bất ổn U sầu, Thái quá, các Bệnh tật siêu nhiên của Tử cung gây ra, cứ như thể kẻ nhiễm bị bỏ bùa vậy...

• **WILLIAM HARVEY, *Anatomical Exercitations concerning the Generation of Living Creatures (tạm dịch: Thực hành giải phẫu học liên quan đến việc tạo ra các sinh vật) (1653)***

Hysteria là một trong những căn bệnh đầu tiên được mô tả một cách chính thức. Hippocrates đã thảo luận về vấn đề này từ thế kỷ IV trước Công nguyên và bạn sẽ tìm thấy nó trong bất cứ văn bản y khoa nào liên quan đến sức khỏe phụ nữ, được viết từ thời Trung cổ đến khi nó bị loại ra khỏi danh mục các chẩn đoán y học được chấp nhận cho đến năm 1952 (20 năm trước khi tình dục đồng tính phải chịu chung số phận). *Hysteria* vẫn là một trong những căn bệnh được chẩn đoán nhiều nhất ở Mỹ và Anh ngay đầu thế kỷ XX. Bạn có thể sẽ thắc mắc các bác sĩ chữa trị chứng bệnh mãn tính này thế nào trong suốt mấy thế kỷ qua.

Chúng tôi sẽ nói cho bạn biết. Bác sĩ thủ dâm cho bệnh nhân nữ đạt tới cực khoái. Theo nhà sử học Rachel Maines, các bác sĩ y khoa đã thường xuyên mát xa cho bệnh nhân nữ để đạt được cực khoái từ thời Hippocrates cho đến những năm 1920. Ngồi xuống đi; bác sĩ sẽ ở ngay bên bạn…

Trong khi một số bác sĩ yêu cầu các y tá của mình thực hiện liệu pháp này cho bệnh nhân, đại đa số các thầy thuốc đều tự mình thực hiện, mặc dù rõ ràng là vấp phải những khó khăn. Nathaniel Highmore viết vào năm 1660 rằng đây không phải là một kỹ thuật dễ học, vì "không giống trò chơi của các chàng trai, trong đó một tay rờ bụng còn tay kia xoa đầu".

Bất kể các thầy thuốc nam gặp phải thách thức gì trong việc nắm bắt kỹ thuật này thì dường như nỗ lực bỏ ra rất đáng đồng tiền bát gạo. Tờ *Sức khỏe và Bệnh Phụ nữ*, xuất bản năm 1873, đánh giá rằng khoảng 75% phụ nữ Mỹ cần những liệu pháp kiểu này, từ đó tạo thành thị trường dịch vụ trị liệu lớn nhất. Mặc dù Donald Symon long trọng tuyên bố: "Trong tất cả các dân tộc, quan hệ tình dục được coi là sự phục vụ hoặc ân huệ mà phụ nữ mang lại

cho đàn ông", có vẻ như đối với nhiều phụ nữ, cảm giác giải phóng khi cực khoái là một sự phục vụ mà bác sĩ nam mang lại cho họ... với một cái giá nào đó.

Phần lớn các thông tin này được lấy từ *The Technology of Orgasm (*tạm dịch*: Kỹ thuật cực khoái),* cuốn sách tuyệt vời của Maines về "căn bệnh" này và cách chữa trị nó qua các thế kỷ. Vậy thì triệu chứng của "căn bệnh" này là gì? Chúng giống như triệu chứng của chán nản tình dục và hứng tình mãn tính: "lo lắng, mất ngủ, cáu bẳn, căng thẳng, ảo ảnh dâm dục, cảm giác nặng bụng, giảm phù nề chậu dưới và bôi trơn âm đạo".

Phương pháp được cho là điều trị khoa này dành cho những phụ nữ hứng tình và chán nản này không phải là sai lầm chỉ có ở lịch sử cổ đại, mà là một nhân tố trong nỗ lực hai nghìn năm nay nhằm chẩn bệnh cho các đòi hỏi của dục năng (*libido*) ở phụ nữ - thứ dục năng mà các chuyên gia từ lâu đã khẳng định là không tồn tại.

Những người cung cấp liệu pháp béo bở này không viết về "cực khoái" trong các bài báo y khoa mà họ xuất bản về chứng *hysteria* cũng như phương pháp điều trị nó. Ngược lại, họ công bố những thảo luận nghiêm túc, chín chắn về "mát xa âm hộ" dẫn tới "bùng phát thần kinh" giúp bệnh nhân tạm khuây khỏa. Dù sao đi nữa thì đây là những bệnh nhân lý tưởng. Họ không hồi phục hoặc chết vì chứng bệnh của mình. Họ cứ thế quay lại để được tiếp tục điều trị.

Cách sắp đặt này có thể khiến một số độc giả ngạc nhiên với chính định nghĩa "vớ bở", nhưng rõ ràng là nhiều bác sĩ có cảm giác ngược lại. Maines thấy "không có bằng chứng nào cho thấy bác sĩ nam thích thú với việc điều trị bằng cách mát xa khung chậu. Ngược lại, những anh tài này tìm đủ mọi cách để dùng các thiết bị

khác thay cho ngón tay".

"Thiết bị khác" mà Maines nghĩ tới là gì? Để xem bạn có thể điền đúng được danh sách này không nhé:

Máy khâu;

Quạt;

Ấm trà;

Lò nướng bánh;

?

Gợi ý: Đây là danh sách năm thiết bị điện đầu tiên được bán trực tiếp cho người tiêu dùng Mỹ. Chịu chưa? Công ty Hamilton Beach ở Racine, Wisconsin cấp bằng sáng chế cho máy rung gia dụng đầu tiên vào năm 1902, biến nó thành thiết bị điện thứ năm duy nhất được chấp thuận sử dụng trong gia đình. Đến năm 1917, ngoài lò nướng bánh, trong các gia đình ở Mỹ đã có thêm nhiều máy rung khác. Nhưng trước khi trở thành công cụ tự điều trị ("Mọi niềm vui của tuổi trẻ... sẽ rộn lên trong bạn", một mẩu quảng cáo khêu gợi hứa hẹn như vậy.), máy rung đã được sử dụng hàng chục năm trong phòng làm việc của những bác sĩ đã phát chán với việc "vừa xoa bụng vừa vỗ đầu cùng một lúc".

Được thúc đẩy bởi các kỳ tích của công nghiệp hóa, nhiều bác sĩ đã tìm cách cơ khí hóa việc điều trị. Sự khéo léo của người Mỹ đã giúp tạo ra hàng loạt cơn cực khoái cho những phụ nữ bị trói chặt trong cuộc sống "hết sức trinh bạch", thiếu thốn tình dục của mình: những chiếc máy rung đầu tiên được phát minh bởi các bác sĩ dám nghĩ dám làm này.

Cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, những người thợ thiết kế dụng cụ y tế đã thiết kế đủ mọi loại thiết bị để kích thích cơn *bùng phát*

thần kinh cần thiết ở bệnh nhân. Một số chạy bằng dầu diesel, số khác chạy bằng hơi nước, giống như những cái đầu máy hơi nước bé xíu. Một số là những chiếc máy kỳ cục to lớn treo trên xà bằng xích và ròng rọc, giống như những khối động cơ ở cửa hiệu ô tô. Số khác có những chiếc piston đẩy dương vật giả qua lỗ trên bàn hoặc phun nước áp lực cao vào cơ quan sinh dục của bệnh nhân giống như đội cứu hỏa được gọi đến để dập tắt ngọn lửa ám ảnh của niềm đam mê ở nữ giới. Trong suốt thời gian đó, các bác sĩ giỏi không bao giờ công khai thừa nhận rằng những gì họ đang làm là tình dục chứ không phải thuốc.

Nhưng có lẽ sự kích động và ngạc nhiên cao độ còn hơn sự im lặng của họ đối với việc được trả tiền để kích thích *bùng phát thần kinh* giống như bao nhiêu chàng trai trẻ của Chippendales* là việc chính những quan chức y tế này duy trì kết luận cho rằng hoạt động tình dục ở phụ nữ là một thế lực hay thay đổi và miễn cưỡng.

Sự độc quyền của ngành y tế trong việc mang lại cho phụ nữ cảm giác cực khoái ngoài-hôn-nhân được xã hội chấp nhận lại được bảo vệ nhờ lệnh nghiêm cấm phụ nữ hoặc thiếu nữ tự thủ dâm để đạt cực khoái. Năm 1850, *Tạp chí Y tế và Phẫu thuật* New Orleans tuyên bố thủ dâm là kẻ thù số một của mọi người: "Dịch bệnh, chiến tranh, đậu mùa, hay đám đông xấu xa giống nhau cũng không gây thảm họa cho nhân loại bằng thói quen thủ dâm: đây là nhân tố hủy hoại xã hội văn minh." Trẻ em và người lớn được cảnh báo rằng thủ dâm không chỉ là tội lỗi mà còn rất nguy hiểm - chắc chắn gây nên những hậu quả nghiêm trọng cho sức khỏe, bao gồm mù, vô sinh và điên loạn. Bên cạnh đó, các quan chức này còn ngâm nga rằng, phụ nữ "bình thường" kiểu gì cũng ít có nhu cầu tình dục. Trong *Psychopathia Sexualis (*tạm dịch*: Bệnh lý tình dục)* xuất bản

năm 1886, nhà thần kinh học người Đức Richard von Kraff-Ebing tuyên bố điều mà ai cũng nghĩ là mình biết: "Nếu (phụ nữ) có đầu óc phát triển bình thường và được nuôi nấng tử tế thì nhu cầu tình dục của cô ta sẽ ít. Nếu không phải vậy, cả thế giới sẽ trở thành nhà thổ còn hôn nhân và gia đình là điều không thể."* Việc đưa ra ý kiến rằng phụ nữ thích và thật sự cần giải phóng cực khoái thường xuyên hẳn đã từng gây sốc với nam giới và sỉ nhục với hầu hết phụ nữ. Có lẽ đến nay vẫn vậy.

Cơn điên cuồng phản đối thủ dâm đã có gốc rễ sâu xa trong lịch sử Thiên Chúa giáo - Do Thái giáo, nó lại tìm thấy sự ủng hộ đáng tiếc của giới y khoa trong cuốn sách *A Treatise on the Disease Produced by Onanism (*tạm dịch*: Chuyên luận về bệnh tật do thủ dâm)* của Simon André Tissot, xuất bản năm 1758. Tissot mặc nhiên thừa nhận các triệu chứng của giang mai và bệnh lậu, thời đó được coi chung là một bệnh. Nhưng ông hiểu nhầm rằng các triệu chứng này là dấu hiệu của hiện tượng suy tinh do quan hệ bừa bãi, mại dâm và thủ dâm.*

Một thế kỷ sau, năm 1858, một bác sĩ phụ khoa người Anh tên là Isaac Baker Brown (lúc đó là Chủ tịch Hội Y khoa London), đề xuất rằng hầu hết các bệnh của phụ nữ đều do hiện tượng quá phấn khích ở hệ thần kinh, trong đó dây thần kinh xấu hổ dẫn tới âm vật là thủ phạm chính. Ông liệt kê ra tám giai đoạn bệnh do thủ dâm ở nữ giới gây ra:

Hysteria;

Kích thích ở xương sống;

Động kinh cuồng khích;

Lên cơn nguyên thế*;

Lên cơn động kinh;

Si ngốc;

Hưng cảm;

Chết.

Baker Brown lập luận rằng cắt bỏ âm vật là cách tốt nhất để ngăn quá trình suy đồi đi từ lạc thú tội lỗi đến cái chết. Sau khi trở nên khá nổi tiếng và thực hiện vô số ca cắt bỏ âm vật, phương pháp của Baker Brown không còn được ưa chuộng nữa và ông ta bị trục xuất khỏi Hội Sản khoa London một cách nhục nhã. Sau đó, Baker Brown phát điên và giới y khoa Anh không còn tin tưởng phương pháp cắt bỏ âm vật nữa.*

Điều không may là công trình của Baker Brown lại tác động lớn lên hoạt động y tế trên khắp khu vực Đại Tây Dương. Ở Mỹ, người ta tiếp tục cắt bỏ âm vật đến tận thế kỷ XX như một phương pháp điều trị chứng cuồng khích, cuồng dâm và thủ dâm nữ. Đến tận năm 1936, *Các bệnh sơ sinh và trẻ em của Holt*, một tài liệu được đề cao trong trường y, vẫn còn đề nghị dùng phẫu thuật cắt bỏ hoặc đốt âm vật làm phương pháp chữa trị thủ dâm ở các em gái.

Đến giữa thế kỷ XX, khi phương pháp này cuối cùng trở nên tai tiếng ở nước Mỹ, nó được hồi sinh nhờ một lý do mới. Giờ thì thay cho việc xóa bỏ thủ dâm, người ta đề xuất phẫu thuật cắt bỏ âm vật phì đại cho mục đích thẩm mỹ.*

Trước khi trở thành mục tiêu cho phẫu thuật, âm vật đã bị các tác giả nam của các cuốn sách phác thảo giải phẫu học công phu phớt lờ trong nhiều thế kỷ. Phải đến tận giữa những năm 1500, một giáo sư người Venice tên là Mateo Renaldo Columbo, trước đó từng nghiên cứu giải phẫu học cùng Michelangelo, tình cờ vấp phải

một khối u bí hiểm giữa hai chân của một người phụ nữ. Như mô tả trong cuốn tiểu thuyết lịch sử của Federico Andahazi, *The Anatomist (*tạm dịch*: Bác sĩ giải phẫu)*, Columbo phát hiện ra điều này khi đang khám cho một bệnh nhân tên là Inés de Torremolinos. Columbo nhân thấy Inés trở nên căng thẳng khi ông bóp vào cái nút nhỏ này, và có vẻ như nó phình to ra khi ông chạm phải. Rõ ràng là điều này cần được nghiên cứu kỹ hơn. Sau khi kiểm tra các phụ nữ khác, Columbo thấy rằng tất cả đều có khối u từ trước đến nay "chưa được phát hiện" và tất cả đều phản ứng giống nhau khi được xoa bóp nhẹ nhàng vào đó.*

Tháng Ba năm 1558, Andahazi nói với chúng ta rằng Columbo tự hào báo cáo "khám phá" của mình về âm vật với trưởng khoa.* Như Jonathan Margolis giải thích trong *O: The Intimate History of the Orgasm (*tạm dịch*: O: Lịch sử Thân mật của cực khoái)*, có thể Columbo đã không tiên liệu được phản ứng xảy ra sau đó. Vị giáo sư này "bị bắt trong lớp học chỉ sau mấy ngày, bị buộc tội dị giáo, báng bổ, hành nghề phù thủy và thờ cúng Satan, bị xét xử và bỏ tù. Bản thảo của ông bị tịch thu, và sau khi ông chết nhiều thế kỷ (khám phá) của ông vẫn không bao giờ được phép nhắc lại."

CẨN THẬN ĐẦU VÚ CỦA QUỶ

Căn bệnh dẫn các phụ nữ chán nản đến với văn phòng của các bác sĩ vận hành máy rung cách đây một thế kỷ thường dẫn đến một nơi nào đó tồi tệ hơn nhiều ở châu Âu thời kỳ Trung cổ. Như nhà sử học Reay Tannahill giải thích: "*Malleus Maleficarum* (i486), cẩm nang vĩ đại đầu tiên của những người điều tra phù thủy, cũng gặp vấn đề như một bác sĩ tâm thần hiện đại khi chấp nhận rằng một loại phụ nữ (nhất định) có thể tin rằng cô ta đã giao phối với chính

Quỷ sứ, một sinh vật to lớn, đen thui, gớm guốc, có dương vật khổng lồ và tinh dịch lạnh như nước đá."* Nhưng không phải chỉ có các giấc mơ tình dục mới thu hút sự chú ý tàn bạo của các chuyên gia sợ cuồng dâm. Nếu một thợ săn phù thủy ở những năm 1600 phát hiện ra phụ nữ hoặc bé gái có âm vật to lớn dị thường, kẻ được gọi là "đầu vú của quỷ" này sẽ bị xử tội chết.

Châu Âu Trung cổ thường phải chịu các tai họa từ *incubi* và *succubi*, những nam nữ ác thần được cho là xâm nhập vào giấc mơ, vào giường ngủ, vào cơ thể của người sống. Thomas Aquinas và nhiều người khác tin rằng các ác thần này làm phụ nữ có thai trong những lần ghé thăm ban đêm bằng cách hiện thân là *succubi* (nữ ác thần làm tình với đàn ông đang ngủ để lấy tinh trùng), sau đó, dưới dạng *incubi*, đưa số tinh trùng này vào một phụ nữ (nam ác thần cưỡng hiếp phụ nữ đang ngủ). Những phụ nữ bị cho là mang thai với ác thần nhạy cảm với ánh sáng và bóng tối, và đều có nguy cơ cao bị tố giác là phù thủy cũng như sẽ bị xử lý thích đáng. Bất cứ câu chuyện nào những phụ nữ này kể ra liên quan đến nguồn gốc thật sự của cái thai đều chết theo họ.

* * *

Mặc dù ngày nay được coi là một trong những tiểu thuyết hay nhất từng được viết ra, *Madame Bovary (Bà Bovary)* bị tố là đồi bại trong lần đầu tiên ra mắt vào cuối năm 1856. Các công tố viên ở Paris khó chịu khi thấy Flaubert mô tả một cô gái nông dân ương bướng bất chấp các chuẩn mực và cặp với nhiều tình nhân. Họ thấy cô ta cần bị trừng phạt đúng mức. Flaubert biện hộ rằng tác phẩm

này "rõ là đạo đức" theo các điều kiện đó. Dù sao đi nữa thì Emma Bovary cũng tự kết liễu đời mình trong cảnh khốn khổ, nghèo khó, tủi nhục và tuyệt vọng. Trừng phạt chưa đủ mức? Nói cách khác, người ta phản đối về việc sự trừng phạt dành cho Emma Bovary trong tác phẩm là chưa đủ đau đớn và kinh khủng, chứ không phải vấn đề cô ta có đáng phải chịu đau khổ đó hay không hoặc có quyền theo đuổi những đáp ứng tình dục ngay từ đầu hay không.

Nhưng ngay cả Flaubert và các công tố viên ghét đàn bà của ông cũng không bao giờ hình dung đến các hình phạt được cho là dành cho các phụ nữ thiếu đoan chính thuộc tộc người Tzotzil của Maya ở Trung Mỹ. Nhà nhân học kiêm linh trưởng học Sarah Blaffer Hrdy giải thích rằng "h'ik'al, con quỷ siêu dâm dục có dương vật dài hơn nửa mét" túm lấy những phụ nữ lẳng lơ, "mang họ về hang và cưỡng hiếp". Người ta bảo với các bé gái rằng bất cứ phụ nữ nào không may mang thai với h'ik'al đều "sưng phồng lên và sinh con hết đêm này sang đêm khác, cho đến khi chết".

Nhu cầu hiển nhiên về việc trừng phạt khao khát dục năng ở nữ giới như một thứ gì đó xấu xa, nguy hiểm và bệnh hoạn không chỉ giới hạn ở thời Trung cổ hay các ngôi làng Maya xa xôi. Theo đánh giá gần đây của Tổ chức Y tế Thế giới, mỗi năm có khoảng 137 triệu bé gái bị xẻo âm vật bằng một hình thức nào đó.

THẾ LỰC CẦN THIẾT ĐỂ TRỪ KHỬ NÓ

Trước khi có cuộc chiến chống ma túy, cuộc chiến chống khủng bố, hoặc cuộc chiến chống ung thư thì đã có cuộc chiến chống lại khát khao tình dục của phụ nữ. Đó là cuộc chiến diễn ra lâu hơn nhiều so với bất cứ cuộc chiến nào khác, và nạn nhân của nó đến nay lên đến hàng tỉ. Như bao nhiêu cuộc chiến khác, đây là cuộc

chiến không có phần thắng, bởi kẻ thù công khai ở đây là một thế lực tự nhiên. Chúng ta cũng có thể tuyên chiến với ánh sao hoặc với chu kỳ của mặt trăng.

> *Không biết bao nhiêu củi mới thỏa mãn lửa, biết bao nhiêu sông cho thỏa đại dương; thần chết không thể chán tìm đến mọi sinh vật trên Trái đất, cũng như đàn ông không bao giờ chán phụ nữ đẹp.*
>
> **• KAMA SUTRA**

Có một sự vô ích đáng khinh cổ vũ cho thái độ quả quyết kéo dài nhiều thế kỷ - một nỗ lực chống lại vô vàn chứng cứ vốn chỉ rõ điều ngược lại - rằng phụ nữ hờ hững với những thôi thúc mãnh liệt của ham muốn tình dục. Hãy nhớ đến các chuyên gia y tế ở miền Nam trước nội chiến Mỹ đã quả quyết với các chủ đồn điền rằng nô lệ tìm cách phá bỏ xiềng xích thì không xứng là người được hưởng tự do và có phẩm giá, mà là những kẻ bị *Drapetomania*, chứng rối loạn trong y học mà cách chữa trị tốt nhất là dùng roi vụt thật đau. Và ai có thể quên được Tòa án dị giáo "có thiện chí" đã buộc Galileo phải từ bỏ những chân lý hiển nhiên với ông bởi vì chúng gây khó chịu cho những đầu óc bị quyền lực và giáo điều làm xơ cứng? Trong một góc khác của cuộc đấu tranh đang diễn ra này giữa thực tế và điều mà nhiều cộng đồng phụ hệ hậu nông nghiệp khẳng định phải là, phụ nữ nào dám phản đối cương lĩnh về một nữ giới rụt rè sẽ bị phỉ nhổ, lăng nhục, li dị, tách rời khỏi con cái, trục xuất, hỏa thiêu vì tội làm phù thủy, gán cho mang bệnh cuồng khích, chôn đến cổ trong cát sa mạc và ném đá đến chết. Họ và con cái - lũ chó đẻ - sẽ bị hiến tế cho các vị thần ngu dốt, nhục nhã, sợ hãi, biến

thái và mâu thuẫn.

Nếu nhà tâm thần học Mary Jane Sherfey đúng khi bà nói rằng: "Sức mạnh của những thôi thúc quyết định thế lực cần có để trừ khử nó" (một quan sát hết sức Newton bằng sự đơn giản không thể bác bỏ của nó), vậy thì chúng ta làm gì để tạo nên một thế lực có thể tiêu diệt dục năng của phụ nữ?

19

TIẾNG RÊN CỦA PHỤ NỮ

Đây là câu hỏi mà chúng tôi đặt ra cho khán giả mỗi lần trình bày trước công chúng: Nếu bạn đã từng nghe những thanh âm của một cặp đôi khác giới làm tình (ai lại chưa nghe được nhỉ?), bên nào kêu to hơn? Câu trả lời chúng tôi nhận được mọi nơi, mọi lúc - từ đàn ông, phụ nữ, dị tính, đồng tính, Mỹ, Pháp, Nhật và Brazil luôn giống nhau. Bỏ tay xuống. Cần gì phải hỏi nữa. Chẳng có gì bí mật cả. Chúng tôi không phải nói cho bạn nghe câu trả lời bởi vì bạn đã biết hết rồi, đúng không nào? Đúng vậy, thứ tình dục "ngoan ngoãn", "e lệ", "bẽn lẽn" nằm sau tiếng kêu gào, rên rỉ cao độ, và gọi tới Chúa lòng lành ở trên cao, ôi giời bọn hàng xóm.

Nhưng tại sao? Trong khuôn khổ mô tả chuẩn mực về tính dục loài người, thứ mà các nhà khoa học gọi là *âm thanh giao phối ở phụ nữ* (FCV) (female copulatory vocalization) là một câu hỏi hóc búa và quan trọng. Bạn sẽ nhớ đến tuyên bố của Steven Pinker là "Trong mọi xã hội, tình dục là thứ ít nhiều 'bẩn thỉu'. Nó được thực hiện một cách riêng tư..."* Nếu vậy thì tại sao phái nữ của một loài như thế lại phải mạo hiểm thu hút sự chú ý đến như vậy? Tại sao từ mạn hạ nguồn phía Đông tới thượng nguồn Amazon, phụ nữ lại xướng to niềm lạc thú tình dục của mình cho tất cả mọi người cùng

nghe hơn là nam giới?

Và tại sao âm thanh của phụ nữ đạt cực khoái lại khiến đàn ông khó mà phớt lờ được?* Người ta bảo rằng phụ nữ có thể nghe thấy tiếng trẻ con khóc từ rất xa, nhưng thưa các quý ông, chúng tôi đang hỏi các ông, có tiếng động nào dễ nhận thấy nhất trong mớ tạp âm của một tòa nhà chung cư - và khó bỏ qua - hơn là âm thanh của phụ nữ đang lạc lối trong đam mê hay không?

Nếu bạn là một trong số 10 hoặc 15 người còn sống chưa được xem cảnh cực khoái giả vờ của Meg Ryan trong phim *Khi Harry gặp Sally*, hãy đi xem ngay (tìm trên mạng dễ ợt). Đây là một trong những cảnh nổi tiếng nhất của điện ảnh hiện đại, nhưng nếu hai diễn viên này đổi hành động cho nhau thì cảnh này sẽ không buồn cười - thậm chí nó còn chả có ý nghĩa gì cả. Hãy tưởng tượng: Billy Crystal ngồi bên bàn ăn nhà hàng, anh bắt đầu thở mạnh, ánh mắt có thể lảng đi đôi chút, anh cằn nhằn đôi lần, ăn một nửa cái sandwich và ngủ thiếp đi. Không có ai cười to. Thậm chí không ai trong cửa hàng đồ ăn để ý. Nếu cực khoái ở nam giới là một tiếng xoảng bị nghẹt của chũm chọe thì cực khoái ở nữ giới là một vở opera đầy đủ. Đầy những tiếng kêu gào, la hét, ngân nga, mọi người cầm giáo đứng quanh, và tiếng đập bàn chắc chắn sẽ khiến cho ngay cả quán ăn ồn ào nhất New York cũng phải im lặng.*

Tiếng rên rỉ đê mê của phụ nữ không phải là một hiện tượng hiện đại. *Kama Sutra* chứa đựng những ví dụ cổ xưa về âm thanh giao phối của phụ nữ trên phương diện kỹ thuật tình dục, phân loại một cái chuồng chim nhốt các biểu hiện đê mê mà phụ nữ có thể chọn ra: "Với rất nhiều tiếng rên rỉ, cô ấy có thể sử dụng, tùy theo trí tưởng tượng của mình, tiếng kêu của chim bồ câu, chim cu cu, chim cu xanh, vẹt, ong, họa mi, ngỗng, vịt và gà gô." Ngỗng ư? Hãy

kêu lên nếu Bạn Thích Tình dục!

Nhưng bên cạnh kỹ thuật tình dục của sân nuôi gà vịt, sẽ là vô nghĩa khi giới nữ của một loài đơn phối kêu gọi sự chú ý về bản thân trong lúc giao phối. Mặt khác, nếu hàng nghìn thế hệ đa phối được xây dựng vào trong hoạt động tính dục của con người hiện đại, chúng ta sẽ thấy rất rõ ý nghĩa của tiếng kêu này là gì.

Hóa ra phụ nữ không phải là linh trưởng cái duy nhất tạo ra ồn ào khi đắm chìm với đam mê. Nhà linh trưởng học người Anh Stuart Semple đã nhận thấy rằng: "Ở nhiều loài, con cái kêu lên ngay trước, trong hoặc ngay sau khi giao phối. Những âm thanh này", Semple nói, "đặc biệt phổ biến ở các loài linh trưởng và bằng chứng tích lũy cho thấy chỉ bằng tiếng kêu, con cái đã kích động các con đực trong bầy cạnh tranh với nhau để giành cơ hội giao phối với nó." Chính xác. Dường như có lý do chính đáng cho thấy tiếng kêu của một phụ nữ đang tận hưởng cuộc gặp gỡ tình dục sẽ lôi kéo đàn ông. "Tiếng kêu giao phối" của cô ấy là một lời mời tiềm năng *đến đây*, từ đó khơi dậy cạnh tranh tinh trùng.

Semple ghi lại hơn 550 tiếng kêu giao phối của bảy con khỉ đầu chó cái khác nhau và phân tích cấu trúc âm thanh của chúng. Ông thấy rằng những âm thanh phức hợp này chứa đựng thông tin liên quan đến cả tình trạng sinh sản của con cái (tiếng kêu phức tạp hơn khi con cái gần thời điểm rụng trứng hơn) và địa vị của con đực "hấp thụ" bất cứ tiếng kêu nào (tiếng kêu dài hơn và chứa đựng nhiều đơn vị âm thanh mang tính bản năng hơn trong lúc giao phối với những con đực có địa vị cao hơn). Do vậy, ít nhất là ở những con khỉ đầu chó này, các con đực lắng nghe có thể nhận được thông tin về khả năng thụ thai cho con cái đang kêu gọi cũng như cảm nhận đôi chút về địa vị của con đực mà chúng sẽ thấy với thằng cha mà

chúng tiếp cận.

Meredith Small đồng ý rằng tiếng gọi giao phối của linh trưởng cái rất dễ nhận biết: "Ngay cả những người không quen cũng có thể nhận ra được cơn cực khoái, hoặc lạc thú tình dục của linh trưởng cái không phải con người. Con cái", Small nói, "tạo ra những âm thanh không có ở bất cứ bối cảnh nào khác ngoài giao phối". Sư tử đuôi ngắn cái sử dụng tiếng gọi giao phối để thu hút sự chú ý của con đực ngay cả khi không rụng trứng. Small cho biết trong số các loài linh trưởng này, con cái đang rụng trứng thường hướng lời mời gọi của chúng tới những con đực ngoài bầy, từ đó mang dòng máu mới vào hỗn hợp giao phối.

Có thể đoán trước được âm thanh giao phối của con cái liên quan chặt chẽ với giao phối bừa bãi chứ không phải giao phối đơn thê. Alan Dixson thấy rằng con cái của các loài linh trưởng bừa bãi phát ra những tiếng gọi giao phối phức tạp hơn nhiều so với con cái của các loài giao phối đơn thê và đa thê. Bên cạnh vấn đề phức tạp, Gauri Pradhan cùng đồng nghiệp đã tiến hành một cuộc khảo sát về tiếng gọi giao phối ở nhiều loài linh trưởng và thấy rằng "thay đổi trong sự bừa bãi của con cái dự báo về xu hướng sử dụng tiếng gọi giao phối liên quan đến việc giao phối". Dữ liệu của họ cho thấy mức độ bừa bãi cao báo trước một tiếng gọi giao phối có tần suất cao.

William J. Hamilton và Patricia C. Arrowood đã phân tích âm thanh giao phối của nhiều loài linh trưởng, trong đó có ba cặp đôi con người.* Họ nhận thấy rằng "âm thanh của con cái dần mạnh lên khi gần đến cực khoái và khi đạt cực khoái thì giả định là thiếu một nhịp điệu nhanh, đều đặn (độ dài nốt và ngắt quãng giữa các nốt tương đương nhau) trong tiếng kêu cực khoái của con đực." Mặc

dù vậy, các tác giả vẫn không tránh khỏi đôi chút thất vọng khi viết rằng: "Không một giới nào (của con người)... thể hiện sự phức tạp trong cấu trúc nốt đặc trưng của âm thanh giao phối ở khỉ đầu chó." Nhưng có thể đấy lại là tin tốt, bởi vì đâu đó trong bài viết của họ chúng ta thấy rằng tiếng gọi giao phối của khỉ đầu chó cái nghe rất rõ ngay cả với tai người ở khoảng cách 300 m.

Trước khi bạn kết luận rằng âm thanh giao phối của con cái chỉ là một cách nói ưa thích cho một chút phấn khích, hãy suy nghĩ về những con thú săn mồi có thể định vị được con mồi cho tiếng kêu đam mê này của linh trưởng. Tinh tinh và tinh tinh lùn có thể khó với tới vì ở trên cành cây, nhưng khỉ đầu chó (giống như các tổ tiên ở trên mặt đất của chúng ta) thì sống giữa lũ báo và các con thú săn mồi khác rất quan tâm đến món đặc sản khỉ đầu chó tươi rói hai-mà-một - đặc biệt là trong tình trạng mất tập trung, dễ tổn thương của cặp đôi đang giao phối.

Như Hamilton và Arrowood nói: "Bất kể nguy cơ các cá thể và cả bầy phơi mình trước bọn thú săn mồi, lũ khỉ đầu chó vẫn theo thói quen kêu lên trong lúc giao phối, (vì vậy) những tiếng kêu này chắc phải mang một giá trị thích nghi nào đó". Giá trị thích nghi này là gì? Hai tác giả (viết trên tạp chí *Science*) đưa ra vài giả thuyết, trong đó có quan điểm cho rằng tiếng gọi này là mẹo giúp kích hoạt phản xạ xuất tinh của con đực, một phân tích mà có lẽ nhiều gái điếm sẽ đồng ý. Có thể ý tưởng này cũng có phần nào đúng*, nhưng ngay cả vậy thì linh trưởng đực không nổi tiếng trong việc cần đến nhiều trợ giúp để *kích hoạt phản xạ xuất tinh của mình*. Nếu có đi chăng nữa thì phản xạ xuất tinh của nam giới loài người có xu hướng quá dễ kích hoạt - ít nhất là từ khía cạnh phụ nữ không được trả tiền để kích hoạt phản xạ này càng nhanh càng tốt. Đặc

biệt là với tất cả các bằng chứng hội tụ khác, có rất nhiều khả năng là ở loài người, âm thanh giao phối của nữ giới có chức năng thu hút nam giới đến với phụ nữ đang rụng trứng, dễ tiếp nhận về mặt tình dục, từ đó thúc đẩy cạnh tranh tinh trùng, với mọi lợi ích dành cho các bên tham gia - cả về mặt sinh sản lẫn mặt xã hội.

Nhưng bất chấp mọi ầm ĩ do phụ nữ trên thế giới gây ra, "Cương lĩnh phụ nữ rụt rè vẫn tồn tại", Natalie Angier viết. "Nó được trang trí bằng nhiều phẩm chất và được thừa nhận là bức chân dung dở dang của chiến lược giao phối ở nữ giới, nhưng rồi nghi thức nho nhỏ đó tham gia vào và cương lĩnh đó lại lên tiếng."

KHÔNG CÓ VÚ, KHÔNG CÓ THIÊN ĐƯỜNG*

Dù tốt hay xấu thì cái mẩu ngỗ ngược kia của phụ nữ cũng không phồng lên gấp năm lần kích thước bình thường và chuyển màu đỏ tươi để báo hiệu về sự sẵn sàng trên phương diện tình dục. Nhưng liệu có bằng chứng nào về mặt giải phẫu học cho thấy rằng phụ nữ đã tiến hóa để trở nên rất nhục dục? Không có gì phải thắc mắc cả. Hóa ra là cũng như cơ thể nam giới, cơ thể (và hành vi tiềm thức) của phụ nữ đầy những chỉ báo của hàng nghìn năm sinh hoạt bừa bãi và cạnh tranh tình dục tạo nên tiến hóa loài người.

Gần như không có mô cơ nào, nhưng vú của chị em có sức mạnh đáng kinh ngạc. Phụ nữ đẫy đà sử dụng sức mạnh này để thao túng ngay cả những anh chàng kỷ luật, chỉn chu nhất, chừng nào còn có bất cứ người nào ở quanh để lưu ý. Các đế chế đã sụp đổ, mọi ý chí đã thay đổi, hàng triệu tạp chí và cuốn lịch đã được bán ra, khán giả giải Super Bowl chướng tai gai mắt... dù sao đi nữa, tất cả đều do nguồn sức mạnh bí ẩn phát ra từ những túi mỡ bé nhỏ này.

Một trong những hình ảnh cổ xưa nhất của loài người từng được

biết tới, với tên gọi Thần vệ nữ Willendorf*, được tạo ra cách đây 25.000 năm, mô tả bộ ngực với kích thước của Dolly Parton*. 250 thế kỷ sau, sức mạnh của bộ ngực được phóng đại vẫn không thể hiện nhiều dấu hiệu già nua cho lắm. Theo Hiệp hội Phẫu thuật Thẩm mỹ Hoa Kỳ, 347.254 phẫu thuật nâng ngực được thực hiện ở Mỹ trong năm 2007, trở thành loại phẫu thuật được thực hiện phổ biến nhất đất nước này. Điều gì khiến cho bộ ngực phụ nữ có sức ảnh hưởng vượt trội như vậy đến ý thức của đàn ông?

Trước hết, hãy loại bỏ những cách diễn giải thuần thực tế. Mặc dù các tuyến có trong bộ ngực phụ nữ tồn tại nhằm nuôi dưỡng trẻ sơ sinh, các mô mỡ tạo nên đường cong kỳ diệu của vú người - phồng lên, lắc lư, đung đưa - chẳng liên quan gì đến việc tạo sữa. Với cái giá rõ ràng phải trả về mặt sinh lý cho việc mang một bộ ngực lủng lẳng (làm lưng mỏi, mất thăng bằng, khó chạy), nếu không nhằm quảng cáo sữa cho trẻ con thì tại sao giới nữ loài người lại phát triển và duy trì những bộ phận cồng kềnh này?

Nhiều giả thuyết cho rằng bộ ngực đóng vai trò như những thiết bị truyền tin thông báo về khả năng sinh sản và tích đủ mỡ để chịu đựng được những gian khổ của thời kỳ mang thai và cho con bú* đến "thuyết tiếng vọng sinh dục": phụ nữ hình thành bộ ngực lủng lẳng vào khoảng thời gian loài người bắt đầu đi thẳng để khơi dậy tình trạng kích thích mà đàn ông trước đây cảm thấy khi nhìn lớp mỡ trên mông*. Các nhà lý luận ủng hộ thuyết tiếng vọng sinh dục nhận thấy rằng những chỗ phồng lên như của tinh tinh và tinh tinh lùn sẽ cản trở sự vận động của linh trưởng đi hai chân, vì vậy khi tổ tiên xa xưa của chúng ta bắt đầu đi thẳng, họ suy luận rằng một số dấu hiệu sinh sản nữ chuyển từ phía sau, như vốn có, ra trưng bày phía trước. Trong một lát của trận bóng bàn lịch sử,

tiếng gọi của thời trang đã di chuyển tới lui chỗ phồng phồng kia qua nhiều thế kỷ với giày cao gót, khung áo ngực kiểu Victoria và các món đồ nâng mông khác.

Sự giống nhau về mặt thị giác giữa hai phần này của cơ thể nữ đã được hỗ trợ nhờ gần đây phổ biến kiểu quần jeans cạp trễ làm lộ ra phần khe bên dưới như trêu ngươi. "Khe mông là cái khe", nhà báo Janelle Brown viết, "mới được khai hoang để nhìn trộm một cách say đắm từ quần của siêu mẫu cũng như của dân thường... Nó vừa nghịch ngợm lại vừa hơi phô trương", cô viết tiếp, "nhưng có sự quyến rũ tròn trịa mềm mại của cặp vú hoàn hảo".* Nếu bạn đang ở tuổi trăng xế, bạn có thể luôn luôn mặc một bộ "nâng mông" của Bubbles Bodywear, hứa hẹn sẽ tạo ra thứ hiệu ứng đã từng khiến đàn ông phải ngoái đầu nhìn kể từ thời trước khi đàn ông xuất hiện. Giống như chiếc khung lót áo kiểu Victoria, chiếc yếm ngực bắt chước những đường cong đầy đặn của con tinh tinh hoặc tinh tinh lùn đang rụng trứng. Nói đến trăng xế, cần phải lưu ý rằng trừ phi bộ ngực được nâng bằng phương pháp nhân tạo, giống như khả năng sinh sản của phụ nữ kém dần theo tuổi tác, bộ ngực của cô ta cũng vậy - càng ủng hộ thêm lời tuyên bố rằng chúng tiến hóa để báo hiệu khả năng sinh sản.

Nữ giới loài người không phải là linh trưởng duy nhất mang tín hiệu sinh sản trên ngực. Khỉ đầu chó Gelada là một loài linh trưởng đứng thẳng khác có chỗ phồng tình dục trên ngực của con cái. Đúng như chúng ta nghĩ, chỗ phồng của bọn Gelada xuất hiện và biến mất cùng với khả năng tiếp nhận tình dục của con cái. Do nữ giới loài người luôn có tiềm năng tiếp nhận tình dục, nên bộ ngực của họ ít nhiều luôn căng phồng, từ khi trưởng thành trở đi.*

Nhưng không phải mọi linh trưởng cái đều có chỗ phồng sinh

dục thông báo ra ngoài về tình trạng rụng trứng của mình. Meredith Small báo cáo rằng chỉ có 54 trong số 78 loài được khảo sát "có sự thay đổi dễ nhận thấy về mặt hình thái trong kỳ kinh", và một nửa số này chỉ thấy "hơi hồng hồng". Một lần nữa, hai người bà con linh trưởng gần gũi nhất với chúng ta lại đứng tách ra khỏi bầy trên phương diện hoạt động tình dục rất lộ liễu, trở thành loài linh trưởng duy nhất có chỗ phồng tình dục lòe loẹt, khoa trương đến thế. Vùng đèn đỏ của tinh tinh cái xuất hiện rồi biến mất, phản ánh lúc khuyết lúc tròn của khả năng sinh sản, nhưng như Small khẳng định, "chỗ phồng của tinh tinh lùn chẳng bao giờ thay đổi, vì vậy tinh tinh lùn cái luôn phát ra tín hiệu về khả năng sinh sản - rất giống với con người."

Mặc dù nhiều giả thuyết tuyên bố rằng nữ giới loài người "rụng trứng kín", thật ra nó cũng chẳng kín chút nào, nếu như bạn biết cách nhìn thế nào và nhìn vào đâu. Martie Haselton và đồng nghiệp thấy rằng đàn ông khi xem ảnh của 30 phụ nữ giống nhau - một số chụp quanh thời điểm rụng trứng còn số khác thì không - đều khá giỏi trong việc đánh giá khi nào thì những phụ nữ này đang "tìm cách trở nên hấp dẫn hơn", tương ứng với tình trạng kinh nguyệt của họ. Các tác giả này thấy rằng phụ nữ có xu hướng ăn mặc quyến rũ hơn khi họ có nhiều khả năng mang thai hơn. "Hơn thế nữa", Haselton viết, "phụ nữ càng gần thời điểm rụng trứng khi được chụp trong khoảng thời gian thụ thai thì ảnh của họ càng được chọn nhiều hơn."*

Các nhà nghiên cứu khác nhận thấy rằng đàn ông thích mùi cơ thể của phụ nữ gần thời điểm rụng trứng, còn phụ nữ có xu hướng hành xử khiêu khích hơn theo nhiều cách khi họ dễ thụ thai hơn (đeo nhiều nữ trang và dùng nhiều nước hoa hơn, ra ngoài nhiều

hơn, dễ quan hệ tình dục một cách ngẫu nhiên hơn và ít sử dụng bao cao su với các tình nhân mới hơn).

LẠI XEM NÀO?

Bộ ngực của phụ nữ khiến các nhà khoa học nam cảm thấy thích thú bao nhiêu thì cơn cực khoái của phụ nữ lại khiến họ bối rối bấy nhiêu. Giống như bộ ngực, sự tồn tại của cơn cực khoái ở nữ giới là một trong những vấn đề khó hiểu nhất trong các bài viết chính thống về tiến hóa tình dục loài người. Nếu không cần cho việc thụ thai thì tại sao nó lại tồn tại? Trong một thời gian dài, các nhà khoa học đã tuyên bố rằng người nữ là động vật duy nhất biết đến cực khoái. Nhưng khi phụ nữ bắt đầu trở thành nhà sinh vật học và linh trưởng học, hóa ra là nhiều linh trưởng cái cũng có cực khoái.

Động lực cơ bản để tuyên bố rằng cơn cực khoái ở nữ giới chỉ có ở loài người có thể nằm ở cách nó được lồng ghép vào mô tả chuẩn mực như thế nào. Theo quan điểm này, cơn cực khoái phát triển ở người nữ nhằm thúc đẩy và duy trì mối quan hệ đôi lứa lâu dài vốn là trung tâm gia đình hạt nhân*. Khi bạn vừa nuốt trôi câu chuyện đó, sẽ rất khó để thừa nhận rằng con cái của các loài linh trưởng khác cũng biết mùi lên đỉnh. Rắc rối của bạn tăng lên gấp bội nếu như loài đạt được cực khoái nhất lại hóa ra là loài bừa bãi nhất, và đúng là thế đấy.

Như tác giả về hoạt động tình dục linh trưởng Alan Dixson viết, cách giải thích cơn cực khoái ở phụ nữ theo hướng duy trì sự đơn phối "có vẻ như là cường điệu. Dù sao đi nữa", ông viết, "con cái thuộc các loài linh trưởng khác, đặc biệt là những loài có hệ thống giao phối nhiều đực - nhiều cái như khỉ macaque và tinh tinh, thể hiện những phản ứng cực khoái khi không có sự gắn kết như vậy

hoặc thiếu hình thành các đơn vị gia đình ổn định." Mặt khác, Dixson tiếp tục viết: "Loài vượn, chủ yếu vốn đơn phối, không thể hiện các dấu hiệu rõ ràng về cơn cực khoái ở con cái."

Mặc dù chúng tôi thích khẳng định sự ủng hộ rõ ràng của ông đối với luận điểm của chúng tôi, Dixson vẫn xếp con người vào loại hơi đa thê trong khảo sát của ông về hoạt động tính dục linh trưởng. Tuy nhiên, có vẻ như ông tỏ ý nghi ngờ khi viết: "Người ta có thể tranh luận rằng... cực khoái ở nữ giới rất xứng đáng, nó tăng sự sẵn sàng giao phối với nhiều bạn tình chứ không phải là một bạn tình ở nữ giới, từ đó thúc đẩy cạnh tranh tinh trùng."*

Donald Symons và nhiều người khác tranh luận rằng: "Cực khoái được hiểu một cách chi li nhất là một tiềm lực mà tất cả mọi động vật giống cái có vú đều sở hữu." Symons lập luận, điều góp phần thực hiện "tiềm lực" này ở một số cộng đồng người là "kỹ thuật dạo đầu và giao phối mang lại cảm giác kích thích đủ mãnh liệt và liền mạch cho phụ nữ để lên đỉnh". Nói cách khác, Symons nghĩ phụ nữ lên đỉnh nhiều hơn ngựa cái bởi vì đàn ông là những người tình giỏi hơn ngựa đực. Hừm.

Để ủng hộ cho lý thuyết của mình, Symons trích dẫn các cuộc nghiên cứu của Kinsey cho thấy rằng chưa đầy một nửa số phụ nữ được phỏng vấn (người Mỹ những năm 1950) cứ mười lần quan hệ thì có ít nhất chín lần lên đỉnh, trong khi ở các cộng đồng khác (Symons nhắc đến người Mangaia ở Nam Thái Bình Dương), hoạt động tình dục tinh tế và kéo dài dẫn tới cực khoái gần như phổ biến đối với phụ nữ. "Cực khoái", Symons kết luận, "không bao giờ được coi là việc tự phát và không tránh được đối với phụ nữ vì đây là điều luôn xảy ra đối với nam giới." Đối với Symons, Stephen Jay Gould, Elisabeth Lloyd* và những người khác, *một số* phụ nữ *đôi*

khi lên đỉnh trong khi *tất cả* đàn ông *luôn luôn* đạt được. Đối với họ, cực khoái ở phụ nữ giống như núm vú của đàn ông: sự trùng lặp về mặt cấu trúc không có chức năng ở giới này nhưng lại mang tính chất sống còn ở giới khác.

Với mọi năng lượng cần có để đạt được điều đó, thật đáng ngạc nhiên khi bộ phận sinh dục của nữ giới lại không phải là địa chỉ đặc biệt chào đón đối với các tế bào tinh trùng. Các nhà nghiên cứu Robin Baker và Mark Beilis thấy rằng khoảng 35% số tinh trùng bị đuổi cổ trong vòng nửa giờ giao hợp và số còn lại lâm vào cảnh "màn trời chiếu đất".* Cơ thể nữ giới đón nhận tinh trùng với tư cách các kháng nguyên (dị thể) nên chúng bị tấn công bởi các bạch cầu chống tinh trùng với tỉ lệ so với tinh trùng là 100:1. Cứ 14.000.000 tinh trùng người phóng ra mới có một tinh trùng có khả năng chạm tới vòi trứng.* Bên cạnh những rào cản do cơ thể nữ đặt ra, ngay cả số ít tinh trùng may mắn vẫn phải cạnh tranh với những con đực khác (ít nhất, nếu như mô hình hoạt động tính dục của loài người chúng ta có đôi chút giá trị nào đó).

Nhưng trong khi đặt ra rào cản với hầu hết tinh trùng thì cơ thể phụ nữ đồng thời chọn cách hỗ trợ số còn lại. Có bằng chứng ấn tượng cho thấy rằng hệ thống sinh sản của phụ nữ có khả năng phán đoán tinh tế dựa trên dấu hiệu hóa học của tế bào tinh trùng thuộc các anh chàng khác nhau. Các đánh giá này có thể áp dụng tốt cho cả sức khỏe tổng quan lẫn những điểm tinh tế của khả năng tương thích miễn dịch. Khả năng tương thích di truyền của các anh chàng khác nhau đối với một phụ nữ cụ thể có nghĩa là chất lượng tinh trùng mang *đặc tính tương đối*. Do vậy, như Anne Pusey giải thích: "Phụ nữ có thể được hưởng lợi từ việc thu tinh trùng của nhiều đàn ông, và những phụ nữ khác nhau không nhất thiết phải

được hưởng lợi từ việc giao phối với cùng một người đàn ông 'chất lượng cao'."

Đây là một luận điểm cực kỳ quan trọng. Không phải anh chàng "chất lượng cao" nào cũng kết hợp tốt được với bất cứ cô nàng cụ thể nào - ngay cả ở cấp độ thuần sinh học. Do tính phức tạp của quá trình hai bộ ADN bố mẹ tương tác khi thụ thai, anh chàng nào có vẻ mang giá trị giao phối vượt trội (hàm bạnh, cơ thể cân đối, nghề nghiệp tốt, nắm tay chắc chắn, thẻ AMEX Platinum) trên thực tế lại có thể kém phù hợp về mặt di truyền đối với một cô nàng cụ thể nào đó. Vì vậy, phụ nữ (và cuối cùng là con của cô ấy) có thể được hưởng lợi nhờ "lấy mẫu của nhiều đàn ông" và bỏ mặc cho hệ thống sinh sản quyết định tinh trùng của ai sẽ thụ tinh cho trứng của mình. Hay nói cách khác, cơ thể của cô có thể chọn lọc thông tin tốt hơn so với đầu óc tỉnh táo của cô.

Về phương diện sinh sản, "sự phù hợp" của các ông tổ thời tiền sử của chúng ta đã được quyết định là không nằm quá nhiều trong thế giới vật chất bên ngoài và xã hội, nơi các lý thuyết thông thường nói rằng đàn ông cạnh tranh vì bạn tình trong các cuộc chiến xúi giục nhằm đoạt lấy địa vị và của cải vật chất, mà nằm trong thế giới nội tại của bộ máy sinh sản nữ. Hóa ra mỗi cơ thể phụ nữ đều được trang bị các cơ chế chọn lựa người bố tiềm năng ở cấp độ tế bào.

Hãy nhớ điều này khi lần tới bạn đọc được những câu đại loại như: "Thiên hướng tranh giành ảnh hưởng, của cải và uy tín đều chỉ là những cách mà một người đàn ông đang tự đặt mình vào để giành được phụ nữ cho giao phối", hoặc, "Cạnh tranh giao phối sẽ bao gồm các cuộc chiến giành lấy tài nguyên mà người vợ (của đàn ông) cần có để nuôi con".* Rất có thể đây là tình huống của đa số

mọi người ngày nay, nhưng cách đây không lâu, cơ thể chúng ta đưa ra một kịch bản rất khác.

* * *

Theo cách hiểu tốt nhất thì cạnh tranh tinh trùng không phải là cuộc đua nước rút đến quả trứng mà là cuộc chạy vượt rào. Bên cạnh các bạch cầu chống tinh trùng đề cập trước đó, những trở ngại về mặt giải phẫu học và sinh lý học còn có trong âm đạo, cổ tử cung và trên bề mặt của chính quả trứng nữa. Sự phức tạp của cổ tử cung người cho thấy nó tiến hóa để lọc tinh trùng của nhiều người đàn ông. Liên quan đến khỉ macaque (loài khỉ cực kỳ bừa bãi) và con người, Dixson viết: "Đối với giống khỉ *Macaca*, mọi loài được coi là có hệ thống giao phối nhiều đực-nhiều cái đều có cấu trúc cổ tử cung cực kỳ phức tạp..." Ông nói tiếp, "bằng chứng gắn liền với loài người và khỉ macaque cái chỉ ra rằng cổ tử cung vừa đóng vai trò bộ máy lọc vừa làm bể chứa tạm thời cho tinh trùng trong lúc chúng di cư vào dạ con."* Cũng như dương vật phức tạp và tinh hoàn bên ngoài ở đàn ông, thiết kế lọc tinh tế ở cổ tử cung người chỉ ra tình trạng tình dục bừa bãi ở tổ tiên chúng ta.

Ý tưởng cho rằng sự lựa chọn ở phụ nữ (ý thức hoặc vô thức) có thể xảy ra *sau khi* hoặc *trong khi* giao phối chứ không phải là một phần của nghi lễ tán tỉnh tiền giao phối đã lật ngược mô tả chuẩn mực từ trong ra ngoài, từ trên xuống dưới. Nếu hệ sinh sản nữ đã hình thành các cơ chế phức tạp để sàng lọc và từ chối tinh trùng của một số đàn ông trong khi hỗ trợ tinh trùng của một người khác đáp ứng được các tiêu chí mà có thể cô ấy hoàn toàn không biết,

"phụ nữ rụt rè" của Darwin bắt đầu hiện ra đúng với bản chất: một ảo ảnh lỗi thời.

Nhưng Darwin có thể đã hoài nghi nhiều hơn những gì ông viết về cơ chế chọn lọc tình dục hậu giao phối. Bất cứ cuộc thảo luận nào về hành vi tình dục loài người hoặc ngụ ý tiến hóa về hình thái sinh dục của chúng ta đều hết sức gây tranh cãi vào năm 1871, nói nhẹ ra là như thế. Hãy hình dung, giống như Dixson, "điều gì sẽ xảy ra nếu dòng dõi con người phô bày những chi tiết về sự tiến hóa của dương vật và tinh hoàn hoặc mô tả các tư thế và kiểu giao phối của động vật cũng như con người".

Không ai có thể trách Darwin vì đã quyết định không đưa các vấn đề về sự tiến hóa của dương vật và âm đạo vào trong tác phẩm vốn đã mang tính chất thay đổi định kiến của ông. Nhưng một thế kỷ rưỡi là khoảng thời gian dài để sự cân nhắc và thành kiến văn hóa tiếp tục che giấu sự thật khoa học. Đối với Meredith Small, câu chuyện về vai trò của phụ nữ trong việc thụ thai là hình ảnh thu nhỏ của mô tả chung. Bà thấy cách hiểu phổ biến về thụ thai là "câu chuyện ngụ ngôn lỗi thời về hoạt động tính dục của loài người" coi đàn ông là "kẻ gây hấn, kẻ thuyết phục, kẻ chinh phục". Nhưng nghiên cứu gần đây về sự thụ thai ở con người cho thấy có sự đảo ngược vai trò. Small đưa ra giả thuyết là trứng "vươn ra và ôm lấy tinh trùng còn đang do dự". "Sinh học phụ nữ", bà kết luận, "ngay cả ở cấp độ tương tác trứng với tinh trùng, cũng không nhất thiết phải bắt theo một lập trường dễ bảo."

Bên cạnh việc bao bọc lấy trứng, cổ tử cung còn phải sàng lọc hoặc hỗ trợ tinh trùng, và các cơn co thắt âm đạo có thể trục xuất tinh trùng của người này trong khi hỗ trợ tinh trùng của người khác, cơn cực khoái của phụ nữ kích thích những thay đổi trong

nồng độ acid của âm đạo. Những thay đổi này xuất hiện hỗ trợ các tế bào tinh trùng của anh chàng may mắn nào tạo ra cơn cực khoái. Môi trường tại cổ tử cung mở có tính acid cao nên đây là kẻ thù đối với tế bào tinh trùng. Độ pH kiềm của tinh dịch có thể bảo vệ được tinh trùng trong môi trường này nhưng không lâu, đa phần các tế bào tinh trùng chỉ sống trong âm đạo được vài giờ, vì vậy những thay đổi này làm biến đổi môi trường âm đạo theo hướng có lợi cho một số tinh trùng nhất định.

Các lợi ích này cũng có hai mặt. Nghiên cứu gần đây cho thấy phụ nữ không dùng bao cao su có khả năng bị trầm cảm nhiều hơn so với phụ nữ dùng bao cao su hoặc không sinh hoạt tình dục. Nghiên cứu ban đầu của nhà tâm lý học Gordon Gallup đối với 293 phụ nữ (dữ liệu khá khớp với dữ liệu của một cuộc khảo sát khác sắp được công bố, bao gồm 700 phụ nữ) thấy rằng phụ nữ có thể hình thành một sự "phụ thuộc hóa chất" cho việc lên đỉnh mà họ có được nhờ *testosterone**, *estrogen**, *prostaglandin** và các hormone khác có trong tinh dịch. Các hóa chất này đi vào máu qua thành âm đạo.*

Nếu đúng là đa phối phổ biến trong quá trình tiến hóa của loài người, sự lệch pha rõ ràng giữa phản ứng cực khoái tương đối nhanh ở nam giới và cái gọi là phản ứng "trễ" ở phụ nữ là điều dễ hiểu (lưu ý phản ứng ở phụ nữ bị "trễ" như thế nào chỉ khi ở nam giới được coi là "đúng lúc"). Cơn cực khoái nhanh chóng ở nam giới giảm bớt cơ hội bị gián đoạn bởi lũ thú dữ hoặc các anh chàng khác (sự tồn tại của kẻ nhanh nhất!), trong khi phụ nữ là kẻ được hưởng lợi nhờ thực hiện việc kiểm soát hậu giao phối đối với những tinh trùng có nhiều khả năng thụ thai cho trứng của mình nhất.

*Prolactin** và các hormone khác tiết ra lúc cực khoái kích hoạt

những phản ứng khác nhau ở cả nam và nữ. Trong khi đàn ông chắc chắn cần thời gian nghỉ ngơi (hay hồi phục) kéo dài ngay sau mỗi lần cực khoái (và có thể cùng một cái bánh sandwich và một chai bia nữa), do vậy anh ta không ngáng đường các anh chàng khác, phụ nữ lại sẵn sàng và có khả năng tiếp tục hoạt động tình dục ngoài "cơn cực khoái khởi động".

Cần phải nhắc lại rằng các loài linh trưởng có con cái biết đến cực khoái đều có xu hướng lang chạ. Khả năng thay đổi cao của các hành vi giao phối - thậm chí chỉ ở các loài khỉ - là điều cực kỳ quan trọng. Người ta hiếm khi thấy lũ vượn chung thủy giao phối bừa bãi, chúng giao phối không thường xuyên và diễn ra trong thầm lặng, trong khi đó tinh tinh và tinh tinh lùn cái lại rất phóng túng. Con cái thường giao phối với mọi con đực mà chúng tìm thấy, và rõ ràng là chúng giao phối nhiều hơn hẳn mức cần thiết cho việc sinh sản. Goodall cho biết đã nhìn thấy một con cái ở Gombe giao phối 50 lần trong một ngày.

Sherfey không hề ngượng ngùng về mối quan hệ lệch pha này trong khả năng lên đỉnh của đàn ông và phụ nữ, bà viết: "Cơn đói tình dục của phụ nữ cũng như khả năng giao phối của cô ta hoàn toàn vượt xa bất cứ anh chàng nào", và, "Với tất cả mọi ý định và mục đích, *phụ nữ là những kẻ vô độ trong tình dục...*" Có thể đúng và cũng có thể sai, nhưng không thể phủ nhận rằng thiết kế của hệ sinh sản nữ giới loài người vượt xa dự báo của mô tả chuẩn mực, do vậy đòi hỏi phải suy nghĩ lại một cách triệt để về sự tiến hóa của hoạt động tính dục nữ.

PHẦN V

ĐÀN ÔNG ĐẾN TỪ CHÂU PHI, PHỤ NỮ ĐẾN TỪ CHÂU PHI

Chúng ta chấp nhận những khác biệt cơ bản giữa đàn ông và phụ nữ sớm chừng nào thì chúng ta có thể ngừng tranh cãi về nó và bắt đầu làm tình sớm chừng đó!

• TS. STEPHEN T. COLBERT, D.F.A.

Đắm chìm trong mô tả chuẩn mực về tiến hóa tình dục loài người là tuyên bố đáng buồn rằng đàn ông và phụ nữ đã, đang và sẽ luôn bị nhốt trong xung đột tình dục. Người ta nói *Chiến tranh giữa hai giới* được xây dựng trong hoạt động tính dục tiến hóa của chúng ta: đàn ông muốn rất nhiều tình dục không-ràng-buộc trong khi phụ nữ muốn rất ít tình dục nhưng lại nhiều ràng buộc. Nếu một anh chàng đồng ý ràng buộc vào một mối quan hệ, mô tả chuẩn mực cho chúng ta biết, anh ta sẽ bằng mọi giá để chắc được rằng bạn tình của anh ta không mạo hiểm khoản đầu tư của anh ta bằng cách chấp nhận khoản đặt cọc của những anh chàng khác.

Nghe có vẻ cực đoan, nhưng điều này chẳng có gì cường điệu cả. Trong tài liệu kinh điển năm 1972 của mình về "đầu tư làm cha

mẹ", nhà sinh học Robert Trivers nhận xét: "Hệ quả là người ta có thể đối xử với hai giới như thể họ là hai loài khác nhau, khác giới là một cội nguồn quan trọng cho việc tạo ra nhiều nhất các thế hệ con non sống sót." Nói cách khác, đàn ông và phụ nữ tồn tại sự trái ngược nhau đối với việc sinh sản mà về cơ bản chúng ta lợi dụng lợi ích của nhau. Trong *Loài sinh vật đạo đức*, Robert Wright than vãn: "Động lực cơ bản của đàn ông và phụ nữ là lợi dụng lẫn nhau. Dường như có những lúc họ được tạo ra chỉ để làm khổ nhau."

Nhưng không phải vậy. Chúng ta không phải được tạo ra để làm khổ nhau. Sự hiểu lầm này đổ lỗi cho tiến hóa về sự lệch pha giữa những thôi thúc sinh học và hình thái xã hội hậu nông nghiệp. Lời quả quyết loài người mang bản chất chung thủy lứa đôi không chỉ là một lời nói dối; mà nó còn là lời nói dối mà đa phần các xã hội phương Tây đều buộc người ta phải nói dối lẫn nhau.

Không ai phủ nhận rằng đàn ông và phụ nữ khác nhau, nhưng chúng ta không phải là các loài khác nhau hay đến từ các hành tinh khác nhau. Bản chất đan cài vào nhau của những khác biệt này chứng thực cho sự phụ thuộc lẫn nhau sâu sắc của chúng ta. Hãy nhìn một số cách mà lợi ích, triển vọng và năng lực tình dục của đàn ông và phụ nữ hội tụ, giao cắt và tương đồng, cho thấy mỗi chúng ta là một mảnh ghép trong sự thống nhất lớn hơn như thế nào.

20

TRÍ TUỆ CỦA MONA LISA

Tôi có mâu thuẫn với chính mình hay không?
Tôi rất mâu thuẫn với chính mình,
(Tôi to lớn, tôi chứa cả đám đông).

• **WALT WHITMAN, *Song of Myself (Tự hát)***

Đại diện với những bí ẩn của phụ nữ, Sigmund Freud, người vốn luôn có câu trả lời cho bất cứ vấn đề nào, cũng phải chịu bó tay. "Dù có tới 30 năm nghiên cứu tâm hồn phụ nữ", ông viết, "tôi vẫn chưa thể nào trả lời nổi... một câu hỏi lớn: phụ nữ muốn gì?"

Không phải ngẫu nhiên mà BBC gọi "hình ảnh nổi tiếng nhất trong lịch sử nghệ thuật" là một cuộc nghiên cứu về phụ nữ bí hiểm do một nam nghệ sĩ đồng tính tiến hành. Suốt nhiều thế kỷ, đàn ông vẫn luôn tự hỏi *Mona Lisa* của Da Vinci đang nghĩ gì. Phải chăng cô ấy đang mỉm cười? Hay là cô ấy giận? Thất vọng? Mệt mỏi? Buồn nôn? Buồn bã? Xấu hổ? Hứng tình? Không đáp án nào đúng?

Có lẽ gần hơn với *tất cả những điều trên.* Phải chăng cô ấy tự mâu thuẫn với chính mình? Rất có thể. Bức *Mona Lisa* rất lớn. Giống như mọi phụ nữ, nhưng hơn thế - giống như tất cả những gì

thuộc về giống cái - cô ấy phản ánh mọi giai đoạn của mặt trăng. Cô ấy chứa cả đám đông.

* * *

Cuộc hành trình tìm hiểu sâu hơn về "tâm hồn phụ nữ" của chúng ta bắt đầu trên một cánh đồng bùn lầy ở miền quê nước Anh. Đầu những năm 1990, nhà nghiên cứu thần kinh Keith Kendrick và đồng nghiệp tiến hành hoán đổi cừu non và dê non trong một năm (cừu non do dê trưởng thành nuôi và ngược lại). Sau đó vài năm khi đạt tới độ tuổi thuần thục về tình dục, lũ gia súc này tái hợp với giống loài của mình và người ta theo dõi hành vi giao phối của chúng. Những con cái thì chọn cách tiếp cận yêu-người-ở-cạnh-mình, thể hiện sẵn sàng giao phối với con đực của cả hai loài. Nhưng mấy con đực, *ngay cả khi đã trở về với giống loài của mình sau ba năm*, vẫn chỉ giao phối với loài nuôi chúng lớn lên.*

Những cuộc nghiên cứu như thế này cho thấy khác biệt lớn về mức độ "mềm dẻo (khả năng thay đổi) trong tình dục" ở con đực và con cái của nhiều loài - kể cả chúng ta. Nhà tâm lý học Roy Baumeister lập luận rằng động lực tình dục của con cái về cơ bản là dễ thay đổi hơn con đực. Độ mềm dẻo về tình dục lớn hơn khiến hầu hết phụ nữ có trải nghiệm tình dục với nhiều thay đổi hơn so với đàn ông và hành vi tình dục của phụ nữ dễ thích ứng hơn nhiều trước áp lực của xã hội. Khả năng mềm dẻo lớn hơn này có thể thể hiện qua những thay đổi về (những) người mà phụ nữ muốn, muốn đến mức nào và cách cô ấy thể hiện khao khát của mình ra sao. Những chàng trai trẻ trải qua một thời kỳ ngắn trong đó hoạt động

tính dục của họ giống như sáp nóng chờ được đóng dấu, nhưng sáp nhanh chóng nguội đi và cứng lại, để lại dấu ấn cho đời. Đối với phái nữ, dường như sáp mềm dẻo mãi trong suốt cuộc đời.

Sự mềm dẻo tình dục lớn hơn này thể hiện trong các phản ứng toàn diện hơn của phụ nữ đối với hình ảnh và suy nghĩ về tình dục. Năm 2006, nhà tâm lý học Meredith Chivers tiến hành một thử nghiệm, trong đó bà chiếu các loại video tình dục cho đàn ông và phụ nữ, cả dị tính lẫn đồng tính xem. Các video này bao gồm nhiều thể loại tình dục có thể: nam/nữ, nam/nam, nữ/nữ, một nam thủ dâm, một nữ thủ dâm, một anh chàng cơ bắp đi bộ trần truồng trên bãi biển, và một phụ nữ thon thả trần truồng tập luyện. Thậm chí bà còn cho họ xem một đoạn phim có cảnh tinh tinh lùn giao phối.*

Trong khi các đối tượng của bà bị vùi dập bằng cuộc tấn công của những khoái lạc tình dục đa dạng này, họ có các nút bấm để thông báo mức độ hứng tình mà họ cảm nhận được. Bên cạnh đó, cơ quan sinh dục của họ được nối với máy ghi thể tích. *Như thế có phạm pháp không?* Không, máy đo thể tích không phải là thiết bị tra tấn (hơn nữa, cũng không phải là khủng long). Nó đo lượng máu chảy tới cơ quan sinh dục, một chỉ báo chắc chắn cho thấy cơ thể đã sẵn sàng cho tình yêu. Hãy xem nó như chiếc máy phát hiện nói dối trong tình dục.

Chivers phát hiện được điều gì? Dù là đồng tính hay dị tính thì nam giới đều dễ đoán. Những thứ khiến họ hứng tình là những thứ bạn nghĩ tới. Các anh chàng dị tính phản ứng với bất cứ điều gì liên quan đến phụ nữ khỏa thân, nhưng hờ hững khi chỉ có đàn ông trên màn hình. Các anh chàng đồng tính cũng tương tự, có điều ngược 180 độ. Và các anh chàng cả dị tính lẫn đồng tính đều dùng bàn phím chỉ ra điều mà dòng máu tới cơ quan sinh dục của họ

đang nói. Hóa ra đàn ông có thể nghĩ bằng "hai đầu" cùng lúc, và cả hai có xu hướng nghĩ đến cùng một thứ.

Mặt khác, các đối tượng nữ lại chính là bức tranh về sự bí hiểm. Bất kể định hướng tình dục của họ thế nào, kim máy ghi thể tích của họ đều giật giật trước mọi thứ họ thấy. Bất kể họ đang quan sát nam với nam, nữ với nữ, anh chàng trên bãi biển, cô nàng tập thể dục, hay tinh tinh lùn trong vườn thú, thì máu ở cơ quan sinh dục vẫn bơm. Như Daniel Bergner chỉ ra trong một nghiên cứu đăng trên tờ *The New York Times*,* "Đối với phụ nữ… đầu óc và cơ quan sinh dục dường như không thuộc về cùng một người." Khi xem cả cặp đôi nữ và cặp đôi nam đồng tính, dòng máu âm hộ của phụ nữ dị tính cho thấy nhiều kích thích hơn những gì họ thú nhận trên bàn phím. Khi xem các đôi dị tính lãng mạn kiểu ngày xưa, mọi thứ nảy hết cả lên và họ cho biết có nhiều kích thích hơn so với cơ thể họ chỉ ra. Cả người nữ dị tính và đồng tính đều tuyên bố gần như không có phản ứng gì đối với hành động của tinh tinh lùn với nhau, mặc dù một lần nữa, cơ thể của họ cho thấy họ vẫn thích điều đó.

Sự thiếu ăn khớp giữa những gì phụ nữ trải nghiệm ở cấp độ thể chất và những gì họ báo cáo ở cấp độ ý thức chính là những gì lý thuyết mềm dẻo tình dục chênh lệch dự báo. Cũng có thể cái giá cho sự linh hoạt lớn hơn về mặt tình dục của phụ nữ là khó biết hơn và, phụ thuộc vào những hạn chế văn hóa có thể gặp phải, chấp nhận những gì họ đang cảm nhận. Cần phải nhớ điều này khi xem xét đến việc tại sao lại có nhiều phụ nữ cho biết ít quan tâm đến tình dục hoặc khó đạt cực khoái*.

Nếu bạn vẫn chưa thấy bối rối, hãy nghĩ đến cuộc nghiên cứu mà qua đó nhà tâm thần học Andrey Anokhin và đồng nghiệp phát

hiện rằng hình ảnh tình dục khơi dậy trong não phụ nữ những phản ứng nhanh hơn và mạnh hơn so với những hình ảnh vui vẻ hoặc đáng sợ. Họ cho 264 phụ nữ xem một bộ sưu tập những hình ảnh nằm ngẫu nhiên, từ những con chó đang gầm gừ, người lướt ván, đến các cặp đôi bán khỏa thân đầy nóng bỏng. Não những người phụ nữ này phản ứng với các hình ảnh tình dục nhanh hơn khoảng 20% so với những hình ảnh khác. Với nam giới, phản ứng háo hức này đúng như dự kiến, nhưng kết quả ở những phụ nữ được cho là kém tinh và kém dâm đãng khiến cho các nhà nghiên cứu phải ngạc nhiên.

Óc tình dục ở phụ nữ đầy những bất ngờ. Các nhà nghiên cứu Hà Lan sử dụng kỹ thuật chụp X quang phát *positron* (PET) *(positron emission tomography)* để quét não 13 phụ nữ và 11 nam giới trong cơn quằn quại cực khoái. Trong khi sự ngắn ngủi của cơn cực khoái nam khiến họ khó có được những chỉ số đáng tin cậy thì sự tích cực cao độ mà họ thấy ở vỏ não thể giác thứ cấp (liên quan đến cảm giác của bộ phận sinh dục) lại là điều họ dự tính. Nhưng não của những người phụ nữ lại khiến các nhà nghiên cứu bối rối. Có vẻ như não phụ nữ rơi vào trạng thái chờ khi lên đỉnh. Có gì tăng nhẹ trong hoạt động não của phụ nữ thể hiện ra trong vỏ não thể giác sơ cấp, vốn có chức năng ghi nhận sự hiện diện của cảm giác, nhưng không mấy hào hứng.

"Ở phụ nữ, cảm giác chính là ở đó", một nhà nghiên cứu trong nhóm cho biết, "nhưng không phải là điểm nhấn khiến điều này được coi là chuyện lớn. Đối với nam giới, bản thân sự đụng chạm là quan trọng nhất. Đối với phụ nữ, điều này không mấy quan trọng."*

Mỗi phụ nữ đều biết chu kỳ kinh nguyệt của mình có thể ảnh

hưởng sâu sắc đến độ hứng tình của mình. Các nhà nghiên cứu Tây Ban Nha là Tarin và Gomez-Piquer khẳng định rằng phụ nữ có cảm giác mạnh hơn về hấp dẫn và khao khát quanh thời điểm rụng trứng, trong khi những người khác cho rằng phụ nữ thấy gương mặt nam tính theo kiểu cổ điển hấp dẫn hơn quanh thời điểm rụng trứng, chọn những anh chàng trông kém sáng sủa hơn khi không có khả năng thụ thai. Vì thuốc tránh thai tác động đến kỳ kinh, nên chẳng có gì đáng ngạc nhiên khi nó cũng có khả năng tác động đến hình mẫu hấp dẫn của phụ nữ. Nhà nghiên cứu người Scotland là Tony Little nhận thấy đánh giá của phụ nữ đối với đàn ông làm người chồng tiềm năng thay đổi khi họ uống thuốc. Little nghĩ rằng phát hiện của mình có thể mang lại hệ quả xã hội rất lớn: "Phụ nữ chọn bạn tình khi đang trong giai đoạn uống thuốc tránh thai và khi ngừng thuốc để có con, những sở thích do hormone thúc đẩy của cô ấy thay đổi và có thể cô ấy sẽ thấy mình lấy phải nhầm người."

Lo lắng của Little không phải là không có cơ sở. Năm 1995, nhà nghiên cứu sinh học Thụy Sĩ Clause Wedekind công bố kết quả của thứ bây giờ được biết đến với tên gọi "Thí nghiệm áo thun đẫm mồ hôi". Ông yêu cầu phụ nữ ngửi những chiếc áo thun mà đàn ông đã mặc vài ngày, không dùng nước hoa, xà phòng, hay tắm rửa. Wedekind nhận thấy, và các nghiên cứu sau đó xác nhận, rằng hầu hết phụ nữ đều bị hấp dẫn bởi mùi của những người đàn ông có tổ hợp tương hợp trong các mô chính (MHC: majorhisto-compatibility complex) khác với mình.* Sở thích này có ý nghĩa về mặt di truyền học ở chỗ MHC chỉ ra phạm vi miễn dịch đối với các loại mầm bệnh. Con cái của những cặp cha mẹ có hệ miễn dịch khác nhau có khả năng được hưởng lợi từ một phản ứng miễn dịch rộng lớn hơn, mạnh khỏe hơn.

Vấn đề là dường như phụ nữ uống thuốc tránh thai không cho thấy phản ứng tương tự đối với các tín hiệu mùi hương nam giới này. Những phụ nữ sử dụng thuốc tránh thai chọn áo thun của nam giới một cách ngẫu nhiên, hoặc thậm chí tệ hơn, thể hiện sở thích đối với những người có hệ miễn dịch tương tự như mình.

Hãy xem xét những hệ quả này. Nhiều cặp đôi gặp nhau khi người phụ nữ đang uống thuốc tránh thai. Họ dạo chơi một lúc, thích nhau, rồi quyết định ở cùng nhau và xây dựng gia đình. Nàng ngừng uống thuốc, có thai và sinh con. Nhưng có điều gì đó dường như không còn đúng nữa. Có gì đó ở chàng khiến nàng thấy khó chịu - điều mà nàng chưa từng nhận thấy trước đây. Có thể nàng thấy chàng không hấp dẫn về mặt tình dục, và khoảng cách giữa họ tăng lên. Nhưng ham muốn của nàng thì vẫn ổn. Nàng đỏ mặt mỗi khi đến đủ gần để ngửi thấy mùi thầy giáo dạy tennis của mình. Cơ thể của nàng không còn im lặng bởi những tác động của thuốc tránh thai nữa, giờ đây cơ thể đang nói với nàng rằng chồng nàng không hợp với nàng về mặt di truyền. Nhưng đã quá muộn. Họ đổ lỗi cho áp lực công việc, sự căng thẳng của việc làm cha mẹ, đổ lỗi cho nhau…

Đâu là nguy cơ tiềm ẩn đối với sức khỏe của con họ bởi cặp đôi này vô tình để lỡ một bài kiểm tra quan trọng về tương thích sinh học? Bao nhiêu cặp đôi tự trách mình một cách không cần thiết vì đã "thất bại" theo một nghĩa nào đó? Bao nhiêu gia đình tan vỡ bởi chuỗi sự kiện phổ biến, bi kịch và không được phát hiện này?*

* * *

Nhà tâm thần học Richard Lippa đã phối hợp cùng BBC khảo sát trên 200.000 người đủ mọi lứa tuổi trên khắp thế giới quan tâm đến sức mạnh của động lực tình dục và ảnh hưởng của nó đối với ham muốn của họ ra sao.* Ông cũng tìm thấy sự đảo ngược tương tự ở hoạt động tính dục nam và nữ: đối với đàn ông, cả đồng tính lẫn dị tính, động lực tình dục cao hơn sẽ làm tăng nét đặc trưng của ham muốn tình dục trong họ. Nói cách khác, một anh chàng dị tính có động lực tình dục cao sẽ có xu hướng chỉ tập trung vào phụ nữ, trong khi động lực tình dục cao ở một anh chàng đồng tính sẽ khiến anh ta chú ý nhiều hơn vào đàn ông. Nhưng với phụ nữ - ít nhất là phụ nữ dị tính - thì ngược lại: động lực tình dục càng cao thì càng có nhiều khả năng cô ấy chú ý tới cả đàn ông lẫn phụ nữ. Phụ nữ đồng tính lại khá tương đồng với nam giới: động lực tình dục cao đồng nghĩa với việc tập trung vào riêng phụ nữ mà thôi. Có lẽ điều này giải thích tại sao số phụ nữ tự coi mình là lưỡng tính cao gần gấp đôi nam giới, trong khi số nam giới tự coi mình là đồng tính chỉ bằng một nửa.

Những ai cho rằng điều này có nghĩa là nam giới có nhiều khả năng kiềm chế một số tính cách lưỡng tính phổ biến của con người, thì hãy nghĩ đến các bản quét chụp ảnh cộng hưởng từ chức năng (IMRI) của nhà nghiên cứu tình dục học Michael Bailey đối với não đàn ông dị tính và đồng tính khi xem ảnh khiêu dâm. Họ phản ứng theo xu hướng của nam giới: đơn giản và thẳng thắn. Các anh chàng đồng tính thích những bức ảnh đàn ông với đàn ông, trong khi các anh chàng dị tính quan tâm đến những bức ảnh phụ nữ. Bailey tìm kiếm sự kích hoạt của các khu vực não liên quan đến việc kiềm chế để xem liệu các đối tượng của mình có đang phủ nhận một khuynh hướng lưỡng tính hay không. Không hề. Cả đàn ông

đồng tính lẫn dị tính đều không ai thể hiện sự kích hoạt khác thường đối với các khu vực này khi xem ảnh. Các thử nghiệm khác sử dụng hình ảnh tiềm thức đều mang lại kết quả tương tự: tất cả mọi đàn ông đồng tính, đàn ông dị tính, phụ nữ đồng tính đều phản ứng như dự tính đối với định hướng tình dục của mình; phụ nữ dị tính trên phương diện lý thuyết ("tôi chứa đựng số đông") phản ứng với hầu hết mọi thứ. Đây là cách chúng ta kết nối với nhau, chứ không hề là kết quả của sự kiềm chế hay phủ nhận.

Tất nhiên, không khó để tìm ra những dấu hiệu kiềm chế trong các cuộc nghiên cứu về tình dục. Rất nhiều là đằng khác. Chẳng hạn, một trong những bí ẩn lâu đời nhất của hoạt động tính dục loài người là đàn ông dị tính có xu hướng có nhiều quan hệ tình dục và bạn tình hơn phụ nữ dị tính - một điều bất khả về mặt toán học. Các nhà tâm thần học Terry Fisher và Michele Alexander quyết định xem xét kỹ hơn về tuyên bố của mọi người liên quan đến độ tuổi trải nghiệm tình dục lần đầu, số bạn tình, tần suất sinh hoạt tình dục. Fisher và Alexander sắp đặt ba trường hợp kiểm tra khác nhau:

Trường hợp đối tượng được dẫn dắt để tin rằng các nhà nghiên cứu đang chờ ngay bên ngoài căn phòng đã nhìn thấy câu trả lời của mình;

Trường hợp đối tượng có thể trả lời các câu hỏi một cách riêng tư và ẩn danh;

Trường hợp đối tượng được gắn điện cực lên bàn tay, cánh tay và cổ - tự nghĩ rằng bản thân (giả) được gắn với thiết bị phát hiện nói dối.

Những người phụ nữ nghĩ rằng câu trả lời của mình có thể được

nhìn thấy cho biết trung bình có 2,6 bạn tình (mọi đối tượng đều là sinh viên dưới 25 tuổi). Những người nghĩ rằng câu trả lời của mình được ẩn danh cho biết có 3,4 bạn tình, trong khi những người nghĩ rằng nếu nói dối sẽ bị phát hiện cho biết bình quân có 4,4 bạn tình. Như vậy, trong khi phụ nữ thừa nhận có thêm 70% bạn tình khi họ nghĩ rằng không thể nói dối thì câu trả lời của nam giới gần như không có khác biệt nào. Các nhà nghiên cứu tình dục, vật lý học, tâm lý học (và bố mẹ) cần phải nhớ rằng câu trả lời của phụ nữ đối với những câu hỏi như vậy có thể phụ thuộc vào câu hỏi đó được đặt ra khi nào, ở đâu, như thế nào và ai đang hỏi.

Nếu đúng là hoạt động tính dục của phụ nữ phụ thuộc nhiều hơn vào bối cảnh so với nam giới, thì chúng ta cần phải xem xét lại những gì chúng ta nghĩ là mình biết về hoạt động tính dục của phụ nữ. Bên cạnh những méo mó do định kiến về tuổi tác mà chúng ta thảo luận trên đây (những người 20 tuổi có đại diện được không?), phản ứng của những phụ nữ trả lời câu hỏi trong một lớp học hoặc bối cảnh phòng thí nghiệm lạnh lẽo hữu ích như thế nào? Hiểu biết của chúng ta về tính dục nữ sẽ khác ra sao nếu George Clooney đi phát bản câu hỏi bên ánh nến và thu lại chúng sau một ly rượu vang trong bể sục Jacuzzi?

Nhà tình dục học Lisa Diamond đã dành hơn một thập kỷ nghiên cứu những biến động của ham muốn ở phụ nữ. Trong cuốn *Sexual Fluidity (*tạm dịch*: Sự bất thường của tính dục)*, bà cho biết nhiều phụ nữ tự thấy bị hấp dẫn bởi những người cụ thể chứ không phải là với giới tính của họ. Theo quan điểm của Diamond, phụ nữ hưởng ứng sự thân mật về mặt cảm xúc mạnh mẽ đến mức định hướng giới tính bẩm sinh có thể dễ dàng bị lấn át. Chivers đồng ý: "Về mặt thể chất, dường như phụ nữ không phân biệt giới tính

trong phản ứng tình dục của mình, ít nhất là ở phụ nữ dị tính."

Rõ ràng, nhiều phụ nữ thấy Mona Lisa mỉm cười lại với mình trong gương.

Đâu là tác động thực tế của sự khác biệt quan trọng này trong độ mềm dẻo tình dục? Ban đầu, chúng tôi mong muốn tìm thấy hành vi lưỡng tính tình huống tạm thời ở phụ nữ nhiều hơn ở nam giới. Nhiều nghiên cứu đa dạng về các cặp đôi khác giới tham gia vào tình dục tập thể hoặc "đổi vợ/chồng" đồng ý rằng phụ nữ làm tình với phụ nữ trong những tình huống này phổ biến hơn nhiều so với nam giới với nam giới. Bên cạnh đó, mặc dù chúng tôi là những người cuối cùng cho rằng văn hóa bình dân là chỉ số đáng tin cậy của hoạt động tính dục bẩm sinh loài người, không phải ngẫu nhiên khi nữ hôn nữ đã nhanh chóng được chấp nhận là hành vi chính thống trong khi mô tả nam giới hôn nhau trên ti vi hoặc phim ảnh lại là điều bất bình thường và gây tranh cãi. Có lẽ hầu hết phụ nữ khi thức dậy vào buổi sáng sau trải nghiệm tình dục đồng giới đầu tiên của mình đều quan tâm đến việc tìm cà phê hơn là hốt hoảng đánh giá về nhân dạng tình dục của mình. Đối với hầu hết phụ nữ, dường như bản chất tình dục bao gồm cả quyền tự do thay đổi khi cuộc sống thay đổi quanh họ.

Dù sao đi nữa, trong sự phức tạp của Mona Lisa có một sự đơn giản mang tính giải phóng mà có vẻ như Freud đã bỏ qua. Câu trả lời dành cho Freud không thể đơn giản hơn, đó là: chứa đựng đám đông. Phụ nữ muốn gì? Còn tùy.

21

LỜI THAN VÃN CỦA KẺ BIẾN THÁI

"Lệch lạc tình dục không hiện diện phổ biến trong xã hội loài người, phạm vi tác động của chúng có thể giảm mạnh nếu như lòng vị tha và giáo dục trong các vấn đề tình dục phổ biến hơn. Đây là lĩnh vực quan trọng nhất nhưng cũng nhạy cảm nhất về mặt xã hội trong nghiên cứu tình dục."

• ALAN DIXSON

Nếu như nhiều phụ nữ được giải phóng nhờ khả năng linh hoạt tình dục của mình, thì đàn ông lại thấy bị mắc bẫy bởi sự cứng nhắc trong phản ứng tình dục của mình như lũ cừu và dê đực như đã nói. Một khi đã xác định, tình dục nam giới có xu hướng giữ lại đường nét của nó trong suốt cuộc đời, giống như bê tông đã định hình. Do vậy, thuyết mềm dẻo tình dục tiên đoán rằng lệch lạc tình dục (ham muốn và hành vi tình dục bất thường) ở đàn ông phải phổ biến hơn nhiều so với phụ nữ, vì phụ nữ có lẽ dễ phản ứng với áp lực xã hội hơn và thấy dễ dàng từ bỏ những cơn hứng tình trước đó hoặc phớt lờ những thôi thúc không chính đáng. Gần như nguồn bằng chứng nào cũng đều ủng hộ cho tiên đoán này. Đa số các nhà

nghiên cứu và nhà trị liệu đều đồng ý rằng những khao khát tình dục bất thường gần như chỉ thấy ở nam giới, có vẻ liên quan đến những dấu ấn lên tâm trí từ ấu thơ, và khó hoặc không thể thay thế tổn thương ấy một khi lớp sáp mềm của thời niên thiếu đã cứng lại.

Phương pháp điều trị thuần tâm lý đối với lệch lạc tình dục và ấu dâm không mấy hiệu quả. Những phương pháp chữa trị hiệu quả nhất cho bệnh ấu dâm có xu hướng dựa trên cách tiếp cận sinh học (liệu pháp hormone, cắt giảm bằng hóa học). Khi đã qua tuổi dễ uốn nắn, có vẻ như nam giới sẽ bị mắc kẹt với bất cứ dấu ấn nào mà họ phải nhận, dù là *latex* hay *leather**, S hay M*, dê hay cừu non*. Nếu ảnh hưởng trong suốt thời kỳ "cửa sổ phát triển" này méo mó và tiêu cực, một cậu bé có thể lớn lên thành một người đàn ông với khao khát bất di bất dịch là được tái hiện chính những mẫu hình đó với người khác. Hiện tượng ấu dâm mang tính nghi lễ phổ biến ở nhà thờ Thiên Chúa giáo có lẽ là một ví dụ hoàn hảo về quá trình này (cũng như nỗ lực suốt nhiều thập kỷ của nhà thờ nhằm phớt lờ vấn đề này). Hãy nhớ lại trích dẫn nổi tiếng của Schopenhauer, *Mensch kann tun was er will; er kann aber nicht wollen was er will (Người ta có thể chọn làm cái gì, nhưng không thể chọn muốn cái gì)*. Khao khát, đặc biệt là khao khát của đàn ông, khét tiếng là trơ lỳ trước mệnh lệnh tôn giáo, sự trừng phạt của pháp lý, áp lực của gia đình, bản năng tự bảo toàn, hoặc cảm giác thông thường. Tuy nhiên nó lại phản ứng với một thứ: *testosterone*.

Một người đàn ông (ẩn danh) bị rối loạn hormone, gần như không còn chút *testosterone* nào trong bốn tháng đã thảo luận về trải nghiệm của mình trong một cuộc phỏng vấn trên đài phát thanh. Khi không có *testosterone*, anh nói: "Mọi thứ mà tôi cho đó

là mình đều không còn nữa. Không tham vọng, không quan tâm đến mọi điều, không hài hước, không uốn giọng… Sự phục hồi *testosterone* đã trả lại mọi thứ." Lúc được hỏi anh có bị đảo lộn khi không có *testosterone* hay không, anh đáp: "Có những điều tôi cảm thấy khó chịu về tính cách của mình đã được cắt bỏ. Và thật là dễ chịu khi không có chúng… Tôi giao tiếp với mọi người bằng vẻ khiêm nhường chưa từng thể hiện trước đó." Nhưng trên hết, anh thấy vui khi có lại nó bởi "Khi bạn không có *testosterone*, bạn không còn chút ham muốn nào."

Griffin Hansbury, sinh ra là nữ nhưng đã trải qua một cuộc phẫu thuật thay đổi giới tính sau khi tốt nghiệp phổ thông, có cái nhìn đầy đủ hơn về sức mạnh của *testosterone*. "Thế giới cứ thế thay đổi", anh nói. "Cảm giác lớn nhất là gia tăng ham muốn kinh khủng và thay đổi trong cách tôi nhìn nhận phụ nữ." Trước khi điều trị hormone, anh nói, một phụ nữ hấp dẫn trên phố sẽ chỉ khơi dậy cảm giác: "Cô ấy thật hấp dẫn. Tôi muốn được gặp cô ấy." Nhưng sau mấy mũi tiêm thì khác hẳn. Bất cứ điểm hấp dẫn nào ở một người phụ nữ, "mắt cá chân hấp dẫn hoặc đại loại thế" đều quá đủ để "tâm trí tôi tràn ngập những hình ảnh khiêu dâm đầy kích động, hết cái này sang cái khác… Mọi thứ tôi nhìn vào, mọi thứ tôi sờ vào đều biến thành tình dục". Griffin kết luận: "Tôi có cảm giác thời đó giống như quái vật vậy. Nó giúp tôi hiểu được đàn ông. Nó giúp tôi hiểu được rất nhiều về đám con trai mới lớn."*

Không cần phải phẫu thuật chuyển giới cũng có thể hiểu được rằng nhiều cậu bé mới lớn điên cuồng tập trung vào tình dục. Nếu bạn từng thử dạy một lớp học có nhiều con trai, hoặc cố gắng nuôi nấng một đứa, hoặc nhớ lại những ham muốn xáo trộn của mình - bạn sẽ biết rằng cụm từ *đầu độc testosterone* không phải lúc nào

cũng được sử dụng một cách mỉa mai. Đối với hầu hết các cậu bé mới lớn, cuộc sống thường có vẻ (và thực tế là) bạo lực, cuồng nhiệt và vô độ.

Vô số nghiên cứu xác nhận rằng *testosterone* và các hormone liên quan đến tình dục nam lên cao nhất từ độ tuổi dậy thì đến giữa tuổi 20 của đàn ông. Ở đây chúng ta có một mâu thuẫn lớn nữa giữa những gì xã hội sai khiến và sinh học đòi hỏi. Với mỗi giọng nói trong cơ thể của từng chàng trai trẻ kêu gào LÀM TÌNH NGAY, nhiều cộng đồng tuyên bố rằng anh ta phớt lờ những thôi thúc liên miên của cơ thể và chuyển năng lượng đó vào các mục tiêu theo đuổi khác từ thể thao đến quân sự.

Cũng như các nỗ lực khác nhằm ngăn chặn những du nhập không thể bỏ qua của sinh học, đây là một thảm họa kéo dài suốt nhiều thế kỷ nay. Nồng độ *testosterone* liên quan đến khả năng gặp rắc rối của một chàng trai (hoặc cô gái) trẻ.* Ở Mỹ, nam thanh niên có nhiều khả năng tự sát cao gấp năm lần so với nữ. Một cuộc nghiên cứu của chính phủ cho thấy thanh niên đồng tính có nhiều khả năng tìm cách tự sát cao gấp đôi hoặc gấp ba lần so với những người đồng trang lứa dị tính.* Trong số những người Mỹ từ tuổi 15 đến 25, tự sát là nguyên nhân tử vong cao thứ ba, và các cậu bé tuổi thiếu niên tự sát với tỉ lệ cao gấp đôi so với bất cứ nhóm nhân khẩu học nào khác.

Các trang web và những bài trình chiếu mang mục đích tốt đẹp hiếm khi, nếu có, đề cập đến thất vọng tình dục không rõ nhân dạng, đau lòng như một nguyên nhân khả dĩ gây nên một số hành vi hủy hoại ở thanh niên. Bất chấp sự hiện diện khắp nơi ở các bảng tin và bến xe buýt của hình ảnh những người mẫu thời trang bán khỏa thân vừa đến tuổi dậy thì, phần lớn xã hội Mỹ vẫn kiên

quyết phản đối bất cứ đề xuất nào cho rằng hoạt động tình dục được tiến hành trước khi pháp luật cho phép.*

Năm 2003, Genarlow Wilson, chàng sinh viên danh dự được bình chọn là nam vương tại địa phương, khi đó mới 17 tuổi, bị bắt quả tang khi đang cùng bạn gái dùng miệng quan hệ tình dục với nhau khi cô này chưa đến 16 tuổi. Anh bị buộc tội lạm dụng tình dục trẻ em nghiêm trọng, kết án tối thiểu 10 năm tù tại bang Georgia và buộc phải ký nhận là tội phạm tình dục trọn đời. Nếu Wilson và bạn gái chỉ hưởng thụ tình dục kiểu thông thường, "tội ác" của họ sẽ bị coi là tội nhẹ, cùng lắm là bị xử một năm tù giam và không phải mang tội danh tội phạm tình dục.*

Năm trước đó, một người là Todd Senters quay video lại cuộc làm tình đồng thuận* của mình với bạn gái đã trên mức tuổi cho phép. Không vấn đề gì, đúng không? Sai bét. Theo luật lệ bang Nebraska, mặc dù bản thân việc quan hệ tình dục ở đây hoàn toàn hợp pháp, nhưng quay phim lại cấu thành tội "sản xuất ấn phẩm khiêu dâm trẻ em". Tuổi 17 được pháp luật cho phép quan hệ tình dục, nhưng hình ảnh của cô bé trong việc này lại bất hợp pháp. Hãy nghĩ xem!

Thanh niên khắp đất nước này đang gặp rắc rối nghiêm trọng vì *sexting** cho nhau: tự chụp ảnh khêu gợi của bản thân bằng điện thoại di động rồi gửi cho bạn xem. Hóa ra là ở nhiều bang, các em có thể phải ngồi tù (nơi tràn lan lạm dụng tình dục) vì chụp ảnh cơ thể của mình (sản xuất ấn phẩm khiêu dâm trẻ em) và chia sẻ những bức ảnh này (phát tán ấn phẩm khiêu dâm trẻ em). Các em bị buộc phải ký nhận mình là tội phạm tình dục mặc dù thật ra chính các em mới là nạn nhân.*

NÓI GÌ NÀO?

Một cuộc khảo sát năm 2005 đối với 12.000 thanh thiếu niên cho thấy những người cam kết giữ gìn đến khi kết hôn lại có nhiều khả năng quan hệ tình dục bằng đường miệng và hậu môn hơn, sử dụng bao cao su ít hơn và khả năng mắc bệnh lây nhiễm tình dục ngang bằng với bạn bè cùng trang lứa sống không giữ gìn. Các tác giả của nghiên cứu này thấy rằng 88% những người cam kết giữ gìn đã không giữ đúng cam kết.*

Nếu mối quan hệ méo mó của chúng ta với hoạt động tính dục loài người là cội nguồn của phần lớn những thất vọng, nhầm lẫn và ngu dốt này, các xã hội có ít quan điểm mâu thuẫn hơn cần phải xác nhận mối liên hệ nhân quả này. Nhà tâm lý học thần kinh phát triển James Prescott thấy rằng dường như niềm vui thể xác và bạo lực có mối quan hệ phủ nhận lẫn nhau - sự hiện diện của cái này kìm chế sự phát triển của cái kia. Năm 1975, Prescott công bố một tài liệu trong đó ông lập luận rằng, "những trải nghiệm nhất định thuộc về giác quan trong các giai đoạn hình thành của sự phát triển sẽ tạo ra thiên hướng tâm lý học thần kinh cho các hành vi hoặc là tìm kiếm bạo lực, hoặc là tìm kiếm niềm vui về sau trong cuộc sống", ở mức độ phát triển cá nhân, phát hiện này có vẻ như rõ ràng: những người lớn lạm dụng trẻ em gần như chính họ luôn là nạn nhân của lạm dụng từ thời thơ ấu, và mỗi người chủ hung hăng đều biết rằng nếu muốn có một con chó dữ tợn thì hãy đánh chó con.

Prescott áp dụng logic này ở mức độ giao thoa văn hóa. Ông phân tích tổng hợp các dữ liệu đã được thu thập trước đó về lượng tình cảm thể chất đối với trẻ sơ sinh (số năm cho bú, phần trăm thời gian tiếp xúc cơ thể trực tiếp với mẹ, được vuốt ve và chơi đùa

với người lớn khác) và sức chịu đựng chung đối với hành vi tình dục thanh niên. Sau khi so sánh các dữ liệu này với mức độ bạo lực trong từng và giữa các cộng đồng với nhau, Prescott kết luận rằng trong tất cả trừ một nền văn hóa có các dữ liệu này (48 trên 49), "tước đoạt niềm vui cơ thể trong suốt cuộc đời - nhưng đặc biệt là trong các giai đoạn kiến tạo sơ sinh, thơ ấu và thanh niên - có liên hệ rất mật thiết với lượng chiến tranh và bạo lực giữa các cá nhân với nhau". Các nền văn hóa không can thiệp vào mối quan hệ thể chất giữa mẹ và con hoặc ngăn cấm thể hiện hoạt động tình dục thanh niên cho thấy mức độ bạo lực thấp hơn nhiều - cả giữa các cá nhân cũng như giữa các cộng đồng với nhau.*

Trong khi xã hội Mỹ tự vặn mình vào những tư thế mà không một bậc thầy yoga nào làm được (Britney Spears vừa là một trinh nữ đáng tự hào vừa mặc bikini múa cột trên TV?), các xã hội khác lại nghi lễ hóa và tìm cách tổ chức thiết kế hoạt động tình dục của vị thành niên. Thanh niên Mangaia* được khuyến khích quan hệ tình dục với nhau, đặc biệt nhấn mạnh việc các chàng trai trẻ học cách tự kiểm soát bản thân và tự hào với lạc thú mà họ có thể mang lại cho phụ nữ. Người Muria ở miền trung Ấn Độ sắp xếp phòng ngủ tập thể cho thanh niên (gọi là *ghotul*) để thanh niên được tự do ngủ với nhau, cách xa các bậc phụ huynh hay lo lắng. Trong ghotul, các bạn trẻ được khuyến khích thử nghiệm với các bạn tình khác nhau, vì người ta cho rằng sẽ là không khôn ngoan khi quá gắn bó với một bạn tình duy nhất ở giai đoạn này của cuộc đời.*

Nếu chấp nhận rằng giống loài của chúng ta đang và luôn luôn được tối ưu hóa cho một cuộc sống tình dục cao và các chàng trai trẻ được đặc biệt bồi dưỡng để hành động, tại sao chúng ta lại ngạc nhiên với những đợt bùng nổ của nỗi thất vọng mang tính hủy diệt

gây ra do ngăn cản động lực nguyên thủy này?

HƯỚNG DẪN CỦA KELLOGG ĐỐI VỚI VIỆC LẠM DỤNG TRẺ EM

Năm 1879, Mark Twain có bài phát biểu, trong đó ông quan sát thấy rằng: "Trong tất cả các hình thức giao phối, (thủ dâm) có ít điều nhất để được đưa vào. Là trò tiêu khiển", ông nói, "nó lướt qua quá nhanh; chỉ là một hành động quá mòn mỏi; đây là một thứ phô bày vô giá trị."* Vui tính đấy, Mark Twain. Nhưng có cả sự nghiêm túc trong vẻ hài hước của ông, cũng như lòng can đảm. Như Twain nói, phần lớn văn hóa phương Tây đang tiến hành một cuộc chiến tranh kỳ lạ, kéo dài nhiều thế kỷ chống lại bất cứ gợi ý nào đối với tình dục trẻ em, kể cả thủ dâm.

Chiến dịch tàn nhẫn chống lại thủ dâm chỉ là một khía cạnh của cuộc đấu tranh lâu dài ở phương Tây chống lại những khao khát "tội lỗi" trong tình dục loài người. Chúng ta đã thảo luận cái gọi là *phù thủy* bị thiêu sống vì dám xác nhận hoặc thậm chí đề xuất sự dâm dục của mình và các bác sĩ như Isaac Baker Brown đã biện minh kiểu phẫu thuật man rợ, nguy hiểm là cách chữa trị chứng nghiện tình dục mới hình thành. Đây không phải là những trường hợp ngoại lệ, như Twain biết. Theo lời khuyên của những "chuyên gia" ưu tú như John Harvey Kellogg, nhiều phụ huynh thời Twain đã bắt con mình phải chịu lạm dụng dã man cả thể xác lẫn tinh thần để dập tắt bất cứ dấu hiệu nào của tình dục mới hình thành. Nhưng nó lại có lý khi những người bất trí thành thật tin rằng thủ dâm là "yếu tố hủy hoại xã hội văn minh", từ dùng trong *Tạp chí Y tế và Phẫu thuật New Orleans*.

Kellogg tự hào tuyên bố chưa bao giờ quan hệ tình dục với vợ

trong cuộc hôn nhân kéo dài hơn bốn thập kỷ. Nhưng ông có yêu cầu một người đàn ông đẹp trai hàng sáng thụt rửa hậu môn cho mình - cái thú mà lẽ ra không cần thiết với những bữa sáng nổi tiếng nhiều chất xơ của ông. Như John Money giải thích trong nghiên cứu về những chiến binh mượn danh khoa học để tiến hành thập tự chinh phản đối tình dục, *The Destroying Angel (*tạm dịch*: Thiên thần hủy diệt)*, có thể ngày nay Kellogg sẽ được chẩn đoán là mắc bệnh klismaphilia*. *Klismaphilia* là "sự bất thường trong chức năng tình dục và tình ái có nguồn gốc từ thời thơ ấu, trong đó việc thụt rửa hậu môn thường xuyên thay cho giao hợp tình dục. "Đối với người mắc *klismaphilia*", Money viết, "đưa dương vật vào âm hộ là một trải nghiệm nặng nhọc, nguy hiểm, và có thể là miễn cưỡng."

Là một bác sĩ y khoa, Kellogg tuyên bố thẩm quyền đạo đức để chỉ dẫn cho phụ huynh cách giáo dục tình dục thích hợp cho con mình. Nếu bạn không quen với cách viết của Kellogg và những người thời ông, thái độ khinh bỉ một cách hể hả đối với sự dâm dục cơ bản của loài người thật là khủng khiếp và hiển nhiên. Trong cuốn sách bán chạy nhất của mình *Plain Facts for Old and Young (*tạm dịch*: Những thực tế rõ ràng dành cho người già và người trẻ)* - viết vào dịp trăng mật không tình dục của ông năm 1888, Kellogg đưa ra hướng dẫn cho các bậc phụ huynh về cách đối phó với việc con trai họ tự khám phá ra tình dục tự nhiên trong một phần có tên gọi "Điều trị chứng tự lạm dụng và những ảnh hưởng của nó". "Một cách điều trị gần như lúc nào cũng hiệu quả với các cậu bé", ông viết, "là cắt bao quy đầu." Ông đặt điều kiện rằng: "Ca mổ phải được thực hiện bởi một bác sĩ phẫu thuật không sử dụng thuốc gây mê, bởi vì cơn đau ngắn xuất hiện trong ca mổ sẽ có tác dụng tốt cho đầu óc, đặc biệt là khi nó gắn liền với ý nghĩ trừng phạt. (nhấn

mạnh của chúng tôi).

Nếu không sử dụng thuốc gây mê để cắt bao quy đầu cho cậu con trai sợ hãi đang vật lộn của mình không phải là điều mà phụ huynh nghĩ trong đầu, Kellogg đề xuất, "sử dụng ít nhất một mũi khâu dùng chỉ bạc để không bị cương cứng. Bao quy đầu sẽ được kéo ra phía trước trùm lên đầu dương vật, và mũi kim có chỉ khâu được đưa từ bên này qua bên kia. Sau khi kéo sợi chỉ qua, các đầu của sợi chỉ sẽ được xoắn vào nhau rồi cắt sát. Giờ thì không thể cương cứng được nữa..." Người ta cam đoan với các bậc bố mẹ rằng đó "là biện pháp mạnh nhất để giải quyết thói quen (thủ dâm) này".

Cắt bao quy đầu vẫn còn phổ biến ở Mỹ, mặc dù khác nhau nhiều ở mỗi vùng, từ khoảng 40% trẻ sơ sinh được cắt bao quy đầu ở các bang phía Tây tới gấp đôi số đó ở vùng Đông Bắc.* Phương pháp phổ biến hiếm khi cần thiết về mặt y học này bắt nguồn từ những chiến dịch chống thủ dâm của Kellogg và những người đương thời có cùng suy nghĩ như ông. Như Money giải thích: "Cắt bao quy đầu cho trẻ dưới một tháng tuổi lan đến các phòng hộ sinh ở Mỹ từ những năm 1870 và 1880, không phải vì lý do tôn giáo, sức khỏe hay vệ sinh như thường thấy, mà vì lời tuyên bố rằng, về sau trong đời, nó sẽ ngăn được tình trạng kích thích khiến cậu bé trở nên nghiện thủ dâm."

Đừng nghĩ rằng Kellogg chỉ quan tâm đến việc tra tấn ác dâm các cậu bé, cũng trong cuốn sách đó, ông nghiêm túc khuyên sử dụng *acid carbolic* đối với âm vật bé gái để dạy các em không được sờ chính mình. Kellogg và những người đương thời có suy nghĩ giống ông giải thích rằng ức chế tình dục là một "chứng bệnh mà tự nó là phương thuốc", diễn giải sự phủ nhận của Karl Krauss đối với

phân tâm học.

Sự hài lòng một cách tự mãn của Kellogg trong việc hành hạ trẻ em thật đáng kinh ngạc và khó chịu, nhưng chính sách "không bỏ sót đứa trẻ nào" của ông không hề bất thường hay chỉ giới hạn ở lịch sử cổ đại. Các biện pháp chống thủ dâm nêu trên được công bố vào năm 1888, phải hơn 80 năm trôi qua thì Hiệp hội Y khoa Mỹ mới tuyên bố vào năm 1972 rằng "Thủ dâm là một phần bình thường của phát triển tình dục thanh thiếu niên và không cần can thiệp bằng y tế". Mặc dù vậy, cuộc chiến vẫn tiếp diễn. Tận năm 1994, bác sĩ nhi khoa Joycelyn Elders bị buộc phải rời bỏ vị trí bác sĩ phẫu thuật đa khoa của Mỹ chỉ vì khẳng định rằng thủ dâm "là một phần của tình dục loài người". Cuộc chiến về thủ dâm kéo dài nhiều thế kỷ đã gây ra những đau thương không thể tính toán được. Nhưng điều này thì chúng ta biết chắc: mọi đau thương, từng mảnh của nó, đều vô nghĩa. *Hoàn toàn vô nghĩa.*

John Harvey Kellogg, Anthony Comstock và Sylvester Graham (người phát minh ra bánh quy giòn Graham - giống như bỏng ngô, một loại thức ăn được thiết kế chuyên để ngăn chặn thủ dâm)* đều cực đoan trong các chiến dịch kinh khủng của mình nhằm chống lại thứ tình dục mà họ phản đối, nhưng thời đó họ vẫn không bị xem là quá mức lập dị. Hãy nhớ lại rằng có thể Darwin đã có rất ít hoặc không có chút trải nghiệm tình dục cá nhân nào trước khi lấy người bà con của mình trước sinh nhật tuổi 30 một tháng, và Sigmund Freud -người khổng lồ xuất chúng khác của lý thuyết tình dục thế kỷ 19 - chắc chắn là một trai tân 30 tuổi khi lập gia đình vào năm 1886. Chẳng trách mà Freud do dự trong vấn đề tình dục. Theo nhà viết tiểu sử Ernest Jones, bố của Freud dọa sẽ cắt chim Sigmund nếu cậu không dừng cái trò thủ dâm đầy ám ảnh của

mình.*

LỜI NGUYỀN CỦA CALVIN COOLIDGE

Lần trước tôi cố gắng làm tình với vợ mình nhưng không được. Vì vậy tôi bảo với cô ấy: "Chuyện gì thế, em cũng không thể tưởng tượng đến một ai khác hay sao?"

• RODNEY DANGERFIELD

Đàn ông không quan tâm trên tivi có gì. Họ chỉ quan tâm trên tivi còn gì khác nữa.

• JERRY SEINFELD

Có một câu chuyện về Tổng thống Calvin Coolidge* và trang trại gà mà các nhà tâm lý học tiến hóa đều thuộc lòng. Chuyện thế này: Những năm 1920, ngài Tổng thống và phu nhân ghé thăm một trang trại nuôi gà thương mại. Trong suốt chuyến đi, Đệ nhất Phu nhân hỏi người chủ trại xem ông ta làm thế nào mà sản xuất được bao nhiêu là trứng có thể nở được trong khi chỉ có vài con gà trống. Ông chủ trại tự hào giải thích rằng đám gà trống của ông vui vẻ thực hiện nghĩa vụ hàng chục lần mỗi ngày. "Có lẽ anh nên nói điều đó với Tổng thống", Đệ nhất Phu nhân trả lời. Nghe lỏm được câu này, Tổng thống Coolidge hỏi người chủ trại: "Phải chăng mỗi lần một con gà trống chỉ phục vụ một con gà mái thôi?" "Ô không", người chủ trại đáp, "nó luôn đổi từ con mái này sang con mái khác." "Tôi hiểu", Tổng thống nói. "Có lẽ anh nên chỉ cho bà Coolidge thấy điều đó."

Dù câu chuyện này có thật hay không thì mong muốn có nhiều bạn tình đã trở nên nổi tiếng với tên gọi "hiệu ứng Coolidge". Mặc dù ít ai nghi ngờ rằng con cái của một số loài linh trưởng (trong đó có cả chúng ta) cũng bị hấp dẫn bởi sự mới lạ trong tình dục, nhưng cơ chế cơ bản cho chúng lại có vẻ khác nhau. Vì vậy hiệu ứng Coolidge thường được dùng để nói về con đực của loài có vú, điều này đã được ghi nhận ở nhiều loài.*

Nhưng điều đó không có nghĩa là động lực tình dục duy nhất của phụ nữ là quan hệ, như người ta thường tranh luận. Các nhà tâm lý học Joey Sprague và David Quadagno đã khảo sát phụ nữ từ 22 đến 57 tuổi và thấy rằng trong số những người dưới 35 tuổi, 61% số phụ nữ nói rằng động lực tình dục chính của họ là cảm xúc chứ không phải là thể xác. Nhưng trong số những người trên 35 tuổi, chỉ có 38% tuyên bố động lực cảm xúc của họ mạnh hơn khao khát tiếp xúc cơ thể.* Nhìn bề ngoài, những kết quả như vậy cho thấy động lực của phụ nữ thay đổi theo độ tuổi. Hoặc người ta sẽ lập luận rằng hiệu ứng này có thể chỉ phản ánh việc phụ nữ trở nên ít hối hận hơn khi họ trưởng thành.

Những du khách đầu tiên đến Istanbul, Bali, Gambia, Thái Lan hoặc Jamaica có thể sẽ ngạc nhiên khi thấy hàng nghìn phụ nữ trung niên từ châu Âu và từ Mỹ lũ lượt kéo tới những nơi này để tìm kiếm thứ tình dục không-ràng-buộc. Ước tính mỗi năm có khoảng 80.000 phụ nữ bay tới Jamaica theo lối "Rent a Rasta".* (du lịch tình dục của nữ). Số nữ du khách Nhật đến hòn đảo nghỉ dưỡng Phuket của Thái Lan từ chưa đầy 4.000 năm 1990 nhảy vọt lên gấp mười lần chỉ sau bốn năm, nhiều hơn đáng kể số nam du khách Nhật. Những chiếc phản lực thuê riêng không chở gì khác ngoài phụ nữ Nhật hạ cánh xuống Bangkok hằng tuần, nếu không

phải là hằng ngày.

Trong cuốn sách *Romance on the Road (*tạm dịch*: Lãng mạn trên đường)*, Jeannette Belliveau liệt kê hàng chục điểm đến thường xuyên của những phụ nữ như vậy. Loại hành vi đó có vẻ thật khó tin và đáng xấu hổ với đại đa số phụ nữ trẻ người Mỹ khi điền vào bảng câu hỏi điều tra của các giáo sư tâm lý, chính là do thiếu tri thức về văn hóa và khoa học phổ thông về thực tế của tình dục ở phụ nữ.

Tất nhiên, đàn ông tìm kiếm đa dạng tình dục trên các bãi biển Thái Lan cũng nhiều, nhưng vì điều đó ủng hộ cho mô tả chuẩn mực nên có vẻ như không quan trọng lắm. Cho đến lúc không quan trọng thật.

> *Xét theo tính tình, vốn là quy luật thực tế của Chúa, nhiều đàn ông là dê cụ và không thể không làm chuyện tà dâm khi có cơ hội; trong khi có những anh chàng, theo tính tình, có thể giữ mình thanh khiết và để cho cơ hội trôi qua nếu người phụ nữ thiếu sức hấp dẫn.*
>
> **• MARK TWAIN, *Thư từ Trái Đất***

> *Cọp không phát điên; cọp là cọp! Anh có biết lúc nào thì nó điên thật sự không? Đó là khi nó đội mũ sắt thời Hitler và đạp xe một bánh đi lòng vòng!*
>
> **• CHRIS ROCK, *nói về một chú hổ rạp xiếc tấn công người dạy thú***

Chúng tôi biết một anh chàng - chúng tôi sẽ gọi anh ta là Phil -

có thể được xem là biểu tượng sống cho sự thành đạt của nam giới*. Mới ngoài 40, đẹp trai, anh đã kết hôn với Helen, một bác sĩ tuyệt đẹp, hoàn mỹ, đã gần 20 năm nay. Họ có ba cô con gái xinh đẹp, thông minh. Hồi cuối tuổi 20, Phil cùng một người bạn mở một doanh nghiệp phần mềm nhỏ và bây giờ, sau 15 năm, cả hai người đều có nhiều tiền hơn khả năng tiêu tiền của mình. Cho đến gần đây, Phil vẫn sống trong một ngôi nhà to đẹp nằm trên một ngọn đồi nhìn ra thung lũng tràn ngập cây xanh.

Nhưng cuộc đời của Phil, như lời anh nói, là "một thảm họa sắp sửa xảy ra".

Thảm họa xảy ra khi Helen phát hiện ra chuyện ngoại tình của chồng mình với Monica, một đồng nghiệp ở chỗ làm. Chẳng có gì đáng ngạc nhiên, cô cảm thấy bị phản bội ghê gớm và thể hiện cơn giận dữ của mình bằng cách khóa cửa và kệ anh ở bên ngoài, thậm chí không cho anh gặp con cho đến khi các luật sư hoàn tất nhiệm vụ buồn thảm của mình. Cuộc đời có vẻ như hoàn hảo của Phil sụp đổ hoàn toàn.

Diễn viên hài Chris Rock nói: "Về cơ bản, đàn ông chung thủy như các lựa chọn của anh ta vậy." Thành công về mặt nghề nghiệp, ngoại hình đẹp trai và tính cách quyến rũ của Phil đã tạo ra một dòng cơ hội liên tục. Có thể nhiều độc giả nam của chúng ta đang nghĩ: "Tất nhiên là anh ta đang ngủ với một - hoặc hai - phụ nữ khác! Thôi nào!" Nhưng nếu là phụ nữ, có thể bạn sẽ nghĩ: "Tất nhiên là vợ con anh ta đã nhốt con lợn bên ngoài!"

Có cách nào dung hòa hai quan điểm đối nghịch này đối với tình huống quá phổ biến nói trên hay không? Điều gì có thể thôi thúc cơ man nào là đàn ông rõ ràng là thông minh, ấm áp và thận trọng lại mạo hiểm nhiều thứ để đánh đổi lấy quá ít như vậy? Mọi thứ từ sự

kính trọng của bạn bè đến tình yêu của con cái đều có thể mất khi đi tìm kiếm những thứ vừa phù du lại vừa hoàn toàn vô nghĩa như một cơ hội tình dục ngẫu nhiên. Họ đang nghĩ gì vậy? Chúng tôi đã hỏi Phil.

"Ban đầu", anh nói, "Tình dục thật là tuyệt vời. Đã nhiều năm rồi tôi không cảm thấy mình nhiều sức sống đến thế. Tôi nghĩ mình đã yêu Monica. Khi ở bên cô ấy, cảm giác như mọi thứ đều mạnh hơn, anh biết đấy. Thức ăn ngon hơn, màu sắc phong phú hơn, tôi có nhiều năng lượng hơn hẳn. Tôi cảm thấy lúc nào cũng hưng phấn."

Khi chúng tôi hỏi quan hệ tình dục của anh với Monica có hơn với Helen hay không, anh ngừng một lúc lâu. "Thực ra thì", anh thừa nhận, "bây giờ nghĩ lại, quan hệ tình dục với Helen tuyệt hơn nhiều - là điều tuyệt vời mà tôi từng có, thật sự - hồi đầu, anh biết đấy, trong những năm đầu tiên. Ý tôi là với Helen, chưa bao giờ chỉ có mỗi tình dục cả. Cả hai chúng tôi đều biết là chúng tôi muốn sống cả đời bên nhau, vì vậy nên có sự sâu sắc và, một tình yêu cùng sự kết nối về mặt tinh thần mà tôi chưa có với bất cứ ai khác... Mặc dù bây giờ Helen bảo rằng cô ấy ghét tôi thì tôi vẫn thật sự tin rằng chúng tôi luôn có sự kết nối đó - kể cả cô ấy không chịu thừa nhận".

Vậy thì điều gì đã xảy ra? "Bao nhiêu năm tháng qua... anh biết nó thế nào mà... đam mê phai nhạt và quan hệ của chúng tôi thay đổi. Chúng tôi trở thành bạn bè... bạn thân, như là... anh em, gần như thế. Không phải là lỗi của cô ấy. Tôi biết tất cả là lỗi của tôi, nhưng tôi có thể làm gì được?" Mắt ngấn lệ, anh nói: "Cảm giác như đây là tình huống sống hoặc chết. Tôi muốn cảm thấy mình đang sống một lần nữa. Tôi biết điều đó nghe rất buồn cười, nhưng cảm

giác là như thế."

Phil đang ở độ tuổi quan trọng nhất của khủng hoảng trung niên mà nhiều nam giới ở giai đoạn này của cuộc đời mắc phải. Rất dễ để đưa ra lời giải thích, từ kinh tế học (cuối cùng thì anh ta cũng có đủ tiền bạc và địa vị để trở nên hấp dẫn với loại phụ nữ trẻ quyến rũ trước đó phớt lờ anh ta), tới nỗi sợ hãi hiện sinh (anh ta sẽ thỏa thuận với đạo đức của bản thân bằng cách chửi bới tượng trưng tuổi tác và cái chết đang lơ lửng trên đầu), cho tới vòng đời của vợ (cô ấy gần mãn kinh vì vậy về mặt sinh học anh ta bị thúc đẩy về phía khả năng sinh sản của các cô trẻ hơn). Mỗi điều kể trên có thể chứa đựng đôi chút sự thật, nhưng không điều nào trả lời được câu hỏi cấp thiết nhất: Tại sao nam giới lại thèm khát sự đa dạng ở bạn tình đến vậy - không phải chỉ ở tuổi trung niên, mà lúc nào cũng thế?

Nếu bóng ma của Calvin Coolidge không ám ảnh anh ta, một người đàn ông chỉ cần mua một vài đĩa DVD của nữ diễn viên khiêu dâm yêu thích và xem đi xem lại suốt cuộc đời mình. Biết trước bộ phim sẽ kết thúc như thế nào sẽ không phá hủy trải nghiệm này của anh ta. Không, điều khiến đàn ông liên tục tìm kiếm những phụ nữ khác nhau để làm cùng một việc là hiệu ứng Coolidge. Nếu chưa bao giờ truy cập vào một website khiêu dâm nào, bạn sẽ sửng sốt với sự đa dạng và cụ thể của những lời chào mời ở đó: mọi thứ từ "đồng tính nữ Nhật không cạo" đến "tóc đỏ xăm mình" đến "chị già béo ị". Đây là một sự thật đơn giản, không tránh được mà hầu như ai nấy đều biết là thật nhưng ít người dám thảo luận: đa dạng và thay đổi là những gia vị cần thiết cho đời sống tình dục của nam giới giống loài chúng ta.

Nhưng hiểu biết mang tính học thuật ở khía cạnh này đối với

thực tế nội tại của nhiều đàn ông không làm cho nhiều chị em dễ chấp nhận vấn đề lăng nhăng. Nhà văn kiêm đạo diễn phim Nora Ephron đã khai thác các vấn đề này trong nhiều bộ phim của bà, trong đó có *Heartburn*, bộ phim dựa trên chính cuộc hôn nhân thất bại của bà. Trong một cuộc phỏng vấn năm 2009, bà giải thích cách nuôi nấng hai cậu con trai đã cho thấy quan điểm của bà về đàn ông như thế nào: "Con trai rất tuyệt", bà nói. "Nhưng vấn đề với đàn ông không phải là họ có dễ thương hay không. Mà là họ rất khó đứng vững ở một thời điểm nhất định nào đó trong đời. Thế thôi. Gần như đấy không phải là lỗi của họ." Nhưng rồi bà nói thêm, "có cảm giác như đấy là lỗi của họ nếu bạn dính dáng đến một người nào đó trong bọn họ".*

MỘT VỢ MỘT CHỒNG + ĐƠN ĐIỆU = HÔN NHÂN NHÀM CHÁN

> *Đối với tôi, điều kiện tiên quyết cho một cuộc hôn nhân tốt đẹp là được phép thiếu chung thủy.*
>
> • **CARL JUNG, *trong một bức thư gửi Freud ngày 30/01/1910.***

Hãy nhớ những điều Phil nói về tình dục với vợ anh đã trở nên quá quen thuộc như thế nào, anh cảm thấy anh và Helen "gần như là anh em" ra sao. Lựa chọn dùng từ thật thú vị. Cách giải thích mạnh mẽ nhất cho sự phổ biến và cường độ của hiệu ứng Coolidge ở các loài có vú sống thành xã hội là động lực của nam giới đối với đa dạng tình dục là phương pháp chống loạn luân của tiến hóa. Giống loài chúng ta tiến hóa trên một hành tinh có dân cư thưa thớt -

chưa bao giờ quá vài triệu và có thể chưa đầy 100 nghìn người trên Trái đất trong phần lớn quá khứ tiến hóa của mình. Để tránh hiện tượng đình trệ di truyền lẽ ra đã kéo tổ tiên chúng ta vào tuyệt chủng từ lâu, đàn ông trở nên ham muốn mạnh mẽ đối với sự mới lạ trong tình dục và rất ghét cái gì quá thân thuộc. Trong khi cơ chế cây gậy và củ cà rốt này hoạt động rất tốt nhằm phát triển sự đa dạng di truyền trong môi trường tiền sử thì nó lại gây ra những vấn đề chưa từng được nhắc tới ngày nay. Khi một cặp vợ chồng chung sống với nhau nhiều năm, khi họ trở thành gia đình, cơ chế chống-loạn-luân cổ xưa này có thể chặn đứng ham muốn tình dục của nhiều đàn ông, dẫn tới hỗn loạn và cảm giác thương tổn khắp nơi*.

Trước đó, chúng ta đã thảo luận về mức độ *testosterone* ở nam giới giảm dần qua năm tháng như thế nào, nhưng không chỉ có thời gian khiến các mức độ này giảm xuống: có vẻ như bản thân chế độ một vợ một chồng cũng rút cạn *testosterone* của nam giới. Đàn ông đã kết hôn liên tục cho thấy mức hormone này thấp hơn so với đàn ông độc thân cùng độ tuổi. Bố của trẻ con, thậm chí còn thấp hơn nữa. Những anh chàng đặc biệt nhạy với trẻ sơ sinh cho thấy giảm 30% hoặc hơn ngay sau khi con họ ra đời. Tuy nhiên, đàn ông đã kết hôn mà lăng nhăng lại có mức *testosterone* cao hơn so với những anh chồng không có bồ*. Bên cạnh đó, hầu hết đàn ông có bồ đều nói với các nhà nghiên cứu rằng thực ra họ khá hạnh phúc với cuộc hôn nhân của mình, trong khi chỉ có một phần ba phụ nữ lăng nhăng cảm thấy như vậy*.

Tất nhiên, những độc giả tư duy sâu sắc sẽ chỉ ra rằng những mối tương quan này không ngụ ý quan hệ nhân quả: có thể đàn ông có mức *testosterone* cao hơn sẽ tìm bồ bịch nhiều hơn. Có thể vậy,

nhưng cũng có lý do để tin rằng chuyện bồ bịch có tác dụng bồi bổ cho sức khỏe hormone của nam giới.

Những năm 1960, nhà nhân học William Davenport sống giữa một nhóm dân cư đảo Melanesia coi tình dục là điều tự nhiên và đơn giản. Mọi phụ nữ đều tuyên bố là dễ đạt cực khoái, với vài lần lên đỉnh trong mỗi lần bạn tình đạt cực khoái. Tuy nhiên, Davenport cho biết: "Thừa nhận rằng sau vài năm lấy nhau, mối quan tâm của người chồng đối với vợ bắt đầu nhạt dần." Cho đến gần đây, khi những đòi hỏi quá đáng của luật lệ thực dân không cho tập quán này tồn tại nữa, người Melanesia lách vấn đề này bằng cách cho phép đàn ông lập gia đình được có người tình trẻ. Thay vì ghen tuông với những thê thiếp này, các bà vợ lại coi đó là biểu trưng cho địa vị, và Davenport tuyên bố rằng cả đàn ông và phụ nữ đều cho rằng mất đi tập quán nói trên là hậu quả tệ nhất của việc tiếp xúc với văn hóa châu Âu. "Ngày nay, đàn ông lớn tuổi thường nói rằng nếu không có phụ nữ trẻ kích thích cho họ và không có sự đa dạng một thời nhờ thay đổi thê thiếp, họ đã trở nên bất lực từ lâu trước thời của mình." Gần quê nhà hơn, Masters và Johnson báo cáo rằng "mất đi hứng thú tình dục do sự nhàm chán trong quan hệ tình dục có thể là nhân tố bất biến nhất trong việc đàn ông lớn tuổi không còn quan tâm thể hiện tình dục với bạn tình nữa". Họ nhận thấy rằng hiện tượng mất hứng thú này có thể thường xuyên đảo ngược nếu người đàn ông có nhân tình trẻ hơn - ngay cả khi cô tình nhân đó không hấp dẫn hay làm tình giỏi như vợ anh ta. Kinsey bày tỏ đồng tình, viết: "Dường như không có thắc mắc nào ngoài vấn đề nam giới loài người trở nên bừa bãi trong việc lựa chọn đối tác tình dục trong suốt cuộc đời nếu như không bị xã hội hạn chế."

Chúng tôi biết rằng hầu hết độc giả nữ đều không vui khi đọc được điều này, và nhiều người sẽ trở nên tức giận, nhưng đối với hầu hết nam giới, đời sống tình dục một vợ một chồng nhất định dẫn tới nhàm chán, tình trạng mà chúng ta có thể gọi là *Hôn nhân nhàm chán*. Quan trọng là phải hiểu rằng xu hướng này không liên quan gì đến sức hấp dẫn của người bạn tình lâu dài của đàn ông hay chiều sâu cũng như độ chân thành của tình yêu người đó dành cho cô ta. Trên thực tế, trích lời Symons: "Ham muốn tình dục của đàn ông đối với người phụ nữ anh ta không cưới chủ yếu là kết quả của việc cô ấy không phải là vợ anh ta." *Bản thân mới lạ chính là sự hấp dẫn*. Mặc dù họ không muốn thừa nhận điều này, bạn tình lâu dài của những ngôi sao Hollywood gợi cảm nhất là đối tượng của chính quá trình tâm lý tình dục này. Bực tức? Bất công? Điên tiết? Nhục nhã? Vâng, vâng, vâng, và vâng. Nhưng đó là sự thật.

Phải làm gì với điều này? Hầu hết các cặp đôi hiện đại đều không linh động trong việc chấp nhận đa dạng bạn tình như người Melanesia và nhiều cộng đồng mà chúng tôi khảo sát trong các chương trước. Sau khi xem xét văn học đại cương viết về hôn nhân phương Tây, đầu những năm 1970, nhà xã hội học Jessie Bernard lập luận rằng tăng cơ hội có bạn tình mới của nam giới là một trong những thay đổi xã hội quan trọng nhất mà các cộng đồng phương Tây đòi hỏi phải có để nâng cao hạnh phúc hôn nhân. Nhưng điều này vẫn chưa xảy ra và đến bây giờ, sau gần bốn thập kỷ, dường như càng ít có khả năng. Có thể đây là lý do khiến khoảng 20 triệu cuộc hôn nhân ở Mỹ được xếp vào loại không-tình-dục hoặc ít-tình-dục do đàn ông mất hứng thú với tình dục. Theo các tác giả của cuốn *He's Just Not Up for it Anymore (*tạm dịch*: Chẳng qua, là anh ấy không còn muốn nữa)*, 15 đến 20% các cặp vợ chồng ở Mỹ quan

hệ tình dục dưới mười lần mỗi năm. Họ nhận thấy rằng thiếu vắng khao khát tình dục là vấn đề tình dục phổ biến nhất ở đất nước này*. Kết hợp những con số ảm đạm này với 50% các cuộc hôn nhân kết thúc bằng ly hôn, rõ ràng là hôn nhân hiện đại đang phải hứng chịu một vụ tan chảy từ tâm điểm.

Trong *Tiến hóa tính dục loài người*, Donald Symons chỉ ra rằng các xã hội phương Tây đã thử hết mọi chiêu trong cuốn sách để thay đổi khía cạnh này của tính dục nam giới, nhưng chiêu nào cũng thất bại thảm hại: "Nam giới dường như khỏe đến mức họ từ chối tiếp nhận không phải để thèm khát sự đa dạng", ông viết, "bất chấp những trở ngại như đạo Thiên Chúa với giáo lý tội lỗi; đạo Do Thái với giáo lý con người; khoa học xã hội với giáo lý kìm nén tình dục đồng tính và tâm sinh lý non nớt; các học thuyết tiến hóa về kết đôi đơn phối; những truyền thống văn hóa và pháp lý ủng hộ và tôn vinh đơn phối." Liệu chúng tôi có cần phải bổ sung các suy nghĩ của Symons bằng một danh sách những ví dụ cụ thể về những người đàn ông (Tổng thống, Thống đốc, Nghị sĩ, vận động viên, nhạc sĩ) đã vứt bỏ gia đình và tài sản, quyền lực và uy tín - tất cả vì một cuộc gặp gỡ quá ngắn ngủi với một phụ nữ mà sức hấp dẫn chính lại là sự mới mẻ của cô ta? Liệu chúng tôi có cần phải nhắc các độc giả nữ về những người đàn ông trong quá khứ của họ vốn lúc đầu tỏ ra say mê, nhưng rồi ngừng ghé thăm một cách bất ngờ khi niềm thích thú đối với sự mới mẻ bắt đầu nhạt đi?

10 LÝ DO KHÁC VỀ VIỆC TẠI SAO ANH LẠI CẦN MỘT NGƯỜI MỚI (GIỐNG NHƯ EM)

Hãy nhớ xem Phil đã nói anh cảm thấy "đê mê" thế nào khi ở cùng người tình mới? "Màu sắc phong phú hơn, thức ăn vị ngon

hơn." Có lý do cho sự tăng cường cảm giác này, nhưng đấy không phải là tình yêu. Khi mức *testosterone* giảm theo tuổi tác, nhiều nam giới phải trải qua sự suy giảm sức lực và ham muốn, một khoảng cách vô hình so với những lạc thú cơ bản của cuộc sống. Hầu hết khoảng cách mơ hồ này bị đổ cho là do căng thẳng, thiếu ngủ, quá nhiều trách nhiệm, hoặc do thời gian trôi qua. Thật ra thì một vài điều kể trên có thể là do mức *testosterone* suy giảm. Hãy nhớ đến anh chàng không có chút *testosterone* nào một lát. Anh cảm thấy mất đi "mọi thứ để tôi xác định là mình". Tham vọng, đam mê cuộc sống, cảm giác hài hước... tất cả đều biến mất. Cho đến khi *testosterone* đưa tất cả trở lại. "Không có *testosterone*", anh nói, "bạn chẳng còn chút ham muốn nào".

> *Làm tình với phụ nữ và ngủ cùng phụ nữ là hai niềm đam mê khác nhau, thậm chí còn đối lập nữa. Tình yêu không khiến chính nó được cảm nhận trong khao khát giao phối (nỗi khao khát áp dụng cho vô số phụ nữ) mà là trong khao khát về giấc ngủ chung (nỗi khao khát chỉ dành cho một phụ nữ).*
>
> • **MILAN KUNDERA, *The Unbearable Lightness of Being****

Phil nghĩ là anh đang yêu. *Tất nhiên là vậy rồi.* Như đã nói ở trên, một trong số ít những điều chắc chắn khôi phục mức *testosterone* sụt giảm của đàn ông là một người tình mới. Như vậy anh ta cảm nhận được mọi thứ mà chúng ta liên tưởng đến tình yêu: sức sống trở lại, tăng cường mãnh liệt và chiều sâu mới mẻ - cơn chấn động choáng váng khi được sống. Chúng ta mới dễ dàng

nhầm lẫn hỗn hợp cảm giác hiệu nghiệm này với tình yêu làm sao! Nhưng mới mẻ không phải là tình yêu.

Bao nhiêu nam giới đã nhầm lẫn trạng thái hormone cao này với tình yêu thiêng liêng làm biến đổi cuộc sống? Bao nhiêu phụ nữ đã phải kinh ngạc với sự phản bội dường như không thể giải thích được của một anh chàng tử tế? Bao nhiêu gia đình đã phải chia lìa bởi vì những người đàn ông trung niên nhầm lẫn sự trào dâng của sức sống và năng lượng nhờ bạn tình mới là tình yêu của tri kỷ - hoặc tự cho rằng họ đang yêu để bào chữa cho những thứ có cảm giác như một điều tất yếu mang lại sự sống? Và bao nhiêu trong số những anh chàng này sau đó thấy mình cô độc, xấu hổ và gục ngã khi lời nguyền của Coolidge trở lại sau ít năm hoặc ít tháng để phát hiện ra rằng người bạn tình giờ-đã-trở-nên-quen-thuộc thực ra lại không phải là cội nguồn đích thực của những cảm giác đó? Không ai biết được con số chính xác, nhưng rõ ràng là phải lên tới hàng triệu.

Tình huống này đầy bi kịch, nhưng một trong những khía cạnh đau thương nhất có thể là trong số những người đàn ông này, nhiều người sẽ nhận ra rằng người phụ nữ họ bỏ rơi còn phù hợp hơn nhiều so với người mà họ đã lựa chọn. Một khi cơn chấn động ngắn ngủi này trôi qua, những người đàn ông này lại bị bỏ mặc một lần nữa với thực tế về những điều khiến cho một mối quan hệ trở nên hữu ích về lâu dài: tôn trọng, ngưỡng mộ, lợi ích chung, nói chuyện hay, hài hước, vân vân. Hôn nhân xây dựng trên đam mê tình dục có nhiều cơ hội bền vững như ngôi nhà xây trên băng tháng Mười hai. Chỉ khi đạt đến một hiểu biết nhiều sắc thái hơn về bản chất của tính dục loài người, chúng ta mới học được cách đưa ra những quyết định khôn ngoan hơn về phương pháp sắp xếp bổn phận lâu

dài của mình như thế nào và với ai. Nhưng hiểu biết này đòi hỏi chúng ta phải đối mặt với một số thực tế không mấy dễ chịu.

Giống như nhiều đàn ông trong cùng tình huống, Phil nói anh có cảm giác như phải đối mặt với một quyết định "sống hoặc chết". Có thể. Các nhà nghiên cứu thấy rằng nam giới có mức testosterone thấp thì có khả năng bị trầm cảm lâm sàng, đau tim chết người và ung thư cao gấp bốn lần so với những anh chàng khác cùng tuổi có mức *testosterone* cao hơn. Họ cũng có nhiều khả năng mắc bệnh *Alzheimer* và các dạng mất trí khác hơn và có nguy cơ tử vong cao hơn do bất cứ nguyên nhân nào (cao hơn từ 88 đến 250%, tùy từng trường hợp)*.

Nếu đúng là hầu hết nam giới, theo thiết kế tự nhiên, thỉnh thoảng cần "của lạ" để duy trì thứ tình dục tích cực và sống còn trong suốt cuộc đời, vậy thì chúng ta sẽ nói gì với đàn ông khi chúng ta đòi hỏi sự chung thủy tình dục trọn đời? Liệu họ có phải lựa chọn giữa tình yêu gia đình với việc thỏa mãn tình dục lâu dài? Hầu hết nam giới đều hiểu rõ mâu thuẫn giữa các yêu cầu của xã hội với những đòi hỏi sinh học của bản thân cho đến khi họ đã lập gia đình được nhiều năm - rất nhiều thời gian để cuộc sống trở nên phức tạp với con cái, tài sản chung, bạn bè chung. Khi đạt tới điểm khủng hoảng này, khi đời sống gia đình và mức *testosterone* sụt giảm đã làm mất đi màu sắc cuộc sống, phải làm gì?

Các lựa chọn mà hầu hết nam giới nhìn thấy trước khi thành hiện thực (không theo một thứ tự đặc biệt nào):

1. Nói dối và cố gắng không bị bắt gặp. Trong khi lựa chọn này có thể thường được chọn nhất, thì nó cũng là lựa chọn tồi tệ nhất. Bao nhiêu đàn ông nghĩ rằng họ có "thỏa thuận ngầm" với vợ rằng, miễn là cô ấy không phát hiện ra thì anh ta vẫn ổn khi có thêm một

mối quan hệ ngẫu nhiên bên ngoài? Điều này giống như nói rằng bạn thỏa thuận ngầm với cảnh sát là say rượu lái xe không sao - miễn là họ đừng bắt được bạn. Ngay cả khi có hiểu như vậy đi chăng nữa, bất cứ luật sư nào cũng đều bảo với bạn rằng những thỏa thuận ngầm như vậy là nền tảng tồi tệ nhất cho bất cứ mối hợp tác lâu dài nào.

Thưa các anh, sớm muộn gì thì các anh cũng sẽ bị bắt (có thể là sớm). Cơ hội để bạn thoát ra khỏi việc này cũng giống như con chó đuổi theo con mèo trên ngọn cây. Chả thoát đi đâu nổi cả. Một lý do: khả năng ngửi mùi của đại đa số phụ nữ tốt hơn nhiều so với đàn ông, vì vậy có thể sẽ có những bằng chứng mà bạn cũng không cảm nhận được, nhưng cô ấy sẽ túm được. Liệu chúng tôi có cần nhắc tới sức mạnh được ca ngợi rất nhiều về trực giác của phụ nữ nữa không?

Điều này đòi hỏi bạn phải nói dối bạn đời của mình. Lừa dối mẹ của con bạn, người mà bạn hy vọng sẽ sống với nhau đến tận lúc tuổi già. Phải chăng đây là con người thật của chính bạn? Phải chăng đây là người đàn ông mà cô ấy chọn để sống chung?

2. Không nghĩ đến chuyện làm tình với ai khác ngoài vợ mình trong phần còn lại của cuộc đời. Có thể dùng sản phẩm khiêu dâm và *prozac**

Thuốc chống trầm cảm là loại thuốc được kê nhiều nhất ở nước Mỹ, riêng năm 2005 đã có 118.000.000 đơn thuốc được viết ra. Một trong những hiệu ứng phụ phổ biến nhất của loại thuốc này là làm giảm ham muốn, vì vậy toàn bộ vấn đề sẽ dần mất đi - thiến bằng hóa chất. Nếu không, lúc nào cũng có *viagra*, với hơn một tỉ viên thuốc được phát ra trong thập kỷ sau khi nó được ra mắt vào năm 1998. Giờ thì đàn ông cũng có thể giả vờ quan tâm đến tình dục!

Chẳng giống nhau mấy, phải không? Và phải chăng là không có chút nhục nhã nào (nếu không nói là nhu nhược) trong việc lén lút đêm hôm xem khiêu dâm trên máy tính? Điều này thường dẫn tới cơn giận dữ và oán giận nghiêm trọng có thể hủy hoại cả một mối quan hệ.

3. Chế độ độc thê hàng loạt: li dị và làm lại từ đầu. Có vẻ như lựa chọn này là cách tiếp cận "trung thực" được đa số các chuyên gia khuyên chọn - kể cả các cố vấn quan hệ.

Độc thê hàng loạt là một phản ứng có tính triệu chứng đối với các vấn đề nảy sinh từ mâu thuẫn giữa những gì xã hội quy ước và sinh học đòi hỏi. Nó không giải quyết được nỗi thất vọng tình dục của nam giới (và theo đó, của phụ nữ) ngày càng gia tăng trong quan hệ tình dục đơn phối lâu dài.

Mặc dù thường được coi là lời đáp đáng giá đối với câu hỏi hóc búa này, nhưng né tránh bằng chế độ độc thê hàng loạt đã trực tiếp dẫn tới dịch bệnh hiện nay là tan cửa nát nhà và gia đình bố/mẹ đơn thân. Lẽ nào "người lớn" lại gây ra tổn thương cảm xúc cho con cái chúng ta bởi vì chúng ta không có khả năng đối mặt với thực tế về tình dục? Susan Squire, tác giả cuốn *I Don't: A Contrarian History of Marriage (*tạm dịch*: Tôi từ chối: Lịch sử Hôn nhân Ngược đời)* hỏi: "Tại sao xã hội lại xem đây là vấn đề đạo đức hơn khi bạn làm tan vỡ một cuộc hôn nhân, trải qua một vụ li dị, phá vỡ cuộc sống của những đứa trẻ có thể là mãi mãi, chỉ nhằm phịch một ai đó để rồi việc phịch phọt cũng vẫn nhàm chán như với người đầu tiên trước đó đã lâu?" Một người đàn ông theo đuổi hạnh phúc lâu dài bằng cách bỏ lại đằng sau một chuỗi những người phụ nữ tổn thương, cay đắng và những đứa trẻ bị tổn thương về mặt cảm xúc thì anh ta chỉ hơn một chút so với con chó đuổi theo cái đuôi - của

chính mình.

Và nếu bạn là người phụ nữ có chồng "gian dối", lựa chọn của bạn cũng chẳng tốt đẹp gì hơn: giả vờ như không biết chuyện gì đang xảy ra, đi ra ngoài và ông ăn chả bà ăn nem (ngay cả khi bạn không thấy thích), hoặc hủy hoại gia đình và cuộc hôn nhân của mình bằng cách gọi luật sư. Đây toàn là những kịch bản thua-thua.

Từ mà chúng tôi sử dụng để mô tả việc phản bội bản thân và gia đình, gian dối, phản ánh mô tả chuẩn mực về hoạt động tình dục loài người với ngầm ý rằng hôn nhân là trò chơi có một người thắng còn người kia thua. Phụ nữ "lừa" đàn ông trong việc chu cấp cho những đứa trẻ mà anh ta nghĩ là con mình, theo mô hình này, đã gian dối và thắng. Một kẻ thắng đậm khác, theo mô tả chuẩn mực, là người đàn ông khiến một loạt phụ nữ có bầu rồi tìm cách nuôi con cho anh ta trong khi anh ta đã bước sang cuộc chinh phục tiếp theo. Nhưng trong bất cứ mối quan hệ hợp tác thực thụ nào - dù cưới hay không - thì gian dối không thể dẫn tới bất cứ hình thức thắng lợi nào cả. Hoặc là cả hai bên cùng thắng, hoặc là tất cả đều thua.

22

CÙNG ĐƯƠNG ĐẦU VỚI BẦU TRỜI TRỐNG RỖNG

Nếu nói "Không có gì là vĩnh cửu",
Vậy điều gì khiến tình yêu trở thành ngoại lệ?
Vậy tại sao chúng ta lại phủ nhận đến thế?
Khi biết mình chẳng hạnh phúc ở đây.

• "HEY YA!" CỦA OUTKAST

Vậy giờ thì sao?

Viết cuốn sách toàn về tình dục này, chúng tôi chỉ muốn đảo lộn quan điểm của mọi người bằng cách giả thiết rằng đa phần chúng ta thường nghiêm trọng hóa tình dục quá mức: khi bàn về tình dục, đó chỉ đơn thuần là tình dục mà thôi. Trong những tình huống ấy, nó không phải tình yêu. Hay tội lỗi. Hay bệnh lý. Hoặc lý do để phá hoại một gia đình đang hạnh phúc.

Giống như thời Victoria, hầu hết các xã hội phương Tây đương đại đều thổi phồng giá trị cố hữu của tình dục bằng cách hạn chế cung ("Gái ngoan đừng") và thổi phồng cầu ("Gái đi hoang"). Quá trình này dẫn tới hình ảnh méo mó về tầm quan trọng thật sự của

tình dục. Tình dục là cần thiết, nhưng không phải là thứ cần phải quá nghiêm trọng. Hãy nghĩ đến thức ăn, nước uống, ô xy, chỗ ở và tất cả những thành tố khác của cuộc sống có vai trò quyết định đối với sinh tồn và hạnh phúc, nhưng điều đó không chỉ ra tất cả suy nghĩ nổi bật hằng ngày của chúng ta, *trừ phi chúng trở nên vô giá trị*. Giảm nhẹ các chuẩn mực đạo đức xã hội một cách hợp lý giúp cho việc thỏa mãn tình dục đạt được dễ dàng hơn, cũng là cách giúp nó đỡ tiêu cực hơn*.

Cảm giác sống trong một thế giới như vậy ra sao? Vâng, tất cả chúng ta đều biết cảm giác này như thế nào. Ngoài bản thân cái chết, điều gì gây ra cho con người nhiều đau khổ như sự kết thúc của hôn nhân? Riêng năm 2008, ở nước Mỹ có gần 40% các bà mẹ sinh con mà chưa kết hôn.

Điều này quan trọng. Như Caitlin Flanagan gần đây báo cáo trên tờ *Time*: "Mỗi kết quả quan trọng liên quan đến sự sung túc ngắn hạn và thành công dài hạn, trẻ em thuộc gia đình nguyên vẹn hai bố mẹ sẽ làm tốt hơn so với những em có bố/mẹ đơn thân. Tuổi thọ, lạm dụng thuốc, thành tích ở trường và tỉ lệ bỏ học, mang thai vị thành niên, hành vi tội phạm và ngồi tù... trong tất cả mọi trường hợp, trẻ em sống với cả bố lẫn mẹ đều xử lý tốt hơn hẳn so với các trẻ em khác."*

"Tình yêu là điều lý tưởng, hôn nhân là điều có thật", thi hào Goethe viết. "Nhầm lẫn giữa điều có thật với điều lý tưởng không bao giờ không bị trừng phạt." Thật vậy. Bằng cách khẳng định hình ảnh lý tưởng của cuộc hôn nhân được tạo lập trên lòng chung thủy cả đời với một người về mặt tình dục - hình ảnh mà hầu hết chúng ta rốt cuộc đều hiểu là phi thực tế, chúng ta đem lại sự trừng phạt cho bản thần, trừng phạt lẫn nhau và tổn hại con cái chúng ta.

"Người Pháp thoải mái hơn nhiều với ý nghĩ cho rằng bồ bịch cũng chỉ là bồ bịch mà thôi", Pamela Druckerman viết trong cái nhìn xuyên văn hóa của mình về chuyện ngoại tình, *Lust in Translation (*tạm dịch*: Giải mã sự dâm).* Tách bạch tình yêu với tình dục, Druckerman nói rằng người Pháp ít có nhu cầu "phàn nàn về cuộc hôn nhân của mình để hợp pháp hóa chuyện bồ bịch ngay từ đầu". Nhưng bà thấy rằng có vẻ như các cặp đôi người Mĩ và người Anh đang đọc một kịch bản hoàn toàn khác. "Bồ bịch, thậm chí là tình một đêm, đồng nghĩa với việc chấm dứt hôn nhân", Druckerman quan sát. "Tôi đã trò chuyện với những người phụ nữ, sau khi phát hiện ra chồng gian dối, ngay lập tức dọn đồ và bỏ đi, bởi vì 'đấy là việc phải làm.' Không phải vì đó là việc họ muốn làm - họ chỉ nghĩ rằng đấy là nguyên tắc. Thậm chí họ còn chẳng nhận ra là còn có nhiều lựa chọn khác… Tôi muốn nói rằng, thật sự, giống như họ đang làm theo một kịch bản!"*

Nhà tâm lý học Julian Jaynes mô tả cảm giác lẫn lộn giữa hoảng sợ với hồ hởi mà người ta có được khi nhận ra rằng mọi việc không giống như bề ngoài: "Có một khoảnh khắc khó xử ở trên đỉnh vòng đu quay Ferris, sau khi đã đến gần đường cong bên trong, lúc chúng ta đối diện với cấu trúc chắc chắn của các thanh xà vững chãi, rồi bỗng nhiên cấu trúc đó biến mất và chúng ta bị đẩy vào khoảng không về phía đường cong đi xuống bên ngoài." Đây là khoảnh khắc mà quá nhiều cặp đôi cố gắng một cách vô ích để tránh - thậm chí đi đến lựa chọn li hôn trong cay đắng và gia đình tan vỡ chứ không phải nhiệm vụ khó khăn là đối mặt với khoảng không bao la, bỏ lại toàn bộ các "thanh xà vững chãi" trong quá khứ.

Những kỳ vọng sai lầm của chúng ta về bản thân, về nhau, về

hoạt động tình dục của con người gây ra cho chúng ta những thiệt hại nghiêm trọng, lâu dài. Như nhà văn kiêm nhà báo chuyên mục tư vấn tình dục Dan Savage giải thích: "Kỳ vọng về sự chung thủy suốt đời mang đến sự căng thẳng khác thường cho hôn nhân. Nhưng khái niệm về tình yêu và hôn nhân của chúng ta được đặt trên nền tảng không chỉ là kỳ vọng về lòng chung thủy mà còn là quan niệm rằng ở đâu có tình yêu thì chung thủy sẽ trở nên dễ dàng và vui vẻ."

Chắc chắn rồi, thứ tình dục đê mê có thể là một phần quan trọng của sự mật thiết trong hôn nhân, nhưng sẽ là sai lầm chết người khi nghĩ rằng nó là cốt lõi của sự mật thiết. Giống như mọi loại khao khát khác, khao khát tình dục đang có nguy cơ bị bóp chết bởi sự thỏa mãn của chính nó. Squire bảo rằng rất phi thực tế khi coi hôn nhân là sự lãng mạn lâu dài: "Bạn sẽ chẳng muốn cởi quần áo khi bạn ngủ cùng một người nào đó lần thứ 1.000. Chúng ta phải hiểu rõ rằng bản chất của tình yêu và tình dục thay đổi từ những gì nó bắt đầu, và một mối tình tuyệt vời không nhất thiết phải trở thành một cuộc hôn nhân tuyệt vời." Tình dục ham-muốn-cao rất có thể là biểu hiện của việc hoàn toàn thiếu vắng sự thân mật: hãy nghĩ đến cuộc tình một đêm khét tiếng, đến gái điếm, sự giải phóng cơ thể ở mức cơ bản.

Các cặp vợ chồng có thể thấy rằng con đường duy nhất để giữ gìn hoặc khám phá lại sự mãnh liệt gợi nhớ lại những ngày đêm đầu tiên đòi hỏi họ phải cùng nhau đối mặt với khoảng không bao la, đầy bất trắc. Có thể họ sẽ tự tìm được những cuộc trò chuyện thân mật, có ý nghĩa nhất nếu họ dám nói về bản chất thật sự của những gì họ cảm thấy. Chúng tôi không định nói rằng đây là những cuộc trò chuyện dễ dàng. Không hề. Luôn có những khoảng trống mà

phụ nữ và nam giới thật khó để hiểu nhau, và khao khát tình dục là một trong những khoảng đó. Nhiều phụ nữ sẽ thấy khó mà chấp nhận được chuyện cánh đàn ông dễ dàng tách bạch lạc thú tình dục với sự thân mật cảm xúc, cũng như đàn ông sẽ cố gắng để hiểu tại sao với nhiều phụ nữ, hai vấn đề tách bạch (đối với họ) lại thường bện xoắn vào nhau đến vậy.

Nhưng khi có lòng tin, chúng ta có thể cố gắng chấp nhận ngay cả những điều mình không thể hiểu. Một trong những hy vọng quan trọng nhất mà chúng tôi đặt ra cho cuốn sách này là khơi gợi nên kiểu trò chuyện khiến các cặp vợ chồng dễ dàng cùng nhau vượt qua được loại địa hình cảm xúc khó khăn này bằng thứ hiểu biết sâu sắc hơn, ít phán xét hơn về cội nguồn cổ xưa của những cảm giác khó chịu này cũng như một cách tiếp cận nhiều thông tin hơn, trưởng thành hơn để xử lý chúng. Ngoài ra, chúng tôi thật sự muốn gửi tặng một lời khuyên nho nhỏ, hữu ích. Mỗi mối quan hệ là một thế giới không ngừng thay đổi, đòi hỏi phải chú ý một cách liên tục, cụ thể. Thay vì cảnh báo bạn hãy thận trọng với những ai đưa ra lời khuyên phù-hợp-với-mọi-mối-quan-hệ, lời khuyên tốt nhất của chúng tôi cũng giống như lời khuyên của Polonius dành cho Laertes (trong *Hamlet*): "Để sống thật với bản thân, và phải tuân theo, cũng như ngày đêm, ngươi không thể giả dối với bất cứ người nam (hay nữ) nào."

Tuy vậy, chúng ta không chỉ cần một hiểu biết sâu sắc hơn về chính mình và về nhau để giải quyết trọn vẹn nhiều vấn đề nảy sinh bằng cách tiếp cận nhẹ nhàng và vị tha hơn đối với khái niệm chung thủy. "Những người tôi thấy tiếc cho họ là những người thậm chí không nhận ra còn những lựa chọn khác ngoài các lựa chọn truyền thống mà xã hội mang đến cho", Scott, đang trong mối quan

hệ tay ba lâu dài với Terisa (nữ), còn cô này lại loằng ngoằng với Larry (được Scott giới thiệu với Terisa), nói vậy. Trong khi những mối quan hệ tay ba, tay bốn như vậy, do hoàn cảnh bắt buộc, mãi đến gần đây mới bị phát hiện, cái gọi là gia đình đa tình được cho là chiếm khoảng nửa triệu ở Mỹ, theo một bài báo trên Newsweek* Mặc dù Helen Fisher cho rằng những người liên quan đến hình thái này đang "chống lại Mẹ Thiên nhiên" bằng cách đương đầu với các bất ổn và đánh ghen, có nhiều bằng chứng cho thấy, đối với những người phù hợp, những hình thái như vậy có thể rất hiệu quả cho tất cả những người liên quan - kể cả trẻ em.

Như Sarah Hrdy nhắc nhở, các cặp đôi thường xuyên cô độc có thể là những người đang chống lại Mẹ Tự nhiên: "Kể từ thời Darwin, chúng ta đã cho rằng con người tiến hóa trong những gia đình có người mẹ dựa vào một người đàn ông để giúp nuôi nấng con cái trong gia đình hạt nhân; nhưng… sự đa dạng của các cách sắp xếp gia đình loài người… được dự báo tốt hơn bằng cách cho rằng tổ tiên chúng ta đã tiến hóa trong vai trò hợp tác nuôi con." Từ góc nhìn của chúng tôi, những người như Scott, Larry và Terisa có vẻ như đang tìm cách tái tạo lại các hình thái tình dục xã hội của người cổ đại. Như chúng ta đã thấy, từ góc nhìn của trẻ em, có hơn hai người lớn ổn định, yêu thương gần mình chính là sự giàu có, dù là ở rừng rậm Amazon hay ngoại ô Colorado. Gần đây, Laird Harrison viết về trải nghiệm của mình khi lớn lên trong ngôi nhà mà bố mẹ sinh học của ông ở chung với một cặp vợ chồng khác cùng con cái của họ. Ông nhớ lại: "Gia đình chung có một thứ thân thiết mà tôi chưa bao giờ cảm thấy… Tôi trao đổi sách với các chị kế, lắng nghe những câu chuyện của họ với vẻ tôn sùng, trao đổi mánh lới đối với giáo viên. Bố họ truyền lại tình yêu của ông về âm nhạc

tuyệt vời và mẹ họ truyền lại niềm đam mê nấu ăn của bà. Một dạng gắn kết đã hình thành giữa 10 người chúng tôi."*

MỌI NGƯỜI RA KHỎI BUỒNG

Một kỷ nguyên có thể được coi là chấm dứt khi cạn kiệt những ảo tưởng cơ bản về nó.

• ARTHUR MILLER

Phần lớn lịch sử của 200 năm qua có thể coi như những làn sóng khoan dung làm vỡ các cấu trúc xã hội cứng nhắc, như những mũi đất nhô ra đầy đá. Dù phải mất gần như toàn bộ thời gian, cuối cùng thì những làn sóng này vẫn luôn chiến thắng. Thế kỷ XX chứng kiến những tảng đá bắt đầu vỡ vụn ra dưới sự trào dâng của các phong trào phản đối nô lệ, nữ quyền, bình đẳng chủng tộc, và gần đây hơn, sự chấp nhận ngày càng tăng cao đối với quyền của người đồng tính, chuyển giới và lưỡng giới.

Nhà văn Andrew Sullivan mô tả trải nghiệm của mình khi lớn lên làm một người Công giáo đồng tính là "khó khăn đến mức đau đớn tột cùng", do xung đột giữa những gì nhà thờ nói với ông và những gì ông biết về bản thân mình. Sullivan nhớ lại: "Tôi thấy trong cuộc đời mình và cuộc đời của vô số người khác rằng kìm nén các cảm xúc cốt lõi này và phủ nhận độ bao phủ của chúng trong tình yêu luôn luôn dẫn tới sự méo mó, ép buộc cá nhân và đánh mất tầm nhìn. Ép buộc mọi người vào những khuôn mẫu mà họ không phù hợp sẽ chẳng giúp được ai cả", Sullivan viết. "Nó tước đi phẩm giá và tự trọng của họ cũng như năng lực để có các mối quan hệ lành mạnh. Nó phá vỡ gia đình, bẻ cong Thiên Chúa giáo, xâm

hại lòng nhân đạo. Nó phải chấm dứt." Có thể Sullivan đang nói cho bất cứ ai không phù hợp với cái khuôn mẫu được xã hội chấp thuận thời mình.

Vậy ai mới phù hợp? Vâng, người đồng tính cần phải ra khỏi buồng kín, và mọi người khác cũng vậy.

Nhưng sẽ không dễ dàng đâu (không bao giờ). Nhà sử học Robert S. McElvaine bày tỏ một vài lời phản đối gay gắt đối với những ai lang thang ra khỏi rào cản một vợ một chồng, cảnh báo rằng: "'Tự do yêu' chắc sẽ suy thoái thành 'tự do ghét'. Vì yêu mọi người là một điều bất khả thi về mặt sinh học, nỗ lực làm vậy sẽ (trở thành) 'trái khoáy', và đi cùng với nó là thù ghét." Giống như McElvaine, có vẻ như quá nhiều nhà tư vấn về quan hệ sợ hãi bất cứ dạng quan hệ hôn nhân phi-chuẩn-mực nào. Esther Perel, tác giả cuốn *Mating in Captivity (Giao phối trong giam cầm),* trích lời một nhà trị liệu gia đình mà bà biết (và kính trọng) tuyên bố rõ ràng: "Hôn nhân mở không hiệu quả. Nghĩ bạn có thể làm được điều này là hết sức ngây thơ. Chúng tôi đã thử nghiệm hồi thập niên 70 và đúng là thảm họa."

Có thể, nhưng những nhà trị liệu như vậy có thể muốn đào sâu hơn một chút trước khi bác bỏ mọi thứ thay thế cho hôn nhân thông thường. Khi được yêu cầu hình dung những người loạn dâm* đầu tiên trong lịch sử hiện đại nước Mỹ, có lẽ hầu hết mọi người đều vẽ ra những gã hippie tóc dài đeo băng buộc đầu lượn lờ theo từng nhóm tự-do-yêu dưới áp phích Che và Jimi Hendrix, mở nhạc Jefferson Airplane chất lượng cao. Nhưng bình tĩnh đi, Daddy-O, bởi vì sự thật sẽ khiến bạn cảm thấy phấn khích.

Dường như những người Mỹ loạn dâm hiện đại đầu tiên là phi công Không lực sống sót sau Thế chiến II và vợ của họ. Giống như

các chiến binh ưu tú khắp nơi, những "tay súng hàng đầu" này thường phát triển mối gắn kết chặt chẽ với nhau, có lẽ vì họ phải chịu tỉ lệ thương vong cao nhất trong bất cứ nhánh nào của quân đội. Theo nhà báo Terry Gould, cái gọi là "bữa tiệc tình dục tập thể", giống như những bữa tiệc sau đó được đưa vào bộ phim năm 1997 *Bão băng*, bắt nguồn từ một trong những căn cứ quân sự thập niên 1940, nơi các phi công ưu tú và vợ của họ quan hệ tình dục bát nháo với nhau trước khi các chàng trai này cất cánh bay về phía trận địa phòng không của Nhật.

Gould, tác giả của *The Lifestyle* (tạm dịch: *Lối sống*), cuốn sách lịch sử văn hóa về phong trào trao đổi vợ làm tình ở Mỹ, đã phỏng vấn hai nhà nghiên cứu từng viết về nghi thức này của Không lực. Joan và Dwight Dixon giải thích với Gould rằng những người lính này cùng với vợ "trao đổi cho nhau như một dạng nghi lễ kết nối của bộ lạc, ngầm hiểu rằng hai phần ba số ông chồng sống sót sẽ chăm sóc các bà vợ góa". Tập quán này tiếp tục đến cả sau khi chiến tranh kết thúc và đến cuối những năm 1940, "các căn cứ quân sự từ Maine đến Texas và California đến Washington đều phát triển các câu lạc bộ trao đổi vợ làm tình", Gould viết. Đến cuối cuộc chiến tranh Triều Tiên, vào năm 1953, các câu lạc bộ này "đã lan từ các căn cứ không quân đến vùng ngoại ô xung quanh giữa giới chuyên gia cổ cồn trắng".

Liệu chúng ta có tin rằng những phi công chiến đấu này cùng với vợ mình là "ngây thơ"?

Đúng là việc tham gia vào hoạt động trao đổi tình dục những năm 1970 của nhiều người Mỹ có tên tuổi đã chấm dứt trong hỗn loạn và đau đớn, nhưng điều đó chứng minh cái gì? Người Mỹ cũng đã thử và thất bại, khi giảm mức phụ thuộc vào dầu lửa nước ngoài

trong những năm 1970. Theo logic này, sẽ là "ngây thơ" nếu thử lại lần nữa. Bên cạnh đó, trong những vấn đề thân mật riêng tư, tự quyết và thành công có xu hướng đi cùng nhau, vì vậy không ai thật sự biết được bao nhiêu cặp đôi đã thành công khi tìm kiếm sự thấu hiểu khác thường bằng cách thử nghiệm những kẻ thay thế đơn giản cho sự chung thủy tiêu chuẩn, sẵn có. Điều không thể tranh cãi là hôn nhân thông thường ngay lúc này là một thảm họa đang lan rộng đối với hàng triệu đàn ông, phụ nữ và trẻ em. Hôn nhân thông thường kiểu đến-khi-cái-chết-(hoặc phản bội, hoặc nhàm chán)-chia-lìa là một thất bại đối với quá nhiều thứ: cảm xúc, kinh tế, tâm lý và tình dục. Nhưng trong khi không một nhà trị liệu chính thống nào cố gắng thuyết phục một anh chàng hay một cô nàng đồng tính "hãy trưởng thành, thực tế và thôi đồng tính đi", khi nói đến các biện pháp tiếp cận khác thường đối với hôn nhân dị tính, Perel chỉ ra rằng: "Ranh giới tình dục là một trong số ít những lĩnh vực mà các nhà trị liệu phản ánh văn hóa chủ đạo. Một vợ một chồng", bà viết, "là chuẩn mực, và sự chung thủy về mặt tình dục được coi là trưởng thành, cam kết và thực tế". Hãy quên đi những điều thay thế: "Không chung thủy, dù là không chung thủy có đồng thuận, đều đáng ngờ."

Các cặp đôi tìm đến nhà trị liệu với hy vọng được hướng dẫn cách nới lỏng các mối quan hệ của chế độ một vợ một chồng tiêu chuẩn chắc chắn sẽ nhận được lời kết tội nho nhỏ nhưng có tính chất bảo vệ và những câu chuyện vô vị gượng gạo giống như lời khuyên sau đây của một môn tâm lý học tiến hóa dựa trên cuốn sách mang tên *Mean Genes (*tạm dịch*: Gene tầm thường*): "Những cám dỗ mà tất cả chúng ta phải đối mặt đều ăn sâu trong gene của con tim, khối óc chúng ta … (nhưng) miễn là chúng ta còn duy trì

được động lực thú vị, sẽ chẳng có gì mâu thuẫn giữa chế độ một vợ một chồng với các gene tầm thường có chức năng thúc đẩy sự phản bội của mình". Động lực thú vị? Không mâu thuẫn? Chắc chắn rồi. Hãy kể điều đó với bà Coolidge.

Perel là nhà trị liệu hiếm hoi sẵn sàng công khai cân nhắc khả năng các cặp đôi dị tính thương lượng về những dàn xếp thay thế có thể hiệu quả với họ - ngay cả khi họ thấy mình ở ngoài ranh giới của những gì mà xã hội chính thống phê chuẩn. Bà viết: "Kinh nghiệm của tôi là các cặp vợ chồng thương lượng về ranh giới tình dục không kém cam kết so với những người cửa đóng then cài. Thực ra chính khao khát của họ mới làm cho mối quan hệ của họ mạnh hơn, dẫn dắt họ khám phá các mô hình tình yêu lâu dài khác."

Có vô số cách để mối quan hệ đối tác linh hoạt và yêu thương thích ứng với khẩu vị cổ xưa. Chẳng hạn, bất chấp những gì mà hầu hết các nhà trị liệu chính thống tuyên bố, các cặp vợ chồng có hôn nhân "mở" thường đánh giá sự thỏa mãn với cả mối quan hệ lẫn cuộc sống của mình cao hơn nhiều so với những cặp vợ chồng có quan hệ hôn nhân thông thường*. Những người đa tình đã tìm được cách để kết hợp các mối quan hệ bổ sung mà không phải nói dối lẫn nhau và hủy hoại quan hệ đối tác chính của mình. Giống như nhiều cặp đồng tính nam, những người này công nhận rằng quan hệ bổ sung không nhất thiết phải là lỗi của ai cả. Dossie Easton và Catherine Liszt, hai tác giả của cuốn *The Ethical Slut (*tạm dịch*: Con điếm đạo đức)* viết: "Sẽ là độc ác và thiếu nhạy cảm nếu coi bồ bịch là triệu chứng bệnh hoạn trong quan hệ, vì nó khiến cho người 'gian dối' - vốn có thể đã cảm thấy bất an - phải tự hỏi điều gì không ổn với anh ta. Nhiều người có quan hệ tình dục bên ngoài mối quan hệ chính của mình vì những lý do không liên quan

gì đến việc thiếu thốn ở đối tác hay trong mối quan hệ".

Gia đình thông thường tan rã khiến quá nhiều người chúng ta phải cô độc và dở dang. Mù quáng khăng khăng về sự "thiêng liêng" của gia đình hạt nhân không thay đổi được vấn đề và cũng không cho thấy dấu hiệu thành công nào trong tương lai cả. Thay vì đòi hỏi phải tuân thủ cứng nhắc với một hình ảnh gia đình con người vốn chưa bao giờ có thật từ đầu, chúng ta cần phải làm hòa với những sự thật không có gì dễ chịu về hoạt động tình dục loài người. Có thể điều này có nghĩa là ứng biến các hình thái gia đình mới, có thể nó sẽ đòi hỏi thêm nhiều sự hỗ trợ cho các bà mẹ đơn thân từ phía chính phủ (như ở nhiều nước châu Âu hiện nay), hoặc có thể nó chỉ có nghĩa là chúng ta phải học cách điều chỉnh kỳ vọng của chúng ta về nhau trong vấn đề chung thủy tình dục. Nhưng chúng ta biết điều này: phủ nhận một cách cực đoan, mệnh lệnh tôn giáo hay pháp lý và các nghi thức ném đá ở sa mạc thời Trung cổ đều bất lực trước khẩu vị tiền sử của chúng ta.

Năm 1988, nguyên Thống đốc Colorado, Roy Romer, đối mặt với vô vàn câu hỏi về vụ ngoại tình lâu dài của mình vừa mới bị phơi bày trước công chúng. Romer đã làm điều mà ít nhân vật của công chúng nào dám làm. Với tinh thần của người Yucatán, ông không chịu chấp nhận tiền đề nằm dưới các câu hỏi: rằng mối quan hệ ngoài hôn nhân của ông phản bội lại vợ và gia đình ông. Thay vào đó, ông tổ chức họp báo và nói rằng người vợ 45 tuổi của ông đã biết và chấp nhận cho mối quan hệ này tồn tại song song. Romer đối mặt với các phóng viên đang cười khúc khích bằng thái độ "cuộc đời như những gì thật sự xảy ra". "Chung thủy là gì?", ông hỏi, các phóng viên đột nhiên im lặng. "Chung thủy là loại cởi mở nào mà bạn có. Loại lòng tin nào mà bạn có, vốn dựa trên sự thật và cởi mở.

Và như vậy, trong gia đình của tôi, chúng tôi thảo luận điều này ở một mức độ nào đó và chúng tôi cố gắng đạt được một sự thông cảm về cảm giác của mình, nhu cầu của mình và xử lý nó bằng kiểu chung thủy đó."*

CUỘC HÔN NHÂN CỦA MẶT TRĂNG VÀ MẶT TRỜI*

Trên bầu trời có vô số vì sao, mây bay không ngừng, các hành tinh lang thang vô định, nhưng luôn luôn và mãi mãi chỉ có một Mặt trăng và một Mặt trời. Với tổ tiên chúng ta, hai thực thể bí ẩn này phản ánh bản chất của đàn ông và phụ nữ. Từ Iceland đến Tierra del Fuego, người ta coi sự liên tục và sức mạnh của Mặt trời là nam tính; tính chất hay thay đổi, vẻ đẹp không nói nên lời và chu kỳ hằng tháng của Mặt trăng là dấu hiệu của nữ tính.

Đối với mắt người nhìn lên bầu trời cách đây 100.000 năm, Mặt trời và Mặt trăng có kích thước bằng nhau, giống như với mắt chúng ta ngày nay. Khi nhật thực toàn phần, vành đĩa của mặt trăng vừa khít với mặt trời đến nỗi mắt thường có thể nhìn thấy ngọn lửa mặt trời nhảy vào không gian từ đằng sau.

Đối với mắt thường quan sát, kích thước của chúng có vẻ bằng khít nhau, nhưng từ lâu các nhà khoa học đã khẳng định rằng đường kính thực tế của Mặt trời lớn gấp bốn trăm lần đường kính Mặt trăng. Nhưng thật không thể tin nổi, khoảng cách từ Mặt trời đến Trái đất gấp khoảng bốn trăm lần so với khoảng cách từ Mặt trăng, do vậy nên ai cũng thấy chúng bằng nhau một cách hoàn hảo khi nhìn từ hành tinh duy nhất này.

Một vài người sẽ nói: "Trùng hợp thú vị thật." Những người khác sẽ tự hỏi không biết có thông điệp khác thường nào chứa đựng

trong sự hội tụ ở cái thế giới của những khác biệt và tương đồng, thân mật và xa cách, liên tục nhịp nhàng và thay đổi theo chu kỳ này hay không. Giống như tổ tiên mình, chúng ta quan sát màn khiêu vũ vĩnh cửu của Mặt trời và Mặt trăng, tìm kiếm những manh mối về bản chất của đàn ông và đàn bà, nam tính và nữ tính từ ngay mặt đất này.

• Chú Thích •

Một *hormone* có tác dụng trên dây thần kinh giao cảm. (DG)

Nhân vật thủy thủ trong bộ truyện tranh của nhà văn E. C. Segar. (DG)

Diễn viên, đạo diễn, nhà sản xuất phim nổi tiếng người Mỹ, từng đoạt giải Oscar. (DG)

Câu thành ngữ tiếng Anh, chỉ một rắc rối nào đó rất khó dứt bỏ. (DG)

Ba hãng tin lớn của nước Mỹ. (DG)

Hệ thống bao gồm 39 nhà hát chuyên nghiệp (500 ghế trở lên) ở Manhattan, New York. Năm 2007-2008, Broadway bán được gần 1 tỉ đô-la tiền vé. (DG)

Người mắc phải hội chứng này có cách hành xử rất trẻ con trong nhiều tình huống của cuộc sống. (DG)

Một thuật ngữ Marketing thường được sử dụng trong các nhà hàng. Vào *Happy Hours* (thường là từ 4 giờ chiều tới 7 giờ tối nhưng có thể thay đổi tùy từng nhà hàng), đồ uống sẽ được khuyến mại hoặc miễn phí để khuyến khích khách hàng tới nhà hàng. (DG)

Tên đầy đủ của cuốn sách là *On the Origin of Species by Means of Natural Selection, or the Preservation of Favoured Races in the Struggle for Life*. Tên bản dịch tiếng Việt là *Nguồn gốc các loài*, NXB Tri thức, 2009, Trần Bá Tín dịch. (BTV)

Tất nhiên, không phải ai cũng nghĩ như vậy. Khi người em Eramus của Darwin mới đọc cuốn sách này, ông thấy lập luận của

Charles thuyết phục đến mức ông không hề cảm thấy khó chịu với việc thiếu bằng chứng, và viết rằng: "Cảm giác của tôi là nếu thực tế không khớp với cuốn sách thì tại sao lại phải quan tâm đến chúng cơ chứ." Để có cái nhìn tổng quát (nhưng dễ hiểu với người đọc) về việc chủ nghĩa Victoria của Darwin đã ảnh hưởng đến khoa học của ông và sau đó thế nào, hãy xem Hrdy (1996). (TG)

Nguyên văn: *The Naked Ape*. Bản dịch tiếng Việt là *Vượn trần trụi*, NXB Hội Nhà Văn, Hà Nội, 2010, Vương Ngân Hà dịch. (BTV)

Những mối quan hệ như vậy chắc hẳn đã tồn tại bên cạnh các kỹ thuật củng cố bản sắc nhóm, trong đó có việc tham gia vào các nghi lễ gắn kết với nhóm vẫn còn phổ biến ở các tôn giáo có pháp sư, đặc trưng của dân hái lượm. Điều thú vị là những nghi lễ khẳng định bản sắc tập thể như vậy lại thường đi cùng với âm nhạc (vốn, giống như cực khoái, sản sinh ra oxytocin, loại hormone gắn bó chặt chẽ nhất với việc tạo nên các mối quan hệ tình cảm). Xem Levitin (2009) để hiểu thêm về âm nhạc và bản sắc giao tiếp.

Đực-cái hoặc Đực-cái, cái, cái... (DG)

Nhà nhân loại học James Woodburn (1981, 1998) chia xã hội hái lượm thành hai hệ thống: lập-tức-trao-đổi (đơn giản) và trì-hoãn-trao-đổi (phức tạp). Ở dạng đầu, thức ăn được tiêu thụ luôn trong hôm kiếm được, không xử lý cầu kỳ hay tích trữ. Nếu không có ghi chú ngược lại tức là chúng ta đang nói đến xã hội kiểu này.

Được cho là thời kỳ Mặt trời đi vào cung Bảo Bình. Bảo Bình ngày nay được gắn liền với "nhân bản" (humanity), với khoa học, kỹ thuật, với điện từ, với xã hội liên kết toàn cầu. (BTV)

Còn được gọi là *Magna Carta Libertatum* ("Đại Hiến chương về những quyền tự do"), là một văn kiện thời Trung cổ, được vua John

của Anh chuẩn thuận ở Runnymede, gần Windsor vào 15/06/1215. Hiến chương cam kết bảo vệ quyền lợi của giáo hội, bảo vệ các quý tộc không bị bắt giam bất hợp pháp, được tiếp cận nhanh chóng với công lý và hạn chế các nghĩa vụ đóng góp cho hoàng gia. Năm 1297, Đại Hiến chương được thừa nhận là một phần của pháp luật thành văn tại Anh. (BTV)

Taylor (1996), tr. 142-3.

Hay nhà thờ cổ Alamo. Năm 1835, một nhóm nổi dậy ở Texas đã bao vây nhà thờ cổ này, một vị trí phòng thủ đặc biệt tại San Antonio, Texas. Cuối năm đó, lính Mexico tại đây thua cuộc và chạy về phía Nam, để mặc nó rơi vào tay quân nổi dậy. Sự kiện này đã dẫn đến một trong những trận chiến quả cảm nhất lịch sử nước Mỹ. Cuộc chiến xảy ra vào tháng 2, tháng 3 năm 1836 là câu chuyện của lòng dũng cảm và tinh thần trách nhiệm phi thường. Đây là nguồn gốc của câu: "Remember Alamo" (Hãy tưởng nhớ Alamo). (BTV)

Lời giải thích này là của Todorov (1984), nhưng kiến giải của Todorov về những sự kiện này không được chấp thuận rộng rãi. Xem http://www.yucatantoday.com/culture/esp-yucatan-name.htm làm ví dụ, để khảo sát các từ nguyên khác (bằng tiếng Tây Ban Nha).

Trò chơi phụ nữ mặc bikini vật nhau trong một cái bồn chứa thạch, chủ yếu để vui và kích thích tính dục. (BTV)

Bài hát của Beatles là "Hey Jude". Ở đây tác giả có ý nói rằng người nghe đã nhầm là "Hey Dude", nghĩa là "anh chàng đẹp mã"! (BTV)

Nguyên văn: *saliva beer*, tức *chicha*, một loại đồ uống lên men

truyền thống của vùng Andes, Nam Mỹ. Trong một số nền văn hóa, thay vì ngô nảy mầm, họ dùng bột ngô, ngô đặt ở dưới đất, được làm ẩm bằng miệng của người làm chicha và tạo hình thành các quả bóng nhỏ, sau đó được làm dẹt và làm khô. Các enzyme tự nhiên trong nước bọt của người làm chicha là chất xúc tác giúp phân hủy tinh bột ngô thành đường *mantoza*. (BTV)

Tác giả chơi chữ: *cricket* vừa là trò bóng ném vừa có nghĩa là con dế. (DG)

Từ Cẩm nang Thủ tục Phân tích Tổng quan - Phương pháp Gia vị. Xem trực tuyến tại: http://www.fda.gov/Food/ScienceResearch/LaboratoryMethods/MacroanalyticalProceduresManualMPM/ucm08

Món đặc sản nổi tiếng nhất ở Scotland, vừa cay vừa ngậy, chế biến từ nội tạng cừu non, nhồi gia vị và rau thơm vào dạ dày cừu. (DG)

Joseph John Campbell (1904-1987): nhà thần thoại học, nhà văn người Mỹ. Ông nổi tiếng nhất với công việc nghiên cứu và giảng dạy về thần thoại học so sánh và so sánh tôn giáo. (BTV)

Từ Daedalus, Spring, 2007. Để biết thêm quan điểm độc đáo về đa dạng tình dục trong thiên nhiên, xin hãy xem Roughgarden (2004). Để biết thêm về tình dục đồng tính trong thế giới động vật, xin hãy xem Bagemihl (1999).

Amy Alkon (sinh năm 1964), còn được gọi là Nữ thần Tư vấn, viết một cột tư vấn hằng tuần được in trong hơn 100 tờ báo tại Bắc Mỹ. (DG)

Pinker (2002), tr. 253.

Trích trong Richards (1979), tr. 1244.

Erasmus Darwin (1731-1802): bác sĩ, nhà triết học tự nhiên, nhà

sinh lý học, nhà phát minh, nhà thơ người Anh. (DG)

Viết trong *Scientific American Online* (02/2015, tr.30) nhà lịch sử khoa học Londa Schiebinger giải thích: "Erasmus Darwin không giới hạn quan hệ tình dục ở mối quan hệ gia đình thần thánh. Trong cuốn *Tình yêu Cây cỏ* (1789), cây cối của Darwin tự do thể hiện từng dạng kết hợp khác giới có thể hình dung được. Thở dài cùng vẻ lo lắng ngọt ngào, nàng *Collinsonia* đẹp đẽ lần lượt thỏa mãn tình yêu của hai anh em. Nàng *Meadia* - một loại cây anh thảo hoa vàng bình thường - được cúi chào với "bầu không khí dâm ô", vừa đảo đôi mắt đen và lắc mái tóc vàng óng vừa thỏa mãn từng người trong số năm chàng bạn trai... Darwin có thể đã tận dụng tốt lớp vỏ bọc thực vật để tuyên truyền cho thứ tình yêu tự do mà ông vẫn thực hiện sau cái chết của người vợ đầu".

Xem Bowlby (1992).

Trong tiếng Anh, Mother nghĩa là Mẹ. (DG)

Từ Hrdy (1999b).

Raverat (1991).

Herman Melville (1819-1891): nhà văn tiểu luận nổi tiếng người Mỹ. (DG)

Desmond & Moore (1994), tr. 257.

Gia đình Flintstones chiếm một vị trí độc đáo trong lịch sử văn hóa nước Mỹ. Đây là loạt phim hoạt hình giờ vàng đầu tiên dành cho người lớn, loạt phim màu đầu tiên của ABC và là loạt phim hoạt hình giờ vàng đầu tiên kéo dài hơn hai mùa (không có đối thủ cho đến khi *Gia đình Simpsons* được công chiếu năm 1992) và là chương trình hoạt hình đầu tiên chiếu cảnh một nam một nữ lên giường cùng nhau.

Thomas Hobbes: nhà triết học người Anh.Các tác phẩm của ông đã thiết lập nền tảng cho triết học chính trị phương Tây. (BTV)

Jean-Jacques Rousseau: nhà triết học thuộc trào lưu Khai sáng có ảnh hưởng lớn tới Cách mạng Pháp 1789, sự phát triển của lý thuyết xã hội và sự phát triển của chủ nghĩa dân tộc. (BTV)

Thomas Malthus: nhà nhân khẩu học, nhà kinh tế học người Anh. Ông là một trong những đại biểu của kinh tế học cổ điển, nổi tiếng với "thuyết nghèo khó tự nhiên". (BTV)

Nguyên văn: *science writer*, chỉ người viết về các chủ đề khoa học nhưng không phải là khoa học gia thuộc chuyên ngành đó. (BTV)

Ridley (2006), tr. 35.

Herbert Spencer (1820-1903): triết gia, nhà lý thuyết chính trị tự do cổ điển, nhà lý thuyết xã hội học người Anh. Spencer đã phát triển một khái niệm toàn diện tiến hóa như là sự phát triển tiến bộ của thế giới tự nhiên, của các cơ thể sinh vật, trí tuệ và của xã hội văn hóa con người. (BTV)

Chẳng hạn, xem Steven Pinker xác nhận rằng xã hội loài người đã trở nên ngày càng bình yên hơn qua các thế hệ (được thảo luận chi tiết trong Chương 12)

Quần đảo Galapagos ở phía nam Thái Bình Dương. Charles Darwin đã ghé thăm quần đảo này trong một chuyến du lịch vòng quanh thế giới kéo dài 5 năm trên tàu Beagle. Đây là địa danh đầu tiên được UNESCO đưa vào danh sách di sản thế giới. (DG)

Edward Osborne Wilson (10/06/1929): nhà nghiên cứu trong các lĩnh vực sinh học xã hội, đa dạng sinh học, đảo địa sinh học, chuyên gia hàng đầu thế giới về loài kiến. Wilson được xem là "cha đẻ của

sinh học xã hội" và "cha đẻ của đa dạng sinh học". (BTV)

Hình ảnh người nộm được Steven Pinker truyền cho sức sống trong cuốn sách bestseller cùng tên của ông (*The Blank Slate: The Modern Denial of Human Nature* - Tấm bảng trắng: Sự Phủ nhận Hiện đại về Bản chất Loài người), rất lâu sau khi những hình ảnh khác nhiều sắc thái hơn được sử dụng.

Chẳng hạn, xem Thornhill và Palmer (2000).

Xem Lloyd (2005) để hiểu đầy đủ hơn về quan điểm này.

Lord Acton (1834-1902): nhà chính trị, nhà văn, nhà lịch sử Công giáo người Anh. (DG)

Chính là Giáo hoàng John (tiếng Latin: Joannse) XXI (1215-1277), tên thật là Peter Juliani. (BTV)

Chuyên luận về nền chuyên chế hai người>, Tạp chí *The New York Times*, 14/10/2001. Bạn có thể đọc bài luận này trên mạng tại địa chỉ: http://www.english.ccsu.edu/barnetts/courses/vices/kipnis.htm.

Thành viên bồi thẩm đoàn đã đề nghị "phải làm thế" là Jon Hamm, có lẽ rất đáng nói là, lúc đó đang có một mối quan hệ lâu dài (mười năm) nhưng chưa kết hôn và đang đóng vai người quản lý mục quảng cáo người lớn Don Draper trong *Người điên*, trên kênh truyền hình AMC.

Để biết thêm về tình trạng gia đình và hôn nhân Mỹ ở tâm điểm của nó, hãy xem *"Hy vọng nào cho hôn nhân của người Mỹ?"* của Caitlin Flanagan trên *Time* (02/07/2009), xem trực tuyến tại: http://www.time.com/time/nation/article/0,8599,1908243,00.html.

Để biết thêm về cuộc đời và tư tưởng của Morgan, xin hãy xem Moses (2008).

Dixson (1998), tr. 37.

Nguyên văn: *fire and brimstone*. Từ này xuất phát từ Kinh Thánh, lần đầu tiên được dùng trong Sáng Thế ký, chỉ sự trừng phạt thành Sôđôm. Theo Kinh Thánh, hai thần sứ làm khách đến một ngôi nhà ở Sôđôm, dân làng kéo đến đòi giết các khách ngoại đến thành. Chủ nhà là Lot xin dâng hai người con gái còn trinh cho dân thành tùy ý sử dụng miễn sao bỏ qua cho hai vị khách, nhưng dân thành không chịu. Hai vị thần sứ bảo Lot đưa gia đình trốn đi, và thành Sôđôm bị hủy diệt trong mưa diêm sinh và lửa từ trời. (BTV)

Nhưng ai lại cho rằng tính háu ăn sẽ thỏa mãn *ít* hơn kẻ háu ăn khi được ăn?

Barkow và những người khác (1992), tr. 289.

Clark và Hatfield (1989).

Birkhead (2000), tr. 33.

Theo Henry Kissinger - đây chỉ là quan điểm thôi, không phải vấn đề riêng tư.

Chúng ta sẽ xem xét bản chất của cơn ghen tình dục một cách chi tiết ở Chương 9.

Caswell và nhiều tác giả (2008). Để có cái nhìn trái chiều đối với tầm quan trọng (hoặc không quan trọng) của sự tương đồng về mặt di truyền của chúng ta với tinh tinh lùn và tinh tinh, xem Taylor (2009).

Lời giải thích này là của de Waal và Laming, (1998).

Bảng dẫn theo de Waal (2005a) và Dixson (1998).

Nơi nghiên cứu tinh tinh ở Tanzania của Goodall và các cộng sự

từ năm 1960.

Stanford (2001), tr. 116.

Xem:
http://www.edge.org/3rd_ciilture/woods_hare09/woods_hare09_inde:

Nguyên văn: *Machiavellian alliances*. Thuật ngữ *Machiavellian* xuất phát từ tên của chính trị gia, nhà triết học Niccolo Machiavelly, hàm ý chỉ những xảo thuật, biện pháp chính trị cần thiết để xây dựng và bảo vệ quyền lực. (BTV)

de Waal (2005), tr. 106.

Theroux (1989), tr. 195.

Stanford (2001), tr. 26.

McGrew và Feistner (1992), tr. 232.

Mosuo là một dân tộc thiểu số sống ở tỉnh Vân Nam và Tứ Xuyên ở Trung Quốc, gần biên giới Tây Tạng. Ở Mosuo, phụ nữ không kết hôn mà có thể quan hệ với tất cả những người đàn ông mình thích. Đây là nơi duy nhất duy trì chế độ mẫu hệ tại Trung Quốc. (DG)

Tộc người *Minangkabau*, sống ở Tây đảo Sumatra thuộc Indonesia theo chế độ mẫu hệ. (DG)

de Waal (2001b), tr. 47.

Thông tin trong bảng này được lấy từ nhiều nguồn; (Blount, 1990; Kano, 1980 và 1992; de Waal và Lanting, 1998; Savage-Rumbaugh và Wilkerson, 1978; de Waal, 2001a; de Waal, 2001b)

Với những độc giả muốn tìm hiểu sâu hơn việc chuyển đổi từ hái lượm sang canh tác xảy ra như thế nào và tại sao, hãy tham khảo Fagan (2004) và Quinn (1995).

Anderson được Atul Gawande trích dẫn trong "Hố địa ngục", đăng trên tờ *The New Yorker*, 30/03/2009. Bài báo này rất đáng đọc vì nó điều tra xem biệt giam có phi nhân văn đến mức bị xem là tra tấn hay không. Gawande kết luận rõ ràng là có, ông viết: "Chỉ riêng việc tồn tại như một con người bình thường cũng đòi hỏi phải được tương tác với người khác."

Jones và những người khác. (1992), tr. 123.

Dù có vẻ chỉ con người và tinh tinh lùn mới quan hệ tình dục trong suốt kỳ kinh, nhưng cả tinh tinh và một số loài cá heo cũng thích làm tình cho vui như con người chúng ta, chứ không chỉ là sinh sản.

Những tin đồn này xuất phát từ bài luận tuyệt vời của nhà sử học văn hóa Michael Ventura về nguồn gốc nhạc jazz và nhạc rock có tên gọi *Hear That Long Snake Moan (*tạm dịch*: Hãy nghe con rắn dài than thở)*, trong Ventura (1986) [Michael Ventura, *Shadow Dancing in the USA*, Tarcher ấn hành, 1986

Beckerman và Valentine (2000), tr. 10.

Kim Hill được trích dẫn trong Hrdy (1998b), tr. 246-247.

Chẳng hạn, trong cộng đồng người Bari ở Columbia và Venezuela, các nhà nghiên cứu thấy rằng 80% trẻ em có ít nhất hai ông bố được cộng đồng thừa nhận đều sống sót đến tuổi trưởng thành, trong khi chỉ có 64% trẻ em có một ông bố chính thức làm được điều này. Hill và Hurtado cho biết trong số 227 trẻ em Aché làm mẫu, 70% chỉ có một ông bố được thừa nhận sống đến 10 tuổi, trong khi 85% có cả bố chính lẫn bố phụ đều làm được điều này. Trích dẫn này và những trích dẫn khác trong phần này lấy từ Beckerman và Valentine (2000).

Dẫn theo một bài viết của Sally Lehrman đăng trên trang AlterNet.org. Xem tại: http://www.alternet.org/story/13648/?page=entire.

Williams (1988), tr. 114.

Trích trong Littlewood (2003), tr. 146.

Lễ hội hằng năm của Hy Lạp cổ đại tôn vinh nữ thần Aphrodite Pandemos. (BTV)

Lễ hội rất lớn của người Athens cổ đại, tôn vinh thần Dionysus. (BTV)

Lễ hội hằng năm ở Athens và Ionia của Hy Lạp cổ đại. (BTV)

Một phái thờ thần Dionysus của La Mã cổ đại. (BTV)

Đến thời điểm này, những người phản đối sẽ nhảy lên nói rằng các tuyên bố nổi tiếng của Margaret Mead về những kẻ phóng đãng ở Thái Bình Dương đã bị Derek Freeman (1983) bóc mẽ. Nhưng việc Freeman bóc mẽ giờ cũng bị bóc mẽ, do vậy khiến cho các tuyên bố gốc của Mead bị, sao nhỉ, *bóc lại*. Hiram Caton và những người khác lập luận, khá thuyết phục, rằng việc Freeman không ngừng tấn công Mead chắc là do chứng rối loạn tâm lý thôi thúc, chứng này cũng dẫn tới một số cơn hoang tưởng mạnh đến mức ông bị các quan chức ngoại giao Úc buộc phải rời khỏi Sarawak. Đồng thuận trong cộng đồng nhân học là không biết những phát hiện của Mead sai lầm đến mức nào,nếu có. Freeman đưa ra khẳng định sau nhiều thập kỉ truyền bá Thiên Chúa giáo cho người Samoan, vì vậy không có gì ngạc nhiên nếu như những câu chuyện ông nghe được lại khác nhiều so với những gì được kể cho Mead trước đó nửa thế kỷ. Để đánh giá ngắn gọn, chúng tôi đề xuất đọc Monaghan (2006).

http://primatediaries.blogspot.com/2007/08/forbidden-love.html

Sulloway, 1998.

Để đánh giá các loài có vú khác có hành vi chia sẻ, xin hãy xem Ridley, 1996 và Stanford, 2001.

Mốt của thanh niên cuối những năm 1960 ủng hộ hòa bình và tình yêu, lấy hoa và ma túy làm biểu tượng.

Knight, c. (1991), tr. 210.

Mức độ giấu kín của thời điểm rụng trứng ở loài người không hề được giải thích rõ như nhiều chuyên gia tuyên bố. Có lý do tốt để tin rằng hệ thống khứu giác vẫn có khả năng phát hiện thời điểm rụng trứng ở phụ nữ và rằng những hệ thống như vậy đã bị hao mòn đi nhiều so với con người cổ xưa. Chẳng hạn, hãy xem Singh và Bronstad, (2001). Hơn nữa, có lý do để tin rằng phụ nữ quảng bá tình trạng sinh sản của mình qua những tín hiệu thị giác như trang sức và thay đổi sức hấp dẫn của khuôn mặt. Ví dụ, hãy xem Roberts và những người khác (2004).

Thị trấn nằm ở Serra Gaúcha của Rio Grande de Sul, Brazil.

Crocker và Crocker (2004), tr. 125-126.

Don Pollock có một nhận xét thú vị về khái niệm nhiều bố, ông viết: "Tôi vẫn luôn thấy quan niệm của người Kulina về việc có hơn một người đàn ông làm bố 'sinh học' của đứa trẻ sắp ra đời, trớ trêu thay, giống với thực tế di truyền: trong một nền dân số đồng nhất về mặt di truyền (hoặc gần như thế, sau nhiều thế hệ hôn nhân cận huyết), mỗi đứa trẻ có sự tương đồng gần gũi về mặt di truyền với tất cả những người đàn ông mà mẹ đứa bé có quan hệ tình dục - ngay cả với những người mà bà mẹ không dính dáng."

Một quốc gia thuộc Tây Phi. Tộc người Dagara (Dagaaba) sống tập trung ở Burkina Faso và Ghana. (BTV)

Trích dẫn này lấy từ một cuộc phỏng vấn do Sarah van Gelder thực hiện. "Nhớ về mục đích của chúng ta: Phỏng vấn Malidoma Somé". Xem tập quý san: *In Context: A Quarterly of Humane Sustainable Culture* (tạm dịch*: In Context: quý san về nền văn hóa con người bền vững*), tập 34, tr. 30 (1993). Nguồn trên mạng tại: http://www.context.org/ICLIB/IC34/ Some.htm.

Nguyên văn: *allo-parenting*, những người không phải là cha mẹ nhưng chăm sóc, nuôi dạy trẻ như cha mẹ. (DG)

Morris (1998), tr. 262.

Xem Sapolsky (2005).

Drucker (2004).

Ngay cả Jean-Jacques Rousseau, con người nổi tiếng của lý tưởng Lãng mạn *Noble Savage*, cũng sử dụng hình thức vứt bỏ trẻ em này. Năm 1785, Benjamin Franklin đến thăm bệnh viện nơi Rousseau gửi năm đứa con ngoài giá thú của mình và phát hiện tỉ lệ tử vong của trẻ em ở đây lên tới 85%. (Xem Jill Lepore, (*Thức ăn trẻ em*), 19/01/2009).

Tài liệu của Trivers được xem là văn bản nền tảng xác lập tầm quan trọng cho việc chu cấp (đầu tư) của nam giới là một trong những nhân tố quyết định trong chọn lọc tình dục ở phụ nữ. Tài liệu này rất đáng đọc, nếu bạn muốn hiểu biết sâu hơn về sự phát triển chung của tâm lý học tiến hoá.

Ghiglieri (1999), tr. 150.

Samuel Adolphus Cartwright (1793-1863): bác sĩ người Mỹ, hoạt động ở bang Mississippi và Louisiana. (BTV)

Nguyên văn: *!Kung San*, chỉ một tộc người sống ở Botswana và Angola. Cách viết "!K" trong "!Kung" để chỉ cách phát âm như tiếng

mở một cái nút chai. (BTV)

Hai tác giả Crocker W. H. và Crocker I. G. (BTV)

The New Yorker, 16/04/2007.

Một bộ phim hài của Mỹ, ở đây chỉ kiểu gia đình pha trộn. (DG)

Một khu vực lớn chứa cát bán khô cằn đến khô cằn ở miền nam châu Phi. (BTV)

Vincent xứ Beauvais (1190-1264): tu sĩ dòng Đa Minh. (BTV)

Lấy ý từ bài hát *Me and Julio Doion by the Schoolyard* của ca sĩ-nhạc sĩ người Mỹ, Paul Simon. (DG)

Cả hai đều từ Townsend & Levy (1990).

Để hiểu thêm về mối liên hệ sâu sắc giữa các cấp độ bạo lực và tình dục của một xã hội, xin hãy xem Prescott (1975).

Marco Polo (1254-1324): Thương gia và nhà thám hiểm nổi tiếng, người Venezia (Ý). (BTV)

Namu (2004).

Để có cái nhìn toàn diện hơn về văn hóa Mosuo, hãy xem *Vương quốc Nữ giới* của PBS Frontline World, có tại www.pbs.org/frontlineworld/ rough/2005/07/qduction_to.html.

Cuốn sách được xuất bản năm 2002, trong khi sách của Goldberg ra đời trước đó gần một thập kỷ, nhưng toàn bộ công trình của Sanday về người Minangkabau - kể cả tài liệu mà Goldberg trích dẫn - đều có luận điểm ngược với Goldberg - một điểm chắc chắn là đáng đề cập.

Nguồn: http://www.eurekalert.org/pub_releases/2002-05/uop-imm050902.php.

Nguồn: www.eurekalert.org/pub_releases/2002-05/uop-

imm050902. php.

Hầu hết các trích dẫn này đều lấy từ bài báo của David Smith xuất hiện trên tờ The Guardian, 18/09/2005. Nguồn mạng có tại đây: http:// www.guardian.co.uk/uk/2005/sep/18/usa.filmnews, hoặc bài phê bình của Stephen Holden trên tờ *The New York Times*, có tại đây: http://movies. nytimes.com/2005/06/24/movies/24peng.html?_r=2.

The San Diego Union-Tribune-. Studies suggest monogamy isn't for the birds - or most creatures (tạm dịch: *Những nghiên cứu cho thấy một vợ một chồng không dành cho chim chóc - hoặc hầu hết các sinh vật*) của Scott LaFee, 04/09/2002.

Monogamy and the Prairie Vole (tạm dịch*: Một vợ một chồng và chuột đồng thảo nguyên*) Scientific American online, 02/2005, tr. 22-27.

Mọi việc trở nên rắc rối hơn một chút kể từ khi Insel nói điều đó. Gần đây hơn, Insel và những người khác cố gắng khám phá mối tương quan hormone liên quan với lòng chung thủy hoặc thiếu chung thủy ở chuột đồng thảo nguyên, chuột đồng núi và chuột đồng đồng cỏ. Theo bài báo trong số ra ngày 07/10/1993 của tờ Nature, Insel và nhóm của ông thấy rằng dường như vasopressin, một loại hormone tiết ra trong lúc giao phối, khởi động hành vi phòng thủ, bảo vệ tổ ở một số loài chuột đồng đực, nhưng loài khác thì không, dẫn tới tích lũy "gene độc quyền". Năm 2008, Hasse Walum thuộc Viện Karolinska (Thụy Điển) thấy rằng dường như một biến thể trong gene RS 3334 có liên quan đến việc nam giới dễ dàng gắn kết về mặt cảm xúc với bạn tình thế nào. Điều thú vị nhất là dường như gene này cũng có đôi chút dính líu đến chứng tự kỷ. Tham khảo tài liệu của Walum: *Proceedings of the National*

Academy of Sciences, (tạm dịch: *Biên bản lưu của Viện Khoa học Quốc gia*), DOI: 10.1073pnas.0803081105. Một bản tin tóm lược các phát hiện này tại đây: http://www.newscientist.com/ article/dn 1464 l-monogamy-gene-found-in-people.html.

Rất nổi tiếng trong bộ phim *Heartburn* của Nora Ephron.

Các nhà sử học gọi là Kinh Thánh tội lỗi hay Kinh Thánh ngoại tình, sai lầm này khiến các nhà in hoàng gia bị tước bằng và nộp phạt 300 bảng.

Rắc rối ở chỗ bộ tộc được biết đến với cái tên Đầu Dẹt lại không phải là họ, và đầu họ "dẹt", giống như đầu người đặt bẫy, trong khi đầu các bộ tộc láng giềng lại có hình chóp trông rất kỳ lạ.

Jethá & Falcato 1991.

Để có cái nhìn tổng quan về nghiên cứu ghen tuông của Buss, xin hãy xem (2000). Để xem những nghiên cứu và bình luận phản bác tác phẩm của ông, xin hãy xem: Ryan và Jethá (2005), Harris và Christenfeld (1996) và DeSteno và Salovey (1996).

Nghiên cứu gốc sẵn có (miễn phí) tại www.epjournaJ.net - 2008. 6(4): tr. 667- 675.

Khoa học thực chứng không chỉ mang lại một trong số ít - nếu không phải là duy nhất - những cách nhìn đáng tin cậy đối với các hiện tượng méo mó văn hóa, và như vậy còn đóng vai trò quan trọng đến mức sống còn giúp chúng ta không thấy sợ hãi khi loại bỏ thành kiến văn hóa trong nghiên cứu.

Holmberg (1969), tr. 161.

Một bàn chơi bài poker chỉ có tối đa 9 người chơi. Ở đây có thể tác giả ý nói một người sẵn sàng không ghen khi vợ mình có đến 20 gã tình nhân thì cũng như chơi một bàn poker có đến 20 người,

chắc không ai muốn ngồi chơi trong một ván bài như thế. (BTV)

Thể hiện niềm hạnh phúc, phấn khích cao độ. Đây là khẩu hiệu của các nhân vật trong phim hoạt hình nổi tiếng The Flintstone - được phát trên kênh ABC từ năm 1960 đến 1966.

Có lẽ ông đang đọc ấn bản thứ 6, xuất bản năm 1826.

Không phải ngẫu nhiên mà Darwin lại hiểu rõ về tư duy của Malthus. Harriet Martineau, một nhà ủng hộ nữ quyền thời kỳ đầu, một triết gia kinh tế và là một người công khai phản đối chế độ nô lệ, đã rất thân thiết với Malthus trước khi làm bạn với Erasmus, anh trai của Darwin, sau đó được ông này giới thiệu với Charles. Nếu Charles không "kinh ngạc nhận ra cô ta xấu tới cỡ nào" thì một số người, trong đó có cả Matt Ridley, đã nghĩ rằng tình bạn của họ rất có khả năng dẫn tới hôn nhân. Chắc chắn đây sẽ là một cuộc hôn nhân có ảnh hưởng lâu dài lên lối suy nghĩ người phương Tây đương thời (xem bài viết của Ridley, "Trật tự tự nhiên của vạn vật", trên *The Spectator*, 07/01/2009).

Alfred Russel Wallace (1823-1913): nhà tự nhiên học, thám hiểm, địa lý, nhân học và sinh học người Anh. Ông nổi tiếng vì đã độc lập đề xuất thuyết tiến hóa nhờ sự chọn lọc tự nhiên, qua đó thúc đẩy Charles Darwin công bố lý thuyết của mình. (DG)

Cả Malthus và Darwin đều gặp thuận lợi khi có suy nghĩ giống với suy nghĩ của MacArthur và Wilson về sinh sản và chọn lọc r/K. Nói một cách ngắn gọn thì họ thừa nhận rằng một số loài (giống như nhiều loài côn trùng, gặm nhấm...) sinh sản nhanh chóng để lấp đầy những khoảng trống sinh thái. Chúng không kỳ vọng hầu hết con non sẽ sống đến lúc trưởng thành, chúng nhanh chóng tràn ngập môi trường (chọn lọc r). Các loài chọn lọc K có ít con non hơn

và đầu tư nhiều vào từng con. Theo thuyết này, trong môi trường có trạng thái cân bằng, các loài như vậy nhìn chung đều đạt tới điểm cân bằng về dân số/nguồn thức ăn.

Ví dụ: "Trong khoảng 2 triệu năm tổ tiên chúng ta sống bằng cách săn bắn và hái lượm, dân số tăng từ khoảng 10.000 người nguyên thủy tới khoảng 4 triệu người hiện đại. Nếu, như chúng ta vẫn tin, mô hình tăng trưởng trong kỷ nguyên này tương đối ổn định thì dân số phải tăng bình quân gấp đôi sau mỗi 250.000 năm." *Kinh tế học Phi thường*, Robin Hanson http://www.spectrum.ieee.org/jun08/6274.

Lilia (2007).

Bài luận của Smith trên mạng: http://realhumannature.com/ipage_id=26.

Hassan (1980).

Hầu hết các loài thuộc họ người khác trước đây phân tán từ châu Phi tới châu Á và châu Âu đều đã tuyệt chủng khi con người hiện đại lang thang ra khỏi châu Phi. Những loài đang sống, Neanderthal và (có thể) *Người đứng thẳng*, đều mang bất lợi rất lớn nếu như có cạnh tranh trong cùng giống loài - điều này chưa được làm rõ. Người ta có thể lập luận rằng sự hiện diện của người Neanderthal ở châu Âu và nhiều vùng ở Trung Á có thể đã dẫn tới việc cạnh tranh khu vực săn bắn, nhưng mức độ giao tiếp giữa tổ tiên chúng ta và người Neanderthal, nếu có, vẫn chưa được giải đáp. Thêm nữa, nếu có chồng lấn thì cũng chỉ là phần nào, bởi có vẻ như người Neanderthal là loài ăn thịt bậc cao, trong khi *Homo sapiens* lại là loài ăn tạp vô cùng (ví dụ, xem Richards vàTrinkaus, 2009).

Vấn đề con người lần đầu đặt chân đến châu Mỹ khi nào vẫn chưa được làm sáng tỏ. Các kết quả khảo cổ học gần đây ở Chile cho thấy con người định cư cách đây khoảng 35.000 năm đã mở ra câu hỏi về việc con người lần đầu đặt chân lên Tây bán cầu như thế nào và bao giờ. Ví dụ, hãy xem Dillehay và những người khác (2008).

Bản thân nông nghiệp có lẽ nên được xem như một phản ứng đối với việc bão hòa về mặt sinh thái do những ảnh hưởng tổng hợp của dân số dần tăng cao và biến đổi khí hậu khủng khiếp. Chẳng hạn, Nick Brooks, một nhà nghiên cứu thuộc Đại học Đông Anglia, lập luận rằng: "Về cơ bản, văn minh là một sản phẩm phụ tình cờ của việc thích nghi không định trước đối với biến đổi khí hậu thảm khốc." Brooks và những người khác lập luận rằng chuyển sang nông nghiệp là phản ứng mang tính "biện pháp cuối cùng" đối với điều kiện khí hậu suy thoái. Để biết về cuộc tranh luận tổng quát đối với vấn đề biến đổi khí hậu đã mang lại nông nghiệp như thế nào, xin hãy xem Fagan (2004).

Thói ăn đất phổ biến ở nhiều cộng đồng trên thế giới - đặc biệt là ở phụ nữ có thai và đang cho con bú. Bên cạnh đó, nhiều thực phẩm độc có chứa alkaloid và acid tannic được nấu cùng đất sét có dính alkaloid. Đất sét có thể là một nguồn giàu sắt, đồng, magne và calci - tất cả đều quan trọng đối với thai phụ.

(08/05/2007).

http://moneyfeatures.blogs.money.cnn.eom/2009/04/30/millionair arent-sleeping-well-either/?section=money_topstories.

Xem Wolf và những người khác (1989) và Bruhn & Wolf (1979). Malcolm Gladwell (2008) cũng bàn về Roseto.

http://www.newyorker.com/online/blogs/books/2009/0-4/the-ex-

change-david-plotz.html.

Để có phân tích chi tiết hơn về việc lý thuyết kinh tế hiện đại được (hoặc không được) tận dụng thế nào ở các cộng đồng phi nhà nước, xin hãy xem Henrich và những người khác (2005) và chương của Richard Lee có tiêu đề "Những phản ánh về chủ nghĩa cộng sản nguyên thủy", trong Ingold và những người khác (1988).

Richard Dawkins, *Gene vị kỷ*, NXB Tri Thức, 2011. (BTV)

Trong *Thuyết tình cảm đạo đức*, Smith viết: "Bất kể người ta nghĩ con người ích kỷ đến mức nào, rõ ràng trong bản chất của anh ta vẫn có một vài nguyên tắc, nó khiến anh ta quan tâm đến tài sản của người khác và tạo ra niềm hạnh phúc cần thiết cho anh ta, mặc dù anh ta chả nhận được gì từ đó cả, ngoại trừ niềm vui được nhìn thấy nó."

Một nhóm chủng vi khuẩn thường sống trong ruột người và động vật. Hầu hết các chủng E. Coli là vô hại, nhưng một số chủng có thể gây bệnh nghiêm trọng. (BTV)

NYT 7/23/2002 *Tại sao chúng ta lại dễ thương đến vậy: Chúng ta gắn bó để hợp tác*. Xem Rilling và những người khác (2002).

Chúng tôi rút ra từ một phân tích tuyệt vời của Ian Angus đối với tài liệu của Appell, có thể xem tại http://links.org.au/node/595.

Giống loài chúng ta, tr. 344-5.

Harris, 1989. tr. 147.

van der Merwe (1992) tr. 372 (Ngoài ra xem Jared Diamond: Sai lầm tồi tệ nhất trong lịch sử loài người (có sẵn trên mạng).

Lejeaune (1897), trang 281-283.

Trích dẫn trong Menzel & D'Aluisio, tr. 178.

Những kẻ ăn thịt người và các vị vua, tr. X. Ngoài ra, xem *Đơn thuốc thời đồ đá cũ.*

Điều chỉnh hành vi hòa giải qua trải nghiệm xã hội: Thí nghiệm với hai loài khỉ macaque. Child Dev. T6/1993; 64(3): 897-908, de Waal FB, Johanowicz DL.

Văn hóa hòa bình ở khỉ đầu chó hoang dã: Hình ảnh và truyền bá. Sapolsky, RM, Share LJ PLoS Biol 2004; 4(2): E106 và NYTimes 04/13/2004. *Không phải thời của bọn côn đồ: Khỉ đầu chó trang bị lại văn hóa cho mình*, Natalie Angier.

Từ tranh luận của ông trong vụ Scopes.

Wade (2006), tr. 151.

Những nghiên cứu gần đây về ADN ty thể cho thấy ngay cả trước khi loài người di cư ra khỏi châu Phi cách đây khoảng 60.000 năm, dân số loài người vẫn sống rải rác xa nhau như cách đây 100.000 năm, tại Đông và Nam châu Phi. Theo nghiên cứu này, chỉ cách đây 40.000 năm thì hai dòng này mới quy tụ lại, trở thành một cộng đồng dân cư duy nhất trên toàn châu Phi. Xem Behar và những người khác (2008). Toàn văn tài liệu có sẵn trên mạng tại: http://www.cell.eom/AJHG/fulltext/S0002-9297%2808%2900255-3#.

Độc giả quan tâm đến việc tìm hiểu sâu hơn bài phê bình các giả định kiểu Hobbes xin mời đọc: chiến tranh thời tiền sử có thể bắt đầu với Fry (2009) và Ferguson (2000).

Bài nói chuyện của Pinker dựa trên lập luận mà ông giới thiệu trong cuốn sách bán chạy nhất *The Blank Slate: The Modern Denial of Human Nature (Danh sách trống: Lời phủ nhận hiện đại đối với bản chất loài người)*, đặc biệt là trong những trang cuối cùng

của Chương 3.

Liên kết tới bài thuyết trình của Pinker là http://vmw.ted.com/index. php/talks/steven_pinker_on_the_myth_of_violence.html. Bạn có thể tìm thấy nhiều bài thuyết trình thú vị khác ở trang này. Chẳng hạn, có thể bạn sẽ muốn tìm các bài nói chuyện của Sue Savage-Rumbaugh về tinh tinh lùn. Nếu thích đọc các nhận xét của Pinker hơn, bạn có thể tìm thấy bài luận dựa trên bài nói chuyện này tại www.edge.org/3rd_culture/pinker07/ pinker07_index.html.

Lưu ý rằng biểu đồ của Pinker thể hiện một phần của biểu đồ trong cuốn sách của Keeley (1996), và rằng Keeley gọi các xã hội này là "nguyên thủy", "tiền nhà nước", và "tiền sử", trong các biểu đồ của mình (tr. 89-90). Trên thực tế, ở trang 31, Keeley phân biệt cái ông gọi là "người săn bắt-hái lượm tại chỗ" với "người săn bắt-hái lượm du cư" đích thực, viết rằng "Người săn bắt-hái lượm du cư thưa thớt, với tài sản ít ỏi (và mang vác được), lãnh thổ rộng lớn, ít tài nguyên cố định hoặc phương tiện xây dựng, được lựa chọn cách trốn tránh xung đột và các nhóm cướp bóc. Trong trường hợp tốt nhất, thứ duy nhất mà họ mất khi chạy trốn như vậy chính là sự điềm tĩnh của họ." Như chúng ta đã biết, những người săn bắt-hái lượm du cư (kiếm ăn qua ngày) là đại diện cho thời tiền sử của loài người - thời kỳ mà, theo định nghĩa, có trước khi xuất hiện các cộng đồng định cư, thực phẩm canh tác, động vật thuần hóa… Nhầm lẫn của Keeley (và do vậy, của Pinker) chủ yếu là do ông gọi nhầm những người làm vườn, có vườn riêng, động vật thuần hóa và làng mạc định cư, là "người săn bắt-hái lượm tại chỗ". Vâng, thi thoảng họ có săn bắt và đôi khi họ có hái lượm, nhưng vì hoạt động của họ không phải là nguồn thực phẩm duy nhất nên đời sống của họ

không giống với đời sống của những người săn bắt-hái lượm thực thụ. Vườn tược, làng mạc định cư khiến cho việc bảo vệ lãnh thổ trở nên cần thiết và việc chạy trốn các xung đột tiềm năng trở nên khó khăn hơn nhiều so với thời tổ tiên chúng ta. Keeley thừa nhận điều này, viết rằng: "Nhưng với lãnh thổ nhỏ bé, tài sản tương đối nhiều, nhà cửa cố định và thi công tốn nhiều công sức, kho chứa thức ăn, đồng ruộng, những người nông dân hoặc người săn bắt-hái lượm tại chỗ tìm cách chạy trốn rắc rối có thể mất hết mọi thứ và do đó có nguy cơ bị đói. Nông dân và người săn bắt-hái lượm tại chỗ có rất ít lựa chọn ngoài việc phải đương đầu và, sau khi bị thương, làm nản lòng những vụ cướp bóc sau đó bằng cách trả thù." Điểm này đáng được lặp lại. Nếu bạn sống yên ổn trong một ngôi làng ổn định, có một ngôi nhà đắt tiền, có những cánh đồng để canh tác và có quá nhiều tài sản để có thể mang vác dễ dàng, bạn không phải là người săn bắt-hái lượm. Người tiền sử không có bất cứ thứ gì như vậy, và điều này, dù sao đi nữa, cũng chính là thứ làm nên cái "tiền sử" của họ.

Knauft (1987 và 2009).

Tệ hơn, Pinker còn đặt các tỉ lệ tử vong giả này của "người săn bắt-hái lượm" cạnh một vạch nhỏ, thể hiện những cái chết tương đối ít liên quan đến chiến tranh của nam giới ở Mỹ và châu Âu thế kỷ XX. Điều này hoàn toàn sai lầm trên nhiều khía cạnh. Có lẽ quan trọng nhất, thế kỷ XX khai sinh ra "chiến tranh toàn diện" giữa các quốc gia với nhau, trong đó thường dân (không phải chỉ các nam giới tham chiến) được nhắm tới vì lợi thế tâm lý (Dresden, Hiroshima, Nagasaki...), do đó sẽ là vô nghĩa nếu chỉ tính đến các ca tử vong ở nam giới. Ngoài ra, tại sao Pinker lại không tính cả hàng chục triệu người chết trong một số ví dụ tàn khốc và chết chóc

nhất của chiến tranh thế kỷ XX? Trong tranh luận của ông về "thời đại bình yên nhất của chúng ta", ông không hề nhắc gì đến vụ hãm hiếp ở Nam Kinh, toàn bộ nhà hát Thái Bình Dương trong Thế chiến II (bao gồm vụ thả hai quả bom nguyên tử trên đất Nhật Bản), những cánh đồng giết người của Khmer Đỏ và Pol Pot ở Cambodia, những cuộc chiến tranh kéo dài vài thập kỷ liên tiếp ở Việt Nam (chống lại người Nhật, người Pháp và người Mỹ), cách mạng và nội chiến Trung Quốc, vụ chia tách Ấn Độ/Pakistan và những cuộc chiến sau đó, chiến tranh Triều Tiên. Trong số nhiều triệu cái chết này, không một ai được đưa vào đánh giá của ông về số người (nam giới) chết vì chiến tranh trong thế kỷ XX. Pinker cũng không tính đến châu Phi, với những cuộc xung đột không bao giờ ngớt, những binh lính trẻ em, những vụ diệt chủng bất chợt. Không nhắc gì tới Rwanda. Không thấy bóng dáng một người Tutsi hay Hutu nào. Ông gạt bỏ bất cứ cuộc chiến tranh và chế độ độc tài nào ở Nam Mỹ thế kỷ XX, khét tiếng với việc tra tấn và thủ tiêu hàng chục nghìn thường dân. El Salvador? Nicaragua? Hơn 100.000 dân làng chết ở Guatemala? Không. Tuyệt đối không.

Để có ví dụ cụ thể, xem Zihlman, (1984).

Tại sao lại chiến tranh? Hãy xem tại đây: http://realhumannature. com/?page_id=26. Sau khi chúng tôi liên hệ để hỏi xem ông ta có khắc phục được gì đối với việc bỏ sót này không, ban đầu Smith trích dẫn lời bác bỏ của Wrangham và Peterson về việc tinh tinh lùn không tiêu biểu bằng tinh tinh khi đại diện cho tổ tiên chung cuối cùng của chúng ta, nhưng lúc chúng tôi chỉ ra rằng nhiều nhà linh trưởng học lập luận ngược lại (rằng tinh tinh lùn tiêu biểu hơn), và thậm chí Wrangham cũng xem xét lại quan điểm của mình đối với vấn đề này, và trong bất cứ trường

hợp nào, thật sự sai khi nói rằng tinh tinh là "họ hàng không-phải-người gần gũi nhất" của chúng ta mà không đề cập đến tinh tinh lùn, cuối cùng thì ông ta cũng dịu đi và bổ sung hai nguồn tham khảo chính về tinh tinh lùn vào những mô tả khủng khiếp của mình về "những cuộc chiến tranh đầy máu me" của tinh tinh.

Ghiglieri, (1999), tr. 104-5.

Để có bài phê bình, xem chương của Sussman và Garber trong Chapman & Sussman (2004).

Trích dẫn này là của de Waal, (1998).

Goodall, (1971), trích dẫn trong Power, (1991), tr. 28-29.

Lạ một điều, mặc dù đồng ý với quan điểm trung tâm này do Power đưa ra, de Waal đề cập rất ít đến tác phẩm của bà - và có đề cập thì cũng chỉ bác bỏ bà. Trong một chú thích của cuốn sách năm 1996 của mình, *Good natured: The origins of right and wrong in humans and other animals (Tốt tính: Nguồn gốc đúng sai ở loài người và các loài khác)*, ông viết: "Trên cơ sở đọc tác phẩm này, Power (1991) lập luận rằng việc cung cấp đồ ăn ở một số địa điểm điền dã (chẳng hạn như trại chuối của Gombe) khiến lũ tinh tinh bạo lực hơn và kém quân bình hơn, do vậy thay đổi 'tầng' quan hệ cả trong lẫn giữa các cộng đồng với nhau. Phân tích của Power - pha trộn sự khảo sát lại một cách nghiêm túc những dữ liệu sẵn có với nỗi luyến tiếc hình ảnh những năm 1960 của loài khỉ như những kẻ mọi rợ cao quý - dấy lên những câu hỏi chắc chắn được giải đáp nhờ cuộc nghiên cứu đang diễn ra về lũ tinh tinh hoang dã không được cho ăn". Phân tích mang tính phủ nhận này của Power có vẻ phi lý. Bất kể bà có "luyến tiếc những năm 1960 hay không", de Waal vẫn đang thừa nhận rằng phân tích của bà "dấy lên những

câu hỏi" cần được giải đáp. Các câu hỏi này có nguy cơ khiến rất nhiều dữ liệu liên quan đến tương tác xã hội của tinh tinh - điều khiến chúng ta rất quan tâm đến de Waal, một trong những chuyên gia hàng đầu thế giới về hành vi của tinh tinh, và chắc chắn là học thuật của ông thể hiện một đầu óc cởi mở - trở nên mất hiệu lực.

Để đánh giá các báo cáo này và lời bác bỏ lập luận của Power, xem Wilson & Wrangham (2003). Tài liệu này có trên mạng tại http://anthro. annualreviews.org.

Nolan (2003).

Behar và những người khác. (2008). Ngoài ra, để có đánh giá tốt hơn về tài liệu này, xem Fagan, (2004).

Turchin, (2003, 2006).

Độc giả nào mang trong đầu hình ảnh các thủ lĩnh Sioux (Lakota) với chiếc mũ chiến cắm lông đại bàng bay phấp phới trong gió cần nhớ rằng ở các thế hệ trước khi bắt đầu tiếp xúc với người da trắng, bệnh tật lây lan qua nhiều bộ lạc và vó ngựa đến mang theo những rạn nứt văn hóa nghiêm trọng, dẫn tới xung đột giữa các cộng đồng trước đó vốn hòa hiếu với nhau (xem Brown, 1970/2001).

Ferguson (2003).

Vào ngày Giáng sinh năm 1968, nhà du hành vũ trụ Apollo 8 Frank Borman đọc lời cầu nguyện này tới khán giả thế giới: "Lạy Chúa, hãy cho chúng con cái nhìn có thể thấy được tình yêu của người trong thế giới bất chấp thất bại của con người. Hãy cho chúng con niềm tin để tin tưởng điều tốt bất chấp sự ngu dốt và yếu đuối của chúng con. Hãy cho chúng con hiểu biết để chúng con có thể

tiếp tục cầu nguyện bằng trái tim cảm thông và chỉ cho chúng con điều mà mỗi chúng con có thể làm để lý giải cho sự xuất hiện của ngày hòa bình chung. Amen."

Qua so sánh, tổng thời gian của Chagnon ở với người Yanomami lên tới khoảng 60 tháng. Tranh cãi về nghiên cứu của Chagnon và mô tả sau đó về người Yanomami nhận được rất nhiều chú ý trong những năm gần đây. Độc giả nào muốn biết nhiều hơn có thể bắt đầu với Good (1991). Đây là một ghi chép rất riêng tư và có thể tiếp cận được về thời gian ông ở chung với họ. Tierney (2000) phác thảo trường hợp chống lại Chagnon, mặc dù vượt xa những lời phê bình chúng tôi vừa phác ra ở đây. Ferguson (1995) là một phân tích sâu sắc về những tính toán và kết luận của Chagnon. Để biết thêm về quan điểm của Ferguson về nguồn gốc của chiến tranh, có thể xem thêm tại: (http://andromeda.rutgers.edu/socant/brian.htm): Chiến tranh bộ lạc, "sắc tộc", và toàn cầu và Mười điểm chiến tranh, trong đó thảo luận khá rộng về sinh học, khảo cổ học và tranh cãi về người Yanomami. Borofsky (2005) đưa ra lời giải thích cân bằng về cuộc tranh cãi này và bối cảnh diễn ra. Tất nhiên, công trình của Chagnon cũng luôn sẵn có.

Trích trong Tierney (2000), tr. 32.

Bài bình luận trên *Washington Post* về *Bóng tối ở El Dorado: Cơn sốt rừng già*, Marshall Sahlins Chủ nhật, 10/12/2000; tr. X01.

Tierney (2000), tr. 14.

Sponsel (1998).

Vụ giết người Altamont xảy ra năm 1969 tại một buổi diễn miễn phí của ban nhạc rock Rolling Stones ở công viên Altamont Raceway, Bắc California. Các thành viên của bang mô-tô Hell's

Angels, khi đó được thuê làm bảo vệ cho buổi diễn, đã đánh chết một thanh niên người Mỹ gốc Phi, Meredith Curly Hunter. (BTV)

Lưu ý rằng các con số này chỉ nhằm mục đích thuyết minh mà thôi. Để cho đơn giản (và vì dù sao thì nó cũng vô nghĩa), chúng tôi đã không điều chỉnh theo sự khác biệt về kích thước nam/nữ, sai khác về kích thước xương trẻ sơ sinh bình quân theo vùng miền…

Adovasio và những người khác. (2007), tr. 129.

Chúng ta có sống mãi được không?, của Gina Kolata. 11/11/2003.

Scientific American, 3/06 tr. 57.

Harris (1989), tr. 211.

http://www.gendercide.org/case_infantidde.html.

Các con số này không bao gồm việc phá thai có chọn lọc ở phụ nữ, vốn phổ biến ở các nước này. Chẳng hạn, Agence-France Presse báo cáo rằng phá thai chọn lọc đã khiến Trung Quốc thừa 32 triệu nam giới, và chỉ trong một năm (2005), số bé trai sinh ra ở Trung Quốc nhiều hơn so với các bé gái là 1,1 triệu bé.

Nhà triết học Peter Singer đã viết những cuốn sách và bài luận kích thích tư duy về vấn đề làm thế nào để tính toán giá trị của đời sống con người với đời sống phi con người. Ví dụ, xem Singer (1990).

Blurton Jones và những người khác, (2002).

Xem Lee (1979). Một tài liệu tuyệt vời mà độc giả quan tâm đến các vấn đề tương tự rất nên đọc là Kaplan và những người khác, (2000). Tài liệu này có thể tải về tại website của khoa nơi Kaplan giảng dạy: www.unm.edu/~hebs/pubs_kaplan.html.

Từ tài liệu của Kaplan và những người khác, trích dẫn ở trên, tr.

171.

Larrick và những người khác. (1979).

Nguồn: Diamond (1997)

Robert Sapolsky, nhà linh trưởng học và thần kinh học của Stanford, có một cái nhìn tổng quan tuyệt vời về việc căng thẳng tác động đến chúng ta với tên gọi *Tại sao ngựa vằn không bị nhọt* (2000). Ngoài ra, đối với các vấn đề như căng thẳng và sự tương đồng giữa con người/ tinh tinh lùn, cần lưu ý một điều thú vị là khi bom rơi gần vườn thú của chúng trong Thế chiến II, toàn bộ tinh tinh lùn chết vì căng thẳng do các vụ nổ gây ra trong khi không một con tinh tinh nào bỏ mạng cả (theo de Waal).

The New Yorker, 26/06/2006, tr. 76.

Janis Lyn Joplin (1943-1970): ca sĩ kiêm nhạc sĩ người Mỹ. Bà nổi tiếng trong thập niên 1960 và được bình chọn vào danh sách 100 nghệ sĩ vĩ đại nhất mọi thời đại vào năm 2004. Bà mất khi mới 27 tuổi. (BTV)

Trích dẫn này được lấy từ cuộc tranh cãi giữa một bên là Gould và một bên là Steven Pinker và Daniel Dennett. Rất đáng đọc, nếu bạn thích kiểu thảo luận trí tuệ với nhiều đòn hiểm. Tiến hóa: Lạc thú Đa thê. *Điểm sách New York* 44 (11): 47-52.

Miller, (2000), tr. 169.

Như chúng ta sẽ thảo luận trong chương sau, *thuyết tiếng vọng sinh dục* thừa nhận rằng phụ nữ phát triển cặp vú lủng lẳng để việc phân chia sẽ bắt chước (có thuật ngữ khoa học nào cho khái niệm này không?) khe mông vốn rất cám dỗ đối với tổ tiên linh trưởng của chúng ta. Theo dòng lý giải đó, một số người lập luận rằng son môi có tên gọi lôi cuốn là nhằm tái tạo "phần cửa hậu"

màu đỏ tươi vốn khiến cho Darwin tội nghiệp phải hết sức bối rối.

Xem Baker và Bellis (1995) hoặc Baker (1996) để biết thuyết nhóm-tinh-trùng.

Diamond (1991), tr. 62.

In Barkow và những người khác (1992), tr. 299.

Barash và Lipton (2001), tr. 141.

Pochron & Wright (2002).

Wyckoff và những người khác (2000). Các nghiên cứu khác về di truyền học tinh hoàn linh trưởng đã tăng cường cảm giác về việc hành vi giao phối của người cổ xưa giống với sự bừa bãi của tinh tinh hơn là hành vi một-con-đực-một-lần của khỉ đột. Ví dụ, hãy xem Kingan và những người khác (2003), kết luận rằng mặc dù "Dự đoán cường độ kỳ vọng của cạnh tranh tinh trùng ở người *Homo* cổ xưa vẫn còn gây tranh cãi… chúng tôi thấy các mẫu biến đổi *nucleotide* ở Sgl ở con người giống với các mẫu tìm thấy ở tinh tinh hơn là ở khỉ đột".

Để hiểu thêm về vấn đề này, xem tác phẩm của Todd Shackelford, đặc biệt là Shackelford và những người khác (2007). Shackelford hào phóng đưa hầu hết các tác phẩm đã xuất bản của mình lên mạng để tải miễn phí tại http://www.toddkshackelford.com/publications/index.html.

Cạnh tranh tinh trùng là một lĩnh vực gây nhiều tranh cãi. Giới hạn về không gian (và rất có thể, sự quan tâm của độc giả) khiến chúng ta không thể thảo luận toàn diện hơn - đặc biệt là liên quan đến những tuyên bố gây tranh cãi mạnh của Baker và Bellis liên quan đến các nhóm tinh trùng được tạo thành từ những tế bào chuyên biệt hoạt động với tư cách "ngăn chặn", "kamakaze", và "lấy

trứng". Để có đánh giá khoa học về phát hiện của họ, xin hãy xem Baker & Bellis (1995). Để có một đánh giá đại chúng, xem Baker (1996). Để xem một thảo luận cân bằng về cuộc tranh luận do một bên thứ ba viết, xin hãy xem Birkhead (2000), đặc biệt là từ tr. 21-29.

Chỉ một thể loại phim người lớn. (BTV)

Hay luyến ái chỉ sự yêu đương hay mối quan hệ tình dục với những người khác giới tính với mình, nói cách khác là việc yêu đương hay quan hệ tình dục giữa nam và nữ thông thường. (BTV)

Kilgallon & Simmons (2005).

Một vài độc giả sẽ lập luận rằng những quy ước này trong khiêu dâm đương đại là biểu hiện của sự nô dịch phụ nữ và xuống cấp chứ không phải là đa dâm. Dù đây có đúng là trường hợp đó hay không (cuộc thảo luận mà chúng ta sẽ tạm gác lại ở thời điểm này), người ta vẫn phải hỏi tại sao nó lại được thể hiện theo cách này, với những hình ảnh này, trong khi có quá nhiều cách để hiển nhiên nhục mạ một con người. Một số tác giả tin rằng tập quán *bukkake* ra đời như một cách trừng phạt phụ nữ mắc tội thông dâm ở Nhật - một dạng *Dấu ấn Ô nhục (Scarlet Letter)* đỡ khắt khe hơn. (Ví dụ, xem *Nướng bánh? Vạch trần tập quán tình dục Bukkake*. Áp phích trưng bày tại Hội nghị Thế giới về Tình dục học lần thứ 17, của Jeff Hudson và Nicholas Doong: http://abstracts.co.allenpress.com/pweb/sexo2005/document/502l4). Nếu bạn không biết bukkake là gì, và thậm chí bạn có chút dễ bị xúc phạm, xin hãy bỏ qua việc chúng tôi đề cập đến nó.

Frans de Waal hoài nghi rằng tinh tinh lùn có dương vật dài hơn con người, ít nhất là xét theo tương quan kích thước cơ thể, nhưng

hầu hết các nhà linh trưởng học khác đều tỏ ra không đồng ý với đánh giá của ông. Trong bất cứ trường hợp nào cũng đều không có ai thắc mắc về việc dương vật người lớn hơn nhiều so với bất cứ loài khỉ nào, xét cả về mặt tuyệt đối lẫn tương quan kích thước cơ thể.

Trên thực tế, một loài vượn, vượn bờm đỏ (*Hybbates concolor*), có bìu dái lủng lẳng bên ngoài. Điều thú vị là loài vượn này cũng là ngoại lệ trong việc không mấy chung thủy cho lắm (xem Jiang và những người khác, 1999).

http://news.bbc.co.uk/go/pr/fr/-/2/hi/health/7633400.stm 2008/09/24.

Harvey & May (1989), tr. 508.

Trong Bách khoa thư về tiến hóa loài người, Robert Martin viết: "Về tỉ lệ kích thước cơ thể, con người có tiềm năng tối đa cho sinh sản thấp thậm chí khi so với các loài linh trưởng khác. Điều này cho thấy chọn lọc đã ủng hộ cho tiềm năng sinh sản thấp trong quá trình tiến hóa loài người. Bất cứ mô hình tiến hóa nào của loài người đều phải cân nhắc đến yếu tố này". Tỉ lệ cơ thể có mức tiềm năng sinh sản tối đa thấp cùng với mức hoạt động tình dục cao điển hình cho loài người là một chỉ số khác cho thấy tình dục từ lâu đã phục vụ cho những mục đích phi-sinh-sản của giống loài chúng ta. Tương tự, mặc dù Dixson (1998) mô tả túi tinh của các loài linh trưởng đơn phối và đa phối (trừ loài khỉ đầu chó gelada) là thô sơ hoặc nhỏ, ông xếp túi tinh của con người ở mức trung bình - bởi vì "Rất hợp lý khi cho rằng chọn lọc tự nhiên có thể đã ủng hộ việc giảm bớt kích thước túi tinh trong điều kiện giao phối không thường xuyên và nhu cầu khối lượng xuất tinh lớn cũng như hình thành khối đông bị giảm sút". Ông tiếp tục nói rằng, "điều này có thể giải thích cho kích thước túi tinh rất nhỏ ở một số loài (linh

trưởng) về căn bản là sống đơn phối".

BBC News online, 16/07/2003.

BBC News online, 16/07/2003.

Psychology Today, Tháng Ba/Tư, 2001.

Barratt và những người khác. (2009).

Về mặt giả thuyết, người ta có thể tìm cách bóp méo giả thuyết này bằng cách sử dụng dữ liệu về khối lượng tinh hoàn và sản xuất tinh trùng ở một số cộng đồng mà chúng ta đã thảo luận có ảnh hưởng của cạnh tranh tinh trùng và làm cha chung. Để làm được điều này, chúng tôi đã liên lạc với các nhà nhân học mà chúng tôi có thể xác định được từng làm việc ở Amazon (hoặc bất cứ nơi nào khác với người săn bắt-hái lượm), nhưng dường như không ai thu thập được thứ dữ liệu "tinh tế" này. Mặc dù vậy, ngay cả khi phát hiện ra rằng nam giới trong những cộng đồng này có khối lượng tinh hoàn và sản xuất tinh trùng cao, như giả thuyết của chúng tôi dự đoán, thì vẫn cần phải loại trừ việc khẳng định chắc chắn về giả thuyết này do thiếu các độc tố trong môi trường gây ra hiện tượng giảm mạnh ở các cộng đồng công nghiệp hóa.

BBC News online, 12/08/2006.

Baker (1996), tr. 316.

Nguyên văn: Born to Fuck

Nguyên văn: *Born to Breathe, Born to Eat, Born to Drink, Born to Shit, Born to Die*

Chippendales là đoàn múa nổi tiếng với các màn biểu diễn thoát y nam. Được thành lập vào năm 1979, Chippendales biểu diễn cho khán giả chủ yếu là phụ nữ.

Trích dẫn lấy từ cuộc phỏng vấn do Sarah van Gelder thực hiện, "*Remembering our purpose: An interview with Malidoma Somé*" *(Hồi tưởng lại mục đích của chúng ta: Phỏng vấn Malidoma Somé)*, in trong *In Context: A Quarterly of Humane Sustainable Culture (Bối cảnh: Tạp chí quý về Văn hóa Bền vững-Nhân đạo)*, số 34, tr. 30 (1993). Nguồn: http://www.context.org/ICLIB/IC34/Some.htm.

Xem *Tiền* (2000). Điều thú vị là suy tinh lại là tâm điểm của cách hiểu Đạo Lão về sức khỏe cũng như hoạt động tình dục nam giới. Để có ví dụ, xin hãy xem Reid (1989).

Chứng bất thế hay là Chứng giữ nguyên thế là một trạng thái thần kinh đặc trưng bởi sự cứng cơ và tư thế bất động bất kể kích thích từ bên ngoài cũng như sự giảm cảm giác đau. Người bị chứng này vẫn hoàn toàn tỉnh táo và nhận biết được các hiện tượng xung quanh nhưng không phản ứng được.

Về Baker Brown, xem Fleming (1960) và Moscucci (1996).

Trích trong Coventry (2000).

Xem *Bừa bãi* của Naomi Wolf, tr. 143-153, để nắm được lược sử âm vật trong lịch sử phương Tây - một câu chuyện mà bà kể vừa đáng sợ lại vừa vui.

Mặc dù âm vật thường được coi là "cơ quan duy nhất trong cơ thể người chỉ thực hiện chức năng đem lại lạc thú", có hai vấn đề với quan sát này. Đầu tiên, nếu cực khoái nữ hoạt động theo các nghĩa mà chúng ta vạch ra (tăng cơ hội thụ thai, thôi thúc kêu la và theo đó thúc đẩy cạnh tranh tinh trùng), thì rõ ràng là chuyện sung sướng này có mục đích. Thứ hai, núm vú nam giới thì sao? Không phải mọi đàn ông đều thấy chỗ này sướng, nhưng chắc chắn là chúng rất yếu và không phục vụ mục đích chức năng nào cả.

Trớ trêu thay, theo nhà khảo cổ học Timothy Taylor (1996), hình ảnh này của Quỷ sứ được cho là bắt nguồn từ *Cernunnos*, vị thánh có sừng, cách hiểu của người Celt về tập quán Mật tông Ấn Độ và do vậy ban đầu nó là biểu tượng của sự siêu việt tâm linh thông qua tập quán tình dục.

Pinker (2002), tr. 253.

Không loại trừ phụ nữ hay đồng tính nam, nhưng không đủ dữ liệu khoa học về góc độ này. Mặc dù điều thú vị là một số người ngẫu nhiên nói với chúng tôi rằng khi họ nghe lỏm thấy hàng xóm (các cặp đôi cả đồng tính nam lẫn đồng tính nữ) làm tình, bên mà họ cho là nhiều nữ tính hơn chính là bên tạo nhiều tiếng ồn nhất.

Khi đạo diễn Rob Reiner đưa kịch bản cho mẹ mình xem, bà gợi ý rằng ở cuối cảnh đó, máy quay nên chuyển sang cảnh một bà già trong nhà hàng đang chuẩn bị gọi món và nói: "Tôi sẽ gọi món mà cô ấy đang ăn." Câu thoại này quá xuất sắc, đến nỗi Reiner nói với mẹ là ông sẽ đưa vào, nhưng chỉ với điều kiện bà đồng ý đọc câu thoại trong phim, và bà đã đồng ý.

Các trích đoạn này lấy từ Hamilton & Arrowood (1978).

Cường độ âm thanh của phụ nữ, ví dụ, có thể tác động đến phản ứng cực khoái thấy rõ của nam giới - nhờ vậy tăng cơ hội cực khoái đồng thời hoặc gần đồng thời. Như chúng ta thảo luận dưới đây, có bằng chứng cho thấy vấn đề thời gian này có thể thuộc về lợi thế sinh sản của nam giới.

Không giống như lời tuyên bố có vẻ ồn ào ("Không có vú, không có thiên đường"), tiêu đề là tên của một chương trình kịch truyền hình Columbia về những phụ nữ trẻ cấy ghép ngực với hy vọng thu hút được chú ý của các ông trùm ma túy địa phương để thoát được

đói nghèo.

Vệ nữ Willendorf (tiếng Đức: Venus von Willendorf) còn có tên khác là Người phụ nữ Willendorf là một đồ tạo tác dạng tượng cao 11 cm. Đây là một trong những đồ tạo tác và hiện vật khảo cổ quan trọng nhất của ngành khảo cổ hiện đại. (BTV)

Dolly Rebecca Parton (19/01/1946): ca sĩ, nhạc sĩ nhạc đồng quê, diễn viên và nhà từ thiện người Mỹ. Bà là một trong những ca sĩ nhạc country thành công nhất. (BTV)

Ví dụ, Symons (1979) và Wright (1994).

Xem Diamond (1991) và Fisher (1992).

http://dir.salon.com/story/mWstyle/2002/05/28/booty_call/.

Mặc dù có thể được coi là phồng vĩnh viễn, điều này không có nghĩa là cặp vú không thay đổi trong suốt cuộc đời và chu kỳ (kinh nguyệt) của người phụ nữ. Về cơ bản, chúng phồng to hơn trong thời kỳ mang thai, kinh nguyệt và cực khoái (lớn hơn tới 25% so với bình thường, theo Sherfey) và giảm kích thước cũng như độ đầy đặn theo tuổi tác và cho con bú. Chúng tôi không chắc có giải đáp được câu hỏi liệu bộ ngực phụ nữ có phải là dấu hiệu tình dục hay không. Ở nhiều nền văn hóa trên thế giới, phụ nữ ngực trần không hề thu hút được sự chú ý nào, có vẻ như sự hấp dẫn mà nhiều đàn ông phương Tây cảm thấy chỉ là sự thụt lùi về thời kỳ đè nén của Victoria. Nếu vậy, đây lại là một biểu hiện mạnh mẽ nữa của sức mạnh văn hóa khi tạo ra (nếu không làm giảm bớt) ham muốn tình dục ở đàn ông.

Haselton và những người khác. (2007). Có trên mạng tại WWW. sciencedirect.com.

Nhiều trường hợp hoạt động tình dục của loài người phù hợp với

lời giải thích này, nhưng của Desmond Morris có thể vẫn là trường hợp phổ biến nhất.

Dixson đề cập cụ thể đến khỉ nâu macaque và tinh tinh trong đoạn này, mặc dù ông đang nói đến khả năng cực khoái nhiều lần ở linh trưởng cái nói chung trong những phần mà đoạn văn xuất hiện. Những đoạn như vậy khiến chúng ta phải tự hỏi tại sao Dixson không theo những dữ liệu này đến nơi mà chúng có vẻ làm cho sáng tỏ. Chúng tôi gửi cho ông một email nói về luận điểm của mình và yêu cầu ông nhận xét và phê bình, nhưng giả như có nhận được thư thì ông cũng quyết định không trả lời.

Lloyd, một sinh viên cũ của Stephen Jay Gould, xem xét lại (và đúng hơn là tạm thời bác bỏ) các luận cứ thích nghi đối với cơn cực khoái ở nữ giới. Quan điểm của chúng tôi về vấn đề này gần hơn với quan điểm thể hiện trong đánh giá của David Barash về cuốn sách của Lloyd, có sẵn trên mạng (*Hãy để một nghìn cơn cực khoái bùng nổ*). Tải về tại: http://www. epjournal.net/filestore/ep03347354.pdf

Như đã nói ở trên, một số phát hiện của Baker và Beilis gây nên rất nhiều tranh cãi. Chúng tôi nhắc đến họ bởi vì nhiều độc giả phổ thông đã biết đến họ nhưng không một phát hiện nào của họ cần thiết cho luận cứ của chúng tôi.

Barratt và những người khác. (2009). Có trên mạng tại: http://jbiol. com/content/8/7/63.

Cả hai trích dẫn đều xuất hiện trong Potts và Short (1999). Trích dẫn đầu tiên ở trong văn bản chính, tr. 38 và trích dẫn thứ hai trong Laura Betzig, tr. 39.

Một đánh giá tuyệt vời về sự phát triển của khái niệm chọn lọc tình dục hậu giao phối có thể tìm thấy trong Birkhead (2000). Vô số

bằng chứng về chức năng sàng lọc này có thể tìm thấy trong Eberhard (1996), trong đó tác giả giới thiệu hàng chục ví dụ về phụ nữ áp dụng "kiểm soát hậu giao phối" để tinh trùng thụ tinh cho trứng của mình.

Một loại hormone. Ở động vật có vú, *testosterone* được bài tiết chủ yếu trong tinh hoàn của con đực và buồng trứng của con cái, mặc dù một lượng nhỏ cũng được tiết ra bởi tuyến thượng thận. (BTV)

Một loại hormone do cơ quan sinh dục nữ tiết ra. (BTV)

Hormone này do tiền liệt tuyến tiết ra, đóng vai trò như một chất trung gian hóa học của quá trình viêm và nhận cảm đau, ngoài ra còn có các tác dụng sinh lí ở các mô riêng biệt. (BTV)

Gallup và những người khác, (2002).

Prolactin có vai trò kích thích các tuyến sữa sản xuất sữa, được tiết ra từ thùy trước tuyến yên trong sự đáp ứng với sự ăn uống, giao phối, hay trong sự rụng trứng và cho con bú. (BTV)

Kendrick và những người khác, (1998).

Chivers và những người khác, (2007).

Phần lớn nghiên cứu được đánh giá ở đây đều được đề cập trong bài viết tuyệt vời của Bergner: "Phụ nữ muốn gì? - Khám phá điều nhen nhóm khao khát của phụ nữ", 22/01/2009. Nguồn: http://www.nytimes. com/2009/01/25/magazine/25desire-t.html.

Sự thiếu ăn khớp này cũng liên quan tới các nghiên cứu về ghen tuông mà chúng tôi đã thảo luận trong Chương 9.

Georgiadis và những người khác, (2006). Hoặc bài bình luận: "Phụ nữ rơi vào trạng thái 'xuất thần' khi cực khoái." Times Online, bài của Mark Henderson, 20/6/2005.

http://www.timesonline.co.uk/tol/life_and_style/
health/article535521.ece.

Wedekind C. và những người khác (1995). Một bản tiếp nối gần đây hơn xác nhận các kết quả này là: Santos và những người khác, (2005).

Điều này không phải là nhằm lên án thuốc tránh thai. Nhưng xét các thay đổi này, chúng tôi mạnh mẽ đề xuất các cặp vợ chồng hãy dành ra vài tháng sử dụng các hình thức tránh thai khác trước khi đưa ra kế hoạch lâu dài.

Lippa (2007). Có sẵn trên mạng tại: http://psych.fullcrton.edu/rlippa/ bbc_sexdrive.htm.

Latex-, ở đây chỉ những vấn đề liên quan đến đam mê thời trang nhựa dẻo PVQ và cao su (*rubber*), những người đam mê xu hướng này tự gọi mình là *rubberist*. Một *rubberist* có thể tưởng tượng mình mang bản sắc mới trong những bộ đồ bó sát, được ngâm hóa chất tăng cường mùi. Tương tự là những người sùng bái đồ da (*Leather*) đa phần là những người đồng tính nam (gay). Những người sùng bái đồ da thường liên quan đến những người khổ dâm hoặc nô lệ tình dục. (BTV)

Hay *Sado-Masochism*, bắt nguồn từ thuật ngữ *sadism*, dùng để chỉ những hành vi tình dục quái đản. Ở Nhật, có một trò chơi tình dục hợp pháp trong đó S là người thích hành hạ, còn M là người bị hành hạ. (BTV)

Nguyên văn: *goat or lamb*. Trong thần học, goat là biểu tượng cho sự nhạy cảm và khao khát tình dục, do đó Satyr nửa người nửa dê được xem là biểu tượng cho bản năng dục vọng của con người. Ngược lại là *lamb*, biểu tượng cho sự ân cần, chăm sóc, dịu dàng.

Theo đó trong thần học, *goat-lamb* cũng thuộc hệ thống các cặp đối nghĩa như Địa ngục-Thiên đường, Đêm-ngày. (BTV)

Cả hai cuộc phỏng vấn này đều xuất hiện trên *This American Life (*tạm dịch*: Đời sống Mỹ)* của NPR (*National Public Radio*), Phần 220. Có thể tải miễn phí tại iTunes hoặc tại www.thislife.org.

Một trong số nhiều ví dụ: Dabbs và những người khác (1991/1995) thấy rằng, "Người phạm tội có mức testosterone cao thực hiện những tội ác bạo lực hơn, bị ban quản chế phán xét hà khắc hơn, và vi phạm quy định của nhà tù nhiều hơn so với những người có mức testosterone thấp."

Gibson (1989)

Người ta thắc mắc về tác động xã hội lâu dài của hiện tượng thất vọng tình dục phổ biến ở nam vị thành niên. Ví dụ, sự thất vọng này góp phần tạo nên cơn hận đàn bà ở nhiều nam giới đến mức nào? Sự thất vọng này ảnh hưởng đến việc nam vị thành niên sẵn sàng tham chiến hoặc gia nhập các băng nhóm đường phố ra sao? Mặc dù chúng tôi không đồng ý với những lập luận như của Kanazawa (2007) tuyên bố rằng Hồi giáo chấp thuận đa thê để tăng thất vọng tình dục ở nam giới nhằm tạo ra nguồn đánh bom tự sát, thật khó mà bác bỏ quan niệm cho rằng nỗi thất vọng mạnh mẽ thường được thể hiện dưới dạng nỗi căm giận mù quáng.

Bang Georgia coi tình dục đường miệng là tội rất nặng. Mãi đến năm 1998, hành vi đó vẫn là bất hợp pháp - ngay cả giữa vợ chồng cưới xin đàng hoàng trên giường ngủ của chính họ - và có thể bị phạt tới 20 năm tù.

Nguyên văn: *consensual sex*. Từ này chỉ hành vi quan hệ tình dục tự nguyện giữa hai bên nhưng lại phạm pháp, chẳng hạn trong

trường hợp một trong hai bên chưa đến độ tuổi được quan hệ tình dục theo luật. (BTV)

Sexting là từ ghép gồm Sex (tình dục) và Texting (nhắn tin).

Ví dụ, http://www.npr.org/templates/story/story.php? storyld=1023869 52&ft=l&f=1001.

Fortenberry (2005).

Mọi trích dẫn trong phần này đều được lấy từ Prescott (1975).

Một đảo nhỏ thuộc quần đảo Cook ở Nam Thái Bình Dương. (BTV)

Xem Elwin (1968) và Schlegel (1995).

"Vài suy nghĩ về khoa học giao hợp nửa vời". Bài diễn thuyết dành cho Câu lạc bộ Stomach, một hiệp hội nhà văn và nghệ sĩ Mỹ.

Klismaphilia là hiện tượng cảm thấy hưng phấn, thậm chí cực khoái khi cơ thể tiếp nhận chất lỏng vào trực tràng và đại tràng qua đường hậu môn. Các chất lỏng có thể là bất kì thứ gì, từ nước, dung dịch thụt rửa đến tinh trùng. (BTV)

Xem http://www.cirp.org/Iibrary/statistics/USA/.

Những người này tin rằng bất kỳ gia vị hay mùi vị mạnh nào đều kích thích năng lượng tình dục, vì vậy họ đề xuất ăn nhạt nhằm dập tắt ham muốn. Ban đầu các bậc phụ huynh dùng bánh quy Graham và ngũ cốc không đường cho bữa ăn sáng của những cậu con trai trong tuổi vị thành niên của mình với mục đích giúp chúng tránh được thói xấu thủ dâm.

Điều thú vị là cháu của Freud, Edward Bernays, được coi là một trong những người sáng lập ngành quan hệ công chúng và quảng cáo hiện đại. Một trong những chiến dịch quảng cáo nổi tiếng của

ông là chiến dịch quảng cáo đầu tiên kết hợp thuốc lá với nâng cao quyền tự quyết cho phụ nữ. Những năm 1920, Bernays chủ trì một chương trình quảng cáo huyền thoại đến nay vẫn được giảng dạy trong các lớp đào tạo kinh doanh. Ông sắp xếp cho các người mẫu thời trang tham gia diễu hành trong lễ Phục sinh của New York, mỗi người cầm một điếu thuốc đã châm lửa và đeo một băng rôn "ngọn đuốc tự do". Để biết thêm thông tin, xin hãy xem Ewen (1976/2001).

John Calvin Coolidge, Jr. (1872-1933): Tổng thống Hoa Kỳ thứ 30. (BTV)

Nông dân biết rằng để bò đực giao phối với một con bò cái nhiều lần, họ phải lừa cho nó nghĩ rằng đấy là con bò cái khác. Họ làm điều này bằng cách xoa chăn lên một con bò cái khác để thấm mùi của nó rồi đặt lên lưng con bò cái sẽ được giao phối. Nếu con bò đực không bị lừa, nó sẽ từ chối - bất kể con bò kia hấp dẫn đến mức nào.

Sprague &c Quadagno (1989).

Ví dụ, hãy xem bộ phim tài liệu *Thuê một tín đồ Rasta*, kịch bản và đạo diễn J. Michael Seyfert: www.rentarasta.com hoặc bộ phim truyện, Vẽ phương Nam, của đạo diễn Laurent Cantet, nói về những người phụ nữ đến Haiti vào những năm 1970.

Tất cả các tên và chi tiết nhận dạng đã được thay đổi.

The New Yorker, 6 & 13/07/2009, tr. 68.

Ngoài ra, cái gọi là hiệu ứng *Westermark* đã xuất hiện để ngăn chặn mối quan hệ tình dục giữa những người cận huyết.

Xem ví dụ, Gray và những người khác, (1997 và 2002) và Ellison và những người khác, (2009).

Xem ví dụ: Glass và Wright (1985).

Berkowitz và Yager-Berkowitz (2008).

Bản dịch tiếng Việt là *Đời nhẹ khôn kham*, NXB Văn học, 2002, Trịnh Y Thư dịch (BTV)

Ví dụ, đối với bệnh trầm cảm: Shores, và những người khác. (2004); bệnh tim: Malkin và những người khác. (2003); giảm sút trí tuệ: Henderson và Hogervorst (2004); tỷ lệ tử vong: Shores và những người khác. (2006).

Một loại thuốc chống trầm cảm. (DG)

Điều này dường như là quỹ đạo của lịch sử. Trong khi nhiều người đang lúng túng, bối rối bởi cái "móc câu" văn hóa, các sexting với những hình ảnh hấp dẫn gửi qua lại, sự công nhận đầy đủ tất cả các quyền hợp pháp cho các cặp đồng tính nam, đồng tính nữ..., không có nhiều thứ để họ có thể ngăn được dòng chảy lịch sử - dường như đang chảy về hướng tình dục tùy tiện của người săn bắt-hái lượm. Nếu vậy, các thế hệ trong tương lai có thể phải chịu đựng ít hơn những biểu hiện bệnh lý của sự thất vọng tình dục. Liên quan đến người Siriono, người mà ông đã sống cùng, Holmberg (1969) viết: "Siriono hiếm khi thiếu đối tác tình dục. Bất cứ khi nào ham muốn tình dục lên cao, thì luôn luôn có một đối tác tình dục sẵn sàng giảm bớt nó... Lo lắng tình dục dường như khá thấp trong xã hội Siriono. Những biểu hiện như đam mê tình dục quá mức, trinh tiết hoặc những giấc mơ và tưởng tượng tình dục rất hiếm gặp." (tr. 258).

"Có hy vọng cho hôn nhân Mỹ", Caitlin Flanagan, Time, Thứ 5, 02/07/ 2009. http://www.time.eom/time/nation/artide/0,8599,1908243,oo.html.

Những trích dẫn từ Druckerman được lấy từ một bài đánh giá về cuốn sách của cô trong *The Observer*, ngày 08/07/2007.

"Chỉ có bạn. Và bạn. Và bạn. Đa hôn - mối quan hệ với nhiều đối tác đồng thuận lẫn nhau -- sắp có một bữa tiệc." Jessica Bennett. Newsweek (Web Exclusive) 29/07/2009. http://www.newsweek.com/id/209l64.

"Hậu trường hôn nhân nhóm." Laird Harrison Salon.com. http://mobile.salon.com/mwt/featurc/2008/06/04/open_marriage/ index.html.

Nguyên văn là: *swinger. Trao đổi quyền ân ái tạm thời* hay còn gọi là *trò trao đổi vợ làm tình* (tiếng Anh: Swinging và người tham gia được gọi là swinger) là việc trao đổi vợ chồng tạm thời để quan hệ tình dục, nó có thể xảy ra từ việc thỏa thuận giữa các cặp vợ chồng hoặc từ những người tham gia câu lạc bộ swingers. Đây là một kiểu hành vi tình dục tập thể, theo đó các đối tác vợ chồng cam kết tham gia vào một quan hệ tình dục với người khác theo lựa chọn hoặc một cách ngẫu nhiên như là một quan hệ giải trí, một hoạt động xã hội đơn thuần.

Bergstrand và Blevins Williams (2000).

Bạn có thể nghe các cuộc họp báo tại www.thisamericanlife.org/Radio_Episode.aspx?episode=95.

Lần đầu chúng ta biết về mối quan hệ mặt trời/mặt trăng ấn tượng này trong Weil (1981): một cuốn sách thú vị về tiềm năng thay đổi ý thức mọi thứ từ nhật thực tới những quả xoài chín hoàn hảo.